ẤN QUANG PHÁP SƯ VĂN SAO

ẤN QUANG PHÁP SƯ VĂN SAO

TAM BIÊN

QUYỂN V

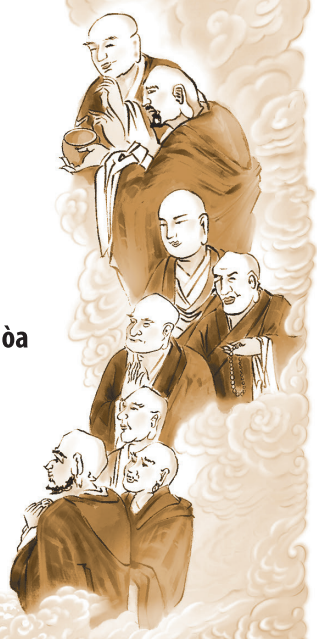

Hán văn: **Đại sư Ấn Quang**

Chuyển ngữ: **Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa**

Giảo chánh: **Minh Tiến** & **Huệ Trang**

Nhà xuất bản Hồng Đức

Tất cả kinh sách của Ấn Tạo Kinh Văn đều cúng dường không bán.
Quý vị muốn thỉnh kinh sách xin liên hệ Fanpage: Ấn Tạo Kinh Văn

Ngoài ra có thể nghe pháp âm tại:
Kênh Youtube: Ấn Tạo Kinh Văn / Kênh Spotify: Ấn Tạo Kinh Văn

---

HOAN NGHÊNH LƯU THÔNG - CÔNG ĐỨC VÔ LƯỢNG

III. BI KÝ

1. Bi ký về việc tậu ruộng cho niệm Phật đường chùa Bảo Khánh ở Ninh Ba *(viết thay cho thầy Ích Châu)*

Trộm nghe: Đức Như Lai thuyết pháp chúng sanh đắc độ, khó dễ, chậm nhanh khác biệt lớn lao! Do vậy, viên âm vừa giảng, kẻ căn cơ chín muồi liền chứng Bồ-đề; một trận mưa thấm khắp, kẻ tiểu căn chỉ được tăng trưởng đôi chút. Do vậy, rộng lập giáo pháp Đốn, Tiệm, Thiên, Viên nhằm phù hợp căn cơ, mở toang môn Luật, Giáo, Thiền, Mật hòng lợi vật. Cầu lấy một pháp "tâm này làm Phật, tâm này là Phật, ngay từ trong cái niệm niệm Phật sẽ thành Phật ngay trong cái niệm ấy, gom tam thừa ngũ tánh cùng về cõi tịnh, hướng dẫn thượng thánh hạ phàm cùng chứng chân thường, chẳng đoạn hoặc nghiệp mà được dự vào địa vị Bổ xứ ngay trong một đời này, lên thẳng Diệu giác" thì

không chi thù thắng, siêu tuyệt bằng pháp môn Tịnh độ. Thật có thể nói pháp môn Tịnh độ là giềng mối lớn lao trong Phật giáo, là đường tắt để xuất trần. Do vậy, tiền hiền vãng thánh ai nấy đều hướng theo, ngàn kinh muôn luận đâu đâu cũng chỉ quy. Trong thời chánh pháp, tượng pháp xưa kia, đời nào cũng có cao nhân tục diệm truyền đăng khiến cho Phật pháp rạng ngời tại Thiên Trúc lẫn Trung Hoa. Đời mạt căn cơ kém hèn, muốn liễu sanh tử mà bỏ pháp môn này thì làm sao yên được?

Lúc Châu mới dự vào hàng tăng sĩ liền được nghe pháp này, muốn kết Lô Sơn xã, hòng noi theo phong thái Vân Ô[1], nhưng trước kia vì chẳng có đất để trải vàng[2], suốt nhiều năm chỉ ôm tâm suông ấy. Nay có người trợ đạo, chắc sẽ có ngày mãn nguyện. Nay có vị đại hộ pháp X… túc căn sâu dày, dốc lòng tin tưởng Phật thừa, muốn chuyển uế độ thành Tịnh độ, bỏ ra tài sản thế gian để làm pháp tài nên bèn quyên tặng món tiền chừng bao nhiêu đó dùng để mua chừng đó mẫu ruộng cấy lúa tẻ. Hoa lợi thu được sẽ dùng làm chi phí niệm Phật, cầu thỉnh bảy vị sư tăng chấp trì lục tự Phật hiệu, suốt đời quy mạng, gieo

---

1 Vân Ô: tức Vân Thê và núi Ô Long. Vân Thê là đạo tràng Tịnh độ của đại sư Liên Trì (Bát tổ của Tịnh tông), Ô Long là đạo tràng Tịnh độ của đại sư Thiếu Khang (Ngũ tổ Tịnh độ tông).

2 "Bố kim vô địa": Bố kim (trải vàng) là điển tích trưởng giả Cấp Cô Độc đem vàng trải lên mặt đất để mua lại khu vườn của thái tử Kỳ-đà (Jeta) nhằm dựng tinh xá cúng dường đức Phật. Do vậy, "bố kim" thường dùng để chỉ hành động cúng dường rộng rãi của tín đồ. Từ ngữ "bố kim vô địa" ở đây chỉ được dùng với ý nghĩa sư Ích Châu không có đạo tràng hoặc không có tài sản để duy trì một đạo tràng nhằm tu tập theo đường lối do sư đề xướng.

lòng thành cho tới hết báo thân. Từ đấy trở đi vĩnh viễn giữ quy củ ấy không buông bỏ, hòng báo ân nước và đáp tạ ân đàn-na tín thí.

Nguyện cho những vị ngoại hộ có cùng một hạnh và những hàng thiện tín thấy nghe tùy hỷ trong hiện tại vị lai, hễ Phật niệm vừa khởi lên sẽ nhanh chóng đoạn ngay phàm tình, núi phước chót vót, biển nghiệp cạn khô, sương mù tội chướng tiêu tan, mặt trời trí tuệ rạng bày, biết được những điều đức Phật biết, do trì danh mà thấu đạt sâu xa thật tướng, trụ nơi đức Phật trụ, vậy thì tuy sống trong cõi Đồng cư mà đã khế hợp thẳng vào cõi Tịch quang. Lại nguyện theo chiều dọc trọn khắp ba đời, theo chiều ngang tột cùng mười phương, hết thảy hữu tình cùng nhiễm mùi hương này, dùng công đức này để cung chúc: "Nền tảng nước nhà củng cố, Phật nhật thêm sáng, tám phương có đạo để vâng lãnh lâu dài, bốn biển vui thích sự giáo hóa vô vi."

2. Bi ký về công đức cung thỉnh Đại tạng kinh của chùa Tịnh Cư ở Tế Nam *(viết thay)*

Đại pháp của đức Như Lai lợi ích sâu rộng, về mặt ngầm kín là giúp đạt đến bình trị tột cùng, về mặt hiển nhiên là giữ yên lòng dân, khiến cho dân ngày càng hướng đến điều lành mà chẳng biết nguyên do, chứ không chỉ khiến cho con người đoạn hoặc chứng chân nhằm tự hoàn tất chuyện xuất thế mà thôi. Ấy là vì xét trên chân như Phật

tánh thì chúng sanh và Phật đồng thể, ai cũng đều có thể là Nghiêu - Thuấn, ai nấy đều có thể thành Phật, nhưng do còn mê chưa ngộ nên lầm lạc sanh nhiễm trước nơi cảnh duyên sáu trần, khởi tham sân si, tạo giết trộm dâm, đến nỗi luân chuyển cả kiếp dài lâu, vĩnh viễn không có lúc thoát ra. Đức Như Lai thương xót giảng cho họ lý "Phật tánh sẵn có nơi tâm" và sự "nhân quả ba đời", dạy họ tu ngũ giới thập thiện, tứ đế, thập nhị nhân duyên, lục độ vạn hạnh và "tâm chính là Phật" cũng như đạo "tâm này làm Phật, tâm này là Phật", ngõ hầu bậc thượng căn hễ vượt thoát liền vào thẳng địa vị Như Lai, bậc trung căn liền tu tập dần dần theo thứ tự để chứng được Bồ-đề, kẻ hạ căn liền gột lòng tẩy ý trở thành hiền thiện. Chúng sanh đông đảo không một ai chẳng được hưởng ân trạch ấy.

Lại vì chúng sanh đời mạt rất ít kẻ thượng căn, nên đức Phật bèn đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh độ để mong dù thánh hay phàm đều cùng được thành tựu đạo nghiệp ngay trong đời này. Pháp môn ấy giản tiện dễ tu, nhưng lợi ích thù thắng siêu tuyệt, độc nhất vô nhị trong giáo pháp của suốt một đời đức Phật. Vì thế, tuy là ngu phu ngu phụ mà nếu nương theo lời dạy tu trì thì cũng có thể được siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử ngay trong đời này. Do vậy từ xưa, những vị vĩ nhân có lòng lo cho thế đạo nhân tâm không một ai chẳng đề xướng tu tập, hộ trì, lưu thông.

Cư sĩ Đối Phù trong kiếp xưa đã vâng lãnh lời Phật dặn dò, nương theo bổn nguyện tái sanh trong cõi này, xót

cho đạo tràng tại Tế Nam bị chìm lấp, chẳng ngại nhọc nhằn, đặc biệt hưng khởi chùa Tịnh Cư, tất cả nhân duyên đã được ghi chép cặn kẽ trong tấm bia trước (xem trong Tăng Quảng Văn Sao). Lại nghĩ: Tuy đã lập được ngôi chùa, an bài tăng chúng tu tập, nhưng nếu không có Đại tạng kinh thì làm sao có thể hiểu trọn vẹn ý cao tột lập ra các pháp của đức Như Lai cũng như biết những điều mình nên tự hành dạy người cho được?

Sự hiểu biết của Diệu Liên giống như kẻ sờ voi, tài chỉ đáng đuổi quạ[3], trước kia được ủy thác trông nom việc chùa đã là người không xứng với chức, nay lại được cử làm trụ trì, chẳng thể nào không thấy là quá phận. Nhưng đã không thể nào từ tạ, chỉ đành gắng sức chống chọi, bèn cùng cụ Đối Phù lên kinh đô thỉnh kinh. Tuy đã được chánh phủ cho phép, nhưng tiền giấy lẫn công thợ đều phải tự lo liệu. Nếu không có ba ngàn đồng sẽ chẳng xong việc được. May được huyện trưởng huyện Tân Hà là ông Phan Hoa Trai phát tâm Bồ-đề quyên tặng vừa đúng số tiền ấy. Công đức ấy làm sao diễn tả được? Thỉnh kinh về chùa cũng như các việc xây dựng đều do thiện tín bỏ tiền tán trợ.

Hơn nữa, trước đấy cụ Đối Phù đã quyên mộ lập quỹ Dưỡng Thiệm (養贍: quỹ bảo trợ) trong chùa được một

3 Khu ô (đuổi quạ) là danh từ thường dùng để chỉ hàng sa-di từ 7 đến 13 tuổi. Do còn bé quá, không làm được gì, chỉ được cắt cử đuổi quạ hay chim chóc đến ăn thóc lúa của chư tăng phơi phóng. Ở đây dùng với hàm ý khiêm tốn: Diệu Liên chẳng có tài năng gì ra hồn!

vạn ba ngàn đồng. Gần đây do mọi việc đều tốn kém hơn, cảm thấy rất thiếu hụt, do vậy lại quyên mộ bảy ngàn đồng để bù đắp. Lo liệu nhiều năm, nay mới được viên mãn. Công đức của cụ Phù và các đàn tín sẽ tự được Phật, trời chứng giám, khiến cho đều được tiêu tai tăng phước, khi sống sẽ vừa nhân từ vừa cao tuổi thọ, khi mất sẽ sanh vào cõi Cực Lạc. Chỉ mong những người sống trong chùa này, buông xuống thân tâm, chuyên tu tịnh nghiệp. Hễ rảnh rang bèn lắng lòng nghiên cứu kinh điển trong Đại tạng, ngõ hầu hiểu rõ giáo lý, biết được tông chỉ tu trì, có căn cứ để tự hành lẫn dạy người.

Làm được như thế thì những hạng tà kiến chẳng tin tưởng sẽ đều sanh lòng chánh tín sâu xa, sẽ kéo nhau tu tập, hộ trì để mong được lưu truyền vĩnh cửu. Pháp không có hưng suy, hưng suy do nơi con người, chỉ mong đại chúng trong hiện tại, vị lai, ai nấy đều gắng sức. Đem công đức này cung chúc "nền tảng nước nhà củng cố, thế đạo thái bình, hưng thịnh, Phật nhật thêm sáng, pháp luân thường chuyển, thuần phong mỹ tục, lễ nghĩa nhân nhượng hưng khởi, can qua vĩnh viễn chấm dứt, dân khỏe mạnh, vật sanh trưởng", do lòng người chuyển biến nên quyến thuộc cõi trời thường giáng lâm.

3. Bài ký về chuyện chùa Thạch Thành ở Tân Xương trùng tu tháp thờ y bát của đại sư Trí Giả

Đại sư Trí Giả chứng pháp thân đã lâu, ngài đã đạt

đến địa vị Thập địa, Đẳng giác hay Diệu giác đều chẳng thể suy lường được. Nương sức túc nguyện, thị hiện giáng sanh trong cõi đời này. Đêm ngài giáng sanh, thần quang sáng rực bầu trời. Lông mày chia thành tám sắc, mắt sáng rực, có con ngươi kép. Do chất chứa đức phi thường nên hiện tướng phi thường. Ngài sanh vào năm Mậu Ngọ, tức năm Đại Đồng thứ tư (538) đời Lương Vũ Đế. Vừa mới thôi địu[4], hễ nằm liền chắp tay, hễ ngồi liền hướng về Tây, gặp tượng ắt lễ, gặp tăng ắt kính. Ấy là vì ngài muốn nêu gương mẫu cho cõi đời nên cẩn trọng từ lúc đầu vậy!

Tuổi nhược quan (20 tuổi) xuất gia, nghiên cứu trọn khắp kinh luận. Ba năm sau, tức năm Canh Thìn nhằm Thiên Gia nguyên niên (560) đời Trần Văn Đế, ngài nghe nói đại sư Huệ Tư đang ở núi Đại Tô thuộc Quang Châu, liền đến đấy lễ yết. Ngài Huệ Tư vừa trông thấy sư liền than rằng: "Xưa kia ở Linh Sơn cùng nghe kinh Pháp Hoa, túc duyên theo đuổi, nay lại đến đây." Liền trao truyền đạo tràng Phổ Hiền, bảo sư tu Pháp Hoa tam-muội. Ngài tụng kinh Pháp Hoa đến câu *"Thị chân tinh tấn, thị danh chân pháp cúng dường Như Lai"* (Đấy là chân tinh tấn, đấy gọi là pháp cúng dường Như Lai thật sự) trong phẩm Dược Vương Bồ-tát Bổn Sự bèn hoát nhiên đại ngộ, lặng lẽ nhập định, đích thân thấy hội Linh Sơn nghiễm nhiên chưa tan,

---

4 Nguyên văn "cưỡng bão" (襁褓), ta thường dịch là cái địu, tức là một tấm vải có gắn dây buộc ở bốn phía, người Trung Hoa thường dùng để buộc con vào sau lưng trong khi người mẹ làm việc. "Thôi địu" nghĩa là trẻ không cần phải địu nữa, thường là khi đã lên hai tuổi, có thể tự đi lại được, không cần phải ẵm.

chứng được tuyền (triền) đà-la-ni[5].

Từ đấy về sau, soi thấu suốt kinh Pháp Hoa như mặt trời rạng rỡ chiếu soi muôn hình tượng, thấu đạt tướng của các pháp, khác nào gió mát lùa trên hư không; bèn dùng *ngũ thời bát giáo* để phán thích[6] những kinh pháp đã được giảng trong cả một đời Như Lai, khiến cho kẻ nghe kinh biết được chỗ chỉ quy, chẳng đến nỗi dõi nhìn biển cả than dài, chẳng biết được bến bờ. Dùng *tam chỉ tam quán* để truyền Phật tâm ấn khiến cho kẻ tu hành đích thân thấy được chân tâm tịch diệt thường trụ bất biến. Pháp tu của ngài tuy hơi khác với Thiền tông nhưng sở chứng quả thật đã rất giống với Thiền tông trong thời hưng thịnh. Vì thế, các sách như Truyền Đăng Lục của nhà Thiền đều xếp ngài Trí Giả vào tiểu loại ứng hóa thánh hiền.

Hai chuyện giáo và hạnh như trên đây đã bao quát trọn hết Phật pháp, nhưng đều thuộc về đạo tự lực tấn tu, nếu là bậc thượng căn lợi trí thì cũng có thể hoàn tất ngay trong đời này, chứ nếu là hạng căn khí kém hơn một chút sẽ lại chẳng biết phải trải qua bao nhiêu đời, bao nhiêu kiếp mới hòng liễu sanh thoát tử được. Do vậy, sư tùy thuận lòng

---

5 Tuyền đà-la-ni là một trong ba môn đà-la-ni được nói đến trong phẩm Phổ Hiền Bồ-tát Khuyến Phát của kinh Pháp Hoa, hàm nghĩa: Xoay chuyển cái tâm phàm phu chấp trước vào tướng có của các pháp để thấu đạt được trí lực nơi lý không. Đây là kết quả của *không quán*.

6 Phán thích: Phán định, giải thích một kinh thuộc thời nào trong ngũ thời, thuộc giáo nào trong ngũ giáo. Nói cách khác, phán thích là vận dụng lập luận nhằm giải thích, biện minh cho sự phân loại, hệ thống hóa kinh điển đã được đức Phật giảng dạy trong suốt một đời.

từ của đức Phật mà hoằng dương Tịnh độ, sớ giải Thập Lục Quán (Quán kinh), đoạn trừ mười món nghi, dùng khái niệm *lục tức*[7] để giải thích chữ Phật, khiến cho hết thảy hành nhân đều biết một niệm tâm tánh của chính mình và Phật không hai, nhưng Phật thì công tu đức đến cùng cực nên tánh đức phô bày trọn vẹn, chứ chính mình chỉ sẵn có tánh đức, chứ chẳng có mảy may tu đức nào. Do tánh thể bất nhị nên "tuy chia thành sáu mà thường tức", do sự tu (tu hành về mặt sự) khác biệt nên "tuy tức mà thường sáu". Biết "sáu mà thường tức" sẽ chẳng sanh lòng lui sụt, trên ngưỡng mộ chư thánh, biết "tức mà thường sáu" sẽ chẳng sanh lòng tăng thượng mạn, dưới trọng tánh linh của chính mình.

---

7 Ngài Trí Giả đã đem Phật chia thành sáu địa vị (tức sáu mức độ chứng đắc) gọi là lục tức Phật, nghĩa là:

1. Lý tức Phật (còn gọi là Tác lý Phật) chỉ hết thảy chúng sanh. Do hết thảy chúng sanh đều sẵn có Phật tánh, chẳng hai, chẳng khác gì với hết thảy chúng sanh nên xét về lý thì chúng sanh đều là Phật. Do vậy gọi là Lý tức Phật.

2. Danh tự tức Phật (còn gọi là Danh tự Phật): Nghe thiện tri thức giảng nói, hoặc do đọc kinh điển liền hiểu rõ "lý tánh chính là tên gọi khác của Phật". Những người này thông đạt hiểu rõ về mặt danh tự "các pháp đều là Phật pháp", tức là nhận thức và "chứng đắc" Phật quả chỉ qua sự hiểu biết danh tự nên gọi là Danh tự tức Phật.

3. Quán hạnh tức Phật: Đã hiểu rõ hết thảy pháp đều là Phật pháp, y giáo tu hành để đạt đến mức hiểu rõ tâm, lý huệ tương ứng, lời nói phù hợp với việc làm và sự tu tập nên gọi là Quán hạnh tức Phật. Nếu hiểu chi tiết hơn thì từ địa vị này lại chia làm năm phẩm, tức Tùy hỷ phẩm, Độc tụng phẩm, Thuyết pháp phẩm, Kiêm hành lục độ phẩm, Chánh hành lục độ phẩm.

4. Tương tự tức Phật: Bậc đã đạt đến mức lục căn thanh tịnh, đoạn trừ kiến hoặc, tư hoặc, chế ngự được vô minh.

5. Phần chứng tức Phật (còn gọi là Phần chân tức Phật): Đoạn vô minh, chứng trung đạo nhưng chỉ được một phần, chưa trọn vẹn.

6. Cứu cánh tức Phật: Chứng đắc Phật quả toàn giác.

Sáu địa vị này xét về lý không tách rời Phật tánh sẵn có trong tự tâm, nên gọi là "tuy sáu mà thường tức", tùy theo mức độ mê ngộ sâu hay cạn, công phu tu hành sâu hay cạn, mà sự chứng đắc khác biệt nên nói "tuy tức mà thường sáu".

Chúng sanh đời mạt sức định tuệ yếu ớt, chẳng cậy vào Phật lực thì làm sao yên được? Hơn nữa, có được lời giải thích hay tuyệt như thế, ai lại chịu bỏ hạt châu sẵn có trong chéo áo để qua xóm nghèo lê la xin ăn ư? Do vậy, tông phong lẫy lừng, cả nước khâm phục, tôn sùng. Trên từ hoàng đế, hoàng hậu, đại thần, cho đến dưới là thiện nam thiện nữ có lòng tin trong sạch, không ai chẳng nghe tiếng bèn nương theo giống như cỏ rạp theo gió lùa. Từ khi pháp được truyền sang Chấn Đán (Trung Hoa), đức nghiệp hưng thịnh không ai hơn được ngài.

Đến năm ngài 38 tuổi mới vào núi Thiên Thai, đấy chính là năm Ất Mùi nhằm niên hiệu Đại Kiến thứ bảy (575) đời Trần Tuyên Đế. Đến nơi, ngài thấy cảnh núi và gặp vị tăng tên Định Quang giống hệt như cảnh đã được đến và người đã được gặp khi thần thức ngao du trong lúc lễ Phật phát nguyện thuở mới được 17 tuổi. Do vậy, biết là trước kia đã từng có nhân duyên lớn với núi này; từ đấy về sau, hoặc hoằng pháp trong núi, hoặc tùy cơ ứng duyên, suốt hơn 20 năm hoằng dương pháp hóa lớn lao. Trong truyện ký của ngài đã chép đầy đủ nên ở đây chẳng cần phải trình bày rườm rà.

Năm Khai Hoàng 17 đời Tùy Văn Đế, tức năm Đinh Tỵ (597), tổng quản Dương Châu là Tấn Vương Dương Quảng sai sứ đón sư sang Dương Châu. Sư cùng đi với sứ giả, đến chùa Thạch Thành ở Tân Xương (huyện Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang) biết duyên trụ thế đã tận, bèn

lược nêu pháp yếu để dạy bảo đại chúng. Nói xong, xướng danh hiệu tam bảo rồi viên tịch như nhập tam-muội. Lúc ấy nhằm giờ Mùi ngày 24 tháng 11, thọ 60 tuổi, tăng hạ (tăng lạp) 40 năm. Ngài có để lại di mạng, dặn đưa linh cữu về Phật Lũng[8]. Các đệ tử do thấy thầy nhập diệt nơi đây (tức chùa Thạch Thành) bèn lập một tòa tháp thờ y bát để làm kỷ niệm, khiến cho tứ chúng đời sau người thấy kẻ nghe đều cùng gieo thiện căn.

Từ xưa đến nay, 1.400 năm, theo thời gian, cuộc đất thay đổi, chẳng còn thích nghi để đặt tháp cho lắm. Vị tăng trong chùa là Như Ngu bàn bạc với hàng tăng tục, dời tháp sang phía Bắc của Đại Phật Nham, nơi đấy quả thật là chỗ mạch chính của cả rặng núi dồn tới, là chỗ mấu chốt của dãy núi, địa thế cao, tầm nhìn được xa, lập tháp nơi ấy ngõ hầu phát khởi được thiện tâm nơi kẻ thấy người nghe. Do vậy tôi bèn trần thuật những nét đại lược.

4. Bài ký về chuyện sanh Tây của cư sĩ La Tử Sanh ở Mân Hầu

Thế gian lẫn xuất thế gian đều lấy lòng thành làm gốc. Lòng thành đến cùng cực, sắt đá cũng cảm động, huống hồ những người cùng hàng đều cùng được phú bẩm cái tâm này, mà chư Phật, Bồ-tát lại là những vị trọn không có

---

8 Phật Lũng là ngọn núi cao nhất ở phía Nam rặng Thiên Thai, chính là nơi ngài Trí Giả trụ tích. Do vậy, đôi khi đại sư còn được gọi là thiền sư Phật Lũng. Trong chùa Chân Giác trên ngọn Phật Lũng hiện vẫn còn tháp thờ nhục thân đại sư Trí Giả.

tâm, lấy tâm của chúng sanh làm tâm của chính mình ư? Trong cõi đời, chưa hề có ai lòng thành tuy chưa đến mức cùng cực mà lại có thể khiến cho người khác nhìn vào sanh lòng cảm kích, được đức Phật rủ lòng gia bị! Cũng chưa có ai lòng thành đã đến mức cùng cực mà người khác nhìn vào chẳng cảm kích, Phật không gia bị. Vì thế, kẻ mong thành thánh, thành hiền, học Phật, học tổ chỉ nên cạn hết tấm lòng thành mà thôi. Đối với chuyện sanh Tây của cư sĩ La Tử Sanh, tôi có được một chứng cứ.

Cư sĩ tên là Vũ Tằng, tự là Tử Sanh, người xứ Mân Hầu, tỉnh Phước Kiến, anh em gồm ba người, ông ta đứng vào hàng thứ hai. Thuở nhỏ theo học Nho, trưởng thành đăng lính, mồ côi cha từ năm 8 tuổi. Thờ bà mẹ thủ tiết, đối đãi anh em nổi tiếng hiếu hữu. Bẩm tánh chân thật, trung hậu, tiết kiệm, chất phác, liêm khiết, trong chẳng dám dối mình, ngoài chẳng dám gạt người. Vì thế sĩ quan, binh lính tín nhiệm, giao cho ông ta trông coi quân nhu. Suốt mười mấy năm, ngoài tiền lương ra, trọn chưa hề tắt mắt gì.

Ông ta còn dốc lòng tin tưởng Phật pháp, khá chán ngán trần cảnh. Tuổi trung niên sau khi vợ mất, tâm niệm đã hệt như cây khô, tro lạnh. Năm Nhâm Tuất (1922) thời Dân Quốc do cư tang mẹ liền bỏ sạch đồ mặn, chuyên tu tịnh nghiệp. Con trai ông ta là Khanh Đoan, Ngạn Tuấn và những người cùng chí hướng tổ chức Phật hóa xã Phước Châu. Cư sĩ cổ vũ, tán thành, giúp đỡ, hết sức đề xướng. Mùa hạ năm Giáp Tý (1924), Phật hóa xã được dời sang

chùa Khai Hóa ở Tây Hồ, con người lẫn địa thế đều thích hợp, nhưng do chùa xây dựng đã lâu, cột kèo, phòng ốc xô lệch, tượng Phật long lở, cư sĩ muốn cho những người niệm Phật đều nhìn vào sẽ dấy lòng cảm mộ bèn một mình đứng ra lo liệu tu bổ cho cảnh chùa được trang nghiêm. Công việc mới hoàn thành được một nửa, ông ta liền tạ thế. Lúc ấy nhằm ngày mồng 9 tháng 6 năm Bính Dần (1926), thọ 60 tuổi. Khanh Đoan kế thừa chí cha hoàn thành công cuộc trùng tu, đáng gọi là "khéo thờ cha" vậy.

Thoạt đầu, mười mấy hôm trước khi cư sĩ mất, cổ chợt sanh ung loét, đấy chính là do túc nghiệp. Loét rữa bên trong, nóng lạnh xen lẫn, nhưng cư sĩ muốn nhờ vào nỗi khổ ấy để mau được vãng sanh, bảo quyến thuộc tụ tập niệm Phật trong phòng để giúp chánh niệm. Cũng có bạn bè đến trợ niệm, mỗi lần đến mấy chục người. Ông ta đã dặn sẵn quyến thuộc: "Khi ta lâm chung chẳng được tắm rửa, thay quần áo sẵn, khóc lóc v.v.. Trong đám tang, bất luận tế thần, đãi khách đều chẳng dùng đồ mặn. Đồ tẩm liệm chỉ dùng vải trơn, chẳng được dùng lụa là." Con và dâu đều vâng lời, phương trượng Tuyết Phong Đạt Bổn đặc biệt đến khai thị. Vì thế, trong mười mấy ngày tuy bị đau khổ, nhưng tâm cư sĩ thường trấn định, trọn chẳng có một niệm nào khác. Đến lúc lâm chung, chánh niệm phân minh, an tường qua đời, hàng quyến thuộc ai nấy đều nén đau buồn niệm Phật suốt năm tiếng đồng hồ rồi mới tắm rửa, thay áo, khóc lóc v.v., đáng gọi là "biết pháp". Đến lúc nhập liệm, đảnh môn (đỉnh đầu) vẫn còn ấm, tứ chi mềm

mại, đủ chứng tỏ cụ đã sanh Tây.

Điều lạ nhất là con trai lẫn con dâu đều phát nguyện suốt đời ăn chay trường niệm Phật. Những xã hữu trong Phật hóa xã niệm Phật, niệm chú Vãng Sanh cho ông ta có tới ba mươi mấy gia đình. Số câu niệm Phật đến hơn một ngàn năm trăm vạn câu, chú Vãng Sanh được niệm tới hơn mười một vạn chín ngàn biến. Đều dùng những công đức ấy để cầu cho phẩm sen của ông ta được cao hơn, mau chứng Vô sanh. Nếu ông ta chẳng phải là người bình sinh chí thành cảm người, làm sao được như vậy?

Ôi, như cư sĩ đáng gọi là bậc thiện sĩ trong một làng, là đứa con thật sự của đức Như Lai. Nếu ngờ vực cư sĩ là người sốt sắng giữ vẹn luân thường, tận lực tu các điều thiện, lại còn niệm Phật nhiều năm, sao lúc lâm chung lại nẩy sanh khối loét ác hiểm ấy thì kẻ nghi như vậy chẳng biết chúng ta từ vô thủy đến nay đã kết oán nghiệp không thể kể nổi số lượng. Nếu chẳng niệm Phật, ắt sẽ phải báo đền dài lâu suốt kiếp, chẳng có lúc nào xong! Do sức niệm Phật, cư sĩ mới chuyển được báo nặng trong đời sau thành báo nhẹ trong đời này để giải thoát các nỗi khổ sanh tử, về thẳng Tây Phương, cao dự hải hội, thân cận Di-đà, cùng với các thiện nhân hội họp ở một chỗ. Xưa kia, pháp sư Giới Hiền[9] còn mắc phải bệnh ngặt, pháp sư Huyền Trang

9 Giới Hiền (Śīlabhadra) sống khoảng thế kỷ thứ 6, hay thứ 7, là một vị luận sư nổi tiếng của Đại Thừa Phật Giáo Du-già Hạnh (Duy Thức), trụ trì chùa Na-lan-đà ở tại nước Ma-kiệt-đà, Ấn Độ. Sư thuộc dòng dõi hoàng gia Samatata ở Đông Ấn, hiếu học từ thuở nhỏ, tham học với khắp các bậc minh triết. Khi đến Na-lan-đà, sư gặp được Hộ

lâm chung cũng bị đau khổ, mỗi vị đều được Bồ-tát chỉ dạy an ủi, cho biết đấy là quả báo do trong đời trước đã não hại chúng sanh, huống hồ hạng phàm phu sát đất ư? Vì thế tôi viết đại lược nguyên do. Tán rằng:

"Cao cả thay cư sĩ, đáng gọi bậc thông sáng, dẫu sống trong trần thế, chẳng bị nhiễm bụi trần, bẩm tánh sẵn hiếu hữu, cần kiệm, nhân, khoan dung, gia đình hưởng vui sướng, hài hòa thật tràn trề, thân nêu gương nghiêm cẩn, hòa vui tiếp độ người, dốc lòng nơi Tịnh độ, mong chứng được lẽ chân, đã khơi mở Phật hóa, lại trùng tu nhà chùa, vàng ngọc thật trang nghiêm, nhằm tỏ lòng cảm mộ. Tuổi nhằm thời nhĩ thuận[10], liền thị hiện về Tây, quyến thuộc,

---

Pháp Bồ-tát, nghe ngài giảng pháp, tin tưởng, giác ngộ, bèn theo xuất gia. Năm 30 tuổi, sư từng viết luận khiến các sư trưởng ngoại đạo khắp cả một giải Nam Ấn Độ phải chịu thua. Sư trụ trì chùa Na-lan-đà rất lâu, chuyên hoằng truyền giáo nghĩa Duy Thức. Sư y cứ các bộ Giải Thâm Mật Kinh, Du-già Sư Địa Luận v.v., chia Phật giáo thành ba thời là *hữu, không, trung*, lập ra thuyết ngũ chủng tánh. Khi ngài Huyền Trang đến cầu học, sư đã hơn trăm tuổi. Do đức độ và kiến thức của sư, đại chúng không kêu trực tiếp pháp danh nữa mà gọi sư bằng mỹ hiệu Chánh Pháp Tạng. Về nỗi khổ của đại sư Giới Hiền, trong thư trả lời cư sĩ Chu Tụng Nghiêu (Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển 1), tổ đã cho biết: "Xưa kia, luận sư Giới Hiền ở Tây Vực, đức cao khắp đời, đạo lẫy lừng Tứ Trúc (bốn xứ Thiên Trúc). Do túc nghiệp nên thân mắc ác bệnh, khổ sở cùng cực, chẳng thể chịu đựng nổi, muốn tự tử, chợt thấy ba vị Bồ-tát Văn-thù, Phổ Hiền, Quán Thế Âm giáng xuống, bảo: "Ông trong kiếp xa xưa kia, nhiều lần làm quốc vương não hại chúng sanh, đáng lẽ đọa ác đạo từ lâu. Do ông hoằng dương Phật pháp nên phải chịu nỗi đau khổ nhỏ này trong cõi người để tiêu diệt nỗi khổ địa ngục cả kiếp dài lâu. Ông nên gắng chịu đựng, xứ Đại Đường có một vị tăng tên là Huyền Trang, ba năm nữa sẽ đến đây học pháp." Luận sư Giới Hiền nghe xong, ráng chịu đau sám hối, lâu ngày lành bệnh. Đến ba năm sau, ngài Huyền Trang đến đó, ngài Giới Hiền bảo đệ tử thuật lại tình trạng đau khổ của căn bệnh. Người kể lại nỗi khổ nghẹn ngào, ứa lệ, đủ thấy sự khổ ấy rất lớn."

10 "Nhĩ thuận" là 60 tuổi. Nhĩ thuận vốn là một thành ngữ phát xuất từ một câu nói của Khổng tử trong sách Luận Ngữ: *"Ngô thập hữu ngũ nhi chí ư học, tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoặc, ngũ thập nhi tri thiên mạng, lục thập nhi nhĩ thuận, thất thập nhi tùng sở dục, bất du củ"* (Ta dốc chí học tập từ năm 15, đến năm 30 tuổi ý chí đã định, 40 tuổi

bạn trợ niệm, công đức vòi vọi thay! Do vậy lúc lâm chung, nhất tâm chuyên ức niệm, theo chân Phật vãng sanh, đảnh ấm kiểm nghiệm được, con trai lẫn con dâu, đều phát nguyện chí thành, ăn chay cùng niệm Phật, suốt đời chẳng đổi thay, để đem công đức ấy, mong tăng cao phẩm sen, chóng chứng Vô sanh nhẫn, trở về độ Sa-bà. Xã hữu nhờ cậy tôi, ghi chép câu chuyện này, muốn cho kẻ thấy nghe, đồng gội nhuần pháp lợi, liền tóm lược công hạnh, nhằm nêu nghĩa ẩn tàng, hòng thỏa hoằng thệ nguyện, độ sanh của Như Lai."

5. Bài ký về sự vãng sanh của thái phu nhân Uông - mẹ ông Giang Dịch Viên

Pháp môn Tịnh độ lợi ích rộng sâu, từ khi đại pháp truyền sang phương Đông, hàng phàm phu sát đất tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương nhờ đó mà thoát khỏi ngũ trược, chứng lên cửu phẩm kể sao cho xiết? Ấy là vì Phật lực, pháp lực, chúng sanh tâm lực chẳng thể nghĩ bàn, cho nên được cái quả thù thắng lạ lùng, đặc biệt như thế, quả thật là trong những giáo pháp được giảng trong một đời đức Phật, chẳng có một pháp nào được như thế, chỉ có pháp môn Tịnh độ là như vậy mà thôi. Pháp môn này chỉ trọng thực hành, do cảm Phật nên có thể cậy vào Phật từ lực để mang nghiệp vãng sanh; so với những pháp

---

không còn lầm lẫn, 50 tuổi hiểu mạng trời, 60 tuổi tai nghe đã thuần, 70 tuổi hành xử thuận theo lòng muốn, không trái vượt quy củ).

chuyên cậy vào tự lực để đoạn hoặc chứng chân hòng siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử thì sự khó dễ dẫu có nói trọn năm cũng chẳng thể hết được.

Cư sĩ Giang Dịch Viên ở Vụ Nguyên thoạt đầu làm giáo chức, thường giảng dạy học sinh phải chú trọng dốc hết sức hành hiếu hữu, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình. Đối với việc giảng nói nghĩa lý, ắt mong sao nêu tỏ đến tột cùng, chẳng còn chút nào ẩn kín mới thôi. Do vì quá sức nhọc nhằn bèn bị bệnh nặng, bao nhiêu thầy thuốc chữa trị đều chẳng có công hiệu gì. Về sau có người bạn khuyên hãy lắng lòng niệm Phật bèn được lành bệnh. Do vậy, nhiều lượt thân cận tri thức, chuyên nghiên cứu Tịnh tông, mới biết pháp này quả thật là pháp môn thù thắng thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Vì thế đối với người thân kẻ sơ đều đem pháp này để kính khuyên.

Mẹ ông ta là thái phu nhân Uông bẩm tánh hiền thục, vừa nghe nói như vậy liền phát tâm ăn chay niệm Phật, công khóa hằng ngày ắt niệm Phật hơn một vạn câu, kiêm trì tụng phẩm Quán Âm Phổ Môn, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, các chú Vãng Sanh, Đại Bi v.v. để làm trợ hạnh. Mùa xuân năm nay, do lánh nạn thổ phỉ, gặp phải đường hẹp, chiếc kiệu cụ đang ngồi va nhằm đàn bò, phu khiêng kiệu lẫn kiệu đều bị hất lăn xuống ruộng. Kiệu đã bị vỡ nát, nhưng mẹ ông Giang vẫn chẳng kinh, chẳng hãi, trọn

chẳng bị thương tổn gì, do khi cụ ngồi trong kiệu đã thầm niệm phẩm Phổ Môn. Do vậy biết rằng, vì mẹ ông Giang công phu miên mật nên mới được cảm ứng như vậy. Tuổi đã 78, tai thính, mắt sáng, trọn chẳng có vẻ già nua.

Đến cuối tháng 5, cụ thị hiện bị bệnh nhẹ. Hôm 30 nghe cháu nội là Hữu Bằng giảng 48 đại nguyện cho người khác, còn sai người hầu lắng nghe. Nhân đấy hỏi ngày mai có phải là mồng 1 hay không? Ấy là cụ đã tính sẵn kỳ hạn về Tây vậy! Đến nửa đêm đi ngủ, cụ bị nghẹn đàm không có sức để khạc ra, do vậy cả nhà đều niệm Phật để cầu cho cụ mau được vãng sanh. Dịch Viên lại khai thị Phật nguyện rộng sâu, hãy nên sâu xa hướng về Tịnh độ. Nếu có thể toàn thân buông xuống, nhất tâm niệm Phật, nhất định sẽ cảm ứng đạo giao, được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Khoảng một giờ sau đến giờ Thìn, cụ bèn ngồi an nhiên qua đời. Lúc cụ mất vẫn thấy quai hàm động đậy, ấy là trong tâm thầm niệm nhưng không nghe được tiếng cụ niệm. Từ giờ Thìn đến giờ Thân, suốt cả năm tiếng đồng hồ, niệm Phật không ngớt. Qua khỏi giờ Thân mới tắm gội, thay quần áo, khóc lóc v.v.. Bởi lẽ người sắp mất, sức không thể chống đỡ được, nếu tắm rửa thay quần áo sẵn và khóc lóc v.v. chắc chắn sẽ bị phá hoại chánh niệm, chẳng thể vãng sanh được. Nay đã chẳng dời động, lại chẳng khóc lóc, mọi người đồng thanh niệm Phật, khiến cho trong tâm cụ chỉ có Phật niệm, trọn chẳng có niệm nào khác. Vì thế cụ được chánh niệm rỡ ràng, theo Phật vãng sanh, thật đáng để bắt chước. Nguyện những kẻ con hiếu cháu hiền

đều y theo đây thì lòng hiếu từ sẽ lớn lao thay!

Hơn nữa, mẹ ông Giang còn dặn dò sẵn con trai và con dâu: Sau khi cụ mất, đừng đặt hình tượng Phật lên đầu cụ, đừng bỏ tiền vào miệng, đừng đội mũ hoa, mặc áo thêu, quần áo liệm chỉ may bằng vải, cổ đeo tràng hạt mà thôi. Tất cả những thứ quần áo giấy, minh khí[11] đều chớ nên dùng. Trong đám tang nhất loạt dùng cỗ chay, chớ nên bắt chước thế tục dùng cỗ mặn để tế thần v.v.. Ôi, ngôn hạnh của mẹ ông Giang đều đáng làm khuôn mẫu cho đời mạt, là bậc mẫu nghi trong chốn khuê các, là bậc thầy khuôn mẫu cho nữ giới. Người tuy đã mất, đức vẫn thường còn. Nguyện những bậc anh hiền chốn khuê các trong cõi đời nghe phong thái ấy đều nức lòng, bắt chước theo ngôn hạnh của mẹ ông Giang, giúp chồng dạy con đều thành hiền thiện, khiến cho hạnh của hai bà Phi và ba bà Thái lại được thấy trong hiện thời. Lại do hiểu thấu sâu xa trong tâm vốn sẵn có Phật tánh nên dốc lòng tu tập tịnh nghiệp "tu chân ngay trong cõi tục", ngõ hầu bao người đều giữ vẹn lễ nghĩa, nhân nhượng, cõi đời trở lại thuở Đường Ngu. Đấy vốn là dùng đạo "đạt đến bình trị tột bậc mà trọn chẳng có hình tích" để làm phương cách vãn hồi thế đạo nhân tâm vậy. Nguyện ai nấy đều gắng sức thì may mắn lắm thay!

---

11 Còn gọi là "tùy táng vật" hoặc "bồi táng vật", tức những thứ thường dùng để chôn theo người chết để người ấy sử dụng trong cõi âm. Thời cổ, những gia đình quý tộc thường chôn theo người chết rất nhiều vật dụng bằng ngọc, bằng đá và những kim loại quý.

6. Bài ký về chuyện sanh Tây của thiện nữ nhân Vương Thánh Duyên nhà họ Hà

Đức Phật dạy: "Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều có thể làm Phật." Phật tánh tuy đồng, nhưng tâm tướng của chúng sanh lại vàn muôn sai khác: hoặc có kẻ tin nhận, hoặc có kẻ trái nghịch. Vì sao vậy? Hãy nên biết rằng, chúng sanh tuy đều đang mê nhưng do nhân trong quá khứ và duyên trong hiện tại không giống nhau đến nỗi phát sanh hai thứ hiện tượng nghịch hay thuận. Phật tánh như hạt giống, nhân trong quá khứ như gieo trồng, duyên trong hiện tại như mưa đúng thời. Hạt giống đã gieo xuống đất hễ gặp được mưa đúng thời sẽ chẳng nẩy mầm được ư? Nhưng hết thảy chúng sanh ai mà chẳng có Phật tánh? Luân hồi trong kiếp số dài lâu, quyết chẳng thể trọn không có túc nhân. Điều quan yếu nhất là được thiện tri thức chỉ dạy hướng dẫn, và chính mình có phát tâm quyết liệt hay không. Vì thế kinh Pháp Hoa dạy: *"Thiện tri thức giả, thị đại nhân duyên, sở dĩ hóa đạo linh đắc kiến Phật"* (Thiện tri thức là nhân duyên lớn, vì có thể chỉ dạy khiến cho được thấy Phật). Kinh Lăng-nghiêm chép: *"Nhược chúng sanh tâm, ức Phật, niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật, khứ Phật bất viễn, như nhiễm hương nhân, thân hữu hương khí. Thử tắc danh vi hương quang trang nghiêm"* (Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật, hiện tại, tương lai, chắc chắn thấy Phật, cách Phật chẳng xa, như người nhiễm hương, thân có mùi thơm. Đấy gọi là hương quang trang nghiêm).

Như bà Vương nhà họ Hà[12] ở Thượng Hải vốn là một phụ nữ vô tri vô thức, từ năm 29 tuổi được nghe pháp môn Tịnh độ bèn quy y tam bảo, ăn chay, niệm Phật, nhàm chán sâu xa sự trược ác cõi Sa-bà, quyết chí cầu sanh Tây Phương. Ba mươi năm qua tinh tấn không lười biếng, đến năm Dân Quốc 17 (1928), bà được 59 tuổi. Đến ngày 19 tháng 6 biết trước lúc mất, dặn dò gia quyến: "12 giờ đêm hôm nay ta sẽ về Tây, tới lúc ấy các ngươi hãy đồng thanh niệm Phật để giúp sức. Đừng nên bi ai khóc lóc đến nỗi phá hoại chánh niệm của ta." Do vậy, bà liền tự tắm gội, mặc áo thọ[13] mới may, trước hết niệm chú Đại Bi bao nhiêu đó biến, tiếp đấy chuyên niệm thánh hiệu A-di-đà Phật. Đến 11 giờ, cả nhà lớn bé đồng thanh trợ niệm "Nam-mô A-di-đà Phật". Tới 12 giờ, bà bèn ngồi ngay ngắn niệm Phật qua đời. Ôi, bản lãnh như thế, dẫu kẻ có học vấn, công nghiệp trùm lấp cõi đời xưa nay cũng chẳng thấy mấy, huống là hạng kém cỏi hơn ư?

Bà Vương nhà họ Hà là một phụ nữ chẳng hiểu biết gì, chỉ do 30 năm tinh tấn tu trì nên đến lúc lâm chung hiện được tướng trạng như thế, đủ thấy hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều kham làm Phật và pháp môn Tịnh độ quả thật là pháp môn bậc nhất để chuyển phàm thành thánh. Nguyện kẻ thấy nghe đều cùng dốc sức tu trì,

---

12 Bà này họ Vương, pháp danh là Thánh Duyên, chồng họ Hà nên được gọi là Hà Thị Vương Thánh Duyên.

13 Thọ y: chỉ chung những thứ quần áo, giày vớ may sẵn để mặc cho người chết khi tẩm liệm.

ngõ hầu chẳng phụ sự giáo hóa của đức Phật, chẳng phụ bạc tánh linh của chính mình.

7. Bài ký về sự sanh Tây của ưu-bà-di Lạc Huệ Tĩnh

Từ khi đại pháp truyền sang phương Đông, Lô Sơn kết liên xã, hết thảy thiện tri thức phần nhiều chủ trương pháp môn Tịnh độ, bởi pháp này cậy vào Phật từ lực, so với những pháp chuyên cậy vào tự lực thì sự khó dễ khác biệt vời vợi hệt như một trời một vực. Nhưng hết thảy tứ chúng do niệm Phật mà đích thân chứng được tam-muội, đoạn hoặc chứng chân, lên thẳng thượng phẩm cũng không ít. Những người khác thì do lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật, cảm được Phật tiếp dẫn vãng sanh thì chẳng thể dùng toán số thí dụ để biết được số.

Ông Lạc Bân Chương ở huyện Định Hải tuy theo nghề buôn nhưng khá tin Phật. Mùa xuân năm nay tới đất Hỗ, gặp đúng lúc Quang đang ở đậu chùa Thái Bình, bèn dẫn vợ cùng tới xin thọ tam quy ngũ giới. Bân Chương pháp danh là Huệ Bân, vợ ông ta pháp danh là Huệ Tĩnh. Do vậy, tôi bèn cho họ các sách như Văn Sao, Gia Ngôn Lục v.v. bảo họ hãy y theo đó để tu trì. Huệ Tĩnh từ đấy chuyên dốc lòng niệm Phật, đến giữa tháng 5 bị bệnh, cho đến đầu tháng 7 vẫn còn gắng gượng lễ Phật, niệm Phật. Sau đấy nằm bẹp trên giường không dậy được, nhưng trong tâm thường tự thầm niệm Phật hiệu. Đến đêm mồng 7 tháng 8, ho hắng suốt một tiếng đồng hồ rồi ngủ thiếp đi, mộng

thấy rất nhiều tăng nhân và các đồng tử cùng với các thứ như tràng, phan v.v.. Đến khi tỉnh giấc bệnh khổ hoàn toàn hết hẳn. Tới đêm mồng 9 lại mộng thấy Quán Thế Âm Bồ-tát và các tăng chúng cùng các đồng tử.

Đêm mồng 10, người trông bệnh và các quyến thuộc thấy bà ta miệng niệm Phật hiệu, chắp tay như đang làm lễ mười mấy lượt rồi ngủ thiếp đi, tỉnh giấc nói: "Phật đã đến rồi, ta sắp vãng sanh." Hỏi: "Giờ nào sẽ đi?" thì bà ta bảo không biết. Ngày hôm sau đem tất cả quần áo, đồ trang sức trên đầu đem bán sạch để làm việc thiện, khuyên người nhà làm lành tu đức, hiểu nhân biết quả. Đến giờ Ngọ, mắt chợt tỏa quang minh. Quang minh dường như màu vàng, nhưng chẳng phải vàng, dường như đỏ nhưng chẳng phải đỏ, liền nói: "Đức Phật đến rồi!" Mặt hiện nét mỉm cười, tuy thân mình đã tắm rửa từ hôm trước, vẫn sai đứa tớ gái rửa chân, tự mình rửa mặt. Ánh mắt liền sáng rỡ, bảo Huệ Bân rằng: "Phật cùng Đại Thế Chí Bồ-tát và các đồng tử tiếp tôi về Tây Phương." Huệ Bân muốn hỏi thêm, bà nói: "Đừng nhiễu loạn tôi", chỉ niệm thầm Phật hiệu theo tiếng những người trợ niệm, chưa đầy mấy phút đã qua đời.

Ôi, Huệ Tĩnh là một nữ nhân yếu đuối, nghe pháp môn Tịnh độ chưa được một năm, mà lúc lâm chung liền được tướng lành như thế, đủ thấy chúng sanh đều sẵn có Phật tánh, Phật nguyện chẳng dối. Ngài Vĩnh Minh nói "vạn người tu, vạn người về" quả là có căn cứ đích xác! Huệ Bân đem hành trạng của bà ta đến thuật với Quang, lại còn

đem những tiền bạc do vợ lưu lại để giúp in bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ. Do vậy, tôi bèn tóm tắt chuyện này và nêu bày đại ý của pháp môn để soạn thành bài ký.

(Cuối thu năm Kỷ Tỵ,
tức năm Dân Quốc 18 - 1929)

8. Bài ký về chuyện cư sĩ Dương Bội Văn được xá-lợi

Dương Bội Văn là người ở huyện thành Hoài An, tỉnh Giang Tô, đã 44 tuổi, chuyên đọc sách, dạy trẻ, gần đây cũng đã thôi dạy học. Hạ tuần tháng 6 năm nay, do đứa cháu nội chưa tròn một tuổi đã chết, khá đau tiếc. Một vị cư sĩ khuyên ông tham dự niệm Phật tại liên xã Phổ Tế, cũng như đọc các sách Văn Sao, Gia Ngôn Lục v.v.. Ông ta liền nhanh chóng sanh lòng tin, tâm niệm Phật khá tinh thuần thiết tha. Đến buổi tụng kinh khóa tối vào hạ tuần tháng 9, thấy trong ngọn đèn dầu thắp trước bàn Phật, bấc đèn kết thành một đóa sen, giữa nhụy hoa có một hạt châu đen. Sau đấy hoa rụng, hạt châu rơi xuống bàn, to bằng hạt kê, màu như ngọc phỉ thúy. Ông ta ngạc nhiên lắm, chẳng biết là vật gì, bèn cầm đến liên xã hỏi, cũng không ai biết.

Trung tuần tháng 10, ông ta gởi thư và viên xá-lợi ấy cho Quang cầu chứng minh. Quang liền đựng trong cái hộp nhỏ có từ tính, đưa cho vị sư hộ quan và ba bốn người đệ tử tục gia xem. Khi ấy, viên xá-lợi ấy to gấp hai ba lần lúc mới mở thư, tôi cũng không để ý lắm, liền để thờ trước bàn Phật. Sáng hôm sau, tụng kinh khóa sáng xong, xem

lại đã không còn nữa, liền gởi thư sang báo cho liên xã ấy biết, bảo: "Đấy là xá-lợi do lòng tinh thành cảm nên, chiều hôm qua xem xong thờ trước tượng Phật, sáng nay xem thì đã không còn nữa, chắc là đã trở về chỗ cũ, xin họ hãy tìm kỹ." Về sau được họ viết thư cho biết đã tìm khắp cho tòa nhà của liên xã nhưng vẫn không thấy gì, nhưng Dương Bội Văn càng sanh lòng chánh tín, biết Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn, xin quy y. Do đấy bèn đặt pháp danh cho ông ta là Huệ Tiềm với ngụ ý: Do cắm cúi niệm Phật liền được ngầm thông Phật trí, thầm hợp đạo mầu.

Ngoại đạo tưởng tinh - khí - thần luyện lâu ngày sẽ thành xá-lợi. Đời Tống, có người khắc ván cuốn Long Thư Tịnh Độ Văn và thêu kinh tìm được xá-lợi ngay dưới mũi dao và chỗ kim đâm xuống, cũng như xá-lợi hiện nơi hoa đèn này là do tinh - khí - thần của ai luyện thành? Ấy là do Phật, Bồ-tát thấy nên dùng thân xá-lợi để độ được bèn hiện thân xá-lợi để thuyết pháp vậy!

(Ngày Đông Chí năm Dân Quốc 22 - 1933)

9. Ghi chép sự thật về tháp thờ xá-lợi đức Phật tại chùa A-dục Vương

Tại Mậu Sơn cách ấp Đông Hương thuộc huyện Ngân, thành phố Ninh Ba, tỉnh Chiết Giang 40 dặm có chùa Quảng Lợi, vốn có tên là chùa A-dục Vương, vì thế người ta vẫn gọi chùa bằng tên ấy. Xưa kia, sau khi đức Phật diệt độ, vua A-dục ở xứ Trung Thiên Trúc làm vua

khắp cõi Diêm-phù, oai đức rộng lớn, tất cả quỷ thần đều là bầy tôi. Ý vua muốn tạo lợi ích rộng khắp cho người đời bèn lấy ra tám vạn bốn ngàn viên xá-lợi đức Phật do ông nội mình là vua A-xà-thế đã cất giữ, rồi sai khiến quỷ thần nghiền nát bảy báu trộn với các loại hương làm thành chất bùn dẻo, trong một đêm tạo thành tám vạn bốn ngàn cái tháp báu đựng xá-lợi, đem chia ra khắp Nam Thiệm Bộ Châu[14]. Tôn giả Da-xá-lợi duỗi tay phóng ra tám vạn bốn ngàn luồng ánh sáng, cứ mỗi một quỷ bèn bưng một tháp đi theo luồng ánh sáng, đến chỗ nào ánh sáng thôi chiếu tới bèn vùi tháp trong lòng đất. Trong nước Đông Chấn Đán (Trung Hoa) có 19 chỗ.

Khi đại giáo được truyền sang phương Đông, các tháp xá-lợi ấy lần lượt xuất hiện, như chùa Dục Vương ở Ngũ Đài v.v.. Tháp thờ xá-lợi ở chùa A-dục Vương tại Ninh Ba là do vào năm Thái Khang thứ ba (282) đời Tấn Vũ Đế có một vị tăng là Huệ Đạt[15], vị này chính là Lợi Tân Bồ-tát

---

14 Nam Thiệm Bộ Châu, là cách phiên âm khác của Nam Diêm-phù-đề (Daksina-Jambu-dvīpa), đôi khi còn phiên âm là Diêm-phù-lợi, Thiệm-bộ-đề, Diêm-phù-đề-bệ-ba. Jambu vốn là một loại cây, dưới gốc sanh ra một loại vàng rất quý gọi là *Diêm-phù-đàn kim*. Theo phẩm Diêm-phù-đề, quyển 18 kinh Trường A-hàm, châu Nam Diêm-phù-đề phía Nam hẹp, phía Bắc rộng, kích thước chừng bảy ngàn do-tuần. Hình dáng mặt người sống trong châu ấy giống như hình thể của đại châu (tức trên rộng, dưới hẹp). Phía Bắc có ao A-nậu-đạt là nơi phát nguyên sông Hằng, có năm trăm con sông chảy vào biển Đông v.v..

15 Theo A-dục Vương Tự Sơn Chí, ngài Huệ Đạt tục danh là Lưu Tát Ha, vốn là người xứ Ly Thạch, Tinh Châu, nằm mộng thấy một vị tăng người Ấn Độ báo cho biết ông ta mắc tội sẽ đọa địa ngục, hãy nên sang Cối Kê đảnh lễ tháp A-dục Vương để sám hối các tội. Họ Lưu tỉnh giấc liền xuất gia, pháp danh là Huệ Đạt, sang Cối Kê tìm tháp. Sư tìm mãi không được, đau lòng, phiền muộn. Một đêm nọ, chợt nghe dưới đất vẳng lên tiếng chuông, ba giờ sau, tháp báu từ dưới đất vọt lên. Tháp ấy chẳng phải bằng vàng, ngọc, đồng, sắt, cũng không phải là bạch ngọc, sắc đỏ đậm ánh tía, điêu khắc cực kỳ tinh

thị hiện, lễ bái thỉnh cầu, tháp xá-lợi bèn từ đất vọt lên. Sư bèn dựng chùa A-dục Vương, thờ tháp xá-lợi ấy trong lòng tháp đá nơi đại điện, cửa tháp thường khóa chặt. Có ai muốn chiêm ngưỡng xá-lợi phải thông báo trước cho vị chủ tháp biết.

Lễ Phật trong đại điện xong, quỳ ở bậc thềm ngoài điện, nơi ấy thường có người quỳ. Phàm ai muốn chiêm ngưỡng, đều quỳ tiếp theo đó. Tháp chủ thỉnh tháp ra, trước hết cho người quỳ phía trong xem, rồi cho khắp những người quỳ tiếp theo được xem. Dẫu trong một ngày có người theo chiêm ngưỡng mấy lượt cũng chẳng lấy đó làm phiền. Tháp ấy cao một thước bốn tấc, chu vi cũng chỉ hơn một thước. Tầng giữa tháp trống rỗng, bên trong ấy treo một quả chuông đặc ruột, ngay chính giữa đáy chuông có gắn một cây kim. Xá-lợi được gắn trên mũi kim. Bốn mặt trổ cửa sổ, có chấn song chạm trổ ngăn che, chẳng thò tay vào được, người chiêm bái liền ghé mắt dòm qua khe chấn song chạm trổ.

Viên xá-lợi ấy hình dáng, màu sắc, lớn nhỏ, nhiều ít, cố định hay di động đều không nhất định. Những người bình thường nhìn vào phần nhiều thấy là một hạt, cũng có người thấy là hai, ba, bốn hạt, có người thấy xá-lợi dính

---

xảo. Chính giữa tháp có treo một cái chuông đựng xá-lợi. Do vậy, Huệ Đạt liền dựng tinh xá thờ tháp ấy ngay tại đó, siêng năng tu hành lễ sám. Ngôi chùa ấy về sau trở thành chùa A-dục Vương. Cái tên Quảng Lợi là do Tống Chân Tông sắc tứ, nhưng dân chúng vẫn gọi là chùa A Dục Vương Tự như cũ. Đến thời Minh, Minh Thái Tổ lại đổi tên chùa Quảng Lợi thành Dục Vương Thiền Tự.

vào đáy chuông không chuyển động, có người thấy xá-lợi tụt xuống khỏi mũi kim chừng khoảng một tấc. Có người thấy xá-lợi chợt dâng lên chợt hạ xuống, chợt nhỏ, chợt lớn. Có người thấy là màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng, và mỗi sắc lại đậm nhạt khác nhau, hoặc có cả hai màu, hoặc có nhiều màu sắc khác nhau. Có người thấy màu sắc tăm tối, có người thấy màu sắc sáng ngời. Chẳng riêng gì mỗi người thấy mỗi khác, mà ngay cả đối với một người cũng phần nhiều chuyển biến bất nhất. Lại có người thấy có hình như hoa sen và tượng Phật, Bồ-tát. Cũng có kẻ nghiệp lực sâu nặng, hoàn toàn trọn chẳng thấy được gì.

Khi thấy xá-lợi nhỏ thì nó to bằng hạt đậu xanh nho nhỏ, cũng có người thấy xá-lợi to bằng hạt đậu nành hoặc bằng quả táo tàu. Trong niên hiệu Vạn Lịch đời Minh, Lại bộ thượng thư là Lục Quang Tổ dốc lòng tin tưởng Phật pháp, cực lực hộ trì, cùng mấy vị thân hữu đến xem, thoạt đầu thấy xá-lợi to bằng hạt đậu đỏ, kế đó to như hạt đậu nành, to như trái táo, rồi to như quả dưa, rồi to như bánh xe, quang minh chói ngời, tâm mục thanh lương. Khi ấy, tháp đá thờ xá-lợi bị hư, tháp đựng xá-lợi được thờ trong nhà kho. Họ Lục liền phát tâm trùng tu điện tháp. Bạn bè ông ta cũng được thấy xá-lợi rất xinh đẹp nhưng không lạ lùng đặc biệt thần diệu như ông Lục.

Cần biết rằng, đức Như Lai đại từ lưu lại chân thể pháp thân để gieo thiện căn xuất thế cho chúng sanh trong đời sau. Bởi lẽ, những kẻ do được thấy sự thần dị ấy đều

sanh lòng chánh tín. Từ đấy sửa ác tu lành, dứt lòng tà, giữ lòng thành để mong đoạn hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử, mãi cho đến khi khôi phục được Phật tánh sẵn có hòng viên mãn vô thượng Bồ-đề. Đấy chính là đức Như Lai do bản tâm tiếp dẫn bèn rủ lòng thị hiện tướng chẳng thể nghĩ bàn. Nguyện kẻ thấy nghe đều cùng sanh cảm niệm sâu xa thì may mắn lắm thay! Trong năm Quang Tự 21 (1895), Quang may mắn được kiền thành lễ xá-lợi mấy tuần, lại còn đọc Dục Vương Sơn Chí nên biết cặn kẽ.

10. Tuyên cáo thành lập Phật giáo Cư sĩ lâm ở khu Kim Sa thuộc Nam Thông

Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Thánh nhân Nho giáo chú trọng nhân quả, điều này được thấy trong kinh truyện nhiều khôn xiết kể. Khổng tử khen ngợi Chu Dịch, vừa mở đầu liền nói: *"Tích thiện chi gia tất hữu dư khánh, tích bất thiện chi gia tất hữu dư ương"* (Nhà tích thiện ắt niềm vui có thừa, nhà tích điều bất thiện, ắt tai ương có thừa). Cần biết rằng, đã có "dư khánh, dư ương" ảnh hưởng đến con cháu thì sự vui hay tai ương nơi kẻ gây tạo càng lớn hơn nữa! Nhưng sự vui hay tai ương nơi người gây tạo ấy cố nhiên chẳng thể chuyên luận trong đời hiện tại, ắt phải luận đến cả đời kế tiếp, đời sau thì mới viên mãn, chu đáo. Từ ngay câu nói này để suy xét tấm lòng của thánh nhân thì sự lý nhân quả ba đời, luân hồi trong lục đạo đã được tỏ lộ rõ ràng vượt ngoài lời nói.

Cơ Tử trần thuật Hồng Phạm, cuối thiên sách bèn nói: *"Hưởng dụng ngũ phước, oai dụng lục cực"* (Thuận theo thiên lý sẽ hưởng năm điều phước, hễ trái nghịch sẽ bị sáu điều cực nhọc). Lời nói về ngũ phước, lục cực ấy đã bao hàm sâu xa ý nghĩa nhân quả ba đời. Ấy chính là bậc thánh vương cai trị bằng đức độ, giáo hóa dân, mong họ sẽ thuận theo ngũ phước, sợ hãi lục cực, tu đức lập mạng, hướng lành lánh xui. Những nhà Nho trong cõi đời chẳng suy xét, quy hết ngũ phước, lục cực về sự thưởng phạt trong sự cai trị của nhà vua. Chẳng những họ đã vu báng sâu xa sự cai trị của nhà vua mà còn mâu thuẫn với sự lý. Tống Nho trộm lấy ý nghĩa huyền áo trong kinh Phật để nêu tỏ những ý nghĩa trong Nho giáo, sợ ai nấy sẽ đều học Phật đến nỗi Nho môn bị ghẻ lạnh bèn "một đao chặt rời" pháp căn bản để "trị mình, trị người, trị nước, trị thiên hạ, ngõ hầu khắp mọi chúng sanh đều được siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử" của đức Phật đã nói, khiến cho hết thảy mọi người không còn mong mỏi thuận theo thiên lý hay kiêng sợ nữa, cho rằng nhân quả báo ứng chính là do đức Phật bày ra để gạt gẫm bọn ngu phu, ngu phụ tuân phụng giáo pháp của ngài, chứ thật ra chẳng hề có chuyện ấy. Con người chết đi, hình hài đã hư nát, thần hồn cũng phiêu tán, dẫu có chém - chặt - xay - giã sẽ thi thố vào đâu? Thần hồn đã phiêu tán rồi thì còn ai để thọ sanh nữa đây?

Do bởi lẽ đó, nhà Nho đối với nhân quả luân hồi đều chẳng dám nhắc tới, chỉ ỷ vào chánh tâm thành ý để duy trì thế đạo nhân tâm. Đã không có nhân quả luân hồi, hễ chết

là hết thì chánh tâm thành ý có ích gì đâu? Không chánh tâm thành ý có bị tổn hại gì đâu? Từ đấy, thiện chẳng có gì để khuyên, ác chẳng có gì để trừng phạt, đến nỗi hùa nhau đề xướng tham dục, khen thưởng ác hạnh, chẳng lấy đó làm thẹn, lại ngược ngạo coi đó là vinh, đều là vì những lời lẽ đả phá bài xích nhân quả luân hồi ươm thành, đạo làm người gần như chấm dứt. Do vậy, những vị có lòng lo cho thế đạo nhân tâm hùa nhau đứng lên cứu vãn. Cư sĩ lâm, Tịnh nghiệp xã v.v. được kiến lập khắp nơi, đề xướng nhân quả luân hồi và pháp môn Tịnh độ để vượt thoát nhân quả luân hồi, ắt phải "do bởi đất mà té thì phải do từ đất mà đứng dậy".

Cư sĩ lâm Kim Sa đã được thành lập, sẽ một vai gánh vác danh nghĩa, thực chất, sự nghiệp của hàng cư sĩ thì không lâu sau sẽ đích thân thấy cõi đời trở lại thuở Đường Ngu, con người mong trở thành thánh, thành hiền. Nói tới cái danh nghĩa "cư sĩ" thì cư sĩ chính là những vị sống tại gia tu đạo, nói tới thực chất thì chính là giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tu hành điều lành trong thế gian để lập nền tảng, thật sự vì sanh tử phát tâm Bồ-đề, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, nguyện cho khắp mình lẫn người đều cùng liễu sanh tử. Người làm được như thế thì mới chẳng phụ cái danh là cư sĩ. "Sự nghiệp" chính là dùng thân để làm gương, hoằng dương sự giáo hóa của đức Phật, chỉ lấy "tự lợi lợi tha, tự lập lập người" làm chí hướng sự nghiệp. Đối với hư danh,

lợi lộc phù phiếm đều xem nhẹ, chẳng hề bận lòng; đối với luân lý, thanh quy quyết chẳng vi phạm, khiến cho người thấy kẻ nghe đều sanh lòng ngưỡng mộ. Đấy gọi là "dùng lời lẽ để dạy thì bị tranh cãi, dùng thân để dạy thì người ta thuận theo".

Chuyện thế gian hay xuất thế gian, không một chuyện nào chẳng lấy thân làm gốc. Nếu gốc chẳng lập, dẫu có làm gì đi nữa thì cũng chỉ là chuyện phô trương bề ngoài mà thôi! Đã không chân tu ắt sẽ chuốc lấy sự khinh thường từ bên ngoài, lại còn ngược ngạo tạo bằng cớ cho kẻ tà kiến hủy báng Phật pháp. Tự lợi lẫn lợi tha đều mất thì đại sự sanh tử làm sao liễu được? Nếu là những lâm hữu tham dự Cư sĩ lâm, ai nấy hãy nên phát tâm kim cang kiên cố, thể làm chuyện lợi ích cho mình lẫn người, trọn hết luân thường học Nho, tận tánh học Phật, noi dấu bậc tiên giác trong quá khứ, chẳng chịu thua kém chút nào. Đấy gọi là đệ tử thật sự của đức Phật, là bậc đại trượng phu thật sự. Có như vậy thì danh nghĩa, thực chất, sự nghiệp của bậc cư sĩ mới có thể rạng rỡ ngay trong cõi đời này, để lại tiếng thơm cho con cháu vậy.

(Đầu đông năm Giáp Tuất - 1934)

IV. KỆ TỤNG, TÁN DƯƠNG, ĐỀ TỪ

1. Kệ viết trên bức tranh vẽ tháp tàng kinh Linh Nham của Phí Pha Long ở Ngô Giang

Cao ngất trên đỉnh núi, dựng bảo tháp vòi vọi, trong tháp chứa tượng Phật và các thứ kinh sách. Kinh Phật đặt trong tháp, thường phóng đại bi quang, tuy phàm phu chẳng thấy, cũng ngầm được lợi ích. Ví như nắng xuân chiếu, muôn cây cỏ đều sanh, do nhân duyên thù thắng, gieo thành Phật thiện căn, đến khi cơ duyên chín, tinh tấn tu tịnh hạnh, khôi phục được Phật tánh, vốn sẵn trong tự tâm, thành ngay đạo Bồ-đề. Cổ nhân dựng tháp này, muốn nối sâu chí Phật. Tháp lâu ngày đổ nát, kinh Phật bèn lộ ra. Cư sĩ Phí Pha Long, thu nhặt chừng đó quyển, tu bổ, tặng

Linh Nham, cũng tặng những thân hữu. Rồi vẽ cảnh Linh Sơn, làm kỷ niệm mai sau. Tưởng nghĩ Phật từ bi, khiến hàm thức được thấy, sự thật khó nghĩ suy!

Sợ nghe chẳng tin nhận, nên dùng chuyện thông thường, nhằm tỏ lợi thù thắng: Đời có rắn cực độc, cùng chó dại thật dữ, nếu cắn xé quần áo, người ấy ắt phải chết. Hoặc lại cắn bóng người, hoặc trừng mắt nhìn người, người ấy cũng chết ngay, do độc nghiệp nặng nề. Ác nghiệp của chúng sanh, thế lực còn như thế. Huống là Phật từ bi, hơn thiên địa, cha mẹ! Hễ vừa được thấy nghe, liền được lợi khó tưởng. Nếu nghĩ sâu nghĩa này, ắt đau lòng khóc mãi. Nguyện khắp hết mọi người, cảm Phật đại từ bi, hãy như cứu đầu cháy, niệm Phật cầu nhiếp thọ.

Thấy chuyện Phật giáo hóa, và thấy các chúng sanh, đều tưởng như thấy Phật, chẳng dám sanh khinh rẻ, công đức thù thắng ấy, hồi hướng sanh Tây Phương, quyết đến lúc lâm chung, được chính Phật tiếp dẫn, dùng ngay những điều này, để cầu siêu cha mẹ, đấy là hiếu chân thật. Vì thế kinh Phạm Võng, dạy hiếu thuận phụ mẫu. Tận pháp giới phàm thánh, đều khiến được thành Phật, hòng trọn hết luân thường, chẳng thẹn là Phật tử. Ông Phí muốn cầu siêu, cho cha mẹ của mình, bức vẽ xin đề kệ, do vậy suy nguyên ý, viết kệ để khích lệ.

(Cuối thu năm Canh Thìn - 1940)

2. Kệ hồi hướng chung cho các thiện tín đã đóng góp tài lực lưu thông, xoay vần truyền bá, xem đọc bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ

Tam giới hết thảy pháp, chỉ do một tâm tạo. Thuận đạo thì tốt lành, nghịch lý ắt hung ác. Lành thay người hiền xưa, lòng giống như trời đất, dùng sức tài trí mình, tán trợ quyền sanh thành, luôn muốn làm lợi khắp, cho thiên hạ hậu thế. Bác ái giúp đỡ người, trọn chẳng coi là đức, công to, danh tiếng trỗi, đức lớn, tốt lành tới. Sống hưởng trọn ngũ phước, dư khánh truyền hậu duệ. Phong thái ấy hưng khởi, thế giới tự an bình, ai nấy đều lễ nhượng, đều nghĩ trọn hết tình. Buồn thay lũ tiểu nhân, chỉ biết có riêng mình, suy nghĩ cùng cư xử, trọn chẳng tuân lẽ trời, hãm người để tự an, tổn người để tự ích, chỉ chuộng lợi trước mắt, nào hay túc phước hao, đến khi nghiệp kết quả, khổ báo vô cùng cực. Uổng bị người thương xót, tội nghiệp làm sao dứt?

Trên từ thuở Đường Ngu, dưới đến cuối đời Minh, các sự tích thiện ác, các sử đều chép rành. Nay thế đạo chìm đắm, người hiểu biết đều lo, bạn tôi Nhiếp Vân Đài, lập cách để cứu vớt, riêng thỉnh Hứa Chỉ Tịnh, soạn Cảm Ứng Thống Kỷ, ấn loát rộng lưu thông, mong ai nấy sẽ tự học theo, cùng răn giữ. May được các thiện sĩ, bỏ tiền hơn vạn đồng, kính in hai vạn bộ, nhằm kết khắp thiện duyên. Dùng khoản tiền còn dư, in riêng bản giấy báo, chữ nhỏ, giá rẻ hơn, cho vừa sức thanh niên. Bản này in bốn vạn,

lưu truyền khắp xa gần. Phàm những ai thấy nghe, không ai chẳng hoan hỷ. Sau hai lượt xuất bản, Chỉ Tịnh lại giảo duyệt, tăng thêm, sửa đôi chút, thân thiết hơn bản trước. Cư sĩ Lý Kỳ Khanh, nguyện bỏ tiền khắc in. Bản mẫu thỉnh thợ khéo, mong vĩnh viễn lưu truyền. Tôi cũng cho tái bản, hai loại sách kể trên, thêm lời tựa "Tăng Tu", để mong lưu truyền mãi.

Sự lý của nhân quả, đã hiển lộ rạng ngời. Người tâm lo thế đạo, có cái để thi thố. Nguyện khắp ai thấy nghe, lập cách lưu truyền rộng, ngõ hầu dứt cạnh tranh, tiến thẳng đến đại đồng. Nguyện người phát khởi ấy, cũng như vị biên tập, các thiện sĩ giúp in, người xem bắt chước theo, hiện tại cùng vị lai, hết thảy các thiện nhân, cùng tiêu các ác nghiệp, cùng tăng thắng thiện căn, sống sẽ hưởng ngũ phước, mất thì lên chín phẩm, tiên vong sanh Tịnh độ, nêu gương cho hậu duệ, cho khắp cả cõi đời, vật giàu, dân khỏe mạnh, khiến cho người bốn phương, đều ngưỡng mộ nước ta

(Ngày lành tháng 6 nhuận, năm Canh Ngọ,
tức năm Dân Quốc 19 - 1930)

3. Kệ hồi hướng kính vì các thiện tín đã thí tiền bạc và xoay vần truyền bá, xem đọc Quán Thế Âm Bồ-tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng

Cao cả Quán Thế Âm, thệ nguyện khó nghĩ bàn, thành Chánh giác đã lâu, lại hiện thân Bồ-tát, theo từng loại hiện hình, tầm thanh hòng cứu khổ. Đáng tiếc người thế gian, phần

nhiều đều chẳng biết, đặc biệt soạn sách này, mong được lưu truyền rộng. May được các thiện tín, đứng in tới mấy vạn. Từ đây lần lượt biết, lại tiếp tục in thêm, đến số mấy chục vạn, an ủi lòng Bồ-tát. Lại được khắc in khắp, truyền rộng trong ngoài nước, để biết Quán Thế Âm, đấng hết thảy nương tựa.

Ví như ngọn đuốc lớn, chiếu khắp trong đường tối. Ví như đại thiết luân, độ khắp kẻ chìm đắm, đạo sư cho kẻ mù, thuốc men cho người bệnh, thành quách lánh giặc cướp, gạo thóc thuở đói kém. Cần biết ân Bồ-tát, hơn đất chở trời che, dẫu trọn kiếp tuyên dương, cũng chỉ nêu chút phần. Nguyện những vị đứng in, nghiệp chướng đều tiêu diệt, phước tuệ đều tăng trưởng, mọi việc đều như ý. Sống thì hưởng ngũ phước, mất lên ngay chín phẩm. Các tổ tông quá khứ, nhờ đây sanh Tịnh độ. Cha mẹ trong hiện tại, đều được hưởng thọ khang. Tất cả bọn cháu con, đều rạng rỡ tiếng nhà. Mùa màng thường sung túc, giặc cướp thảy đổi lòng, nhà nhà sùng từ thiện, chốn chốn hành nghĩa nhân. Nhờ đây thói bạc ác, chuyển thành nếp thuần phác. Pháp giới các hữu tình, đều được viên chủng trí.

(Mùa xuân năm Bính Dần,
tức năm Dân Quốc 15 - 1926)

4. Kệ hồi hướng cho khắp những vị giúp in, đọc tụng, thọ trì, xoay vần lưu thông các bản kinh Phật

Nguyện do công đức này, tiêu trừ túc hiện nghiệp, tăng trưởng các phước tuệ, viên thành thắng thiện căn, tất cả kiếp đao binh, các nạn như đói kém, thảy đều tiêu trừ sạch,

ai nấy tập lễ nhượng. Hết thảy người giúp in, hoặc xoay vần lưu truyền, quyến thuộc đều yên vui, người đã khuất siêu thăng, mưa gió thường đúng thuận, nhân dân đều khang ninh, pháp giới các hàm thức, đồng chứng đạo Vô thượng.

5. Kệ hồi hướng cho khắp những vị thiện tín bỏ tiền ấn tống, lưu truyền, thấy nghe, thọ trì, xoay vần lưu thông bản nghiên cứu "Người học Phật có nên ăn thịt hay không?"

Sát kiếp thời gần đây, từ xưa chưa từng có. Suy tìm đến cội nguồn, quả thực do tham ăn. Riêng lưu truyền sách này, muốn nhờ đây cứu vãn, nguyện khắp người thấy nghe, đều kiêng thịt, ăn chay. Ăn chay rất vệ sinh, chẳng hại mạng con vật, khiến lòng ta nhân từ, trên kế thừa vãng thánh. Sát nghiệp đã chẳng kết, thế đạo tự thái bình. Chỉ pháp cứu vật này, lợi quần manh mãi mãi. Các vị do công đức, vãng sanh Phật Tịnh độ, thấy Phật chứng Vô sanh, trở thành bậc nương tựa, cho khắp cả lục đạo.

6. Kệ đề trên vách quan phòng chùa Báo Quốc ở Tô Châu

(Năm Dân Quốc 24 - 1935)

Sống uổng bảy mươi năm, tháng ngày chẳng còn mấy, như tù dẫn ra chợ, mỗi bước gần cái chết, tạ tuyệt hết thảy sự, để chuyên tu Tịnh độ, nếu hiểu lòng ngu thành, mới là chân liên hữu.

7. Kệ hồi hướng lễ niệm Quán Âm Bồ-tát

Kính lạy Quán Thế Âm, từ bi đại đạo sư, chứng vô thượng đã lâu, an trụ Thường tịch quang. Vì thương chúng sanh khổ, lại hiện thân mười cõi, nên dùng thân nào độ, liền hiện ngay thân ấy. Gần là sanh đường lành, xa là chứng Bồ-đề. Bồ-tát từ bi lực, chư Phật thuật chẳng trọn. Đệ tử con tên là… từ vô thủy đến nay, do bởi sức ác nghiệp, luân hồi trong sáu nẻo, trải qua trần sát kiếp, không cách nào thoát lìa, may nhờ túc thiện căn, được nghe tên Bồ-tát, muốn nương sức từ bi, đời này sanh Tịnh độ. Xưng thánh hiệu dài lâu, kiêm lễ bái cúng dường, sám hối các ác nghiệp, tăng trưởng các thiện căn. Nguyện rủ lòng từ mẫn, tiêu diệt các tội chướng, phóng quang chiếu thân con, duỗi tay xoa đầu con, cam lộ rưới đỉnh con, gột phiền cấu tâm con, khiến cho thân tâm con, đều được thanh tịnh cả. Con nguyện hết thân này, đến tận kiếp vị lai, nguyện bảo khắp chúng sanh, ân đức của Bồ-tát, khiến họ đều quy y, đều phát tâm Bồ-đề. Nguyện rủ lòng từ mẫn, chứng minh và nhiếp thọ.

8. Kệ viết về xá-lợi

Như Lai không sanh diệt, chúng sanh có tội phước. Phước cảm Phật xuất thế, tội cảm Phật nhập diệt. Phật tuy hiện nhập diệt, vẫn chẳng bỏ chúng sanh. Vì thế lưu xá-lợi, làm nhân duyên đắc độ. Nên biết xá-lợi này, chính là thân đức Phật, cũng là pháp thân Phật, nên chiêm lễ cúng dường, hãy nghiêm túc tuân phụng, lời đức Như Lai dạy,

chuyên tu pháp Tịnh độ, mau thoát cõi ngũ trược, hòng thỏa Phật bổn hoài.

9. Đề từ cho tác phẩm Ngọc Trụ Đại Sư Tâm Tích Tụng

Đại sư Ngọc Trụ là đồng học của Quang vào 50 năm trước. Sư tánh tình chất trực, khiêm hòa, tu trì thiết thực, chân thành, nghiêm túc, chẳng làm trụ trì, chẳng thâu đồ chúng giống như Quang. Sư chú trọng trì luật và niệm Phật, nên vào tuổi già thường khắc in nhiều trước tác của Luật tông. Ấy là vì muốn tạo nền tảng vững vàng ngõ hầu những kẻ thông sáng trong đời sau đều cùng sanh Cực Lạc. May mắn thay, sư đã về An Dưỡng, thẹn cho Quang vẫn bị ràng buộc trong cõi đời này, nguyện sư cầu Phật rủ lòng tiếp dẫn, ngõ hầu cùng được theo học với Như Lai.

10. Hoa Nghiêm Kinh Cảm Ứng Tụng

Một bộ kinh Hoa Nghiêm, là vua trong các kinh, chỗ quy tông cuối cùng, hướng dẫn sanh Tây Phương. Không cơ nào chẳng độ, không pháp nào chẳng nhiếp. Dẫu có muốn tán dương, hết kiếp vẫn chẳng trọn. Nếu chẳng có túc căn, tên kinh chẳng được nghe, huống là được biên chép, thọ trì siêng ròng ư? Nghĩa lý của kinh này, chẳng thể nghĩ bàn được. Quả báo cùng công đức, cũng lại giống như thế. Ấn loát vừa xong xuôi, Hồi Lộc[16] đã đến cửa, vượt

16 Hồi Lộc theo truyền thuyết là tên một vị thần lửa, vốn là tên một viên quan trông

lệ giao trong đêm, người vừa đi, tiệm cháy. Chép rồi, đóng bìa xong, chợt gặp phải đại kiếp, cả nhà phải trốn xa, mọi vật đều bị cướp, chỉ riêng bộ kinh này, trọn chẳng bị thương tổn. Trở về vừa trông thấy, khôn ngăn nỗi mừng vui. Kiếp vốn thuộc cộng nghiệp, lòng thành thuộc biệt nghiệp. Do lòng thành cảm vời, nên ứng cũng đặc biệt. Nghĩa lớn lao trong kinh, đã nêu trong lời tựa, nay soạn bài tụng này, tỏ lòng thành, linh ứng. Nguyện những người thấy nghe, ai nấy chăm tu trì, để mong hết tuổi thọ, sẽ dự hội Liên Trì.

* Pháp sư Ấn Quang lại vì cư sĩ Tung Kiều soạn thêm bài Tả Kinh Linh Cảm Tụng (ca tụng sự linh cảm do chép kinh), gởi thư dặn dò phải đem những sự thực về mấy lần nguy hiểm được bình an không tai nạn để viết mấy câu giải thích sau bài kệ, ngõ hầu người đọc đều cùng sanh tín tâm. Theo cư sĩ Tung Kiều, cư sĩ chép kinh Hoa Nghiêm xong, giao cho xưởng in Văn Tân in ra. In lần đầu một ngàn trang, in xong vào bảy giờ tối ngày nọ. Nhà in có lệ hễ sau sáu giờ sẽ không giao hàng hóa ra ngoài. Lần này chợt phá lệ, giao đến nhà cư sĩ. Vừa mới chở đến cửa thì xưởng Văn Tân bị chập điện cháy rụi. Ấy là do thiện căn đặc biệt xui khiến như vậy, chứ nếu không thì sao lại bảo giao ra ngoài để rồi có sự xảo hợp như thế?

Ngày 13 tháng 3 năm Giáp Tuất (1934), trời đã hoàng hôn, hàng xóm ở nơi cư ngụ của cư sĩ thiếu cẩn thận gây

---

nom giữ lửa cho Hoàng Đế vào thời cổ. Do vậy, sau này thường dùng chữ Hồi Lộc để chỉ hỏa tai.

cháy nhà, chỉ cách một bức tường vây, tình thế nguy ngập sắp giáng xuống nhà cư sĩ. Cư sĩ chép kinh, tâm trí chẳng để ý chuyện bên ngoài, rốt cuộc tai không nghe thấy gì, đến khi người nhà kinh hoàng lôi cư sĩ tránh đi thì vẫn còn hai hàng viết chưa xong. Do từ khi chép kinh đến nay, đối với mỗi một trang chưa hề bỏ dở giữa chừng; cư sĩ chẳng muốn dễ dãi phá lệ ấy, nên vẫn ngồi yên chép cho xong. Đến khi chép xong, thế lửa đã suy, rốt cuộc bình yên không sao cả. Chuyện này lại dường như ngầm được thần che chở vậy.

Mùa xuân năm Bính Tý (1936) chép kinh viên mãn, giao cho Tích Cổ Trai tại Thang Gia Cảng đóng thành sách. Đóng xong, giao trả về. Ngày hôm sau, tiệm bán giấy Cao Vạn Phong ở ngay trước cửa bị hỏa hoạn. Đã thoát khỏi tai ương, lại còn không bị một giọt nước nào làm ố trang kinh. Giống như khi đánh nhau, người đời hay nói: "Đạn bắn trúng người quả thật có mắt." Nếu không có thần linh che chở, làm sao được như thế?

Mùa thu năm Đinh Sửu (1937), Ngô Môn thất thủ, bị vây hãm, kiếp nạn lớn lao xảy ra, cả nhà cư sĩ phải tỵ nạn nơi xa. Tất cả đồ đạc đều bị cướp phá sạch bách, chỉ riêng kinh còn nguyên, chẳng bị tổn hoại mảy may. Cứ tưởng nhà cửa sẽ bị phá hủy tan hoang, may nhờ vào kinh này mà được thoát nạn. Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn, nên rốt cuộc có chứng cớ rõ ràng như vậy. Người đời phần nhiều chẳng tin, ngược ngạo sanh lòng hủy báng, quả thật là những kẻ được đức Như Lai gọi là "phường đáng thương

xót". Vì thế lão nhân nói: "Nguyện những ai thấy nghe, ai nấy chăm tu trì, để mong hết tuổi thọ, sẽ dự hội Liên Trì." Quả thật là lời khẩn thiết mổ tim vẩy máu, cầu cho khắp mọi người trong cõi đời đều cùng gắng sức.

Một ngày mùa thu năm Mậu Dần (1938),
vâng theo mạng lệnh của lão pháp sư Ấn,
Đức Sâm viết thay.

11. Tiêu Sơn Cát Đường Thượng Nhân Vãng Sanh Tụng

Lớn thay môn Tịnh độ, quy túc của các pháp, thích hợp mọi căn cơ, không căn nào chẳng gồm. Trên thì nhiếp Đẳng giác, dưới chẳng sót ác nghịch. Muôn dòng đổ vào biển, do Phật đại nguyện lực. Sư Cát Đường cao cả, đời trước trồng huệ căn, đã nổi bật từ nhỏ, xuất gia vượt trần tục. Từ đấy Luật Giáo Tông, ý chỉ đều thấu hiểu. Muốn liễu ngay đời này, liền chuyên tu Tịnh độ, đặc biệt phát ba tâm, mong tòa sen thượng phẩm. Tuổi thọ mới năm tư, tịnh nghiệp đã viên thành, biết trước lúc vãng sanh, bảo chúng niệm Phật tiễn. Sư vẫn niệm rõ ràng, đột nhiên nhập tịch định. Đồ chúng muốn truyền dương, cậy tôi thuật đại lược. Nguyện những kẻ thấy nghe, ai nấy đều chú ý.

12. Bài tụng tặng cho các thiện tín thuộc Phật Quang xã

Tam quy, ngũ giới, lục trai nhật, cho kẻ sơ cơ để nhập

môn. Nếu nguyện hoa khai tự thấy Phật, chuyên tu tịnh hạnh, gieo căn sâu.

13. Bài tụng tặng cho đại hội xã hữu của Phật Quang xã

Đức Phật giơ cành hoa, ngài Ca-diếp mỉm cười, đạo vốn ở nơi tâm, không áo diệu chi khác. Người cùng một tâm này, tâm cùng một lý này. Đạo tâm thật nhỏ nhiệm, tuy nhỏ thật ra một. Trong đời người có dục, dục do nơi cảnh sanh. Nếu tiền cảnh chẳng có, niệm cũng chẳng khởi được. Nếu các dục lăng xăng, đạo tâm bị lấp mất. Lấp mất, gọi là mê. Giác chính là chẳng mê. Mê gọi là vô minh, vô minh gọi là si. Tâm tham với tâm sân, đều sanh từ nơi đó. Do hoặc mà tạo nghiệp, đấy gọi là ác nhân. Đã gieo cái nhân ác, quả khổ sẽ sanh theo.

Phật thương bọn chúng sanh, phát lòng từ vô duyên, nói ra giới định tuệ, để trị tham sân si. Nhân giới sẽ sanh định, nhân định bèn phát tuệ. Tuệ chính là bát-nhã, soi toạc màn vô minh. Giống như gươm trảm yêu, như đèn trong nhà tối, từ khổ thoát ra vui, từ phàm bèn nhập thánh, không gì chẳng do đây, cùng lên đạo Đại thừa. Chỉ nương vào bát-nhã, chính là ba-la-mật. Tâm Kinh và Kim Cang, đều giảng rõ nghĩa này. Hành Tâm Kinh sâu xa, là đức Quán Tự Tại. Hiểu tâm thấy rõ tánh, ngũ uẩn còn đâu nữa? Đấy ước về lý tu, công phu ở nơi hiểu. Còn bộ kinh Kim Cang, nói toạc khắp bốn tướng. Chân lý đã hiển lộ, bốn

tướng đều là vọng. Biên chép cùng đọc tụng, và giảng nói cho người, trong kinh thường tán thán, phước đức sẽ vô lượng. Đây bởi do lẽ nào? Tự giác, giác tha vậy. Lần lượt làm lợi nhau, trọn chẳng có hạn lượng. Đấy chính là sự tu, công nằm ngay nơi hạnh. Tâm, Phật và chúng sanh, cả ba không sai biệt, đạo đồng, tâm cũng đồng. Vì thế không sai biệt. Vũ, Tắc và Nhan Tử, đổi chỗ cũng như thế[17]. Đạo đồng, tâm cũng đồng, cho nên đều như vậy. Nếu không có chúng sanh, Phật pháp cũng chẳng lập. Nếu chẳng hề lợi người, thì làm sao tự lợi?

Nhan Tử suốt ba tháng, chẳng trái nghịch lòng nhân. Vũ, Tắc vốn vì vậy, cứu người đói, chìm đắm. Trong mỗi một chúng sanh, đều sẵn có Phật tánh, kẻ thập ác mười niệm, được sanh về Tịnh độ, khắp đại thiên thế giới, đều cùng một cái tâm, "do tâm này thành Phật", để làm thành căn cứ, quang minh lẫn thọ mạng, đều cùng là vô lượng, một pháp hội Linh Sơn, đến nay vẫn chưa tan.

14. Bài tụng nhân lễ khai mạc Cư sĩ lâm Bảo Sơn

Như Lai đại pháp là nguồn các pháp, mảy trần chẳng lập, vạn đức vẹn toàn. Khắp cả thế gian và xuất thế gian, nhân quả, sự lý, không gì chẳng gồm. Giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, mong thành thánh hiền, tâm địa ắt phải

17 Ý nói: Vua Đại Vũ, Hậu Tắc và Nhan Uyên do địa vị khác nhau nên làm những công hạnh khác nhau, nhưng đều cùng xuất phát từ một đạo tâm. Nhan Uyên giữ lòng nhân, vua Đại Vũ trị thủy cứu dân khỏi nạn lụt. Hậu Tắc lo cấy cày, gieo những giống lúa tốt, giúp dân khỏi đói.

chẳng thẹn bóng áo[18], tu giới định tuệ, đoạn tham sân si. Tự lợi lợi tha, cùng chứng Bồ-đề. Ví như dựng nhà, trước phải đắp nền; nền đã kiên cố, không gì chẳng thành. Do vậy học Phật, trước hết là phải giữ vẹn luân thường. Luân thường chẳng thiếu, mới hợp đạo chân. Chúng sanh đời mạt nghiệp chướng sâu nặng, chỉ cậy tự lực, khó khỏi trầm luân. Như Lai xót thương, mở môn Tịnh độ. Dùng chân tín nguyện, trì hồng danh Phật. Chúng sanh vận dụng lòng thành cảm Phật; Phật vì từ bi, cảm ứng đạo giao, như gương hiện bóng. Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối. Nếu được như thế, muôn người tu tập, muôn người vãng sanh. Từ đầu đến cuối, dốc cạn thành kính, đừng làm các ác, vâng làm các lành. Dạy suông sẽ cãi, thân làm người theo. Nhìn vào cảm hóa, lợi ích thật to. Bảo Sơn sáng lập Cư sĩ pháp lâm, riêng viết đại nghĩa, phát khởi tín tâm. Một pháp niệm Phật, nhiếp khắp các pháp, dường như hư không, chứa muôn hình tượng, thông đạt trọn hết. Nguyện người thấy nghe, đều cùng nức lòng, ngõ hầu kiếp vận, do đây tiêu diệt. Lòng người đã chuyển, thiên quyến[19] tự đến, thời vận hòa bình, mùa màng sung túc, hưởng mãi thái bình.

---

18 Nguyên văn "khâm ảnh vô tàm". Đây là một thành ngữ xuất phát từ một câu nói thuộc phần Lưu Tử trong quyển 2 sách Lưu Thư: *"Độc lập bất tàm ảnh, độc tẩm bất quý khâm"* (Đứng một mình chẳng thẹn với bóng, ngủ một mình chẳng thẹn với áo). Câu này ca ngợi con người quang minh lỗi lạc, dẫu trong những lúc chỉ có một mình vẫn không làm điều gì đáng thẹn với lương tâm.

19 Thiên quyến: Quyến thuộc cõi trời, tức chư thiên.

15. Ca tụng đức hạnh cao đẹp của thái phu nhân Trình - mẹ ông Vương

Nghĩ tưởng Vương mẫu, túc căn thật sâu. Từ bé mẹ đã đỡ tốn công sức, giáo hóa uốn nắn, hiếu dưỡng song thân; lớn lên, lấy ông Vương, một niềm hiếu thuận, giúp chồng quán xuyến, trọn hết phận vợ. Ông Vương qua đời, nuôi dạy con cái, vừa từ vừa nghiêm, mềm mỏng cứng rắn, đều cùng rạng ngời. Con đã trưởng thành, cho đi học hỏi, phụng sự đất nước, mong noi tiên giác. Những năm gần đây, con là Bách Linh, thâm nhập Phật pháp, khuyên mẹ nhất tâm, tu trì tịnh nghiệp. Tới lúc lâm chung, niệm Phật qua đời, chưa thấy tướng lành, Linh khá lo nghĩ, càng thêm tinh tấn.Trong khi quán Phật, tưởng nhớ tới mẹ, được thấy mặt mẹ, gần giống mặt Phật. Khi mẹ còn sống, mẹ con nương nhau, để cùng sống còn. Khi mẹ mất rồi, để khích lệ con, hiện bóng cho thấy. Tuyệt thay Vương mẫu, anh hiền khuê các! Nên viết đại lược, để lưu truyền mãi.

16. Bài ca tụng sự quy Tây của thái phu nhân Vương - mẹ ông Trương

Cao đẹp thay Trương mẫu, sẵn có huệ căn từ đời trước, bẩm tánh hiền thiện, hiền từ mềm mỏng như mùa xuân, đức dày chuyên chở phước, cứu giúp trọn khắp kẻ đói nghèo, con cháu đều khâm phục, ca ngợi mãi dấu lân[20].

---

20 Nguyên văn *"vịnh vu ta lân"* (ca vịnh dấu lân). Đây vốn là một ý dựa theo bài Mao Thi trong Kinh Thi: *"Lân chi chỉ, chấn chấn công tử; vu ta lân hề."* Sách Sơ Học Ký giảng:

17. Bài tán chúc nguyện trong lễ đặt móng xây dựng điện Di-lặc mới của Linh Nham

Nghĩ tưởng địa thần, hộ pháp công sâu, Di-lặc lâu các lại được dựng xây mới mẻ, nguyện vận tâm bảo hộ, khiến cho pháp môn này muôn đời không trắc trở.

18. Bài tán dương đề trên hình ảnh tỳ-kheo-ni Tiên Đức

Từ khi vào không môn, lòng chỉ nghĩ đến Phật, trong suốt mười hai thời, niệm Phật chẳng gián đoạn. Niệm lâu ngày chầy tháng, tâm đã hợp với Phật, biết trước được lúc mất, đến kỳ ngồi qua đời, nhằm lợi khắp nữ giới, nên viết bài tụng này. Nguyện cho người đời sau, giữ mãi hạnh đẹp ấy.

19. Bài tán dương đề trên hình cư sĩ Cao Hạc Niên

Người chê cư sĩ tánh quá thiên lệch, tôi khen sự thiên lệch ấy chính là viên. Do thiên nên chẳng màng gia sản, do thiên nên hiểu sâu Giáo, Thiền. Do thiên nên vân du các nơi danh thắng trong cả nước. Do thiên nên tham học với khắp các bậc cao hiền trong Tông, trong Giáo. Do thiên nên chuyên tu pháp đặc biệt là Tịnh độ. Do thiên nên kết tịnh duyên với khắp những người cùng hàng. Do thiên

---

"Chỉ là bàn chân. Con lân được coi là một con vật biết giữ chữ tín, biết lễ, nên thường dùng chữ 'dấu chân lân' để chỉ người giữ chữ tín. Chấn chấn là giữ lòng trung tín sâu dày. Vu ta là tán thán từ." Do vậy, đoạn thơ này được dịch là: "Dấu chân lân, bậc công tử thành tín, trung hậu, thật đáng xưng tụng là lân." Từ đó "vịnh vu ta lân" là một thành ngữ nhằm ca ngợi một người trung tín, nhân hậu.

nên chẳng truyền dòng giống. Sửa nhà thành am để an trụ bậc trinh tiết, ngõ hầu họ được trọn vẹn thiên tánh, nay đã sắp lìa đời ác ngũ trược, lên thẳng chín phẩm sen báu nơi thế giới Tây Phương Cực Lạc. Do vậy qua hình vẽ của bạn già là Vương Nhất Đình, bèn viết lời chân thật để nêu tỏ duyên do của sự thiên lệch ấy.

(Cuối xuân năm Bính Tý,
tức năm Dân Quốc 25 - 1936)

20. Nêu lên những điểm chánh yếu của sách Sức Chung Tân Lương

Lúc mạng sắp hết, tứ đại chia lìa, mọi khổ đều nhóm. Nếu chẳng phải từ lâu đã chứng tam-muội, thật sợ chẳng dễ gì đắc lực được. Huống chi quyến thuộc chẳng am hiểu lợi hại, thường vì tình cảm thế tục mà phá hoại chánh niệm. Do vậy Sức Chung xã được thành lập. Sức chung (飾 终) có nghĩa là giúp đỡ cho người sắp mất được vãng sanh. Ấy là vì đang trong lúc ấy, nếu hành nhân được phụ trợ bằng khai thị, hướng dẫn sẽ sanh tâm vui mừng, hoan hỷ, lòng tham ái chấm dứt, tai nghe danh hiệu Phật, tâm duyên theo cảnh Phật, sẽ tự có thể cảm ứng đạo giao cùng Phật, được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Ví như kẻ yếu hèn muốn lên núi cao, đằng trước có người lôi, sau lưng có kẻ đẩy, hai bên có người xốc nách dìu đi, sẽ tự chẳng đến nỗi bỏ cuộc giữa chừng. Dẫu cho kẻ lúc bình thường trọn chẳng hề nghe đến Phật pháp, lâm chung được thiện tri thức chỉ dạy liền sanh

tín tâm. Lại được trợ niệm Phật hiệu khiến cho người ấy theo tiếng niệm của đại chúng mà niệm ra tiếng hoặc niệm thầm trong tâm. Nếu được trợ niệm đúng pháp, không có hết thảy những chuyện phá hoại chánh niệm thì cũng có thể vãng sanh. Do Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, do pháp lực chẳng thể nghĩ bàn, do chúng sanh tâm lực chẳng thể nghĩ bàn, nên được lợi ích thù thắng ấy. Nguyện những ai làm con làm cháu và các quyến thuộc cùng hàng phụ mẫu v.v. đều biết nghĩa này, cùng hành theo đó thì mới gọi là chân từ, hiếu thảo với cha mẹ, thương yêu người thân vậy.

21. Đề từ cho cuốn Nghi Thức Niệm Tụng Của Linh Nham Sơn Tự

Hết thảy kinh Phật và các sách xiển dương Phật pháp, không một loại nào chẳng nhằm làm cho con người lánh dữ hướng lành, sửa lỗi hướng thiện, nêu rõ nhân quả ba đời, hiểu rõ Phật tánh sẵn có, vượt khỏi biển khổ sanh tử, sanh lên cõi sen Cực Lạc. Người đọc hãy nên sanh tâm cảm ân, sanh ý tưởng khó gặp gỡ, tay sạch, bàn sạch, giữ lòng kính, gìn lòng thành, như đối trước Phật, trời, như đến trước mặt các quan dạy bảo đế vương[21] thì vô biên lợi ích sẽ đích thân đạt được. Nếu phóng túng không kiêng dè, mặc tình khinh nhờn và cố chấp, thấy biết hẹp hòi, lầm

---

21 Nguyên văn *"như lâm sư bảo"* (như đến trước các quan dạy dỗ, cố vấn của nhà vua). "Sư bảo" (師保) là từ ngữ phiếm chỉ các quan đại thần giữ nhiệm vụ dạy dỗ hoàng tộc, cố vấn nhà vua như Thái sư, Thái bảo, Thiếu sư, Thiếu bảo v.v.. Về sau, từ ngữ "sư bảo" cũng thường được dùng để chỉ thầy dạy học.

lạc sanh lòng hủy báng, tội lỗi sẽ ngập trời, khổ báo vô tận. Kính khuyên người đời, hãy lánh xa tội, cầu lợi ích, lìa khổ được vui vậy!

22. Đề từ cho sách A-di-đà Kinh Bạch Thoại Giải Thích

Kinh A-di-đà chính là đạo để hết thảy thánh phàm cùng tu, cũng là pháp để quyết định liễu thoát ngay trong đời này. Kinh văn tuy rõ ràng giản lược, nghĩa cực rộng sâu. Cổ đức muốn cho ai nấy đều tu tập, nên xếp kinh này vào khóa tụng hằng ngày. Thường có những thiện tín bình dân chẳng thấu hiểu văn lý sâu xa, tuy đọc các trước thuật của cổ đức vẫn chẳng biết nghĩa lý y như cũ. Cư sĩ Hoàng Hàm Chi muốn cho hết thảy mọi người cùng được gội ân Phật, đều được hưởng lợi ích thật sự, liền dùng thể văn bạch thoại để viết lời giải thích ngõ hầu những kẻ hơi biết chữ đều được hiểu rõ ràng. Lần đầu in một ngàn bộ, không lâu sau, thư gởi đến xin thỉnh hết sạch, bèn tính cách lưu truyền rộng rãi, rút nhỏ khổ sách lại. Những người cùng chí hướng bỏ tiền in tới hai vạn cuốn để mong cho những học nhân sơ cơ tu trì tịnh nghiệp đều cùng được thọ trì. Mong rằng những ai có được bản chú giải này sẽ cung kính tu tập, xoay vần lưu thông, khiến cho khắp mọi đồng nhân đều được thọ trì. Đem công đức này giúp cho tịnh nghiệp thì khi hết báo thân này sẽ lên thẳng chín phẩm, thấy Phật nghe pháp, chứng Vô sanh nhẫn, sự vui sướng ấy làm sao diễn tả được?

Các kinh Đại thừa đều lấy thật tướng làm thể, đế lý được nói trong các kinh ấy trọn chẳng hơn kém. Nếu luận về cơ nghi thì trong sự không hơn kém, lại có sự hơn kém lớn lao. Bởi lẽ, đối với các pháp môn được nói trong hết thảy các kinh đều phải tự lực tu tập cho đến khi nào đoạn hoặc chứng chân thì mới có phần liễu sanh tử; còn pháp môn được nói trong ba kinh Tịnh độ chính là phàm phu sát đất dùng tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương, kiêm thêm "đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành". Tuy đầy dẫy hoặc nghiệp, vẫn có thể cậy vào Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh. Đấy chính là điều chưa từng có trong hết thảy các kinh, chính là đại pháp môn của đức Như Lai nhằm làm cho khắp hết thảy dù thánh hay phàm đều cùng thoát khỏi luân hồi lục đạo ngay trong đời này. Nhưng kinh A-di-đà lời văn giản lược, nghĩa lý phong phú, thấu triệt khắp mọi căn cơ, lợi ích của kinh hết kiếp khó thể tuyên nói được. Vì vậy, kể từ khi đức Phật nói ra pháp này đến nay, vãng thánh tiền hiền người người đều hướng về, ngàn kinh muôn luận chốn chốn chỉ quy. Kẻ có duyên gặp được xin đừng bỏ lỡ thì may mắn lắm thay!

23. Đề từ cho sách Quán Thế Âm Bồ-tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng

Quán Thế Âm Bồ-tát thệ nguyện rộng sâu, từ bi rộng lớn, tùy loại hiện thân tầm thanh cứu khổ. Người đời hễ gặp phải tật bệnh hoạn nạn, nếu có thể vận tâm sửa lỗi hướng lành, cung kính chí thành, thường niệm danh hiệu

Bồ-tát, không ai chẳng được ngài rủ lòng gia bị tùy theo lòng thành lớn hay nhỏ. Nhỏ là gặp dữ hóa lành, gặp nạn thành hên; lớn là nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận phước tăng, cho đến siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Đáng tiếc người đời phần nhiều chẳng biết! Vì thế, riêng đọc khắp các kinh điển và các sách vở, soạn thành tụng văn, thêm lời chú thích tường tận, ngõ hầu cả cõi đời đều biết Bồ-tát quả thật là thuốc men cho bệnh ngặt, là gạo thóc trong năm đói kém, là người dẫn đường nơi nẻo hiểm, là bè báu nơi bến mê. Kính mong những ai thấy nghe sách này đều cùng tùy sức của chính mình, lần lượt khuyên chỉ, in tặng, lưu thông, khiến cho hết thảy đồng luân đều được gội từ ân của Phật, cùng thấm nhuần pháp hóa, ngõ hầu an ủi bi tâm độ sanh của Bồ-tát, thỏa mãn chí nguyện cảm thánh của đương nhân vậy.

Phật pháp rộng lớn như pháp giới, rốt ráo dường hư không. Nếu nói thiển cận thì phàm phu đều có thể biết, có thể hành; nếu nói sâu xa thì thánh nhân vẫn có những điều chẳng biết. Những kẻ thông minh trong thế gian nếu có hàm dưỡng, từng trải thì sẽ nhập đạo. Nếu không, ắt sẽ do trí tuệ nhỏ nhoi mà tự phụ đến nỗi lầm lạc cậy vào sự hiểu biết của chính mình rồi hủy báng Phật pháp. Vì thế đức Phật xếp *thế trí biện thông* vào tám nạn. Điều này đáng răn dè sâu đậm, thiết thực! Căn bệnh ấy chính là do dùng tri kiến của phàm phu để suy lường cảnh giới của Phật, Bồ-tát. Nếu biết phàm phu quyết chẳng thể suy lường cảnh giới của Phật, Bồ-tát thì sẽ ngưng dứt được căn bệnh ấy.

Đừng nói cảnh giới của Phật, Bồ-tát chẳng thể suy lường được, đối với chủ nhân ông của khởi tâm động niệm, kẻ ấy từ sống đến chết há có biết được, có nhìn thấy chút nào hay chăng? Nếu đích thân biết được, thấy được chủ nhân ông của khởi tâm động niệm nơi chính mình thì sẽ dần dần biết được cảnh giới của Phật, Bồ-tát.

Những kẻ trí tuệ nhỏ nhoi mà cứ tự phụ ví như kẻ mù chẳng thấy được mặt trời, bèn bảo: "Chẳng có mặt trời!" Lũ mù nghe vậy, khen ngợi kẻ ấy: "Kiến thức cao siêu, đích xác, không sai lầm", chẳng biết đấy chính là tà thuyết tự lầm, lầm người. Há chẳng đáng buồn quá đỗi ư? Vì thế, phàm những bậc đại thông gia lỗi lạc xưa nay, không ai chẳng dùng Phật pháp để làm cái gốc nhằm "cùng lý tận tánh" hòng giữ yên cõi đời, giữ cho dân lương thiện. Những vị lập đại công, dựng đại nghiệp, nêu tỏ được những lẽ mầu nhiệm chưa truyền của thánh hiền, đấy đều là do học Phật đắc lực mà được; nhưng kẻ tự phụ thông minh đâu có biết như thế! Kẻ bệnh biết thuốc, lãng tử là khách đáng thương, khôn ngăn cảm khái, buồn than, giãi tấm lòng trung để thưa bày. Nếu rủ lòng tiếp nhận thì may mắn lắm thay!

Hết thảy kinh Phật và những kinh sách xiển dương Phật pháp đều nhằm làm cho con người giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, sửa lỗi hướng lành, hiểu rõ nhân quả ba đời, nhận biết Phật tánh vốn sẵn có, thoát biển khổ sanh tử, sanh lên cõi tịnh Cực Lạc. Vì thế phải vô cùng cung kính, chớ nên khinh nhờn! Sách này trình

bày cặn kẽ bổn và tích của đức Quán Âm trong những kiếp xưa, cũng như sự cảm ứng ở phương này. Phân nửa quyển một phần nhiều trích dẫn kinh văn, trọn quyển bốn là những đoạn trích dẫn từ kinh điển. Những quyển khác tuy gồm những trích dẫn từ các sách vở, nhưng đều nhằm chỉ rõ chuyện cứu khổ ban vui của đức Quán Âm thì cũng giống như kinh. Do ân từ đức thánh ban bố cho nên nói: "Phải tôn kính như tôn kính đức thánh vậy!" Người đọc ắt phải sanh lòng cảm ơn, sanh ý tưởng khó được gặp gỡ, tay sạch, bàn sạch, giữ lòng kính, gìn lòng thành, như đối trước Phật, trời, như tới trước mặt thầy dạy của đế vương thì vô biên lợi ích sẽ đích thân đạt được. Nếu buông lung không e dè, mặc sức khinh nhờn và cố chấp nơi sự thấy biết hẹp hòi của chính mình rồi sanh lòng hủy báng xằng bậy thì tội lỗi ngập trời, khổ báo vô tận. Ví như kẻ mù đụng phải núi báu, đâm ra bị thương tổn, chẳng đáng buồn sao?

**** Kính cẩn trình bày phương pháp xem đọc dành cho những vị chưa từng nghiên cứu Phật học***

Ba quyển đầu trong bộ tụng văn này được chia làm hai phần lớn:

1. Từ trang thứ nhất của quyển 1 cho đến dòng thứ 6 của trang 25 trong quyển 1 đều là những bài ca tụng các chuyện thuộc bổn hay tích của Bồ-tát trong kiếp xưa trích theo kinh điển.

2. Tiếp theo đó đều là những bài kệ tụng về sự tùy cơ cảm ứng của Bồ-tát ở phương này (tức cõi Sa-bà nói chung và Trung Hoa nói riêng - chú thích của người dịch).

Nếu những vị nào chưa từng nghiên cứu Phật Học thì khi xem, hãy nên đọc trước từ dòng thứ 7 trang 25 của quyển thứ nhất trở đi cho đến hết quyển thứ ba. Rồi đọc những phần dẫn kinh văn để chứng minh trong quyển thứ tư. Đọc phần kinh văn dẫn chứng xong, lại xem từ trang thứ nhất của quyển 1 thì sẽ chẳng cảm thấy khó hiểu, chẳng nẩy sanh ý tưởng không muốn đọc cho hết, chắc chắn sẽ hớn hở, hoan hỷ, sanh lòng cảm kích lớn lao. Đối với những điều người đời trước đã may mắn tránh được thì chính mình cũng muốn tránh. Phàm những gì người xưa đã may mắn đạt được thì chính mình cũng muốn đạt được. Bỏ cái tâm chấp trước của phàm phu, thuận theo hoằng nguyện của Bồ-tát, tự xót xót người, tự thương thương người. Từ đấy thường niệm thánh hiệu của Bồ-tát, lại còn khuyên khắp hết thảy những người cùng hàng đều niệm danh hiệu Bồ-tát để ắt đều tiêu trừ nghiệp chướng từ vô thủy, tăng trưởng thiện căn tối thắng, gần là hưởng cái nhân "các duyên thuận thảo, không điều gì chẳng tốt lành", xa là đạt cái quả "siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử".

**** Kính khuyên các độc giả phải chú trọng chí thành cung kính để tự đạt được lợi ích thật sự***

Pháp thế gian hay xuất thế gian đều lấy lòng thành làm gốc. Hễ có lòng thành thì sẽ cảm được thánh ứng;

không có lòng thành thì do không cảm, thánh sẽ không ứng. Ví như mặt trăng rạng rỡ giữa bầu trời, hiện bóng trong muôn sông, nếu nước đục ngầu xao động, bóng trăng khó thể hiển hiện được. Do nước gây nên như thế, đâu phải lỗi của trăng! Vì thế nói: "Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp, ắt phải cầu từ nơi cung kính. Có một phần cung kính, tiêu được một phần tội nghiệp, tăng một phần phước tuệ. Có mười phần cung kính, tiêu được mười phần tội nghiệp, tăng mười phần phước tuệ." Nếu không cung kính thì chỉ kết được cái duyên xa, khó được lợi ích thật sự. Nếu lại còn khinh nhờn sẽ mắc tội vô lượng.

Hơn nữa, những bài tụng và lời chú giải trong các trang 16, 17, 18 của quyển 3 nhằm dẫn khởi trí tuệ, chứa đựng nhiều thiền cơ. Những câu nói ấy chỉ có người thật sự có sở ngộ mới hiểu được ý chỉ, chớ nên dò đoán, tìm tòi ý nghĩa dựa theo câu văn. Dẫu cho sẵn tánh thông minh, hễ càng suy lường thì càng xa. Lời lẽ trong nhà Thiền đều là như thế. Nếu có thể chú trọng lòng kính, giữ lòng thành, chấp trì thánh hiệu của Bồ-tát thì mai kia nghiệp tiêu trí rạng, tất cả những lời lẽ thiền cơ sẽ đều hiểu rõ từng câu như "mở cửa thấy núi, vẹt mây thấy mặt trăng" vậy!

24. Đề từ cho An Sĩ Toàn Thư

**** Đọc sách cần biết***

Trong sách này, phàm tân truyền[22] của Khổng - Mạnh,

22 "Tân truyền" là cách nói gọn của chữ "tân tận hỏa truyền" (củi hết nhưng lửa còn)

đạo mạch của Phật, tổ, cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, liễu sanh thoát tử và những lời ăn tiếng nói, xử sự trong thường ngày, khởi tâm động niệm, mỗi mỗi đều chỉ rõ, đáng làm khuôn mẫu. Thật có thể nói là "mượn nhân quả thế gian để chỉ rõ khuôn mẫu huyền nhiệm hòng trở thành thánh", quả thật là đạo mầu để Như Lai tùy theo căn cơ độ sanh, là chân thuyên[23] để chúng sanh lìa khổ được vui. Độc giả hãy nên coi sách này giống hệt như kinh Phật, hãy giữ lòng kính nể, đừng khinh nhờn thì không phước nào chẳng đưa tới, không tai nạn nào chẳng tiêu! Kính thưa trình cách đọc gồm mười điều, mong hãy xét cho lòng ngu thành.

1. Lúc sắp mở sách ra đọc tụng, trước hết hãy nên phát tâm cung kính như gặp vị khách quý, như đối trước bậc tiên triết, ngõ hầu luôn luôn ngộ nhập được dụng ý sâu xa của tác giả.

2. Lúc sắp mở sách ra đọc tụng, trước hết hãy nên phát tâm chí thành, thốt lời khẩn thiết, khen ngợi ông Chu An Sĩ vận tâm cứu thế rộng lớn để soạn thành kiệt tác cứu thế này và vui mừng mình đã hữu duyên được đọc.

3. Lúc sắp mở sách ra đọc tụng, trước hết hãy nên rửa tay, súc miệng, đặt sách trên bàn sạch trong gian phòng sạch sẽ rồi mới mở ra xem.

---

thường được để chỉ đạo lý, học thuyết được truyền thừa chân thực giữa thầy và trò như củi đốt hết lớp này sang lớp khác, ngọn lửa vẫn còn mãi.

23 Theo Câu Xá Tụng Sớ, quyển 1 cũng như Tông Kính Lục quyển 26, thuyên (詮) có nghĩa là rõ ràng. Những lời lẽ giảng giải chân lý rõ ràng rành mạch được gọi là "chân thuyên" (眞詮).

4. Lúc sắp mở sách ra đọc tụng, trước hết chỉnh đốn quần áo, ngồi ngay ngắn một lát, sám hối hết thảy những ác niệm, ác ngữ, ác hạnh như ganh ghét, khinh mạn, kiêu cuồng v.v..

5. Lúc đọc tụng, hễ ngộ nhập được một câu một chữ, đều nên khởi lòng hoan hỷ lớn lao và tùy thời ghi chép những điều tâm đắc, đừng bỏ mặc cho quên mất.

6. Lúc đọc tụng, hãy nên nghĩ rộng rãi về ý nghĩa, thoạt đầu là dùng sách để nhiếp tâm, tiếp đó dùng tâm để chuyển nghiệp, cuối cùng tiến tới tâm niệm không ngừng nghỉ thực hành, khuyên dạy rộng rãi để chuyển thế giới ngũ trược thành thế giới Cực Lạc.

7. Lúc tâm khởi vọng niệm, hãy nên cung kính đặt sách xuống, tạm ngừng đọc.

8. Đọc xong hoan hỷ, theo đúng pháp vâng làm, hãy nên thường khởi lòng hâm mộ tâm hoằng pháp của ông Chu, tận lực bắt chước làm theo.

9. Đọc hết bộ sách xong, hãy nên nghĩ kỹ rộng rãi xu hướng trong xã hội hiện tại để nhiếp hóa rộng lớn, ngõ hầu điều lành được lưu truyền.

10. Đọc hết bộ sách xong, thấy được những chỗ có thể tuyên thuyết phù hợp căn cơ thì liền vì người không biết chữ mà phương tiện diễn nói rộng rãi để tạo lợi ích lớn lao.

**** Lời ghi sau sách [An Sĩ Toàn Thư]***

Sách này mượn từ ngữ để xiển dương ý nghĩa, tinh tường, tỉ mỉ trọn vẹn. Đối với cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ, cùng lý, tận tánh, xử thế, xuất thế, đều tạo lợi ích lớn lao, đáng coi là bộ sách lạ lùng vãn hồi thế đạo nhân tâm bậc nhất. Độc giả cần phải chú trọng cung kính, kiền thành, khiết tịnh, lắng lòng suy nghĩ lãnh hội thì vô biên lợi ích sẽ đích thân đạt được. Nếu như khinh nhờn, sẽ mắc tội chẳng cạn. Nếu chẳng muốn xem, xin hãy tặng lại cho người khác, đừng cất trên gác cao. Lại mong độc giả xem xong sẽ lập đủ mọi cách để xoay vần lưu truyền ngõ hầu hết thảy đồng bào trong hiện tại lẫn vị lai đều cùng thoát khỏi đường mê, đều cùng lên bờ giác.

25. Đề từ cho bản nghiên cứu "Người học Phật có nên ăn thịt hay chăng?"

Rền sấm pháp lớn, diễn đại pháp nghĩa, phá chấp cứu kiếp, lợi ích khôn ngằn.

26. Đề từ cho sách Ấn Quang Pháp Sư Gia Ngôn Lục (bài thứ nhất)

Nhân quả báo ứng là phương tiện lớn lao để thánh nhân Nho - Thích bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Giáo dục trong gia đình chính là thiên chức "củng cố cội gốc, trọn hết bổn phận, vun bồi hiền tài" của hàng thất phu

thất phụ. Tín nguyện niệm Phật là diệu pháp để phàm phu đầy dẫy triền phược liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Sách này văn tuy chất phác, vụng về, nhưng nghĩa thật thiết yếu; tựa hồ chỉ để nói riêng với người tu Tịnh độ, nhưng thật ra ngụ ý đề xướng đạo "nhân quả báo ứng, giáo dục trong gia đình". Mong những ai có được bộ sách này hãy nên thường giảng nói, hướng dẫn cha mẹ, anh em, vợ con, xóm giềng, làng nước, thân thích, bằng hữu để bọn họ đều giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ắt sống sẽ dự vào bậc thánh hiền, mất về cõi Cực Lạc, may mắn chi hơn? Nguyện những ai đọc tụng hãy cung kính tin nhận, đừng nên khinh nhờn, hãy lần lượt lưu thông, đừng nên bỏ mặc. Sẽ thấy hiền tài dấy lên đông đảo, thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui. Đấy chính là điều Bất Huệ thơm thảo cầu mong vậy!

27. Đề từ cho sách Ấn Quang Pháp Sư Gia Ngôn Lục (bài thứ hai)

Pháp môn Tịnh độ đế lý rất sâu, chỉ có Phật với Phật mới thấu hiểu trọn hết. Bởi lẽ pháp này Đại - Tiểu bất nhị, Quyền - Thật như một, vì thế trên từ Đẳng giác Bồ-tát dưới đến phàm phu nghịch ác đều nên tu trì, đều có thể tu tập thành tựu. Chúng sanh đời mạt thiện căn cạn mỏng, nếu chẳng nương vào Phật lực sẽ trông cậy vào đâu? Nếu vâng

tin lời Phật, sanh lòng tin phát nguyện trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. Lại còn đừng làm các điều ác, vâng làm những điều lành, giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành. Nếu làm được như thế thì trong vạn người không một ai chẳng được vãng sanh! Kinh luận Tịnh độ văn nghĩa rõ ràng, cách tu trì của Tịnh độ tùy cơ tự lập. Đã không phải lo có những chỗ sâu mầu khôn lường, mà cũng chẳng phiền vì gian nan, khốn khổ. Lại còn chẳng tốn kém tiền tài, hơi sức, chẳng trở ngại nghề nghiệp, làm ăn. Nếu có thể tùy phần tùy sức, thường luôn nghĩ nhớ thì thần ngưng, ý tịnh, nghiệp tiêu, trí rạng, tự nhiên thân tâm an lạc, các duyên thuận lợi, niềm vui ấy làm sao diễn tả được! Nguyện người thấy kẻ nghe đều cùng tu trì, ai nấy đều ôm lòng tự lợi lợi tha, cùng phát nguyện tự lập lập người, cung kính thọ trì, tùy duyên xướng suất, hướng dẫn, xoay vần lưu thông, khiến cho được trọn khắp cõi nước ngõ hầu hết thảy đồng luân đều cùng được gội ân Phật, cùng sanh Tịnh độ thì thật là điều may mắn lớn lao!

28. Đề từ cho sách Cảm Ứng Thiên Trực Giảng

Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Kinh Thư chép: *"Huệ địch cát, tùng nghịch hung, duy ảnh hưởng"* (Thuận theo lẽ trời sẽ dẫn đến điều tốt, trái nghịch sẽ hung hiểm, giống như bóng theo hình). Lại nói: *"Tác thiện giáng chi bách tường, tác bất thiện giáng chi bách ương"* (Làm lành thì trăm điều tốt lành giáng xuống, làm

điều chẳng lành thì trăm nỗi tai ương giáng xuống). Kinh Dịch chép: *"Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh; tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương"* (Nhà tích thiện thì niềm vui có thừa, nhà tích điều bất thiện tai ương có thừa). Đấy đều là những lời nói về nhân quả. Còn như trong Phật pháp thì lại càng rõ rệt hơn nữa. Trước là nói đến tận quá khứ, sau là chỉ rõ vị lai. Muốn biết cái nhân trong đời trước thì những gì phải hứng chịu trong đời này chính là nó đấy, muốn biết quả trong đời sau thì những gì đã làm trong đời này chính là nó đấy. Hiểu rõ điều này thì thiện ác báo ứng chẳng sai lệch hào ly, cát hung họa phước đều do chính mình chiêu cảm. Con người dẫu chí ngu, quyết cũng chẳng đến nỗi vui mừng vì gặp tai họa, tránh lành, hướng dữ! Tiếc là không có những tấm gương tầy liếp, đến nỗi con người thường làm những chuyện trái ngược với điều mình mong cầu. Đấy chính là lý do tại sao những bậc quân tử có lòng lo cho cõi đời coi chuyện miệt mài lưu truyền sách Cảm Ứng Thiên Trực Giảng là nhiệm vụ gấp rút vậy.

29. Đề từ cho sách Âm Chất Văn Đồ Chứng

Đời đã loạn đến cùng cực, ai nấy đều mong bình trị, nhưng chẳng tìm ra đạo để đạt đến bình trị, chỉ mong mỏi suông thì rốt cuộc có ích gì đâu? Do vậy phải nên đề xướng giáo dục trong gia đình và nhân quả báo ứng. Giáo dục trong gia đình phải khởi đầu khi con cái đang còn thơ ấu, ngõ hầu chúng nó biết tường tận "hiền từ, hiếu thảo, nhường nhịn, cung kính, hòa thuận, nhân từ, trung thực"

chính là thiên chức của kẻ làm con, làm anh em, làm chồng vợ, làm chủ, làm tớ. Từ đấy ai nấy trọn hết bổn phận của chính mình để mong đẳng sanh ra ta chẳng bị hổ thẹn, để làm kẻ hiền thiện. Lại còn tuyên nói nhân quả báo ứng ngõ hầu có pháp tắc để chế ngự cái tâm, chẳng đến nỗi vượt lý, phạm phận thì những ý niệm tự tư tự lợi xấu ác tự bị tiêu trừ, thiện tâm vì người vì vật sẽ tự nẩy sanh. Như thế thì chuyện tranh giành, đánh phá lẫn nhau sẽ bị diệt mất, thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui. Bởi thế, cùng với những người có cùng một chí hướng lưu thông sách này ngõ hầu người đọc sách sẽ thọ trì làm theo, xoay vần lưu truyền thì may mắn lắm thay!

30. Đề từ cho bản in gộp chung tác phẩm Phóng Sanh Sát Sanh Hiện Báo Lục của tiên sinh Giang Thận Tu và bài văn khuyên kiêng giết phóng sanh của đại sư Liên Trì

Ông Hoàng Sơn Cốc nói:

Ngã nhục, chúng sanh nhục,
Danh thù, thể bất thù,
Nguyên đồng nhất chủng tánh,
Chỉ thị biệt hình khu,
Khổ não tùng tha thụ,
Phì cam vị ngã nhu,
Mạc giao Diêm lão đoán,
Tự sủy, ứng hà như?

(Thịt ta, thịt chúng sanh,
Tên khác, thể chẳng khác,
Vốn cùng một chủng tánh,
Chỉ là khác hình hài.
Khổ não chúng cam chịu,
Ngọt bùi ta hưởng riêng.
Chẳng đợi Diêm vương xử,
Tự suy ắt biết mà!)

Thiền sư Nguyện Vân có bài kệ như sau:

Thiên bách niên lai oản lý canh,
Oán thâm như hải, hận nan bình,
Dục tri thế thượng đao binh kiếp,
Đản thính đồ môn dạ bán thanh.

(Trăm ngàn năm qua trong bát canh,
Oán sâu tự biển, hận khôn bình;
Muốn biết đao binh trên cõi thế,
Lắng nghe lò mổ giữa đêm thanh.)

Thiền sư Từ Thọ nói:

Ẩm thực ư nhân nhật nguyệt trường,
Tinh thô tùy phận tắc cơ thương,
Hạ hầu tam thốn thành hà vật?
Bất dụng tương tâm tế giảo lượng.

(Đời người ăn uống bao niên,
Dở, ngon tùy phận khỏi phen đói lòng,

Nuốt qua cổ họng là xong,
Tính toan tỉ mỉ nhọc lòng làm chi?)

Những vật nuôi dưỡng con người trong thế gian kể sao cho xuể, nấu nướng, nêm nếm đúng cách, vị đều ngon lành. Há nên vì bụng miệng ta mà giết hại sanh mạng đến nỗi đời đời kiếp kiếp sát hại lẫn nhau trọn chẳng có khi nào dứt, chẳng đáng buồn sao? Vì thế lưu truyền sách này để mong vãn hồi sát kiếp. Nguyện người thấy nghe đều cùng tin nhận thì may mắn lắm thay!

31. Đề từ sách Thọ Khang Bảo Giám (bài thứ nhất)

Không một ai chẳng muốn chính mình và con cháu đều trường thọ, yên vui. Nếu đối với chuyện sắc dục chẳng biết kiêng dè, thận trọng, sẽ gặt lấy hậu quả trái ngược, thật đáng đau thương! Vì thế Khổng tử nói: *"Thiếu chi thời huyết khí vị định, giới chi tại sắc"* (Lúc niên thiếu khí huyết chưa định, phải kiêng dè nơi sắc dục). Mạnh tử nói: *"Dưỡng tâm giả, mạc thiện ư quả dục. Kỳ vi nhân dã quả dục, tuy hữu bất tồn yên giả, quả hỹ. Kỳ vi nhân dã đa dục, tuy hữu tồn yên giả, quả hỹ"* (Dưỡng tâm thì không gì hay bằng ít ham muốn. Ai làm người mà ít ham muốn, tuy tâm người ấy có những điều không hợp đạo nghĩa, nhưng những điều ấy cũng ít. Ai làm người có lắm ham muốn, tâm dù có giữ được đạo nghĩa thì đạo nghĩa ấy cũng chẳng được mấy[24]). Do vậy nói rằng: "Sự sống chết tồn vong

24 Câu nói này được trích từ thiên Tận Tâm hạ của sách Mạnh Tử. Chúng tôi dịch

của con người tùy thuộc quá nửa nơi con người có ít ham muốn sắc dục hay không?"

Bất Huệ trọn chẳng có sức cứu đời, nhưng lòng mong duy trì tuổi thọ cho người đời. Do vậy bèn tu chỉnh, bổ sung cuốn sách này để ấn hành, lưu truyền, nhằm mong những ai biết yêu thương chính mình và con cháu hễ có được cuốn sách này đều đọc kỹ càng thì quan hệ lợi hại sẽ rõ ràng như nhìn vào ngọn lửa. Trong là răn nhắc con cháu, ngoài là răn nhắc những kẻ cùng hàng. Lại mong xoay vần lưu thông để truyền khắp vũ trụ ngõ hầu hết thảy mọi người cùng hàng đều được sống lâu, mạnh khỏe, đấy chính lời cầu chúc thơm thảo vậy.

32. Đề từ sách Thọ Khang Bảo Giám (bài thứ hai)

Con người từ sắc dục mà sanh, nên tập khí này đặc biệt sâu đậm. Hễ không kiêng dè cẩn thận, phần nhiều sẽ chết vì sắc dục! Các bậc thánh vương thời cổ vì yêu thương dân nên đối với chuyện vợ chồng ân ái chẳng tiếc công sai quan truyền lệnh dùng linh gõ đi khắp nẻo đường[25], ngõ hầu người dân khỏi phải lo sầu vì bị mất mạng, lòng

---

câu nói này theo cách giải thích trong sách Tứ Thư Bạch Thoại Chú Giải của Thường Nhiệt Châu và Lân Công Chấn (Tịnh tông học hội Hoa Tạng xuất bản tại Đài Loan năm 2003).

25 Trong thiên Nguyệt Lệnh sách Lễ Ký có chép: *"Quý Xuân, tiên lôi tam nhật, tù nhân dĩ mộc đạc, tuần vu đạo lộ, viết: - Lôi tương phát thanh, hữu bất giới kỳ dung chỉ giả, sanh tử bất bị, tất hữu hung tai"* (Cuối Xuân, trước khi sấm động ba ngày, viên quan truyền lệnh liền khua linh gõ, đi khắp các nẻo đường truyền lệnh: *'Sắp có sấm động, kẻ nào chẳng kiêng ăn nằm thì sanh con chẳng toàn vẹn, ắt sẽ bị tai nạn hung hiểm'*).

từ ái thật khôn xiết! Cho đến đời sau, chẳng những chánh lệnh nước nhà chẳng thèm nhắc đến, ngay cả cha mẹ cũng chẳng bảo ban con cái, đến nỗi đại đa số thiếu niên lầm lạc mất mạng, đáng buồn quá sức!

Bất Huệ sống trên cõi đời mấy chục năm, thấy nghe khá nhiều, khôn ngăn bi thương. Do vậy quyên mộ in cuốn sách này để mong những người cùng hàng đều được sống lâu mạnh khỏe. Mong sao những người có được cuốn sách này ai nấy đều đọc kỹ, xoay vần lưu thông, đừng để phí tâm tư, tiền tài mà trọn chẳng được mảy may lợi ích thật sự nào thì may mắn lắm thay!

33. Đề từ cho sách Chánh Tín Lục của cư sĩ La Lưỡng Phong

Đáng than thay, người đời phần nhiều tưởng mình là trí, nhưng đối với chân diện mục của chính mình còn chưa biết được danh tự, huống hồ những chuyện thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai, đời trước, đời sau! Bậc cổ thánh nhân của Nho giáo chú trọng nơi xử thế nên đối với đạo lý sâu xa này chỉ nêu đại lược những nét chánh yếu. Nho sĩ chẳng suy xét sâu xa, liền bảo không có nghĩa ấy. Phật đã dạy rõ ràng rộng rãi như đuốc tuệ trong đêm dài, phàm những ai có túc căn đều cùng quy hướng. Nhưng bọn Lý học muốn ngăn trở bước tiến của hậu học, đặc biệt cực lực bài xích để mong ngăn chặn hết thảy mọi người, chẳng biết người có căn tánh lớn lao quyết chẳng bị bọn chúng khống chế, đáng

than thay! Những kẻ tầm thường cứ lầm tưởng những lời lẽ xằng bậy của bọn Lý học là chánh đáng, chí lý, do đấy đả phá sự lý nhân quả và luân hồi, cho rằng con người chết đi vĩnh viễn diệt mất, không có thần trí. Do vậy, những kẻ làm ác có lý do lớn lao để lấp liếm ác tâm, ác hạnh, cho đến ngày nay rối loạn cùng cực không cách gì chữa trị được.

May mà còn có đủ mọi chuyện thể hiện bản lãnh của bậc đại tâm. Ông La sao lục, sưu tập những chuyện ấy để cống hiến cho đời hiện tại và vị lai. Vì thế đặc biệt ấn hành để mong lưu truyền rộng rãi. Nguyện những ai thấy nghe đều biết chánh ý của Nho và Thích, lần lượt lưu truyền trọn khắp trong đời hiện tại lẫn vị lai, ngõ hầu đạo Nho được tỏa rạng mà đạo Phật cũng chẳng suy vi, nhân dân được yên vui, giữ đạo một cách dễ dàng, sống là học trò của thánh hiền, chết sẽ lên cõi Cực Lạc, xoay chuyển thói tục bạc ác, cùng vun giữ lòng nhân từ, khoan dung. Một lòng khăng khăng như thế chắc những bậc trí sẽ nể tình chẳng vứt bỏ vậy.

34. Đề từ cho bộ Dương Phục Trai[26] Thi Kệ Tục Tập

Mười mấy năm qua, cư sĩ Dịch Viên chuyên tu tịnh nghiệp, là bậc hướng dẫn tốt lành trong một làng. Hễ gặp cảnh chạm duyên, liền tùy cơ thù tiếp, thường dùng thi ca, thường khiến cho người khác được mở rộng tâm mục đều phát tín tâm. Năm ngoái, ông ta đã từng lo liệu ấn hành.

26 Dương Phục Trai là tên thư phòng của Giang Dịch Viên.

Năm nay lại có một cuốn Tục Tập, lại muốn ấn tống, gởi cho Quang duyệt, khôn ngăn hoan hỷ, cảm thán tột bậc. Tiếc cho Quang tinh thần lẫn mục lực chẳng đủ, chẳng thể giảo đối thay cho ông ta được, không lúc nào chẳng nuối tiếc, bèn viết dăm lời quê mùa để tỏ tấm lòng tôi.

Thơ của Dịch Viên đúng là lời, phụ nữ, trẻ con nghe kinh ngạc, dung nhiếp ý Phật lẫn ý tổ, quan trọng nhất là sanh cõi Tịnh. Thơ của Dịch Viên đúng là vẽ, tâm cảnh, tánh địa phô cặn kẽ. Độ ách khiến cho ngũ uẩn không, quy mạng Nguyện Vương khuyên kính lễ. Thơ của Dịch Viên đúng là quẻ, cát hung họa phước phô rành rành, khiến thoát trọn vẹn cửa ải họa phước, tịnh niệm tiếp nối cầu về Tây. Nếu ai thường đọc thơ Dịch Viên, thân - khẩu - ý đều không tỳ vết, khi sống trọn thành bậc thánh hiền, lâm chung chắc về ao bảy báu. Tôi: sư tầm thường, rành cơm cháo, trừ niệm Phật, trăm sự bất tài, nguyện các hiền triết khắp pháp giới, đều kết bạn lành nơi hải hội.

35. Đề từ cho bài tường thuật đại lược hành trạng ông Quách Tử Cố và người phối ngẫu đức hạnh là bà nhụ nhân Phùng[27] ở huyện Định Tây, tỉnh Cam Túc

27 Thoạt đầu, nhụ nhân (孺人) là danh xưng để gọi vợ các quan đại phu (thiên Khúc Lễ sách Lễ Ký ghi: "Phi tần của thiên tử gọi là *hậu*, vợ của chư hầu gọi là *phu nhân*, vợ của đại phu gọi là *nhụ nhân*. Vợ của quan lại cấp nhỏ gọi là *phụ nhân*, vợ của dân thường gọi là *thê*"). Thời Đường, danh từ này chỉ dành riêng để gọi vợ các vị có tước vương, đến đời Tống lại dùng để gọi chung mẹ hoặc vợ các quan. Đến thời Thanh, chỉ vợ hoặc mẹ các quan từ thất phẩm trở lên mới được gọi là nhụ nhân. Tuy vậy đến cuối đời Thanh, nhụ nhân thường được dùng như một mỹ từ để gọi vợ của người khác trong văn chương.

Làm phận con nên lấy đạo "siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử" để khuyên cha mẹ, khiến cho ngay trong đời này, cha mẹ được cao dự Liên Trì hải hội, thân cận Di-đà Thế Tôn, cùng có thọ lượng, quang minh giống như Di-đà Thế Tôn. Hiếu như vậy mới là chân hiếu! Còn truyền bá hành trạng của cha mẹ tuy là một trong những hạnh hiếu, nhưng tự hành, dạy người, làm cho khắp những ai thấy nghe đều cùng tu tịnh nghiệp, cùng sanh Tịnh độ, cùng chứng Vô sanh, cho đến cùng thành giác đạo chẳng phải là tốt hơn hay chăng? Vợ chồng ông Quách tận lực phụng dưỡng, chôn cất, dẫu xét theo lòng hiếu thế tục cũng chẳng dễ dàng cho lắm. Nay nhờ chuyện này để xoay chuyển lòng người, tôi đặc biệt viết 28 chữ như sau:

"Nêu hạnh đẹp trong làng, trọn vẹn cả đôi bề, khiến khắp kẻ thấy nghe, đều được hưởng chân thuần, vợ chồng nhà ông Quách, đức đẹp đáng khâm phục."

36. Đề từ kỷ niệm chuyện pháp sư Trần Không sáng lập liên xã

Thật thà niệm Phật!

Để kỷ niệm chuyện pháp sư Trần Không từ đất Tô đến đất Kiềm (Quý Châu), sáng lập liên xã, xin khích lệ những người cùng chí hướng bằng mấy lời như sau:

Xót thương chúng sanh trong cõi đời, căn độn, nghiệp nặng, chỉ có niệm Phật thì mới chắc chắn mong

thoát được sanh tử. Hãy nên quán tưởng như tù nhân bị dắt ra chợ để hành hình, mỗi bước càng gần với cái chết hơn! Phàm những vị có cùng chí hướng niệm Phật với tôi, ắt đều phải niệm niệm trừ sạch các duyên, quyết muốn giữ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha. Hãy nên tu chánh hạnh niệm phật, dùng tín nguyện dẫn đường, lấy niệm Phật làm chánh hạnh. Ba pháp tín nguyện hạnh chính là tông yếu của pháp môn niệm Phật. Do bốn chữ hồng danh chẳng rời niệm, tiếng niệm Phật chẳng ngừng, tâm và Phật tự nhiên khế hợp, tam-muội sẽ tự thành.

(Ngày 22 tháng Giêng)

37. Đề từ cho tác phẩm Mạc Vương Trí Duệ Nữ Cư Sĩ Ai Văn Lục[28]

Cư sĩ Trí Duệ vừa đọc Văn Sao liền sanh tín tâm, ăn chay niệm Phật, chưa được bao lâu liền biết trước lúc mất, niệm Phật qua đời, đáng gọi là bậc trượng phu trong nữ giới! Chẳng thẹn mang tên Trí Duệ. Nguyện những vị trượng phu mày râu, những vị hiền thục mềm mỏng chốn khuê các trong cõi đời đều chẳng nhường cho bà ta riêng được giải thoát thì may mắn lắm thay!

(Ngày 17 tháng 2 năm Kỷ Ty,
tức năm Dân Quốc 18 - 1929)

---

28 Đây là cuốn sách tập hợp những bài tỏ lòng thương tiếc, ca ngợi phẩm hạnh của bà Vương Trí Duệ. Bà này họ Vương, chồng họ Mạc, pháp danh Trí Duệ nên thường được gọi kèm cả họ chồng là Mạc Vương Trí Duệ.

38. Đề trên chiếc quạt có hình Vô Lượng Thọ Phật do cư sĩ Cao Hàng Sanh cất giữ

Ngoài dứt các duyên,
Trong tâm chẳng rộn,
Tâm như tường vách,
Có thể nhập đạo.

39. Thuận tay viết về niệm Phật

Pháp Hoa kinh tạng sâu thẳm u viễn không ai thấu đạt được. Chúng ta có chí tiến nhập thì xin hãy chí thành khẩn thiết, chuyên trì thánh hiệu A-di-đà Phật. Nếu có thể nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối thì sẽ tự có thể ngầm thông Phật trí, thầm hợp đạo mầu. Trong đời hiện tại sẽ mau chóng thoát khỏi ngũ trược, cao đăng chín phẩm, cho đến chứng Vô sanh nhẫn, thành đạo Bồ-đề. Lời nói này tuy cực bình thường, nhưng quả thật là bí yếu của chư Phật. Nếu bậc thông gia xem đến, chắc chắn sẽ bật cười!

(Bài văn này còn lưu lại dấu tích ở chùa Linh Nham, nhưng không có đề mục. Tựa đề do Đào (tức ông La Hồng Đào) tự tiện đặt. Huệ Dung ghi)

V. PHÁP NGỮ

1. Tịnh độ Pháp Môn Thuyết Yếu *(giảng những điều trọng yếu trong pháp môn Tịnh độ)*

(Vương Cầu Thị và Cung Vân Bá ghi)

Nguyên thủy, bản tánh của chúng sanh và Phật vốn không hai, không khác, chỉ vì chúng sanh chẳng giữ gìn tự tánh, bị trần lao làm bẩn, tập khí ô nhiễm ngăn lấp đến nỗi mê ngộ thật khác, chúng sanh và Phật khác biệt thật xa. Chỉ vì chúng sanh mê có cạn sâu, căn tánh có lớn nhỏ, nên đức Như Lai bèn tùy thuận căn cơ để lập giáo, dựa theo căn bệnh để ban thuốc, vì thật lập quyền, khai quyền hiển thật. Nơi pháp Nhất thừa nói đủ mọi lẽ khiến cho kẻ thiện căn chín muồi sẽ lên thẳng bờ giác, kẻ ác duyên sâu nặng sẽ dần dần thoát khỏi trần lao. Do vậy trong 49 năm, tùy

theo chủng tánh mà lập ra các giáo pháp Đại, Tiểu, Tiệm, Đốn, Bán, Mãn nhằm giáo hóa.

Các pháp môn thuộc Tông, thuộc Giáo phần nhiều cậy vào tự lực. Dẫu cho túc căn sâu dày, triệt ngộ tự tâm, nhưng nếu kiến hoặc và tư hoặc còn có chút nào chưa sạch hết thì vẫn luân hồi trong sanh tử y như cũ, không thể thoát ra. Huống chi đã thọ thai ấm[29], vừa chạm cảnh liền sanh mê, kẻ từ giác đến giác ít ỏi, người từ mê vào mê đông đảo. Bậc thượng căn còn như thế, hạng trung hạ cần chi phải nói nữa. Liễu thoát sanh tử thật chẳng dễ dàng! Chỉ có pháp môn niệm Phật cầu sanh Tịnh độ chuyên cậy vào nguyện lực của Phật Di-đà, bất luận thiện căn chín muồi hay chưa, ác nghiệp nặng hay nhẹ, thậm chí ngũ nghịch thập ác, chỉ cần sanh lòng tin phát nguyện, trì danh hiệu Phật, khi lâm chung chắc chắn được đức Di-đà tiếp dẫn vãng sanh Tịnh độ. Cố nhiên, kẻ thiện căn chín muồi sẽ mau chóng viên mãn Phật quả, ngay cả kẻ ác nghiệp sâu nặng cũng may mắn được dự vào dòng thánh. So với những kẻ cậy vào tự lực thì sự khó dễ, được mất trong đấy chẳng cần phải rườm lời giải thích nữa. Vì thế, pháp môn Tịnh độ này chính là đạo trọng yếu để ba đời chư Phật độ sanh, là diệu pháp để thượng thánh hạ phàm cùng tu. Các kinh Đại thừa đều phát khởi lẽ trọng yếu này, lịch đại tổ sư không vị nào chẳng tuân hành.

---

29 Khi thần thức nhập thai, dễ bị ngũ ấm che lấp chân tánh nếu tâm chưa hoàn toàn đoạn sạch kiến hoặc và tư hoặc, đó gọi là thai ấm. Điều này còn được diễn tả bằng một từ ngữ khác là "cách ấm chi mê".

Cũng có những kẻ do thấy pháp môn Tịnh độ hết sức đơn giản, hết sức dễ dàng, dẫu là ngu phu ngu phụ cũng tu được, bèn coi thường Tịnh độ, chẳng biết một môn Tịnh độ thích hợp khắp ba căn, nhiếp trọn mười giới. Trong phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử sau khi đã chứng bằng với chư Phật, Phổ Hiền Bồ-tát bèn dùng mười đại nguyện vương để khuyến tấn, khích lệ Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc nhằm mong viên mãn Phật quả. Như Thiện Tài đã đạt đến địa vị Đẳng giác, Hoa Tạng hải chúng không có vị nào là phàm phu, Nhị thừa, toàn là những người thuộc 41 địa vị Pháp thân đại sĩ, phá vô minh, chứng tam đức, mà vẫn phải hồi tâm niệm Phật, nguyện vãng sanh Tây Phương. Hơn nữa, trong Hoa Tạng Hải có vô lượng Tịnh độ, nhưng cần phải hồi hướng Tây Phương; đủ biết vãng sanh Cực Lạc chính là cửa ngõ nhiệm mầu để xuất thế, là đường tắt để thành Phật.

Hơn nữa, thiền sư Vĩnh Minh nhằm dạy cho người tu hành đường lối trọng yếu đích xác, đã lập ra bốn bài kệ Liệu Giản[30]:

---

30 Liệu giản, đôi khi còn được gọi bằng những thuật ngữ khác như liễu giản, lượng giản, liệu kiến hoặc lượng kiến, đều cùng hàm nghĩa: "Phân biệt, biện định, chọn lựa chánh pháp một cách xác đáng nhất." Tùy theo từng tông phái mà ý nghĩa chữ liệu giản được chia chẻ tỉ mỉ hơn như sau:

1. Luận định, xem xét theo đủ mọi quan điểm, dùng phương thức vấn đáp để nghị luận tới chỗ tinh vi chặt chẽ nhất.

2. Riêng trong tông Lâm Tế, liệu giản là bốn phương pháp để hướng dẫn người học ngộ nhập chân như, tức: "Đoạt người không đoạt cảnh, đoạt cảnh không đoạt người, người lẫn cảnh đều đoạt, người lẫn cảnh đều chẳng đoạt."

1. Có Thiền có Tịnh độ,
Ví như cọp đội sừng,
Đời này làm thầy người,
Đời sau làm Phật, tổ.

2. Không Thiền, có Tịnh độ,
Vạn tu, vạn người về,
Nếu được thấy Di-đà,
Lo chi không khai ngộ.

3. Có Thiền, không Tịnh độ,
Mười kẻ, chín chần chừ,
Ấm cảnh nếu hiện tiền,
Chớp mắt đi theo nó.

4. Không Thiền, không Tịnh độ,
Giường sắt với cột đồng,
Vạn kiếp lẫn ngàn đời,
Không có người nương tựa.

Bốn bài Liệu Giản này của ngài Vĩnh Minh chính là cương tông của Đại tạng, là khuôn phép để tu trì. Trước hết cần phải hiểu đích xác thế nào là Thiền, thế nào là Tịnh, thế nào là có, thế nào là không, rồi mới theo văn mà phân tích, sẽ biết mỗi một chữ đều đích đáng, không thể thay đổi một chữ nào được.

---

3. Theo Thiên Thai tông Nhật Bản, liệu giản là dùng những phương cách để điều hòa những điểm mà nếu chỉ nhìn vào mặt văn tự sẽ tưởng lầm là kinh điển mâu thuẫn, chống trái nhau.

4. Lý giải vấn đề một cách dung thông, rộng rãi nhất.

Thiền chính là chân như Phật tánh chúng ta vốn sẵn có, tức bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra, tức "linh tri ly niệm, không năng, không sở, vừa tịch, vừa chiếu", tức cái được gọi là "thuần chân tâm thể". Tịnh độ chính là tín nguyện trì danh, cầu sanh Tây Phương (chứ không phải chỉ riêng cho "duy tâm Tịnh độ, tự tánh Di-đà"). "Có Thiền" là tham cứu cực lực đến mức "niệm tịch, tình vong", thấy thấu triệt bản lai diện mục, minh tâm kiến tánh. "Có Tịnh độ" là chân thật phát tâm, sanh lòng tin, phát nguyện, trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. Thiền và Tịnh độ là ước theo giáo, ước theo lý. "Có Thiền, có Tịnh độ" là ước theo căn cơ, ước theo tu. Một đằng là lý, một đằng là sự. Lý tuy là như thế, nhưng phải cần theo đúng lý để khởi hạnh, hạnh phải đạt đến cùng cực nhằm chứng lý, chính mình phải chuyên gắng nhằm thật sự đạt được. Nếu tham Thiền chưa ngộ, hoặc ngộ chưa triệt để, đều chẳng thể gọi là "có Thiền". Nếu niệm Phật nhưng không có tín nguyện, hoặc có tín nguyện nhưng không chân thật thiết tha, chỉ hờ hững hời hợt, lằng nhằng cho xong chuyện, hoặc hạnh tuy tinh tấn nhưng nhân địa chẳng thật, tâm lưu luyến trần cảnh, cho đến cầu phú quý trong đời sau, cầu sanh lên cõi trời hưởng lạc đều chẳng thể gọi là "có Tịnh".

"Có Thiền có Tịnh độ, ví như cọp đội sừng, đời này làm thầy người, đời sau làm Phật, tổ." Người ấy đã triệt ngộ Thiền tông, minh tâm kiến tánh, lại còn thâm nhập kinh tạng, biết cặn kẽ pháp môn quyền - thật của đức Như Lai, nhưng trong các pháp chỉ chọn một pháp tín nguyện niệm

Phật, tự lợi lợi tha. Người ấy có đại trí tuệ, đại biện tài, tà ma ngoại đạo nghe danh vỡ mật, như cọp lại đội sừng. Có ai đến cầu học sẽ tùy cơ thuyết pháp, nên dùng Thiền Tịnh song tu để tiếp độ bèn dùng Thiền Tịnh song tu để tiếp độ. Nên dùng "chuyên tu Tịnh độ" để tiếp độ bèn dùng "chuyên tu Tịnh độ" để tiếp độ. Bất luận thượng trung hạ căn không một ai chẳng được thấm nhuần ân trạch ấy, há chẳng phải là "đạo sư của trời người" ư? Đến khi lâm chung, được Phật tiếp dẫn vãng sanh thượng phẩm, trong khoảng khảy ngón tay, hoa nở thấy Phật, chứng Vô sanh nhẫn, dẫu địa vị thấp nhất cũng là chứng được bậc Sơ trụ trong Viên giáo, có thể hiện thân làm Phật trong một trăm thế giới, nên bảo là "đời sau làm Phật, tổ".

"Không Thiền, có Tịnh độ, vạn tu, vạn người về, nếu được thấy Di-đà, lo chi không khai ngộ?" Người ấy tuy chưa minh tâm kiến tánh, nhưng quyết chí nơi Tịnh độ, cầu sanh Tây Phương, chí thành niệm Phật, cảm ứng đạo giao, chắc chắn được Phật nhiếp thọ. Kẻ tận lực tu tập cố nhiên được vãng sanh, ngay như kẻ ngũ nghịch thập ác khi lâm chung mười niệm cũng đều được hóa thân của đức Phật đến tiếp dẫn, chẳng phải là "vạn tu, vạn người về" hay sao? Đã sanh về Tây Phương, thấy Phật, nghe pháp, tuy có nhanh hay chậm, nhưng đã cao dự dòng thánh, rốt ráo chẳng thoái chuyển, dần dần chứng thánh quả thì sự khai ngộ cần gì phải nói đến nữa? Vì thế, bảo là "nếu được thấy Di-đà, lo chi không khai ngộ?"

"Có Thiền, không Tịnh độ, mười kẻ, chín chần chừ, ấm cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó." Người ấy tuy biết đại lược về tâm tánh, nhưng kiến hoặc, tư hoặc chưa đoạn hết, cần phải dồi mài cho hết sạch, chẳng còn sót chút nào thì mới có thể thoát lìa sanh tử. Nếu còn mảy may chưa hết, sẽ vẫn luân hồi trong lục đạo y như cũ, khó trốn tránh được. Biển sanh tử sâu thẳm, đường Bồ-đề xa vời, nếu liền mạng chung, nẻo về sẽ chẳng thể lường được. Trong mười người, hết chín người là như thế. Vì vậy nói: *"Thập nhân, cửu tha lộ"* (mười kẻ, chín chần chừ trên đường), tha (蹉) là "tha đà" (蹉跎), tức là như thế tục thường nói là chần chừ. "Ấm cảnh" tức là cảnh nơi thân trung ấm[31], chính là những cảnh hiện ra khi lâm chung bởi sức của thiện nghiệp hay ác nghiệp đã tạo trong đời này và bao kiếp. Trong khoảng chớp mắt sẽ theo nghiệp lực đi thọ sanh ngay, chẳng thể làm chủ được mảy may nào. Như người mang nợ, chủ nợ nào mạnh sẽ lôi đi trước; tâm tình lắm mối, hễ thiên trọng

---

31 Trung ấm (antarā-bhava) còn dịch là trung hữu, trung uẩn, trung ấm hữu. Theo luận Câu-xá quyển 7, trung hữu được tính từ sát-na khi cái thân đời trước chết (tử hữu) tới sát-na thọ sanh thân sau (sanh hữu). Trong khoảng trung gian, sẽ có một cái thân được hóa sanh bởi ý thức (thức thân), chứ không do tinh huyết tạo thành, nên gọi là sanh ý thân hoặc ý thành thân (manomayakāya). Do được nuôi dưỡng bằng mùi hương, nên còn gọi là thực hương (gandharva). Do thân này thường truy tìm chỗ kế tiếp để thọ sanh nên lại gọi là cầu sanh (samhavaisin). Chỉ có Sắc giới và Dục giới mới có thân trung ấm, người sẽ thọ sanh trong Vô sắc giới không có thân này. Tùy theo người ấy sẽ thọ sanh trong đường nào mà hình dạng của trung ấm sẽ khác biệt. Chẳng hạn như theo kinh Đại Bảo Tích, quyển 56, thân trung ấm cõi địa ngục xấu xí, giống như gỗ cháy nham nhở, thân trung ấm trong súc sanh có màu khói, thân trung ấm trong ngạ quỷ màu như nước, thân trung ấm trong Dục giới lớn bằng đứa bé năm sáu tuổi, nhưng các căn lanh lợi, thân trung ấm của bậc Bồ-tát đầy đủ các tướng hảo v.v.. Cũng theo luận Câu-xá, thời hạn tồn tại của thân trung ấm không nhất định, nhưng tối đa là 49 ngày.

nơi nào sẽ đọa vào nơi đó. Vì thế nói "ấm cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó".

"Không Thiền, không Tịnh độ, giường sắt với cột đồng, vạn kiếp lẫn ngàn đời, không có người nương tựa." Người ấy đã chưa triệt ngộ, lại chẳng cầu sanh Tịnh độ, vẫn hời hợt hờ hững tu các pháp môn khác (chứ không phải là nói về kẻ vùi đầu tạo ác, chẳng tu hành), đã chẳng thể giữ cho định tuệ được cân bằng nhằm đoạn hoặc chứng chân; lại chẳng biết cậy vào Phật từ lực để mang nghiệp vãng sanh, dùng công đức tu trì suốt cả một đời để cảm phước báo trời người trong đời sau. Trong đời này đã không có chánh trí, đời sau sẽ bị phước báo chuyển, hưởng phước càng lớn, ác nghiệp càng nhiều. Đã tạo ác nghiệp, khó tránh khỏi quả báo. Hễ một hơi thở ra không hít vào được nữa sẽ đọa địa ngục, đền trả nợ cũ, nên nói là "giường sắt với cột đồng". Kẻ tạo nghiệp như thế ví như kẻ mù chẳng thấy được mặt trời, tuy chư Phật Bồ-tát rủ lòng từ bi nhưng do kẻ ấy bị ác nghiệp ngăn chướng, chẳng thể hưởng lợi ích, bao kiếp thọ khổ. Vì thế nói "không có người nương tựa".

Phàm hết thảy các pháp môn đều chuyên cậy vào tự lực, chỉ có pháp môn Tịnh độ chuyên cậy vào Phật lực. Trong hết thảy pháp môn, hết sạch hoặc nghiệp rồi mới có thể liễu sanh tử, còn pháp môn Tịnh độ mang nghiệp vãng sanh liền dự vào dòng thánh. Hơn nữa khi đức Phật tại thế, sắc lực và tâm nghiệp của chúng sanh thù thắng, dẫu nương cậy tự lực vẫn chứng đạo. Nay đang nhằm thời mạt,

căn hèn chướng nặng, tri thức hiếm hoi, nếu bỏ Tịnh độ thì không có cách gì giải thoát được! Thiền sư Vĩnh Minh sợ cõi đời không biết nên đặc biệt viết ra Liệu Giản này để dạy đời sau. Thật đúng là bè báu trong bến mê, là đèn sáng nơi ngõ tối.

Tu trì pháp môn Tịnh độ niệm Phật, hãy nên lấy tín nguyện hạnh làm tông. Tín là dốc lòng tin tưởng Phật lực. Trong khi tu nhân, Di-đà Như Lai đã phát ra 48 nguyện, nguyện nào cũng độ sanh, trong ấy có nguyện "người nào niệm danh hiệu ta mà chẳng sanh về nước ta, thề chẳng thành Phật". Hiện tại, do ngài đã nhân viên quả mãn, nay ta niệm Phật ắt sẽ được vãng sanh. Kế đấy tin vào Phật lực từ bi nhiếp thọ chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu con nhớ mẹ giống như mẹ nhớ con, chắc chắn sẽ được tiếp dẫn. Tiếp đó tin tưởng pháp môn Tịnh độ như trong bài Tứ Liệu Giản của thiền sư Vĩnh Minh đã nói so với các pháp khác, sự lớn nhỏ, khó dễ, được mất, sai biệt vời vợi. Dẫu có những vị thầy khác xưng tán những pháp khác cũng chẳng lay động được ta. Thậm chí chư Phật hiện ra trước mặt khuyên lơn, an ủi, bảo tu các pháp môn khác cũng chẳng thoái chuyển. Đấy mới thật sự gọi là tín vậy. Nguyện là nguyện trong đời này thề vãng sanh Tây Phương, chẳng cần phải nhiều đời tu tập ngoi lên hụp xuống trong uế độ, từ mê vào mê nữa. Lại nguyện hễ được vãng sanh Tây Phương rồi sẽ trở lại Sa-bà độ thoát hết thảy chúng sanh. Hạnh là chân thật nương theo lời dạy để khởi hạnh.

Trong chương Đại Thế Chí Bồ-tát Niệm Phật Viên Thông của kinh Lăng-nghiêm có câu: "Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc tam-ma-địa, ấy là bậc nhất." Do vậy biết pháp niệm Phật phải nên nhiếp trọn sáu căn. Trước khi nhiếp trọn sáu căn thì trước hết phải nhiếp được hai hay ba căn. Hai hay ba căn là gì? Chính là tai, miệng, tâm vậy. Miệng niệm sáu chữ Nam-mô A-di-đà Phật sao cho từng câu từng chữ rõ ràng rành mạch, trong tâm niệm cho rõ ràng rành mạch, tai nghe cho rõ ràng rành mạch. Hễ có chỗ nào hơi không phân minh thì đấy chính là không chân thật thiết tha, có vọng tưởng xen tạp (chỉ niệm mà không nghe thì dễ sanh vọng tưởng). Niệm Phật cố nhiên phải sao cho từng câu từng chữ phân minh, chẳng để sự suy nghĩ xen vào.

Ngoài ra, xem kinh cũng giống như thế, đừng một mặt vừa xem, một mặt lại phân biệt; nếu không, sẽ được lợi ích ít ỏi, tình tưởng sẽ nhiều. Xưa kia có người chép kinh do chí thành chép kinh, chuyên tâm nhất ý, chỉ chú tâm chép kinh, không có tình kiến gì, đến khi trời đã tối, vẫn cứ viết chép không ngừng. Chợt có người bảo: "Trời đã tối rồi, sao còn chép kinh được?" Lúc ấy người chép kinh tình niệm vừa động, chẳng thể viết được nữa. Ôi, phân biệt sáng tối chính là vọng kiến của chúng sanh, là phàm tình của chúng sanh vậy. Vì thế, đang trong lúc chuyên tâm nhất ý, vọng tận tình không, chỉ biết chép kinh, chẳng biết trời đã tối, cũng chẳng biết hễ trời đã tối sẽ không có ánh sáng nên

không thể chép kinh được nữa. Tới khi có người nhắc nhở, khuấy động, do vô minh động nên tình tưởng bèn chia ra. Vọng niệm vừa động, ngay lập tức, sáng sủa và tối tăm liền tách bạch nên chẳng thể chép kinh được nữa. Do vậy biết rằng đầu mối của đạo dụng công là chuyên nhiếp, chẳng quan tâm đến tình tưởng. Nếu đã không có suy tưởng thì đâu có tà kiến nữa. Tà kiến đã không còn, đấy chính là chánh trí.

Hơn nữa, người tu Tịnh độ hãy nên đề xướng nhân quả. Đối với người thượng trí, cố nhiên biết cội gốc nằm nơi luân thường, hiểu rõ những gì nên làm và không nên làm. Đối với kẻ trung hạ, nếu chẳng nói tới nhân quả, giải thích tách bạch tường tận, nêu bày rõ rệt sự tích nhân quả báo ứng, làm sao họ sẽ dè dặt nơi hành vi, bó buộc thân tâm cho được? Vì thế, nhân quả là cửa ngõ ban đầu để nhập đạo, nhưng tin tưởng chuyên dốc nơi nhân quả cũng chẳng phải là dễ. Bậc Sơ quả trong Tiểu thừa, bậc Sơ địa trong Đại thừa chính là những vị thật sự có thể chuyên dốc tin tưởng nhân quả vậy. Từ bậc Sơ địa trở xuống, từ bậc Sơ quả đổ lại, hễ gặp duyên trái nghịch giết trộm dâm dối sẽ không thể giữ gìn được, sẽ thuận theo đó mà khởi hoặc tạo nghiệp.

Nhưng kẻ thông minh vẫn xem nhẹ nhân quả, cho rằng nhân quả bất quá chỉ để nói với kẻ căn cơ trung hạ, chẳng biết rằng: Hễ chỉ hiểu ý nghĩa của nhân quả một cách thô thiển thì chẳng đáng gọi là tín. Tuy biết nhưng

chẳng tận tụy vâng hành thì cũng chẳng đáng gọi là tín. Chỉ có bậc thánh nhân thuộc Sơ quả, Sơ địa hay Dự lưu mới có thể "chẳng còn phải mang thân sau". Hễ chẳng còn phải mang thân sau thì chẳng còn là kẻ bị chi phối bởi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, nên đáng gọi là "có lòng tin chuyên dốc". Vì thế ngài Mộng Đông nói: "Kẻ khéo bàn về tâm tánh ắt chẳng bỏ lìa nhân quả, nhưng kẻ tin sâu nhân quả rốt cuộc ắt sẽ hiểu tâm tánh thật rõ rệt." Đấy chính là nguyên do vì sao trong thế gian người niệm Phật đông đảo mà bậc thật sự liễu sanh tử lại hiếm hoi.

Chỉ vì người niệm Phật không có lòng tin sâu đậm, nguyện thiết tha, chỉ cầu phước báo, mơ tưởng phú quý trong đời sau. Chẳng biết rằng hễ mơ tưởng đời sau được phú quý thì cũng ví như ngửa mặt bắn tên lên trời, hễ tên bay hết sức sẽ lại rơi xuống, chẳng những vô ích mà còn bị tổn hại. Dẫu cho đời này niệm Phật cảm được phước báo trời người, có phước báo nhưng không có chánh trí. Do có phước báo nên có quyền thế, địa vị, phú quý, nhưng do không có chánh trí nên ngu si, chẳng tin nhân quả. Phàm những kẻ chẳng tin nhân quả lại có địa vị, quyền thế, phú quý thì sẽ như hổ thêm cánh, càng thêm tàn ác. Vì thế phước báo càng lớn, tạo nên oan nghiệt càng nhiều. Đã tạo ác nghiệp, sẽ phải chịu ác báo. Đấy gọi là *"tam thế oán thân"* (kẻ oán, người thân trong ba đời).

Vì vậy, người niệm Phật trọn chớ nên có lòng cầu phước báo, hãy nên lấy "mạnh mẽ tiến thẳng lên trước

nhằm vãng sanh Tây Phương" làm pháp mầu nhiệm để liễu sanh thoát tử. Do vậy, thiền sư Triệt Ngộ nói: "Thật vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật", mười sáu chữ này chính là cương tông lớn lao của pháp môn niệm Phật. Ngài lại nói: "Một câu Di-đà là tâm yếu của đức Phật ta, theo chiều dọc thông suốt năm thời, theo chiều ngang bao trùm tám giáo." Thật vậy đó! Một câu Di-đà vi diệu khó nghĩ lường, chỉ có Phật với Phật mới biết được rốt ráo, từ bậc Đẳng giác trở xuống vẫn còn chưa hiểu trọn hết. Do vậy nói "Bồ-tát biết được chút phần", bọn phàm phu chúng ta càng phải nên tin tưởng hành theo.

2. Pháp ngữ khai thị sau cuộc chiến ở vùng Giang - Chiết

Hiện thời chiến sự vùng Giang - Chiết đã yên, nhưng trong nhất thời nhân dân khó thể khôi phục được như cũ. Thương thay! Nhân dân mắc phải sự khổ ác dữ dội này, nói chung là do ác nghiệp đời trước cảm thành ác báo khổ sở cùng cực ấy. Vì thế phải đem nhân quả ba đời nói với hết thảy những ai hữu duyên, khuyên họ đừng tạo những nhân gây ra nghiệp báo ấy nữa thì tương lai sẽ tự chẳng phải nhận lãnh cái quả ác báo ấy. Những thứ nhân ác ấy phần nhiều đều do sát sanh ăn thịt mà dấy lên! Phàm với hết thảy mọi người đều nên khuyên họ hãy lấy "kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay, niệm Phật" như là một diệu pháp vô thượng nhằm giải quyết vấn đề từ căn bản. Tiếc

thay, con người chỉ biết có mình, chẳng biết có người khác thì làm sao suy tính tới hết thảy loài vật được? Tới khi ác báo xảy đến, con người bị xử phạt, giết chóc so với lúc loài thú bị hành hạ, giết chóc nào có khác chi? Kinh dạy: "Bồ-tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả", hễ sợ nhân thì chẳng phải nhận lãnh quả, chứ sợ quả thì trọn chẳng có mảy may ích lợi gì. Nếu đổi cái tâm sợ quả thành cái tâm sợ nhân thì thế giới sẽ tự thanh bình, yên ổn vậy!

3. Năm đoạn khai thị

(Trần Cảnh Phiên ghi chép)

Dạy về phương pháp tu hành (1)

Phàm tu hành thì phải nên chuyên ròng, chớ nên xen tạp. Pháp niệm Phật vượt trỗi hết thảy. Cầu siêu cho người đã khuất, hoặc cầu cho cha mẹ tăng tuổi thọ và hết thảy mong cầu đều được như nguyện, nhưng phải lấy cầu sanh Tây Phương làm chủ. Muôn vàn chớ nên cầu phước báo trong đời sau, nếu cầu đời sau sẽ không được hưởng lợi ích vãng sanh. Hãy nên đọc kỹ Văn Sao sẽ tự biết duyên do về mặt sự lẫn mặt lý. Đối với những căn bệnh của con người hiện thời và phương thuốc để chữa trị thì trong Văn Sao cũng đều có nói. Nói chung, lấy đề xướng nhân quả báo ứng làm căn cứ để vãn hồi thế đạo nhân tâm.

Dạy về phương pháp tu hành (2)

Dụng công tu hành cố nhiên phải nên chuyên ròng;

nhưng phàm phu vọng tưởng tơi bời, nếu chẳng dùng kinh chú để giúp thêm, chắc sẽ đến nỗi hờ hững, lười trễ, biếng nhác! Nếu có thể thống thiết như khi chôn cất cha mẹ, như cứu đầu cháy thì nhất hạnh tam-muội[32] quả thật là hay nhất. Còn nếu niệm Phật hờ hững, bãi buôi, thì lâu ngày chắc sẽ trở thành lười nhác, buông xuôi, bỏ lửng, vì thế chẳng bằng kiêm trì kinh chú sẽ chắc chắn hơn. Ông cầu tôi quyết đoán, tôi nói với ông duyên do để ông tự quyết định. Nói chung, do tâm sanh tử thiết tha, thành kính khăng khăng một niềm thì chuyên niệm hay kiêm niệm đều được cả. Nếu không, chuyên niệm sẽ trở thành hờ hững coi thường, kiêm niệm sẽ trở thành tràn lan lộn xộn. Ấy là vì căn bản không chân thật thiết tha, nên đến nỗi hết thảy đều khó được lợi ích.

Nêu lý do vì sao sách Pháp Hải Thê Hàng chẳng khế cơ

Soạn sách lập ngôn quả thật chẳng phải là chuyện nhỏ nhặt đâu nhé! Xin hãy nhất tâm niệm Phật, đợi đến khi nghiệp tiêu trí rạng xong, rồi mới viết lách để làm cho hết thảy những kẻ sơ cơ đều được lợi ích, thì mới hòng ít mắc phải khuyết điểm "giáo pháp chẳng phù hợp căn cơ". Xét ra, cuốn sách ấy của ông chưa từng chỉ rõ gốc bệnh của con người hiện thời và cách chữa trị. Tuy giảng chung chung về Phật lý cũng có thể khiến cho người khác sanh lòng tin, nhưng đối với kẻ sơ cơ, do phần lớn những từ ngữ được nêu trong sách là những danh từ riêng trong Phật

32 Nhất hạnh tam-muội là tên gọi khác của niệm Phật tam-muội.

pháp, họ sẽ chẳng hiểu rõ, ắt sẽ đến nỗi cật vấn lẫn nhau, vô sự sanh sự, đâm ra chẳng có quan hệ khẩn yếu chi đối với chuyện niệm Phật. Đấy chính là lý do tại sao Quang không tán thành ý tưởng soạn sách của ông. Đã không tán thành, há có thể sửa đổi đại lược, phê bình đại lược hay sao? Mong ông biết rõ nguyên do, chẳng đến nỗi vẫn mơ màng trong mộng mà thôi!

Dạy không cần phải chú trọng vào thơ văn

Cuốn Pháp Hải Thê Hàng của ông chẳng có thứ tự, thơ văn cũng chẳng thật sự theo thứ lớp. Chỉ nên cẩn thận đọc kỹ những sách có ích cho thân tâm và sốt sắng niệm Phật, không cần phải chú ý đến thơ văn. Nếu qua sách vở mà hiểu được duyên do thì niệm Phật sẽ được lợi ích, tự nhiên thơ văn sẽ vượt trỗi. Nếu không, cũng chỉ là gượng ép, áp đặt, xét ra thì chẳng dính dáng gì tới tâm pháp cả.

Dạy về chuyện tổ chức, điều hành Đồng Thiện Hội

Phàm làm chuyện công ích, chớ nên chấm mút chút nào. Nếu không, chẳng những là dối người mà còn đúng là dối lòng, dối Phật nữa đấy! Sửa ác hướng lành, cần phải luận từ nơi khởi tâm động niệm, há nên công khai làm chuyện dối người ư? Những kẻ mù quáng khuấy rối hiện thời đều là những kẻ cực ngu si chẳng biết nhân quả, chẳng biết tội phước báo ứng. Nếu bọn họ có chân tâm, trí tuệ, dẫu dùng cái chết để uy hiếp buộc họ làm như vậy, họ cũng chẳng chịu làm. Mong hãy chú ý điều này thì may mắn lắm thay!

4. Pháp ngữ khai thị tại Tịnh nghiệp xã

(Ký Trần ghi)

Hôm nay là ngày đầu tiên của Phật thất, tôi đem lai lịch của Phật thất để nói cho quý vị nghe. Hiện thời, mọi nơi mở niệm Phật thất rất nhiều, phương pháp tu tập và những lời lẽ khai thị phần lớn cũng giống nhau. Trước hết, nay tôi trình bày nhân duyên của Phật thất lần này, rồi sẽ nói tới đại cương của pháp niệm Phật. Như vậy thì tông chỉ của pháp niệm Phật sẽ được minh bạch. Nếu không, chẳng biết căn bản, chắc chắn sẽ không thể đặt nền tảng vững vàng được, chắc sẽ bị kinh giáo hoặc lời lẽ của thiện tri thức xoay chuyển đến nỗi bỏ pháp này để tu các pháp môn khác.

Pháp niệm Phật như thuốc a-già-đà, tiếng Phạn a-già-đà, tiếng Hán là phổ sanh, cũng dịch là tổng trị, bởi vì nó sanh khắp mọi sự an lạc, công đức và trị chung mọi căn bệnh vậy. Pháp môn này cũng giống như thế, trừ được tám vạn bốn ngàn phiền não. Do vậy, pháp môn niệm Phật bao trùm khắp muôn hình tượng, hết thảy các pháp, không pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp giới này. Hết thảy các pháp không pháp nào chẳng quy hoàn pháp giới này. Do nó nắm giữ hết thảy các pháp nên không pháp nào chẳng được trọn vẹn, không căn cơ nào chẳng gồm thâu. Đức Phật chỉ muốn làm cho chúng sanh siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, nhưng chúng sanh căn cơ không giống nhau, tâm nguyện mỗi người mỗi khác. Nếu có chúng

sanh cầu phước, cầu thọ, cầu tài, cầu con v.v. chỉ cần thành tâm mong cầu, hễ có cầu ắt ứng. Tuy đấy là pháp thế gian, nhưng nhằm để tiếp dẫn kẻ hạ căn gieo thiện căn dần dần cho nên cũng làm cho họ được mãn nguyện. Nếu luận nơi bổn ý của đức Phật thì chỉ là muốn khiến cho chúng sanh nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, cậy vào Phật từ lực, lâm chung tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Hễ được vãng sanh sẽ liền thoát khỏi nỗi khổ luân hồi trong tam giới, từ đấy tiến tu dần dần cho đến khi thành Phật thì mới là thật nghĩa rốt ráo của niệm Phật.

Nhân duyên thứ nhất: Nếu luận về nhân duyên dẫn đến pháp hội niệm Phật thất này thì sẽ phải nói rất dài. Từng nhớ năm Dân Quốc 11 (1922), Quang đến đất Thân (Thượng Hải), trụ tại chùa Thái Bình, cư sĩ Giang Dịch Viên do chiếc tàu thủy Đại Thăng bị hỏa hoạn, muốn làm Phật sự để cầu siêu cho các nạn nhân, Quang khuyên ông ta nên mở niệm Phật thất. Lại khuyên người chủ quản công ty ấy tham dự niệm Phật thất cho đến mãn thất. Ấy là vì niệm Phật có lợi ích thù thắng hơn công đức của những thứ Phật sự khác; vì muốn cho những người bị chết cháy, chết đuối được hưởng lợi ích chân thật cho nên khuyên chuyên nhất niệm Phật.

Năm trước, vợ ông Giang mất, muốn làm Phật sự, gởi một trăm đồng cậy Quang làm Phật sự. Do vậy, bèn mở một niệm Phật thất tại chùa Pháp Vũ núi Phổ Đà. Đêm viên mãn Phật Thất, khá có linh cảm. Đối với niệm Phật,

ông Giang đã sẵn mang lòng hết sức thiết tha, cả nhà bị ông ta cảm hóa, niệm Phật cũng rất thiết tha chân thật. Do vậy trong khi tang ma, cả nhà đều niệm Phật. Chẳng phải chỉ có như vậy, do ông Giang khá có tiếng tăm nơi quê hương, ông cũng thường luôn khuyên người làng niệm Phật, người trong một vùng đều bị ông ta cảm hóa. Phàm người làng đến phúng điếu, toan tế vong, ông ta đều khước từ, bảo với họ: "Phàm ai đến điếu tang, hãy niệm Phật trong thời gian cháy hết một cây hương sẽ tốt hơn là tế lễ nhiều lắm." Do vậy, dân làng chia ra mấy ban, mỗi ngày một ban đến niệm Phật, niệm tới mấy ngày mới hết.

Do có nguyên nhân này, con của ông Giang tên là Hữu Bằng vào đêm viên mãn Phật Thất tại chùa Pháp Vũ nằm mộng thấy nhận được nhiều lá thư, liền cầm một bức lên Phật đường trên lầu để xem. Ngọn đèn trong Phật đường sáng hơn ánh chớp, bóc bức thư ra thì chính là một bức vẽ về cảnh tượng trong thế giới Cực Lạc. Pháp Vũ mở Phật thất có tất cả 16 vị tăng nhân. Trước hôm mở Phật thất một ngày, Quang đối trước tăng chúng nói: "Quý vị niệm Phật phải thật thà, khẩn thiết thì mình lẫn người mới đều được lợi ích." Do vậy mỗi vị tăng sĩ đều nghiêm túc. Đấy cũng là một cái nhân tạo nên sự linh cảm. Tình hình đại lược về chuyện này đã được đăng lên tờ Lâm San của Cư sĩ lâm. Muốn biết những nét chánh yếu, có thể tìm đọc trong báo ấy.

Năm ngoái, cha của cư sĩ Giang Dịch Viên mất, ông

ta cũng gởi tiền cậy Quang mở Phật thất. Năm nay, bạn ông ta là Ngô Trường Vinh có mẹ vừa mất, cũng gởi tiền cậy mở Phật thất. Thư ấy gởi đến Phổ Đà thì hôm mồng 3 tháng đó Quang sang Thượng Hải. Mồng 4 đến Nam Kinh, mồng 7 trở về đất Hỗ, mới biết chuyện ấy, liền bàn bạc với hòa thượng Chân Đạt chùa Thái Bình, nhưng chùa Thái Bình đã nhận lời mở thất niệm Phật cho nhà ông Triệu Trúc Quân, chẳng thể cùng tiến hành được. Lại chuyển sang bàn bạc với cư sĩ Quan Biệt Tiểu để lấy Phật giáo Tịnh nghiệp xã làm đạo tràng. Quan cư sĩ chấp thuận, do vậy hôm nay mở đạo tràng Phật thất tại đây.

Cư sĩ Giang Dịch Viên bình sinh thích niệm Phật nhất, đề xướng pháp môn niệm Phật chẳng tiếc sức thừa, khá có linh cảm. Năm ngoái, vùng Vụ Nguyên bị hạn hán, Dịch Viên khuyên mọi người nhất tâm niệm Phật, chẳng đầy mấy bữa trời mưa một trận lớn. Do vậy, lập ra liên xã Phật Quang, người tham dự liên xã đông lắm, cũng lôi kéo Quang làm hội trưởng danh dự. Niệm Phật có đủ mọi chuyện linh cảm khác nhau, những chuyện như cầu mưa, cầu tạnh và lành bệnh v.v. đều khá rõ rệt, đủ biết niệm Phật lợi ích lớn nhất. Đấy chính là nhân duyên thứ nhất.

Ngoài ra, năm ngoái cư sĩ Lý Vân Thư do người em dâu bệnh nặng, đến chùa Thái Bình muốn làm Phật sự, tôi khuyên ông ta mở niệm Phật thất. Bệnh của người em dâu đã được rất nhiều y sĩ chữa chạy nhưng chẳng lành. Vị thầy thuốc cuối cùng thương cô ta bị đau khổ khó thể

chịu đựng đã khuyên nên uống thuốc độc cho mau chết. Do vậy, Vân Thư lập cách cầu Phật gia bị nên đến đây bàn bạc với Quang, Quang bảo mở niệm Phật thất. Không lâu sau, Quang trở về núi, cũng chẳng biết cô ta được lợi ích ra sao! Đến mồng 7 tháng 4 năm nay, Quang sang Cư sĩ lâm thăm pháp sư Đế Nhàn. Ông Lý Vân Thư cũng đến, cho biết năm ngoái vào hôm đầu tiên của niệm Phật thất, cô em dâu ông ta nằm mộng thấy cô ta đến Tam Thánh Đường cùng với tăng chúng niệm Phật, niệm Phật rất lâu, rất thanh thản thoải mái, bệnh liền nhẹ dần. Vân Thư bảo cô ta: "Tôi đã niệm Phật cho mợ ở chùa Thái Bình chứ không phải là Tam Thánh Đường." Cô em dâu cãi: "Không phải chùa Thái Bình, mà là Tam Thánh Đường." Sau này, hỏi thăm mới biết chùa Thái Bình chính là hạ viện của Tam Thánh Đường núi Phổ Đà. Đủ thấy người bị bệnh nếu biết niệm Phật vẫn được Phật lực gia bị khiến cho bệnh được lành. Chuyện này là một chứng cớ rõ ràng vậy!

Trong tháng 7 năm nay, chính ông Lý Vân Thư bị bệnh. Đang lúc bệnh nặng, thỉnh mấy vị cư sĩ niệm Phật, về sau do hôn mê bất tỉnh nhân sự bèn thôi. Kế đó, nghĩ tới chuyện năm ngoái đã từng vì người em dâu mở niệm Phật thất, bèn sai người đến chùa Thái Bình hỏi tôi và hòa thượng Chân Đạt. Do hai người chúng tôi cùng trụ tại Phổ Đà, ông Lý liền gởi thư xin chúng tôi sang Thượng Hải mở niệm Phật thất. Do nhằm tháng 7, đã qua khỏi kỳ dâng hương tại Phổ Đà, gặp đúng dịp thanh nhàn, chúng tôi

liền mở Phật thất tại Tam Thánh Đường núi Phổ Đà, chọn ngày 14 tháng 7 để khai đàn, ngày 20 viên mãn. Hôm 13, Quang liền gởi thư cho Vân Thư; hôm 17, ông ta gởi thư trả lời cho biết bệnh đã khỏi được tám chín phần. Hiện thời, Lý Vân Thư đã hoàn toàn lành bệnh, chỉ có điều sức lực vẫn chưa được bình phục hoàn toàn. Lý Vân Thư bệnh nặng như thế mà nhờ Phật thất gia bị liền được khỏi hẳn bệnh. Linh nghiệm như thế, đấy là một chứng cớ rõ rệt thứ hai vậy.

Phần thứ hai là cương lãnh. Con người hiện thời phần nhiều chuộng lạ, chuộng bày vẽ phô trương, như pháp hội Hộ Quốc Nhân Vương, pháp hội Kim Quang Minh, pháp hội trì chú Lăng-nghiêm, pháp hội Đại Vân Luân[33] v.v.. Những thứ pháp hội ấy có công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn, nhưng do người đời nay tài lực ít ỏi, thể lực kém cỏi, tuy nói là cử hành, nhưng khó thể đạt được lợi ích thù thắng, vì đấy không phải là chuyện ai cũng có thể thực hiện được. Nếu niệm Phật, niệm Quán Thế Âm Bồ-tát thì không một ai chẳng thể làm được! Cho nên về mặt lợi ích,

---

33 Pháp hội Đại Vân Luân là pháp hội tụng kinh Đại Vân Luân Thỉnh Vũ nhằm cầu mưa trong khi pháp hội Nhân Vương Hộ Quốc và Kim Quang Minh tụng kinh Nhân Vương Hộ Quốc Bát-nhã Ba-la-mật và kinh Kim Quang Minh để cầu an, tiêu tai giải nạn. Kinh Đại Vân Luân Thỉnh Vũ (Mahā-megha-sūtra) do ngài Bất Không dịch vào đời Đường, bao gồm những bài đà-la-ni để cầu mưa. Trong quyển thượng của kinh này đã kể ra mười thứ mây cúng dường to lớn như biển, lợi ích của mưa và 54 danh hiệu Phật, quyển hạ gồm các bài đại đà-la-ni. Kinh này do đức Phật giảng cho các vị đại tỳ-kheo, đại Bồ-tát và tám trăm mấy chục vị long vương tại Đại Vân Đạo Tràng Bảo Lâu Các của long vương Ô-ba-nan-đà. Kinh này chính là bản dịch khác của phẩm Đại Vân Kinh Thỉnh Vũ trong kinh Đại Phương Đẳng (do ngài Xà-na-quật-đa dịch vào đời Tùy).

không có một pháp hội nào sánh bằng niệm Phật. Bởi lẽ, pháp môn niệm Phật thích hợp khắp ba căn, phù hợp căn cơ nhất, dẫu là đứa con nít bé tẹo vẫn có thể làm được, chứ nếu niệm kinh thì chỉ có một số ít người biết niệm, chẳng phải ai cũng đều biết niệm.

Bốn hay năm năm trước, từ Tứ Xuyên có gởi tới một thông cáo, cho biết vùng Xuyên Trung chiến sự không ngớt, muốn cầu cho chiến tranh ngưng dứt, khuyên hết thảy mọi người niệm chú Lăng-nghiêm. Cần phải biết rằng, những người có thể tụng đọc chú Lăng-nghiêm thì trong ngàn người khó kiếm được một kẻ! Họ còn in ra rất nhiều bản chú Lăng-nghiêm cho người ta đeo và dán trên đầu cửa. Sự việc khá phiền phức, tốn kém lại nhiều, sao bằng niệm Phật hoặc niệm chú Đại Bi hoặc niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, so ra thẳng chóng, thích đáng hơn. Vì thế, tôi thấy những kẻ xướng suất, đề nghị tụng chú Lăng-nghiêm thật nực cười! Bởi lẽ, họ chỉ chú trọng phô trương, chứ không quan tâm đến thực chất. Đã là như thế thì lợi ích sẽ kém xa niệm Phật, bởi một câu A-di-đà Phật chính là vô thượng Bồ-đề giác đạo được chứng bởi chính đức Phật. Nếu chúng ta có thể dùng danh hiệu này để tự huân tập cái tâm mình thì lâu ngày chầy tháng khí phận sẽ tương đồng với Phật.

Huống chi câu Phật hiệu ấy không một ai chẳng thể niệm được, dẫu lười nhác, biếng trễ chẳng chịu niệm, nhưng nghe âm thanh niệm Phật của mọi người cũng có

lợi ích. So sánh đôi bên, cố nhiên niệm Phật vượt trỗi niệm kinh nhiều lắm! Do niệm Phật giản tiện tột bậc, ngay như kẻ chẳng niệm Phật nhưng nghe âm thanh niệm Phật lọt qua tai liền được gieo thiện căn. Do vậy một câu Phật hiệu này rót vào trong tám thức điền, trong tương lai khi gặp duyên sẽ nẩy sanh. Ví dù bị oán quỷ, bệnh ngặt bức bách, niệm Phật sẽ đều trừ được. Do vậy, phàm những người có tín tâm niệm Phật hãy nên đem điều này khuyên khắp mọi người khác tu trì, chứ chẳng phải chỉ riêng với cha con, người trong nhà là nên khuyên chỉ, ngay cả với hết thảy những ai hữu duyên cũng đều nên khuyên chỉ như thế.

Hỏi: Một pháp niệm Phật vì sao lại có thể coi là thích hợp khắp cả ba căn?

Đáp: Tội nhân ngũ nghịch thập ác cực nặng lúc sắp mạng chung, tướng địa ngục hiện, nghe thiện tri thức dạy niệm Phật bèn niệm mười tiếng hoặc niệm mấy tiếng liền được đức Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Do kẻ ấy bị khổ sở bức bách, phát tâm khẩn thiết, nên được thành tựu; chẳng thể nào đem so với kẻ niệm Phật hờ hững, hời hợt để rồi sanh lòng nghi. Đấy là hạ căn. Nếu luận về thượng căn thì từ bậc Sơ phát tâm trụ cho đến Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, 41 địa vị Pháp thân đại sĩ đều phải niệm Phật hồi hướng vãng sanh hòng viên mãn Phật quả. Do vậy nói: "Hết thảy pháp môn đều phải lấy niệm Phật làm chỗ quy túc." Nếu chỉ ham cao chuộng xa, bàn nói điều huyền lẽ diệu thì sẽ như đếm vật

báu của người khác, chính mình chẳng được nửa xu, rốt cuộc chính mình chẳng được hưởng dùng chi hết. Vì phải đạt tới mức "nghiệp tận tình không" thì mới có thể liễu sanh tử, nếu chỉ nói suông thì có ích gì đâu?

Cần biết rằng, kiến hoặc và tư hoặc chính là căn bản sanh tử, chưa đạt đến địa vị "nghiệp tận tình không" thì sẽ do đâu mà liễu sanh tử được? Niệm Phật cậy vào Phật từ lực nên lợi ích sâu rộng. Vì thế quốc sư Thanh Lương nói: "Ngu phu, ngu phụ cắm cúi niệm Phật liền có thể ngầm thông Phật trí, thầm hợp đạo mầu." Pháp môn niệm Phật hợp với thời cơ đời mạt pháp nhất. Hòa thượng Thiện Đạo nói: "Nếu luận về học giải thì hết thảy pháp môn đều phải nên học. Nếu luận về tu trì, cần phải chọn lấy một môn khế lý khế cơ thì mới có lợi ích thật sự." Pháp môn niệm Phật nhân trùm biển quả, quả tột nguồn nhân, là khế lý khế cơ nhất, con người hiện thời đều nên tu trì. Nhưng pháp môn niệm Phật cũng có rất nhiều lối, cầu lấy một đường lối thỏa đáng thì chỉ có trì danh. Ngay như cách tu quán tượng, quán tưởng cũng có khuyết điểm! Bởi lẽ tâm địa chẳng sáng suốt, không hiểu rõ cách quán, chắc là ma sự sẽ dấy lên. Nếu quán thật tướng thì ai có thể khế nhập thấu triệt được? Do vậy, người niệm Phật chớ nên chú trọng những gì cao xa, mà hãy nên chuyên chú nơi những gì thực tiễn.

Hễ tưởng nghĩ đến đời sau thì niệm Phật sẽ thật thiết tha, sẽ tự nhiên đạt được những cảnh giới khá tịnh diệu

trong hiện tại. Quang khuyên các hành nhân tu Tịnh độ chỉ nên mong đạt được nhất tâm, đừng mong tưởng cảnh giới. Nếu không, khó tránh khỏi bị ma dựa! Trong tháng 4 năm nay, có người gởi thư đến kể những cảnh giới cực kỳ hiểm ác, Quang viết thư cho ông ta, khuyên nên nhiếp tâm tịnh niệm. Tất cả cảnh giới đều là huyễn hóa, với cảnh giới tốt đẹp đừng nên hoan hỷ, với cảnh giới xấu ác đừng nên sợ hãi, chúng sẽ tự tiêu diệt. Cần biết rằng: "Ngàn sông bóng nước, ngàn trăng rọi; muôn dặm không mây, muôn dặm trời." Nếu đạt tới lúc tâm và Phật tương ứng thì có cảnh giới hay không cảnh giới đều được cả. Chưa đạt đến lúc tâm tương ứng với Phật, cứ lầm lạc muốn thấy cảnh giới thù thắng nhiệm mầu, thì chính là cái gốc để chuốc lấy ma sự đấy!

Cổ nhân nói: "Học đạo trong các môn khác như con kiến bò lên núi cao, niệm Phật vãng sanh như đã nương theo gió căng buồm lại còn thuận nước." Kinh Hoa Nghiêm bao gồm trọn vẹn các pháp, xét đến chỗ quy túc thì chính là hồi hướng vãng sanh Tây Phương. Các kinh Đại thừa không kinh nào chẳng tán dương Tịnh độ, nhưng bốn kinh Tịnh độ chuyên giảng đến tột cùng. Ở Tây Thiên thì các vị Bồ-tát Văn-thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ v.v. tự hành, dạy người, đều cùng chỉ quy Tịnh độ. Nơi Đông Độ, từ khi Viễn công sáng lập liên xã ở Lô Sơn trở đi, Đàm Loan, Đạo Xước, Thiên Thai, Thiện Đạo v.v., đời nào cũng nghe nói có người, ấy là vì Phật đã sớm biết chúng sanh đời sau căn khí mỏng yếu nên đặc biệt mở ra pháp môn

niệm Phật. Vì thế các vị Bồ-tát, tổ sư cực lực đề xướng để mong hết thảy chúng sanh đều cùng liễu sanh thoát tử ngay trong đời này. Tục ngữ có câu: *"Thiểu thật thắng đa hư, đại xảo bất như chuyết"* (Thật ít hơn dối nhiều, khéo quá chẳng bằng vụng). Pháp môn niệm Phật phải tu bằng thật hạnh, nên lúc lâm chung đại sư Liên Trì dặn dò đại chúng rằng: "Xin mọi người hãy thật thà niệm Phật!" Nếu các vị thật thà niệm Phật sẽ chẳng phụ lòng đức Như Lai đại từ bi đã nói ra pháp môn đặc biệt này.

5. Pháp ngữ khai thị tại Tố Thực Đồng Duyên Xã (hội cùng kết duyên ăn chay) ở Nam Kinh

(Hoàng Sám Hoa và Cung Huệ Vân kính ghi)

Ấn Quang vô tri vô thức, ít tham cứu, ít học hành, nay được các vị đại cư sĩ chèo kéo, quả thật hổ thẹn sâu xa. Trộm nghĩ Phật pháp có năm thừa:

1. Nhân Thiên thừa: Nhân thừa trì ngũ giới, được sanh trong loài người. Thiên thừa hành thập thiện, được sanh lên cõi trời trong Dục giới. Nếu còn hành thêm tứ thiền, tứ định[34] thì sẽ sanh trong các cõi trời Sắc giới hay Vô sắc giới.

---

34 Tứ thiền (catvāri dhyānāni): sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, cùng mang chung đặc điểm là lìa cảm thọ nơi Dục giới, quán sát Sắc giới, Vô sắc giới. Bốn loại thiền này có công năng đối trị các tâm sở như tầm, tư v.v., tăng trưởng các pháp lạc như hỷ, lạc v.v.. Đồng thời là căn bản để phát khởi *tứ vô lượng tâm* (từ, bi, hỷ, xả), bát giải thoát, bát thắng xứ, thập biến xứ v.v., nên còn gọi là căn bản định. Tứ định chỉ bản thể của các địa vị do Duy thức tông đã lập như noãn, đảnh, nhẫn, thế đệ nhất, tức minh đắc định, minh tăng định, ấn thuận định, vô gián định.

2. Thanh văn thừa: Tu tứ đế, đắc tứ quả sa-môn[35].

3. Duyên giác thừa: Quán thập nhị nhân duyên, đắc quả Bích-chi Phật.

4. Bồ-tát thừa: Tu lục độ vạn hạnh, chứng quả Bồ-tát.

5. Phật thừa: Hành đại từ đại bi, thành Chánh đẳng chánh giác.

Tu Nhân Thiên thừa kiêm hành Bồ-tát thừa và Phật thừa thì chắc chỉ có mình pháp môn Tịnh độ đó chăng? Ấy là vì Nhân Thiên thừa chỉ tu ngũ giới thập thiện, đều là công đức hữu lậu[36]; chỉ có pháp môn Tịnh độ này có thể vượt tam giới, liễu sanh tử. Người tu Tịnh độ ắt phải giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận; lại còn dùng tứ hoằng thệ nguyện để mở rộng cái tâm, tự hành, dạy người, khiến cho khắp mọi người trong là cha mẹ, vợ con, ngoài là xóm giềng, làng nước đều cùng tu ngũ giới thập thiện và tu pháp môn Tịnh độ. Dùng tín nguyện sâu niệm Phật cầu sanh Tây Phương, người ấy tuy là phàm phu nhưng thật ra là Bồ-tát. Vì sao vậy? Do cái tâm rộng lớn.

---

35 Tứ quả sa-môn là tứ quả trong Tiểu thừa, tức: Tư-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán.

36 Hữu lậu (sāsrava). Lậu (āsrava) có nghĩa là rơi mất, rò rỉ, là tên khác của phiền não. Do có phiền não nên con người nẩy sanh lầm lỗi, gánh chịu quả khổ, mê muội lầm lạc lưu chuyển không ngừng trong thế giới, nên gọi là hữu lậu. Do tu tập ngũ giới, thập thiện sẽ có phước báo, nếu không có trí tuệ hướng dẫn thì sẽ do phước liền tạo nghiệp, gây nhân sanh tử, khổ não nặng nề trong đời sau nên gọi là "công đức hữu lậu".

Xưa kia có một vị sa-di theo hầu một vị tôn giả đi đường, sa-di chợt phát nguyện tự lợi lợi tha "trên cầu Bồ-đề, dưới hóa độ chúng sanh", tôn giả liền bảo sa-di đi trước. Sa-di chợt xoay chuyển ý nghĩ: "Chúng sanh nhiều như thế, làm sao để có thể độ thoát cho hết được! Chẳng thà tự lợi thì hơn." Khi ấy, tôn giả liền bảo bước theo sau ngài. Sa-di lại chợt xoay chuyển ý nghĩ: "Vẫn phải nên độ thoát chúng sanh!" Tôn giả lại bảo sa-di đi trước. Sa-di lấy làm lạ, hỏi lý do, tôn giả bảo: "Thoạt đầu, con phát tâm đại Bồ-đề tức là Bồ-tát, ta tuy là La-hán nhưng vẫn thuộc Tiểu thừa, vì thế phải mời con đi trước. Kế đó, con lại lui sụt tâm Bồ-đề, ta là thánh nhân, con là phàm phu nên theo đúng lẽ phải đi sau. Sau đấy con lại phát tâm Bồ-đề, nên ta vẫn phải thỉnh con đi trước." Do câu chuyện này thấy rằng, phát tâm Bồ-đề công đức vô lượng vô biên! Chúng ta muốn tăng trưởng thiện căn không thể nào chẳng phát tâm Bồ-đề.

Nay đang thời mạt kiếp, lễ giáo suy vong, muốn vãn hồi thế đạo nhân tâm, ắt trước hết phải đề xướng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi. Thánh nhân thế gian nói về nhân quả như "nhà tích thiện ắt niềm vui có thừa, nhà tích điều bất thiện ắt tai ương có thừa", "làm lành trăm điều tốt đẹp giáng xuống, làm điều bất thiện trăm sự tai ương giáng xuống" v.v., lời lẽ đơn giản nhưng ý nghĩa bao trùm, người đời sau quen thói chẳng suy xét. Còn các bậc thánh nhân xuất thế gian thì nói nhân quả tường tận tột bậc. Nhờ đấy

bậc thượng trí liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, kẻ tư cách trung hạ do xét thấy "làm ác mắc quả ác, làm lành được báo lành" cũng gắng sức làm lành. Dẫu là kẻ cùng hung cực ác cũng có phần kiêng sợ chẳng dám làm. Vì thế nhân quả báo ứng thật sự là một pháp thông trên thấu dưới.

Cũng có kẻ bảo thuyết nhân quả báo ứng là Tiểu thừa, chẳng biết lục độ vạn hạnh cũng là nhân quả. Từ đức Như Lai đã thành Đẳng chánh giác cho đến phàm phu đọa trong địa ngục A-tỳ đều không gì chẳng phải là nhân quả. Bởi thế Phật giáo đề cao, giảng rõ nhân quả, có lợi sâu đậm cho con người vậy thay! Xưa kia Văn Vương cai trị bằng lòng nhân, ân trạch thấm đến cả xương khô, nhưng chưa đầy hai ba trăm năm, phong tục giết người tuẫn táng đã trọn khắp thiên hạ. Lại còn cho rằng "càng giết nhiều càng vẻ vang", thiên tử, chư hầu, sĩ đại phu đều tùy theo khả năng mà giết, rốt cuộc đến khoảng mấy trăm, mấy ngàn người. Ngay như Tần Mục Công là một vị vua hiền, vẫn giết hơn một trăm bảy chục người để tuẫn táng. Ba vị họ Tử Xa[37] chính là bầy tôi hiền của đất nước nhưng đều bị giết để tuẫn táng, huống hồ những kẻ khác ư? Nguyên nhân đều là vì chẳng biết đến nhân quả ba đời vậy. Từ khi Phật pháp

37 Tử Xa là một họ cổ của Trung Hoa, vốn là con cháu của một vị đại phu đời Tần tên là Tử Xa, con cháu lấy tên tổ tiên làm họ. Đời Tần Mục Công, nước Tần có ba vị đại phu nổi tiếng hiền tài là Tử Xa Trọng Hành, Tử Xa Yểm Tức và Tử Xa Kiểm Hổ. Khi Tần Mục Công chết, ba ông này đã bị con Tần Mục Công chôn sống để bồi táng Tần Mục Công theo di chúc của vua. Về sau, họ Tử Xa đổi thành họ Xa.

truyền vào Trung Quốc trở đi, chưa hề nghe sử sách chép có chuyện tuẫn táng. Đấy cũng chưa hề chẳng phải là do thuyết nhân quả ba đời của đức Như Lai tạo nên.

Đang trong thời buổi này, sát kiếp lừng lẫy, càng phải nên đề xướng kiêng giết, ăn chay. Sát kiếp do sát nghiệp cảm thành, sát nghiệp lớn nhất chính là ăn thịt. Do ăn thịt nên cảm vời hết thảy thiên tai, nhân họa, hạn hán, lụt lội, mưa dầm, ôn dịch, sâu rầy. Ăn thịt gây hại quá nhiều, nói chẳng thể hết được, đành nêu một thí dụ để chỉ rõ. Xưa kia vào thời Liệt Quốc[38], ở nước Lỗ có hai gã dũng sĩ, mỗi người ở một nơi. Một hôm gặp nhau, mua rượu cùng uống, một gã nói: "Không thịt chẳng thành cuộc vui, hãy nên

---

38 Liệt Quốc là cách gọi gộp chung của hai thời kỳ lớn trong vương triều nhà Chu, tức Xuân Thu và Chiến Quốc (có thuyết coi Liệt Quốc chỉ là tên gọi khác của thời kỳ Chiến Quốc).

1. Thời kỳ Xuân Thu (770-476 trước Công nguyên), tên gọi này bắt nguồn từ bộ sử nước Lỗ do Khổng tử san định với tên gọi là Xuân Thu. Thời kỳ Xuân Thu bắt đầu từ năm Chu Bình Vương nguyên niên đến năm 43 đời Chu Kính Vương. Chu Bình Vương (Cơ Nghi Cữu) là con của Chu U Vương, mẹ là Thân Hậu (con gái vua nước Thân). Chu U Vương say mê thứ phi Bao Tự, toan truất phế Nghi Cữu để lập con Bao Tự là Bá Phục làm Thái tử, tống giam mẹ con Nghi Cữu. Nghi Cữu trốn về nước Thân. Vua nước Thân liền liên kết với vua nước Tăng và rợ Khuyển Nhung, đánh bại U Vương, đốt cháy Cảo Kinh. Nghi Cữu lên ngôi, trở thành Chu Bình Vương. Do quốc khố lẫn kinh đô tan hoang, Bình Vương phải dời đô sang Lạc Dương. Sử gọi là nhà Đông Chu. Từ đấy, thế lực nhà Chu suy yếu, chư hầu nổi lên lấn quyền, xưng bá, lần lượt có năm chư hầu mạnh nhất (Xuân Thu Ngũ Bá) nối nhau nắm quyền là: Tề Hoàn Công, Tống Tương Công, Tấn Văn Công, Tần Mục Công và Sở Trang Vương (có sách kể Ngũ Bá là Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công, Sở Trang Vương, Ngô Hạp Lư và Việt Câu Tiễn).

2. Thời kỳ Chiến Quốc (476-221 trước Công nguyên). Do trong thời kỳ này các nước (đặc biệt là bảy nước lớn Tần, Sở, Hàn, Triệu, Ngụy, Tề, Yên) đánh nhau loạn xà ngầu nên gọi như thế. Thời kỳ này kết thúc khi Tần Thủy Hoàng thôn tính sáu nước kia, diệt các nước nhỏ còn sót lại như Chu, Tống, Vệ, Trung Sơn, Lỗ, Đằng, Trâu, Phí v.v., lập ra đế quốc Đại Tần.

mua thịt!" Gã kia nói: "Tôi với anh đều có thịt, cần gì phải tìm thịt ở đâu nữa?" Liền cắt thịt của nhau ăn, lại còn cắt thịt của chính mình để dâng cho nhau đến nỗi chết ngắc.

Trong cái nhìn của chúng ta, hai gã ấy là kẻ đại ngu, nhưng chúng ta chẳng biết rằng "kẻ ăn thịt là vì chẳng hiểu rõ nhân quả báo ứng". Mai kia con người chết đi đầu thai làm loài thú, thú chết đi thành người, ăn thịt lẫn nhau, có khác chi đâu? Chẳng qua khác biệt ở chỗ cách đời hay cùng thời mà thôi, nhưng còn tệ hơn! Hai gã dũng sĩ chết vì ăn thịt lẫn nhau, nhân quả báo ứng trong một lúc đều xong hết; chứ kẻ ăn thịt nhân quả dây dưa không dứt, báo ứng cũng chẳng có lúc nào xong. Kinh Lăng-nghiêm dạy: "Do con người ăn dê, dê chết thành người, người chết thành dê. Như thế cho đến mười loại chúng sanh, chết chết sống sống ăn nuốt lẫn nhau." Kinh đã dạy rõ ràng như thế, thật đáng kinh hãi! Ở đây tôi lại lược thuật vài nghĩa để làm sáng tỏ đạo lý vì sao "không nên ăn thịt".

1. Do cái tâm bất nhẫn: Hết thảy những loài có linh tánh đều cùng một thể. Do thương dân mà yêu vật, nguyên khí thái hòa tràn ngập nhân gian. Do vậy, biết rằng giết chóc sanh linh là chuyện hoàn toàn chẳng có nghĩa lý gì cả. Hết thảy chúng sanh đều tham sống sợ chết, sao ta nỡ lòng tàn hại sanh mạng để thỏa thích miệng bụng?

2. Nhân quả báo ứng: Hết thảy sanh linh đều do xưa kia chẳng biết nhân quả nên bị đọa lạc trong loài súc sanh. Nay ta giết chúng để ăn thịt, mai sau khi chúng đã hết ác

báo, sát nghiệp của ta mới thành, ta cũng sẽ làm thịt trên thớt của chúng. Do vậy kiêng giết, ăn chay chẳng phải là tính toán cho sanh linh mà cũng là tính kế cho chính thân ta vậy!

Ông Lưu Ngọc Thụ giữ chức Hàn lâm đời Minh, đỗ thuyền ở Tô Châu, mộng thấy một người đàn ông to lớn đến cầu cứu, tự xưng là Thiên tướng quân[39] Tào Hàn, do tàn sát Giang Châu nên đời đời mang thân lợn: "Nơi lò mổ ở ngay trước bến thuyền, trong chốc lát, con lợn bị giết đầu tiên chính là tôi đấy, xin hãy cứu vớt!" Ông ta tỉnh giấc quả nhiên thấy gã đồ tể sắp giết lợn, liền mua đem về thả trong một ngôi chùa tại Xương Môn[40]. Hễ có ai kêu "Tào Hàn", con lợn ấy đều quay đầu ngó. Điều này có thể chứng tỏ con người biến thành súc sanh, súc sanh biến thành người. Những chuyện về hoạt Diêm vương, hoạt tiểu quỷ được chép trong sách vở rất nhiều. Đấy đều là thiên địa quỷ thần hé lộ một chút tin tức về nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi để răn nhắc người đời vậy.

3. Hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ, quyến thuộc của ta trong quá khứ! Chúng ta đã biết rõ nhân quả luân hồi, trong một đời có cha mẹ quyến thuộc trong đời ấy. Trải qua nhiều kiếp sống, sẽ có cha mẹ, quyến thuộc trong

---

39 Thiên tướng quân là một quan chức đã có từ thời Tam Quốc. Thiên tướng và Tỳ tướng là hai chức quan võ nhỏ nhất, chuyên được sai đi đánh trận, làm tướng tiên phong, hoặc chỉ huy những trận đánh nhỏ. Thiên tướng cao hơn Tỳ tướng một trật, nhưng cả hai đều thuộc ngạch Cửu phẩm.

40 Xương Môn là tên một cửa thành của cố đô Cô Tô nước Ngô (nay thuộc Tô Châu).

nhiều kiếp sống. Cha mẹ, quyến thuộc trải nhiều kiếp số như thế luân hồi trong sáu nẻo, trong số ấy có những người làm ác, khó tránh khỏi đọa trong tam đồ. Vì thế đối với lục đạo chúng sanh, chúng ta phải coi như cha mẹ, vợ con. Lẽ nào con hiếu cháu hiền lại ăn nuốt cha mẹ ư? Há có cha mẹ hiền từ nào lại ăn nuốt con cái ư? Hễ suy nghĩ đến điều này sẽ chẳng nỡ ăn mà cũng chẳng dám ăn nữa.

Ngay cả cúng giỗ tổ tiên cũng chớ nên dùng thịt, bởi lẽ, mang tiếng là kính trọng chứ thật ra đã làm hại tổ tiên. Còn như dùng thịt để dâng cho cha mẹ, đều khiến cho cha mẹ tổn phước, mắc họa ương. Cha mẹ là người có phước đức thiện căn thì phước đức thiện căn ấy sẽ bị hao tổn. Nếu là kẻ không có phước đức thiện căn thì ta đã tăng thêm ác nghiệp giết hại cho họ. Xưa kia, lúc đức Phật tại thế, một bà góa nhân giỗ đầu của chồng đi mua thịt về cúng. Trên đường đi gặp Như Lai, Như Lai dạy: "Thịt này là do chồng bà chuyển biến thành, há nên dùng thịt của chồng để cúng giỗ hồn chồng?" Theo lẽ đó mà suy thì kính trời đất, tế quỷ thần cũng chớ nên dùng thịt. Thiên địa quỷ thần lẽ đâu chẳng hiểu sâu xa nhân quả, lại tham thứ thịt bẩn thỉu, tanh tưởi ấy mà đến chứng giám, hưởng nhận ư? Do vậy kẻ dùng huyết nhục để cúng tế muốn cầu phước, đâm ra lại mắc họa.

4. Hết thảy chúng sanh đều là chư Phật trong vị lai, bởi lẽ hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ làm Phật. Vì thế họ là vị lai chư Phật. Hơn nữa, trong loài súc

sanh đôi khi có Phật hay Bồ-tát hóa hiện trong ấy nhằm tạo phương tiện độ sanh, như chuyện Bạc Hà được chép trong Thanh Lương Chí: Một vị tăng ở Ngũ Đài gặp một vị tăng lạ lùng lấy ra một bức thư dặn giao cho Bạc Hà, nhưng không nói rõ địa chỉ. Một hôm vị tăng ấy đi qua Vệ Huy thấy một lũ trẻ nhỏ hô "Bạc Hà", vị tăng hỏi: "Bạc Hà ở đâu?" Bọn trẻ chỉ con lợn đang nằm dưới vách tường, bảo: "Chẳng phải là nó đó sao?" Tăng cầm thư gọi "Bạc Hà", rồi ném thư cho lợn. Con lợn đứng lên như người, dùng hai chân trước nhận lấy, bỏ thư vào miệng rồi chết đứng. Khi ấy mới biết con lợn ấy chính là do Bồ-tát biến hiện.

Gã đồ tể [chủ nhân của Bạc Hà] giết lợn rất nhiều. Nếu đem con lợn sắp bị giết đến trước mặt Bạc Hà thì nó liền để mặc cho giết, trọn chẳng chạy trốn, kêu gào. Vì thế, gã đồ tể yêu mến Bạc Hà, mỗi lần muốn giết lợn, cứ dắt Bạc Hà đi vòng quanh con lợn ấy thì cũng giống như đã giết chết con lợn đó rồi. Vì thế vẫn nuôi Bạc Hà nhiều năm không giết. Hơn nữa, con lợn ấy sạch sẽ, thích ăn bạc hà nên đặt tên như vậy. Thoạt đầu, vị tăng ấy nhận lá thư của vị tăng lạ lùng rồi ra đi, giữa đường suy nghĩ: "Thư này sẽ giao đến nơi đâu?" Bèn lén bóc ra, thấy đại ý viết: "Độ chúng sanh nếu họ đã được độ thoát thì hãy mau quay về để lâu ngày khỏi bị mê mất." Vị tăng lấy làm lạ, dán phong thư lại. Đến nay mới biết Bạc Hà chính là đại Bồ-tát vậy. Đi quanh con lợn một vòng thì bầy lợn liền chứng Vô sanh pháp nhẫn, oai đức thần lực ấy há nghĩ bàn được chăng?

Thêm nữa, Đường Văn Tông (809-840) thích ăn nghêu, một bữa nọ có con nghêu ngậm chặt vỏ không tách ra được. Vua liền đích thân tách ra, thấy bên trong có tượng Đại sĩ Quán Âm bằng thịt sò, trang nghiêm dị thường. Do vậy có thể biết là có còn nên ăn thịt hay không? Nếu ăn lầm phải thân Phật, Bồ-tát hóa hiện thì tội lỗi ấy sẽ chẳng thể nào kể xiết! Nếu chúng ta biết được lý này sẽ tự chẳng dám ăn thịt mà cũng chẳng nỡ ăn thịt.

Chúng ta hãy nên thật vì sanh tử phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương, chẳng cần phải tu pháp nào khác nữa! Nếu cậy vào tự lực để tu thiền định hòng liễu sanh tử sẽ rất ư là khó, do pháp ấy cần phải đạt đến mức nghiệp tận tình không, đoạn sạch kiến hoặc, tư hoặc mới thoát khỏi sanh tử. Lúc đức Phật tại thế, chẳng thiếu người đoạn sạch được kiến hoặc, tư hoặc chẳng còn sót; nhưng trong thời đại mạt pháp, căn tánh kém hèn, thật chẳng dễ có bậc đoạn hoặc chứng chân. Chỉ có một môn Tịnh độ là có thể vào lúc lâm chung cậy vào Phật từ lực vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, tức là đã liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh rồi.

Hơn nữa, chớ nên coi pháp môn Tịnh độ quá nhẹ, vì hàng Pháp thân đại sĩ như Quán Âm, Thế Chí, Văn-thù, Phổ Hiền v.v. đều chẳng thể vượt ra ngoài pháp môn này được. Mà cũng chớ nên nghĩ là quá khó, bởi lẽ hễ ai có tâm đều có thể thành Phật. Chỉ trì vạn đức hồng danh của A-di-đà Phật thì như đã được trao bằng khoán vãng sanh.

Kẻ tu Tịnh độ hãy nên hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu thập thiện nghiệp, ba điều nơi thân, bốn điều nơi miệng, ba điều nơi ý đều tốt lành. Đấy là chánh nhân tịnh nghiệp của ba đời chư Phật. Kế đó, thọ trì tam quy, trọn đủ ngũ giới, chẳng phạm oai nghi. Tiếp đến là tin sâu nhân quả, phát tâm Bồ-đề, đọc tụng Đại thừa, khuyến tấn hành giả, nhưng đều phải lấy điều thiện thế gian như hiếu dưỡng cha mẹ v.v. làm căn bản.

Nếu y theo các pháp môn khác thì đều phải cậy vào tự lực, giống như vượt qua biển cả, hễ kẻ nào có cánh thì sẽ có thể bay vượt qua, chứ kẻ chỉ nổi được thì chưa đủ để trông cậy, huống hồ kẻ chẳng thể nổi được ư? Cậy vào Phật lực giống như ngồi thuyền vượt biển, trong khoảnh khắc liền đến bờ kia. Lại như thân phận thường dân muốn được quý hiển, thật chẳng phải là chuyện dễ, nhưng vương tử vừa mới sanh ra đã là người nối ngôi vua! Tự lực - tha lực, khó - dễ, được - mất trong đấy chẳng thể nào cùng một lúc nói cho xiết được. Thường thấy kẻ tự xưng là thông Tông thông Giáo chẳng tin vào pháp môn Tịnh độ, lại còn cho đấy là hạnh dành cho bọn ngu phu ngu phụ hành trì, sao chẳng nhìn vào chuyện đã xảy ra cho luật sư Đại Trí, Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh vậy?

Luật sư Đại Trí thoạt đầu rất miệt thị Tịnh độ, sau đọc Tục Cao Tăng Truyện, thấy pháp sư Huệ Bố nói: "Cõi ấy tuy tịnh, nhưng ta chẳng muốn. Giả sử trong mười hai đại kiếp sống trong hoa sen, hưởng các khoái lạc, sao bằng

ta ở trong đời ác ngũ trược giáo hóa chúng sanh ư?" Liền sanh phỉ báng. Về sau do bị bệnh nặng, mới biết chính mình trọn chẳng có mảy may bản lãnh gì để trông cậy, liền phát nguyện đến hết báo thân này hoằng dương Tịnh độ. Suốt hai mươi mấy năm, tay chẳng rời kinh Phật, lấy Tịnh độ làm chỗ nương tựa, quy hướng. Thiền sư Ngũ Tổ Giới, thiền sư Thảo Đường Thanh công hạnh cao cả vượt trỗi những kẻ tầm thường, chỉ vì chưa thể đoạn sạch kiến hoặc, tư hoặc, nên vẫn phải luân chuyển trong nhân gian. Vì thế biết liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh mà bỏ Tịnh độ thì không có kế sách tốt đẹp nào cả!

Pháp môn niệm Phật cần phải đầy đủ tín nguyện hạnh. Tín đã sâu, ắt sẽ phát nguyện thiết tha. Nguyện đã phát thiết tha, ắt sẽ dốc sức hành trì. Chỉ niệm Di-đà chẳng cần kèm thêm pháp nào khác nữa. Hãy nên dùng lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, chấp trì danh hiệu Phật, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, tâm niệm tai nghe, từng câu từng chữ phân minh. Niệm cho phân minh, nghe cho phân minh sẽ là chánh nhân vãng sanh. Đã dùng pháp này để tự hành, ắt lại phải đem pháp này dạy bảo người khác thì công đức giáo hóa ấy sẽ quy về chính mình. Quả thật là tư lương vãng sanh tối thắng.

Nhưng trước hết hãy nên khuyên cha mẹ, anh em, vợ con trong nhà chính mình, lấy thân làm gốc, từ thân đến sơ. Thêm nữa, nhờ vào công đức niệm Phật, không những có thể vãng sanh Tây Phương mà còn có thể tiêu

trừ những tai họa lạ lùng, ngang trái. Phàm bệnh tật do oán nghiệp chẳng thể chữa trị được mà nếu chí thành niệm Phật thì lâu ngày sẽ đều được khỏi bệnh. Bởi lẽ thầy thuốc chỉ trị được bệnh, chứ không thể trị được nghiệp, chỉ có niệm Phật là trị được thân bệnh lẫn tâm bệnh, không có gì chẳng trị được. Cúi mong các vị cư sĩ đều nên phát tâm Bồ-đề, đề xướng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay, niệm Phật, ấy gọi là "dùng quả địa giác làm nhân địa tâm" cho nên được "nhân trùm biển quả, quả tột nguồn nhân", thật đáng gọi là pháp hy hữu rất khó có vậy!

(Tháng 7 năm Bính Dần - 1926)

6. Pháp ngữ khai thị tại Phật giáo Cư sĩ lâm Thế Giới

(Hiển Ấm bút ký)

Vấn đề quan trọng nhất trong Phật pháp chính là liễu sanh tử. Nếu luận về đại sự liễu sanh tử ấy thì rất khó khăn, bọn phàm phu chúng ta căn cơ kém cỏi, hiểu biết nông cạn, đã thế trong đời ác ngũ trược tà sư ngoại đạo thật đông. Muốn liễu thoát sanh tử, rốt cuộc phải như thế nào mới liễu thoát được? Chỉ có pháp môn niệm Phật, dùng lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, tinh tấn niệm Phật cầu sanh Tịnh độ thì mới liễu thoát được. Trong Phật pháp có nhiều phương tiện, tham Tông học Giáo đều có thể liễu thoát sanh tử, cớ sao cứ phải nhất định niệm Phật vậy? Ấy là vì tham Tông nghiên Giáo đều phải cốt sao đạt

đến mức cùng cực, nếu như thật sự tu chứng được thì mới có hy vọng. Đấy chính là hoàn toàn cậy vào tự lực, há nói dễ dàng ư?

Niệm Phật là nương tựa vào Phật lực gia bị, tức là kiêm cậy vào Phật lực, tự nhiên chắc chắn có chỗ nắm vững được. Ví như vượt biển, cậy vào tự lực sẽ giống như bay vượt qua biển, còn cậy vào Phật lực như ngồi thuyền từ. Bay vượt qua biển khó thể chẳng lo bị rơi xuống, ngồi thuyền từ chắc chắn có bữa đến được bờ kia. Sự khó dễ, an nguy trong ấy chắc mọi người đều đã phân biệt đến nơi đến chốn rồi. Nói chung, cậy vào tự lực để tham thiền ngộ đạo liễu sanh tử, nhưng chưa về đến nhà (chưa chứng đến mức rốt ráo) thì thường là chẳng dễ dàng thực hiện được. Niệm Phật cầu sanh Tịnh độ chỉ cần tín nguyện chân thiết hành trì kiên cố, sẽ có công năng liễu thoát.

Nếu luận về sự khó dễ giữa tự lực và tha lực cũng như sự khó dễ giữa Thiền và Tịnh thì nói rõ ràng nhất, minh bạch nhất, không chi bằng Tứ Liệu Giản của đại sư Vĩnh Minh Diên Thọ. Chiếu theo Tứ Liệu Giản để nói thì người chẳng thông Tông thông Giáo cố nhiên phải nên niệm Phật, nhưng kẻ thông Tông thông Giáo lại càng phải niệm Phật! Tuy thông nhưng chưa chứng nói chung đều phải niệm Phật để liễu sanh thoát tử thì mới đúng đạo lý. Đại sư Vĩnh Minh chính là A-di-đà Phật hóa thân, đại từ đại bi khai hóa chúng sanh. Tứ Liệu Giản như sau:

Có Thiền có Tịnh độ,
Ví như cọp đội sừng,
Đời này làm thầy người,
Đời sau làm Phật, tổ.

Không Thiền, có Tịnh độ,
Vạn tu, vạn người về,
Chỉ được thấy Di-đà,
Lo chi không khai ngộ.

Có Thiền, không Tịnh độ,
Mười kẻ, chín chần chừ,
Ấm cảnh nếu hiện tiền,
Chớp mắt đi theo nó.

Không Thiền, không Tịnh độ,
Giường sắt với cột đồng,
Vạn kiếp lẫn ngàn đời,
Không có người nương tựa.

Bài kệ Tứ Liệu Giản gồm 16 câu trên đây đúng là thuyền từ, mong mọi người hãy nên chú ý! Muốn hiểu rõ ý nghĩa của bài Tứ Liệu Giản này thì trước hết cần phải hiểu rõ ràng thế nào gọi là Thiền, thế nào gọi là Tịnh, thế nào gọi là có, thế nào gọi là không. Đã thấy rõ được ý nghĩa của bốn chữ "Thiền, Tịnh, có, không" này rồi thì mới hiểu rõ được ý nghĩa của Tứ Liệu Giản. Do vậy, tôi đem ý nghĩa của "Thiền, Tịnh, có, không" quyết trạch đại lược như sau:

Nói tới Thiền chính là "trực chỉ nhân tâm, kiến tánh

thành Phật", hoặc như trong Giáo gọi là "đại khai viên giải, triệt chứng bản giác lý thể của nhất niệm linh tri". Do vậy, phải đích thân thấy được bản lai diện mục thì mới được kể là "có Thiền". Nếu không, chẳng thể coi là có. Nói đến Tịnh thì là pháp môn "tín sâu, nguyện thiết, cầu sanh Tịnh độ" như đã dạy trong ba kinh Tịnh độ. Tự tâm tịnh thì quốc độ tịnh, do tự lực cảm nên Phật lực ứng. Điều cần thiết bậc nhất là lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, hạnh tinh tấn dũng mãnh. Do vậy cần phải có lòng tin quyết định không nghi. Chí thành khẩn thiết phát nguyện, lại còn hành trì nhất định chẳng thay đổi thì mới kể là "có Tịnh độ". Nếu không, chẳng thể kể là có Tịnh độ được. Người đời thường nghĩ ngồi như đã chết khô, khán chết cứng một câu thoại đầu là "có Thiền", niệm Phật sơ sài, loáng thoáng vài câu bèn kể là "có Tịnh độ". Ấy chính là lầm lẫn lớn lao lắm đấy!

Nói chung, "có Thiền" chính là có công phu minh tâm kiến tánh, "có Tịnh độ" là niệm Phật đến mức chắc chắn được vãng sanh. Đấy chính là đạo lý khẩn yếu nhất. Nhưng minh tâm kiến tánh chỉ là khai ngộ chứ vẫn chưa chứng, trọn chẳng thể liễu sanh tử. "Hễ ngộ được thì không còn sanh tử" chẳng phải là lời lẽ của người đã chứng nhập! Hãy nên biết rằng, ngộ là mở mắt, ngộ rồi mới có đường lối để chân tu thực chứng. Kẻ chưa ngộ chẳng khỏi tu mù luyện đui, sụp hầm sa hố. Do bởi lẽ ấy, trước hết cần phải khai ngộ, đấy chính là công phu ban đầu. Nếu bàn đến chuyện "muốn về được đến nhà" thì chính là dốc sức tiến bước để làm chuyện "đang cháy lại đổ thêm dầu" đấy chăng?

Câu thứ nhất trong Tứ Liệu Giản "có Thiền, có Tịnh độ" nghĩa là đã có công phu đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Lại còn có lòng tin chân thật, phát nguyện cầu sanh Tây Phương. Đại triệt đại ngộ giống như mãnh hổ, lại có bản lãnh niệm Phật để liễu sanh tử thì há chẳng phải là như cọp mọc sừng ư? Do vậy nói "ví như cọp đội sừng". Dùng sở ngộ và sở hạnh của chính mình để giáo hóa chúng sanh. Kẻ nên dùng thiền cơ để độ bèn giảng Thiền, kẻ nên dùng Tịnh tông để độ được bèn giảng Tịnh, nên dùng Thiền Tịnh song tu để độ bèn dùng pháp môn Thiền Tịnh để hóa độ. Do vậy lời lẽ chẳng phí uổng, không căn cơ nào chẳng nhiếp, mở mắt cho chúng sanh, làm bậc thầy khuôn mẫu cho trời người, nên nói là "hiện đời làm thầy người". Bởi lẽ, người minh tâm kiến tánh niệm Phật cầu sanh sẽ thấy thấu triệt tự tánh Di-đà, quyết chứng được duy tâm Tịnh độ, khi lâm chung sẽ thượng phẩm thượng sanh. Trong khoảng khảy ngón tay, hoa nở thấy Phật, liền chứng được địa vị Sơ trụ trong Viên giáo, phân thân làm Phật trong một trăm thế giới, tùy loại ứng hiện hóa độ chúng sanh. Đấy gọi là chân tinh tấn, đấy gọi là đại trượng phu, tương lai làm Phật, làm tổ, chân ngữ, thật ngữ. Ngưỡng mong đại chúng hãy tin tưởng chắc thật!

Bài kệ Liệu Giản thứ hai nói tới kẻ chưa từng đại triệt đại ngộ, cậy vào sức của chính mình quyết khó mong liễu sanh tử. Do vậy phát nguyện cầu Phật tiếp dẫn, tu hành pháp môn Tịnh độ, nên nói "không Thiền, có Tịnh độ".

Chỉ cần tin tưởng sâu xa, chỉ cần phát nguyện, chỉ cần niệm Phật thì bất luận là ai đều có thể vãng sanh, vì thế nói "vạn tu, vạn người về". Nếu có ai chẳng thông hiểu đạo lý, niệm Phật chỉ cầu phú quý, cầu sanh lên trời thì những người như thế chẳng thể kể là "có Tịnh độ". Chẳng được sanh về Tây Phương thì chỉ trách chính mình chẳng phát nguyện, chẳng thể trách móc từ phụ Di-đà không đến tiếp dẫn! Nếu có thể phát nguyện cầu sanh thì nói chung sẽ được vãng sanh. Đã được vãng sanh, đích thân thấy Phật Di-đà, nghe giảng diệu pháp, tức thời khai ngộ. Trong một đời liền chứng A-bệ-bạt-trí, địa vị Bất thoái chuyển, vì thế nói "chỉ được thấy Di-đà, lo chi không khai ngộ". Nhìn từ đây, pháp môn Tịnh độ quả thật là không một điều tốt đẹp nào chẳng có!

Bài kệ Liệu Giản thứ ba nói tới những kẻ tuy có thể đại triệt đại ngộ, nhưng nếu chẳng phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, do vì chưa về đến nhà sẽ chẳng hưởng sự an thân lập mạng được, nên nói *"hữu Thiền, vô Tịnh độ, thập nhân cửu tha lộ"* (có Thiền, không Tịnh độ, mười kẻ, chín chần chừ). Nói: "thập nhân, cửu tha lộ" (mười kẻ, hết chín kẻ chần chừ trên đường) nghĩa là tuy có thể khai ngộ nhưng chưa nhất định chứng đến nơi đến chốn, vì thế nói là "tha lộ" (chần chừ trên đường). Có kẻ chép câu Liệu Giản này thành "thập nhân cửu thác lộ" (mười người chín lầm đường) thì hai chữ "thác lộ" là sai! Há có bậc thiền gia đại triệt đại ngộ nào lại là kẻ lầm đường ư? Bậc đại triệt đại ngộ nhưng chưa thật sự đạt đến địa vị an thân lập mạng,

cho nên sợ rằng khi phải qua cửa ải sanh tử chưa chắc đã có thể đích xác làm chủ được. Khi lâm chung sẽ theo nghiệp lưu chuyển, bị các nghiệp thiện hay ác trong nhiều đời ngăn lấp mà thọ sanh, đáng kinh sợ, đáng sợ hãi thay! Thật chẳng bằng cầu Phật tiếp dẫn là ổn thỏa, thích đáng nhất, đáng nương tựa nhất, vì thế nói "ấm cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó". "Ấm cảnh" ở đây chỉ cho nghiệp cảnh thiện ác từ vô thủy đến nay, chứ không phải là ngũ ấm ma cảnh. Há bậc thiền gia đại triệt đại ngộ lại chẳng nhận biết ngũ ấm ma hay sao? Có lẽ ấy hay chăng?

Bài kệ thứ tư "không Thiền, không Tịnh độ" là nói đến những kẻ chẳng biết tu tâm. Đã không có công phu minh tâm kiến tánh, lại chẳng hành trì phát nguyện niệm Phật thì đúng là nguy lắm. Đấy chính là những kẻ tu tâm nhưng chưa khai ngộ, nói chung là hạng tu mù luyện đui, chẳng thể giải thoát. Tuy nhiên, hễ tu thì có phước báo, không gì chẳng phải là nghiệp nhân sanh tử. Phước báo lớn, tạo nghiệp càng sâu; phước hết, họa tới, tội báo khó trốn khỏi được. Nỗi khổ trong địa ngục há thể nào may mắn tránh khỏi được ư? Sanh tử luân hồi nương tựa vào ai? Do vậy đọc xong bốn bài kệ Liệu Giản này đúng là "mắt ngó tới, lòng kinh hãi". Mong mọi người đều biết nỗi khổ sanh tử, phát tâm Bồ-đề. Kẻ không có Tịnh độ hãy mau mau phát nguyện tu hành, biến thành "có Tịnh độ". Kẻ có Tịnh độ vẫn phải tinh tấn dũng mãnh, lấy quyết định sanh về Tây Phương làm điều kỳ vọng. Khẩn yếu lắm đấy!

Mọi người phải hiểu rằng cậy vào tự lực để tu trì thì chính mình sẽ có những loại lực nào? Chỉ là nghiệp lực từ vô thủy đến nay. Do vậy muôn kiếp ngàn đời khó được giải thoát! Cậy vào hoằng thệ đại nguyện lực của A-di-đà Phật sẽ tự nhiên hoàn thành chỉ trong một đời. Thân người khó được, Phật pháp khó nghe; đã đến núi báu, đừng về tay không! Lại phải nên biết rằng, pháp môn niệm Phật chẳng phải là chuyên dành cho hạng hạ căn mà chính là thích hợp khắp cả ba căn. Bất luận lợi căn độn căn, thượng trí hạ ngu, cho đến Đẳng giác Bồ-tát đều hướng đến pháp môn này thì sau này mới có thể thành Phật. Do vậy trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử tham học với khắp các bậc đại thiện tri thức, chứng nhập các môn đà-la-ni trong pháp giới hải hội, cuối cùng Phổ Hiền Bồ-tát dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Nhìn từ chỗ này, pháp môn Tịnh độ đúng là pháp môn cao thượng nhất, viên mãn nhất. Nếu báng bổ niệm Phật là hạnh của bọn ngu phu ngu phụ thì đúng là báng Phật, báng pháp, là hạt giống địa ngục. Kẻ chẳng tin Tịnh độ ngu cuồng đọa lạc, là kẻ đáng thương tột bậc!

Sở dĩ pháp môn Tịnh độ cao thượng như thế là vì những giáo lý tu tâm thông thường hoàn toàn cậy vào tự lực, chỉ có Tịnh độ là kiêm cậy vào Phật lực, là giáo lý đặc biệt, chẳng phải là giáo lý phổ thông. Dùng tầm mắt phổ thông để nhìn giáo lý đặc biệt, tự nhiên sẽ thấy chẳng thỏa đáng. Giáo lý phổ thông cậy vào tự lực giống như tiến thân

trên đường công danh, phải lên cao từng bước. Tịnh độ là giáo lý đặc biệt cậy vào Phật lực, ví như sanh trong cung vua, vừa lọt lòng mẹ liền là người nối ngôi vua. Sự khó dễ, cong thẳng chẳng cần phải là người trí mới biết được. Tịnh độ đạo tuy cao quý, nhưng pháp chẳng có lạ lùng, đặc biệt gì, chỉ cần tâm thiết tha cầu Phật, tự nhiên sẽ được Phật gia bị. Hãy nên biết rằng, Phật nghĩ nhớ, che chở chúng sanh còn hơn cha mẹ yêu con, do vậy hễ có cảm ắt có ứng. Nhưng Phật tánh thiên chân sẵn có của chúng ta chiếu trời soi đất, hằng cổ, hằng kim, dẫu là kẻ ngũ nghịch thập ác, linh quang sẵn có của hắn ta vẫn chẳng giảm một mảy may nào. Nhưng như gương sáng bị bụi phủ, kẻ ngu cho là chẳng có quang minh, trọn chẳng biết lau chùi để trừ trần cấu thì quang minh lại hiển hiện rành rành.

Do vậy, niệm A-di-đà Phật tức là dùng Phật niệm để thay cho vọng niệm, đấy chính là phương pháp khử trần cấu tốt nhất. Niệm tới niệm lui không gì chẳng nhằm hiển lộ A-di-đà Phật sẵn có trong tự tâm. Tự lẫn tha tương ứng, cảm ứng đạo giao, diệu nghĩa vãng sanh không thể nói xuể. Người niệm Phật chỉ cần chí thành khẩn thiết, tâm giống như tâm Phật, hạnh giống như hạnh Phật, có một phần cung kính được một phần lợi ích, có một phần kiền thành được một phần thụ dụng. Mong mọi người hãy nỗ lực!

Hiện thời thế đạo ngày một suy, nhân tâm ngày một hoại, muốn bổ cứu từ căn bản thì phải chú trọng nơi giáo dục trong gia đình. Trị quốc, bình thiên hạ phải bắt đầu

từ tề gia, do vậy quyền lực "trị quốc, bình thiên hạ" phụ nữ chiếm quá nửa. Phụ nữ chú trọng nơi mẫu giáo (sự dạy dỗ của mẹ), mẹ dạy con noi theo quy củ, tập quen từ thuở bé, lớn lên sẽ thực hiện, nhân cách tốt đẹp phải được bắt nguồn từ tuổi măng sữa. Vì thế, chức trách, nhiệm vụ "giúp chồng dạy con" của phụ nữ lớn lắm.

Những vị nữ cư sĩ phải biết phụ nữ được gọi là Thái Thái là vì vào buổi đầu khai quốc của nhà Chu, Thái Khương, Thái Nhậm, Thái Tự đều hiền đức tột bậc, là bậc mẫu nghi của thiên hạ, do vậy gọi phụ nữ là Thái Thái. Các vị nữ cư sĩ hãy nên biết danh xưng Thái Thái đáng tôn, đáng quý, ai nấy tận hết chức trách bổn phận giúp chồng dạy con để làm cơ bản trị quốc bình thiên hạ, ngõ hầu danh xứng với thực. Nói đến chỗ cùng cực của tu tâm thì vẫn là hai câu: "Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành." Hai câu ấy đứa trẻ lên ba cũng nói được, nhưng ông lão tám mươi làm không xong! Người rốt ráo làm được hai câu ấy đã ở vào địa vị chư Phật. Do vậy mong hết thảy những thiện nam tín nữ tu tâm hãy hết sức chú ý. Ngàn lời vạn lẽ nói chung là "phải tu tâm để liễu sanh tử", nếu luận tới chỗ mấu chốt khẩn yếu nhất của tu tâm để liễu sanh tử thì là "đừng làm các điều ác, vâng hành các điều lành, phát nguyện niệm Phật". Mong mọi người ghi nhớ mấy ý nghĩa này cẩn thận, chắc chắn sẽ tự nhiên giải quyết xong sanh tử, chứng Phật đạo. Xin hãy gắng lên!

7. Pháp ngữ khai thị tại Phật giáo Cư sĩ lâm Thế Giới ngày lễ kỷ niệm đức Thích-ca thành đạo

(Cổ Nông tốc ký)

Hôm nay là ngày đức Phật Thích-ca thành đạo mà cũng là ngày chúng ta thành đạo. Vì sao vậy? Vào ngày hôm nay, sau khi đức Phật Thích-ca thành Phật liền vì chúng sanh nói mọi pháp thành Phật; chúng ta chỉ y theo pháp để tu nhân liền có thể thành tựu Phật quả, chẳng khác gì đức Phật Thích-ca. Trong kinh Phạm Võng, đức Phật đã thọ ký cho chúng ta: "Ta là Phật đã thành, các ông là Phật sẽ thành." Đại chúng biết mình là "Phật sẽ thành" liền có thể mạnh mẽ gắng sức, chẳng còn tự coi rẻ, phụ bạc chính mình nữa, quét sạch hết thảy nghiệp chướng, tích tập hết thảy công đức, trong tương lai thành đạo. Nay đã quyết định, nên nói "cũng là chúng ta thành đạo".

Kinh Pháp Hoa dạy: "Như Lai vốn vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời, muốn làm cho chúng sanh khai Phật tri kiến, thị Phật tri kiến, ngộ Phật tri kiến, nhập Phật tri kiến." Có nghĩa là "đức Phật đã nói ra mọi pháp môn không gì chẳng nhắm tới mục đích muốn làm cho chúng sanh được thành Phật". Nhưng vì chúng sanh căn khí bất nhất, kẻ căn khí lớn lao bèn tu tập đại pháp, thành Phật ngay trong đời hiện tại; kẻ căn khí nhỏ nhoi chẳng thể tu đại pháp, đức Phật bèn lập phương tiện, dạy họ tiệm tu (tu dần dần theo từng bước). Tuy vẫn có người

có thể liễu sanh tử ngay trong đời hiện tại, nhưng hết sức ít ỏi. Do lòng đại từ đại bi, ngoài hết thảy các pháp môn cậy vào tự lực, đức Phật lập nên một pháp môn cậy vào Phật lực, tức là pháp môn dạy chúng sanh "niệm Phật vãng sanh Tịnh độ". Do vậy, bất luận căn khí lớn hay nhỏ đều được cậy vào Phật lực để liễu sanh thoát tử, đại sự nhân duyên của đức Phật ta cũng nhờ vào đây mà được viên mãn.

Hiện thời chúng ta thọ mạng ngắn ngủi, trí tuệ lại ít ỏi, hãy đều nên nương theo pháp môn niệm Phật để tu trì hòng vãng sanh Tây Phương. Chớ nên tự đại, coi Tây Phương chẳng đáng để sanh về, khinh rẻ pháp môn niệm Phật. Cần biết rằng, niệm Phật tức là tâm quý vị là Phật; nếu không niệm Phật, tâm quý vị chẳng phải là Phật. Quán kinh dạy: "Tâm này làm Phật, tâm này là Phật." Nếu ai không niệm Phật thì vẫn chẳng thể vô niệm được, đã không thể vô niệm mà lại chẳng niệm Phật, ắt sẽ niệm lục phàm[41], vọng tưởng điên đảo đều thành cội rễ sanh tử. Do vậy phải nên niệm Phật. Đi đứng nằm ngồi chẳng lìa niệm ấy. Niệm tới, niệm lui, niệm đến khi cái gốc sanh tử bị cắt đứt; lúc tới Tây Phương sẽ là thượng phẩm thượng sanh.

Các tông thuộc bên Giáo, tánh - tướng, giáo - lý tinh vi sâu xa, mênh mông rộng lớn, chẳng dễ gì nghiên cứu. Dẫu có ai có thể nghiên cứu đi nữa thì cũng chỉ là thấu hiểu đạo lý nơi mặt ngôn ngữ, văn tự, chứ chưa phải là thấu triệt đạo lý nơi tâm tánh. Muốn thấu triệt rốt đạo lý nơi

41 Lục phàm: Lục đạo, tức trời, người, a-tu-la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục.

tâm tánh thì hết sức ít người làm được như thế! Đấy chính là pháp môn cậy vào tự lực. Trong nhà Thiền hoặc bên Mật tông, lý phần nhiều mầu nhiệm, nhưng kẻ nào căn cơ cạn mỏng sẽ chẳng thể lãnh ngộ được. Dụng công bên Tông thì tuy "đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật" vẫn mới chỉ là bước đầu trong cửa Thiền. Đã ngộ rồi lại còn phải tu đạo, rộng hành lục độ vạn hạnh, đoạn trừ tập khí phiền não trong hết thảy cảnh. Dụng công bên Giáo thì trước hết phải đại khai viên giải, giống như triệt ngộ bên Tông. Đã khai ngộ rồi, cũng phải rộng hành phương tiện, đoạn trừ tập khí phiền não, hết sức khó khăn.

Pháp môn niệm Phật là mang nghiệp vãng sanh, sau khi vãng sanh liền chẳng thoái chuyển, thọ mạng vô lượng, thành tựu ngay trong một đời. Những kẻ tu Thiền tông đã triệt ngộ mà niệm Phật vãng sanh thì cố nhiên sẽ là thượng phẩm thượng sanh, chứng địa vị Bồ-tát, liền có thể hóa thân trong những thế giới ở các phương khác để làm Phật sự trọn khắp. Nếu chẳng niệm Phật vãng sanh, hễ chưa đoạn trừ được tập khí phiền não thì vẫn chẳng thể liễu sanh thoát tử. Do vậy chẳng bằng pháp môn niệm Phật, bất luận ngộ hay không, dẫu còn chưa đoạn được tập khí phiền não, chỉ cần được vãng sanh là đã liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Kẻ tu Mật tông "tam mật tương ưng, thành Phật ngay trong thân này" nếu chẳng khéo dụng tâm sẽ dễ bị ma dựa. Dẫu khéo dụng tâm, tu pháp môn Mật tông này sẽ liền cách biệt với các pháp môn

khác, chẳng bằng tu pháp môn Tịnh độ phần nhiều chẳng gây trở ngại gì cho các pháp môn khác. Vì thế, kẻ tu Mật tông nếu đạt được lợi ích thì cố nhiên là tốt đẹp, nhưng nếu bị ma dựa sẽ trở thành hạng bỏ đi.

Đạo Phật ta có vô lượng pháp môn, nhưng nói chung phải lượng theo thân phận của chính mình, chọn lựa pháp thích hợp với căn cơ của chính mình để tu, đừng để đến nỗi "cầu được lợi ích, đâm ra bị hao tổn". Pháp môn Tịnh độ là pháp môn thường được mười phương chư Phật dùng để hạ hóa chúng sanh, chư đại Bồ-tát dùng để thượng cầu Phật đạo. Căn cơ không phân biệt đại hay tiểu đều tu trì được, có tiện nghi lớn lao, tu tập nhanh chóng. Đừng nghe ai nói pháp nào bèn tu theo pháp đấy, hôm nay Trương Tam, bữa mai Lý Tứ. Ngoài cửa miệng nói đến nỗi hoa trời rơi tán loạn, nhưng chẳng có mảy may nào hữu ích cho tâm địa. Do vậy từ xưa tới nay các vị đại pháp sư, đại tông sư, không vị nào chẳng đề xướng pháp môn Tịnh độ. Có vị nào không đề xướng là vì không hiểu biết pháp môn rộng lớn này vậy!

Nay hãy thử nói, chỉ có pháp môn này là "trước khi chưa thành Phật thì cậy vào pháp này để tự tu, sau khi đã thành Phật rồi thì nhờ vào đó để độ đời". Thích hợp khắp ba căn, giúp ích cho cả phàm lẫn thánh, trên đến bậc Đẳng giác Bồ-tát, dưới đến chủng tử A-tỳ, cao thì chẳng thể vượt khỏi pháp này, hèn thì cũng được dự vào trong ấy, rộng lớn viên mãn, không còn gì hơn được nữa. Để chứng minh,

hãy nhìn vào kinh Hoa Nghiêm: Thiện Tài Bồ-tát đi qua một trăm thành, tham học với khắp các tri thức. Trong lần tham học thứ 53, tới chỗ Phổ Hiền Bồ-tát. Khi ấy Thiện Tài đã chứng được địa vị Đẳng giác bằng với chư Phật, nhưng Phổ Hiền sau khi khen ngợi công đức thù thắng của Như Lai xong, đối trước Thiện Tài và các vị Pháp thân đại sĩ thuộc 41 địa vị trong hội Hoa Nghiêm, dạy họ hãy rộng phát mười đại nguyện vương, dùng công đức ấy để hồi hướng vãng sanh Cực Lạc thế giới. Ấy là vì bỏ pháp này đi thì sẽ không có cách nào để thành tựu Phật quả viên mãn được! Trong hội Hoa Nghiêm, những vị nghe pháp ấy, địa vị của họ thấp nhất cũng là Sơ phát tâm Bồ-tát. Công đức do tu mười đại nguyện vương ấy đều phải đem hồi hướng vãng sanh Tây Phương thì mới có thể tấn tu tốt đẹp được.

Hơn nữa, lấy chương Hạ Phẩm Hạ Sanh trong kinh Thập Lục Quán để làm chứng thì kẻ căn tánh kém hèn ngũ nghịch lúc lâm chung, tướng địa ngục hiện, gặp thiện tri thức dạy niệm Phật, bèn cậy vào nguyện lực của Phật để diệt tội vãng sanh, liền được liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Pháp môn Tịnh độ thần diệu khó thể nghĩ tưởng, nếu là người tin tưởng pháp này đến cùng cực rồi tu tập pháp môn này, dẫu vạn con trâu cũng không thể kéo lại được! Nhưng tu pháp môn niệm Phật này muốn sanh về Tây Phương, phải vâng giữ "đoạn ác tu thiện" nơi ba nghiệp thân miệng ý thì đức hạnh mới hợp với Phật, lâm chung tự nhiên cảm Phật đến nghênh tiếp, vì thế gọi là

"tịnh nghiệp". Hễ tịnh được nghiệp thì tâm sẽ tịnh, tâm đã tịnh sẽ tự cảm thông dễ dàng. Kinh Thập Lục Quán coi "hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm không giết, tu thập thiện nghiệp" là chánh nhân tịnh nghiệp. Vì sao vậy? Đấy là cách cất nhà phải xây móng cho chắc chắn. Nếu nền móng không chắc chắn, tuy xây nhà cho cao, chẳng khỏi bị sụp đổ.

Muốn sanh về Tây Phương thì cần phải làm người tốt. Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, hai câu này nếu nhìn từ mặt chữ sẽ thấy sao mà dễ dàng đến thế! Nhưng xét trên thực tế, Cừ Bá Ngọc tròn 50 mới biết 49 năm trước sai trái, bảo: *"Phu tử dục quả kỳ quá, nhi vị năng dã"* (Phu tử muốn giảm bớt lỗi, nhưng chưa thể làm được). Khổng tử đọc kinh Dịch, ba lần đứt dây buộc lề sách, nói: *"Giả ngã số niên, tốt dĩ học Dịch, khả dĩ vô đại quá hỹ"* (Cho ta sống thêm mấy năm để học Dịch cho xong, hòng không phạm lỗi lớn vậy). Dù hiền hay thánh đều không thể gánh vác nổi hai câu ấy.

Xưa kia, ông Bạch Cư Dị làm Thái thú[42] Hàng Châu,

---

42 Thái thủ (太守, thường bị đọc trại thành Thái thú) là một chức quan đã có từ thời Chiến Quốc. Thoạt đầu, mỗi nước được chia ra thành một khu vực hành chánh gọi là quận. Vị trưởng quan đứng đầu một quận, nắm quyền hành chánh lẫn quân sự được gọi là Quận thủ (郡守). Đời Hán đổi Quận thủ thành Thái thủ. Tới thời Đông Hán, vua chia nước ra thành từng châu, người đứng đầu một châu gọi là Châu mục (州牧) hoặc Thứ sử (刺使), đặt chức Thái thủ thấp hơn Châu mục một cấp; nhưng ở những châu thuộc vùng biên địa như Giao Châu, Nhật Nam thì Thái thủ lại là chức quan cao nhất. Từ thời Tùy trở đi, không còn quận nữa, chức Thái thủ không còn, nhưng người đứng đầu một thành phố lớn như Hàng Châu vẫn được dân chúng quen gọi là Thái thủ.

tới yết kiến thiền sư Ô Khoa[43], hỏi: "Thế nào đại ý của Phật pháp?" Sư đáp: "Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành." Chữ "ác" ấy bao trùm thân miệng ý, 41 phẩm vô minh. Bậc Đẳng giác đại sĩ hễ còn có một phần vô minh chưa phá được thì tam đức[44] chẳng trọn vẹn, tức vẫn là ác. Hơn nữa, chín pháp giới đều là ác, chỉ có pháp giới Phật mới là thiện. Do vậy hai câu này chính là đại ý của Phật pháp. Ông Bạch Cư Dị nói: "Hai câu ấy đứa trẻ lên ba cũng nói được!" Sư đáp: "Ông lão tám mươi tuổi làm không xong!" Đấy chính là tổng giới luật, hễ tu được tổng giới luật này thì hết thảy giới luật đều tu được. Những người đã làm được như thế lại còn niệm Phật thì chưa có ai chẳng vãng sanh Tây Phương.

Hôm nay các vị ăn cháo lạp bát[45] là vì những nhân

---

43 Ô Khoa Đạo Lâm (741-824), người đời Đường, thuộc dòng thiền Ngưu Đầu, họ Phan (có thuyết nói là họ Ông), tên lúc nhỏ là Hương Quang. Xuất gia năm 9 tuổi, năm 21 tuổi đến Kinh Châu (tỉnh Hồ Bắc) thọ giới cụ túc ở chùa Quả Nguyện. Về sau theo học kinh Hoa Nghiêm, luận Đại Thừa Khởi Tín với pháp sư Phục Lễ ở chùa Tây Minh tại Trường An. Sau ngài khế ngộ tâm yếu nơi pháp sư Đạo Khâm rồi quay về Nam, thấy núi Tần Vọng có cây tùng mọc um tùm như cái tàn, bèn sống ở đó. Người thời ấy bèn gọi ngài là thiền sư Ô Khoa (Khoa (窠) là cái ổ, sách Thuyết Văn Giải Tự giảng: "Hang ổ gọi là khoa, tổ chim gọi là sào"). Do có nhiều loại quạ làm tổ nơi ấy, nên ngài còn được gọi là thiền sư Ô Sào. Ông Bạch Cư Dị hỏi đạo nơi ngài, tâm phục khẩu phục, bèn dựng căn gác bằng trúc cho ngài ở để tiện hỏi đạo, nơi đây về sau thành chùa Quảng Hóa. Còn có truyền thuyết nói lúc ngài sanh ra bị cha mẹ bỏ rơi, được quạ nuôi nên gọi là thiền sư Ô Sào. Đây có lẽ là lời đồn bịa đặt, vì không thấy Cảnh Đức Truyền Đăng Lục chép như vậy.

44 Pháp thân, bát-nhã, giải thoát.

45 Cháo lạp bát (lạp bát chúc) là một loại cháo được ăn trong các tự viện vào ngày mồng 8 tháng Chạp âm lịch (lạp bát nghĩa là mồng 8 tháng Chạp). Còn gọi là ngũ vị chúc, hồng tao, thất bảo chúc, hoặc phật chúc. Trong ngày hôm ấy, do kỷ niệm ngày Phật thành đạo, sau khi cử hành tắm Phật, trù phòng bèn dùng các loại trái cây, ngũ cốc nấu lẫn với nhau thành cháo gọi là lạp bát chúc, trước là cúng Phật, sau là để chư tăng và tín đồ đến lễ Phật dùng. Về sau phong tục này lan rộng khắp dân gian. Tùy theo vùng mà

duyên nào? Cần biết rằng, đấy chính là ý nghĩa kính mừng ngày Phật thành đạo vậy. Nhưng vì sao phải ăn vào buổi chiều? Vì sao vậy? Do vì trước khi thành đạo, đức Phật đã dùng nhũ mi[46]. Vốn là vì trước khi thành đạo, đức Phật Thích-ca là thái tử Tất-đạt (Siddhārtha), 19 tuổi xuất gia, tu tập các pháp thiền thế gian suốt 5 năm, biết đấy chẳng phải là rốt ráo, bèn vào núi Tuyết (Hy Mã Lạp Sơn), tư duy Phật đạo; 6 năm khổ hạnh, mỗi ngày ăn một hạt mè, hoặc một hạt lúa mạch, đến nỗi hình dung khô kháo, gầy mòn chẳng kham. Ra khỏi núi, tới tắm trong sông Ni-liên-thiền[47], vịn cành cây bước lên, thân không có sức gượng được nữa. Khi ấy, chư thiên biết thái tử Tất-đạt sắp tới đạo tràng Bồ-đề thành đạo, Phật cần phải có tướng hảo trang

---

mỗi chùa nấu cháo lạp bát khác nhau đôi chút; chẳng hạn như theo Yên Kinh Tuế Thời Ký, tại phương Bắc, người ta dùng gạo vàng, gạo trắng, gạo đỏ, kê, bắp, v.v.. Thêm vào nhân hạt đào, hạnh nhân, hạt dưa, đậu phộng, hạt tùng, đường trắng, đường đỏ, nho khô, nhưng tuyệt đối không bỏ hạt sen, đậu ván, ý dĩ, quế v.v., vì người Hoa tin rằng những thứ ấy sẽ làm hỏng mùi vị của cháo.

46 Nhũ mi có hai cách giải thích:

1. Nhũ mi là cách dịch nghĩa chữ pāyasa, có nghĩa là cháo ngũ cốc nấu với sữa. Để nấu nhũ mi, người ta dùng các loại gạo, kê nấu lẫn với sữa bò hay dê thành cháo. Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 7, chép: "Nhũ mi: Phương Tây có nhiều loại cháo, hoặc dùng chất chiết từ ô-ma, hoặc dùng các loại đậu và dược vị giống như trong phần Thập Tụng Dược Pháp v.v. đã rộng nói, nhưng đều coi nhũ mi là ngon nhất."

2. Nhũ mi là dịch nghĩa chữ tarpana, tức là dùng ngũ cốc xay nát chế thành món ăn. Luận Du-già Sư Địa, quyển 36, phẩm Tự Tha Lợi, giải thích nhũ mi là bánh khô, lương khô.

Khi nói về loại nhũ mi được cô gái chăn bò Nan-đà-ba-la dâng lên đức Phật, người ta luôn theo cách giải thích thứ nhất. Đúng ra chữ mi (麋: một loài nai) ở đây phải viết là mi (糜: cháo nấu nhừ) thì mới đúng, nhưng do dùng lẫn lộn hai chữ lâu ngày nên kinh văn thường viết thành nhũ mi (乳麋).

47 Ni-liên-thiền (Nairañjanā) đôi khi còn được phiên là Hy-liên-thiên, hoặc Ni-liên-nhiên, dịch nghĩa là Bất Nhạo Trước Hà, vốn là một chi lưu của sông Hằng, nằm ở phía Đông thành Già-da nước Ma-kiệt-đề.

nghiêm, bèn hóa thành cô gái chăn bò dâng lên Phật loại nhũ mi nấu với sữa đã được luyện chín lần.

Thế nào là nhũ mi nấu với sữa đã được luyện chín lần? Đấy là trước hết vắt sữa của 1.000 con bò cho 500 con bò khác uống. Tiếp đó vắt sữa của 500 con bò ấy cho 250 con bò khác uống. Rồi lại vắt sữa của 250 con bò ấy cho 120 con bò khác uống. Rồi lại vắt sữa của 120 con bò ấy cho 60 con bò khác uống. Rồi lại vắt sữa của 60 con bò ấy cho 30 con bò khác uống. Rồi lại vắt sữa của 30 con bò ấy cho 15 con bò khác uống. Rồi lại vắt sữa của 15 con bò ấy cho 8 con bò khác uống. Cuối cùng đem sữa của 8 con bò ấy hòa với gạo thơm, nấu thành nhũ mi. Thái tử ăn món nhũ mi ấy, hình thể khôi phục như cũ, tướng hảo viên mãn, bèn đến dưới cội bồ-đề, ngồi đoan nghiêm tư duy, đoạn sạch phiền não. Vào lúc sao Mai[48] vừa mọc nhằm ngày 8 tháng Chạp, đức Phật trông thấy sao Mai bèn hoát nhiên đại ngộ, tâm kính mở toang rạng ngời, đắc Chánh đẳng giác. Đấy chính là chuyện đức Phật thành đạo vào đúng ngày hôm nay.

Cháo lạp bát chính là phỏng theo nhũ mi; đức Phật dùng nhũ mi rồi thành Phật đạo. Bọn chúng ta liền ăn cháo

---

48 Sao Mai là tên gọi khác của Kim Tinh (Venus). Do vị trí của sao vào lúc đầu đêm và lúc rạng sáng khác nhau nên dân gian tưởng là hai ngôi sao khác nhau nên sao Mai còn có tên là sao Hôm. Người Hán cũng tưởng như vậy nên gọi ngôi sao này vào lúc rạng đông (mọc ở phương Đông) là Minh Tinh hoặc Khải Minh; sau hoàng hôn, sao mọc chính giữa phía Tây thì được gọi là Trường Canh. Sao còn có tên là Kim Tinh do Đạo giáo tin ngôi sao này là hiện thân của một vị thần mang danh hiệu Thái Bạch Kim Tinh.

lạp bát để mừng Phật thành đạo, nhân duyên là như vậy đó. Do vậy, Tây Vực coi nhũ mi là phẩm vật dâng cúng quý trọng nhất. Khi đức Phật còn tại thế, phần nhiều tín đồ đem sữa cúng Phật. Tới khi đức Phật đã diệt độ rồi, có một vị cư sĩ dùng thuần sữa để nấu thành cháo cúng dường một vị đại đức, đại đức ăn xong liền than thở. Vị cư sĩ hỏi nguyên do, đại đức nói: "Cháo của cư sĩ tuy thật ngon lành, nhưng vị chẳng thể bằng uống nước lã khi đức Phật còn tại thế. Do ta phước bạc, chúng sanh báo kém, cho nên than thở!" Đức Phật phước đức sâu dày, thời đức Phật còn tại thế nước còn có vị ngon hơn sữa; còn ngày nay chúng sanh bạc phước, sữa chẳng bằng nước. Chúng sanh đời mạt càng bạc phước hơn nữa. Đừng nghĩ tưởng làm chuyện vượt phận!

Pháp môn niệm Phật mọi người đều nên tu trì, hãy nên cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng kính trọng vợ, vợ phục tùng chồng. Là hiền nhân trong cõi đời, là đệ tử Phật trong đạo xuất thế. Dùng những điều ấy để dạy người, phải rất chú trọng lấy thân làm gương thì mới có thể làm cho người khác sanh lòng tin. Ấy gọi là "dùng lời lẽ để dạy sẽ bị tranh cãi, dùng thân để dạy mọi người sẽ thuận theo". Bất luận tại gia hay xuất gia đều phải nên như thế, đừng nên bàn huyền nói diệu. Dẫu có thể bàn nói thì cũng phải giẫm chân trên thật tế. Chỉ có thể bàn nói, chứ không hưởng dùng được thì cũng giống như bánh vẽ, chẳng thể đỡ đói được đâu! Tu Phật pháp giống như ăn,

phải không đói mới hay. Trong Tịnh Độ Thi của thiền sư Sở Thạch[49] đời Minh có đoạn:

Tây Phương hữu lộ thiểu nhân đăng,
Nhất cú Di-đà tối thượng thặng,
Bả thủ lao tha, hành bất đắc,
Đản đương tự khẳng nãi tương ưng.

(Tây Phương có nẻo nào ai bước,
Di-đà thánh hiệu tối thượng thừa,
Nắm tay lôi đi chẳng chịu theo,
Riêng ai tự chịu mới đi được.)

8. Pháp ngữ khai thị nhân thánh đản đức Phật Thích-ca tại Phật giáo Cư sĩ lâm Thế Giới

(Hy Giác tốc ký)

Thưa chư vị, ngày hôm nay đức Phật Thích-ca đản sanh, vì sao đức Phật giáng sanh trong nhân gian? Không điều gì chẳng nhằm nêu gương cho chúng sanh trong đời mạt. Kinh Pháp Hoa dạy: "Đức Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong thế gian", đại sự chính là khai thị ngộ nhập tri kiến Phật. Chúng sanh vốn có Phật tánh,

---

49 Sở Thạch (1296-1370) quê ở Tượng Sơn, Minh Châu, pháp danh Phạm Kỳ, pháp tự Sở Thạch, là đệ tử nối pháp của ngài Kính Sơn Hành Đoan (đệ tử đời thứ 20 của ngài Nam Nhạc). Năm 16 tuổi, sư thọ giới cụ túc tại chùa Chiêu Khánh, đắc pháp nơi ngài Kính Sơn Nguyên Tẩu Hành Đoan. Sư được Nguyên Thuận Tông phong tặng danh hiệu thiền sư Phật Nhật Phổ Chiếu Huệ Biện vào năm Chí Chánh thứ bảy (1347) đời Nguyên. Do ngài mất vào năm Hồng Vũ thứ ba đời Minh Thái Tổ nên người ta vẫn coi ngài là cao tăng đời Minh. Sư còn để lại Sở Thạch Phạm Kỳ Ngữ Lục.

nhưng đã bị mê mất bởi nghiệp, cho nên dùng giới định tuệ tu trì để quay trở lại cái sẵn có. Nhưng chúng sanh căn cơ bất nhất, pháp môn liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh chẳng dễ tu trì, chúng sanh chưa dễ gì đảm đương được. Do vậy lại đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh độ.

Pháp môn Tịnh độ đơn giản nhất, dễ dàng nhất, thích hợp khắp ba căn, thâu tóm trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn. Ấy là vì dùng một pháp niệm Phật cũng có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Cần biết rằng, pháp môn Tịnh độ lớn lao, không gì ra ngoài phạm vi của nó được, là chỗ quy túc của hết thảy pháp môn. Hành giả chớ tưởng mình đã triệt ngộ thì không cần phải nương vào pháp môn này để tu tập; nếu vậy sợ rằng nói đến chuyện liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh sẽ chẳng dễ dàng đâu!

Người niệm Phật phải sanh lòng tin, phát nguyện, trì danh hiệu Phật, nguyện sanh Tây Phương, không có lý nào lìa bỏ ba món tín nguyện hạnh được. Chỉ cần lòng tin sâu đậm, nguyện thiết tha, chẳng cần phải đạt đến nhất tâm bất loạn, đều có thể nương theo oai lực tiếp dẫn của đức Phật vãng sanh Tây Phương. Nếu là bậc đại triệt đại ngộ mà lại còn niệm Phật thì chắc chắn sẽ được Phật tiếp dẫn, phẩm vị càng cao hơn.

Tham thiền chỉ quan tâm dạy người tham phải chú trọng vào khai ngộ. Nhưng khai ngộ rồi, nếu đoạn sạch được phiền não thì tốt, nếu không thì sợ rằng chưa dễ gì

nói đến chuyện liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh đâu nhé! Lại có kẻ trì chú nói "thành Phật ngay trong thân hiện tại". Nhưng "thành Phật ngay trong thân hiện tại" bất quá chỉ là có thể thấy được vị Phật nơi tự tánh, chứ hoàn toàn chưa chứng được quả vị Phật. Kẻ trì chú chẳng hiểu giáo lý, chẳng trọng giới hạnh, chỉ mong đắc thần thông. Do cái tâm dũng mãnh ấy sẽ khiến cho oán thân trong bao kiếp nhiều đời hiện tiền, dễ dàng bị ma dựa. Nếu dùng cái tâm như thế để tiêu trừ tội chướng, giúp sức cho việc tu trì, vẫn cần phải niệm Phật thì may ra mới có cảnh giới tốt đẹp được.

Hơn nữa, người tu hành chớ nên chưa đắc đã nói là đắc, chưa chứng bảo là chứng, đấy là phạm vào giới đại vọng ngữ, tuyệt đối chớ nên phạm! Xưa kia có cư sĩ X… nói đã đắc quả A-la-hán, có người hỏi: "Đã đắc quả sao không hiện một chút thần thông biến hóa?" Nhưng rốt cuộc hắn ta chẳng thể làm được, mà phiền não cũng trọn chẳng thể trừ được. Há có bậc La-hán nào chẳng trừ được phiền não ư? Chư vị đừng coi rẻ pháp môn niệm Phật! Quán Âm, Thế Chí đều là cổ Phật thị hiện, Văn-thù, Phổ Hiền là đại Bồ-tát vẫn cầu sanh Tịnh độ, lũ phàm phu bọn ta há nên coi rẻ? Pháp môn niệm Phật là biển cả của hết thảy pháp môn, chứ những pháp môn khác giống như ngòi, lạch nhỏ nhoi, chẳng thể nào sánh bằng được đâu.

Chư vị phải thật sự vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề. Người đời học Phật thường chẳng chân thật, họ mong muốn

hiểu thông suốt kinh điển, nghiên cứu tìm tòi, học hiểu nghĩa lý, chẳng qua chỉ nhằm mong trở thành đại thông gia mà thôi. Bậc đại thông gia đoạn được một tầng phiền hoặc, sợ chẳng dễ dàng đâu! Hiện thời pháp sư Đế Nhàn đang giảng Triệt Ngộ Thiền Sư Ngữ Lục tại Tịnh nghiệp xã Giác Viên, chư vị nên thường xuyên đến đấy nghe. Đối với pháp trì chú của Mật tông, Ấn Quang trộm nghĩ là nên nhờ vào đấy để tiêu trừ tội nghiệp, đừng nên lầm lạc cầu thần thông. Kính mong mọi người hãy lưu ý, tiếp nhận lời hèn của nạp tăng, phát tâm niệm Phật. Cổ nhân đã nói: "Nắm tay lôi theo, đi chẳng được." Phải nhờ người khác lôi kéo thì phi lý quá! Mong chư vị ai nấy đã sẵn có Phật tâm thì hãy thật thà niệm Phật.

9. Khai thị về niệm Phật tại chùa Pháp Tạng, Thượng Hải

(Mã Khế Tây ghi)

Pháp môn niệm Phật lớn lao không gì ra ngoài phạm vi của nó được, chí viên chí đốn, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, nhưng cần phải hiểu rõ ràng nguyên do. Hễ hiểu rõ lý thì sanh lòng tin phát nguyện không ai chẳng được lợi ích. Nếu không, sẽ bị các thứ cảnh giới khác xoay chuyển, chẳng thể sanh lòng tin chân thật, phát nguyện thiết tha. Dù có công phu niệm Phật cũng chẳng thể đạt được lợi ích nơi Phật. Các pháp môn do đức Phật nói đều phải cậy vào tự lực để vãng sanh, cần phải nghiệp tận tình không.

Nếu không, sợ rằng sẽ vất vả gian nan lắm đấy! Nếu đã có thể nghiệp tận tình không, lại còn có thêm công phu niệm Phật, ắt sẽ thượng phẩm thượng sanh, sẽ có cùng một khả năng như Đại sĩ Quán Âm "nên dùng thân nào để độ bèn hiện thân ấy để thuyết pháp".

Nếu chưa đạt đến mức nghiệp tận tình không, chẳng thà cứ chất phác niệm Phật, chẳng ôm lòng khinh mạn, chẳng suy đoán bằng ý thức thì khi lâm chung mới mong được cảm ứng đạo giao. Ấy là vì pháp môn niệm Phật hoàn toàn cậy vào Phật lực, chẳng như những môn khác đều là tự lực. So sánh giữa Phật lực và tự lực thì có khác gì sự cách biệt giữa bầu trời và mặt đất. Do vậy, từ xa xưa ngu phu ngu phụ thật thà niệm Phật đa số vãng sanh, nhưng bậc thông Tông thông Giáo phần nhiều chẳng thể khoác tay họ ngao du trong cõi Cực Lạc được. Thật đáng tiếc thay! Người tu hành cần phải biết Sa-bà khổ, Cực Lạc vui, phải nguyện lìa Sa-bà khổ, nguyện được Cực Lạc vui, chớ nên cầu phước báo trời người. Ví như đang ở trong tù ngục mong được về quê hương. Nhưng thế giới Sa-bà chính là một nhà tù lớn, thế giới Cực Lạc mới là quê nhà tốt lành. Cổ nhân có thơ như sau:

Tự thị bất quy, quy tiện đắc,
Cố hương phong nguyệt hữu thùy tranh?

(Tự chẳng muốn về, về liền được,
Gió trăng quê cũ, há ai giành?)

Các vị nếu nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì có ai tranh giành Tây Phương với mình đâu nhỉ? Muốn trở về quê nhà, chớ nên do dự bảo "hãy đợi mấy năm nữa" thì sẽ chẳng thể tương ứng với Phật được đâu! Chí thành khẩn thiết tới mức "lòng tin chân thành, nguyện thiết tha" thì chính là chủng tử Tây Phương, bởi lẽ một môn Tịnh độ lấy ba pháp tín nguyện hạnh làm tông, như ba chân của cái đỉnh, thiếu một chẳng thể được. Nếu chuyên đề cao hành trì chẳng coi trọng tín nguyện thì sẽ chấp sự phế lý, vẫn thuộc vào pháp môn tự lực, mắc cùng một khuyết điểm giống như kẻ chấp lý phế sự, chuyên cậy vào tự tánh duy tâm, chẳng cậy vào Phật lực. Do vậy đại sư Ngẫu Ích nói: "Được vãng sanh hay không hoàn toàn do có tín nguyện hay không, phẩm vị cao hay thấp hoàn toàn là do trì danh sâu hay cạn." Lời luận định ấy sát sao thay! Chẳng thể không biết vậy.

Trong những lời thuyết pháp của cổ nhân, giảng giải tới mức cùng tận không bờ mé thì chỉ có bài Tứ Liệu Giản của ngài Vĩnh Minh quả thật đã chỉ ra một con đường thênh thang cho chúng sanh đời mạt trở về quê nhà. Xin trình bày đại lược:

"Có Thiền có Tịnh độ, ví như cọp đội sừng, đời này làm thầy người, đời sau làm phật, tổ." Hai chữ Thiền Tịnh ở đây cần phải phân biệt cho rõ ràng, cần nhất là phải biết thế nào là có Thiền, thế nào là có Tịnh độ. Người đời thường tưởng khán thoại đầu, tham cứu câu "người niệm Phật là

ai" là "có Thiền", còn chấp trì danh hiệu là "có Tịnh". Sai rồi! Thiền tức là chân như Phật tánh sẵn có, tức tâm thể thuần chân của chúng ta, tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên, vừa tịch vừa chiếu, không năng không sở, đấy chính là cái được Tông môn gọi là "bản lai diện mục trước khi được cha mẹ sanh ra". Tịnh là tín nguyện trì danh, cầu sanh Tây Phương, chứ không phải chỉ là "duy tâm Tịnh độ, tự tánh Di-đà". "Có Thiền" là phải đổ công tận lực tham cứu sâu xa tới mức sơn cùng thủy tận, niệm cực tình vong. Một mai thấy thấu suốt bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra, hãm mình vào nơi đất chết tìm ra lẽ sống thì mới đáng gọi là "có Thiền". "Có Tịnh" là phải thật sự vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, thượng hoằng hạ hóa, tự lợi lợi tha không hề phải hổ thẹn. Nếu người ấy triệt ngộ Thiền tông, minh tâm kiến tánh, biết trọn đủ các pháp môn quyền, thật của Như Lai, nhưng chỉ lấy "tín nguyện niệm Phật" làm đường lối chung cho chánh hạnh thì tà đạo sẽ bặt dấu, ma vương, ngoại đạo vỡ mật, như hổ mọc sừng, oai mãnh không gì địch lại được, thượng trung hạ căn đều được lợi ích, chẳng phải là bậc đạo sư của trời người hay sao? Trong tương lai thượng phẩm thượng sanh, chứng tới bậc Đẳng giác trong Viên giáo, há chẳng phải là đời sau sẽ làm Phật, làm tổ ư?

"Không Thiền, có Tịnh độ, vạn tu, vạn người về, nếu được thấy Di-đà, lo chi không khai ngộ." Người ấy tuy chưa minh tâm kiến tánh, nhưng do quyết chí cầu sanh Tây Phương nên dũng mãnh tinh tấn, cũng được Phật tiếp dẫn, chứng

các quả vị. Trong số những người đạt đến quả vị, không ai chẳng đại triệt đại ngộ, do vậy nói "nếu được thấy Di-đà, lo chi không khai ngộ". A-di-đà Phật đại từ đại bi có 48 nguyện, nguyện nào cũng độ sanh, không chỉ bậc thượng thiện xưng danh liền có thể vãng sanh, ngay cả ngũ nghịch thập ác nếu khởi lòng hổ thẹn lớn lao, phơi bày sám hối, bất luận một niệm hay mười niệm, ắt Phật cũng nhiếp thọ. Mưa đúng thời thấm đẫm các vật, muôn vật không vật nào chẳng được thấm ướt, lợi ích. Biển cả dung nạp các sông, dẫu trăm sông đổ vào biển, biển cũng đều dung nạp trọn. Vạn người tu, vạn người về, quả là sự thật không sai!

"Có Thiền, không Tịnh độ, mười kẻ, chín chần chừ, ấm cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó." Đây là nói về kẻ tham thiền nhưng chẳng niệm Phật. "Thiền" ở đây là tuy đã minh tâm kiến tánh, nhưng nếu kiến tư phiền não còn có chút nào chưa trừ thì vẫn luân hồi trong lục đạo y như cũ, không thoát ra được. Biển sanh tử sâu thẳm, đường Bồ-đề xa vời, chùng chình giữa đường, chần chừ dây dưa, vì thế nói *"thập nhân, cửu tha lộ"* (mười kẻ, chín chần chừ). "Tha" (蹉) là "tha đà" (蹉跎), nói theo cách thông thường là chần chừ. "Ấm cảnh" chính là cảnh trung ấm thân khi mạng chung mới hiện ra, đều tùy theo nghiệp lực thiện hay ác chi phối mà thọ sanh trong đường lành hay nẻo ác. Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh, Chân Như Triết đều là những vết xe đổ trước đây, sở ngộ và kiến địa của ba vị ấy cao siêu như thế mà vẫn chẳng khỏi mê mờ, cần chi phải bàn tới lũ

phàm phu chúng ta nữa đây! Chữ "miết nhĩ" (瞥爾) trong câu "miết nhĩ tùy tha khứ" (chớp mắt đi theo nó) là một cái chớp mắt, ví cho sự nhanh chóng. Có người hiểu chữ "ấm cảnh" chỉ cho cảnh ngũ ấm ma; có kẻ giải thích chữ "tha lộ" là lầm đường, đều sai hết! Há có ai triệt ngộ Thiền tông, hiểu sâu giáo lý lại chẳng hiểu cảnh giới ngũ ấm để rồi lạc đường hay chăng? Điều này quan hệ rất lớn, chẳng thể không biết!

"Không Thiền, không Tịnh độ, giường sắt với cột đồng, vạn kiếp lẫn ngàn đời, không có người nương tựa." Người đời hờ hững hời hợt, chẳng thật sự nỗ lực tham cứu, chẳng có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, hoặc lại còn kiêm tu các môn khác đều đáng gọi là "không Thiền, không Tịnh độ". Tuy cảm được phước báo trong đời sau, nhưng do phước tạo nghiệp, do nghiệp đọa địa ngục. Giường sắt, cột đồng, không người nương tựa, tuy có Phật lực cũng chẳng làm sao được. Đại sư Triệt Lưu nói: "Người tu hành chẳng liễu sanh tử là sự oán trong đời thứ ba", đáng sợ thay!

Thiền sư Vĩnh Minh chính là hóa thân của A-di-đà Phật, tất cả những câu kệ đề xướng niệm Phật của ngài đều là khế cơ lẫn khế lý. Bốn bài Liệu Giản này đúng là bài cảnh sách vô thượng cho người tham thiền lẫn tu tịnh. Tuy hạn cuộc trong âm vận của lời kệ, lời lẽ ngắn gọn, ý chu đáo, lại càng chẳng thể thêm vào hay bớt đi một chữ nào được, người học hãy nên nghiên cứu cặn kẽ! Tịnh độ chính là pháp môn đặc biệt, những pháp môn khác đều là pháp

môn thông thường. Tách rời hai pháp này thì đôi đằng đều có ích, hợp lại thì đôi bên đều bị hại. Đối với pháp tắc tu trì thì hãy nên nói lời tốt lành, làm chuyện tốt lành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng xướng, vợ theo, ai nấy giữ vẹn luân thường, chẳng trái nghịch pháp thế gian thì mới đáng gọi là "đệ tử chân thật của đức Phật". Nếu không, Danh giáo còn chẳng dung, sẽ là tội nhân đối với Như Lai.

Niệm Phật quý tại nhiếp tâm, ngài Đại Thế Chí nói: "Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, nhập tam-ma-địa, ấy là bậc nhất." Đủ biết khi niệm hãy nên buông xuống vạn duyên, nhiếp trọn sáu căn, miên miên mật mật, thẳng thừng mà niệm, sẽ có lúc đắc tam-ma, tam-ma cõi này dịch là chánh tu, chánh kiến, hoặc dịch là chánh định. Trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện của kinh Hoa Nghiêm, đức Phổ Hiền dùng mười đại nguyện vương khuyên dạy Hoa Tạng hải chúng quay về Cực Lạc. Hoa Nghiêm Hải Chúng đều thuộc địa vị đại Bồ-tát mà vẫn còn phải quy hướng vãng sanh, đủ biết pháp môn Tịnh độ như trời che khắp, như đất chở đều, đại địa núi, sông, vũ trụ vạn hữu, có gì vượt ra ngoài trời đất được chăng? Pháp môn Tịnh độ nhiếp trọn các pháp môn khác, cũng chẳng khác gì! Cõi đời thay đổi, vận số suy vi, người đời mạt pháp căn tánh kém hèn, muốn cầu hoát nhiên phá vô minh, đoạn hoặc chứng chân, rất ư là khó. Tự mình chưa độ được mà muốn độ người ta thì có khác gì kẻ chết đuối trong biển lại toan cứu người. Kính khuyên các vị hiền

nhân chớ nên ngã mạn ngạo nghễ, hãy cứ nên tin chân thành, nguyện thiết tha, nương theo từ lực niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì mới nên!

10. Khai thị về quy củ đả thất tại Linh Nham *(nói với hàng đệ tử tại gia)*

Quy củ của Linh Nham do Quang lập ra không giống với các tùng lâm trong thiên hạ (chỉ có chùa Di-đà ở Hàng Châu là gần giống. Quy củ nơi ấy cũng do Quang lập, sau này họ pha thêm đôi chút thói thù tiếp, cũng tổ chức pháp hội Diệm Khẩu). Công khóa quanh năm giống như đả thất, có ai thỉnh mở Phật thất thì chẳng qua là thêm vào ba lượt hồi hướng mà thôi. Bất luận thỉnh tăng sĩ tham dự Phật thất nhiều hay ít, cả chùa đều niệm giống như thường lệ. Tất cả những tiền cúng dường liền chia đều cho cả chùa lẫn ngoại liêu, không thiên vị, không bè phái, chẳng để cho vì chia nhiều hay chia ít mà khởi lên tranh chấp. Cứ nhất loạt niệm giống như nhau, nhất loại chia đều tiền cúng dường như nhau. Chỉ có điều thí chủ thỉnh nhiều vị tăng tham dự thì họ được công đức của nhiều người, do vậy không một ai chẳng niệm. Nếu theo quy cách như những nơi khác thì kẻ tham dự Phật thất sẽ đả thất, còn kẻ chẳng đả thất sẽ chơi không, công khóa bị gián đoạn, tăng chúng sẽ do được chia hay không mà khởi lên đố kỵ. Cách này quả thật là phương pháp bậc nhất từ trước đến nay chưa từng có để mở khóa tu Phật thất theo yêu cầu. Vì thế, người ta đa số thích mở Phật thất tại Linh Nham.

VI. SỚ

1. Sớ quyên mộ để chuộc cá, chuyển dời ao phóng sanh từ Tây Hồ sang nơi khác

Phàm kẻ nào ở trong sanh tử luân hồi sẽ đều phải theo nghiệp thọ sanh, thoạt là người, lại thoạt biến thành vật. Lúc đang làm người, cậy mạnh hiếp yếu, cậy đông hiếp ít, chẳng biết vun bồi phước cho mai sau, mặc tình tạo các ác nghiệp; đến khi phước đời trước đã hết, sát nghiệp đã sâu, khó khỏi đọa trong dị loại: Miệng chẳng nói được, tâm không trí tuệ, mưu mẹo, thân không có sức mạnh chống chọi, chỉ đành mặc cho con người mổ, nấu, cắn, nhai. Nhưng xét tới tận cùng cái tâm loài vật thì lòng ham sống sợ chết, ý niệm khi gặp nguy hiểm mong được cứu vớt, thảm thê không thể nào diễn tả được. Do vậy, các bậc hiền triết thời cổ phần nhiều yêu tiếc sanh mạng loài vật,

chẳng nỡ sát thương, như Tử Sản[50] nuôi cá, Tương Tử thả chim bồ câu, Tùy Hầu giúp rắn[51], Dương Bảo cứu chim sẻ[52]. Đấy đều vốn do cái tâm bất nhẫn mà làm chuyện cứu

50 Tử Sản (không rõ năm sinh - 522 trước Công Nguyên), họ Công Tôn, tên Kiều, tự Tử Sản. Còn có tên tự là Tử Mỹ, vốn thuộc dòng dõi hoàng tộc nước Trịnh, cháu nội của Trịnh Mục Công. Thông minh từ nhỏ, rất thông thạo chánh trị, làm Khanh đại phu (Tể tướng) nước Trịnh thời Trịnh Giản Công, chấp chánh 23 năm, được coi là một chính trị gia lỗi lạc thời ấy. Chuyện Tử Sản thả cá được biết tới qua câu nói của Mạnh tử trong thiên Vạn Chương sách Mạnh Tử: *"Tích giả phất quỹ sanh ngư ư Trịnh Tử Sản, Tử Sản sử giáo nhân súc trì chi. Giáo nhân phanh chi, phản mạng viết: 'Thỉ xả chi, ngữ ngữ yên, thiểu tắc dương dương yên, du nhiên đắc thệ'. Tử Sản viết: 'Đắc kỳ sở tai, đắc kỳ sở tai!' Giáo nhân xuất, viết: Thục vị Tử Sản trí? Dư ký phanh nhi thực chi, viết: Đắc kỳ sở tai, đắc kỳ sở tai. Cố quân tử khả khi dĩ kỳ phương, nan võng dĩ phi kỳ đạo"* (Xưa kia chợt có người đem cá sống biếu cho Tử Sản nước Trịnh. Tử Sản bảo người hầu đem thả trong ao nuôi cá. Người hầu bèn đem nướng, trở về thưa: 'Lúc mới thả, cá nằm ngoi ngóp, một lúc sau bèn sống động, tung tăng bơi đi mất rồi.' Tử Sản nói: 'Nó đã đến được chỗ sống yên vui rồi, nó đã đến được chỗ sống yên vui rồi!' Người hầu đi ra, nói: "Ai bảo Tử Sản có trí? Ta nướng ăn mất rồi mà còn nói: 'Nó đã đến được chỗ sống yên vui rồi, nó đã đến được chỗ sống yên vui rồi!' Do vậy, có thể dùng lời lẽ hợp lý để lừa quân tử, chứ khó thể dùng lời phi lý để dối gạt được).

51 Đời Xuân Thu, Tùy Hầu (vua nước Tùy) đi ra ngoài chơi thấy một con rắn bị người ta đánh gần chết, vứt trên vệ đường, động lòng thương xót, liền sai tùy tùng đem thuốc cứu rắn, rồi đem thả đi. Ít lâu sau, rắn từ sông ngoi lên, nhả tặng vua một viên minh châu để báo ân cứu mạng. Do vậy, viên ngọc ấy thường được gọi là châu Tùy Hầu, hoặc châu Linh Xà. Sách Sưu Thần Ký mô tả viên ngọc ấy như sau: "Kích thước tròn trặn chừng một tấc, trắng muốt, ban đêm tỏa ánh sáng, có thể soi sáng cả gian phòng."

52 Theo Âm Chất Văn Đồ Chứng, có lần Dương Bảo vào Hoa Sơn thấy con chim sẻ bị thương rơi xuống đất, máu me bê bết, cảm thương ông liền đem về băng bó, chăm sóc, khi chim lành bèn thả đi. Chim tha đến bốn cái chén ngọc, lại nói: "Mong con cháu ông sẽ trắng trong, tinh thuần như bạch ngọc." Đêm ấy, ông mộng thấy một vị trời mặc áo vàng đến bảo: "Tôi là con chim sẻ vàng được ông cứu mạng. Tôi vốn là sứ giả của Tây Vương Mẫu, bị thương giữa đường. May được ông cứu giúp, nay được trở về Nam Hải nên đến đáp tạ." Về sau, con cháu ông đều nổi tiếng đức hạnh, hiển đạt.

Có sách lại chép hơi khác như sau: Dương Bảo là người huyện Hoa Âm, sống vào thời Hậu Hán. Lúc bé, Dương Bảo ra ngoài đồng chơi thấy một con sẻ bị cú mèo đuổi đánh bị thương rớt xuống đất. Dương Bảo liền cứu đem về, nuôi đến khi chim lành vết thương bèn thả đi. Đêm ấy, Dương Bảo nằm mộng thấy có một đứa bé trai mặc áo vàng đến biếu bốn chiếc vòng ngọc tạ ơn, cho biết: "Con cháu ông ta sẽ được vinh hiển đến bốn đời như bốn vòng ngọc này." Về sau, con Dương Bảo là Dương Chấn, cháu là Dương Bình, chắt là Dương Tứ, chút là Dương Bưu, lần lượt kế tiếp nhau làm đến chức Tam công, được cõi đời xưng tụng là *"tứ thế tam công, đức nghiệp tương kế"* (bốn đời làm Tam công, kế thừa đức nghiệp).

vớt, chứ vẫn chưa biết đến những nghĩa "hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, trong vị lai sẽ đều thành Phật và từ vô lượng kiếp đến nay, lần lượt làm cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc v.v.".

Đến khi Phật giáo truyền sang phương Đông, những nghĩa này được tỏa sáng rực rỡ trong cõi đời. Do vậy, những bậc quân tử sẵn lòng nhân từ nhằm để báo ân, nhằm tránh tai kiếp, đã hết sức chú ý kiêng giết, phóng sanh, trì trai, ăn chay. Nhưng đại đa số chưa nghe Phật pháp vẫn quen thói coi đó là thường, mặc tình giết chóc nhằm thỏa thích cái miệng, do bởi lẽ ấy đã ươm thành tai kiếp đao binh. Hãy thử nghĩ trong tai kiếp đao binh, con người bị giết chóc có khác gì loài vật bị mổ xẻ để cung ứng cho bụng miệng cho mấy? Nếu nghĩ như vậy thì ý niệm giết thân chúng nó để thỏa thích miệng ta chẳng bị tiêu diệt hay sao? Hơn nữa, ta đã tham sống, há chúng thích chết? Như ta vừa bị cỏ sắc đâm vào ngón tay liền cảm thấy khó thể chịu đựng được; thân chúng nó bị mổ chặt, há lẽ cam lòng? Tuy sức chẳng thể chống chọi được, không làm cách nào được, nhưng cái tâm oán hận cố kết chẳng thể cởi gỡ được, đời đời kiếp kiếp ắt sẽ báo thù. Do vậy, bậc hiền triết muốn khiến cho người đời cùng dứt sát nghiệp, hòng hợp với đạo "dân là đồng bào, loài vật giống như ta" của cha trời mẹ đất, lập đủ mọi cách mua loài vật phóng sanh khiến cho chúng được sống trọn hết tuổi trời.

Cần phải biết hành động này chú trọng nơi cứu người,

chứ không phải đơn thuần nhằm cứu vật! Vì phóng sanh là nhằm mong người ta trông thấy người khác mua loài vật phóng sanh sẽ đều chẳng nỡ giết chóc; đã chẳng nỡ giết chóc thì chẳng kết oán đối, có thể tiêu diệt được sát kiếp trong vị lai, phước thọ trong đời sau sẽ vĩnh viễn tồn tại. Đấy chính là tông chỉ rốt ráo, lợi ích chân thật của phóng sanh vậy. Kẻ chẳng biết thường chê bai phóng sanh lãng phí tiền tài, trọn chẳng có ích lợi gì! Hãy thử đặt mình vào trong hoàn cảnh đó thì kẻ ấy có muốn được người khác thả đi hay là mong bị người khác giết mình để ăn hay chăng?

Từ thời Tống Chân Tông, Tây Hồ ở Hàng Châu đã là ao phóng sanh. Sau đấy, dù có lúc lơ là, nhưng chẳng lâu sau lại được khôi phục. Nay chánh phủ do thấy Tây Hồ quá nhiều cá đến nỗi nước hồ dơ đục, gây trở ngại cho vệ sinh, tính ra lệnh đem bán hết, cho ngư nhân quăng lưới bắt sạch nhằm tạo lợi ích cho dân sinh. Các đại cư sĩ từ thiện ở Hàng Châu, Thượng Hải chẳng nỡ lòng để cho những con cá được phóng sanh qua các đời lại trở thành thức ăn, đặc biệt phái cư sĩ Tôn Hậu Tại tới Hàng Châu, khẩn cầu chánh phủ cho phép mua lại số cá ấy để chuyển sang chỗ khác thì đối với hai lẽ vệ sinh và phóng sanh đều được thích nghi. Chính phủ đã chấp thuận cho mua lại số cá ấy với giá tám ngàn đồng, trả tiền thành ba đợt, ngay hôm ấy liền giao ra ba ngàn đồng. Ngày 29 tháng 2 dương lịch và ngày mồng 10 tháng 4 năm sau, mỗi lần giao hai ngàn năm trăm đồng nữa. Lấy ngày 30 tháng 6 làm hạn chót để hoàn tất việc chuyển dời số cá ấy.

Số khoản tiền chánh thức để chuộc cá là tám ngàn đồng, nhưng dời chuyển cho hết số cá từ cái hồ rộng mấy chục khoảnh thật chẳng phải dễ dàng. Phải chuẩn bị rất nhiều thuyền đánh cá, hằng ngày giăng lưới. Lại phải cử người vận chuyển, và mỗi thuyền lại phải có mấy người trông nom, đốc thúc. Chi phí thuê thuyền, vận chuyển ấy và những khoản chi phí ăn uống hằng ngày cũng cần đến mấy ngàn. Khẩn cầu mười phương thiện tín tùy lực tùy tâm, ai nấy bỏ ra tịnh tài để những con cá đang chờ bị nấu sẽ được sống yên vui, các vị đại cư sĩ được viên thành sở nguyện. Những người có sẵn đủ thiện căn từ đời trước trông thấy hành động tốt lành ấy sẽ đều yêu tiếc sanh mạng loài vật, chẳng nỡ giết hại. Do nhân duyên ấy sẽ tiêu diệt được cơ duyên giết hại, tăng trưởng phong thái nhân từ, công đức ấy làm sao diễn tả được? Ông tăng già Thích Ấn Quang sắp vùi thân nơi ngòi rãnh, kính vì vô số vô lượng cha mẹ trong quá khứ, chư Phật trong vị lai, chí thành khẩn cầu xin cứu mạng. Nếu được quý vị sáng suốt xét soi thì chẳng khác gì chính Quang được quý vị cứu vớt vậy. Kính cẩn giãi bày!

2. Sớ thuật duyên khởi trùng hưng chùa Thọ Lượng ở Cám Châu

Thật tế lý địa trải trần kiếp chẳng đổi chẳng dời, chuyện trong Phật môn tùy theo nhân duyên mà có hưng có suy. Tuy bỉ cực thái lai thuộc vào vận trời, nhưng sửa cũ xây mới quả thật phải cậy vào sức người. Xưa kia khi đức Thế Tôn sắp nhập Niết-bàn đã đem pháp đạo phó chúc

cho quốc vương, đại thần, dạy họ hộ trì lưu thông. Ấy vì ngài đã thấy trước đời sau pháp yếu, ma mạnh, nếu không cậy vào hạng vĩ nhân có quyền lực bảo vệ cho bình yên, ngăn chặn kẻ khinh lấn thì tròng mắt của trời người, huệ mạng của Như Lai chắc sẽ gần như bị diệt mất.

Chùa Thọ Lượng là một đạo tràng cổ đã lâu 1.500 năm của Cám Châu. Nhằm thời Tiêu Lương[53], Phòng ngự sứ[54] là Lô Quang Trù[55] vì sư Đạo Thành mà dựng chùa này. Thoạt đầu đặt tên là Lô Hưng Diên Thọ, rồi đổi thành Thánh Thọ, đến niên hiệu Tường Phù (1008-1016)

---

53 Tiêu Lương tức là Nam Lương (502-557), tức một triều đại vào thời Nam Bắc Triều ở Trung Hoa, được sáng lập bởi Tiêu Diễn (Lương Cao Tổ Vũ Đế) sau khi diệt nhà Nam Tề, xưng đế, đóng đô tại Kiến Khang (nay là Nam Kinh). Do vậy, sử thường gọi triều đại này là nhà Tiêu Lương để phân biệt với những triều Lương khác.

54 Phòng ngự sứ là một chức quan võ được lập ra từ thời Đường nhằm trông coi việc binh tại những huyện trấn trọng yếu. Qua các triều đại, quyền hạn của chức quan này bị giảm dần, chỉ trông coi việc huấn luyện và phòng thủ địa phương, chứ không có toàn quyền về binh bị như những đời trước.

55 Lô Quang Trù (840-911), tự Mậu Hy, còn có tên là Thập Thất Lang, người Thanh Âm, Khê, huyện Kiến Hóa, Kiến Châu (sau này Kiến Châu đổi thành Cám Châu). Ông lớn lên nhằm thời Đường Hy Tông, chính trị hủ bại, các tướng lãnh quân phiệt đua nhau cát cứ, xâu xé quốc gia. Trong tình thế, với tham vọng chính trị, Lô Quang Trù đã cùng Đàm Toàn Bá tụ hợp binh lính khởi nghĩa, suy cử Đàm Toàn Bá làm thủ lãnh, còn Lô Quang Trù chỉ huy quân đội. Họ Lô chiếm được Kiến Châu vào năm Quang Khải nguyên niên (885), xưng là Thứ sử. Năm Thiên Phục nguyên niên (901) chiếm Thiều Châu, rồi chiếm luôn Triều Châu. Đến khi nhà Lương do Chu Ôn thành lập, Lô Quang Trù quy phục nhà Hậu Lương, được Lương Thái Tổ (Chu Ôn) phong làm Bách Thắng Quân Phòng ngự sứ, kiêm nhiệm chức Khai thông sứ vùng Ngũ Lĩnh, tước Chu Nhữ Vương, ăn lộc 1.500 hộ. Về sau được phong là Trung Huệ Thắng Lợi Vương. Tuy xuất thân nông dân ít học, nhưng Lô Quang Trù rất giỏi về quân sự lẫn kinh tế. Chính ông đã chỉ huy khẩn hoang, điều động nhiều công trình thủy lợi, lập thêm 6 huyện mới (An Viễn, Đại Dữu, Thượng Do, Thụy Kim, Thạch Thành và Long Nam) trong vùng quản hạt của mình từ những đất hoang đã khai khẩn. Theo Tự Chí chùa Thọ Lượng, Lô Quang Trù bị bệnh ngặt nghèo, được vị tăng tên Đạo Thành chữa khỏi bệnh nên xây chùa để đền ơn.

đời Tống, vua Chân Tông đặc biệt sắc tứ cho chùa cái tên hiện thời. Trong những đời Nguyên, Minh, Thanh, đời nào cũng có người khiến cho nhà chùa được hưng vượng, đến thời Quang Tự nhà Thanh, đột nhiên bị hỏa hoạn. Năm Dân Quốc thứ 4 (1915), lại bị lụt lớn, đến nỗi ngôi chùa Phật trang nghiêm trọn thành gò hoang, chỉ có mình tượng Quán Âm cao 1 trượng 6 đúc bằng sắt là còn nguyên vẹn không bị hư hại. Những vị thân sĩ trong vùng thỉnh hòa thượng Đại Xuân chùa Quang Hiếu kiêm nhiệm trụ trì. Hòa thượng bèn cùng với đại sư Đức Sâm - là vị tăng trụ ở đấy, cạn sức lo liệu, dựng điện Quán Âm.

Sau này, cụ Đại Xuân qua đời, thầy Đức Sâm rời đất Cám, tìm vị tăng kế nhiệm trụ trì không ra, đến nỗi tòa thị chánh coi là đất bỏ hoang, tính sửa thành chợ bán rau, mở đường sá. Những hàng tăng tục trong vùng báo cho thầy Đức Sâm biết, do vậy thầy bèn gởi thư đến những bậc tai to mặt lớn các giới lần lượt thỉnh cầu bảo vệ. Hội Phật giáo Trung Quốc cũng lại gởi điện xin duy trì, mặt khác tuyển chọn người thỏa đáng sang đấy trước để trù tính, hoạch định chuyện trùng hưng ngôi chùa nhằm bãi bỏ đề nghị trước đây của chánh phủ, lại còn dốc sức đảm nhiệm hộ trì cho chùa mau được khôi phục. Những vị quan viên, thân sĩ trong vùng như ông Lưu Cấp Phủ v.v. tận lực đảm nhiệm vai trò trung gian và nguyện làm hậu thuẫn giúp cho ngôi chùa được khôi phục. Ấy là vì pháp đạo được hưng thịnh đều do có nhân duyên, chẳng do trải qua cơn sóng gió này thì ngôi chùa này sẽ gần như biến mất.

Chỉ vì hiện thời đang nhằm thuở mạt pháp, căn tánh con người kém hèn, nếu không cậy vào sức đại thệ nguyện của Phật Di-đà để vãng sanh Tây Phương thì ai có thể đoạn sạch phiền hoặc, liễu sanh thoát tử ngay trong đời này? Do vậy, khôi phục lần này, nhà chùa sẽ chuyên tu pháp môn Tịnh độ và lập thêm Cư sĩ lâm, lưu thông xứ (phòng phát hành kinh sách) để các nhân sĩ trong vùng đều biết đạo trọng yếu hòng thoát ngũ trược, lên chín phẩm, và biết quy củ tốt lành để giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, biết nhân quả, tu trì cẩn thận. Như thế thì do liên xã được mở mang mà tông phong chấn hưng, lễ giáo hưng khởi, vận nước tốt đẹp sáng sủa, ngõ hầu xứng với ý nghĩa lập chùa đặt tên của cổ nhân, cũng như để an ủi một phen nhiệt tâm bảo vệ duy trì của các vị quân tử.

Nhưng do nhà chùa không có hằng sản, tăng không tích trữ, bèn cậy Bất Huệ thay mặt viết lời sớ dẫn giải hòng khẩn cầu các vị đại hộ pháp và các vị thiện tín phát tâm Bồ-đề, hành phương tiện sự, chở vàng, tải gạo, xoay vần khuyên bảo quyên mộ, khiến cho điện báu thênh thang sớm có ngày xây dựng thành công, mãn nguyệt kim dung thường trụ suốt kiếp, Tịnh tông được thịnh hành, con người đều biết đạo thoát khổ. Nhân quả phô tỏ rõ ràng, mọi người cùng nhau đi theo con đường mong trở thành thánh, sẽ thấy Phật, trời bảo vệ như mây nhóm, tốt lành, mừng vui đua nhau đưa đến, cửa nhà yên vui, quyến thuộc bình an, giàu, thọ, khỏe mạnh, bình yên, thân hiện tại được

hưởng ngũ phước như Cơ Tử đã luận, lan quế[56] ngào ngạt, hậu duệ nhận lãnh trăm điều tốt lành như đã nói trong bài giáo huấn của Y Doãn, chỉ mong ai nấy đều phát lòng tùy hỷ, đều cùng được tiếng thơm.

(Đầu đông năm Quý Dậu (1933) thời Dân Quốc)

3. Sớ quyên mộ tu bổ đại điện thiền tự Hưng Giáo (tức Tiểu Vân Lâu) thuộc thôn Lâu Giang ngoài cửa phụ của huyện thành Thiệu Hưng

(Viết thay cho thầy Nguyên Trạm)

Đức Như Lai điều ngự chúng sanh, tùy cơ thuyết pháp, do chúng sanh căn cơ bất nhất nên đức Phật nói vô lượng pháp môn, nhưng gom góp thống nhất lại thì chỉ có bốn pháp Luật, Giáo, Thiền, Tịnh. Luật là Phật thân, Giáo là Phật ngữ, Thiền là Phật tâm, Tịnh là Phật cảnh. Luật, Giáo, Thiền, Tịnh là chỗ quy túc của hành nhân, là pháp để rốt ráo viên thành Phật đạo, phổ độ hết thảy phàm thánh

---

56 Lan quế: Ý nói con cháu hiển đạt. Đây là hai điển tích được ghép chung lại. Một người tiểu thiếp của Trịnh Văn Công thời Đông Chu nằm mộng thấy có người xưng là tổ tiên họ Trịnh trao cho nhánh lan, tỉnh dậy liền biết đã thọ thai, do đó đứa con sinh ra được đặt tên là Lan. Về sau Trịnh Lan trở thành Trịnh Mục Công, là một ông vua hiền sáng suốt khiến nước Trịnh tuy nhỏ lại làm bá chủ chư hầu một thời. Do vậy, người ta hay dùng điển tích "mộng lan" để chỉ người phụ nữ có thai sanh con quý hiển.

Chữ quế phát xuất từ điển tích Đậu Yên Sơn (tên thật là Đậu Vũ Quân) sống vào đời Hậu Tấn thời Ngũ Đại. Ông này có năm người con trai đều đỗ đạt, đức cao trọng vọng, được người đời khen ngợi là *Yên Sơn Đậu thị ngũ long* (năm con rồng họ Đậu đất Yên Sơn). Phùng Đạo làm thơ mừng Vũ Quân có câu: *"Linh xuân nhất châu lão, đan quế ngũ chi phương"* (Linh xuân một gốc thọ, đan quế năm cành thơm). Do vậy người đời sau thường khen ngợi nhà có con cháu hiển đạt, hiền đức là "lan quế chi gia".

vậy. Bốn pháp trọn chẳng khác biệt, ắt cần phải pháp nào cũng viên thông, pháp nào cũng đều trọn đủ thì mới có thể trên nối tiếp Phật huệ, dưới hóa độ chúng sanh. Chẳng qua là luận theo chú trọng về phương diện nào mà kiến lập danh xưng của bốn tông Luật, Giáo, Thiền, Tịnh đấy thôi!

Thiền tự Hưng Giáo được sáng lập từ đời Tấn, là đạo tràng của Luật và Giáo. Đến đời Đường, thiền sư Ô Khoa trùng hưng, trở thành đạo tràng chuyên tu Thiền. Cuối đời Minh, đồ tôn của đại sư Liên Trì là Nội Hằng Thuyên Công phục hưng nhà chùa, trở thành đạo tràng chuyên tu Tịnh. Thiện tri thức xét thời cơ mà chọn giáo pháp thích hợp, nhân thời thế mà chế định cách tu thích nghi, chỉ cốt sao có lợi cho muôn loài, chẳng chấp nhặt nơi dấu tích phô bày. Vì thế khiến cho hết thảy chúng sanh đều được thấm nhuần pháp ích.

Từ đời Minh đến nay đã hơn 200 năm, trong khoảng thời gian ấy những bậc cao nhân trụ trì pháp đạo cũng lại chẳng thiếu. Từ cuối triều Thanh đến nay, pháp đạo suy vi, điện đường, liêu xá đều nghiêng sụp, đại điện là nơi an trụ pháp thân Như Lai, cũng là chốn để tứ chúng cầu phước, thế mà cột kèo mục nát, rường xà xiêu vẹo, lỏng lẻo. Nếu chẳng lập cách tu bổ, ắt sẽ đến nỗi sụp đổ hết cả. Trạm tôi trụ trì nơi đây, tâm thường kinh sợ, vì thế đặc biệt giãi tỏ lòng ngu thành, quyên mộ khắp đàn tín hộ pháp, khẩn cầu các vị đều bỏ ra tịnh tài để thành tựu việc làm tốt đẹp này, ngõ hầu điện báu thênh thang sớm có ngày được thành

công, mãn nguyệt kim dung thường trụ suốt kiếp. Sẽ thấy Phật, trời che chở như mây nhóm, tốt lành, mừng vui đua nhau đưa đến, giàu, thọ, khỏe mạnh, bình yên, thân hiện tại được hưởng ngũ phước như Cơ Tử đã luận, tước vị cao cả, tôn kính, hậu duệ nhận lãnh trăm điều tốt lành như đã nói trong bài giáo huấn của Y Doãn. Chỉ mong ai nấy đều chẳng tiếc nuối, cùng ghi danh thơm!

(Năm Bính Dần, tức năm Dân Quốc 15 - 1926)

4. Sớ quyên mộ trai mễ (gạo cho tăng chúng ăn) suốt năm của chùa Vạn Thọ núi Đạo Tràng, Hồ Châu *(viết thay)*

Pháp luân muốn chuyển, phải no lòng,
Không gạo, Thiền sâu khó thể mong.
Nếu chịu bố thí giúp đạo nghiệp,
Phước thọ tăng trưởng quyết triền miên.

Chùa Vạn Thọ núi Đạo Tràng là đại đạo tràng do vị cao tăng thời Ngũ Đại là thiền sư Phục Hổ Chí Phùng[57]

---

57 Chí Phùng (909-985), còn có hiệu là hòa thượng Đại Phiến, người xứ Dư Hàng. Sư quán thông tam học, tham thấu kinh tạng, kết thảo am tu trì tại núi Đạo Tràng (tên cũ của núi là Vân Phong, thuộc Hồ Châu). Thảo am này về sau trở thành chùa Vạn Thọ. Thoạt đầu do trong núi ấy có lắm cọp, ngài Chí Phùng thường cầm chiếc quạt lớn (do vậy dân chúng gọi ngài là hòa thượng Đại Phiến) xuống chợ xin tiền mua thịt nuôi hổ, hổ đâm ra thuần tính không làm hại ai nữa, nên người đời gọi ngài là thiền sư Phục Hổ. Lúc đầu, Ngô Việt Vương đặt tên chùa là thiền viện Chánh Chân. Tới niên hiệu Gia Thái (1201-1204) đời Tống, đổi thành chùa Diệu Giác, đến năm Nguyên Phong thứ ba đời Tống (1080), vua ban chiếu đổi tên chùa thành thiền tự Hộ Thánh Vạn Thọ. Thanh Thế Tổ lại đổi thành chùa Vạn Thọ.

sáng lập. Thiền sư cất am tu hành trên đỉnh núi, một bữa ngồi yên, hào quang sáng rực bầu trời. Nhân sĩ bốn phương tưởng trên núi bị hỏa hoạn; ngày hôm sau đến xem, thấy sư thâm nhập tam-muội, biết là sư phóng đại từ quang. Do vậy thiện tín bị cảm hóa, ai nấy đều bỏ ra tịnh tài, tạo dựng chùa miếu, trở thành đại tùng lâm, đều nói sư là Địa Tạng Bồ-tát hóa thân. Vì thế lại gọi núi ấy là Tiểu Cửu Hoa. Từ đấy về sau, đời nào cũng có cao nhân trụ trì nơi ấy. Cho đến đầu đời Thanh, thiền sư Hoằng Giác từng làm chủ núi này, đức hạnh được Thanh Thế Tổ (Thuận Trị) khâm phục, do vậy bèn ban cho nhà chùa tấm biển đề Vạn Thọ. Ấy là cầu chúc cho muôn nước đều yên, cùng lên cõi thọ, một người (tức nhà vua) được mừng vui, ai nấy cùng hưởng thái bình vậy. Từ đấy, đạo phong hưng thịnh, vân thủy[58] đều tụ về, những chùa lớn các nơi chẳng đâu hơn được nơi này.

Đến thời Hàm Phong - Đồng Trị, gặp cơn binh hỏa liền bị suy vi, may nhờ tiền nhân thảm đạm lo liệu mới khỏi bị hoang tàn. Nạp tăng tôi tài sức đơn bạc, lạm nhận chức trụ trì, tuy muốn an cư đại chúng rộng khắp hòng chuyên tu tịnh nghiệp, khóa tụng sáng tối hằng ngày, ba thời niệm Phật, mỗi năm tới tháng Chạp liền mở một Phật thất, dùng công đức ấy để cầu chúc vận nước tốt đẹp, hưng thịnh, nhân dân yên vui, chuyển cạnh tranh thành nhân từ,

---

58 Vân thủy, gọi đủ là *tăng vân thủy*, là những vị tăng không có trụ xứ nhất định, do những vị ấy du phương hành cước hay không muốn ràng buộc bởi đàn-na tín thí, nên lấy bốn phương làm nhà, thấy đạo tràng nào thích hợp liền xin nhập chúng một thời gian rồi lại ra đi giống như mây trôi nước chảy không nhất định nên gọi là tăng vân thủy.

nhường nhịn, biến thói bạc ác thành thuần phong, nhưng do nhà chùa không có hằng sản, không thể kiếm ra lương thực. Vì thế, kính tuân theo cấm chế của đức Phật, vào làng khất thực, khẩn cầu các vị đại đàn-việt[59] ai nấy ban cấp thóc gạo suốt năm để chúng tăng thanh tịnh cư trụ tại chùa yên tâm tu đạo, vân thủy mười phương đều được yên cư. Sẽ thấy Phật, trời che chở như mây nhóm, tốt lành, mừng vui đua nhau đưa đến, giàu, thọ, khỏe mạnh, bình yên, thân hiện tại được hưởng ngũ phước như Cơ Tử đã luận, tước vị trâm anh, hậu duệ nhận lãnh trăm điều tốt lành như đã nói trong bài giáo huấn của Y Doãn. Chỉ mong ai nấy đều chẳng tiếc nuối, cùng kết duyên thù thắng.

5. Sớ quyên mộ tu bổ đại điện và liêu phòng tại các viện trong Nam Thiên Trúc Diễn Phước Tự, Hàng Châu

Quán Thế Âm Bồ-tát *(cho đến)* trùng hưng đạo tràng Tịnh độ hoành siêu *(phần trên đây đã đăng trong Văn Sao Tục Biên)*. Mùa hạ năm nay lại được các vị cư sĩ lân cận mở mang đường hai bên và xây cửa chùa, tu bổ am tranh. Các cư sĩ thuộc hội Phật học cũng bằng lòng tán trợ chuyện xây cất đại điện. Do vậy cậy Quang viết sớ, quyên mộ khắp các đàn tín để mong cho đạo tràng hơn ngàn năm của Bồ-tát lại được trùng hưng, ngõ hầu đạo thích hợp khắp ba căn, pháp liễu thoát ngay trong đời này sẽ được lưu truyền rộng rãi. Khẩn cầu mười phương quan viên cao quý, bậc

59 Đàn-việt (dānapati): thí chủ.

đại thân sĩ, thương gia giàu có, hết thảy thiện tín đều cùng phát tâm Bồ-đề, hành phương tiện sự, mở toang bảo tạng, vun bồi ruộng phước, chở vàng tải gạo, xoay vần khuyên bảo, quyên mộ lẫn nhau, ngõ hầu điện báu thênh thang sớm có ngày xây dựng thành công, mãn nguyệt kim dung thường trụ trải kiếp, liên xã mở mang, tông phong chấn hưng, Phật pháp hưng thịnh, thiên hạ thái bình. Sẽ thấy Phật, trời che chở như mây nhóm, tốt lành, mừng vui đua nhau đưa đến, giàu, thọ, khỏe mạnh, bình yên, thân hiện tại được hưởng ngũ phước như Cơ Tử đã luận, tước vị trâm anh, hậu duệ nhận lãnh trăm điều tốt lành như đã nói trong bài giáo huấn của Y Doãn. Chỉ mong ai nấy đều chẳng tiếc nuối, cùng ghi danh thơm.

6. Sớ quyên mộ tu bổ đại điện của thiền viện Tức Lai núi Phổ Đà *(viết thay)*

Phổ Đà danh sơn chính là cuộc đất thù thắng nơi Đại sĩ thị hiện, thiền viện Tức Lai quả thật là ngôi chùa thanh tịnh để đàn-na tín thí gieo phước. Kể từ khi trước, tổ chúng tôi là thiền sư Triều Âm triệt ngộ tự tâm, thông hiểu kinh giáo sâu xa, trụ trì chùa Phổ Tế mười mấy năm, rải mây từ của Đại sĩ, xiển dương tâm ấn của tổ sư. Vì thế đạo truyền bốn biển, đức cảm chín bệ, nhiều lần được triều đình ban lộc, tặng y tía, trùng tu đạo tràng viên thông, càng thêm vì pháp vì người, mong vun bồi dòng giống pháp cho tương lai. Nhưng do trải qua năm tháng đã lâu, sư chẳng kham nổi nhọc nhằn, bèn cho dựng riêng Tức Lai để làm nơi

thoái ẩn. Do sư được bậc tể quan ngưỡng mộ, dân chúng khâm phục, tôn sùng nên quy mô, chế độ của viện Tức Lai khá đồ sộ.

Từ xưa đến nay đã hơn 200 năm, tất cả điện đường đều nghiêng ngửa, hư nát. Nạp tăng tôi thẹn phận hậu học, gắng sức tu bổ. Các phòng đã sửa sang đại lược như mới, chỉ còn đại điện chưa khởi công. Nếu chẳng xoay sở triệt để, ắt sẽ đến nỗi chẳng mấy chốc sụp đổ. Tính muốn tạo dựng lầu gác huyễn hóa, ắt phải cậy sức của mọi người chống đỡ. Do vậy viết sớ giãi bày tấm lòng ngu thành, quyên mộ khắp đàn-na mười phương, khẩn cầu phát tâm Bồ-đề, hành phương tiện sự, mở toang bảo tạng, vun bồi ruộng phước, ngõ hầu điện báu Đại Hùng sớm có ngày xây dựng thành công, mãn nguyệt kim dung thường trụ trải kiếp. Sẽ thấy Phật, trời che chở như mây nhóm, tốt lành, mừng vui đua nhau đưa đến, thân hiện tại được hưởng ngũ phước như Cơ Tử đã luận, tước vị trâm anh, hậu duệ nhận lãnh trăm điều tốt lành như đã nói trong bài giáo huấn của Y Doãn. Nếu như chẳng xót của, sẽ cùng ghi phương danh.

VII. BẠT

1. Lời bạt cho tấm biển ngạch Hương Quang Trang Nghiêm

Hương thơm công đức phước tuệ, ánh sáng từ bi nhiếp thọ của Như Lai theo chiều dọc suốt cả ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương đều xông chiếu trọn khắp. Phàm phu đầy dẫy triền phược trọn chẳng nghe thấy, như kẻ mắt mù mũi điếc giữa trưa đi ngang rừng chiên-đàn, trọn chẳng ngửi được mùi hương chiên-đàn, chẳng thấy được ánh sáng mặt trời. Nếu sanh lòng chánh tín, thường niệm Phật hiệu, do được vạn đức hồng danh của Như Lai ngầm hun đúc gia bị, nên nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận phước cao, sẽ tự có thể tùy theo khả năng của chính mình mà đắc tam-muội nên thấy nghe đôi chút hương công đức, ánh sáng từ bi của Phật, hoặc chứng Vô sanh nhẫn nên

thấy nghe lớn lao, cho tới dùng sự trang nghiêm của Phật để tự trang nghiêm. Thầy giám viện là đại sư Diệu Chân mong những ai đến đây đều cùng được nhiễm mùi hương của Phật, cùng được hưởng quang minh của Phật, cậy tôi đề bốn chữ này và viết lời bạt để thưa với bậc thông sáng mai sau.

(Mùa thu năm Kỷ Mão,
tức năm Dân Quốc 28 - 1939)

2. Lời bạt cho Tịnh Độ Ngũ Kinh

Tam học giới định tuệ là căn bản của người học Phật và tu tịnh nghiệp, nhưng giới lại càng thiết yếu. Vì thế, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật khai thị tịnh nghiệp tam phước như sau:

1. Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu thập thiện nghiệp.

2. Thọ trì tam quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi.

3. Phát tâm Bồ-đề, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại thừa, khuyến tấn hành giả.

Hai điều đầu phần lớn thuộc về giới học, điều thứ ba trọn đủ tam học. Đầy đủ ba món phước này thì tịnh nghiệp thành tựu lớn lao, vãng sanh thượng phẩm. Vì thế sau năm kinh Tịnh độ, lại in kèm thêm phẩm Tịnh Hạnh

của kinh Hoa Nghiêm và bốn thứ giáo huấn thanh tịnh rạng ngời[60] (thanh tịnh minh hối) của kinh Lăng-nghiêm để mong hành giả tịnh nghiệp, đối với *luật nghi giới* thì gìn giữ sao cho thân chẳng phạm, tiến lên mức nữa là đắc *định cộng giới*, chế ngự tâm không khởi những vọng niệm, tiến vào *đạo cộng giới* siêu tình ly niệm, đoạn hoặc chứng chân. Nhưng dẫu đạt được hai thứ lợi ích thật sự là định cộng giới và đạo cộng giới thì vẫn phải dè dặt kinh sợ, chấp trì

---

60 *Thanh tịnh minh hối* là bốn điều giáo huấn thanh tịnh trong kinh Lăng-nghiêm, gồm "đoạn dâm, đoạn sát, đoạn thâu, đoạn vọng" (dứt dâm, dứt giết, dứt trộm, dứt nói dối). Trong chương ấy, ngài A-nan thưa hỏi: "Con thường nghe đức Như Lai nói như thế này: 'Tự mình chưa đắc độ mà độ cho người khác trước, ấy là chỗ phát tâm của Bồ-tát; tự giác đã trọn, hay giác ngộ người khác, ấy là sự độ thế của Như Lai. Con dù chưa đắc độ, nhưng nguyện độ hết thảy chúng sanh trong đời mạt. Bạch Thế Tôn, những chúng sanh ấy cách Phật ngày càng xa, tà sư thuyết pháp như cát sông Hằng, muốn nhiếp cái tâm, nhập tam-ma-địa, nên làm như thế nào để họ an lập đạo tràng, xa lìa các ma sự, chẳng lui sụt tâm Bồ-đề?"

Sau khi khen ngợi câu hỏi ấy rất thiết thực, đức Phật nhấn mạnh đến vai trò căn bản, thiết yếu của giới trong tam học rồi giảng chi tiết về bốn điều giáo huấn thanh tịnh. Chúng tôi xin trích dẫn chánh kinh về điều thứ nhất như sau: "Chúng sanh trong lục đạo thuộc các thế giới ấy nếu tâm chẳng dâm thì sẽ chẳng phải tiếp tục sanh tử. Ông tu tam-muội, vốn là vì muốn thoát khỏi trần lao, nếu dâm tâm chẳng trừ, sẽ chẳng thể xuất trần được. Dẫu có lắm trí, thiền định hiện tiền, mà nếu như chẳng đoạn dâm, ắt sẽ đọa ma đạo, thượng phẩm là ma vương, trung phẩm là ma dân, hạ phẩm là ma nữ. Những loài ma ấy cũng có đồ chúng, mỗi tên tự nói 'đã thành vô thượng đạo'. Sau khi ta diệt độ, trong đời mạt pháp có lắm ma dân như thế ấy lừng lẫy trong cõi đời, rộng làm chuyện tham dục, giả làm thiện tri thức khiến cho chúng sanh đọa trong hầm ái kiến, lạc nẻo Bồ-đề. Ông hãy dạy người đời: Hễ tu tam-ma-địa thì trước hết phải đoạn dâm tâm. Đấy gọi là điều giáo huấn thanh tịnh rạng ngời quyết định thứ nhất của đức Như Lai Phật Thế Tôn. Vì vậy A-nan, nếu kẻ tu thiền định chẳng đoạn dâm sẽ giống như nấu cát mà mong thành cơm, dẫu trải trăm ngàn kiếp chỉ gọi là nấu cát. Vì sao vậy? Do vốn chẳng phải là cơm, nên trở thành cát, đá vậy! Ông dùng cái thân dâm dục cầu diệu quả của Phật, dẫu được diệu ngộ cũng đều là dâm căn. Căn bản đã thành dâm thì luân chuyển trong tam đồ ắt chẳng ra khỏi được, có nẻo nào hòng chứng Niết-bàn của Như Lai? Do vậy ắt phải làm cho cơ duyên của dâm cũng như thân tâm đều đoạn được dâm thì mới có thể mong cầu Bồ-đề của đức Phật!"

luật nghi giới để tự lợi lợi tha, duy trì khuôn mẫu pháp đạo, ngõ hầu kẻ giải thoát rỗng tuếch[61] sẽ không có lý do lấp liếm rằng họ đang tu theo Đại thừa để rồi hoại loạn Phật pháp khiến cho chúng sanh bị lầm lạc, nghi ngờ.

(Giữa xuân năm Bính Tý,
tức năm Dân Quốc 25 - 1936)

3. Lời bạt cho Ma-lợi-chi Thiên Đà-la-ni

Ma-lợi-chi Thiên tuy hiện thân trời, nhưng thật ra là Bồ-tát. Vì tâm độ sanh tha thiết, lòng cứu khổ ân cần, nên nói ra chú này để làm cái gốc cứu độ. Nếu ai mỗi ngày kiền thành trì tụng chú này càng nhiều càng tốt, dẫu gặp những tai nạn nước, lửa, đao binh v.v. cũng sẽ gặp dữ hóa lành. Năm nay, trong cuộc biến loạn tại Trường Sa[62], dân chúng mắc họa thật thảm. Ông Nhiếp Vân Đài suất lãnh toàn thể gia quyến thuộc các chi họ cùng trì chú này tại Thượng Hải, thế mà nhà cửa thuộc các chi họ của nhà ông Nhiếp ở Trường Sa trọn chẳng bị tổn hại, hư hỏng gì. Do vậy biết

61 Tức kẻ chỉ giải thoát suông ngoài miệng.

62 Đây là cuộc tấn công lần thứ nhất của quân đội Quốc Dân Đảng vào căn cứ địa Tương Ngạc Cám (tức khu căn cứ nằm giữa ba tỉnh Hồ Nam, Hồ Bắc, Giang Tây) của phe Hồng Quân với mục đích phá hủy khu căn cứ này và tiêu diệt lực lượng Hồng Quân đang ẩn nấp tại đó. Chiến dịch này bắt đầu từ 29 tháng Giêng năm 1930 đến ngày 25 tháng 3 năm ấy, nhưng không thu được thắng lợi gì. Để trả đũa, phe Hồng Quân phát động chiến dịch đánh trả, lấy tên là *Tương Ngạc Cám Tô Khu Phản Vi Tiễu* (cuộc tiễu trừ phản kích Quốc Dân Đảng vây hãm đặc khu Sô Viết Hồ Nam, Hồ Bắc, Giang Tây) vào tháng Chạp năm 1930 khiến cho dân tình các tỉnh ấy càng thêm khốn đốn. Căn cứ địa Tương Ngạc Cám bao gồm vùng rừng núi Đông Bắc tỉnh Hồ Nam, Đông Nam tỉnh Hồ Bắc và một phần phía Bắc tỉnh Giang Tây. Thành phố Trường Sa nằm rất gần căn cứ địa của Hồng Quân nên dân chúng bị thiệt hại, thương vong rất lớn trong hai cuộc chiến.

rằng chú này có đại thần lực, có thể trông cậy được. Kính mong những người cùng hàng đều cùng phát tâm sửa lỗi hướng lành, cùng làm chuyện giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, lợi người lợi vật để cảm ứng Bồ-tát rủ lòng từ nơi bổn địa thì sẽ được chở che, gia hộ càng thêm thù thắng. Nếu ai không biết chữ, chẳng thể ghi nhớ được, hãy chí thành niệm Nam-mô Ma-lợi-chi Thiên Bồ-tát hoặc xưng niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát thì lợi ích cũng giống hệt như tụng chú. Ai có được chú này ắt phải đặt ở nơi sạch sẽ, chớ nên khinh nhờn. Nếu không, sẽ mắc tội chẳng nhỏ đấy!

(Đầu thu năm Canh Ngọ,
tức năm Dân Quốc 19 - 1930)

4. Lời bạt cho Tịnh Độ Pháp Hội Khóa Nghi

Hết thảy pháp môn được nói trong một đời đức Như Lai đều phải đoạn sạch phiền hoặc thì mới có thể liễu sanh thoát tử. Chỉ có một pháp niệm Phật nếu đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha sẽ liền có thể cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Pháp môn niệm Phật lấy ba pháp tín nguyện hạnh làm tông, tín nguyện để dẫn đường, niệm Phật làm chánh tu. Có người chỉ chuyên cầu nhất tâm chẳng nhắc đến tín nguyện và kẻ chú trọng khai ngộ, chẳng cầu vãng sanh đều là những người chẳng biết tông chỉ của pháp niệm Phật, bỏ Phật lực để cậy vào tự lực, coi thường Phật trí, khoe khoang trí mình, tự lầm

lầm người lớn lắm! Tâm niệm Phật ắt cần phải khẩn thiết chí thành như con nhớ mẹ, dẫu có cảnh nào khác đưa đến trọn chẳng thể làm cho cái tâm nhớ mẹ ấy bị quên mất được. Trong khi niệm Phật hoặc niệm ra tiếng, hoặc niệm thầm, đều phải lắng tai nghe kỹ, chẳng để cho một câu một chữ nào miệng chỉ liến láu niệm qua. Cách niệm "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối" như Đại Thế Chí Bồ-tát đã nói chính là pháp vừa niệm vừa lắng nghe như thế đấy. Nếu có thể làm đúng như vừa nói thì chắc chắn sẽ được vãng sanh. Nếu tìm cầu sự khéo léo, chắc chắn sẽ biến thành vụng về to lớn, tự lầm lầm người, gây hại há có thể nào cùng cực được!

5. Lời bạt cho sách Sức Chung Tân Lương

Cổ nhân nói: "Sanh tử cũng lớn lao thay!" Chẳng đáng buồn ư! Trộm nghĩ, buồn suông thì rốt cuộc có ích chi đâu? Cần biết rằng sanh tử là đại sự, tín nguyện niệm Phật là đại pháp, đã biết chết là đáng buồn, hãy nên tu đại pháp này trước khi chưa chết thì chẳng những chết không đáng buồn mà còn là may mắn lớn nữa. Vì sao vậy? Do tịnh nghiệp chín muồi, nương theo Phật từ lực lập tức vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, được siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, vĩnh viễn lìa khỏi các nỗi khổ, chỉ hưởng các sự vui, tu tập dần dần mãi cho đến khi thành Phật mới thôi. Nhưng muốn đạt được điều may mắn lớn lao ấy thì cần giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt

lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành để bồi đắp nền tảng, lại còn thật sự vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật sẽ liền có thể quyết định đạt được. Đến khi lâm chung, bất luận tu đã lâu hay mới tu, đều cần có quyến thuộc và tịnh hữu trợ niệm ngõ hầu chánh niệm rạng rỡ, cảm ứng đạo giao, được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Dẫu cho kẻ thường ngày chẳng hề niệm Phật, khi lâm chung thỉnh thiện hữu khai thị và trợ niệm thì cũng có thể vãng sanh.

Do vậy biết rằng chuyện trợ niệm là khẩn yếu nhất! Trong lúc thường ngày, người tu tịnh nghiệp hãy nên nói với gia quyến về lẽ lợi hại để họ hiểu rõ không nghi, quyết chẳng đến nỗi khi lâm chung gia quyến sẽ do tình kiến thế tục mà phá hoại chánh niệm. Như vậy thì đối với kẻ còn lẫn người mất đều có lợi ích thật sự. Các sách Niệm Phật Sức Chung Tân Lương và Sức Chung Tu Tri, dụng ý lẫn lời lẽ đều chu đáo, quả thật đã bảo vệ cho hành nhân thành tựu được đại sự nhân duyên. Nếu chịu lần lượt lưu thông, ngõ hầu hết thảy những người cùng hàng đều biết tới lợi ích đó thì công đức ấy chỉ có đức Phật biết được. Nguyện những kẻ làm con cháu người khác trong cõi đời và những ai là cha mẹ, anh em, bạn bè ai nấy đều làm theo, ngõ hầu người đã mất hồn siêu nơi cõi tịnh, nghiệp trả lại trần lao, chín phẩm sen nở hoa, được đức Phật thọ ký thành Phật ngay trong một đời, quả thật là may mắn lớn lao!

(Cuối xuân năm Dân Quốc 19 - 1930)

6. Lời bạt cho bài giảng giải ý nghĩa Tam Dư Đức[63] đường

Ý nghĩa lớn lao của tên gọi tòa nhà này đã tuyên bày rồi, nhưng muốn lợi người thì trước hết phải đánh đổ những ham muốn xằng bậy của chính mình. Nếu lời lẽ chẳng phù hợp với việc làm còn khó thể cảm hóa vợ con, huống là xóm giềng ư? Nếu có thể chân thành không dối trá thì dẫu là dị loại vẫn còn có thể cảm ứng được, huống hồ con người là kẻ cùng loài ư? Vì vậy hết thảy pháp đều lấy thân làm gốc, nên nói: "Thân chẳng hành đạo thì vợ con sẽ chẳng hành đạo. Nếu kẻ nào chẳng giữ đạo thì sẽ chẳng thể làm cho vợ con giữ đạo được." Muốn tán trợ sự sanh thành trưởng dưỡng của trời đất, muốn tỏa rạng đức ngấm ngầm của tổ tông, muốn lập khuôn mẫu tốt đẹp cho con cháu, mà chính mình chẳng chú trọng tận tụy thực hiện thì sẽ như kẻ nghèo không có rẻo đất nào để cắm dùi lại xằng bậy mong phú quý trùm lấp cõi đời, chỉ trở thành si tâm vọng tưởng, trọn chẳng thể trở thành sự thực được. Hãy răn dè!

Tòa nhà được đặt tên dù ba chữ hay bốn chữ đều

---

63 Tam Dư vốn là một điển cố xuất phát từ câu nói của Đổng Ngộ thời Tam Quốc diễn tả chuyện khéo dùng thời gian dư thừa để học hành, tức: *"Đông giả, tuế chi dư; dạ giả, nhật chi dư; âm vũ giả, tình chi dư dã"* (Mùa đông là thời gian thừa của một năm; ban đêm là thời gian thừa của một ngày. Lúc mưa dầm tối tăm là thời gian thừa của lúc quang tạnh). Ông Ninh Đức Tấn dùng chữ Tam Dư đặt tên cho nhà học để khích lệ con cháu quý tiếc thời gian, chăm chỉ học hành, nhưng tổ Ấn Quang đã thêm vào chữ Đức với ý nghĩa khuyên răn con cháu ông Ninh không chỉ lo học hành mà còn vun bồi điều lành để hòng đạt được ba đức của Phật tánh là pháp thân, giải thoát và bát-nhã.

có ý nghĩa, cho nên không nhất định, chớ nên thay đổi. Ở phương Nam có một cụ già thanh nhàn sửa chữa đình đường, khi gác đòn dông có 18 con hạc trắng bay đến, liền đặt tên cho tòa nhà ấy là Thập Bát Hạc Lai, bởi phỏng đoán rằng đấy chính là điềm trong số con cháu sau này sẽ có 18 vị Hàn lâm vậy!

7. Lời bạt cho Kính Thứ Đường

Quen biết cư sĩ Đào Di đã nhiều năm, tôi thấy ông ta khiêm nhường, cung kính, nghiêm cẩn, biết là ông ta được bẩm thụ sự giáo dưỡng đã lâu xa. Nay ông ta sai tôi đề tên ngôi nhà này, cho biết tiên phụ là Dịch Phủ Công dựng ba gian nhà, đặt tên là Kính Thứ (tôn kính và khoan dung), ấy là muốn cho con cháu đời sau vĩnh viễn lấy đó làm mực thước. Ý cụ muốn thỉnh người có đức để đề tên cho ngôi nhà, bất hạnh thay cụ sống ở nơi ấy chín ngày liền khuất bóng. Đào Di và người anh thứ hai kính cẩn vâng theo chí cha, 40 năm qua vẫn chưa đề biển ngạch. Cậy Quang đề biển, chẳng quan tâm Quang là kẻ khéo hay vụng. Quang thẹn thiếu đức, lại viết chữ chẳng đẹp, toan làm chuyện tắc trách để đáp tạ lời thỉnh.

VIII. NHỮNG BÀI VIẾT KHÁC

1. Những căn cứ để làm cho hết thảy mọi người niệm Phật được vãng sanh hay không vãng sanh

Hết thảy các pháp môn do đức Như Lai đã nói trong một đời ngài đều nhằm dạy chúng sanh tu giới định tuệ, đoạn tham sân si, hiểu rõ sanh tử huyễn vọng, chứng tâm tánh chân thường. Nhưng chúng sanh căn tánh có lợi độn, hoặc (phiền não) có dày mỏng. Kẻ căn tánh nhạy bén, phiền hoặc mỏng nhẹ thì sẽ có thể liễu sanh tử ngay trong đời này hay trong hai, ba, bốn, năm đời sẽ liễu sanh tử. Kẻ căn độn, phiền hoặc dày thì mười, trăm, ngàn, vạn đời, hay mười, trăm, ngàn, vạn kiếp vẫn chẳng thể liễu được. Đấy là luận trên sự tu trì theo giáo lý thông thường, cậy vào sức tu giới định tuệ của chính mình để đoạn sạch tham sân si phiền hoặc, khó khăn cũng dường như lên trời. Mặc cho

anh kiến địa cao siêu, công phu sâu đậm, công đức to tát, trí tuệ lớn lao, nếu kiến tư hoặc trong tam giới chưa hết, quyết chẳng thể vượt ra ngoài tam giới để liễu sanh tử được.

Chỉ có pháp môn niệm Phật là hoàn toàn cậy vào nguyện lực đại từ bi của A-di-đà Phật, nếu đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, chí thành khẩn thiết niệm danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương, bất luận lợi căn hay độn căn, phiền hoặc dày hay mỏng đều có thể ngay trong đời này vào lúc lâm chung được nương theo Phật từ lực đích thân rủ lòng tiếp dẫn mà vãng sanh Tây Phương. Đã được vãng sanh rồi, kiến tư phiền não chẳng đoạn mà tự đoạn, bởi cảnh duyên trong thế giới Tây Phương Cực Lạc thù thắng, mỗi mỗi đều có thể tăng trưởng công đức, trí tuệ của con người, trọn chẳng khiến cho con người dấy lên tham sân si. Đấy chính là pháp môn đặc biệt trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai, chẳng thể dùng những giáo lý theo đường lối thông thường để luận định pháp môn Tịnh độ được.

Trong cõi đời có những kẻ thông hiểu Tông - Giáo sâu xa, nhưng chẳng tin vào pháp môn Tịnh độ, ấy là vì đã dùng giáo lý theo đường lối thông thường để luận định pháp môn đặc biệt. Nếu họ biết đây là pháp môn đặc biệt thì sẽ tự hành, dạy người, nào dám chống trái! Bà Lưu Thị - thím của ông Trương Phước Tuyền bẩm tánh tinh thuần, đã có túc căn, đến khi mắc bệnh bèn tin theo lời của Phước Tuyền, Tông Tịnh v.v. mà niệm Phật, lại còn được người

nhà trợ niệm, vì thế qua đời thật tốt lành. Những tướng tốt đẹp như: Vẻ mặt trở nên đẹp đẽ hơn lúc sống, sau 14 tiếng đồng hồ toàn thân đã lạnh, đảnh đầu vẫn còn ấm, chân tay mình mẩy mềm mại, ruồi nhặng chẳng bu tới v.v.. Căn cứ theo bài kệ kiểm nghiệm tình trạng lúc lâm chung trong kinh Đại Tập thì:

Đảnh thánh, nhãn thiên sanh,
Nhân tâm, ngạ quỷ phúc,
Súc sanh tất cái ly,
Địa ngục cước bản xuất.

(Đảnh thánh, mắt sanh thiên,
Tim người, ngạ quỷ bụng,
Súc sanh đầu gối lìa,
Địa ngục bàn chân thoát.)[64]

Bởi lẽ con người sắp chết, hơi nóng từ dưới dồn lên trên thì siêu sanh; từ trên dồn xuống dưới sẽ đọa lạc. Nếu toàn thân đã lạnh, chỉ còn đỉnh đầu ấm, ắt sanh về Tây Phương, vào trong thánh đạo; mắt và trán nóng là sanh trong đường trời; ngực nóng là sanh trong nhân đạo; bụng còn ấm là sanh trong ngạ quỷ đạo; đầu gối ấm là sanh trong súc sanh đạo; bàn chân ấm là sanh trong địa ngục đạo.

Người niệm Phật nếu nhất tâm niệm Phật, chẳng

64 Tuy kinh dạy như vậy, tổ Ấn Quang nói riêng và chư vị tổ sư đại đức truyền thừa Tịnh tông đều răn nhắc không nên đụng chạm thăm dò hơi nóng nơi người vừa chết trong vòng 8-12 tiếng đồng hồ kể từ khi người ấy sắp chết. Đã tắt hơi rồi, vẫn chớ nên thăm dò hơi nóng.

nghĩ đến gia nghiệp, con cái trong thế gian, quyết định sẽ được Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh. Bất luận tu trì đã lâu hay mới tu, thậm chí kẻ tới lúc lâm chung mới được bạn lành khai thị liền nhất tâm niệm Phật dẫu chỉ niệm được mười tiếng liền mạng chung thì cũng được vãng sanh. Bởi lẽ trong 48 nguyện của A-di-đà Phật, nguyện thứ 18 là: "Nếu có chúng sanh nghe danh hiệu ta chí tâm tin ưa, cầu sanh về nước ta, thậm chí mười niệm, nếu chẳng được sanh, ta không giữ ngôi Chánh giác." Do nhân duyên ấy, kẻ thường ngày chẳng hề niệm Phật, lâm chung được bạn lành khai thị, mọi người trợ niệm, cũng có thể vãng sanh.

Người thường niệm Phật nếu lúc lâm chung bị quyến thuộc vô tri tắm rửa, thay quần áo sẵn và hỏi han mọi chuyện, cũng như khóc lóc v.v.. Do những nhân duyên ấy phá hoại chánh niệm liền khó được vãng sanh. Vì thế, người niệm Phật lúc thường ngày ắt phải bảo ban quyến thuộc trong nhà đều niệm thì khi chính mình lâm chung bọn họ đều biết trợ niệm. Lại do thường nói lợi ích của trợ niệm khi lâm chung và những họa hại do khóc lóc, bày vẽ mù quáng, họ sẽ chẳng đến nỗi vì lòng hiếu mà khiến cho người thân vẫn phải hứng chịu nỗi khổ sanh tử lớn lao, sẽ ngay trong đời này hưởng lợi ích lớn lao vãng sanh Tây Phương.

2. Biện định nhằm giải trừ mối nghi về chuyện vãng sanh Tây Phương của ông Trương Huệ Bính

Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành

Phật, nhưng do chưa ngộ, mê muội chẳng biết, khởi tham sân si, tạo giết trộm dâm, trầm luân trong biển khổ sanh tử từ kiếp này sang kiếp khác chẳng thể thoát ra, đáng thương xót quá đỗi! Trương Huệ Bính vốn có thiện căn từ đời trước, tiếc rằng sống ở nơi không có Phật pháp, đến khi đi học, dần dần nhiễm phải học thuyết của Chu - Trình - Hàn - Âu (sức báng Phật của Chu - Trình còn lớn hơn Hàn - Âu nữa) khiến cho lý tự tánh trong tâm càng bị vùi lấp, không cách nào hiển hiện được.

May mắn là ông Trương trải đời đã lâu, thường gặp cảnh tai họa, loạn lạc, chẳng tránh khỏi thường ôm lòng chán ngán. Khéo sao gặp được Thường Huệ Dương đem pháp niệm Phật cầu sanh Tây Phương khuyên nhủ, bèn như mạ gặp hạn đã lâu chợt gặp trận mưa dầm ngọt ngào, liền bừng bừng tăng trưởng, thế khôn ngăn được! Tuy chưa hiểu Phật pháp thật rõ ràng nhưng đã thấy rành mạch, sâu xa cái tâm cong vẹo của bọn Trình - Chu - Hàn - Âu, đâm ra tín tâm do đấy càng tăng thêm. Từ khi được nghe pháp môn Tịnh độ trở đi, giữ chặt thời khắc, chưa đầy hai năm liền được chánh niệm vãng sanh, cũng đáng gọi là bậc trượng phu dũng mãnh. Đến khi lâm chung, ông ta bị trúng phong không nói được; ấy chính là vì ác nghiệp trong đời trước đáng lẽ phải hứng chịu trong đời kế tiếp sau khi đã chết đi, nhưng do công đức tu trì trong đời này mà chuyển báo nặng trong đời sau thành báo nhẹ trong đời này nhằm giải quyết cho xong.

Chết rồi vẻ mặt tươi tắn, xác thân mềm mại, mặt lộ vẻ mỉm cười, đỉnh đầu nóng rực tay [của người sờ vào]. Những cảnh tượng ấy đều là tướng lành vãng sanh, nhưng vẻ mặt tươi sáng, thân xác mềm mại, mặt lộ vẻ mỉm cười thì người sanh lên cõi trời cũng có thể đạt được như vậy. Chỉ có chuyện đỉnh đầu còn nóng thì người sanh lên cõi trời không hề có chuyện này. Trong kinh có bài kệ nói về chứng cứ sanh vào các nẻo sau khi mất như sau:

Đảnh thánh, nhãn thiên sanh,
Nhân tâm, ngạ quỷ phúc,
Súc sanh tất cái ly,
Địa ngục cước bản xuất.

Bởi lẽ con người chết đi, hơi nóng từ dưới dồn lên trên thì siêu thăng, từ trên dồn xuống dưới thì đọa lạc. Nếu toàn thân đều lạnh, đỉnh đầu vẫn ấm thì siêu phàm nhập thánh. Sanh về Tây Phương là siêu phàm nhập thánh tối thắng, cho nên nói là "đảnh thánh". Nếu hơi nóng đọng nơi trán và mắt là sanh trong đường trời. Ngực vẫn nóng là sanh trong nhân đạo. Bụng còn ấm là sanh trong ngạ quỷ đạo, đầu gối ấm là sanh trong súc sanh đạo, bàn chân ấm là sanh trong địa ngục đạo. Do toàn thân đã lạnh, chỉ còn có chỗ ấy là ấm để làm chuẩn. Nhưng người niệm Phật, nếu bình thường có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, lâm chung lại được quyến thuộc tốt lành trợ niệm, chẳng bị phá hoại bởi quyến thuộc xấu hèn tắm rửa, thay quần áo sẵn, khóc lóc, hỏi chuyện, mù quáng an ủi v.v. thì chắc

chắn sẽ có thể vãng sanh. Khi lâm chung, Huệ Bính bị cấm khẩu, chắc sẽ có kẻ do vậy bèn hoài nghi. Chuyện đỉnh đầu còn ấm là một chứng cứ, huống chi lại có những chuyện như vẻ mặt tươi tắn ư?

Năm trước, ông Trịnh Huệ Hồng ở huyện Bảo Sơn, tỉnh Vân Nam chết, bà mẹ do lòng quá thương con bèn uống thuốc độc rồi ngồi ngay ngắn niệm Phật qua đời, trọn chẳng có dáng vẻ đau khổ. Địa phương ấy từ trước đến nay chẳng biết Phật pháp, cha Huệ Hồng tên Bá Thuần là một vị túc Nho, chẳng thích ra làm quan, thoạt đầu nghiên cứu kinh Dịch mấy năm, rồi nghiên cứu kinh điển của bọn luyện đan, cuối cùng tham Thiền tông. Huệ Hồng buôn bán ở Chiêu Thông (thuộc Vân Nam), gởi thư xin quy y với Quang, chuyên tu tịnh nghiệp, nhiều phen khuyên cha tu tịnh nghiệp, thỉnh nhiều kinh sách Tịnh độ xin cha hãy đọc. Do vậy Bá Thuần sanh lòng tin, tự hành dạy người, soạn cuốn Niệm Phật Khẩn Từ để cầu khẩn người khác niệm Phật. Năm Dân Quốc 22 (1933), Huệ Hồng thôi buôn bán, trở về nhà. Mùa xuân năm sau qua đời, cũng không có tướng lành chi cho lắm! Nhưng bà mẹ uống thuốc độc vãng sanh so với những người chết tốt lành bình thường chẳng hề kém cạnh gì. Do vậy người trong một vùng đều cảm động. Bá Thuần là một người văn lẫn hạnh đều khá, đứng ra đề xướng, lại nhờ chuyện lạ của vợ con, dẫu kẻ tà kiến cố chấp trọn chẳng có lòng tin tưởng cũng chẳng thể không bị cảm động.

Bọn Tống Nho đọc kinh Phật, bèn dùng những nghĩa mầu nhiệm ấy để xưng hùng, ngược ngạo bài xích Phật, vì sợ người đời sau biết "diệu nghĩa" do bọn Tống Nho khoác lác "chính mình đã tự tìm ra" ấy do đâu mà có, đến nỗi những kẻ học Nho đời sau chẳng dám nhắc đến nhân quả luân hồi. Vì thế thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để trừng phạt. May mắn là gần đây người tu tịnh nghiệp đông đảo, vẫn còn có thể đẩy lùi con sóng cuồng loạn đôi chút. Nếu không, đạo làm người chắc sẽ gần như bị diệt mất! Nay do Huệ Bính khiến cho một vùng biết được tướng trạng vãng sanh Tây Phương, ắt sẽ khiến cho những kẻ nối tiếp ông ta vãng sanh về lâu về dài càng đông đảo vậy. Do vậy, tôi viết những điều này nhằm làm nêu sáng tỏ ý nghĩa thật sự; xin ai nấy hãy tự gắng lên!

3. Thông cáo tạ tuyệt trao đổi thư từ

Ấn Quang là một ông tăng tầm thường, chẳng có hiểu biết gì, mười mấy năm qua thường có những người tưởng lầm Quang là thiện tri thức, thừa dịp bưu chánh thuận tiện, nườm nượp gởi thư tới. Quang chẳng tự lượng, hễ thư gởi đến liền trả lời. Mùa đông năm ngoái, do ban đêm giảo chánh sách dưới ánh đèn điện, mắt bị tổn thương nặng. Từ đấy, hễ ai gởi thư đến đều nhắc nhở sau này đừng gởi thư tới nữa, nhưng vẫn không có hiệu quả gì! Đến nay, số người gởi thư tới so với trước kia chưa hề giảm. Cho nên nay tôi bất đắc dĩ đăng thông cáo trên hai báo Tân Thân và bán nguyệt san Phật Học để mong ai nấy đều biết: Nếu từ nay

vẫn gởi thư tới, quyết chẳng bóc ra, cũng chẳng phúc đáp. Nếu có chuyện gì quan trọng gởi tới bằng thư bảo đảm, tôi sẽ để nguyên thư gởi trả lại. Thư thông thường sẽ quăng vào giỏ đựng giấy vụn để mong tịnh tâm dưỡng mắt, hòng giữ được sức nhìn để còn thấy được ánh sáng mặt trời.

Nếu vẫn lầm lạc coi Quang là tri thức, xin hãy trực tiếp hướng đến Phật Học Thư Cục ở Thượng Hải hoặc Hoằng Hóa Xã thuộc chùa Báo Quốc ở Tô Châu để thỉnh Ấn Quang Văn Sao, Ấn Quang Gia Ngôn Lục về đọc, sẽ đạt được lợi ích thật sự gấp trăm lần so với gởi thư đến. Tiến hơn nữa là đọc Tịnh Độ Ngũ Kinh và các trước thuật về Tịnh độ của cổ đức thì chắc chắn sẽ có thể đem nhân địa tâm khế hợp với quả địa giác vậy.

(Ngày mồng 1 tháng 2 năm Dân Quốc 24 - 1935)

4. Thông cáo khuyên khắp đồng bào toàn cầu cùng niệm thánh hiệu Quán Âm

Quán Thế Âm Bồ-tát từ vô lượng kiếp trước thành Phật đã lâu, hiệu là Chánh Pháp Minh, nhưng bi tâm vô tận, từ thệ khôn cùng. Do vậy lại hiện thân Bồ-tát và những thân trời người, phàm thánh v.v. trong mười phương thế giới để thí vô úy (ban phát sự không sợ hãi) nhằm rủ lòng cứu vớt. Phẩm Phổ Môn nói: "Nên dùng thân nào để độ được, liền hiện thân ấy để thuyết pháp", chẳng những hiện thân hữu tình, mà ngay cả núi sông, thuyền bè, cầu bến, đường sá, dược thảo, cây cối, lầu đài, điện gác cũng tùy cơ

ứng hiện. Nói chung là Bồ-tát chú trọng lìa khổ ban vui, chuyển nguy thành an. Phàm ai gặp đao binh, nước lửa, bệnh ngặt, thú dữ, oán gia đối đầu, ác quỷ, rắn độc, đủ mọi nỗi nguy hiểm, nếu chí thành xưng niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát liền có thể được Bồ-tát gia bị, chuyển nguy thành an.

Hiện tại sát kiếp tràn ngập, toàn cầu đều không có chỗ nào là yên vui cả, mà cũng chẳng ai được yên vui. Nguyện đồng bào trong ngoài nước cùng niệm thánh hiệu Quán Âm, cùng lấy tâm cứu khổ cứu nạn của Quán Âm làm tâm mình, cùng lấy sự nghiệp lợi người lợi vật của Quán Âm làm sự nghiệp của mình thì ý niệm ta người đều không còn, chuyện đấu tranh tự dứt, tự có thể cùng hưởng thái bình, cùng vui lẽ thường. Dẫu cho định nghiệp khó chuyển, bị táng thân mất mạng, vẫn có thể nương cậy sức Bồ-tát để vãng sanh Tây Phương thì kẻ do túc nghiệp bị mất mạng cũng sẽ được nhờ Phật lực thoát khỏi biển khổ. Các đồng bào trong ngoài nước của tôi xin hãy cùng xét cho tấm lòng ngu thành này!

(Năm Dân Quốc 26 - 1937)

5. Biện định sai ngoa trong lời tựa tác phẩm Bách Trượng Thanh Quy

Xét ra, thiền sư Bách Trượng sanh vào năm thứ chín (720) đời Đường Huyền Tông, thọ 95 tuổi, đến tháng Giêng năm Nguyên Hòa thứ chín (814) đời Đường Hiến

Tông bèn quy tịch. Chương đầu tiên trong bộ Thanh Quy do ngài biên soạn chính là phần Chúc Ly, chương kế tiếp là Báo Ân, chương tiếp theo đó là Báo Bổn[65]. Đây những thứ Phật sự hết sức quan trọng trang nghiêm, nếu không có Phật điện thì nên cử hành ở nơi đâu?

Từ sau khi ngài Bách Trượng viên tịch, hơn 200 năm, đến năm Cảnh Đức nguyên niên (1004) đời Tống Chân Tông, Dương Ức[66] viết lời tựa cho bộ Thanh Quy, đối với quy định *"bất lập Phật điện, duy thụ pháp đường"* (chẳng lập Phật điện, chỉ dựng pháp đường) liền cho rằng câu này rất hợp với lời Phật và tổ đích thân dặn dò, đương thời đều tôn trọng ý kiến ấy. Trộm ngờ câu ấy phải là *"tiền lập*

---

65 Chúc Ly là những nghi lễ nhằm chúc phước cho vương triều, bao gồm cầu đảo, chú nguyện cho vương triều được bền vững, vua khỏe mạnh, phước thọ, hoàng tộc được bình yên, tăng phước tăng thọ v.v..

Báo Ân là báo đáp đức ân của vương triều đất nước bảo hộ Phật pháp lẫn nhân dân. Tăng chúng thường cử hành lễ Báo Ân trong những dịp Quốc Kỵ (ngày giỗ của tiên vương), cầu mưa, cầu tạnh, hay trong những dịp có tai ương xuất hiện như sâu rầy, hạn hán v.v..

Báo Bổn là báo đáp ân đức trong Phật môn, như những ngày lễ Phật Đản, Thành Đạo, khánh chúc vía các vị Phật, Bồ-tát, tổ sư v.v..

Ngoài ra, vào mỗi dịp Sóc Vọng, ba hình thức báo đáp này được gộp chung thành một nghi lễ nhỏ gọi là Thù Ân Chúc Tán, tức là tăng chúng lạy tạ chư Phật, tôn pháp, thánh tăng, chư tổ sư, đại thiện tri thức, các vị thầy tổ truyền giới, truyền pháp, ân quốc vương, sư trưởng, đàn-na tín thí ủng hộ cúng dường cho tăng chúng yên thân tu đạo.

66 Dương Ức (974-1020), người xứ Bồ Thành (nay thuộc huyện Kiến Ngõa, tỉnh Phước Kiến), tự là Đại Niên. Nổi danh văn chương từ thuở thiếu thời. Tống Thái Tông đặc cách cho đi thi đình, đọc bài viết của họ Dương phải khen ông ta là thần đồng. Ông làm quan tới chức Thị lang và Tu soạn. Bẩm tánh thanh liêm, chẳng e sợ quyền thế. Thoạt đầu không tin Phật, sau do được học sĩ Lý Duy khuyên dạy liền nghiên cứu thiền học, sanh lòng tin sâu xa. Tham học với thiền sư Quảng Huệ ở Nhữ Châu, đắc pháp, liền dốc sức hộ trì pháp môn, được coi như lãnh tụ của những sĩ phu học Phật thời ấy. Ông từng vâng chiếu biên soạn bộ Mục Lục Đại Tạng, giảo chánh, ấn hành bộ Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, cũng như tham dự đạo tràng dịch kinh.

Phật điện, hậu thụ pháp đường" (lập Phật điện trước rồi mới dụng pháp đường) thì mới phù hợp với ý Phật, tổ đích thân dặn dò; nhưng gần một ngàn năm qua, không ai sửa cho đúng! Nay thiền sư Hoằng Trữ cũng dựa theo đó để luận đoán, khôn ngăn đau lòng buốt óc!

Chùa thiền không có Phật điện thì sẽ hoàn toàn chẳng có tượng Phật ư? Hay là thờ Phật trong căn nhà nhỏ ở bên cạnh pháp đường? Vâng thánh chỉ chúc ly ở gian nhà phụ nhỏ nhoi thì chẳng những khinh Phật mà còn khinh vua cũng lớn lắm thay! Do chuyện này biết chữ *bất,* chữ *duy* ở đây chính là chữ *tiền* và chữ *hậu* bị chép sai. Bản Thanh Quy Chứng Nghĩa được khắc ở Dương Châu đã được sửa đổi cho đúng.

Nay tôi tỵ nạn sang Linh Nham, thấy họ sao lục bản của Trữ Công để soạn bài ký xây dựng điện Bảo Vương, rất sợ sẽ đem sai ngoa truyền sai ngoa khiến cho ngài Bách Trượng là vị thầy gương mẫu của trời lẫn người rốt cuộc bị vu báng có hành vi của tà ma, ngoại đạo. Do vậy, biện luận đại lược để mong những bậc thông sáng trong mai sau ai nấy tôn Phật kính tổ, duy trì pháp đạo không suy sụp vậy. Hiểu cho tôi hay trách tội tôi, tôi đều chẳng màng!

6. Những nghĩa lý trọng yếu dành cho nghề thuốc và xem tướng

Có tâm nhưng chưa có tướng, tướng sẽ thuận theo tâm mà sanh; có tướng nhưng thiếu tâm, tướng sẽ theo

tâm diệt. Đem bốn câu này nói với hết thảy mọi người khiến cho những kẻ có tướng tốt sẽ gắng sức, kẻ không có tướng tốt tận lực tu tập. Người nghe sẽ mong sao hễ có tướng tốt thì sẽ vĩnh viễn giữ được vẻ tốt đẹp ấy, tướng xấu thì sẽ biến thành tốt. Thầy coi tướng thường đem điều này bảo với khách đến xem bói thì chính là sống trong cõi trần mà thực hiện sự cai trị, dùng bói toán để khuyến hóa dân chúng, công đức ấy thù thắng nhất! Đem công đức ấy hồi hướng Tây Phương nhất định được mãn nguyện.

Đạo để tận lực gắng công, tận lực tu tập không ngoài giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều này để tự hành, lại còn dạy người thì còn có thể siêu phàm nhập thánh, huống là phú quý, phước trạch mấy chục năm trong thế gian ư? Thầy thuốc khám bệnh cũng nên chú ý tới điều này. Ai làm được như thế thì gọi là thầy thuốc chân thật, là đệ tử chân thật của đấng Đại Y Vương vậy.

7. Những chuyện thoát nạn

Người nữ ấy chưa tới số chết nên ngồi phía ngoài xe hơi. Đến khi xe lọt xuống sông, liền văng lên trên bờ nên trọn chẳng ướt quần áo. Ấy là vì lúc bà ta ngồi xe, Phật, trời, quỷ thần đã sắp đặt sẵn cách cứu giúp. Có lẽ là như vậy.

Lại nữa, năm Dân Quốc mười mấy, Phan Đối Phù trùng tu chùa Tịnh Cư ở Tế Nam, trong lễ khai quang có

tổ chức hát tuồng, khách đến rất đông. Có một người dẫn theo một đứa bé, đứng xem tuồng bên giếng, đứa bé lọt xuống giếng, lập tức sai người xuống giếng mò, dưới nước không có vật gì cả, dùng sào tre khuấy khắp đáy giếng cũng không có vật gì. Người ấy trở về nhà thì đứa bé đang ngủ trong nhà như si, như ngốc, quần áo đều ướt đẫm. Hỏi làm sao về được nhà, nó nói không biết. Do vậy khắc một tấm bia, lập một ngôi đình, đặt tên cho giếng ấy là Thánh Tỉnh (giếng thánh), đem chuyện này gởi cho Quang. Quang đưa cho thầy Diệu Chân, thầy Diệu Chân đem dán lên bảng treo trong nhà khách ở tầng dưới đại điện chùa Thái Bình. Đem chuyện này đưa cho Mộng Am bảo ông ta hãy suy đoán giấc mộng này!

* Năm Dân Quốc 27 (1938), tôi tỵ nạn sang Âu Giang ở qua Tết. Cuối tháng Chạp, có một chiếc xe hơi chạy theo công lộ từ Thanh Điền tới Kim Hoa. Xe chạy từ chập tối, tới chỗ đồng hoang bên bờ sông cách Lệ Thủy mấy chục dặm, tài xế không cẩn thận, xe bị lọt xuống sông. Khách ngồi xe bốn mươi mấy người đều chìm lỉm. Mờ sáng ngày hôm sau, những người tới trước để lo cứu vớt thấy có một phụ nữ tuổi khoảng ba mươi, ngồi bên bờ sông như si, như say. Hỏi: "Từ đâu đến?" Đáp: "Tối hôm qua ngồi xe tới đây." Hỏi: "Cả xe gặp tai nạn, sao bà không bị gì?" Thưa: "Không biết." Vặn hỏi tình huống lúc ấy cũng chẳng hiểu rõ. Suốt mấy ngày báo chí hai nơi đăng tải, không ai chẳng hít hà than lạ! Sau khi tôi trở về núi, từng đem bài báo ấy thưa trình cặn kẽ với thầy (tức tổ Ấn Quang), khi ấy cũng

chỉ cùng nhau than là lạ. Tôi trở về liêu xá, sau đấy sư sai người hầu đem đoạn văn trên đây đưa cho xem. Xem xong kẹp trong sách, cũng chưa từng đọc lại.

Nay thầy đã vãng sanh, mới đặc biệt lôi ra kiểm lại để dán bồi tờ giấy ấy. Chữ tàn lẻ loi sót lại, chỉ còn được một phần ánh sáng tốt lành. Từng nhớ ông X… có ghi chép, giữ gìn được bài viết về chuyện ông Vương Hữu Quân bán rượu mấy cân, trân quý dị thường. Như vậy giá trị của mảnh giấy này của thầy tôi chẳng cần phải đợi đến năm nào mới bình luận, lượng định nữa.

Kính cẩn viết vào hai hôm trước ngày Trừ Tịch (30 Tết) năm Canh Thìn (1940). Năm Tân Tỵ (1941), mấy hôm sau bữa hoa nở, viết tại Dưỡng Tâm Thất của Linh Nham Sơn Tự. Ngày 22 tháng 10 năm Giáp Ngọ (1954), kính vâng lời dạy của thượng nhân Diệu Chân mà kính cẩn chép lại. Đệ tử Huệ Kiến ghi vào năm 77 tuổi (Huệ Kiến là pháp danh của Mộng Am).

8. Hậu thân của thi nhân Trương Vĩnh Phu

Trương Vĩnh Phu giỏi làm thơ, tánh tình tỉ mỉ. Khi chết, bạn ông ta là Thịnh Thanh Lũ chôn họ Trương bên sườn núi Linh Nham. Mười tám năm sau, nhằm ngày sinh nhật của Thanh Lũ, một viên quan Hàn lâm còn đang trong độ tuổi thiếu niên đến mừng sinh nhật. Chàng thiếu niên ấy chính là hậu thân của Vĩnh Phu vậy.

9. Trả lời câu hỏi giùm bạn của ông Đinh Phước Bảo

Lệnh hữu hỏi về chuyện "dùng *quả địa giác* để làm *nhân địa tâm*". Đấy là vì một câu A-di-đà Phật vạn đức hồng danh đã bao nhiếp hết sạch Bồ-đề giác đạo do đức A-di-đà Phật đã chứng. Chúng sanh niệm Phật nếu có thể khẩn thiết chấp trì ức niệm chính là dùng quả đức của Phật Di-đà để xông ướp vọng tâm nghiệp thức của chính mình. Xông lâu ngày chầy tháng, nghiệp tận tình không, tâm hợp với Phật, tâm hợp với đạo, toàn bộ cái tâm chúng sanh biến thành Như Lai Tạng. Nhân trùm biển quả, quả tột nguồn nhân. Dùng quả địa giác làm nhân địa tâm là như thế đấy.

10. Lược truyện hòa thượng Pháp Tràng

Sư húy Hành Xí, hiệu Pháp Tràng, biệt hiệu Nhị Tuyết. Nhà ở Chương An, họ Lâm, vốn có tên là Tăng Chí, tên tự là Khả Nhậm. Tổ tiên vốn là tiến sĩ Chánh Trọng Công đời Tống, suốt 15 đời đều nối dòng văn học. Chiêu Công - vị từng được ban tặng tước hiệu Đông các Đại học sĩ - chính là cha của sư. Sư chưa đầy tuổi khỏi địu, Chiêu Công đã khuất núi. Sư bẩm tánh hiếu hữu ham học, năm 16 tuổi vào trường học, năm 23 tuổi, tức năm Ất Mão (1615) đỗ kỳ thi hương, tới đọc sách tại chùa Hưng Thiện, làm bạn với các thiền tăng, tin pháp xuất thế. Năm 27 tuổi, mẹ của sư được vua khen thưởng sự thủ tiết và hiếu thuận, phong tặng tước hiệu Phu Nhân. Giang Thị (mẹ sư) mất, sư đau buồn chẳng thiết sống, nghĩ nhờ vào Phật pháp để

báo đáp ân cù lao, nhân đó thỉnh các pháp bảo để tụng. Như đã tập quen từ đời trước, từ đấy sư làm những chuyện tốt lành như phóng sanh, chôn vùi hài cốt bị bộc lộ v.v..

Năm 33 tuổi, sư chuyển sang sống ở chùa Mật Ấn núi Đầu-đà, đây chính là đạo tràng Nhất Túc Giác (một đêm giác ngộ) đời Đường. Hằng ngày, sư qua lại học tập nghiên cứu với *thọ nghiệp sư* là Tăng Ma Mã Sính Quân, càng biết rõ có chuyện hướng thượng. Tăng Ma từng gặp thiền sư Bác Sơn Vô Dị[67]. Ngôi điện cũ trong chùa nghiêng ngả, khéo sao có khu sơn trại trên mạch núi gần đó, sư bèn dẫn sạch cây cỏ, khiến nó quang đãng như mới dựng. Ngay trong lúc ấy, sư đã có ý sửa chữa, tạo dựng chùa Mật Ấn. Sư đỗ tiến sĩ năm Mậu Thìn (1628) lúc 35 tuổi. Những người đậu cao được chọn nhiệm sở đầu tiên. Thoạt đầu, sư bói cỏ thi, chọn làm huyện lệnh Bồ Kỳ thuộc đất Sở (Hồ Bắc). Ngự sử Hoàng Tông Xương do thấy Tăng Ma khắc in cuốn Tông Môn Tam Quan Ngữ liền hỏi sư:

- Trong nhà Nho cũng có tam quan ư?

---

67 Thiền sư Vô Dị Nguyên Lai (1575-1630) là cao tăng thuộc tông Tào Động sống vào đời Minh. Sư còn có hiệu là Đại Nghĩ, pháp tự Vô Dị, thường được gọi là thiền sư Bác Sơn. Năm 15 tuổi, sư triều lễ núi Ngũ Đài, tham phỏng ngài Vô Minh Huệ Kinh chùa Bảo Phương, đọc Cảnh Đức Truyền Đăng Lục liền tỉnh ngộ. Vì thế bèn theo ngài Huệ Kinh đến Ngọc Sơn, được ấn khả. Năm Vạn Lịch 30 (1602), sư ẩn cư tại Bách Sơn ở Tín Châu (nay thuộc huyện Quảng Phong, Giang Tây). Năm Thiên Khải thứ bảy (1627) chuyển sang Cổ Sơn, đồ chúng theo học cả ngàn người. Sư mất năm Sùng Trinh thứ ba (1621) tại chùa Thiên Giới ở Kim Lăng. Môn nhân dựng tháp ở Bác Sơn và chôn y bát ở ngọn Hương Lô. Sư chuyên đề xướng tông chỉ Thiền Tịnh bất nhị. Những lời dạy của sư được chép thành Vô Dị Thiền Sư Quảng Lục (35 quyển).

Sư nói: Có!

- Hỏi: Sơ quan (cửa đầu tiên) là gì?

Sư đáp: *"Bất tri vi bất tri, thị tri dã"*[68] (Không biết nói là không biết, đấy chính là biết vậy).

- Nhị quan?

Sư đáp: *"Ngô hữu tri hồ tai, Vô tri dã"* (Ta có biết chi đâu, chẳng biết gì cả)[69].

- Tam quan?

Sư đáp: *"Ngô vô hành nhi bất dữ nhị tam tử dã, thị Khâu dã"*[70] (Ta không làm điều gì mà chẳng để cho hai ba người các anh được biết, Khâu làm người như vậy đấy).

Ông Hoàng vỡ lẽ, trở thành bạn rất thân với sư. Sư từng ở nơi công quán, khi đụng đến cái bô đi tiểu liền có chỗ tỉnh ngộ, bèn viết kệ rằng:

Kỳ tai! Đằng nịch khí,
Thông thân hắc tất tất,

---

68 Đây là một câu Khổng tử dạy Tử Lộ được chép trong thiên Vi Chánh sách Luận Ngữ. Khổng tử dạy Trọng Do (Tử Lộ): *"Do, hối nhữ, tri chi hồ? Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã"* (Này Trọng Do! Ta dạy ông, "biết" là như thế nào? Biết thì nói biết, không biết thì nói không biết, đấy chính là biết vậy). Theo Chu Hy, Trọng Do tính tình bộp chộp, dễ có hành động quá khích trong khi làm quan nên Khổng tử mới dạy như thế

69 Đây là một câu nói trích từ thiên Tử Hãn sách Luận Ngữ.

70 Đây là một câu nói trích từ thiên Thuật Nhi sách Luận Ngữ: *"Nhị tam tử dĩ ngã vi ẩn hồ? Ngô vô ẩn hồ nhĩ. Ngô vô hành nhi bất dữ nhị tam tử giả, thị Khâu dã"* (Hai ba người các anh cho rằng ta có điều gì giấu giếm chăng? Ta không có gì giấu giếm các anh cả. Ta không làm gì mà chẳng để cho hai ba người các anh được biết, Khâu là như vậy đó). Chúng tôi dịch những câu nói này theo cách giải thích của sách Tứ Thư Bạch Thoại Giải.

Đẩu nhiên khám phá thời,
Tuyết tiêu địa thượng thấp.

(Lạ thay! Cái bô tre,
Toàn thân sơn đen kịt,
Bỗng nhiên khi nhận biết,
Tuyết tan, đất ướt đầm.)

Trong khi cai trị, sư dùng đức để giáo hóa trước tiên, chí thành cảm động lòng trời, cảm được mưa ngọt mấy lần giáng xuống. Quan Tuần án là Tống Hiền lấy làm lạ, nhân dịp sang chúc mừng tướng công Đại Tể Lý Trường Canh được vua gọi vào chầu, bèn cùng dâng sớ tâu lên. Vua liền truyền chỉ những người đảm nhận chức vụ Khoa đạo[71] không nhất thiết phải tuyển từ người đỗ đạt, mà trước hết phải chọn từ những người được đề cử để sung vào chức vụ ấy. Khi đó, mọi người đều cùng bàn tán: "Mai sau, chắc Bồ Kỳ sẽ là nơi cử hành điển lễ thăng chức long trọng ấy." Do vậy mới có tác phẩm Sở Bồ Ký Thụy (ghi chép về chuyện tốt lành ở Bồ Kỳ trong đất Sở) được khắc.

Dân đất Bồ lập sanh từ Cam Lộ[72]. Hai lần sư tổ chức thi hội ở đất Sở, lập Trung Ẩn Viên trong dinh thự để giảng sách cho học trò vào mồng 1, ngày Rằm. Các sanh đồ[73]

---

71 Khoa đạo: Theo quy chế thời Minh - Thanh, Đô sát viện, Giám sát ngự sử, hoặc các quan Đạo doãn thuộc các đạo đều được gọi chung là Khoa đạo.

72 Sanh từ là lập đền thờ khi còn sống với ý nghĩa tỏ lòng biết ơn sâu đậm. Dân Bồ Kỳ cảm tạ sư Pháp Tràng đã cầu được mưa ngọt nhiều lần trong khi hạn hán nên lập đền thờ sống, đặt tên là Cam Lộ.

73 Sanh đồ là những người sẽ được đi dự thi hội. Theo quy chế vào thời Minh Thanh,

thuộc những ấp lân cận kéo đến nghe đông như họp chợ. Khi ấy, sư có cho khắc cuốn Giảng Học Pháp Vũ. Khi mãn nhiệm kỳ làm huyện lệnh tại đất Bồ, sư được chọn giữ chức Hàn lâm biên tu[74]. Gặp dịp Đông Cung (Thái tử) được vua cho ra lập dinh thự riêng, vua bèn chọn sư làm giảng độc (thầy dạy học) cho Thái tử, sư bèn nhận chức. Sư luôn lo cho dân cho nước, lòng tha thiết mong làm lợi cho dân chúng[75]. Sư trông coi tấu chương của cả sáu bộ, chiếu, đối, ghi chú những bản cáo, sắc[76], soạn văn, biên tập tu chỉnh

---

những người dự thi thường khảo (những khoa thi mở theo thông lệ) được chia thành hai loại sanh đồ và hương cống. Sanh đồ là những người học từ trong các trường học do triều đình thiết lập ở kinh đô hoặc các châu, huyện, đã đậu kỳ sơ khảo tại trường, được ghi danh đưa lên Thượng thư tỉnh để dự thi hội. Còn những người không học ở các trường do triều đình thiết lập, nhưng đã đỗ kỳ thi hương, cũng được địa phương trình tấu lên Thượng thư tỉnh để dự thi hội thì gọi là hương cống.

74 Hàm lâm biên tu là một chức quan vào thời Thanh Minh trên danh nghĩa có nhiệm vụ soạn thảo văn từ, chiếu chỉ cho hoàng đế, đồng thời biên soạn, chỉnh lý kinh sách v.v.. Nhưng thực ra, chức quan Hàn lâm biên tu được lập ra với mục đích tạo cơ hội cho người giữ chức vụ này được bồi dưỡng, huấn luyện bởi các vị hiền thần lão thành trong quá trình làm việc nhằm trở thành nhân tài chủ yếu cho đất nước, cũng như có đủ học vấn tư cách để làm thầy dạy cho các hoàng tử hoặc con các vị đại thần, vương công về sau.

75 Nguyên văn *"tiến Dịch Sư Quái giảng chương, quyền thiết thượng hào"* (noi theo những điều được giảng dạy trong quẻ Sư Quái của kinh Dịch, lòng luôn tha thiết nơi hào Thượng trong quẻ ấy). Sư Quái là một quẻ kép trong kinh Dịch, dưới là quẻ Khôn (đất), trên là quẻ Khảm (tượng trưng cho nước). Phần Tượng Truyện của quẻ Sư Quái giảng: *"Địa trung hữu thủy, Sư; quân tử dĩ dung dân, súc chúng"* (Trong đất có nước là ý nghĩa của quẻ Sư. Quân tử bao dung dân chúng, làm cho mọi người được yên ổn, giàu vui). Phần chú giải của Khang Thiệu Tiết cho biết ý nghĩa của quẻ Sư Quái là bậc quân tử phỏng theo tánh chất của đất và nước, vững chắc, bao dung trăm họ, chăm lo cho cuộc sống của mọi người. Do hào Thượng của Sư Quái thuộc về quẻ Khảm là nước, nước có tính thấm nhuần và gột sạch chất bẩn, nên nói "lòng tha thiết nơi hào Thượng", ngụ ý luôn chăm lo cho người dân được sống yên vui, giàu mạnh, cai trị dân bằng sự bao dung, khiến cho lòng người hiền thiện, an vui. Do vậy chúng tôi tạm dịch câu "tiến Dịch Sư Quái giảng chương, quyền thiết thượng hào" thành "luôn lo cho dân cho nước, lòng tha thiết mong làm lợi cho dân chúng".

76 Chiếu: Văn thư truyền lệnh do vua ban xuống cho các quan hay dân chúng. Nếu

bộ Hội Điển Lục Tử Cách Ngôn, nhận chức Kinh diên giảng quan[77], rồi chuyển thành Hữu trung doãn[78] của *Hữu xuân phường* thuộc *Chiêm sự phủ hữu* kiêm Thị độc học sĩ[79]. Rồi lại được thăng lên trông coi Thiếu chiêm sự phân hiệu. Năm Quý Mùi (1643), sư làm chủ khảo kỳ thi hội.

Năm Giáp Thân (1644), giặc Lý Tự Thành xâm phạm cung khuyết, sư gặp phải quốc nạn, bị tra khảo tàn khốc gần chết, vẫn giữ tiết tháo chống giặc không khuất phục. Quân giặc bị quân Thanh vượt quan ải vào Trung Nguyên đánh bại, bèn xôn xao rút về phương Nam. Khi ấy hậu duệ của nhà Minh là Long Vũ[80] dấy lên ở đất Mân

---

có tính cách hạn hẹp hơn, chỉ phổ biến cho các quan thuộc Nội các hoặc Quân cơ đại thần thì thường gọi là thượng dụ.

Đối (gọi đủ là chiếu đối): Sớ tâu trình ý kiến của các quan sau khi vua ban chiếu hỏi ý kiến hoặc ban bố mệnh lệnh.

Cáo và sắc là những văn thư của vua nhằm tuyên bố những quyết định khen thưởng, chỉ thị hoặc răn bảo, nhưng sắc thường được dùng để chỉ những văn bản quyết định khen thưởng, phong tặng do vua ban xuống.

77 Nhiệm vụ chủ yếu của *Kinh diên giảng quan* là dạy Thái tử học hoặc giảng giải những điển tích khó trong khi Thái tử đọc văn kiện, tấu chương. Đôi khi vị này còn kiêm nhiệm vai trò cố vấn cho Thái tử.

78 Trung doãn là một chức quan giữ nhiệm vụ xử lý những công việc quản trị hành chánh (giống như chức Chánh văn phòng hoặc Đổng lý văn phòng hiện thời) trong phủ Thái tử (Chiêm sự phủ). Trong Chiêm sự phủ có lập ra các phân viện Hữu xuân phường và Tả xuân phường (dưới thời Minh, Xuân phường là một cơ cấu giống như viện Hàn Lâm của Thái tử, bao gồm các cố vấn, nhân tài để giúp cho Thái tử tập sự cai trị, điều hành đất nước sau này, đứng đầu là chức Thứ tử). Dưới chức Tả xuân phường Tả thứ tử lập ra chức Trung doãn, dưới chức Hữu xuân phường Hữu thứ tử lập ra chức Trung xá nhân, nhưng từ cuối từ đời Minh trở đi đều gọi là Trung doãn hết, không còn danh xưng Trung xá nhân nữa.

79 Thị độc học sĩ là chức được thiết lập vào thời Minh - Thanh, ngạch trật từ Nhất phẩm đến Tứ phẩm, đứng đầu viện Hàn Lâm, thường giữ nhiệm vụ tổng toản tu (chief editor) các công trình biên soạn sử liệu hoặc học thuật.

80 Long Vũ là niên hiệu của Minh Thiệu Tông (1602-1646). Minh Thiệu Tông tên thật

(Phước Kiến); kiên quyết giao cho sư giữ chức Nội các đại học sĩ. Đến khi Long Vũ Đế bị quân Thanh truy kích phải chạy sang đất Việt (Quảng Đông), sư biết "theo mạng trời khí số nhà Minh đã hết", liền xin xuống tóc với vị kỳ túc[81] ở Lã Phong là Quá Tuân. Khi ấy, nhằm tháng mùa đông năm Bính Tuất (1646), sư tròn 54 tuổi.

Khi nhà Đại Thanh thống nhất sơn hà, trưng dụng những bậc di lão[82] trong thiên hạ, riêng mình sư không tuân chiếu. Nhà chức trách ép sư ra cộng tác, sư toan tự sát. Ngài Quá Tuân nói: "Ông đọc sách nhưng không hiểu được đạo. Đang trong lúc nước nhà tan vỡ, quân Thanh noi theo điều nghĩa vào quan ải, đánh một trận dẹp tan giặc [Sấm Vương Lý Tự Thành], báo thù cho các vị hoàng đế nhà Minh, quả thật có đức đối với nhà Đại Minh. Nếu ông chủ trương trung thần chẳng thờ hai họ, toan học theo chí của Sào Do[83], chưa chắc đã không được triều đình

là Chu Duật Kiên, là cháu nội của Đường Vương Chu Thạc Hoằng (hậu duệ của người con thứ 23 của Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương) được các di thần nhà Minh đưa lên ngôi vua năm 1645 với hy vọng khôi phục giang sơn nhà Minh. Vua lên ngôi chỉ được một năm, quân Thanh đã đánh tới Phước Kiến, phải chạy sang Quảng Đông. Bị quân Thanh truy kích tới cùng, thế cùng lực kiệt, vua bị bắt, bèn tuyệt thực chết, thọ 44 tuổi. Do Chu Duật Kiên không phải là con cháu trực hệ của vua Sùng Trinh nên tổ dùng chữ "Minh phiên" (phên giậu nhà Minh) để chỉ vua Long Vũ. Chúng tôi chỉ dịch gọn là "hậu duệ".

81 Bậc tôn túc tuổi cao đức trọng.

82 Di lão: Quan lại của triều đại trước.

83 Sào Do: Chính là Sào Phụ (thường bị đọc trại thành Sào Phủ) và Hứa Do, hai vị ẩn sĩ thời vua Nghiêu. Theo bài Bá Di Liệt Truyện trong bộ Sử Ký thì vua Nghiêu mời Sào Do đến để bàn chuyện nhường thiên hạ cho Hứa Do, Hứa Do không nhận bèn lẩn trốn, ra sông rửa tai, ngụ ý không để tai mình bị nhiễm bẩn bởi danh lợi. Khi ấy có Sào Phụ dẫn trâu ra sông uống nước, thấy vậy, hỏi nguyên do, nghe xong liền chê: "Nếu ông ở trong núi cao, hang sâu, ai biết đến ông? Ai thấy được ông. Ông hời hợt, vẫn muốn được người người khác nghe tiếng, cầu cạnh đấy chứ! Uống nước này chỉ bẩn miệng trâu ta", rồi dắt trâu lên thượng nguồn cho uống.

chấp thuận." Sư nghe vậy bèn mặc tăng phục đến gặp, quả nhiên được toại nguyện. Từ đấy, thiết tha dùi mài, dốc lòng nghiên cứu đại sự sanh tử. Một đêm nghe tiếng chuông, chướng ngại liền tan ngay, có kệ rằng:

Thử dạ chung thanh kháp dị thường,
Nhất chùy đả phá xú bì nang,
Bách đơn bát hạ như lôi hống,
Tình dữ vô tình hà xứ tàng?

(Chuông gióng đêm nay thật lạ kỳ,
Một dùi đập nát đãy da hôi,
Trăm tám tiếng rền như sấm động,
Tình với vô tình ẩn chốn nao?)

Liền trở về chùa Mật Ấn để tròn nguyện xưa, tu bổ tổ đình, gặp nhiều chuyện cảm ứng huyền diệu đã được chép đầy đủ trong bi ký trung hưng. Sư vốn chuyên chú nơi đạo Thiền, thường có chỗ ngộ, nhưng chưa dám chắc bèn thiết tha, kính mộ tham bái khắp các vị thiện tri thức. Ngẫu nhiên Dư Khổng Khiêm ở Côn Dương tham bái với hòa thượng Tuyết Đậu Vân trở về, thuật lại lời của Tuyết Đậu như sau: "Thiền giả Pháp Tràng nếu muốn tham phỏng các phương, chắc chỉ có huynh Phí[84] của ta là kham nổi!" Sư nghe xong, thưa: "Đúng là lời của bậc thiện tri thức, tôi đã có ý muốn đến gặp Tuyết Đậu." Liền qua núi Tứ Minh yết kiến Tuyết Đậu. Lễ bái xong, Tuyết Đậu nói: "Nếu như

84 Tức ngài Phí Ẩn Dung, một vị thiền đức nổi tiếng thời ấy.

lão tăng không còn thì lễ bái là đúng, hay không lễ bái là đúng?" Sư toan thưa bày, Tuyết Đậu hét lên một tiếng thị oai. Sư bất giác mướt mồ hôi, ngay lập tức thấy được chỗ dụng ý của Tuyết Đậu.

Đến tối, Tuyết Đậu đột ngột giơ nắm đấm, hỏi: "Cái gì sanh?" Sư thưa: "Lấy hai miếng da ghép lại!" Tuyết Đậu lại giơ nắm đấm, sư nói: "Hễ tái phạm sẽ chẳng dung." Tuyết Đậu úp bàn tay, sư nói: "Chẳng để hòa thượng khinh mạn!" Ngày hôm sau, Tuyết Đậu khai thị trong giờ tọa hương, nói: "Ta có một bài thiền kệ dạy cho sư." Sư nói: "Ở chỗ này chẳng tiêu mối nghi được!" Tuyết Đậu nói: "Rốt cuộc để làm gì?" Sư bước ra lễ ba lạy, lui ra, liền trình kệ rằng:

Thuấn mục đương cơ hoán thoại đầu,
Hà như chỉ dụng lão quyền thù,
Tổ thiền hội đắc hưu khinh tín,
Nhất diệp sơ phi biến giới thu.

(Chớp mắt đương cơ, đổi thoại đầu,
Sao bằng nắm đấm dạy cho nhau?
Tổ thiền hiểu được, đừng tin vội,
Một lá vàng bay khắp cõi thu.)

Một bữa uống trà xong, nói đến mọi chuyện phải đảm đương, Tuyết Đậu tặng cho sư tấm biển *"chân giác tái lai"*, nói: "Thượng tọa còn gánh vác được hay chăng?" Sư nói: "Chẳng phải là tay giỏi gánh vác!" Tuyết Đậu nói: "Cổ

nhân hễ biết là chuyện quẩn quanh liền ngừng sai bảo làm gì nữa." Sư nói: "Tận lực nói không ra, Tuyết Đậu đừng ra!" Sư trở về Vũ Lâm, Tuyết Đậu có bài kệ tiễn đưa như sau:

Nhũ Phong cang lưỡng nguyệt,
Độc bộ khứ tiền đường
Nhất cú siêu phương ngoại,
Toàn cơ tuyệt phú tàng.
Lâm Tế chánh pháp nhãn,
Diệt khước hạt lư bàng,
Chỉ giả phá sa bồn,
Đãi tương vi cử dương.

(Nhũ Phong vừa hai tháng,
Một mình qua tiền đường,
Một câu vượt ngoài cõi,
Cơ phong hết giấu che,
Lâm Tế chánh pháp nhãn,
Diệt sạch lũ lừa mù,
Chỉ là phá chậu cát,
Hãy đợi người thốt lời.)

Đến núi Thánh Quả, tảo mộ cư sĩ Mã (tức cư sĩ Tăng Ma Mã Sính Quân), ấy là vì sư chẳng quên nguồn gốc. Tham yết khắp các phương, trở về chỗ Tuyết Đậu thọ giới cụ túc, quản lý nhà kho. Một bữa, Tuyết Đậu xuống nơi ấy, bỗng dưng đánh cho sư một gậy bảo: "Nói ngay!" Sư thưa: "Khoét thịt thành ghẻ." Tuyết Đậu nói: "Mới chỉ nói được một nửa", sư nói: "Ngay cả một nửa cũng chẳng tiêu được."

Từ đấy, đầu mũi tên ghim chắc[85], không còn sơ sót, rơi rớt chỗ nào; người ghi chép chẳng thể thuật hết. Mùa xuân năm Quý Tỵ (1653), sư từ biệt trở về Đông Âu. Tuyết Đậu viết thật to vào đầu cuốn sách: *"Thân khiết lão quyền"* (Đích thân ăn phải nắm đấm già), dặn dò bằng bài kệ:

Biệt ngã xuân phong lý,
Lâm hành nhất cú thân,
Trượng đầu tuyên đại ý,
Túc để bát phương trần.
Vãng phục nãi vô sự,
Tung hoành dĩ tuyệt luân,
Đáo gia nghiêm diện mục,
Sở dĩ tiếp gia tân.

(Giã từ trong gió Xuân,
Dặn một lời ân cần,
Đầu trượng tuyên đại ý
Gót chân dạo cõi trần,
Qua lại trọn vô sự,
Tung hoành ai sánh bằng,
Tới nhà nghiêm sắc mặt,
Để tiếp đón gia tân[86].)

Tuyết Đậu coi trọng sư giống như thiền sư Ứng Am Hoa coi trọng thiền sư Mật Am Kiệt vậy. Năm Giáp Ngọ

85 Ý nói đối đáp những câu hỏi về thiền cơ nhanh nhạy, đúng ý với người hỏi, không sai sót chút nào.

86 Gia tân: khách quý.

(1654), Tuyết Đậu nhận lời thỉnh của chùa Mật Ấn, tấn phong sư vào ngôi vị tây đường[87]. Hết thời hạn an cư, Tuyết Đậu trở về Nhũ Phong. Sư lại đến thân cận, thăm hỏi. Khéo sao, thân sĩ vùng Tứ Minh thỉnh sư trụ trì chùa Bảo Phước ở Đại Mai thuộc huyện Ngân, sư thấy nơi đó là chỗ ẩn dật xưa kia của Hán Úy, lại còn hâm mộ phong cách cao cả của thiền sư Thường[88], bèn vui vẻ qua đó. Tuyết Đậu đề thơ trên bức đảnh tướng[89] có những câu như sau:

Thanh xuất ư lam, thùy tự nhĩ,
Đại Mai phong đảnh khán phong lôi?

(Gió sấm Đại Mai đầu núi ngắm,
Xanh trỗi hơn chàm, ai giống ông?)

Đình viện [Bảo Phước Tự] bỏ hoang hơn 800 năm, sư cùng các thiền tăng chẳng ngại đội sương, dầm tuyết, vâng

---

87 Tây đường (còn gọi là tây am) là từ ngữ trong tùng lâm do tăng chúng gọi vị tăng trụ trì không sống trong ngôi chùa ấy, mà sống trong ngôi chùa khác; nói cách khác, vị ấy sống như khách trong ngôi chùa mà mình được mời làm trụ trì. Do thời cổ coi phương Tây là khách vị nên mới gọi như thế. Do ngài Pháp Tràng không ở chùa Mật Ấn mà chùa Mật Ấn vẫn thỉnh ngài làm trụ trì nên Pháp Tràng được coi là tây đường của Mật Ấn. Ngài Tuyết Đậu dùng tư cách là vị thầy truyền pháp của Pháp Tràng để chứng minh lễ tấn phong ấy.

88 Thiền sư Thường chính là ngài Pháp Thường (752-839), cao tăng đời Đường, quê ở Tương Dương (tỉnh Hồ Bắc), xuất gia từ nhỏ, trụ tại chùa Ngọc Tuyền. Bao nhiêu kinh sách hễ đọc qua liền nhớ mãi không quên. Hai mươi tuổi thọ cụ túc ở chùa Long Hưng. Sư hâm mộ thiền học, thoạt đầu tham học với Mã Tổ Đạo Nhất, đắc ngộ, ẩn tu tại núi Đại Mai (thuộc huyện Ngân, tỉnh Chiết Giang), đồ chúng xin đến học rất đông.

89 Đảnh tướng: Theo nguyên nghĩa là tướng búi tóc trên đỉnh đầu của Như Lai, hết thảy trời người không thấy được nên gọi là *vô kiến đảnh tướng*. Không rõ từ thời nào, Thiền tông Trung Hoa thường dùng thuật ngữ này để chỉ những bức hình vẽ các vị cổ đức của Thiền tông, phần lớn là vẽ hình bán thân hoặc ngồi trên tòa, phía trên bức vẽ thường đề một bài thơ tán dương.

giữ bổn phận, gần xa dần dần kéo về trở thành chốn tùng lâm. Do vậy, hòa thượng Phí Ẩn Dung có đề tặng: "Lãnh tụ trong pháp môn, bao người trông ngóng, tám vạn thông xanh nhớ mãi vẻ mặt tươi cười", hòa thượng Mục Vân Môn đề tặng: "Truyền Tổ đăng vòi vọi trên ngọn Thái Bạch, thú có sừng tuy nhiều, nhưng chỉ một con lân là đủ [để vượt trội hết thảy] v.v.." Sư đến Thiên Đồng, hòa thượng Mộc Trần Mẫn thỉnh sư thăng tòa, thấy những điều ngài đề xướng liền nhiệt liệt ca ngợi. Viết lời tựa cho Đại Mai Lục, có những câu như: "Lòng từ rỗng rang như hang gió, chiếu rạng ông cháu. Sự giác ngộ soi sáng non Đông, cha con cùng chứng. Quả thật tiếng vang rền mãi tới ngàn thu." Ba vị tôn túc (tức Phí Ẩn Dung, Mục Vân Môn và Mộc Trần Mẫn) lại vui sướng tuyệt mức, hết sức khen ngợi sư giống như khen ngợi ngài Ứng Am vậy!

Sư trụ tại Đại Mai 6 năm rồi đem chuyện trong chùa giao phó lại cho thủ tọa[90] Nhật Hưu Mị, nhận lời thỉnh của Đông Âu. Mùa đông năm Canh Tý (1660) sư mở giảng

---

90 Thủ tọa: Có hai cách hiểu:

1. Theo Thích Thị Kê Cổ Lược quyển 3, thủ tọa là một chức quan được thiết lập vào năm Đại Trung thứ mười (856) đời Đường Tuyên Tông để cai quản tất cả các tăng sĩ. Về sau, những vị tinh thông kinh luật luận cũng được phong tặng tước vị này. Cuối cùng, danh hiệu này chỉ để phong tặng những vị thiền đức nổi tiếng.

2. Thủ tọa là một trong sáu chức vị trong tăng đường theo Thanh Quy. Thủ tọa còn gọi là thượng tọa, thủ chúng, đệ nhất tọa, tọa nguyên, lập tăng, thiền đầu… tức vị làm gương mẫu cho toàn thể tăng chúng, phẩm hạnh cao trỗi, không còn vọng niệm yêu ghét, thị phi v.v.. Về sau, chức vụ này chỉ có nghĩa là vị đứng đầu tăng chúng, hoặc đứng đầu một đường nếu tùng lâm chia thành nhiều đường, chẳng hạn tiền đường thủ tọa, hậu đường thủ tọa, danh đức thủ tọa… Chữ thủ tọa ở đây chỉ có thể hiểu theo cách thứ hai.

tòa tại Mật Ấn, so ra còn hưng thịnh hơn đạo tràng Đại Mai. Năm Bính Ngọ (1666), sư nhận lời thỉnh của Quát Thương Tịnh Giác, lại đem Mật Ấn giao cho nhiều học trò trông coi, chứ không làm tây đường nữa. Cuối hạ năm Đinh Mùi (1967), sư thị hiện bệnh nhẹ, ngồi thuyền trở về Đà Phong. Ngày Rằm tháng 8, sư đối trước đại chúng nói kệ rằng:

Thất thập ngũ niên nhàn đả hống,
Tổng vô kỳ đặc xuất thường luân
Nhi kim tán thủ huyền nhai khứ,
Nhất nhậm chư phương thuyết huyễn chân.

(Dỗ ngọt người đời bảy lăm năm,
Trọn không chi lạ khác phàm nhân,
Cheo leo vách đá, tay buông thõng,
Mặc kệ nơi nơi luận huyễn - chân.)

Rồi lặng lẽ qua đời. Sư sanh vào năm Quý Tỵ nhằm niên hiệu Vạn Lịch 21 (1593), mất vào năm Đinh Mùi tức năm Khang Hy thứ sáu (1667), thọ 75 tuổi, tăng lạp 23 năm.

IX. VẤN ĐÁP

1. Đáp lời hỏi của sư Thiện Huân *(lược bỏ câu hỏi)*

1. Ngoại đạo giữ phương cách bí mật là vì sợ người khác biết rõ pháp của chúng nên không cho người khác niệm Phật ra tiếng. Trong Phật pháp, không có thuyết bí mật nào! Niệm Phật hãy tùy theo khí phận, sức lực của mỗi người lớn hay nhỏ mà niệm lớn tiếng hay niệm nhỏ tiếng. Niệm ra tiếng lâu dài sẽ bị tổn khí, vì thế lại cần phải tĩnh tọa niệm thầm. Bất luận niệm lớn tiếng, niệm nhỏ tiếng hay niệm thầm, nói chung là chính mình phải nghe tiếng niệm Phật của chính mình. Niệm thầm cũng vẫn có tiếng, vì thế cũng cần phải nghe. Nếu thường nghe, tâm tự quy nhất. Đấy chính là cách niệm Phật hay nhất.

2. Trừ Phật pháp ra, tất cả các môn đều là tà giáo, chứ

nào phải chỉ có Thanh Tịnh Môn[91]? Các loại tà giáo đều lấy luyện đan vận khí làm chánh đạo, nhưng họ lấy niệm Phật, niệm kinh, khuyến thiện để làm căn cứ dẫn dụ người khác vào đạo của họ.

3. Đồng Thiện Xã cũng là ngoại đạo. Ở đây nói "đừng học theo Tế Công"[92] chỉ là nói về kẻ ngoại đạo, chớ nên nhất loạt bao gồm hết.

4. Cầu cơ cũng không phải là chánh pháp, phần nhiều là do linh quỷ giả mạo. Đối với chuyện tăng ni uống rượu, ăn thịt thì bọn họ chính là chủng tử địa ngục còn chưa thể cứu được chính mình. Cớ sao lại viện vào hành vi của bọn

---

91 Thanh Tịnh Môn còn gọi là Văn Hương Giáo, Hữu Đại Thừa Giáo, Đông Đại Thừa Giáo, Đại Thừa Hoằng Thông Giáo, Hoằng Phong Giáo, Thiện Hữu hội, Thanh Trà Môn, Thâu Duyên Môn, Nhất Chú Hương, Viên Đốn Môn Hưng Long Phái, Thái Thượng Cổ Phật Môn v.v., vốn là một chi phái của Bạch Liên Giáo, do một gã thợ làm nghề thuộc da tên Vương Sâm (1542-1619), đạo hiệu Thạch Tự Nhiên, sáng lập vào thời Vạn Lịch đời Minh. Họ Vương tuyên bố do cứu hồ tiên (chồn tinh), hắn liền học được dị hương thuật, tự xưng là Thiên Chân Cổ Phật Chuyển Thế, đặt pháp hiệu là Pháp Vương Thạch Phật, gọi giáo pháp của mình là Văn Hương Giáo (hoặc Bát Quái Giáo), còn gọi là Đông Đại Thừa Giáo để phân biệt với Tây Đại Thừa Giáo của chùa Bảo Minh thuộc pháp hệ "chánh thống" của Bạch Liên Giáo. Họ Vương biên soạn (hoặc nhờ người khác biên soạn rồi đội tên mình là tác giả) các bộ tà kinh như Lão Cửu Liên, Tục Cửu Liên, Cổ Phật Thiên Chân Khảo Chứng Long Hoa Bảo Kinh, Phật Xá, Tam Giáo Chỉ Nam. Giáo phái này pha trộn phương pháp tu tiên của Đạo gia với bùa chú, đồng cốt, cầu cơ v.v., vay mượn những danh từ nhà Phật, xuyên tạc giáo nghĩa nhà Phật để biện minh cho giáo thuyết của chúng. Đạo này có rất đông tín đồ tại các vùng Sơn Đông, Tứ Xuyên, Hà Bắc, Sơn Tây, Hà Nam v.v.. Năm Vạn Lịch 41 (1614), Vương Sâm bị bắt, rồi chết trong tù vào năm 1619. Về sau, con trai hắn là Vương Hảo Hiền phát động khởi nghĩa lật đổ nhà Minh thất bại, bị truy nã ráo riết nên giáo phái này mới đổi thành đủ mọi tên như đã kể trên để dễ hoạt động.

92 Do Tế Công thị hiện những nghịch hạch (ăn thịt chó, uống rượu, say sưa, ngủ li bì v.v.) nhằm thị hiện thần thông hóa độ những kẻ hữu duyên, bọn ngoại đạo ăn thịt, uống rượu, say sưa, trác táng cũng viện cớ là "học theo hạnh của Tế Công" nên tổ Ấn Quang mới quở như thế.

chúng để chỉ trích Phật giáo vậy?

5. Ngũ huân (ngũ tân) thì nước ta chỉ có bốn thứ, tức *hành, hẹ, kiệu, tỏi*. Kiệu chính là tiểu toán[93], ở Tây Vực có hưng cừ, nước ta không có loại ấy. Có kẻ cho nguyên tuy (cilantro, ngò Tây) là một loại trong ngũ tân, đấy chính là tà thuyết do ngoại đạo lập ra.

6. Tam yếm[94] là thiên yếm, địa yếm, thủy yếm. Thiên yếm chính là chim nhạn. Do chim nhạn có tình nghĩa vợ chồng cho nên chẳng được ăn, đấy chính là thuyết của Đạo gia. Trong Phật pháp, hết thảy các thứ thịt đều chẳng được ăn, sao lại chỉ có ba thứ ấy? Bọn họ bảo: "Người già là bạch yếm, cớ sao lại thỉnh tăng để hệ niệm[95] cho người chết?" Nói nhăng, nói càn, há nên nghe theo!

7. Niệm Phật nhớ số là để ngừa giải đãi, nếu không có tâm giải đãi thì không nhớ số cũng được. Để nhớ số cũng có thể không dùng tới tràng hạt. Lúc thoạt đầu nên

---

93 Tiểu toán là tên gọi khác của giới (kiệu).

94 Tam yếm có nghĩa là ba thứ thịt phải kiêng ăn do Đạo giáo đặt ra, gọi là thiên yếm, địa yếm và thủy yếm, tức thịt của ba thứ: chim nhạn (thiên yếm), chó (địa yếm) và rùa đen (thủy yếm).

95 Hệ niệm (xin chú ý ở đây tổ dùng chữ "hệ niệm") có nghĩa là chuyên niệm, chú tâm niệm một đức Phật, chuyên ròng niệm Phật, không xen tạp, không gián đoạn, khiến cho người sắp mất luôn hướng lòng về A-di-đà Phật. Gọi là "hệ niệm" để phân biệt với lối trợ niệm thông thường vẫn được áp dụng tại nhiều nơi, kể cả ở Việt Nam: Chư tăng ni hay Phật tử nhóm họp, khai kinh sám hối ngày đầu, ngày kế tụng Phổ Môn để cầu cho người sắp mất được khỏe lại, ngày sau cùng tụng Di-đà để người sắp mất ra đi. Nếu vẫn chưa mất thì sẽ chuyển sang tụng kinh Kim Cang, kinh Dược Sư, hoặc kinh Địa Tạng v.v.. Nói chung là chú trọng tụng kinh nhằm giúp cho người chết giảm bớt nghiệp chướng, ra đi nhẹ nhàng, chứ không chú trọng hướng dẫn cho người ấy biết tới pháp môn Tịnh độ, phát tâm cầu được vãng sanh.

dùng tràng hạt để niệm Phật một tiếng đồng hồ, sau đó niệm nhanh hay chậm đều giống như vậy. Niệm một khắc, nửa tiếng, hay một tiếng đều có thể biết được số câu niệm Phật. Hơn nữa, cách niệm Phật nhớ số trong Văn Sao là cách nhiếp tâm hiệu quả nhất, hãy đọc sẽ tự biết.

8. Nếu có tượng Phật, hãy nên hướng về Phật lễ bái; không có tượng Phật thì lễ bái thầm trong tâm, hoặc hướng về phương Tây lễ bái. Có hương, đèn cố nhiên là tốt, nhưng không có cũng chẳng sao. Tùy theo khả năng của từng người mà làm, há nên chấp hẹp hòi nơi pháp ư?

9. Kinh Kim Cang giảng về pháp môn tâm địa, nên nói: *"Phàm hữu sở tướng, giai thị hư vọng"* (Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng). Ông chẳng biết đọc những câu thuộc phần trước hai câu ấy trong kinh văn, chỉ dựa vào hai câu này để rồi nghi ngờ phép niệm Phật vãng sanh Tây Phương, chẳng biết có hữu tướng tam-muội và vô tướng tam-muội. Phàm rất nhiều kinh thuộc bộ Bát-nhã[96] cũng như những điều được nói trong Thiền tông đều là dựa theo vô tướng tam-muội để giảng rõ. Phàm các kinh Đại thừa giảng cặn kẽ về nhân tu nhân chứng quả và khai thị niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì đều dựa theo hữu

96 Bộ Bát-nhã là một trong năm bộ (phân loại) lớn của Đại thừa (Bát-nhã, Hoa Nghiêm, Phương Đẳng, Pháp Hoa và Niết-bàn). Bộ Bát-nhã bao gồm kinh Đại Bát-nhã (bản dịch của ngài Huyền Trang) và tất cả những kinh biệt xuất (tức những phẩm hoặc một phần của kinh Đại Bát-nhã được dịch trước thời ngài Huyền Trang). Hiện thời, nếu lấy Đại chánh tân tu Đại tạng kinh làm chuẩn thì bộ Bát-nhã có 42 bộ kinh, tổng cộng 776 quyển. Phần Śer-phyin trong tạng Cam Thù Nhĩ (Kanjur) của Đại tạng kinh Tây Tạng gần như tương ứng với bộ Bát-nhã của Đại tạng kinh Hán truyền.

tướng tam-muội để giảng rõ. Ông hoàn toàn chẳng biết đạo lý thế gian, huống hồ đạo lý xuất thế gian; nhưng vẫn tự cho rằng mình thông minh, bàn luận Phật pháp bừa bãi! Muốn chẳng chuốc lấy ác quả, há có được chăng? Ông đã có Tịnh Độ Thập Yếu (sách này rất sâu), Gia Ngôn Lục (sách này rất nên đọc kỹ càng), sao chẳng đọc kỹ mà cứ một mực coi những lời lẽ vô tri vô thức của bọn ngoại đạo là đúng vậy?

2. Đáp lời hỏi của hòa thượng Mộ Tây

1. *Hỏi: Thiên Phật y* có phải là tổ y[97] thêu hình tượng Phật, còn *long hoa y* là ca-sa thêu rồng thêu hoa hay không, xin hãy rủ lòng dạy bảo?

Đáp: Thiên Phật y chính là y do một ngàn vị Phật trong Hiền Kiếp[98] chế ra, tức là tổ y năm điều hay bảy điều chúng ta thường đắp. Kẻ vô tri không hiểu biết bèn thêu hình tượng Phật lên y, tội đáng chết muôn vàn! Kẻ ngu chẳng biết tội lỗi, ngược ngạo tưởng đó là sang trọng. Lại còn thêu rồng, thêu hoa. Đường đường là một vị tỳ-kheo lại học theo thói nữ nhân, tư cách kẻ ấy chẳng đáng giá nửa đồng! Điều thứ nhất trong tác phẩm Chánh Ngoa Tập của

---

97 Tổ y: y ca-sa.

98 Hiền Kiếp (Bhadrakalpa) là trụ kiếp trong hiện tại. Trong 20 trụ kiếp tăng giảm, có một ngàn vị Phật ra đời, cho nên gọi là Hiền Kiếp. Kinh Bi Hoa, quyển 5 chép: "Do nhân duyên nào tên gọi là Hiền Kiếp? Do trong đại kiếp này có nhiều chúng sanh tham dục, sân khuể, ngu si, có một ngàn đức Thế Tôn thành tựu đại bi xuất hiện trong cõi đời." Vị Phật đầu tiên là Câu-lưu-tôn (Krakucchanda), vị Phật cuối cùng là Lâu-chí (Rucika). Thích-ca Mâu-ni Phật là vị Phật thứ ba, Di-lặc Phật là vị Phật thứ tư xuất thế trong Hiền Kiếp.

đại sư Liên Trì đã luận về chuyện này.

2. *Hỏi:* Nuôi tóc dài, để móng tay dài, đeo khuyên bằng bạc, bằng đồng, có phải là tướng đầu-đà hay chăng?

Đáp: Đầu-đà là tên gọi của vị hành khổ hạnh. Hạnh đầu-đà gồm 12 điều[99], người đời nay chẳng thể hành được, lại lầm lạc đem tướng của ma vương, ngoại đạo ghép vào, đáng than quá đỗi!

3. *Hỏi:* Người bế quan niệm kinh, niệm Phật cho người khác có phải là tà mạng hay không?

---

99 Đầu-đà (dhūta) có nghĩa là trừ khử trần cấu, là một pháp tu khổ hạnh của hàng tăng sĩ nhà Phật nhằm đoạn trừ tham trước, tu luyện thân tâm. Ngài Ma-ha-ca-diếp được tôn xưng là đầu-đà đệ nhất. Người tu hạnh đầu-đà tuân thủ 12 điều sau đây:

1. Ở tại a-lan-nhã (tức lìa nơi ồn náo, ở nơi yên tịnh, xa cách chỗ ở của cư dân)
2. Khất thực
3. Khất thực theo thứ tự (không phân biệt nhà giàu, nhà nghèo, cứ thuận đường mà đi, khất thực đủ bảy nhà thì thôi)
4. Ăn một bữa
5. Ăn vừa mức (tức chỉ xin vừa đủ ăn, hễ xin đủ phần mình ăn thì dẫu chưa đủ bảy nhà liền đậy bát, trở về tinh xá)
6. Sau giờ Ngọ, không uống các thứ nước trái cây ép, sữa, súp v.v. cho khỏi đói
7. Mặc y kết bằng các mảnh vải vứt đi
8. Chỉ có ba y
9. Ở nơi mồ mả
10. Nghỉ dưới gốc cây
11. Ở nơi đất trống
12. Chỉ ngồi chứ không nằm.

Không rõ từ bao giờ ở Trung Hoa xuất hiện những tăng nhân giả danh, tự xưng tu hạnh đầu-đà, thường xõa tóc dài, không cạo râu, cổ đeo chuỗi hạt rất to, đầu bịt một chiếc vòng bằng đồng hay sắt (để giữ cho tóc khỏi xõa xuống trán, đôi khi chiếc vòng ấy còn được chế kiểu cọ có hình trăng lưỡi liềm trước trán), đeo khuyên tai to nặng, mặc áo rộng tay, nhưng vạt ngắn, đôi khi còn phạch ngực, cầm tích trượng bằng sắt đúc to kềnh, tập luyện võ nghệ, đi lang thang khắp nơi, tuy xin ăn nhưng hay cậy võ nghệ hiếp đáp người khác, ăn ở lôi thôi, nhớp nháp, bẩn thỉu, ăn chay nhưng không kiêng rượu. Loại đầu-đà kiểu này rất thịnh hành dưới đời Tống.

Đáp: Bế quan cần phải có chánh niệm, chân thật niệm kinh, niệm Phật. Nếu chuyên niệm cho thí chủ, chẳng biết chú trọng nơi chuyện tu hành của chính mình thì có bị gọi là tà mạng cũng đáng! Nếu chỉ dùng bế quan để gạt gẫm kẻ khác cúng dường thì sẽ trở thành đại tà mạng vậy.

4. *Hỏi:* Có người suy nghĩ quan phòng (nơi để bế quan) này do vị thí chủ nọ cúng dường, bèn niệm kinh để báo đáp người ấy. Có thể dùng pháp bảo để làm quà tặng được hay chăng? Hơn nữa, tăng nhân vì người khác xem kinh, đếm số quyển kinh mình đã tụng để tính giá trị, viết một phiếu tụng kinh giao cho người ta, những tăng nhân như vậy mắc những tội gì, người tục gia có được phước gì?

Đáp: Người ta tài thí, mình dùng pháp thí để đáp tạ thì cũng không phải là không được. Nếu chẳng biết Phật pháp, chuyên môn vì người khác niệm kinh thì cũng giống như cuốc đất tính công lãnh tiền! Tụng kinh hay xem kinh đã bị coi như là làm lụng mà nếu lại còn thật sự chẳng xem, chỉ viết một tờ phiếu ghi những kinh đã tụng để làm bằng chứng thì so ra chỉ có thể diện hơn đánh cướp một chút, chứ thật ra là cùng một loại dụ dỗ, lừa gạt. Niệm hay chẳng niệm không nhất định, cung kính hay không cung kính cũng không nhất định thì làm sao có thể định tội kẻ ấy cho được? Kẻ tại gia có tâm chánh tín xuất tiền thỉnh niệm, dẫu cho tăng nhân chẳng niệm, chỉ dùng một tờ phiếu kê khai để lừa người ta thì cũng chẳng thể nói là thí chủ trọn không có công đức. Từ nay chớ nên gởi thư đến nữa, tôi

không có thời gian và sức lực rảnh rỗi để bàn luận những chuyện thừa thãi này!

3. Đáp lời hỏi của cư sĩ niệm Phật (tức cư sĩ Chu Mạnh Do)

Cư sĩ Niệm Phật hỏi: Trong thư trả lời cư sĩ Hương Nghiêm của đại sư Triệt Ngộ có câu: *"Hãy nên dùng lòng tin sâu xa để thấu hiểu sâu xa: Ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm, toàn tâm chính là Phật, toàn Phật chính là tâm. Nhất niệm hiện tiền thì nhất niệm tương ứng, niệm niệm hiện tiền thì niệm niệm tương ứng, chỉ nên giữ sao cho niệm ấy thường hiện tiền thì sẽ đạt được hiệu nghiệm chân thật. Lìa ngoài niệm ấy ra thì đừng cầu hiệu nghiệm, bởi đã gián đoạn, chẳng thân thiết, liền đi vào ngõ rẽ. Kinh dạy: 'Tâm này làm Phật, tâm này là Phật' chính là nói về ý này vậy!"*

Tuy con tin đoạn văn dài này là mấu chốt cho sự tu tịnh, nhưng lời văn đảo đi đảo lại, rườm rà, chẳng dễ gì thấu suốt được lý. Nay con kính cẩn trình bày những điều nghi nan, ngưỡng xin thầy rủ lòng phân tích, giải thích cặn kẽ để con nhờ vào đây vun bồi tịnh nhân thì thật là may mắn lớn lao!

1. "Ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm, toàn tâm chính là Phật, toàn Phật chính là tâm." Thế nào gọi là tâm? Thế nào gọi là Phật? Nếu chỉ giải thích sơ sài thì "hiện tiền khởi niệm là tâm", chẳng biết có thích đáng hay chăng?

Đáp: Cái tâm niệm Phật hiện tiền chính là tâm, vị Phật được niệm trong hiện tiền là Phật, tức là vị Phật được tạo bởi tự tâm. Vì thế nói "tâm này làm Phật, tâm này là Phật".

2. Bốn câu này ý nghĩa có tương tự bốn câu "sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc" của Tâm Kinh hay không?

Đáp: Sắc - không của Tâm Kinh so ra rộng rãi hơn ý nghĩa "làm, là" trong Quán kinh. "Làm, là" trong Quán kinh càng thân thiết hơn "bất dị, tức thị" (chẳng khác, chính là) của Tâm Kinh.

3. Đã nói "ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm", sao lại nói "toàn tâm tức Phật, toàn Phật tức tâm" là ý nghĩa gì?

Đáp: Hai câu sau giải thích lại ý nghĩa của hai câu trên.

4. Chữ "niệm" trong "nhất niệm hiện tiền" và "niệm niệm hiện tiền" cùng với chữ tâm trong "tâm Phật" ý nghĩa có giống nhau hay không?

Đáp: Tâm và niệm chỉ là một thứ, chẳng qua ước theo sự thường còn mà gọi là tâm, ước theo sự hiện khởi mà gọi là niệm.

5. "Ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm...", bốn câu này có phải là nói về tánh đức? Còn "một niệm hiện tiền, một niệm tương ứng…", bốn câu này có phải là

nói về tu đức hay chăng?

Đáp: Cả hai đều là tu đức, bởi lẽ "ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm" chính là điều sẽ đạt được bởi công phu.

6. "Nhất niệm hiện tiền thì nhất niệm tương ứng…", bốn câu này thì kẻ sơ cơ làm được hay phải là người tu lâu mới làm được?

Đáp: Sơ cơ có sự tương ứng của sơ cơ, tu lâu có sự tương ứng của tu lâu, há nên chấp chết cứng?

7. Tin sâu, thấu hiểu chắc thật là nói kiểu viên dung. Chưa đạt tới mức thấu hiểu chắc thật, chẳng thể gọi là tin sâu! Nếu gọi là tin sâu thì sẽ thấu hiểu chắc thật. Nói theo thứ tự thì tin sâu dễ, thấu hiểu chắc thật là khó. Chưa hiểu chắc thật, chẳng trở ngại gì tin sâu; trong lá thư này, ngài Triệt Ngộ nói "tin sâu, thấu hiểu chắc thật" là nói kiểu viên dung hay nói theo thứ tự?

Đáp: Chẳng cần phải phân biệt như thế, do chẳng biết ông ta (tức cư sĩ Hương Nghiêm) thuộc hạng căn tánh nào!

8. Phần trên nói "hãy nên tin sâu, thấu hiểu chắc thật", phần dưới nói "chỉ nên giữ sao cho niệm ấy thường hiện tiền thì sẽ đạt được hiệu nghiệm chân thật", dường như có nghĩa là sau khi đã tin sâu, thấu hiểu chắc thật thì mới có hiệu nghiệm chân thật?

Đáp: Đây là tin và ngộ.

9. Như vậy là chỉ nên giữ cho niệm ấy thường được hiện tiền?

Đáp: Đấy là thực hành.

10. Nhưng chưa đủ lòng tin sâu xa, hoặc chưa đạt đến mức thấu hiểu chắc thật, dẫu cho niệm ấy thường hiện tiền vẫn tự chẳng thể có hiệu nghiệm chân thật ư? Nếu vậy thì người tin sâu, thấu hiểu chắc thật chẳng có mấy ai, mà cũng chẳng thấy được nhiều kẻ đạt được hiệu nghiệm chân thật cho mấy!

Đáp: Chưa thể tin hiểu mà thường hiện tiền như thế cũng chẳng nhiều nhặn gì, nhưng chất phác niệm đến chỗ tột cùng thì cũng có thể đạt đến địa vị ấy.

11. Vợ chồng đệ tử tập khí xấu xa sâu nặng, sửa đổi chẳng dễ, do vậy sanh ra những đứa con hoang đàng, biếng nhác, ngang ngạnh, phô trương, thật chẳng có hy vọng gì chúng sẽ nên người. Con tính trong lúc này, cứ nghĩ sẵn trước là chúng sẽ bị đọa lạc trong tương lai, tự mình buông những hoài bão xuống, tự điều chỉnh sao cho thích nghi. Nếu quả thật sau này có ngày đọa lạc, ly tán thì do đã suy nghĩ kỹ càng chín chắn, sẽ chẳng đến nỗi hứng chịu phiền não, tiếc hận lớn lao. Lối nghĩ tưởng như thế có đáng nên vâng giữ hay chăng?

Đáp: Nên vâng giữ!

12. Xưa kia Văn Chánh Công thường nói: "Phàm làm

người kỵ nhất là lo nghĩ ngược ngạo tới sự truân chuyên, trắc trở mai sau, nhưng người đọc sách mắc bệnh này rất nhiều, đấy đều là dấu hiệu chứng tỏ bạc phước." Lời nói ấy có đích xác hay không?

Đáp: Đích xác!

13. Lại nữa, trong bài Gia Huấn của Lục Phóng Ông có câu*: "Cư hương, dĩ khốn úy, bất nhược nhân, vi triết*[100]*"* (Sống trong làng thì phải khôn ngoan xử sự bằng thái độ ta là kẻ kém cỏi, e dè, chẳng bằng ai). Nên giải nói như thế nào, xin thầy khai thị?

Đáp: Đã biết ta kém cỏi, biết e dè, đã biết ta chẳng bằng người, sao dám cùng người khác tranh cãi? Kẻ nào tranh cãi đều không có ba tâm ấy.

14. Đệ tử thường mộng thấy niệm Phật bay lên, thường bị một căn nhà trên đỉnh lợp toàn bằng pha lê ngăn trở, hễ thân thể bay lên thì căn nhà ấy và lớp pha lê phủ trên nóc đều cùng bay theo. Con muốn vượt thoát ra khỏi lớp pha lê ấy để vùng vẫy trong hư không liền chẳng được

---

100 Câu giáo huấn ấy của Lục Phóng Ông đã dựa theo ý tưởng của đoạn văn sau đây trong thiên Liệt Ngự Khấu của sách Nam Hoa Kinh: *"Cùng hữu bát cực, đạt hữu tam tất. Hình hữu lục phủ, mỹ, nhiêm, trưởng, đại, tráng, lệ, dũng, cảm, bát giả câu quá nhân dã, nhân dĩ thị cùng. Duyên tuần yển ương, khốn úy, bất nhược nhân, tam giả câu thông đạt"* (Có tám điều khiến cho con người khốn quẫn tới tột bậc, có ba điều ắt dẫn đến sự thông đạt. Đẹp đẽ, râu đẹp, cao lớn, khôi ngô, tráng kiện, duyên dáng, mạnh mẽ, quả cảm, tám điều ấy đều vượt xa người khác thì sẽ do vì những điều ấy mà gặp cảnh khốn cùng. Thuận theo lẽ tự nhiên kính trọng người khác, náu mình e dè, làm ra vẻ như ta chẳng bằng ai, ba điều ấy đều dẫn đến sự thông đạt). Chúng tôi dịch đoạn này theo cách diễn giải của Lý Đạt trong cuốn Trang Tử Dịch Thích.

như ý, chưa biết là nghiệp chướng gì?

Đáp: Giấc mộng ấy cũng chẳng dễ có. Nếu vượt thoát ra được thì tốt, nhưng chỉ nên nhất tâm niệm Phật, chớ nên chuyên mong tưởng thực hiện được giấc mộng ấy để khỏi do lợi ích mà đâm ra bị tổn hại.

15. Có người cho rằng "khuyên người niệm phật cầu sanh là chủ (chánh yếu), còn tự mình tu là trợ"; có người nghĩ "tự tu là chủ, khuyên người khác là trợ". Cả hai đều phát xuất từ lòng chí thành, nhưng công đức nào vượt trỗi hơn?

Đáp: Quan điểm sau tốt hơn quan điểm trước.

16. Một vị tăng nói đến nhân quả, chăm lo chùa miếu, vì nhằm lợi lạc tứ chúng mà tịnh tu, nhưng ý niệm ta người, lợi danh khá nặng. Một vị tăng khác nghiêm trì giới hạnh, chuyên niệm Phật, hồi hướng cầu cho các chúng sanh sẽ được vãng sanh, ý niệm ta người, lợi danh rất nhẹ, so ra hai người ấy hơn kém ra sao?

Đáp: Người sau trỗi hơn.

17. Hành giả lâm chung sanh Tây, cưỡi đài hoa sen thì ngồi, hay quỳ, hay đứng?

Đáp: Ngồi.

18. Có lúc muốn làm một chuyện, tự cảm thấy dường như cũng mang lòng từ mẫn, mà hình như cũng ôm lòng ghen ghét, hoặc là mang lòng hâm mộ quyền thế, tham

lợi. Chẳng làm thì sợ tổn hại đến lòng từ mẫn, làm thì sợ đọa vào tình kiến, ngay trong lúc ấy chẳng tự biết ý niệm là thiện hay ác, là nặng hay nhẹ. Lại chẳng thể cân nhắc sự duyên lợi hại, hoãn gấp. Lại không có thiện tri thức để quyết đoán thì nên xử trí như thế nào là hay nhất?

Đáp: Gặp chuyện, nên lấy nghĩa làm chuẩn. Nếu không, sẽ trở thành người không có chủ ý gì hết!

19. Con trộm thấy có tăng sĩ chưa từng phải lo liệu xây cất chùa miếu, ý vẫn cho rằng nếu hoàn thành được một ngôi chùa để tự lợi lợi tha, bèn có thể chuyên tâm niệm Phật, một dạ sanh Tây. Đến khi nhân duyên hợp đủ, chùa miếu đã hoàn thành, dần dần lại tham mến chùa miếu, mưu tính tích cóp sản nghiệp, nắm níu quẩn quanh, chần chừ lầm lỡ chuyện vãng sanh. Đấy mới chỉ là nêu một trường hợp làm thí dụ. Những kẻ khác thì muốn thông giáo lý, trở thành nhà trước tác, và kẻ thế tục thì mong cầu nhà cửa dư dả, con cháu hiển đạt v.v.. Những điều này đều là đệ tử tự lượng thân phận, sợ sẽ giẫm theo vết xe đổ, nguyện tùy duyên niệm Phật chẳng mong tạo tác. Tuy chưa đạt đến mức ấy, nhưng thật lòng muốn gắng công, có được hay chăng?

Đáp: Được.

20. Xưa kia tại Thượng Hải, đứa con gái thứ ba của con chết yểu, đau tiếc không sao nguôi được, do vậy tạm làm công đức cho cháu. Tiếp đó được thầy ban lời an ủi,

khuyên nhủ, bảo là "nương nhờ sức tam bảo, con gái ông sẽ được sanh Tịnh độ". Đệ tử liền quyết định tin tưởng chẳng nghi, thôi than khóc vì chuyện lá vàng phải khóc cho lá xanh nữa, nỗi buồn nhanh chóng ngưng dứt. Trong kinh Chú Lâu Các[101] có dạy: "Chép chú ngữ này để lên thân người chết, người chết liền được sanh về Tịnh độ." Do vậy, con thường in những tấm chú này tặng cho thân hữu để họ dùng kèm thêm trong đồ liệm. Cũng có kẻ sanh lòng tin quyết định, nói: "Người ấy ắt sanh Tịnh độ, chẳng khởi tâm niệm ngờ vực", tâm thật mừng vui an ủi. Có kẻ chẳng tin thì nguyện dùng công đức tu trì, đủ mọi phương tiện khiến cho họ sanh lòng tin tưởng kiên cố, cùng được thấm nhuần lợi ích nơi mặt pháp. Dụng tâm như thế có phải cũng là một phương pháp tự độ độ tha, chân thật thọ dụng hay chăng? Không rõ con làm như vậy có bị lệch lạc, sai lầm hay chăng?

Đáp: Chú lực chẳng thể nghĩ bàn, tâm lực chẳng thể

---

101 Kinh này có tên gọi đầy đủ là kinh Đại Bảo Quảng Bác Lâu Các Thiện Trụ Bí Mật Đà-la-ni (Mahāmani Vipula-vimānavśva Supratisthita Gūhyā-parama Rahasya Kalpa-rāja Dhāranī), ba quyển, do ngài Bất Không dịch vào đời Đường. Kinh văn thuyết minh công đức, oai lực của chú Đại Bảo Quảng Bác Lâu Các Thiện Trụ Bí Mật Đà-la-ni và dạy các pháp tu quán, trì tụng, vẽ mạn-đà-la cũng như các nghi quỹ. Kinh này còn có một hai bản dịch nữa là kinh Quảng Đại Bảo Lâu Các Thiện Trụ Bí Mật Đà-la-ni do ngài Bồ-đề-lưu-chi dịch vào đời Đường và kinh Chú Mâu-lê Mạn-đà-la (mất tên người dịch) đời Lương. Theo bản của ngài Bất Không, chú văn như sau: *"Nẵng mạc tát phạ đát tha nghiệt đa nẵm. Án, vĩ bổ la nghiệt bệ, ma nê, bát la bệ, đát tha đa, nễ nại xả ninh, ma nê ma nê, tô bát la bệ, vĩ ma lê. Sa nghiệt la, nghiễm tỳ lệ. Hồng hồng, nhập phạ la, nhập phạ la, một đà vĩ lô chỉ đế, ngu hế dạ, địa sắt xỉ đa nghiệt bệ, sa phạ ha"* (Namah sarvatathāgatanām. Om, vipulagarbha, maniprabhe, tathātā nidar'sane, mani, mani, suprabhe, vimale. Sāgara gambhīre, hūm, hūm, jvala, jvala, buddhāvilokite gūhyādhistita garbhe, svāhā).

nghĩ bàn. Nếu tặng cho kẻ hờ hững, hời hợt thì lợi ích cũng sẽ bị giảm nhẹ theo.

21. Công khóa hằng ngày của đệ tử là niệm Phật hai tiếng, niệm Quán Âm một tiếng, hễ bận thì ngưng niệm Quán Âm. Bữa nào tâm cảnh thanh tịnh thì niệm Phật tương ứng nhất (đối với chữ ứng (應), đệ tử chuyên đọc theo giọng Khứ Thanh, bản khắc kinh Hoa Nghiêm ở Hàng Châu ghi đọc theo giọng Bình Thanh (tức ưng), chưa biết đọc theo cách nào đúng hơn?)

Đáp: Đọc Bình Thanh (tức ưng) thì có nghĩa là tâm và Phật tương ứng, đọc giọng Khứ Thanh (ứng) thì có nghĩa là cảm ứng đạo giao. Hai âm ấy đọc theo cách nào cũng được.

22. Gặp phải hôm sợ hãi, tham sân si lừng lẫy, con đem hai tiếng đồng hồ niệm Phật đổi hết thành niệm Quán Âm, còn ngày nào sợ hãi v.v. đều tiêu tan thì vẫn niệm Phật hiệu, có được hay chăng?

Đáp: Được!

23. Xưa kia con được thầy rủ lòng từ dạy cho cách đọc kinh: Thân phải ngồi ngay ngắn như đối trước thánh dung, đích thân nghe viên âm, chẳng dám manh nha một ý niệm giải đãi, khởi một ý niệm phân biệt nào. Từ đầu đến cuối đọc thẳng một lượt, bất luận dù văn hay nghĩa đều nhất loạt chẳng bận tâm đến. Duyệt kinh như thế thì người lợi

căn sẽ có thể ngộ được lý nhị không[102], chứng được pháp thật tướng. Dẫu là kẻ căn khí ngu độn kém cỏi cũng tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước tuệ. Nếu cứ một mực phân biệt câu này nghĩa như thế nào, đoạn này nghĩa ra sao thì sẽ hoàn toàn là phàm tình vọng tưởng, dò đoán, suy lường, làm sao có thể ngầm thông ý Phật, viên ngộ ý chỉ của kinh để nhân đấy nghiệp chướng tiêu diệt, phước

---

102 Nhị không (hai thứ không) có nhiều cách hiểu:

1. Theo tư tưởng Bát-nhã, nhị không là nhân không (còn gọi là ngã không hay sanh không) và pháp không. Ngã không là không thấy có cái ngã, ngã chỉ là giả danh do ngũ uẩn kết hợp, không có một chủ tể thường trụ nào. Do không có ngã sẽ không thấy có ta người, do đó, ngã không còn gọi là nhân không; do không còn tạo tác khởi lên phân biệt nữa nên gọi là sanh không. Pháp không là các pháp vốn không, chỉ là giả danh, không có thực thể. Khái niệm nhị không thường được hiểu theo khái niệm này nhất.

2. Theo tông Thiên Thai (căn cứ theo sách Ma-ha Chỉ Quán) thì nhị không là đản không và bất đản không:

a) Đản không: Trong bốn giáo, Tạng giáo và Thông giáo chẳng hiểu rõ tam đế *không, giả, trung*, thấy các pháp đều là huyễn vọng, coi lý không được hiểu theo cái thấy ấy là tột cùng nên chỉ thấy không, chứ chưa thấy được bất không nên gọi là đản không (chỉ có cái không).

b) Bất đản không: Đối với cái đản không vừa nói đó, Viên giáo và Biệt giáo thấy được cái bản thể của cái không là "chẳng phải chỉ là không" nên thầm hợp với lý trung đạo. Do vậy gọi là bất đản không.

3. Cũng theo Ma-ha Chỉ Quán, nhị không còn có thể hiểu là tánh không và tướng không: Các pháp không có thật tánh nên gọi là tánh không. Do các pháp đã không có thật tánh, chỉ có tướng giả danh nên cũng không có thật có, vì thế gọi là tướng không.

4. Theo luận Đại Thừa Khởi Tín, nhị không là chân như không và chân như bất không: Trong bản thể của chân như không có hết thảy vọng nhiễm, có thể hiển hiện sự thật rốt ráo nên gọi là chân như không; trong bản thể của chân như đầy đủ hết thảy công đức vô lậu nên gọi là chân như bất không.

5. Theo luận Bảo Tánh, luận Biện Trung Biên và luận Đại Thừa Huyền, nhị không là quyền không và thật không. Sự ngộ nhập sanh không của hàng Nhị thừa là quyền không, sự ngộ nhập của hàng Bồ-tát đối với sanh không lẫn pháp không thì gọi là thật không.

6. Ngoài ra, trong Mật tông, do lấy năm đại *địa, thủy, hỏa, phong, không* ứng với ngón út, ngón đeo nhẫn, ngón giữa, ngón trỏ và ngón cái; nên khi kinh văn Mật tông nói đến "nhị không" thì có nghĩa là "áp hai ngón tay cái vào nhau". Nghĩa này không thể nào áp dụng vào chữ nhị không trong đoạn văn này được!

tuệ tăng trưởng? Đệ tử cho rằng đoạn huấn thị này có lẽ là vô thượng diệu pháp để duyệt kinh. Nhưng nói: "Chẳng khởi phân biệt, dù văn hay nghĩa đều nhất loạt chẳng bận tâm đến", có phải là dốc cạn lòng thành kính, nhận biết văn tự cho rõ ràng, âm thanh niệm đọc cho thuần thục trọn vẹn giống như các bà cụ già niệm kinh hay chăng? Bởi lẽ trước đây đệ tử hay lo ra, nếu chiếu theo cách đọc không phân biệt chẳng quan tâm đến văn nghĩa thì chắc là sẽ khó thể tâm đắc, chẳng sanh pháp hỷ. Vì thế mỗi khi con đọc kinh A-di-đà, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, liền miệng tụng, chú tâm nơi sự trang nghiêm của cõi Cực Lạc, sự từ bi của đức Phổ Hiền tràn ngập cõi lòng, pháp hỷ tràn trề. Kế đó, con nghĩ cách đọc như vậy chưa chắc đã khỏi rớt vào lối mòn phàm tình vọng tưởng, dò đoán, suy lường. Dẫu cho có sở đắc nhỏ nhoi, nhưng ví như đối với nước bốn biển mênh mông bát ngát lại dùng tay vốc nước, đâm ra chỉ được một chút tẹo, đúng như thầy đã dạy "làm sao có thể ngầm hợp ý Phật, viên ngộ ý chỉ của kinh" cho được!

Đáp: Nếu văn lẫn nghĩa đều rõ ràng thì hiểu rõ từng câu từng đoạn đâu có trở ngại gì! Chỉ là chớ nên đặc biệt sanh tâm động niệm muốn thấu hiểu, chứ không phải là chỉ đọc, không được phép hiểu rõ.

24. Con lại thấy một vị tăng nhận biết mặt chữ nhưng không hiểu ý, trì tụng kinh Pháp Hoa nhưng lòng vui sướng tràn ngập nơi mặt mũi, đủ biết: Sanh được pháp hỷ hay không chẳng liên quan tới chuyện có hiểu rõ văn nghĩa hay

không! Nếu có thể dùng tâm cung kính, tâm từ bi, chẳng khởi tâm phân biệt, chẳng bận tâm thấu hiểu văn nghĩa, cứ thẳng thừng mà đọc, tự nhiên sẽ đạt được lợi ích chân thật, tăng trưởng pháp hỷ. Ý con tính sau này cứ chiếu theo cách đọc ấy, hồi hướng Bồ-đề; chẳng biết là có trái nghịch, sai khác với ý chỉ ban đầu của lời thầy dạy hay chăng?

Đáp: Người thông minh trong thế gian phần nhiều là tâm thường cố thấu hiểu. Đối với nghĩa lý thì được, chứ đối với pháp hỷ sẽ khó đạt được lắm!

25. Thêm nữa, giữa đọc và tụng[103] thì công đức nào lớn hơn?

Đáp: Khổng tử đọc kinh Dịch, ba lượt đứt lề sách. Đọc sẽ có ích hơn tụng nhiều. Nếu không, sao Khổng tử lại nhọc nhằn mở sách ra đọc như thế. Trong câu "đứt lề sách ba lượt" thì chữ "lề sách" chỉ cho sợi dây bằng da để buộc các phiến gỗ hay các thẻ tre[104]. Dây đã bị đứt ba lần tức là số lần mở sách ra đọc chẳng thể đếm được số.

26. Phần trường hàng của phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện thường được ghép trong Phật Học Nguyện Văn

---

103 Xin đừng hiểu lầm chữ tụng ở đây. Cổ nhân gọi mở kinh văn ra, đọc thành tiếng là "phúng" (諷) hoặc "độc" (讀: đọc), còn chỉ đọc kinh văn theo ký ức, đọc thuộc lòng là tụng (誦). Về sau, hai chữ này thường bị dùng đồng nhất. Xuyên suốt trong Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, Văn Sao Tục Biên lẫn một số lá thư trong Tam Biên, tổ Ấn Quang luôn khuyên hành nhân khi tụng đọc nên mở kinh văn ra đọc theo, dẫu có thuộc lòng cũng đừng ỷ vào trí nhớ.

104 Do thời Khổng tử chưa có giấy, sách phải viết trên các mảnh gỗ hay thẻ tre, rồi dùng dây da xâu lại thành sách cho khỏi thất lạc.

(*"như thị Thế Tôn Tỳ-lô-giá-na, như thị tận pháp giới, hư không giới"* - Như nay đức Thế Tôn Tỳ-lô-giá-na, trọn hết pháp giới, hư không giới như thế v.v.), nếu chấm câu thì nên chấm sau chữ Tỳ-lô-giá-na hay là chấm sau chữ "như thị"?

Đáp: Tám chữ đầu là nêu thí dụ, hai chữ "như thị" là tiếp nối ý trên.

27. Lại nữa, trong sách Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm Tập Yếu Sớ, cụ Đế Nhàn viết rằng: "Đối với câu kệ tụng *'nguyện ngã lâm dục mạng chung thời'* (nguyện con lúc mạng sắp chấm dứt) nếu đổi hai chữ 'nguyện ngã' thành 'thị nhân' (người ấy) thì ý nghĩa càng thêm rõ rệt." Con trộm nghĩ nếu sửa như thế có lẽ thì đối với hai câu *"ngã kim hồi hướng chư thiện căn, vị đắc Phổ Hiền thù thắng hạnh"* (con nay hồi hướng các căn lành, để được hạnh Phổ Hiền thù thắng) trong phần trên và câu *"ngã thời ư thắng liên hoa sanh, hiện tiền thọ ngã Bồ-đề ký"* (khi ấy, con sanh trong hoa sen tươi đẹp, ngay trong lúc ấy được Phật thọ ký cho con sẽ thành Chánh giác) trong đoạn này, hai chữ ngã đều chẳng thông suốt với nhau! Hơn nữa, theo phần trường hàng, khi lâm chung do nhờ sức tụng kinh, nương theo sức dẫn dắt của Nguyện Vương mà vãng sanh Cực Lạc, liền thấy Phật Di-đà. Trong kệ tụng nói diện kiến Di-đà liền sanh về Cực Lạc, nếu đổi chữ "ngã nguyện" thành "thị nhân" thì tựa hồ như đã đẩy cái này lôi cái kia (chữ "đẩy" ở đây hình dung ý "gượng ép") sao cho ý trong lẫn ngoài được khớp nhau. Con cho rằng: Nhằm rốt ráo làm cho hành giả

mong mỏi được Phật Di-đà tiếp dẫn, cho nên nói hai chữ "ngã nguyện". Con nghĩ giữ nguyên chữ như trong chánh kinh so ra thỏa đáng hơn. Kiến giải của con hèn tệ như thế, chẳng biết có thích đáng hay chăng?

Đáp: Ý này tuy do ngài Thanh Lương đề ra, nhưng chẳng phù hợp với kinh văn, đấy là ý phụ chứ không phải ý chánh. Nếu coi đấy là ý nghĩa chánh yếu sẽ trở thành trái nghịch kinh, chớ nên theo. Hễ theo sẽ phạm lỗi!

28. Gần đây đệ tử thường dựa theo phẩm Tịnh Hạnh trong kinh Hoa Nghiêm để phát nguyện, chỉ là gặp cảnh chạm sự liền niệm thầm "xin nguyện chúng sanh sẽ như thế này, thế nọ". Chỉ cần niệm một lần hoặc là tùy ý tùy sức niệm liên tục chẳng quan tâm đến số biến. Lại nữa, nếu chẳng hiểu rõ ý nghĩa nguyện văn lắm thì có thể dựa theo bài văn để đọc hay không?

Đáp: Pháp tu trì trọn chẳng nhất định. Người chuyên niệm Phật sao không do cơ duyên, do hoàn cảnh mà niệm. Lời văn phát nguyện thì tùy lòng ưa thích, chớ nên chấp bài này, chê bai bài kia, chấp bài kia, chê bai bài này là được rồi.

29. Năm trước con được thầy từ bi khai thị, bảo đệ tử tuổi đã gần 50 rồi, chớ nên nghiên cứu kinh, chỉ nên chết lòng niệm Phật để mong vãng sanh. Từ đấy con chẳng đổ công sức nghiên cứu nữa; chỉ có điều gần đây mở xem luận Đại Trí Độ, Tử Bách Tập, các sách ấy giúp mở rộng tầm mắt, cảnh tỉnh, răn nhắc thân tâm khá nhiều. Nhưng ngoài

lúc lễ tụng trong thời khóa chánh yếu ra, có nên nhân lúc rảnh rỗi xem đọc thêm đôi chút những loại kinh luận ấy hay không, hay là nhất loạt ngưng xem thì mới nên?

Đáp: Tu trì không phải là chuyện đóng đinh, đẩy mái chèo, cần phải sống động hoạt bát; tuy chết lòng niệm Phật, nhưng xem thêm đôi chút kinh luận cũng chẳng phải là không được. Nhưng nếu coi chủ hạnh (hạnh chánh yếu) như chuyện kèm thêm thì sẽ trở thành tu trì không có chỗ nương tựa. Tử Bách Tập tuy là cảnh sách, nhưng những lời dạy của ngài Tử Bách chú trọng nơi tham cứu, sao không dụng tâm nơi Tịnh Độ Thập Yếu? Ông cho rằng Tịnh Độ Thập Yếu chẳng có ích lợi sâu xa cho con người bằng Tử Bách Tập ư?

4. Đáp lời hỏi của ông Trác Trí Lập

Hỏi: Pháp môn Tịnh độ đã có thể thích hợp khắp ba căn, thâu tóm trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn. Trong thời đức Phật tại thế, sao không chuyên nói về Tịnh độ để vạn pháp quy nhất, cùng về theo một đường, mà lại giảng bàn các tông, đâm ra khơi gợi lắm mối sai lầm đi vào ngõ rẽ khiến người đời sau bị mất lợi ích thật sự nơi Tịnh độ vậy? *(Trong lời hỏi, bên cạnh câu "sao không chuyên nói về Tịnh độ", sư đã phê: "Nói nhăng, nói càn!")*

Đáp: Nuôi người chẳng phải chỉ một thứ gạo, trị bệnh chẳng phải chỉ có một thứ thuốc. Do có các môn thì mới tỏ rõ sự hay tuyệt của pháp môn này. Nếu chỉ có một pháp Tịnh độ thì làm sao có thể dẫn hết thảy những cơ nghi

cùng vào trong Phật pháp được?

Hỏi: Thế tục chuyên coi niệm Phật là để tiễn người chết, còn niệm Quán Âm nhằm giữ lại mạng sống. Vì thế, kẻ tu Tịnh độ chưa tinh ròng và người chưa già khi lâm chung phần nhiều do luyến tiếc cõi đời liền niệm Quán Âm. Người trợ niệm phần nhiều ngả theo ý này hoặc thuận theo ý muốn của gia quyến cũng niệm Quán Âm để trợ niệm, chứ không niệm Phật. Nếu lành bệnh thì cố nhiên không áy náy gì. Chứ nếu không, đã gây trở ngại cho sự linh cảm do xưng danh, mà còn làm lỡ làng cơ duyên sanh Tây. Con chẳng biết nếu gặp phải hạng căn tánh ấy phải nên dùng biện pháp ra sao thì mới viên thông? Có phải là trước hết niệm Quán Âm để giữ tánh mạng cho họ rồi đến khi họ đã chết bèn chuyển sang niệm Phật để tiễn đi hay chăng? Hoặc là từ đầu đến cuối chuyên niệm Quán Âm cũng có thể khiến cho người chưa hết tuổi thọ sẽ được lành, tuổi thọ đã hết sẽ sanh về Tây Phương ư?

Đáp: Con người bị bệnh nặng liền hãy nên có ý tưởng vãng sanh, nhất tâm niệm Phật. Nếu tuổi thọ chưa hết sẽ do niệm Phật mà được chóng lành (A-di-đà Phật chính là Vô Lượng Thọ, nghĩa là tiêu tai, kéo dài tuổi thọ). Còn như vì người khác trợ niệm, há nên vì họ niệm Quán Âm, lại còn cầu thọ cho người ấy? Cứ niệm Phật, chưa hết tuổi thọ cũng có thể kéo dài mạng sống. Niệm Quán Âm thì không có tâm cầu được vãng sanh. Nếu tuổi thọ đã hết sẽ làm hỏng chuyện.

Không phải là niệm Phật sẽ nhất định chết, niệm Quán Âm nhất định chẳng thể vãng sanh. Chỉ vì kẻ si không có tâm niệm cầu được vãng sanh nên cũng chỉ tạo thành một thứ nghiệp cảm gây hỏng chuyện mà thôi! Vô Lượng Quang là tiêu tai, Vô Lượng Thọ là diên thọ (kéo dài tuổi thọ), niệm A-di-đà Phật công sức đến cùng cực còn được thành Phật, há lẽ nào niệm Phật chẳng thể kéo dài tuổi thọ, khiến cho chóng chết ư? *(Trong lời đáp, bên cạnh hai chữ "si nhân", sư gạch dưới ba vạch để nhắc nhở, những người sẽ chết sau này chớ đừng tự lầm)*

Hỏi: Gần đây có người khuyên kiêng giết, nhưng do thấy người ta khó tránh giết, bèn dạy hãy dùng thuốc gây mê để giết, ngõ hầu loài vật khỏi phải chịu chết đau đớn, giống như cầu giảm tội xử chém thành tội thắt cổ. Pháp ấy cũng có thể được gọi là pháp phương tiện hay chăng?

Đáp: Chỉ có thể giảm khổ thì cũng tốt.

Hỏi: Theo sách Thái Ất Thần Châm, châm xong phải uống rượu. Người giữ giới không uống rượu thì tự mình chớ nên áp dụng, nhưng có thể bảo người khác dùng rượu hay không? Cũng như có thể dùng rượu để chế thuốc hay chăng?

Đáp: Đây cũng không phải là cách chấp nhặt hẹp hòi, hễ có bệnh thì niệm Phật hay niệm Quán Âm cũng đều được lành; huống hồ nếu không dùng rượu thì bệnh nhân chắc chắn chẳng thể lành bệnh ư?

Hỏi: Dùng gạo thóc làm rượu, biến thực phẩm cứu

đói thành thức uống xa xỉ, quả thật là kẻ phung phí vật thực của trời quá mức. Nếu trên thế giới đều cấm uống rượu hết thì sẽ dư ra được bao nhiêu là lương thực cứu đói. Như vậy thì uống rượu không chỉ làm loạn tánh mà thôi. Do vậy, nếu khi cả nhà đều kiêng rượu thì có nên hủy hết những đồ để uống hay chứa rượu trong nhà hay chăng?

Đáp: Điều này cũng chớ nên chấp chết cứng, nếu là món đồ vô dụng cho cả cõi đời thì làm như vậy được. Nếu hữu dụng, tặng cho người khác đâu có ngại gì!

Hỏi: Người ăn chay trường kiêng cả rượu và ngũ tân, tông chỉ của chuyện ấy chẳng nhằm chỉ để tạo ra đầu mối kiêng giết chóc. Kẻ chưa ăn chay trường có được phép thay mặt người khác mua ngũ tân và rượu cùng hèm được chăng? Cũng như có được ăn các món thuốc chay chế từ rượu hay từ hèm và những món chay nấu nướng, nêm nếm với hèm hoặc rượu hay chăng?

Đáp: Mua giùm người khác cũng nên tránh. Những loại thuốc chế bằng rượu nếu chẳng gây loạn tánh thì không sao. Nếu món chay mà hơi rượu quá nồng thì đừng nên ăn, còn có mùi nhẹ thì ăn không sao; đấy là vì để khỏi bị say sưa loạn tánh vậy!

Hỏi: Dùng con vật còn sống để làm thuốc, bèn niệm Phật cho chúng được độ thoát. Làm như vậy dường như vẫn tạo thành thói tệ, bởi những kẻ giết những động vật thuộc loài thai sanh hay noãn sanh làm dược phẩm cũng

có thể mượn cớ niệm Phật giải oan để lấp liếm, con cảm thấy khó lòng giải nói được. Con lập nguyện hễ gặp những phương thuốc như vậy đều không thèm dùng tới, chẳng cần phải lưu truyền, chưa biết có được hay chăng? *(bên cạnh chữ "được", sư khuyên một chấm, biểu thị đồng ý)*

Đáp: Chuyện này cũng chớ nên chấp chết cứng, chúng ta chỉ nên giữ lòng thành của chính mình mà thôi!

Hỏi: Nếu thầy thuốc gặp phải kẻ ác và đồ tể, chài lưới, thợ săn v.v. mang bệnh đến xin chẩn trị, ta dạy họ sửa ác, kiêng giết, họ không chịu nghe, lành bệnh rồi vẫn tiếp tục tạo tội nghiệt, có nên mặc kệ họ không chữa hay chăng?

Đáp: Đây cũng là bàn chuyện vô lý. Như lời ông nói thì đối với con vật gây tổn hại đến những con vật khác thì cũng mặc kệ không cứu mới là đúng. Nếu thầy thuốc dùng lòng thành để cảm thì bọn họ chắc cũng sẽ có thể thay đổi nghề nghiệp. Đức Phật còn dạy kẻ đồ tể nhận lãnh các giới riêng, nhìn vào đó thì có thể biết được cách tùy cơ khuyến hóa, dẫn dắt của đức Phật.

Hỏi: Trong nhà còn giữ những sách của ngoại đạo hoặc những sách tà chánh hỗn loạn và sách của đạo Gia Tô, kinh Tam Quan[105], kinh Táo Quân, kinh Huyết Bồn

---

105 Kinh Tam Quan là một bản kinh của Đạo giáo, chép lời tuyên cáo của ba vị Thượng Nguyên Thiên Quan, Trung Nguyên Địa Quan và Hạ Nguyên Thủy Quan về công năng diệt tội, ban phước của họ cũng như ghi chép những danh xưng của ba vị này theo kiểu rườm rà rất đặc trưng của các thần thánh trong Đạo giáo. Chẳng hạn như danh xưng của Thiên Quan là Huyền Đô Nguyên Dương Tử Vi Cung Thượng Nguyên Cửu

và những sách thuốc dạy người giết chóc bằng phương cách đặc biệt v.v., có nên đốt hết đi hay chăng? Lại còn trong những sách chú giải Tứ Thư của Chu Hy có những lời lẽ báng Phật có nên bôi đi hay là sửa chữa? Đối với lời văn báng Phật của Hàn - Âu có nên tùy theo sở kiến mà phê phán hay đốt đi hết? *(Bên cạnh tên hai kinh Táo Quân, Huyết Bồn, sư phê chữ "bôi đi")*

Đáp: Đối với những chỗ sai bậy trong lời chú giải của họ Chu nên phê theo lối *đảnh cách* (lời phê viết bên phải câu văn ấy, cao hơn một dòng). Phàm những sách vở thế gian đa phần mắc phải khuyết điểm ấy. Nếu xét trên đại thể, nội dung sách phần lớn là tốt đẹp, vấp phải những lỗi nhỏ nhặt thì hãy phê theo lối đảnh cách. Còn sách phạm khuyết điểm quá lớn hay nói bậy thì chớ nên giữ làm gì.

Hỏi: Những y phục có in chữ, hoặc hình tượng Phật v.v. có được dùng làm đồ liệm hay chăng? *(sư phê bên cạnh "không được")* Có nên đốt kinh điển cho người đã mất hay không? *(sư phê bên cạnh "đừng đốt bừa bãi")*

Đáp: Nếu đốt thì nên sắp đặt dụng cụ để đốt riêng, chớ nên đổ lẫn tro kinh vào tro giấy tiền vàng bạc để bán[106]. Hãy nên đựng tro kinh vào túi riêng, dùng vải sạch may thành đãy, bỏ thêm cát sạch vào trong ấy. Có ai ra biển thì

Khí Tứ Phước Thiên Quan Diệu Linh Nguyên Dương Đại Đế Tử Vi Đế Quân v.v..

106 Thời ấy, giấy tiền vàng bạc, vàng thoi, đĩnh bạc trong đồ mã làm bằng những miếng nhôm hay giấy thiếc dát mỏng đính trên giấy nên sau khi đốt, những vụn nhôm này không cháy. Người ta thường mua tro vàng mã để gạn lọc và tái sử dụng những mảnh kim loại này.

nhờ người ấy gieo đãy đựng tro kinh ấy xuống chỗ sâu. Nếu không, đừng đốt. Nếu chẳng bỏ thêm cát vào đãy chứa tro kinh, sợ nó không chìm, sẽ trôi tấp vào bờ.

Hỏi: Thần có thể giết được kẻ đã làm ác, sao không giết trước khi nó làm như thế. Như sau khi Bạch Khởi[107] chôn quân đầu hàng đến mấy vạn rồi mới bị tru lục ở âm phủ. Khi hắn sắp chôn sống quân Triệu ra hàng nhưng chưa kịp làm, sao không tru lục ngay để hắn khỏi chôn vùi được ai? Hay là những tên lính ra hàng ấy đời trước vốn thiếu nợ hắn cái mạng nên mới bị chôn sống? Chôn xong,

---

107 Bạch Khởi (?-257 trước Công nguyên), còn gọi là Công Tôn Khởi, người My Huyện, là danh tướng nước Tần thời Chiến Quốc, rất hiếu sát. Làm tướng suốt ba mươi mấy năm, đánh hạ bảy mươi mấy thành, tàn sát cả trăm vạn địch quân, được phong tước Vũ An Quân. Năm thứ 34 đời Tần Chiêu Vương (263 trước Công Nguyên), Bạch Khởi dẫn quân Tần đánh tan liên quân Triệu - Ngụy tại Hoa Dương (nay là Trịnh Châu, tỉnh Hà Nam), chém đầu 50 vạn quân. Năm 37 đời Tần Chiêu Vương (260 trước Công Nguyên), Bạch Khởi vây đánh Trường Bình, bắn chết tướng nước Triệu là Triệu Quát. Quân Triệu bị vây đánh lâu ngày, thiếu lương ăn phải ra hàng, số tù binh lên đến hơn 45 vạn. Bạch Khởi cho bọn hàng binh ăn uống no say rồi ngầm sai quân Tần dùng khăn trắng bịt đầu, dặn: "Thấy đứa nào không bịt khăn trắng cứ chém giết thẳng tay!" Trong một đêm, 45 vạn hàng binh nước Triệu bị giết sạch, chỉ còn khoảng 240 tên lính giữ ngựa thoát được, trốn về nước Triệu báo tin. Sử chép: "Khi ấy máu chảy vang tiếng long tong, nước khe Dương Cốc đỏ au, đến nay con suối ấy vẫn còn mang tên Đan Thủy. Bạch Khởi cho thu thập đầu lâu của lính Triệu, dựng thành đài trên núi, đặt tên là đài Bạch Khởi." Năm 44 đời Tần Chiêu Vương (257 trước Công Nguyên), vua Tần vây Hàm Đan của nước Triệu nhưng không chiếm được thành, vua Tần sai Bạch Khởi ra đánh. Thấy trận đánh dằng dai lâu ngày, quân Tần đã nhiều phen thất bại, không thể nào đánh thắng được, Bạch Khởi cáo bệnh không ra. Vua Tần đành sai Vương Lăng lãnh quân đánh suốt 5 tháng không thắng, lại sai Bạch Khởi cầm quân. Bạch Khởi vẫn giả bệnh từ chối, vua Tần giận dữ, cách tuột quan chức của Bạch Khởi, giáng xuống làm lính trơn, đuổi khỏi kinh đô Hàm Dương. Khi Bạch Khởi đi đến Đỗ Bưu (nay thuộc huyện Hàm Dương, tỉnh Thiểm Tây), vua Tần sai sứ mang gươm đến buộc Bạch Khởi tự sát. Đường cùng, Bạch Khởi đành tự sát. Ông Trác Trí Lập viết là "chôn sống", nhưng thật ra 45 vạn quân Triệu ra hàng ấy đã bị Bạch Khởi tàn sát chỉ trong một đêm.

oán cũ vừa xóa, oán mới lại kết, nên mới bị cõi âm tru lục để hả lòng oán đấy chăng? Hay là làm ác giống như uống thuốc độc, ắt phải đợi uống vào bụng xong mới bị trúng độc tự chết?

Đáp: Chưa làm mà đã bị giết thì trong ngàn trăm vạn trường hợp mới có một trường hợp. Đã làm rồi mới giết thì đấy chính là thường pháp theo thiên lý nhân tình vậy.

Hỏi: Nếu bảo là thần thánh có thể hộ pháp thì sao lại đến nỗi có nhiều chùa bị vua này vua nọ hủy diệt. Nếu bảo là thần không hộ pháp thì sao lại thường có những sự tích hiển hiện linh ứng, dẹp ma? Có phải là hộ pháp hay không hộ pháp đều là do nghiệp lực đồng phận của chúng sanh chiêu cảm sâu hay cạn mà bèn hộ pháp hay không đó chăng?

Đáp: Chuyện này chớ nên chấp chết cứng, ấy là do pháp vận thông hay tắc, cũng như trong một năm nóng lạnh thay phiên nhau theo thứ tự vậy.

Hỏi: Lịch đại tổ sư như chư tổ của Liên tông v.v. sau khi đã khuất, được người ta bình luận, phán định ra sao thì mới được cả cõi đời tôn sùng là tổ?

Đáp: Có đức lớn thì người ta tự chịu suy tôn, há cứ nên chấp hẹp hòi là cần phải có người bình luận, đánh giá hay chăng?

Hỏi: Học thuyết trong thuật địa lý[108] quá phiền, tinh

---

108 Địa lý (còn gọi là kham dư) ở đây là một môn huyền học ứng dụng Dịch học và phong

thông thuật ấy chẳng dễ. Địa lý chẳng tinh tường thì dẫu chọn đất vẫn chẳng chọn được. Chọn lựa đất tinh tường, nhưng chẳng chọn tinh tường cái tâm, rốt cuộc đến nỗi biến cát thành hung thì tuy chọn được vẫn giống như chưa được. Đấy gọi là "nếu không có tâm điền thì cũng chẳng có phước địa".

Thế tục chỉ nói đến địa lý, chẳng nói tới thiên lý. Chỉ lo phong thủy bị tổn thương, chẳng lo báo ứng không sai. Hễ gặp chuyện gì trái ý bèn đổ thừa địa lý chẳng tinh tường, lo cái kia gây trở ngại cho cái này, vô sự sanh sự, luôn luôn ươm thành những tấn tuồng xấu ác, quên gốc chạy theo ngọn, đâu đâu cũng đều như thế cả. So ra, hoàn cảnh của những kẻ không nhắc đến thiên lý còn tệ hơn kẻ không nói đến địa lý quá nhiều! Người thờ Phật ngăn chặn thói tệ từ lúc nó mới chớm nẩy, tận lực uốn nắn những thói toan tính tệ hại của thế tục. Nếu gặp chuyện xây mồ, cất nhà, có nên tùy duyên chọn vị trí thích hợp, hay chỉ y theo Phật lý, giữ thiên lý, chẳng theo lý lẽ thế tục để nói đến địa lý hay không?

Đáp: Tuy chẳng ra sức nói tới, cũng chớ nên hoàn toàn chẳng để cho thầy địa lý xem qua. Đấy gọi là "trọn hết chuyện con người trước đã". Nếu quanh năm nuôi nấng cung phụng gã thầy địa lý có mắt như mù thì sẽ đều là hạng người cuồng vọng, chẳng tuân theo thiên lý, chẳng hiểu rõ địa lý.

---

thủy để chọn cuộc đất tốt nhằm an táng tổ tiên với hy vọng con cháu sẽ hiển đạt, phú quý.

5. Đáp lời hỏi của cư sĩ Thôi Thụ Bình

Hỏi: Địa Tạng Vương Bồ-tát là bậc phụng hành Phật pháp, nhậm chức U Minh Giáo Chủ[109] trong chốn âm tào, vào trong lục đạo để độ chúng sanh. Nhưng thường nhân hay tưởng lầm ngài là thần kỳ[110] hoặc là linh quỷ. Những loại quan niệm như vậy chẳng phải chỉ có một mà thôi. Làm thế nào để phân biệt vị Bồ-tát phụng hành Phật pháp và thiên tiên, quỷ thần?

Đáp: Thần kỳ là do nghiệp báo cảm thành nên có thể bảo là "nhậm chức", chứ Địa Tạng Bồ-tát do hoằng thệ đại nguyện bèn ở trong u minh độ thoát chúng sanh, sao lại bảo là ngài "nhậm chức"? Người đời chẳng hiểu rõ phàm thánh, nhất loạt coi là quỷ thần, cũng không có chi lạ cả!

---

109 Do nghiệp cảm, chúng sanh trong cõi âm thường thấy cảnh sắc tối tăm, mờ mịt, tâm trí của những chúng sanh thọ tội trong ấy thường si ám nên cõi âm thường gọi là u minh, đức Địa Tạng Bồ-tát thường nguyện ở mãi trong ác đạo cứu độ chúng sanh thoát khỏi địa ngục, ngạ quỷ, nên được xưng tụng là U Minh Giáo Chủ. Bọn đạo sĩ đã lập lờ đánh lận con đen lập ra hai ngụy thuyết:
1. U Minh Giáo Chủ là Phong Đô Đại Đế (còn gọi là Bắc Đế Quân, hoặc Phong Đô Bắc Âm Đại Đế), tức vua cõi âm. Theo họ, Phong (豐) là tên một đất nước của quỷ thần ở phương Bắc, tại đó núi cao đến hai ngàn sáu trăm dặm, chu vi ba vạn dặm. Sáu cung điện trên đỉnh núi là nơi Phong Đô Đại Đế phán xử tội nhân. Tương truyền, ngọn núi ấy nay chính là núi La Phong, thuộc huyện Phong Đô, tỉnh Tứ Xuyên. Tuy thế, chịu ảnh hưởng của Phật giáo, họ còn thừa nhận có Diêm-la vương cũng là vua cõi địa ngục; như vậy là có đến hai vị chưởng quản cõi âm. Để khỏa lấp sự mâu thuẫn này, các đạo sĩ bèn nói Địa Tạng Vương Bồ-tát chỉ là một danh xưng do nhà Phật gán cho Phong Đô Đại Đế.
2. U Minh Giáo Chủ là danh xưng khác của Thái Ất Cứu Khổ Thiên Tôn, một vị thần được tin là có công năng cứu độ sanh tử. Nhằm để cạnh tranh với cõi Cực Lạc của Phật giáo, bọn đạo sĩ cũng lập ra thuyết có một Tịnh độ của Đạo giáo gọi là thế giới Trường Lạc ở phương Đông do Thái Ất Thiên Tôn làm giáo chủ.
110 Thần kỳ (神祇) là gọi tắt của thiên thần và địa kỳ, được dùng như một từ ngữ chỉ chung cho các vị thần thánh. Thần ở trên cõi trời hay trong hư không gọi là thần, thần cai quản trên mặt đất gọi là kỳ, tức các vị thần núi non, rừng rậm, thành hoàng, thổ địa v.v..

Ví như đứa bé chỉ biết người trong nhà, hết thảy những người khác nó đều hoàn toàn chẳng biết tới, sẽ bảo hết thảy mọi người đều chẳng tôn quý bằng cha mẹ nó. Đã biết: Bậc đoạn hoặc chứng chân liễu sanh thoát tử chỉ mới là bậc thánh nhân trong Tiểu thừa; còn bậc phá vô minh, chứng pháp tánh thì mới đáng gọi là Đại thừa Bồ-tát. Nhưng những vị nào chưa đoạn phiền não, cậy vào phước lực trong đời trước thì sẽ làm thần kỳ, địa vị còn kém xa chư thiên, huống là so với bậc đại Bồ-tát đã chứng pháp thân ư? Nếu chẳng biết Phật pháp thì có phán định cũng chẳng hiểu rõ, nếu đã biết Phật pháp thì cần gì phải phán định nữa!

Hỏi: Cảm Ứng Thiên là do ai trước tác? Đối với sách vở của các tôn giáo khác thì dùng pháp nào để phân biệt, đoán định?

Đáp: Bản Cảm Ứng Thiên thường được lưu hành có ghi hai chữ Thái Thượng, là vì người đời cho tác phẩm này là do Lão tử[111] viết ra. Cũng có kẻ cho rằng nó vốn là một

---

111 Trong Đạo giáo, Lão tử thường được tôn xưng là Thái Thượng Lão Quân hay Đạo Đức Thiên Tôn, là một trong ba vị Tam Thanh (tức Ngọc Thanh Nguyên Thủy Thiên Tôn, Thượng Thanh Linh Bảo Thiên Tôn và Thái Thanh Đạo Đức Thiên Tôn). Người khởi đầu để xướng tôn vinh Lão tử là thủy tổ của Đạo giáo chính là Trương Đạo Lăng (sáng tổ của Ngũ Đấu Mễ đạo - tiền thân của Đạo giáo). Vào thời Hán Thuận Đế, Trương Đạo Lăng tôn xưng Lão tử là Thái Thượng Lão Quân. Sau này, Khấu Khiêm Chi lại gọi Lão tử là Đạo Đức Thiên Tôn vì Lão tử là tác giả của Đạo Đức Kinh. Về sau, các đạo sĩ đặt thêm nhiều danh xưng cho Lão tử như Hỗn Nguyên Lão Quân, Giáng Sanh Thiên Tôn, Thái Thanh Đại Đế, Thái Thượng Huyền Nguyên Hoàng Đế, Đại Thánh Tổ Cao Thượng Đại Đạo Kim Khuyết Huyền Nguyên Thiên Hoàng Đại Đế v.v., nhưng Thái Thượng Lão Quân vẫn là danh xưng phổ biến nhất.

thiên sách trích từ bộ Bão Phác Tử[112] rồi được mở rộng ra. Nhưng bất tất phải xét tìm ai là tác giả? Chỉ cần quan tâm đến những điều lợi ích do sách ấy đem lại. Đấy gọi là "chẳng vì người mà bỏ lời"[113] vậy! Tuy thánh nhân lập pháp, nhưng cố nhiên không nhất định phải coi toàn bộ những lời thánh nhân đã nói là khuôn mẫu, chỉ nên quan tâm chọn lấy những gì có ích cho thế đạo nhân tâm. Trùng văn, điểu thư[114] là đầu mối mở mang văn tự lớn lao, nào dám vì *trùng, điểu* không đáng trọng mà chẳng dùng đến văn tự ư? Nêu lên một chuyện này thì sẽ có thể dứt được những lời lẽ rườm rà vô ích bàn bạc đúng sai xằng bậy! Những lời lẽ rườm rà ấy vẫn chẳng có phong vị thiên nhiên như chim mùa xuân ríu rít lúc ban ngày, trùng mùa thu rền rĩ ban đêm vậy.

---

112 Bão Phác Tử là một bộ sách do Cát Hồng (283-363) soạn vào đời Đông Tấn, được coi là một kinh điển trọng yếu của Đạo giáo. Nội dung chia làm hai phần:

1. Nội Thiên chuyên nói về cách luyện những phương thuốc để uống vào sẽ trở thành thần tiên (tức cách luyện kim đan và tiên dược), những sự biến hóa quỷ quái, các pháp thuật nhương tai trừ họa, nguồn gốc của vũ trụ, phương pháp tu luyện của Đạo gia.

2. Ngoại Thiên luận về tình hình xã hội, chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi những khái niệm của Nho gia. Phần này luận về lẽ được mất trong nhân gian, châm biếm thói tục, pháp bình trị xã hội, yêu dân, tiết dục v.v..

113 Ý nói: Chẳng vì một người có những điểm đáng chê trách mà vứt hết những câu nói hợp lý của người ấy. Nếu coi Cảm Ứng Thiên là của Cát Hồng thì tuy Cát Hồng đề xướng những toa thuốc tiên nhảm nhí (có rất nhiều chất độc như thủy ngân, chì), những cách tu luyện kỳ quái, bùa chú quàng xiên v.v. thì cũng không vì vậy mà sổ toẹt những lời luận định chí lý về đạo lập thân, xử thế trong bộ Bão Phác Tử nói chung và Cảm Ứng Thiên nói riêng.

114 Trùng văn, điểu thư (còn gọi là điểu trùng thư, điểu trùng triện) là tên gọi chung cho những loại chữ tượng hình sơ khai của văn tự Trung Quốc trước thời Tần Thủy Hoàng. Đây là một trong những lối chữ của kim văn (tức những văn tự được khắc trên đồ kim loại, như đỉnh, lư đồng, kiếm, ấn v.v.). Do nét chữ nguệch ngoạc, ngoằn ngoèo như giun bò nên gọi là trùng văn; do có những nét vẽ giống như hình con chim vẽ cách điệu hoặc vết chân chim nên gọi là điểu thư.

Hỏi: Thế nào là Ngũ Bộ Lục San?

Đáp: Đấy là sách do ngoại đạo bịa đặt viết ra, chia thành năm bộ loại, nhưng có sáu cuốn, nên gọi là Ngũ Bộ Lục San[115]. Loại sách ấy cần gì phải hỏi đến? Hỏi đến thì sẽ giống như chẳng coi Tứ Thư Ngũ Kinh là đúng, cứ muốn nghiên cứu những khúc hát quê mùa do lũ trẻ nít xướng lên ngoài ngõ. Uổng phí tâm thần, trọn chẳng có ích gì!

Hỏi: Bình (Thôi Thụ Bình tự xưng) làm luật sư, thụ lý hồ sơ vụ án. Do chức vụ, con phải soạn án từ, cố nhiên vẫn tùy thời chú ý để khỏi gieo nhân ác. Nhưng để giải oan cho người khác, con thường gặp những trường hợp có đủ chứng cớ phạm tội, khi giao cho Đề hình[116] khởi tố, tuy bản án phát xuất từ ý chỉ của những người được ủy thác làm nhiệm vụ xét xử, nhưng do con soạn án từ mà kẻ ấy bị lãnh tội, trong tâm trọn chẳng yên. Những kẻ nắm giữ luật pháp hiện thời chỉ nói riêng tại Thượng Hải đã có hơn 800 người, cố nhiên chẳng thiếu những kẻ còn giữ được một ít lương tâm, nhưng có rất nhiều kẻ tuy chẳng cẩn thận vẫn chẳng

---

115 Ngũ Bộ Lục San là từ ngữ chỉ kinh thư của La giáo (một thứ tà giáo do La Thanh sáng lập vào thời Gia Tĩnh - Vạn Lịch nhà Minh). Gọi là Ngũ Bộ Lục San vì tà giáo này có năm bộ kinh thư trọng yếu, tức: Khổ Công Ngộ Đạo Quyển, Thán Thế Vô Vi Quyển, Phá Tà Hiển Chánh Thược Thi Quyển (chia thành hai quyển thượng và hạ), Chánh Tín Trừ Nghi Tự Tại Quyển, Nguy Nguy Bất Động Thái Sơn Thâm Căn Kết Quả Bảo Quyển.

116 Đề hình có hai cách hiểu:

1. Gọi tắt của Đề điểm hình ngục ty, là một chức quan được lập ra vào thời Tống, tương đương với Bộ trưởng Bộ Tư pháp hiện thời.

2. Gọi tắt của Đề hình án sát sứ, viên quan chuyên coi về tố tụng trong một tỉnh.

Đến đầu thời Dân Quốc, chữ Đề hình thường được dùng để chỉ cho Công tố viện nói riêng và Bộ Tư pháp nói chung.

hề bận tâm, thậm chí hèn tệ chẳng thể kham được! Những người trực tiếp hay gián tiếp mắc phải họa hại bởi lũ ấy không thể nào gập ngón tay để đếm xuể. Dám xin thầy khai thị, đấy cũng là một đầu mối để cứu vãn lòng người vậy.

Đáp: Đối với những chuyện ấy phải thường xuyên giữ lòng nghĩ tưởng trời đất, quỷ thần, Phật Bồ-tát đều thấy rõ, biết tỏ cái tâm của ta thì sẽ tự chẳng đến nỗi tạo ác nghiệp. Nếu không, vốn nhằm giải quyết khó khăn, tháo gỡ rắc rối mà lập ra biện pháp ấy, nhưng thật ra là căn cứ để gạt gẫm dân lành, ban thưởng khích lệ kẻ gian trá. Đáng sợ đến cùng cực! Nếu có cách sanh sống khác, cố nhiên tốt nhất là nên thoát khỏi phạm vi ấy.

6. Đáp lời hỏi của Huyễn Tu Học Nhân

Hỏi: Chuyên tu trì danh, nguyện được niệm Phật tam-muội, cầu sanh Tịnh độ thì dụng công ra sao?

Đáp: Dùng tín nguyện sâu để niệm Phật. Niệm Phật tam-muội cũng chẳng dễ gì đạt được, nhưng phải thường nên phát cái tâm ấy. Đấy gọi là "noi theo pháp bậc thượng, chỉ đạt được bậc trung".

Hỏi: Có kẻ nói niệm ra tiếng, trì danh theo lối truy đảnh[117], có người bảo niệm Kim Cang trì, có người nói niệm thầm, có người bảo nhớ số, có người nói "tùy tức"

117 Truy đảnh là một cách niệm Phật nhằm đối trị tâm tán loạn, câu nọ gối lên câu kia không xen hở chút nào. Cách này chỉ có thể áp dụng để đối trị loạn tâm chứ không nên áp dụng thường xuyên vì sẽ bị tổn khí, sanh bệnh.

v.v.. Muốn đắc nhất tâm bất loạn thì có nên chuyên trì một pháp hay không?

Đáp: Truy đảnh dễ bị bệnh. Niệm lớn tiếng, nhỏ tiếng, niệm Kim Cang hay thầm niệm, đều tùy theo tinh thần của chính mình mà điều chỉnh để dùng. Há nên chấp chết cứng một pháp đến nỗi bị bệnh ư? Tùy tức chẳng bằng tịnh thính (lặng lẽ lắng nghe), bởi lẽ tùy tức không khéo thì cũng bị bệnh, còn tịnh thính thì chẳng bị bệnh.

Hỏi: Có lúc Kim Cang trì, có lúc niệm thầm, có lúc nhớ số, có lúc niệm theo lối tùy tức v.v., chẳng biết niệm như vậy có gây trở ngại cho nhất tâm hay không?

Đáp: Nhất tâm là do niệm, chứ không phải do âm thanh niệm Phật, sao lại bảo là trở ngại? Nhớ số cũng chỉ là nhớ khi động, chứ khi ngồi tịnh tọa chỉ nên niệm thầm, đừng nên lần chuỗi. Nếu lần chuỗi ắt bị tổn thương.

Hỏi: Hiện thời trong khi tịnh tọa, học nhân niệm ra tiếng bốn chữ hồng danh, nhiếp tâm niệm thiết tha, áp dụng phương pháp "tâm - miệng niệm Phật phân minh rõ ràng để chấp trì, dùng tai lắng nghe", hơi cảm thấy khinh an (nhẹ nhàng, dễ chịu). Con muốn tu sao cho đạt đến nhất tâm bất loạn thì có thể chuyên hành pháp ấy hòng đạt được hay không?

Đáp: Pháp ấy rất hay! Lúc tịnh tọa nên niệm thầm, niệm ra tiếng cũng được. Nhất tâm bất loạn là do tâm chuyên chú và khẩn thiết vậy!

Hỏi: Trong bộ Văn Sao cao quý của thầy, pháp tùy tức được cực lực đề xướng, nhưng chưa nói rõ cách niệm như thế nào? Luận Niệm Phật Tam-muội Bảo Vương ghi: "Có thể nương cậy lớn lao vào pháp này", nhưng cũng chỉ nói: "Xưng danh hiệu Phật theo hơi thở", con vẫn chưa hiểu rõ cách niệm như thế nào? Chỉ có sách Sức Chung Tân Lương ghi: "Tùy tức niệm Phật dùng khi thở ra chứ không dùng khi hít vào. Cứ mỗi một hơi thở ra là một câu, hoặc hai chữ đều được", học nhân nghi rằng: Khi hít vào chẳng niệm, há chẳng phải là gián đoạn ư? Con thường thử luyện mỗi hơi thở ra là một câu, cảm thấy rất phí sức, mà niệm cũng chẳng rõ ràng cho lắm! Chỉ có khi hít vào niệm A Di, thở ra niệm Đà Phật thì đã không gián đoạn, mà còn được rõ ràng, lại chẳng tốn sức. Chẳng biết cách niệm như vậy có được hay chăng? Hay là lúc hít vào thì chẳng được niệm?

Đáp: Khi hít vào chẳng niệm, trong khi ấy sao lại nói là gián đoạn? Thở ra niệm một câu, hít vô bèn chẳng niệm; chứ khi hít vô lẫn thở ra đều niệm ắt sẽ bị tổn khí. Nếu chỉ niệm hai chữ thì trong một hơi hít vô thở ra niệm một câu Phật hiệu sẽ chẳng trở ngại chi.

Hỏi: "Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối", hành trì như thế nào?

Đáp: Tông chỉ của niệm Phật là sanh lòng tin chân thật (tức tín), phát nguyện thiết tha (tức nguyện), chuyên trì Phật hiệu (tức hạnh). Ba pháp tín - nguyện - hạnh là

tông chỉ của niệm Phật. Phương pháp dụng công niệm Phật hay nhất là "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối". "Nhiếp trọn sáu căn" là cái tâm niệm Phật chuyên chú nơi danh hiệu Phật, tức là nhiếp ý căn. Miệng phải niệm sao cho rõ ràng rành rẽ, tức là nhiếp thiệt căn. Tai nghe cho rõ ràng rành rẽ tức là nhiếp nhĩ căn. Ba căn ấy được nhiếp trong Phật hiệu thì mắt quyết chẳng thể nhìn ngó loạn xạ. Khi niệm Phật nên buông rèm mắt xuống, tức là hạ thấp mí mắt xuống, chớ nên mở banh mắt. Mắt đã nhiếp rồi thì mũi cũng chẳng thể ngửi loạn được, tức là mũi cũng được nhiếp. Thân phải cung kính tức là thân cũng bị nhiếp. Sáu căn đã nhiếp, chẳng tán loạn thì tâm không vọng niệm, chỉ nghĩ đến Phật, đấy mới là tịnh niệm.

Hễ sáu căn không nhiếp thì tuy niệm Phật trong tâm vẫn có vọng tưởng tơi bời, khó đạt được lợi ích thật sự. Nếu có thể nhiếp trọn sáu căn để niệm thì gọi là "tịnh niệm tiếp nối". Tịnh niệm đã có thể thường tiếp nối thì nhất tâm bất loạn và niệm Phật tam-muội sẽ đều có thể dần dần đạt được. Xin chú ý chỉ mong đạt được "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối" thì nghiệp sẽ tiêu, trí sẽ rạng, tâm địa sẽ khai thông, lo gì chẳng hiểu rõ nghĩa kinh nữa. Xin hãy gắng sức!

7. Đáp lời hỏi của cư sĩ Chu Văn San

Con có những điều thưa hỏi kể ra như sau, kính xin thầy chỉ bày. Công đức vô lượng!

1. Lão pháp sư niệm Phật phát chí nguyện lớn lao như thế nào?

Đáp: Nguyện sanh Tây Phương, thấy Phật, nghe pháp, chứng Vô sanh nhẫn, trở vào Sa-bà phổ độ chúng sanh.

2. Thân người cầu liễu thoát đến nơi đâu?

Đáp: Đến thế giới Cực Lạc.

3. Phật nói "chúng sanh đều có trí tuệ của Như Lai" là đã gộp cả tín - nguyện - hạnh vào trong ấy hay chăng?

Đáp: Trí tuệ của Như Lai không pháp nào chẳng bao gồm, nói trên phương diện chúng sanh thì chỉ là lý tánh mà thôi, chớ nên hiểu lầm!

4. Chúng sanh cõi Sa-bà sanh vọng tưởng thì là ngã kiến hay không phải ngã kiến?

Đáp: Vọng tưởng bao gồm hết thảy phàm tình, ngã kiến là phàm tình nặng nề nhất.

8. Đáp lời hỏi của cư sĩ Du Đại Tích

Kính đem những nghĩa con thường nghi chia thành mười bốn điều như sau, cúi xin thầy chỉ dạy uốn nắn.

1. Người tu hành dứt ác làm lành là chuyện thuộc về bổn phận, đáng nên gắng công, nhưng có điều ngoài công khóa và mười hai thời ra, ba tâm quá khứ, hiện tại, vị lai qua lại loang loáng, nói chung là chưa thể trừ. Tâm nghiệp

chưa trừ cho sạch được thì có gây trở ngại cho sự vãng sanh hay chăng?

Đáp: Công khóa hãy nên chuyên, đừng nên xen tạp. Hễ chuyên sẽ dễ nhiếp tâm, còn tạp sẽ khó thể quy nhất được! Vãng sanh là do tín nguyện chân thiết, nếu không có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, dẫu cho tâm thanh tịnh cũng khó được vãng sanh. Chớ nên không biết!

2. Cổ đức nói: "Ái chẳng nặng chẳng sanh Sa-bà." Phải nên trừ ái là lẽ đương nhiên, nhưng trong vòng con cháu, giữa lẽ lợi hại, nói chung chẳng thể mặc kệ, quên bẵng tình cảm thì làm như thế nào để chế ngự được?

Đáp: Yêu thương con cháu thì phải yêu thương theo đúng lẽ đạo, dạy cho chúng nó đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, tín nguyện niệm Phật thì lòng yêu thương ấy liền trở thành trợ hạnh cho tịnh nghiệp. Đấy chính là căn cứ lớn lao để ngừa hại đạt lợi vậy!

3. Lão nhân Tử Bách nói "làm chủ được giấc mộng thì khi lâm chung sẽ tự chủ được", như vậy là cảnh trong mộng hết sức quan yếu! Khi lên giường sắp ngủ, con cũng từng niệm thầm, nhưng đến khi mộng vẫn là tơi bời tán loạn, chẳng dính dáng gì đến niệm Phật hết. Thậm chí có lúc nằm mộng thấy ăn mặn, có khi biết ngay, hoặc chẳng biết liền, thật đáng hận, đáng thẹn! Con nên dùng cách nào để vãn hồi?

Đáp: Muốn mộng cảnh tương ứng hãy nên cật lực cầu tương ứng trong khi ban ngày. Nếu lúc tỉnh thường tương ứng thì trong mộng sẽ tự được tương ứng.

4. Người tu hành có cảnh giới tốt đẹp thì hoặc mộng đến Tây Phương, hoặc gặp mặt Di-đà, hoặc ngửi thấy mùi hương lạ, hoặc thấy hoa sen. Cư sĩ Vương Quý Quả ở tỉnh Tương (Hồ Nam) thường được thấy như thế. Con niệm Phật suốt mười năm không có tướng lành nào phát hiện, lỡ lâm chung vẫn như thế thì có phải sẽ khó đến được Cực Lạc hay chăng? Rốt cuộc có nên cứ để xuôi theo tự nhiên, đừng sanh lòng mong mỏi gì hết ư?

Đáp: Chỉ cầu tâm hợp với Phật, chẳng cần phải dốc sức để thấy được cảnh giới. Tâm đã tương ứng với Phật mà có tín nguyện chân thật sẽ chắc chắn vãng sanh. Nếu tâm mong cầu cảnh giới mà chưa tương ứng thì hễ có cảnh hiện ra, có thể sẽ bị ma dựa.

5. Tuổi tác già suy, chẳng thể thức dậy ngay trong đêm. Con có nên suốt cả một ngày tận hết tâm lực để dụng công tụng niệm, tu tập, đến chỗ nào cần phải thể hiện lòng thành kính nhưng tâm không thấy được thì lạy nhiều để biểu lộ. Trong mười đại nguyện vương, điều đầu tiên là lễ kính, lợi ích như thế nào?

Đáp: Tuổi già thân thể vẫn mạnh thì cố nhiên lễ nhiều là tốt. Chứ nếu không thì trong hết thảy thời, hết thảy chỗ thường giữ lòng kiêng nể thì cũng là ý nghiệp lễ kính.

6. Khi niệm Phật, ngồi xếp bằng trước tượng Phật, miệng niệm, tai nghe, tay lần chuỗi, tâm tưởng Vô Lượng Quang Phật để mong tam mật tương ứng, nhưng vẫn không thể tránh khỏi hôn trầm, tán loạn, vậy thì nên thong dong để đợi khi thuần thục hay là có pháp nào để giúp đạt được "nhiếp trọn sáu căn" hay chăng?

Đáp: Ngồi xếp bằng niệm thì chớ nên lần chuỗi, hễ lần chuỗi thì tâm sẽ khó lắng bặt suy tư, có thể bị bệnh. Hãy nên dựa theo đồng hồ để tính số câu niệm, một khắc niệm được bao nhiêu câu Phật hiệu sẽ giống hệt như lần chuỗi. "Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối" chính là pháp chế ngự cái tâm hay nhất.

7. Ưa điều lành dường như phát xuất từ tánh mà thành, chỉ vì lực bất tòng tâm nên chẳng thể thí tài, cũng không thể thí pháp được, chỉ đành hễ gặp ai thì đều khuyên bảo niệm Phật, ăn chay. Cũng như 5 năm trước đây, buổi sáng con tụng công khóa, buổi chiều ra khỏi cửa thu nhặt giấy có viết chữ bị người ta quăng bỏ; gần đây tinh lực suy nhược hơn, công khóa cũng tăng, chẳng thể chuyên chú, thành kính đi ra ngoài thu nhặt giấy có viết chữ được nữa. Chỉ trong lúc đi đường thì vẫn chú ý thu nhặt, xét ra có trở ngại gì cho việc niệm Phật hay không?

Đáp: Người niệm Phật nên tu hết thảy thiện hạnh, nhưng cần phải chia ra thành chủ - bạn, chánh - trợ. Nếu đảo lộn vị trí của chủ và bạn sẽ được lợi rất nhỏ. Nếu có thể

dùng bạn để giúp cho chủ thì sẽ như một người khoanh tay, trăm quan lo liệu việc cai trị, nào còn có trở ngại gì để nói nữa đây?

8. Tam phước, tam tâm trong Quán kinh phải giữ gìn cẩn thận, hễ hơi dễ duôi liền mất ngay, chưa khỏi có chỗ không thực hiện được. Con thường tự oán tự thẹn, do vậy thường niệm văn sám hối, rốt cuộc có tiêu trừ được tội khiên hay không?

Đáp: Tiêu trừ tội khiên chẳng thể nói lơ mơ được. Chẳng viên thành Phật đạo sẽ chẳng thể nào hết sạch tội khiên! Chúng ta tiêu trừ được bao nhiêu chỉ là do lòng thành cạn hay sâu mà định.

9. Người già dẫu khỏe mạnh cũng chẳng đáng tin cậy, phải chuẩn bị sẵn biện pháp cho cái chết. Con tính không nhận lễ phúng điếu, lúc liệm hoàn toàn dùng vải, chỉ mặc một cái áo hải thanh, y năm điều, ngọa cụ xếp bên cạnh. Nếu dựa theo cấm chế của Phật thì những thứ ấy chẳng dùng để liệm theo, nhưng nay người ta thường liệm theo người chết. Có nên chẳng câu nệ đội mão tăng, đi hài tăng, hết thảy cỗ bàn cúng bái đều dùng món chay, cúng thất, thỉnh tăng niệm kinh?

Đáp: Nên lấy những lời khuyên răn nhắc nhở trong Văn Sao của Quang để dặn sẵn con cháu, bảo họ ắt phải chiếu theo đó để hành, ngõ hầu ông chẳng đến nỗi bị con cháu phá hoại chánh niệm.

10. Niệm Phật tự biết chẳng đắc lực, muốn tăng thêm công khóa nhưng chỉ vì không có sức, lại không có thời gian, nếu cứ để như vậy mãi, sợ ít có cơ hội nắm chắc vãng sanh, nhưng chí lại quyết muốn vãng sanh, rốt cuộc con nên dùng cách nào để có thể muôn phần trông cậy?

Đáp: Được vãng sanh hay không, hoàn toàn do có tín nguyện hay không? Sao lại nói bừa, tán gẫu, chẳng lấy lời cổ nhân đã nói để làm kim chỉ nam vậy?

11. Ở nơi đây hai thứ Long Hoa giáo[118] và Tiên Thiên giáo[119] rất thịnh hành. Khuyên can, ngăn trở thì chúng nó cứng chắc không thể phá, khoe hai giáo ấy cũng sanh về Tây phương được. Rốt cuộc tu tập hai giáo ấy có thể làm trợ nhân cho sự nghiệp vãng sanh hay chăng? Nếu có thể làm như vậy được thì con sẽ học theo để "tắt lại càng thêm tắt".

---

118 Long Hoa giáo vốn là một chi phái của La giáo do La Nhân (tức La Thanh, còn gọi là La Tổ) sáng lập, lấy Ngũ Bộ Lục San làm kinh điển chính, thờ đủ các vị thần thánh lẫn nhân vật trong cổ sử hoặc truyện thần thoại như Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế, Hứa Do, Đường Nghiêu, vua Thuấn, Quảng Thành Tử, cũng như các vị Phật như Nhiên Đăng, Thích-ca, Quán Âm, các vị tôn giả hoặc tổ sư như Ca-diếp, Huệ Năng v.v.. Cách tu tập của họ bao gồm bùa chú, luyện khí, bói toán, đồng cốt, phong thủy v.v.. Họ tự xưng là tại gia hóa Phật giáo, thậm chí một số nhà "nghiên cứu Phật giáo" của Hoa Lục còn cố tình lập lờ coi Long Hoa giáo như là một chi phái chấn hưng của tông Lâm Tế.

119 Tiên Thiên giáo (còn gọi là Tiên Thiên đạo, Thanh Liên giáo, Kim Đan đạo v.v.) do Hoàng Đức Huy sáng lập, lấy Vô Cực Lão Mẫu làm đối tượng sùng bái chánh yếu, coi Đạt-ma là sơ tổ, lục tổ là Huệ Năng, thất tổ là hai vị Nam Nhạc Hoài Nhượng và Mã Tổ Đạo Nhất, bát tổ là La Úy Quần, Hoàng Đức Huy là cửu tổ (hai gã này là tà sư ngoại đạo mạo danh đắc chân truyền nhà Phật). Giáo thuyết của họ cũng pha trộn lung tung những tín ngưỡng dân gian, giải thích cong vạy những danh từ thiền học Phật giáo, diễn giải xuyên tạc kinh điển nhà Phật để dễ tuyên truyền đồng thời biện minh cho cách tu của bọn chúng. Từ giáo phái này lại nảy sanh ra nhiều chi phái mà nổi tiếng nhất là Nhất Quán Đạo đã được truyền sang tận Hoa Kỳ.

Đáp: Ông đã quy y Phật pháp, tu trì tịnh nghiệp, mà còn nghe theo lời ma mị của ngoại đạo, muốn học theo, sao chẳng biết tốt xấu đến mức như thế?

12. Khi niệm Phật tâm thường hay tán loạn, có kẻ nói là bị ảnh hưởng bởi tuổi tác. Nếu như tuổi già tâm tán loạn, chẳng thể thâu tóm được, thì người già quyết chẳng thể vãng sanh ư? Rốt cuộc có phải là vì tuổi tác hay là do công phu chưa đến mức đúng đắn?

Đáp: Ông không nhất tâm là do trong tâm không có chánh kiến, do không có chánh kiến nên không có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha. Hễ có tín nguyện chân thật, thiết tha, dẫu chưa thể nhất tâm vẫn được vãng sanh. Nếu không có tín nguyện chân thật, thiết tha, dù có thể nhất tâm, cũng khó thể vãng sanh, bởi vãng sanh là do nương vào Phật lực vậy.

13. Trong số các đạo hữu ở đây, có một người rất chịu dụng công, thọ giới, ăn chay trường, chỉ có điều nhà ông ta giàu nứt đố đổ vách nhưng đối với chuyện công đức chẳng chịu bỏ tiền ra, như vậy thì có trở ngại cho sự niệm Phật sanh về Tây phương hay không?

Đáp: Gã thần giữ của ấy tâm địa ô trược, hèn tệ, vẫn muốn cho con cháu phú quý lâu dài. Sợ rằng do cái tâm tham tài sẽ chuyển thành quả báo sanh trong loài ngạ quỷ, cho nên trong kiếp vị lai hắn mới được thọ dụng thiện căn niệm Phật.

14. Một người suốt ngày niệm Phật và cùng với mọi

người niệm Phật nửa ngày thì so ra lợi ích nào lớn hơn? *(Hội niệm Phật ở nơi đây cứ vào ngày thứ Tư liền nhóm chúng niệm Phật nửa ngày.)*

Đáp: Cùng nhau niệm Phật là chuyện đề xướng, tùy phận tùy lực tu trì cố nhiên chẳng ăn nhập gì tới niệm chung với đại chúng hay hành riêng một mình; nhưng muốn tu hành thật sự hãy nên bớt phô trương ngõ hầu có lợi ích thật sự.

Mười bốn điều trên đây phần nhiều là đại bệnh sát sao của Đại Tích, nên con chẳng ngại mạo muội thưa hỏi từ nơi xa xăm, thiết tha cầu xin thầy chia thành từng điều để chỉ dạy. Thầy liền phê ngay vào lá thư gốc, chẳng khác nào lò rèn nung luyện vậy. Đệ tử Du Đại Tích dập đầu lần nữa!

[Sư phê]: Xin hãy đọc kỹ Văn Sao thì mọi mối nghi sẽ tự cởi gỡ. Ở đất Hỗ do lắm việc bận bịu nên tôi chẳng thể viết cặn kẽ được!

9. Đáp lời hỏi của cư sĩ Vương Tụng Bình *(lược câu hỏi đi)*

1. Tịnh độ là "duy tâm sở tạo" (chỉ do tâm tạo) thì hãy nên nói là "duy tâm", chẳng nên vừa gọi là Tịnh độ, lại vừa gọi là "sở tạo". Nếu đã là cõi Tịnh độ chỉ được tạo bởi tâm, sao lại chỉ nói là duy tâm, chứ trọn chẳng có Tịnh độ nào khác là cảnh ở bên ngoài ư? "Duy tâm Tịnh độ" là dùng tâm thanh tịnh niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Đến khi lâm

chung, sẽ do tịnh tâm của chính mình mà cảm đức Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Chẳng hạn như phương này chính là duy tâm Tịnh độ. Nếu không có Tịnh độ thì chỉ có thể nói là "duy tâm", há lẽ nào từ trong không lại sanh ra có, có thêm một cái Tịnh độ nữa ư? Lại có thêm một cái được tạo nữa ư? Vốn không có Tịnh độ thì tạo cái gì? Kẻ tà kiến ngăn trở người khác tu hành, tự cao giọng đề xướng, chẳng biết những lời lẽ của chính mình đã hoàn toàn mâu thuẫn lẫn nhau. Muốn phá người khác tu trì nhưng thật ra là tự phá, tự phô bày tri kiến tà vạy, lầm lạc mà thôi!

2. Độc ác và từ thiện chẳng chống trái nhau, nếu ai tâm không độc ác thì rắn, cọp cũng có thể làm bạn được. Dẫu chưa đạt đến địa vị ấy, nhưng nếu là người lành thường niệm Phật, niệm kinh, chắc chắn chẳng bị những giống ấy làm hại. Do sẵn lòng từ thiện sẽ có thể cảm hóa được những loài độc ác ấy, huống chi người tu hành thường được thiện thần hộ vệ ư?

3. Chưa đạt đến địa vị "chân cùng, hoặc tận" thì tự nhiên thân tâm thế giới sẽ là có thật. Đã đạt đến địa vị "chân cùng, hoặc tận" thì trong cái nhìn của người đó [thân tâm thế giới] đều là không, còn trong cái nhìn của người chưa đắc được đạo ấy thì chúng đều là có. Chớ nên lẫn lộn thánh phàm, lý sự để rồi ăn nói hàm hồ, xằng bậy! Bản thể của tâm chúng sanh chính là chân như thật tướng, hiềm rằng do chúng sanh chưa ngộ được nên tuy suốt ngày nương vào sức chân như ấy mà suốt kiếp vẫn chẳng biết chân như

nằm đâu. Tuy nói "vô minh vốn không có cội rễ, đầu mối", nhưng do chúng sanh chưa ngộ, lại muốn dạy cho họ biết về cái chẳng phải tự họ vốn sẵn có[120], cho nên nói là "chân như chẳng giữ lấy tự tánh, nhưng khởi vô minh", chứ thật ra chẳng phải là ban đầu không có vô minh, về sau lại có! Nói như vậy là vì muốn cho người khác dễ hiểu bản thể.

Ví như vàng nằm lẫn trong quặng, chứ không phải thoạt đầu thuần là vàng sau đó mới sanh ra quặng. Cần biết rằng, vàng nằm trong quặng, nhưng vàng vẫn chẳng phải là quặng, luyện quặng sẽ được vàng, quặng chẳng trộn lẫn vào vàng. Chúng ta hãy nên dốc sức ở chỗ phá vô minh, chớ nên bận tâm nơi những danh từ như "thế giới có hay không, chân như, vô minh, sanh diệt" để rồi sanh nghị luận lầm lạc.

Quán Tự Tại Bồ-tát thực hành sâu xa bát-nhã ba-la-mật-đa nên thấy thấu suốt ngũ uẩn đều không, thân tâm thế giới chính là ngũ uẩn. Chúng ta chưa đạt đến địa vị bát-nhã sâu xa, hãy nên coi thân tâm thế giới là thật có. Thế giới hư huyễn, nhưng phàm phu thường nghi điều ấy là sai, chứ nếu phàm tình đã hết sạch thì sơn hà đại địa đều chẳng trở ngại lẫn nhau. Vì thế cổ đức nói: "Nếu có thể ngay lập tức mất sạch tình kiến thì sẽ đi thẳng qua vách núi không bị ngăn ngại gì."

---

120 Xét về lý, vô minh vốn không thật có nên gọi vô minh là "cái chẳng phải tự họ vốn có".

10. Đáp lời hỏi của cư sĩ Duyên Tịnh

Hỏi: Hành nhân niệm Phật, đầu tiên phải lấy nghiêm trì ngũ giới làm nhiệm vụ cấp bách, ngõ hầu niệm Phật dễ được tịnh tâm, lâm chung vãng sanh cũng ổn. Nhưng hai chúng tại gia sống nơi Phật pháp suy đồi, khó thể tìm được một vị cao tăng hòng thọ giới đúng pháp. May là trong kinh Phạm Võng từng mở ra một phương tiện lạ, cho phép đối trước tượng Phật chí thành sám hối bảy ngày, nếu thấy hảo tướng liền có thể tự thệ thọ giới. Kinh Địa Trì[121] cũng nói như thế, nhưng không có đoạn kinh văn nào nói về chuyện phải thấy hảo tướng rồi mới được phép tự thệ thọ giới, so với kinh Phạm Võng lại càng dễ hơn nữa. Khi ấy đệ tử nghi ngờ, chẳng biết rốt cục nên tuân theo kinh nào mới đúng?

Về sau, đọc Linh Phong Tông Luận, trong ấy đã giảng rõ lý lẽ: Pháp tự thệ thọ giới trong kinh Phạm Võng được lập ra cho kẻ chưa phát tâm, còn Địa Trì là lập ra cho kẻ đã phát tâm. Nay bọn đệ tử tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, có thể coi là kẻ đã phát tâm thì có thể nương theo kinh Địa Trì để thọ giới được hay chăng? Ngay trong lá thư

---

121 Kinh Địa Trì có tên đầy đủ là kinh Bồ-tát Địa Trì (Bodhisattva-bhūmi), còn gọi là kinh Bồ-tát Giới, luận Bồ-tát Địa Trì, hoặc luận Địa Trì, do ngài Đàm Vô Sấm dịch vào thời Bắc Lương. Tuy mang tên là kinh, nhưng thật ra là luận. Theo truyền thuyết, bản kinh này do ngài Vô Trước chép lại lời giảng của Di-lặc Bồ-tát. Bản kinh này chính là bản dịch khác của phẩm Bồ-tát Địa trong luận Du-già Sư Địa. Kinh này giảng về phương tiện tu hành của Bồ-tát, bao gồm sơ phương tiện xứ, pháp phương tiện xứ, tất cánh phương tiện xứ. Do trong ấy lại có phần giảng nói về Bồ-tát giới nên từ xưa đến nay rất được Phật môn Trung Hoa coi trọng.

gởi cho bà X… trong bộ Văn Sao của thầy đã có giảng về cách tự thệ thọ giới, cũng không thấy có đoạn văn nào bảo phải thấy được tướng hảo sau khi sám hối thì mới được phép thọ giới. Đấy có phải cũng là vì bà ta đã phát tâm nên được phép nương theo kinh Địa Trì để thọ giới, chẳng cần phải câu nệ nơi thấy tướng hảo đấy chăng? Nhưng bà X… tiết tháo băng khiết, còn lũ đệ tử chúng con nghiệp sâu chướng nặng, có nên tham chiếu theo đó để làm hay chăng? Đây cũng là một nghĩa chúng con đang nghi ngờ cho nên chẳng nề hà mạo muội, lại vì những hành nhân niệm Phật tại gia thông thường thỉnh cầu thầy chỉ dạy phán quyết hòng tiện tuân hành.

Đáp: Phật pháp rộng lớn như biển cả, hãy tùy theo căn tánh của mỗi người mà thọ trì. Nếu muốn thọ giới mà có chỗ để xin thọ được thì cố nhiên nên thọ với sư tăng. Nếu không có ai, hãy hướng về đức Phật sám hối, tự thệ thọ giới. Còn như nói "thấy hảo tướng" thì há có phải là chuyện nói dễ dàng ư? Sợ là người đời nay chẳng có thiện căn ấy đâu! Hoặc do chẳng hiểu rõ tâm địa, cứ dùng cái tâm bộp chộp vọng động để mong cầu đến nỗi kẻ bị ma dựa thì nhiều, người được lợi ích ít ỏi. Hiện nay, những kẻ có hành trì đôi chút hễ động đến là khoe thấy đủ thứ cảnh giới. Những thứ cảnh giới ấy đều do vọng tâm cảm nên. Nếu là thánh cảnh giới biến hiện thì người khác tuy chẳng thể biết được nhưng người ấy phải có những dấu hiệu cho thấy tâm hạnh chuyển biến lớn lao. Nếu vẫn cứ y như cũ thì chẳng phải là thánh cảnh mà chính là ma cảnh

đấy! Chớ nên không biết điều này.

Phàm hết thảy mọi người hãy đều nên "đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành", đấy chính là giới kinh đại lược của ba đời chư Phật, ai nấy đều phải nên vâng giữ, chớ nên phạm. Hễ trì sẽ có công đức, còn phạm sẽ mắc tội lỗi. Trì cho đến mức cùng cực sẽ có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, thậm chí thành Phật. Những ai phát tâm thọ giới mà không có thầy truyền trao thì hãy nên chí thành khẩn thiết đối trước đức Phật sám hối bảy ngày, tự thệ thọ giới trước đức Phật là được. Cố nhiên không cần nói đến hảo tướng, cũng không cần phải nói đã phát tâm hay chưa. Thời cơ hiện tại không giống như thời cơ khi đức Phật tại thế, nhưng đã vì vãng sanh Tây Phương mà thọ giới thì hãy nên chân thật thọ trì. Nếu chỉ cầu danh suông thì sẽ trở thành đùa bỡn, tội lỗi quả thật chẳng nông cạn, ít ỏi đâu nhé!

Hỏi: Nếu hành nhân không thọ giới sẽ vĩnh viễn bỏ mất Phật hải, đánh mất lợi ích lớn lao. Nếu phát tâm không chân thật, cứ cẩu thả thọ giới, hễ phạm lại mắc thêm một tầng tội là phạm giới nữa. Như vậy, thọ giới thì sợ sẽ vi phạm, còn không thọ lại bị mất lợi ích lớn lao, dường như tiến thoái đôi bề đều khó. Đối với điều này, đệ tử có ngu kiến cho rằng: Nếu thật sự phát tâm chân thật, ắt sẽ mang ý niệm sợ tội sâu đậm, quyết sẽ ít vi phạm nên chẳng ngại lập tức thọ giới. Nếu không, do tập khí quá nặng, hoặc do tâm cảm động nhất thời, tham cái danh "thọ giới", liền mù

mờ thọ giới, trong tương lai ắt sẽ dễ dàng vi phạm. Đâm ra chẳng bằng nương theo giới luật vâng giữ hai ba năm, nếu không vi phạm thì mới xin thọ giới cũng không muộn. Làm như vậy sẽ được lợi ích nơi giới lại chẳng đến nỗi tăng thêm tội phạm giới, dường như có ích vô hại.

Cách này đệ tử đã từng thử để khuyên người khác ăn chay khá có hiệu nghiệm. Nhân mấy năm gần đây con từng gặp người phát tâm tu hành liền khuyên họ trước hết hãy giữ sáu ngày chay và kiêng giết, giảm bớt ăn thịt, kiêm quán tưởng chúng sanh và chúng ta có cùng một thể, huyết nhục bất tịnh v.v.. Trong vòng chưa đầy mấy năm, những người nhờ đấy mà ăn chay trường không dưới mười mấy người. Nay đối với giới pháp, con chưa biết là có nên chiếu theo cách này để thực hiện hay không?

Lại còn có một hạng hành nhân khá hiểu rõ nhân duyên tội phước, tuy chưa thọ giới, nhưng có thể chiếu theo luật nghi để vâng giữ, khắng khít niệm Phật, cầu sanh Tịnh độ. Nếu sau này họ vãng sanh thì phẩm vị của họ sẽ chẳng thua kém gì người đã thọ giới niệm Phật vãng sanh. Nếu quả thật như vậy thì tựa hồ mâu thuẫn với nghĩa "tâm địa vốn không có tự tánh giới, vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuốm bụi trần" của Lục tổ. Nếu không, trong luật lại nói: "Người thọ giới đúng pháp thì mới phát sanh giới thể, lại được thiên thần hộ vệ." Luật còn giảng rõ sự khác biệt lớn lao giữa người đã thọ giới với người chưa thọ giới. Đệ tử chưa hiểu nghĩa này, vì thế đặc biệt viết lại ở đây để

xin thầy chỉ dạy. Huống chi con đã tính vâng giữ giới pháp trước rồi sau đấy mới thọ giới. Nếu như có khác biệt, giả sử kẻ đang trong thời hạn học giới ấy mạng chung giữa chừng thì chẳng phải là mất hết hay sao? Con đang nghi ngờ điều này, càng chẳng thể không mong được thầy sớm giải quyết!

Đáp: Đã muốn thọ giới, cố nhiên nên chân thật. Đã không chân thật thì cần gì phải thọ? Lợi ích là do chân thật trì giới mà được, chứ không phải vì mang danh thọ giới sẽ liền được lợi ích. Mối nghi của ông đáng gọi là vô vị đến cùng cực! Hễ tu hành thì phải luận trên tâm địa, chứ không luận trên hình tích. Chưa thọ giới mà đã trì giới thì là người tu hành chân thật, há lẽ nào người chân thật, hành hạnh chân thật lại đâm ra tầm thường, kém cỏi ư? Nhưng Phật, Bồ-tát cực lực khuyên con người thọ giới là vì hễ thọ giới ắt phải trì, chứ không phải vì những kẻ chỉ khoác cái danh thọ giới hiện thời mà phát khởi vậy. Chỉ khoác cái danh thọ giới tức là người thọ giới lại hủy giới cấm của Phật, tội tăng thêm một tầng nữa. Những câu hỏi của ông đều là chấp chết cứng vào hình tích, dấy lên những nghị luận lầm lạc, ăn nói như thế đều gọi là hý luận.

"Thọ giới sẽ phát giới thể" chính là bậc túc căn sâu dày, chứ không phải là chuyện của những kẻ hời hợt hờ hững chỉ mang cái danh thọ giới hiện thời. Chẳng thọ giới mà có thể trì giới chỉ là thiểu số, chứ không phải đa số. Vì thế chớ nên dùng cách ấy để làm khó dễ người ta. Những

người như thế thuộc hạng tánh chất đặc biệt, còn những kẻ kia là hạng nên dạy dỗ theo đường lối thông thường, há nên so sánh hẹp hòi? Đúng là vốn không có một chuyện gì lại lầm lẫn khuấy lên sóng gió, đáng than quá đỗi! Bàn luận lợi ích trên hình tích, chẳng xét đến thật tình nơi tâm địa là vì người trong cả cõi đời đều thích giả mạo làm người tu đạo vậy.

Hỏi: Đứa con gái nhỏ của con hiện thời 22 tuổi, lập chí không lấy chồng, ăn chay niệm Phật tính ra đã được mấy năm. Mùa xuân năm nay mẹ nó mất, nó buồn thương, càng thêm chuyên dốc thiết tha, mấy ngày không ăn uống. Về sau đệ tử bảo nó niệm Phật cho mẹ để mong mẹ được tăng cao phẩm sen, từ đấy nó đối trước linh vị mẹ niệm Phật, nóng lạnh không gián đoạn. Nhưng khi nó niệm Phật đến lúc thuần nhất, thường thấy mười phương tỏa quang minh, trong ấy hiện ra tượng Phật. Từng nhớ trong mùa hạ năm nay, vào dịp lễ Thích-ca Văn Phật đản sanh, có một bữa nó đóng kín cửa, ngồi trong Phật đường niệm Phật, tự mình cảm thấy thần thức dạo chơi cõi Tịnh độ, chân đạp lên mặt đất mềm mại như đạp lên vải nỉ, hoa trời theo đúng thời khắc trút xuống, thấy Phật và hai vị Đại sĩ lướt qua trên hư không. Quán Âm Bồ-tát nhìn nó mỉm cười, tay cầm cành liễu rưới nước cam lộ lên trán nó, và thấy vô số vị tu hành hoặc ngồi hoặc đứng, dáng vẻ đều xinh đẹp, có quang minh. Sau đấy, do có người đưa cơm đến cho nó ăn, cảnh tượng ấy liền biến mất. Đệ tử nghĩ cảnh nó được thấy tuy phần nhiều hợp với kinh luận, nhưng trước đấy

nó đã từng tu theo cách tịnh tọa của Đồng Thiện Xã hai năm (hiện nay đã ngưng tu theo cách tịnh tọa của Đồng Thiện Xã mấy năm), ngay trong thuở ấy cũng thấy có cảnh giới, quang minh. Nay chẳng biết cảnh tượng nó được thấy trong khi niệm Phật ấy có phải là cảnh tượng của Tịnh độ hay không? Hay chỉ là huyễn ảnh của công phu tịnh tọa trước kia? Vì thế đặc biệt xin thầy hãy phán định chỉ dạy.

Thêm nữa, đứa con gái ấy vào ngày Phật đản, hoặc khánh đản đức Quán Âm và sinh nhật của ông bà nội, cha mẹ cũng như sinh nhật của chính mình, phần nhiều thường giữ thanh trai suốt một ngày một đêm không ăn. Nhân đấy đệ tử đọc các kinh luận, trọn chẳng thấy có đoạn kinh văn nào khen ngợi chuyện không ăn. Ngay cả trong pháp bát quan trai đã lập cũng chỉ chế định không ăn quá Ngọ. Do vậy, đệ tử yêu cầu nó đổi sang trì bát quan trai, không biết là vào hôm trì bát quan trai giới có nhất định phải theo đúng pháp đối trước tượng Phật thọ giới hay chăng? Hơn nữa, đệ tử xem kinh không nhiều, chẳng biết rốt cuộc suốt một ngày đêm không ăn và không ăn quá Ngọ có hơn kém chi chăng? Lại nữa, mẹ của con trường trai niệm Phật cũng đã được mấy năm, trong khi yên tịnh cũng thường thấy hình tượng có quang minh, nếu chẳng chấp vào đấy thì cũng được cảnh giới tốt lành, đúng chăng? Lại cầu xin thầy phán định, chỉ dạy cho trọn vẹn một bề!

Đáp: Lệnh ái túc căn khá sâu, lập chí nguyện ấy thật đáng khâm phục, kính ngưỡng. Cảnh giới được nói đó

có lẽ là thánh cảnh, nhưng chớ nên cho đó là đúng. Chỉ nên giữ nhất tâm, đừng hâm mộ thấy cảnh. Nếu đạt đến nhất tâm thì không thấy cảnh cũng chẳng trở ngại gì. Nếu chưa đạt đến nhất tâm mà cảnh được thấy chẳng thật, hoặc thấy rồi sanh lòng hoan hỷ đều đủ để làm hỏng chuyện. Gần đây, con người đa số hễ vừa dụng công liền thấy có cảnh giới, những cảnh ấy thật ra quá nửa là cảnh ma! Dẫu là cảnh thánh đi nữa mà nếu như không hiểu rõ tâm địa, chẳng hiểu tường tận nghĩa lý, hễ sanh chấp trước liền đến nỗi bị hỏng chuyện, chớ nên không biết!

Nói tới chuyện *thanh trai* thì trong kinh chưa hề nhắc đến, nhưng do đại sĩ Phó đời Lương *(do Di-lặc Bồ-tát thị hiện thân cư sĩ)* thường hành thanh trai nên cũng không phải là chớ nên hành. Nếu miễn cưỡng nhịn đói thì cố nhiên chẳng nên hành, chứ nếu an nhiên không bị tổn hại, tự tại như pháp thì cũng chẳng phải là không được. Hơn nữa, người đời nay chỉ nên chiếu theo đường lối hành đạo thông thường để tu, chớ nên lập riêng tướng trạng khác lạ nhằm ngăn lấp những thói tệ hám danh phô phang chuyện lạ để mê hoặc mọi người v.v..

Hỏi: Đệ tử nghiên cứu Phật học, tự xem Lăng-nghiêm, Viên Giác, Khởi Tín v.v. các kinh luận Đại thừa xong, hơi biết thiên địa vạn vật và hết thảy cõi nước tịnh - uế đều y theo nhất chân mà huyễn hiện. Đối với những nghĩa như "tâm tịnh cảm cõi tịnh, tâm nhơ cảm cõi nhơ v.v." con khá tin tưởng sâu chắc, đích xác, thiết tha. Vì thế, tuy đọc các

ngữ lục nhà Thiền chẳng những con không đến nỗi sanh lòng nghi ngờ Tịnh độ, mà tín nguyện càng thêm kiên cố. Từ đấy dường như chẳng đến nỗi bị những lời lẽ đề cao hay chèn ép Thiền - Tịnh, tánh - tướng mê hoặc. Chỉ đối với những câu "Phật giới chẳng tăng, chẳng giảm; chúng sanh giới cũng chẳng tăng, chẳng giảm" như trong kinh luận đã nói thì có lúc dấy lên nghi tình. Ấy là vì luận theo tánh thể thì chư Phật lẫn chúng sanh xét về thể vốn tương tức[122], thật có thể nói là chẳng có sai biệt, tăng giảm. Còn xét về phía chúng sanh giới, tuy chúng sanh đông đảo nhưng đều thấy là huyễn hình, tựa hồ chẳng thể bảo là vô số được. Đã có số lượng thì chư Phật ứng thế sẽ đều độ bấy nhiêu chúng sanh thành Phật. Phật tánh ví như nước biển, chúng sanh ví như bọt sóng, bọt sóng vỡ lại trở về với biển cả. Nói nước không tăng giảm thì được, nhưng tướng bọt sóng ấy rõ ràng có số lượng, sao lại nói là không tăng giảm? Hoặc nói không tăng giảm là vì một bọt sóng vừa tan thì một bọt sóng khác lại trồi lên ư?

Như thế thì chư Phật phát nguyện độ sanh tựa hồ nhọc nhằn uổng công, mà lý "chúng sanh đã thành Phật sẽ chẳng còn mê nữa" cũng bị mâu thuẫn! Nếu nói bọt sóng tan chẳng còn dấy lên nữa thì chúng sanh trong biển tánh ấy, bọt tuy nhiều, nhưng một đức Phật đã độ được chúng sanh không lường nổi số; huống chi sau đấy lại còn

---

122 Tương tức: Xét về lý, Phật tánh của Phật và chúng sanh giống hệt nhau, nên nói "chúng sanh tức là Phật, Phật tức là chúng sanh".

có nhiều vị Phật giáng sanh trong thế gian. Như vậy thì tất cả chúng sanh sẽ chẳng những ngày một ít đi mà còn rốt cuộc sẽ có ngày độ hết. Nếu như vậy thì chẳng khác gì mâu thuẫn với chuyện không tăng giảm được nói trong kinh luận, mà cũng không thấu hiểu được ý chỉ "rốt cuộc chúng sanh giới lúc ban đầu là do đâu mà có" (Kinh dạy: "Vô minh không có khởi đầu." Nếu chúng sanh giới có hết thì vô minh liền có khởi đầu vậy).

Ở chỗ này, trong kinh Viên Giác, Kim Cang Tạng Bồ-tát đã từng thưa hỏi. Để trả lời, đối với Phật giới thì đức Phật dẫn thí dụ "quặng đã thành vàng, chẳng trọng nơi quặng" để giảng rõ lý "Phật chẳng còn mê". Đối với chúng sanh vốn khởi vô minh thì ngài nói: Do tâm luân hồi sanh ra cái thấy luân hồi, có nghĩa là "chưa đích thân chứng được Viên giác thì chẳng thể suy lường!" Chuyện này được phân biệt như thế cũng không phải là lời hỏi nhằm đúng ngay vấn đề, nhưng sách Khởi Tín Nghĩa Ký cũng dẫn thí dụ "chim bay trên hư không" để chỉ rõ "chúng sanh vô lượng". Vì thế, chẳng thể nói là có tăng giảm, rốt cuộc cũng khó khiến cho con người quyết định chẳng ngờ vực! (Rõ ràng chúng sanh vốn có số lượng, sao lại nói là vô lượng? Nếu thật sự vô lượng, trừ phi một chúng sanh có thể hóa thành nhiều chúng sanh. Nếu thật sự như thế thì cũng tránh được mối nghi "trong Phật giới lại khởi lên chúng sanh giới." Nhưng mỗi một chúng sanh là một linh thức, lý này lại nói chẳng xuôi được). Nghĩa này sâu xa, do chúng sanh còn mê nên đức Phật khó thể nói thông suốt.

Dẫu có nói thì chúng sanh vẫn không biết y như cũ.

Đệ tử là hạng người nào, há dám dùng tri kiến phàm phu để suy lường chuyện này. Chỉ vì bậc thân sĩ học Phật ở tệ xứ, do thấy đệ tử học Phật sớm hơn họ, tưởng đệ tử đã hiểu được lý này, phần nhiều đem lý này đến chất vấn. Đệ tử tuy viện dẫn kinh luận để đáp, nhưng bọn họ nói chung vẫn chưa thỏa ý, lại còn nghi ngờ những lý đã được nói trong Phật học. Cũng có những kẻ do chẳng hiểu trọn vẹn bèn ngã lòng tin tưởng! Do vậy, con đặc biệt chép lại đoạn này, tính xin thầy chỉ dạy về lý ấy. Thầy có thể dùng thí dụ khác để xiển minh đại lược hay chăng? Một là tránh cho đệ tử khỏi khởi lên sự sai lầm ấy nữa, hai là giúp cho con có cái để đáp lời chất vấn của bọn họ thì may mắn lắm thay!

Đáp: Phật giới, chúng sanh giới, cả hai đều chẳng tăng chẳng giảm. Đấy chính là luận theo lý, sao ông lại dựa trên hình tướng huyễn vọng để luận? Chẳng thấy kinh Kim Cang dạy "độ sạch hết thảy chúng sanh nhưng chẳng thấy một chúng sanh nào được diệt độ" ư? Nếu luận theo hình tích thì lời Phật nói sẽ trở thành mâu thuẫn! Nếu biết lời nói ấy nhằm dạy thẳng vào lý thể thì sẽ thấy giống như dạy cho kẻ say, người mê đang tưởng "nhà quay, phương vị đổi dời" biết rằng "nhà vốn chẳng quay, phương vị vốn chẳng đổi dời".

Hơn nữa, há có nên cho rằng quan niệm nhà xoay của kẻ say, phương vị đổi dời của người mê là đúng, coi lời lẽ của người không say, không mê là sai hay sao? Những

điều như ông đã nói đều thuộc về hý luận! Kẻ say, kẻ mê ấy trước khi chưa ngộ, trọn chẳng thể chết lòng tin tưởng vào sự "không xoay chuyển, không đổi dời" vì kẻ ấy đích thân thấy như vậy. Đến khi đã ngộ, mới biết những sự thấy biết trước kia là vọng, không phải là chân. Há ông lấy điều đó (tức những sự thấy biết trước khi ngộ) làm chuẩn hay sao? Hay là lấy điều này (tức sự thấy biết sau khi đã ngộ) làm chuẩn? Hiểu rõ rồi thì cần gì phải biện luận nữa đây?

Ông nói đến chuyện bọt sóng trong biển đều là chấp trước trên mặt hình tích. Do đức Phật muốn cho con người biết "chính mình toàn thể là Phật, vì đang mê nên có tướng chúng sanh", nhưng ngay cả cái tướng chúng sanh ấy toàn thể đều là vọng. [Do mê, do say nên thấy] nhà xoay, phương hướng đổi dời, ông liền chấp trước vào sự xoay chuyển, đổi dời; đáng gọi là "bỏ gốc chạy theo ngọn", sẽ thấy thường xoay, thường dời chẳng ngớt vậy.

Phật là vàng đã tách khỏi quặng, Phật tánh của chúng sanh là vàng vẫn còn nằm trong quặng. Vàng ở trong quặng trọn chưa thành vàng, chẳng qua người sáng suốt biết trong quặng có vàng thì họ mới đổ công nung luyện, tách vàng ra khỏi quặng, hòng được thọ dụng. Đức Phật sợ chúng sanh chẳng chịu gánh vác nên chú trọng nói rõ về bản thể. Bởi lẽ, nếu chúng sanh đã biết bản thể thì sẽ trọn chẳng chịu tự khinh, không tu tập. Nếu biết luận định từ bản thể thì không cần phải nghi! Nếu bỏ thể để luận theo hình tích thì xin các hạ hãy thỉnh vị đại thông gia khác

phán đoán luận định. Quang là một ông tăng tầm thường không có trí tuệ biện tài ấy đâu!

11. Lời phê trên lá thư của cư sĩ niệm Phật

(Những chữ viết theo lối đảnh cách[123] là lời phê của Ấn công để đáp lời hỏi, còn những chữ viết thấp hơn một chữ là những chữ được dùng trong lá thư gốc của cư sĩ niệm Phật ở Vĩnh Gia)

"Vâng đọc lời huấn dụ từ bi, thuần là những lời tha thiết đến cùng cực, tạo phương tiện đến cùng cực, buồn khóc vì đi vào ngõ rẽ cả mấy năm, một hôm biết được đường chánh. Từ nay về sau nhất tâm niệm Phật, hồi hướng cho khắp chúng sanh cùng sanh Tịnh độ. Những điều mong mỏi khác dù tục hay chân đều đã buông xuống. Quả thật chỉ có một pháp này là có thể an thân lập mạng, tự lợi lợi tha, trên an ủi bi nguyện, báo đáp hồng ân, cầu xin ban cho sự gia bị, thường hành tinh tấn. Con tính trong tháng tới hoặc trong tháng 8 sẽ lại không nói năng gì (tịnh khẩu), thầm niệm thánh hiệu Quán Âm, thời hạn ngắn hay dài sẽ tùy sức tùy duyên. Tất cả những nghi thức lễ niệm trong khi bế quan và các nghi vấn kính cẩn trình bày như sau xin thầy chỉ dạy, con sẽ cảm kích tuân hành."

Tổ Ấn Quang phê: Tâm thường nghĩ đến tu trì, bế

123 Viết theo lối đảnh cách là viết cao hơn một chữ so với những dòng khác. Do tiếng Việt viết theo hàng ngang không thể dùng cách trình bày ấy, lời phê của tổ được in nghiêng và ghi thêm chữ "tổ Ấn Quang phê" trong ngoặc vuông cho rõ ràng.

quan hay không đều chẳng khẩn yếu cho lắm. Nhưng phải nên viên thông, chớ nên chấp chết cứng, kẻo sẽ đến nỗi chẳng yên lòng, đâm ra vô ích! Đức Quán Âm từ bi rộng lớn, chắc chắn hễ có cảm liền ứng, nhưng tâm chớ nên quá gấp rút bộp chộp, mong được ứng ngay. Ví như trồng lúa, ngày hôm nay vừa gieo giống liền mong thu hoạch ngay trong bữa nay sẽ trở thành kẻ si. Cố nhiên, hễ có ai khởi lòng niệm Bồ-tát thì sẽ liền được gia bị, nhưng chớ nên có những quan niệm hẹp hòi mong cầu ấy thì sẽ có lợi ích lớn lao vậy.

1. Vào ngày bế quan đầu tiên

Sáng dậy con niệm Phật mười hơi. Súc miệng, rửa ráy xong, lễ thập phương thường trụ tam bảo, mỗi lần một lạy, lễ Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật 3 lạy, lễ Tây Phương giáo chủ 48 lạy, lễ kinh luận Tịnh độ 3 lạy, lễ Quán Âm 32 lạy, Thế Chí, Hải Chúng mỗi danh hiệu 3 lạy, Địa Tạng Vương, Liên tông chư tổ (sư tăng hiện tại), mỗi vị một lạy. Niệm chú cúng dường[124] 21 biến. Niệm bài Tây Phương Nguyện Văn của đại sư Liên Trì một biến. Niệm Quán Âm Tán một biến. Tiếp đó chuyên niệm thánh hiệu. Trong khoảng

---

124 Có rất nhiều bài chú cúng dường tùy theo nghi quỹ, nhưng theo ngu ý, bài chú cúng dường được cư sĩ niệm Phật dùng ở đây là chú Phổ Cúng Dường (thường được in trong các kinh Nhật Tụng): *"Án, nga nga nẵng tam bà phạ, phiệt nhật la hộc"* (om, gaganam sambhava vajra hoh). Bài chú này có tên gọi đầy đủ là Đại Hư Không Tạng Bồ-tát Phổ Cúng Dường Chân Ngôn. Phật môn thường tụng chú này với hàm nghĩa dùng tâm lượng cúng dường rộng lớn như hư không, xuất sanh vô biên bảo tạng, cúng dường rộng khắp mười phương tam bảo cùng hết thảy chúng sanh không ngăn ngại như hư không.

ấy, trừ lúc ăn ngủ ra, hễ gần tới giữa trưa và sau giờ Ngọ, hoàng hôn và giữa buổi tối, lễ Quán Âm 32 lạy.

Tổ Ấn Quang phê: Nghi tiết đơn giản mới hay!

2. Mỗi ngày sau đó

Sáng dậy niệm Phật mười hơi. Rửa ráy, súc miệng xong, lễ Quán Âm 32 lạy, tiếp đó chuyên niệm thánh hiệu. Trong khoảng thời gian ấy, trừ lúc ăn ngủ ra, còn kèm thêm vào gần tới giữa trưa và sau giờ Ngọ, chập tối và giữa tối, lễ Quán Âm 32 lạy giống như ngày thứ nhất. Hoàn mãn một ngày.

- Nghi thức lúc sáng dậy và lúc gần sụp tối giống như trước. Ngay lúc đêm xuống, niệm thánh hiệu xong, niệm nguyện văn Tây Phương một biến, lễ Tây Phương Giáo Chủ 48 lạy, lễ Quán Âm 32 lạy, Thế Chí, Hải Chúng mỗi danh hiệu 3 lạy. Hơn nữa, trong bài nguyện văn của đại sư Liên Trì câu "chuyên niệm A-di-đà Phật vạn đức hồng danh" con tự đổi thành "chuyên niệm Quán Thế Âm Bồ-tát vạn đức hồng danh", những câu khác có cần thay đổi hay không?

Tổ Ấn Quang phê: Nên châm chước để lượng định.

- Đoạn đầu của bài nguyện văn có câu: *"Kim ư Phật tiền kiểu cần ngũ thể"* (Nay con đối trước Phật cung kính năm vóc mọp lạy). Niệm đến câu này, con chỉ cúi đầu lễ xong rồi đứng dậy, hay là cần phải mọp lạy tới mấy câu nữa rồi mới đứng dậy?

Tổ Ấn Quang phê: Mọp lạy một lúc lâu sẽ có thể bị tổn khí, chớ nên không biết!

- Trong bài tán Quán Âm phổ biến có câu: *"Đại sĩ Quán Âm, tất hiệu Viên Thông, thập nhị đại nguyện thệ hoằng thâm"* (Đại sĩ Quán Âm, luôn có hiệu Viên Thông, mười hai đại nguyện thệ rộng sâu), bốn chữ "thập nhị đại nguyện" sợ là dẫn lầm từ nhân duyên của Dược Sư Như Lai, con phải nên nói như thế nào?

Tổ Ấn Quang phê: Mười hai đại nguyện không có xuất xứ, đổi thành "từ bi thệ nguyện tối hoằng thâm" (từ bi thệ nguyện rộng sâu nhất) cũng được.

- Nếu lúc nằm xuống không ngủ được, bèn chỉ quan tâm ức niệm thánh hiệu để dỗ giấc, hay là phải tạm ngưng niệm thánh hiệu, lắng lòng để đối trị?

Tổ Ấn Quang phê: Lắng lòng niệm thánh hiệu.

- Lúc dục niệm khởi, phải tưởng như đã chết, hay là tưởng sắp chết. Trong khi bế quan vẫn còn có chuyện gì cần phải chú ý xin thầy đều dạy hết cho.

Tổ Ấn Quang phê: Làm sao chỉ ra hết mọi chuyện cho được? Chỉ chí thành cung kính, đừng gấp rút bộp chộp mong cầu linh ứng. Chỉ giữ lòng sao cho tương ứng với thánh hiệu, chẳng cầu cảm thông thì sẽ tự được cảm thông. Nếu không, sẽ có thể bị ma dựa!

- Con thường nằm mộng thấy ở trong nhà bay lên niệm

Phật, nhưng bị xà nhà và mái ngói ngăn trở, chẳng thể vượt thoát ra được. Lại còn một hôm mộng thấy ở ngôi chùa nọ có một bức tranh thủy mặc vẽ hình tượng Quán Âm, thân và mắt rất to, cho đến nay vẫn còn cảm thấy sợ hãi. Qua hai duyên trên đây, chẳng biết tội chướng như thế nào?

Tổ Ấn Quang phê: Giấc mộng ấy thuộc về cảnh giới tốt đẹp, nhưng vẫn chưa đạt đến mức nghiệp lực tiêu trừ lớn lao. Vì thế vẫn còn bị ngăn ngại. Thấy tượng sợ hãi cũng chẳng sao cả, nhưng chớ nên ghim mãi chuyện này trong lòng.

- Hơn nữa, ân sư thường nói: "Hành nhân thấy cảnh có một phần thì không được nói một phần mốt, cũng chẳng được nói chín ly chín. Nói quá cũng mắc tội, mà nói bớt đi cũng không được." Lại nói: "Thứ cảnh giới ấy nói với tri thức để cầu chứng minh tà chánh, đúng sai thì không phạm lỗi. Nếu chẳng nhằm xin chứng minh, chỉ muốn khoe khoang thì cũng mắc lỗi. Nếu hướng về hết thảy mọi người để nói thì sẽ có lỗi. Trừ cầu tri thức chứng minh ra, trong mọi trường hợp khác đều không được nói." Nhưng nếu hành nhân thấy có cảnh giới, hoặc do tâm tưởng không trọn vẹn, hoặc do văn tự sơ sài, vụng về, đến nỗi nói ít, nói nhiều thì cũng gây trở ngại hay chăng? Đệ tử từng được ân sư ba lần dạy bảo về giấc mộng, đã kể cho người bạn là X… nghe. Tuy chẳng phải là muốn khoe khoang, chẳng phải vì cầu chứng minh, mà thật ra là muốn khơi gợi lòng tin cho người ấy, chẳng biết làm như vậy có

mắc tội lỗi hay không?

Tổ Ấn Quang phê: Cảnh được thấy trong mộng không quan hệ lớn lao cho lắm, chứ đối với cảnh được thấy trong khi thiền định thì phải thận trọng. Người tu hành thường phạm phải căn bệnh chưa đắc đã bảo là đắc!

- Sống tại gia xử thế, thấy người khác có chuyện chẳng đúng pháp, đã không có đủ oai đức để chế phục, lại chẳng khéo khuyên dụ khiến cho người ấy cảm động, nhận hiểu, chỉ đành nhẫn nại mặc kệ kẻ ấy, ức niệm Quán Âm để mong ngài từ bi che chở thì có được hay không? Khẩn cầu thầy khai thị thì may mắn lắm thay!

Tổ Ấn Quang phê: Lòng thành đến cùng cực thì sắt đá cũng phải cảm động. Dẫu cho người ấy chẳng được lợi ích thì chính mình cũng đã được lợi ích lớn lao.

12. Kệ tu trì

Giữ vẹn luân thường
Trọn hết bổn phận
Ngăn dứt lòng tà
Gìn giữ lòng thành
Đừng làm các ác
Vâng làm các thiện
Kiêng giết, cứu mạng
Ăn chay niệm Phật
Hồi hướng vãng sanh

Thế giới Cực Lạc
Dùng để tự hành
Lại còn dạy người
Ấy gọi Phật tử.
Hành giả hãy nên
Làm như thế ấy
Công đức vô lượng.

X. VĂN SỚ

1. Văn sớ dành cho Phật thất nhằm gieo phước cầu con

Nép trông: Phật quang chiếu khắp, như vầng trăng thu giữa hư không. Pháp hóa lưu hành như mưa đúng thời nhuần thấm muôn vật. Sở cầu đều toại, không nguyện nào chẳng thỏa. Kính cẩn kêu cầu bậc sẵn lòng từ mênh mông rủ lòng soi xét.

Nay có chùa… tại danh sơn… ở huyện… tỉnh… thuộc Nam Thiệm Bộ Châu trong tứ thiên hạ, kính phụng hành di giáo của Thích-ca Như Lai, chủ tu pháp sự công đức là sa-môn… do nay có tín nam (hay tín nữ)… cư trụ tại xóm… làng… huyện… tỉnh… thờ Phật, sắp đặt cỗ chay, gieo phước, tăng thọ, cầu sanh con nối dòng, nhất

tâm khấu đầu trước các tòa sen vàng của Giáo chủ Sa-bà Thích-ca Văn Phật, Thế giới Cực Lạc A-di-đà Phật, Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Như Lai, hiện tọa đạo tràng Đại sĩ Quán Âm, mười phương ba đời vô tận tam bảo, nguyện dõi mắt sen, xét soi tấm lòng tha thiết mong ngóng.

Đệ tử tha thiết nghĩ mình lạm phần sanh nhằm đời thịnh, thẹn dự vào loài người, tuổi đã ngoài bốn mươi mà vẫn chẳng có một đứa con nào. Nói chung là do túc nghiệp sâu dày, thiện căn hiện đời yếu nhỏ, đến nỗi thiếu con nối dòng, chẳng thể nguôi tấm lòng phụng thừa đời trước, mở mang đời sau được. Phước tuệ cạn mỏng, không cách nào làm chuyện yêu vật thương người. Do vậy đặc biệt phát lòng thành, cung thỉnh chùa… mở một hội Phật thất, khai đàn vào ngày… tháng… cung thỉnh… (bao nhiêu vị) sư tăng giới đức suốt ngày xưng niệm hồng danh thánh hiệu Vô Lượng Thọ Như Lai cho đến ngày… thì viên mãn. Lại trong ngày… mở một hội Diệm Khẩu Phổ Tế Cô Hồn, vào ngày… thiết một hội Như Ý Đại Trai, lại đem… (bao nhiêu) tiền giúp tu bổ Thiên Vương Bảo Điện.

Dùng công đức này chuyên cầu Phật rủ lòng từ gia bị, pháp nhuận rộng sâu, sương tội tiêu tan, núi thọ chót vót. Lân đá giáng[125] để che giấu tội khiên của cha, con

125 "Thạch lân" con lân đá, chính là lời chúc tụng người khác sanh được con. Theo truyện Từ Lăng trong Nam Sử, vào đời Trần, khi Tử Lăng mới lên mấy tuổi được người nhà dẫn đến bái yết ngài Bảo Chí (tức hòa thượng Chí Công), ngài Bảo Chí liền xoa đầu, khen: "Con lân đá từ cõi trời giáng xuống." Do vậy, chữ thạch lân thường được dùng trong những câu chúc tụng người khác sanh con tốt lành, ngoan ngoãn, giỏi giang. Quả

cháu đều rạng danh thơm. Lại cầu tổ tiên cùng sanh về Lạc Bang, quyến thuộc hiện đời đều tăng phước thọ. Lại cầu mưa thuận gió hòa, dân yên, vật mạnh. Can qua vĩnh viễn chấm dứt, trong ngoài nước đều hiệp hòa. Báo trọn bốn ân, giúp khắp ba cõi. Chúng sanh trong pháp giới đều viên thành chủng trí.

Kính mong tam bảo rủ lòng từ chứng minh nhiếp thọ. Kính cẩn dâng sớ tâu trình cặn kẽ nhằm lúc vận trời chuyển đúng vào ngày… tháng… năm…

2. Văn sớ cầu siêu vong linh vãng sanh Tây Phương trong Phật thất

Nép trông: Phật quang chiếu khắp như mặt trời rực rỡ giữa trời, pháp hóa lưu hành như cam lộ nhuần thấm mọi vật. Có chuyện mong cầu đều ứng, không nguyện nào chẳng tròn. Kính cẩn kêu cầu bậc sẵn lòng từ mênh mông rủ lòng soi xét.

Nay có chùa… tại danh sơn… ở huyện… tỉnh… thuộc Nam Thiệm Bộ Châu trong tứ thiên hạ, vâng phụng hành di giáo của Thích-ca Như Lai, chủ tu pháp sự công đức là sa-môn… nay do tín chủ cư trụ tại xóm… làng… huyện... tỉnh… thờ Phật tu nhân mà thiết lập đạo tràng Phật thất cầu siêu cho người đã khuất vãng sanh Tây Phương. Ngày

---

nhiên sau này Từ Lăng là một nhà văn học lỗi lạc dưới thời Trần. Khi gặp được tổ Trí Giả, Từ Lăng đã phát nguyện hoằng dương tông Thiên Thai trong tương lai, nên sau đấy đã tái sanh trở thành vị tổ thứ sáu của tông Thiên Thai, tức tôn giả Pháp Hoa.

hôm nay tín chủ… đã suất lãnh toàn thể gia quyến tốt lành, rửa tay thắp hương, nhất tâm quy mạng trước các tòa sen vàng báu của Giáo chủ Sa-bà Thích-ca Văn Phật, Giáo chủ Cực Lạc A-di-đà Phật, thập phương tam thế vô tận tam bảo. Nguyện dõi mắt sen, xét soi tấm lòng tha thiết mong ngóng.

Chúng con tha thiết đau đáu nghĩ tới vong linh… sanh nhằm giờ… ngày… tháng… năm… mất nhằm giờ… ngày… tháng… năm… Nghĩ vong linh khuất bóng đã lâu, hình dung, giọng nói vĩnh viễn xa lìa, chưa tu niệm Phật tam-muội, khó khỏi theo nghiệp thăng trầm. Tam đồ cố nhiên là nơi đau đớn khổ sở, cõi nhân thiên cũng chẳng yên vui. Nếu chẳng vãng sanh Tây Phương, quyết khó được thân tâm tự tại. Do vậy, cung kính về chùa… mở đạo tràng niệm Phật suốt bảy ngày để cầu siêu cho vong linh vãng sanh Tây Phương, nương cậy sư tăng giới đức xưng dương thánh hiệu Di-đà, dâng cỗ chay sáu vị thơm tho cúng dường thường trụ tam bảo. Sáu thời ức niệm, bảy ngày tu ròng, nhóm họp công đức chuyên cầu vong linh… thần siêu cõi Tịnh, nghiệp trả lại trần lao, sen chín phẩm nở hoa, trong một đời được Phật thọ ký. Lại cầu tổ tông các đời đều về Cực Lạc; quyến thuộc hiện tại đều được tốt lành. Bốn loài, chín cõi đều quy hướng pháp môn Tịnh độ; tám nạn, tam đồ cùng vào biển nguyện của Phật Di-đà. Cung kính cầu tam bảo từ bi chứng minh nhiếp thọ!

Kính cẩn dâng sớ tâu trình mọi lẽ vào ngày… tháng… năm…

3. Văn sớ dùng trong Phật thất nhằm gieo phước, tăng thọ

Nép trông: Phật, trời che chở khắp, chỉ cần hễ cảm đều liền thông, biển pháp vô biên, chỉ có cạn lòng thành thì mới được lợi ích. Kính cẩn kêu cầu bậc sẵn lòng từ mênh mông rủ lòng soi xét.

Nay có chùa… tại danh sơn… ở huyện… tỉnh… thuộc Nam Thiệm Bộ Châu trong tứ thiên hạ, phụng hành di giáo của đức Thích-ca Như Lai, chủ tu pháp sự công đức là sa-môn… nay do tín nam (tín nữ) cư trụ tại xóm… làng… huyện... tỉnh… thờ Phật tu nhân mà thiết lập đạo tràng Phật thất nhằm gieo phước, tăng thọ. Tín nam (tín nữ)… vốn sanh nhằm giờ… ngày… tháng… năm…, nay tròn… tuổi, ngày hôm nay đã suất lãnh toàn thể gia quyến tốt lành, rửa tay thắp hương, nhất tâm quy mạng trước các tòa sen vàng báu của Giáo chủ Sa-bà Thích-ca Văn Phật, Giáo chủ Cực Lạc Vô Lượng Thọ Phật, thập phương tam thế vô tận tam bảo. Nguyện dõi mắt sen, xét soi tấm lòng tha thiết ngưỡng vọng.

Tha thiết nghĩ: Đệ tử lạm sanh nhằm thời hưng thịnh, thẹn dự vào loài người, thiện căn nhỏ yếu, chưa biết phương hướng xuất thế. Lỗi cũ quá nhiều, nẻo tu nhân mê muội đã lâu. Lại còn được trời che, đất chở, thầy dạy, cha mẹ sanh thành, chịu ân lớn vượt trỗi hư không, báo ân ít còn hơn mảy giọt. Nếu chẳng gieo lòng thành nơi tam bảo, làm cách nào báo khắp bốn ân? Do vậy, kính cẩn ngay

trong hôm nay, cung kính về chùa… mở đạo tràng niệm Phật nhằm gieo phước, tăng thọ trong suốt bảy ngày, cậy nhờ sư tăng giới đức xưng dương thánh hiệu Vô Lượng Thọ Phật, dâng cỗ chay sáu vị thơm tho cúng dường thường trụ tam bảo.

Sáu thời ức niệm, bảy ngày tu ròng, nhóm họp công đức chuyên cầu núi tội sụp đổ, biển nghiệp khô ran, thọ ngày càng tăng, phước tự trời ban xuống. Quyến thuộc hiện tại đều hưởng ngũ phước để vun bồi nhân thù thắng, họ hàng, thân thuộc trong quá khứ đều nương theo lòng từ của Phật để sanh về Tịnh độ. Báo trọn bốn ân, giúp khắp ba cõi. Pháp giới hữu tình cùng viên mãn chủng trí *(phần dưới lược đi)*.

4. Văn sớ dùng cho Phật thất sám hối phát nguyện

(Phần đầu lược đi) Tha thiết nghĩ đệ tử… túc nghiệp sâu nặng, quá khứ, hiện tại rối bời. Tuy chuyên chí tu tịnh nghiệp, vẫn chưa được "tâm Phật tương ứng", nhiều năm bệnh tật triền miên, nay lại càng thêm trầm trọng. Do vậy, đặc biệt xin chùa… mở đạo tràng niệm Phật cầu sanh Tây Phương một thất.

Khẩn cầu từ phụ Di-đà và các thánh chúng đặc biệt rủ lòng từ bi, mau đến tiếp dẫn con, khiến cho con chánh niệm phân minh, theo Phật vãng sanh. Chẳng lìa đương niệm liền sanh về Tây Phương, thấy Phật, nghe pháp, ngộ Vô sanh nhẫn, nương Phật từ lực và nguyện luân của chính

mình, trở vào Sa-bà độ thoát chúng sanh. Nếu tuổi thọ trong đời này chưa hết, nguyện con mau được lành bệnh, sẽ cho đến hết báo thân này, hoằng dương Tịnh độ, rộng độ chúng sanh hòng báo ân Phật.

Lại nguyện cha và cô đã khuất sẽ nương công đức này, thần siêu cõi tịnh, nghiệp trả lại trần lao, sen nở hoa thượng phẩm, Phật thọ ký trong một đời. Gia mẫu là … tin sâu Phật pháp, chuyên tu tịnh nghiệp, lâm chung chánh niệm rỡ ràng, được Phật tiếp dẫn về Cực Lạc. Người vợ đã khuất là … ở trong đàn tràng Phật thất này được Phật từ bi gia bị, chẳng lìa đương niệm liền dự Liên Trì. Lại nguyện tổ tông các đời, oán thân bao kiếp, cùng lên Tịnh độ huyền môn, cùng vào biển nguyện của Phật Di-đà. Lại nguyện cửa nhà tốt lành, yên ổn, quyến thuộc bình an, chiến tranh sớm chấm dứt, trong ngoài nước hiệp hòa.

Cung kính mong tam bảo từ bi chứng minh nhiếp thọ, kính cẩn dâng sớ!

5. Văn sớ dùng trong buổi tụng kinh lễ Phật nhằm gieo phước, tăng thọ

Nép trông: Đại Giác Thế Tôn quả thật là nơi nương tựa cho chúng sanh, kinh Dược Sư mầu nhiệm thật đúng là thuyền bè trong biển khổ. Hễ có cầu đều ứng, không cảm nào chẳng thông. Kính cẩn kêu cầu bậc sẵn lòng từ mênh mông rủ lòng soi xét.

Nay có chùa… tại núi… ở huyện… tỉnh… nước… thuộc Nam Thiệm Bộ Châu trong tứ thiên hạ, vâng hành theo di giáo của Thích-ca Như Lai, chủ tu pháp sự công đức là sa-môn… nay do tín chủ cư trụ tại xóm… làng… huyện… tỉnh… thờ Phật tu nhân mà thiết lập đạo tràng tụng kinh lễ Phật nhằm gieo phước, tăng thọ. Tín nam (tín nữ)… đã suất lãnh toàn thể quyến thuộc tốt lành, ngày hôm nay rửa tay thắp hương, nhất tâm quy mạng dưới các tòa sen báu của đức Giáo chủ Sa-bà Thích-ca Văn Phật, Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Như Lai, thập phương tam thế vô tận tam bảo, nguyện dõi mắt xanh biếc, soi xét tấm lòng son.

Trộm nghĩ: Đệ tử tuy sanh nhằm thuở mạt pháp, may sống tại Trung Hoa…, được Phật, thánh chở che, cậy cha mẹ vỗ về, nuôi nấng, chẳng chỉ thọ ân lại còn mong báo đền, cũng như muốn sám hối tội lỗi để tự sửa đổi trở thành con người mới. Do vậy, liền kính cẩn trong ngày hôm nay cung kính về chùa… mở một hội đạo tràng tụng kinh lễ Phật nhằm gieo phước tăng tuổi thọ, cậy vào sư tăng giới đức, xưng dương thánh hiệu Dược Sư, kiền thành lễ Phật và thánh chúng trong hải hội Dược Sư.

Đem công đức này chuyên cầu đệ tử… nghiệp chướng tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng. Thọ ngày càng dài lâu, đức theo thời càng mới. Lại nguyện oán thân bao kiếp đều bình đẳng được giải thoát, quyến thuộc hiện tại đều được yên vui, khỏe mạnh. Báo trọn bốn ân, giúp khắp

ba cõi. Pháp giới hữu tình đều viên mãn chủng trí. Cung kính cúi xin tam bảo từ bi chứng minh nhiếp thọ. Kính cẩn dâng sớ!

Nước… ngày… tháng… năm, kính trình cặn kẽ!

6. Văn sớ dùng trong Phật thất nhằm gieo phước, tăng thọ

Nép trông: Phật quang chiếu khắp, như vầng trăng thu giữa hư không. Pháp hóa lưu hành như mưa đúng thời nhuần trọn muôn vật. Sở cầu đều toại, không nguyện nào chẳng thỏa. Kính cẩn kêu cầu bậc sẵn lòng từ mênh mông rủ lòng soi xét.

Nay có chùa… tại danh sơn… ở huyện… tỉnh… nước… thuộc Nam Thiệm Bộ Châu trong tứ thiên hạ, vâng hành theo di giáo của Thích-ca Như Lai, chủ tu pháp sự công đức là sa-môn… Do nay có tín nam tín nữ… cư trụ tại khu… đường… thành phố... thờ Phật, sắp đặt cỗ chay, gieo phước, tăng thọ, đã cùng toàn thể quyến thuộc tốt lành, nhất tâm khấu đầu trước các tòa sen báu của Giáo chủ Sa-bà Thích-ca Văn Phật, Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Như Lai, Thế giới Cực Lạc A-di-đà Phật, hiện tọa đạo tràng Đại sĩ Quán Âm, mười phương ba đời vô tận tam bảo, nguyện dõi mắt sen, xét soi tấm lòng thiết tha mong ngóng.

Trộm nghĩ: Đệ tử lạm phần sanh nhằm đời thịnh, may được làm người, nhờ đức trạch của tổ tiên nên cơm

áo vẫn chưa thiếu thốn. Thường muốn báo ân, gieo phước, tu trì tịnh nghiệp. Hiềm rằng căn cơ cạn mỏng, tội chướng rộng sâu, bỏ uổng phí thời gian, chưa được lợi ích thật sự. Nay bị bệnh tật triền miên[126], càng sợ ba cõi chẳng yên. Do vậy đặc biệt dấy lòng thành, cung kính về chùa… mở một hội Phật thất chuyên trì thánh hiệu vạn đức hồng danh của A-di-đà Phật, chọn hôm khai đàn vào ngày… trong tháng này, cung thỉnh… (bao nhiêu vị) sư tăng giới đức suốt ngày nhất tâm niệm thánh hiệu cho đến ngày… thì viên mãn.

Lại trong ngày hôm ấy, mở một hội Diệm Khẩu Phổ Tế Cô Hồn. Dùng công đức này chuyên cầu Phật rủ lòng từ gia bị, pháp lợi thấm nhuần, sương tội tiêu tan, thân tâm yên vui, mặt trăng huệ rạng ngời, hiểu rõ đế lý. Hiện tại đạo nghiệp tăng tấn, sống được dự vào địa vị cao cả trong hàng thánh hiền, lâm chung thần thức lẫn xác thân đều tốt đẹp, cao đăng cõi Cực Lạc. Lại cầu tổ tiên quá khứ cùng sanh về Tây Phương, quyến thuộc hiện đời đều tăng phước thọ. Lại cầu mưa thuận gió hòa, dân yên, vật mạnh. Can qua

---

126 Nguyên văn "nhị thụ vi khốn". Theo Từ Nguyên, *thụ* có nghĩa là đứa trẻ (theo cách viết giả tá mô phỏng ngữ âm thời ấy). Tương truyền vào thời Xuân Thu, Tấn Cảnh Công bị bệnh nặng đã lâu không khỏi, nằm mộng thấy trong thân nhảy ra hai đứa bé con. Một đứa bảo: "Thầy thuốc giỏi đến rồi đó, hãy mau trốn đi." Đứa kia nói: "Hãy núp vào cao hoang, việc gì phải trốn?" Quả nhiên, vua Tần Hoàn Công phái danh y sang đất Tấn thăm bệnh. Danh y chẩn mạch, lắc đầu: "Bệnh đại vương đã vào đến cao hoang, dược lực không có cách nào thấu tới được." Chẳng lâu sau, Tấn Cảnh Công liền chết. Cao hoang là phần trên tim, phía dưới hoành cách mô. Do câu chuyện này mới có hai thành ngữ: *"Bệnh nhập cao hoang"* (bệnh đã ngặt nghèo tới mức hết thuốc chữa) và *"nhị thụ vi ngược"* (bị hai đứa trẻ hành hạ, ý nói bệnh tật ngặt nghèo triền miên).

vĩnh viễn chấm dứt, trong ngoài nước đều hiệp hòa. Báo trọn bốn ân, giúp khắp ba cõi. Chúng sanh trong pháp giới đều viên thành chủng trí. Kính mong tam bảo rủ lòng từ chứng minh nhiếp thọ.

Kính cẩn dâng sớ tâu trình cặn kẽ nhằm ngày… tháng… năm… âm lịch, tức năm… dương lịch.

7. Điệp thỉnh và văn sớ cho pháp hội Phổ Lợi Thủy Lục

Nép trông: Đại Giác Thế Tôn quả thật là nơi nương tựa cho chúng sanh, diệu pháp linh văn chính là thuyền bè trong biển khổ. Kính cẩn kêu cầu bậc sẵn lòng từ mênh mông rủ lòng soi xét.

Nay có chùa… tại núi… ở huyện… tỉnh… nước… thuộc Nam Thiệm Bộ Châu trong tứ thiên hạ, vâng hành theo di giáo của Thích-ca Như Lai, chủ tu pháp sự công đức là sa-môn… nay do tín nam (tín nữ)… cư trụ tại xóm… làng… huyện... tỉnh… tuổi… bổn mạng sanh nhằm cung… giờ… ngày… tháng… thờ Phật, sắp đặt cỗ chay hòng gieo phước, tăng thọ. Ngày hôm nay, nhất tâm quy mạng Giáo chủ Sa-bà Thích-ca Thế Tôn, thập phương tam thế vô tận tam bảo, nguyện rộng phóng từ quang, xét soi tấc lòng tha thiết trông ngóng.

Trộm nghĩ: Đệ tử và các chúng sanh từ vô thủy đến nay luân hồi trong sáu nẻo, mê tâm, chấp cảnh, trái giác

hiệp trần, trong chân thường lầm thấy vô thường, nơi Cực Lạc biến thành cực khổ. Chẳng gặp duyên lành, sẽ không có cách nào diệt tội, tăng phước. Chẳng tu pháp thù thắng, sẽ chẳng có cách nào cầu siêu cho người thân, cởi gỡ oan khiên. Gặp dịp chùa… nhóm họp mọi điều lành, lập hội Vạn Niên Phổ Lợi Thủy Lục, cũng góp sức một phần, cầu mong nhận hưởng điều phước, sự lành, nhằm đền ân, giúp đỡ chúng sanh trong ba cõi. Mỗi năm vào ngày… tháng… liền khai đàn đến ngày… viên mãn.

Trong pháp hội này, chúng con nhất tâm phụng thỉnh mười phương pháp giới tứ thánh lục phàm, vạn đức, vạn linh, quang giáng pháp diên để chúng con được cúng dường. Nhờ vào đại chúng thanh tịnh phúng tụng… Nhóm họp công đức như trên, ngưỡng mong tam tôn rủ lòng chứng giám, vạn thánh phóng quang. Khơi rộng cửa dẹp khổ, mở toang đạo ban vui. Bốn ân, ba cõi, pháp giới chúng sanh đều mau thoát khỏi chốn khổ, sanh ngay sang cõi vui. Đệ tử dự hội sống thì phước thọ tăng cao, mất về Liên Bang.

Đàn tràng này ngoài việc tuân theo khoa nghi để lo liệu, sắp đặt, mỗi người tham dự đều được cấp một tờ điệp văn để người ấy đeo, giữ tùy thân, nhằm khi mãn báo thân trăm tuổi, nhờ vào điệp văn này liền sanh về Tịnh độ. Do vậy, soạn điệp văn để cấp cho những người cần lãnh điệp văn, giao cho tín nam (tín nữ)… tham dự tu tập, vun bồi cái nhân để cầm theo tùy thân.

Nhằm ngày… tháng… năm... công nguyên, chủ tu pháp sự công đức sa-môn… cấp điệp.

8. Văn sớ lễ bái kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm

Nép trông: Đại Giác Thế Tôn quả thật là nơi nương tựa cho chúng sanh, kinh mầu nhiệm Hoa Nghiêm chính là thuyền bè trong biển khổ. Có mong cầu đều ứng, không cảm nào chẳng thông! Kính cẩn kêu cầu bậc sẵn lòng từ mênh mông rủ lòng soi xét.

Nay có chùa… tại danh sơn… ở huyện… tỉnh… nước… thuộc Nam Thiệm Bộ Châu trong tứ thiên hạ, vâng hành theo di giáo của Thích-ca Như Lai, chủ tu pháp sự công đức là sa-môn… Nay có tín nam (hay tín nữ)… cư trụ tại khu… đường… thành phố... tuổi…, bổn mạng sanh nhằm giờ… ngày… tháng... cung… thờ Phật, tu nhân gieo phước, tăng thọ. Ngày hôm nay xông ướp, tắm gội thắp hương, nhất tâm quy mạng dưới các tòa sen vàng báu của Giáo chủ Sa-bà Thích-ca Văn Phật, Đạo sư Cực Lạc A-di-đà Phật, Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Như Lai, Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Tôn Kinh, hiện tọa đạo tràng Đại sĩ Quán Âm, thập phương tam thế vô tận tam bảo. Nguyện dõi mắt xanh biếc, phóng từ quang, xét soi tấm lòng ngu thành tha thiết mong ngóng.

Trộm nghĩ: Đệ tử từ vô thủy tới nay luân hồi sáu nẻo, mê tâm, chấp cảnh, trái giác, hiệp trần, buông lung thân

miệng ý, tạo giết trộm dâm, cùng các chúng sanh tàn hại lẫn nhau. Nơi chân thường lầm thấy sanh diệt, trong Cực Lạc biến thành hứng chịu khổ độc! Chẳng gặp duyên lành, sao diệt tội tăng phước? Chẳng tu pháp thù thắng, không cách nào báo ân, cởi gỡ oán thù. Do vậy, đặc biệt phát lòng thành kiền thỉnh vị tăng giới đức là đại sư… thuộc chùa… cứ mỗi chữ một lạy, chí thành đảnh lễ một bộ kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm tám mươi mốt quyển.

Nay gặp lúc công đức viên mãn, Phật sự hoàn mãn tốt đẹp, ngưỡng mong tam tôn gia bị, vạn thánh phóng quang khiến cho bản thân đệ tử và quyến thuộc cả nhà đều tai chướng băng tiêu, tốt lành như mây nhóm tới, phước trạch sâu tựa biển Đông, thọ lượng cao tầy non Nam. Những vị đã khuất trong các đời đều được hưởng pháp lợi cùng sanh về Cực Lạc, dằng dặc truyền mãi tới hậu duệ, gội ân Phật đều hưởng yên vui, khỏe mạnh. Báo trọn bốn ân, giúp khắp ba cõi, pháp giới hữu tình đều viên mãn chủng trí. Ngưỡng mong tam bảo từ bi, chứng minh nhiếp thọ. Do vậy, đàn này bèn cấp một tờ điệp văn để những người ấy cầm giữ nơi thân, hòng khi mãn báo thân trăm tuổi, sẽ cậy vào công đức này vãng sanh Tịnh độ. Nay cấp điệp.

Điệp văn trên đây cấp cho tín nam (tín nữ)… tu nhân cầu quả gieo phước tăng thọ thu nhận nhằm ngày… tháng… năm… dương lịch.

Chủ tu sa-môn… kính soạn.

Bái kinh tỳ-kheo… cung kính ký tên.

XI. CÂU ĐỐI

1. Câu đối ở cửa Tam Quan

Tịnh độ pháp môn phổ nhiếp quần cơ, thật Như Lai thành thủy thành chung chi đạo,

Di-đà ân đức biến triêm hàm thức, thị chúng sanh tâm tác tâm thị chi phương.

(Pháp môn Tịnh độ nhiếp khắp căn cơ, thật đạo Như Lai thành thủy thành chung,

Ân đức Di-đà thấm trọn hàm thức, dạy chúng sanh nẻo tâm làm, tâm là.)

2. Gác Di-lặc

Di-lặc vị đương lai Thế Tôn, viễn bổn liên kinh bất tuyên, thật tắc cửu thành vô thượng đạo,

Lâu các nãi pháp giới toàn tàng, diệu đế Hoa Nghiêm lược hiển, quán tư khả hiểu trụ tư nhân.

(Di-lặc là Thế Tôn thuở tương lai, kinh sen chẳng nói tới bổn địa lâu xa, thật ra thành vô thượng đạo đã lâu,

Lâu các vốn trọn thâu khắp pháp giới, Hoa Nghiêm lược bày sự thật nhiệm mầu, nhìn vào đó hiểu vị trụ trong đấy.)

Bảo các phú thập hư, trực đồng vạn tượng không hàm, viên chương pháp giới tu nhân sự,

Phân thân biến trần sát, uyển nhược thiên giang nguyệt ấn, dự nhiếp Long Hoa thọ ký nhân.

(Gác báu rợp mười phương, thật giống hư không dung muôn hình tượng, phô trọn chuyện tu nhân trong pháp giới,

Phân thân khắp trần sát, hệt như vầng trăng in bóng ngàn sông, nhiếp sẵn người thọ ký hội Long Hoa.)

3. Đại Hùng bảo điện

Nguyện trọng, bi thâm, cử tam căn nhi phổ độ,
Chân cùng, hoặc tận, siêu Thập địa dĩ độc tôn.

(Nguyện nặng, bi sâu, độ khắp trọn ba căn,
Chân cùng, hoặc tận, độc tôn trỗi Thập địa.)

4. Địa Tạng điện

Chúng sanh độ tận phương chứng Bồ-đề, bi tâm vô ký,
Địa ngục dĩ không thủy thị thành Phật, từ thệ mạc cùng.

(Chúng sanh độ hết mới chứng Bồ-đề, bi tâm vô tận,
Địa ngục trống rồi mới hiện thành Phật, từ thệ khôn cùng.)

5. Quán Âm (hai bài)

1. Diệu tướng trang nghiêm, phổ nhiếp thứ loại,
Bi tâm trắc đát, quảng độ quần manh.

(Diệu tướng trang nghiêm, nhiếp khắp mọi loài,
Bi tâm lồng lộng, rộng độ quần manh.)

2. Đại sĩ hiện thiên thủ nhãn biến đề phổ chiếu,
Chúng sanh đương nhất tâm chí quy mạng đầu thành.

(Đại sĩ hiện ngàn mắt, ngàn tay, chiếu soi nâng đỡ khắp,
Chúng sanh hãy một lòng, một chí, quy mạng dốc lòng thành.)

6. Niệm Phật Đường (hai bài)

1. Đô nhiếp lục căn tịnh niệm tương kế,
Chuyên chú nhất cảnh tất mạng vi kỳ.

(Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối,
Chuyên chú một cảnh, hết mạng làm hạn.)

2. Mạc nhạ nhất xưng siêu Thập địa,
Tu tri lục tự quát tam thừa.

(Chớ lạ xưng danh một tiếng, sao vượt trỗi Thập địa?
Nên biết hồng danh sáu chữ, bao trọn khắp ba thừa.)

7. Tặng đại sư Pháp Không

Tu hành dĩ đối trị phiền não tập khí vi bổn,
Tỉnh kỷ dĩ bất khẳng phóng túng tự khi vi công.

(Tu hành, lấy đối trị phiền não tập khí làm gốc,
Xét mình, dùng "chẳng chịu buông lung, tự khinh" làm công.)

8. Tặng cư sĩ Quách Giới Mai

Bôi lượng dung tam thiên thế giới,
Độ sanh tận thập nhị hàm linh.

(Lượng chén[127] chứa khắp cả tam thiên thế giới,

127 Trong lời tựa cho tác phẩm Bôi Độ Trai Văn Tập của cư sĩ Quách Giới Mai (xin xem lời tựa này trong quyển hai của Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên), tổ Ấn Quang đã viết: "Ấy là vì muốn độ người nơi biển cả phiền não ác nghiệp, phải dùng những lời hay hạnh đẹp của cổ thánh tiên hiền và sự lý nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo do đức Như Lai đã dạy để làm căn cứ, rồi tùy sự tùy cảnh dùng văn tự của chính mình để tỏ rõ. Đối với những chỗ nào chẳng thể dùng lý luận giảng rõ được bèn dẫn những sự tích xưa nay làm chứng cứ ngõ hầu kẻ cứng cổ phải quay đầu, kẻ tánh tình buông lung phải sửa đổi cái tâm. Nhưng vì đạo đức của chính mình nhỏ bé, mỏng manh, chẳng thể cảm hóa lớn lao, giống như dùng cái chén (bôi) để độ (cứu vớt) người nên chỉ độ được hữu hạn.

Độ sanh trọn hết mười hai loại hàm linh.)

9. Tặng cư sĩ Đới Địch Trần (hai bài)

1. Khuyến thân tu Tịnh, tận Nho đạo,
Kỳ chúng vãng sanh, sướng Phật hoài.

(Khuyên cha mẹ tu Tịnh độ, trọn hết đạo Nho,
Cầu mọi người được vãng sanh, thỏa Phật bổn hoài.)

2. Ngũ uẩn giai không, nhất pháp bất lập,
Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành.

(Ngũ uẩn đều không, một pháp chẳng lập,
Các ác đừng làm, các lành vâng giữ.)

Đấy chính là danh xưng tự khiêm. Cần biết rằng, cái chén này thuộc loại đại nguyện thuyền của Như Lai. Chịu lên cái chén ấy sẽ có thể ngay lập tức lên thẳng thuyền đại nguyện theo chiều dọc cùng tột ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương, rộng lớn không bờ bến."

XII. THƯỢNG HẢI HỘ QUỐC TỨC TAI PHÁP NGỮ

(Lời tựa tự đề xin xem trong Văn Sao Tục Biên)
Đặng Huệ Tải bút ký

1. Ngày thứ nhất: Giảng niệm Phật, ăn chay là căn bản để hộ quốc tức tai

Ấn Quang vốn là một ông tăng vô tri vô thức, chỉ biết đến cơm cháo, chỉ biết niệm Phật dăm câu, tuy sống luống uổng hơn 70 năm, nhưng tuyệt chẳng hề triệt để nghiên cứu Phật pháp. Pháp hội Hộ Quốc Tức Tai[128] lần này, do

128 Hộ Quốc Tức Tai: Bảo vệ đất nước, chấm dứt tai nạn. Thông thường pháp hội Hộ Quốc Tức Tai thường bao gồm những khoa nghi cầu nguyện cho quốc thái dân an, cầu siêu cho những oan hồn uổng tử. Theo truyền thống, trong pháp hội này, đại chúng

các vị kèo nài tham gia, vì tình nghĩa chẳng thể khước từ được. Vả lại, đây là chuyện quan hệ đến phước lợi quốc gia, mà cũng là trách nhiệm tôi phải tận lực nên tôi chẳng nề hà mình hiểu biết sơ sài, kém cỏi đến dự pháp hội này. Nhưng những điều tôi giảng hôm nay trọn chẳng phải là lý luận cao sâu gì, chỉ là trình bày phương pháp căn bản để "hộ quốc tức tai". Còn về ý nghĩa quan trọng của pháp hội lần này, đợi tới ngày mai sẽ bàn đến.

Mục đích của pháp hội lần này là hộ quốc tức tai, nhưng làm sao mới đạt được mục đích ấy? Tôi cho rằng phương pháp căn bản là niệm Phật, bởi vì sát kiếp và hết thảy tai nạn đều do ác nghiệp của chúng sanh chiêu cảm, nếu ai nấy đều niệm Phật thì sẽ xoay chuyển được nghiệp này. Nếu chỉ có một ít người niệm Phật thì nghiệp ấy cũng có thể giảm nhẹ. Pháp môn niệm Phật tuy là vì cầu sanh Tịnh Độ, liễu thoát sanh tử mà lập ra, nhưng sức tiêu trừ nghiệp chướng của nó quả thật cũng cực kỳ lớn lao. Người chân chánh niệm Phật trước hết ắt phải giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, ngăn dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện.

Cần nhất là phải hiểu rõ nhân quả, tự hành, dạy người

---

thường tụng kinh Nhân Vương Hộ Quốc, Pháp Hoa và Kim Quang Minh, kết thúc bằng nghi thức Diệm Khẩu hoặc Vô Già Thủy Lục. Đặc biệt trong pháp hội Hộ Quốc Tức Tai này, tổ Ấn Quang để xướng dùng Phật thất để làm Hộ Quốc Tức Tai, mở ra một đường lối Hộ Quốc Tức Tai vừa giản tiện vừa hiệu quả thiết thực, vì đại chúng chuyên tu, dễ nhiếp tâm cầu nguyện thay vì lo tán tụng, xướng bái quá rềnh rang, dễ sanh ra tâm lý ngại khó, mong làm cho xong.

hành. Hiện tại các thứ tà thuyết không thánh, không hiếu, khinh miệt đạo, phế luân thường, giết cha, chung vợ v.v., đều là do bọn Tống Nho đả phá, bài xích nhân quả luân hồi đến nỗi sanh ra ác quả này. Nếu như ai nấy đều hiểu rõ nhân quả thì quyết chẳng một ai dám xướng lên những thuyết sai lầm ấy! Trong thế gian, người tốt hoàn toàn chẳng biến đổi rất ít, kẻ xấu hoàn toàn chẳng biến đổi cũng rất ít, đa số là kẻ lúc thượng, lúc hạ, khi tốt, khi xấu, cho nên giáo hóa là điều khẩn yếu nhất vậy. Khổng tử nói: *"Duy thượng trí dữ hạ ngu bất di"* (Chỉ có bậc thượng trí và kẻ hạ ngu là chẳng thay đổi). Chỉ cần ra sức giáo hóa thì sẽ có thể khiến cho con người đổi ác theo lành, buông dao đồ tể, ngay lập tức thành Phật chẳng sót một ai! Chỉ là do nơi con người tin tưởng, nghĩ nhớ, tận lực mà hành đấy thôi.

Sở dĩ xã hội Trung Quốc hiện thời loạn lạc rối ren đến mức như thế này đều là do không được giáo hóa; nhưng giáo hóa phải bắt đầu từ lúc còn thơ ấu như thường hay nói: *"Giáo phụ sơ lai, giáo nhi anh hài"* (Dạy con từ thuở còn thơ, dạy vợ từ thuở ban sơ mới về). Nếu thuở nhỏ chẳng dạy, đến lúc lớn, khó lòng lay chuyển được. Vì sao? Tập tánh (thói quen) đã thành, không cách chi thay đổi được. Vì thế, người niệm Phật cần phải chú ý giáo dục con cái mình trở thành người tốt, giữ tấm lòng tốt, nói lời tốt, làm việc tốt. Nếu ai cũng làm được như thế thì tai nạn tự tiêu, đất nước cũng tự được gìn giữ, bảo vệ!

Chân lý mầu nhiệm căn bản của pháp môn niệm

Phật nằm trong ba kinh Tịnh Độ, nhưng theo như phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện của kinh Hoa Nghiêm đã dạy thì niệm Phật lại càng là hạnh nguyện căn bản chẳng thể thiếu khuyết. Bởi lẽ, Thiện Tài đã viên mãn tâm Thập tín[129], tham học với tỳ-kheo Đức Vân, liền được ngài dạy cho pháp môn niệm Phật, nhập vào Sơ trụ[130], phần chứng pháp thân. Từ đấy, Thiện Tài tham học với hơn 50 vị thiện tri thức, hễ nghe xong liền chứng, từ Nhị trụ cho đến Thập địa là 40 địa vị. Tối hậu ở chỗ Phổ Hiền Bồ-tát, Thiện Tài được ngài

---

129 Thập tín là 10 địa vị trong 52 địa vị tu học của Bồ-tát (không kể địa vị Pháp vân địa), tức là mười tâm ban đầu mà Bồ-tát muốn thành Phật phải tu tập. Trọng tâm của mười tâm này đặt tại tín, có công năng thành tựu tín hạnh, nên mười địa vị này gọi đầy đủ là Thập tín tâm, đôi khi còn gọi tắt là Thập tâm. Có nhiều cách giải thích Thập tín. Theo phẩm Hiền Thánh Danh Tự của kinh Bồ-tát Anh Lạc Bổn Nghiệp thì Thập tín là: Tín tâm (nhất tâm quyết định, ưa muốn được thành tựu), niệm tâm (thường tu sáu niệm, tức niệm Phật, niệm pháp, niệm tăng, niệm giới, niệm thí và niệm thiên), tinh tấn tâm, định tâm, huệ tâm, giới tâm (thọ trì luật nghi Bồ-tát giới thanh tịnh, giữ ba nghiệp thanh tịnh. Hễ phạm lỗi bèn sám hối thề không tái phạm), hồi hướng tâm, hộ pháp tâm (bảo vệ, ngăn ngừa cái tâm, chẳng để nó khởi phiền não), xả tâm (chẳng tiếc thân mạng, tài sản, bỏ tất cả những gì đạt được), nguyện tâm.

Theo phẩm Bồ-tát Giáo Hóa trong kinh Nhân Vương Hộ Quốc (bản dịch của ngài Cưu-ma-la-thập) thì Thập tín là: tín tâm, tinh tấn tâm, niệm tâm, huệ tâm, định tâm, thí tâm, giới tâm, hộ tâm, nguyện tâm, hồi hướng tâm. Kinh Phạm Võng lại giảng là xả tâm, giới tâm, nhẫn tâm, tấn tâm, định tâm, huệ tâm, nguyện tâm, hộ tâm, hỷ tâm, đảnh tâm; và gọi chung là *thập phát thú tâm* thuộc về *kiên tín nhẫn*. Kinh Lăng-nghiêm giảng là tín tâm trụ, niệm tâm trụ, tinh tấn tâm trụ, huệ tâm trụ, định tâm trụ, bất thoái tâm trụ, hộ pháp tâm trụ, hồi hướng tâm trụ, giới tâm trụ, nguyện tâm trụ, và gọi chung là thập tâm trụ. Tuy các kinh liệt kê danh tướng hơi sai khác, nhưng xét về đại thể mười tâm này gần giống nhau.

130 Sơ trụ, gọi đủ là Sơ phát tâm trụ, tức địa vị đầu tiên của Thập trụ (thuộc giai đoạn thứ hai sau khi viên mãn Thập tín), đôi khi còn gọi là Phát ý trụ. Theo kinh Hoa Nghiêm, Bồ-tát trụ địa vị này là người thiện căn bậc thượng dùng phương tiện chân thật phát khởi thập tín tâm, phụng hành tam bảo, thường trụ trong tám vạn bốn ngàn bát-nhã ba-la-mật, vâng giữ tu tập hết thảy hạnh, hết thảy pháp môn, thường dấy lên tín tâm, chẳng nẩy sanh tà kiến, mười tội nặng, ngũ nghịch, tám thứ điên đảo, chẳng sanh vào chỗ tai nạn, thường gặp gỡ Phật pháp, học rộng, nhiều trí tuệ, cầu nhiều phương tiện, trụ nơi địa vị không tánh, dùng *không lý trí tâm* để tu tập pháp của chư Phật quá khứ, xuất sanh hết thảy công đức.

khai thị, được sức oai thần gia bị, sở chứng ngang với ngài Phổ Hiền, ngang với chư Phật, liền thành Đẳng giác Bồ-tát. Sau đó Phổ Hiền Bồ-tát dùng mười đại nguyện vương dẫn dắt quy hướng Cực Lạc, khuyến khích cổ vũ Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng nhất trí tinh tấn hành trì, cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc nhằm mong viên mãn Phật quả.

Vì thế biết rằng: Pháp môn niệm Phật, tự phàm phu thuở ban đầu cũng có thể chứng nhập được, mà rốt cục đến bậc Đẳng giác cũng chẳng thể vượt ra ngoài nổi. Thật là pháp môn tổng trì trên thành Phật đạo, dưới giáo hóa chúng sanh, thành thỉ thành chung[131] của mười phương ba đời hết thảy chư Phật. Vì thế pháp môn này được chín giới cùng hướng về, mười phương chung tán thán, ngàn kinh cùng xiển dương, vạn luận đều tuyên thuyết.

Phàm là người học Phật thì có một việc rất nên chú ý là kiêng ăn mặn, vì ăn mặn sẽ tăng trưởng cơ duyên giết hại. Con người và hết thảy động vật cùng sống trong vòng trời đất, tâm tánh vốn bình đẳng, chỉ vì nhân duyên ác nghiệp đến nỗi hình thể sai khác quá xa. Nếu đời này quý vị ăn thịt chúng nó, đời mai sau chúng nó sẽ ăn thịt quý vị. Oán hờn báo đền mãi, cơ duyên giết chóc đời đời chẳng có lúc nào kết thúc. Nếu như ai nấy đều ăn chay thì sẽ vun bồi tâm từ bi của chính mình, tránh khỏi cơ duyên giết hại.

---

131 Do thành tựu phàm phu ban đầu nhập đạo nên gọi là "thành thỉ", đến địa vị cuối cùng là Đẳng giác Bồ-tát vẫn phải nhờ vào pháp môn này để viên thành Phật đạo nên gọi là "thành chung".

Nếu không, dù cho niệm Phật, nhưng chỉ lo sướng miệng, vui bụng, ăn đẫy thức tanh hôi, vẫn chưa thể đạt được lợi ích thật sự nhờ học Phật vậy!

Hơn nữa, người đời nay ưa nói Thiền Tịnh song tu, xét đến cùng cái gọi là song tu đó chỉ là khán câu "người niệm Phật là ai?" Đấy là chú trọng tham cứu, chẳng ăn nhập gì đến việc sanh lòng tin phát nguyện cầu vãng sanh của Tịnh độ cả, rõ ràng là hai chuyện khác biệt! Thêm nữa, Thiền tông nói "minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật" là nói đến đương nhân đích thân thấy được Phật tánh vốn sẵn đủ ở ngay trong tâm. Mật tông nói *"ngay thân này thành Phật"* (tức thân thành Phật), tức là quan niệm "hễ giải thoát được sanh tử ở ngay nơi cái thân này" thì gọi đó là thành Phật. Nếu vội hiểu những lời đó có nghĩa là ngay chính nơi thân này có thể thành tựu được vị Phật vạn đức đầy đủ, phước tuệ viên mãn thì lầm to, lầm to mất rồi!

Bởi lẽ, "kiến tánh thành Phật" của Thiền gia là sở chứng của địa vị đại triệt đại ngộ. Nếu đoạn được kiến hoặc và tư hoặc[132] trong tam giới mới có thể liễu sanh thoát tử.

---

132 Kiến hoặc gọi đầy đủ là *kiến đạo sở đoạn hoặc* (darśana mārga prahātavyānuśaya). Còn gọi là kiến phiền não, kiến chướng, kiến nhất xứ trụ địa. Theo luận Câu-xá, những kiến chấp mê muội đối với lý tứ đế được gọi là kiến hoặc; còn mê chấp nơi hiện tượng sự vật thì gọi là tu hoặc. Theo đó, kiến hoặc gồm 88 thứ, gọi chung là *bát thập bát sử*. Về căn bản phiền não thì gồm *ngũ lợi sử* (thân kiến: chấp trước vào thân; biên kiến: chấp chặt một bên có hay không, đúng hay sai, không thấy viên dung; tà kiến: thấy biết tà vạy; kiến thủ kiến: chấp chặt vào kiến giải một chiều, không thể chấp nhận những cách hiểu biết khác; giới cấm thủ kiến: chấp chặt vào giới điều, giữ những giới xằng bậy) và *ngũ độn sử* (tham, sân, si, mạn, nghi). Mười sử này phối hợp với mỗi đế trong tứ đế và mỗi giới trong tam giới (Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới), tạo thành 88 thứ hoặc cần phải đoạn.

"Tức thân thành Phật" trong Mật tông chẳng qua là đạt tới địa vị liễu sanh tử đầu tiên. Địa vị đó là bậc A-la-hán trong Tiểu thừa đã liễu sanh tử. Trong Viên giáo thì bậc Sơ tín đoạn được kiến hoặc, bậc Thất tín đoạn tư hoặc rồi mới giải quyết xong sanh tử. Bậc Thất tín và A-la-hán tuy cùng liễu sanh tử nhưng thần thông, đạo lực khác xa nhau vời vợi. Bát tín, Cửu tín, Thập tín phá được trần sa hoặc[133], cho đến *Thập tín hậu tâm* phá một phẩm vô minh, chứng một phẩm tam đức bí tạng[134], nhập Sơ trụ, thành bậc Pháp thân đại sĩ. Trải qua Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác là 41 địa vị rồi mới chứng nhập địa vị Phật. Lịch trình còn lâu xa như thế đó, làm sao mà một bước liền có thể vọt tới nơi ngay cho được? Người tu Tịnh độ đã sanh về Tây Phương liền liễu sanh tử thì cũng là "tức thân thành Phật", nhưng Tịnh tông chẳng nêu cái thuyết tiếm phận[135] ấy. Đem so sánh sự khó dễ với việc thuần cậy vào tự lực của nhà Thiền thì thật là sai khác một trời một vực. Kính mong các vị dự hội hãy suy nghĩ chín chắn ý chỉ này.

Theo tông Thiên Thai, mê nơi lý của tam giới là kiến hoặc, mê nơi sự tướng gọi là tư hoặc (tức là tu hoặc của luận Câu-xá). Sách Thiên Thai Tứ Giáo Nghi lại giảng như sau: "Phiền não vốn không có thực thể, nhưng lại tưởng những pháp hư vọng không hề có thật là thật sự có, nên gọi là kiến hoặc. Tham, sân, si… các phiền não là những sự tướng duyên theo ngũ trần, lục dục, qua sự suy nghĩ mà huyễn giả tồn tại trong tâm, vì thế gọi là tư hoặc."

133 Trần sa hoặc: Những gì thuộc về *trí* nhận biết trên mặt *sự* gây chướng ngại tục đế, khiến cho sự giáo hóa của Bồ-tát chẳng được tự tại thì gọi là trần sa hoặc. Do chúng nhiều vô lượng nên kinh luận thường dùng số cát sông Hằng để sánh ví, vì thế gọi là trần sa hoặc.

134 Tam đức bí tạng (kho bí mật ba đức), tức giải thoát, bát-nhã và pháp thân.

135 Tiếm phận: Vượt phận, vượt khỏi địa vị chánh đáng. Mật tông coi liễu sanh tử là "thành Phật ngay trong đời này", chứ chưa phải thật sự là Phật. Do chưa phải là Phật mà đã tự xưng là Phật nên bị coi là vượt lạm thân phận đáng nên giữ.

2. Ngày thứ hai: Bàn về nhân quả báo ứng và sự giáo dục trong gia đình

Ngày hôm qua giảng về pháp môn Tịnh độ, hôm nay giảng về ý nghĩa của pháp hội Hộ Quốc Tức Tai. Muốn nói đến "hộ quốc tức tai" thì trước hết phải biết là "hộ quốc" (giữ gìn đất nước) như thế nào? "Tức tai" (dứt trừ tai nạn) như thế nào? Là vì muốn đạt đến hạng mục ấy, có hai biện pháp: một là lâm thời, hai là bình thời. Nếu lúc bình thường, ăn chay niệm Phật để cầu hộ quốc tức tai thì cố nhiên có công đức vô hạn; nhưng lúc lâm thời, dốc lòng thành kính cầu nguyện giữ yên đất nước, dứt bặt tai nạn cũng sẽ có hiệu lực tương đương, nhưng vẫn chẳng bằng lúc bình thời mọi người hộ quốc tức tai thì hay hơn. Bởi lẽ, nếu bình thời mọi người ăn chay niệm Phật, do nguyện lực tiếp nối nên tà khí tiêu trừ, chánh khí tăng trưởng, ai nấy giữ tấm lòng tốt, nói lời tốt, làm việc tốt thì tự nhiên quốc gia được bảo vệ, tai ương tự tiêu vậy.

Sách xưa có ghi: *"Thánh nhân bất trị dĩ bệnh, trị vị bệnh; bất trị dĩ loạn, trị vị loạn"* (Thánh nhân chẳng trị lúc đã bệnh, trị từ lúc chưa bệnh; chẳng trị lúc đã loạn, trị từ lúc chưa loạn). Bởi lẽ trị khi đã loạn thì dễ hiểu, chứ trị từ lúc chưa loạn thì khó thấy rõ được! Phàm trị quốc cũng giống như trị bệnh, có cách trị nơi ngọn, có cách trị nơi gốc. Trị bệnh là trị khi đã loạn. Nếu cầu lấy hiệu quả nhanh chóng, tức là đau đầu trị bệnh đầu, đau đùi trị bệnh đùi, tức là trị cái ngọn vậy. Cái ngọn đã lành, sau đấy mới lại

trị cái gốc khiến cho khí huyết lưu thông trọn khắp, khỏe khoắn, sảng khoái. Gốc đã lành bệnh thì tự nhiên tinh thần phấn chấn, mới có thể hăng hái ra sức.

Hiện thời quốc gia nguy nan đã đến mức ngàn cân treo sợi tóc, tôi cho rằng để trị quốc trong hiện thời thì phải trị cả ngọn lẫn gốc. Cách kiêm trị không chi tốt bằng niệm Phật, ăn chay, kiêng giết, phóng sanh và hiểu sâu xa lý nhân quả trong ba đời. Kiếp vận hiện tại của thế giới, những tai nạn chúng ta phải chịu đựng đều là do ác nghiệp trong quá khứ chiêu cảm đến nỗi cảm nhận khổ quả hiện thời. Do đó biết rằng, những ác nghiệp này là do ác nhân trong quá khứ tạo thành; muốn tránh khổ quả phải dứt khổ nhân. Quá khứ đã gieo khổ nhân thì niệm Phật, sám hối mới có thể tiêu trừ được nổi.

Hiện tại nếu chẳng gieo khổ nhân nữa thì tương lai sẽ khỏi phải chịu khổ quả. Khổ nhân là gì? Là ba độc "tham, sân, si". Thiện nhân là gì? Giúp vật, lợi người. Nếu ai nấy hiểu rõ lẽ nhân quả sẽ chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, tai họa sẽ chẳng từ đâu mà khởi lên được nữa! Chỉ vì người đời nay chẳng hiểu lý nhân quả, tư dục đầy ắp dạ, không điều ác nào chẳng làm, chỉ biết có chính mình, chẳng biết có ai khác. Nào biết lợi người chính là lợi mình, hại người còn tệ hơn hại mình.

Vì thế hằng ngày tôi thường bảo: "Nhân quả là cái gốc lớn lao để thánh nhân trị thiên hạ, để Như Lai độ chúng

sanh. Bỏ nhân quả mà bàn đến chuyện trị quốc bình thiên hạ khác gì níu cây tìm cá, tôi chưa từng thấy ai có thể tìm được cả!" Phật dạy: *"Dục tri tiền thế nhân, kim sanh thọ giả thị. Dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị"* (Muốn biết nhân đời trước, xem quả báo đời này. Muốn biết quả mai sau, xem việc làm đời này). Nếu như những điều mình tạo tác đời này đều là việc ác, đời sau chắc chắn bị quả ác; nếu những hành vi đời này đều là việc lành thì đời sau nhất định hưởng thiện quả.

Kinh Dịch chép: *"Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh; tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương"* (Nhà tích thiện ắt sự vui có thừa; nhà chất chứa điều chẳng lành, tai ương ắt có thừa). Kinh Thư chép: *"Tác thiện, giáng chi bách tường. Tác bất thiện, giáng chi bách ương"* (Làm lành, trăm điều tốt lành giáng xuống. Làm việc chẳng lành, trăm tai ương đổ xuống). Lý ấy hệt như lý nhân quả của đức Phật ta đã giảng. Chữ "dư" đã nói đó chính là tàn dư của chánh báo, chứ không phải là chánh báo. Chính người ấy trong đời sau tự mình hưởng thụ, nên gọi là "bổn khánh, bổn ương" (điều vui mừng hay tai ương chính), còn dư báo lan qua con cháu. Dư báo, dư ương đều là do tổ phụ tích chứa mà thành vậy!

Người đời chẳng biết nhân quả, thường nói con người sau khi chết đi là đã giải thoát hoàn toàn, không có quả báo thiện ác nữa. Đây chính là tà kiến sai lầm nhất về đời sau của thiên hạ vậy. Cần biết rằng, người đã chết đi

rồi, thần thức chẳng bị diệt. Nếu ai nấy đều biết thần thức chẳng diệt, ắt sẽ thích làm lành. Nếu không biết thần thức chẳng diệt sẽ mặc tình phóng túng, giết cha, giết mẹ, đủ thứ tội ác do đấy mà sanh. Những thứ hành vi nghịch ác tột bậc ấy đều là kết quả của tà kiến đoạn diệt mà ra. Nếu ai nấy có thể chẳng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc, nhưng đấy vẫn chưa phải là biện pháp rốt ráo. Thế nào mới là biện pháp rốt ráo? Chính là niệm Phật cầu sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, và phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, ngăn chặn điều tà, giữ lòng thành thì sẽ chuyển được vận nước, tiêu trừ được tai nạn. Bởi lẽ tai nạn ngày nay đều là do cộng nghiệp của mọi người chiêu cảm.

Nếu ai nấy đều niệm Phật, làm lành sẽ chuyển được cộng nghiệp, tiêu được kiếp vận. Ngay trong lúc chiến cuộc nổ ra ở đất Hỗ vào ngày 28 tháng Giêng[136], những người niệm Phật được linh cảm rất nhiều. Bọn họ chỉ tu

136 Đây là biến cố xảy ra vào năm 1932. Nguyên do là vào ngày 18 tháng Giêng năm 1932, năm tăng nhân Nhật Bản xô xát với người Trung Hoa tại Tam Hữu Thực Nghiệp Xã ở vùng núi Mã Ngọc thuộc tô giới Thượng Hải, khiến cho một người chết, một người bị trọng thương. Cảnh sát Nhật liền bao vây khu vực, gây ra tình trạng căng thẳng. Đến ngày 20 tháng Giêng, 50 Nhật kiều lại phóng hỏa đốt trụi Tam Hữu Thực Nghiệp Xã, đồng thời đánh chết 3 cảnh sát người Hoa. Kiều dân Nhật lại yêu cầu hải quân Nhật can thiệp, quân phiệt Nhật liền huy động hải quân, lục quân vây kín Thượng Hải. Chính quyền Trung Hoa Dân Quốc bắt buộc phải đưa quân đội đến Thượng Hải đối phó. Giao tranh nổ ra khốc liệt giữa hai bên vào đúng ngày 28 tháng Giêng năm ấy. Cuộc chiến kéo dài mãi đến ngày 3 tháng 3 năm 1932, quân Nhật chiếm thế thượng phong với quân số áp đảo là bảy vạn quân, trong khi Trung Hoa Dân Quốc chỉ có năm vạn quân. Đến ngày 5 tháng 5, qua sự môi giới của Anh, Mỹ, Pháp, Ý, hiệp định đình chiến Tùng Hỗ được ký kết giữa đôi bên, Trung Hoa phải chấp nhận nhiều điều kiện thiệt thòi. Tổn thất rất lớn, 19.700 căn nhà bị phá hủy, số thương vong không thể đếm xiết!

một mình mà còn được linh cảm như thế, huống là ai nấy cùng tu ư? Vì thế biết rằng, do đại chúng chí thành khẩn thiết niệm Phật cũng có thể vãn hồi được tai nạn của đất nước. Lại như đức Quán Thế Âm Bồ-tát dùng 32 ứng thân để vào các cõi nước, theo tiếng cứu khổ, nếu như chí thành tụng niệm thánh hiệu Quán Thế Âm thì sẽ tự được cảm ứng. Những chuyện linh cảm xưa nay thấy ghi chép rất nhiều trong các sách vở, các vị có thể tự tìm đọc lấy. Ngoài những thân đã thuật trong phẩm Phổ Môn "Bồ-tát thấy nên dùng thân nào để độ được thì liền hiện thân đó cứu độ" ra, nếu Bồ-tát thấy nên dùng thân núi sông, đại địa, cầu bến, đường sá để hóa độ thì ngài cũng hiện các thân núi sông, đại địa, cầu bến, đường sá … để cứu độ.

Con người hiện tại, kẻ dấy được lòng tin ít lắm, kẻ không phát khởi lòng tin rất nhiều. Nếu ai nấy đều phát khởi lòng tin thì có tai vạ nào mà chẳng thể tiêu diệt được? Nhưng lòng tin của con người cần phải được vun bồi từ thơ ấu. Phàm là người làm cha mẹ, khi con cái còn thơ ấu, hãy nên dạy con cái về lý nhân quả báo ứng, đạo lý giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận. Nếu đợi đến lúc trưởng thành, tập tánh đã thành, không thể uốn nắn được nữa! Điều quan trọng nhất là "thai giáo" (dạy từ trong thai), nếu phụ nữ mang thai có thể ăn chay niệm Phật, làm lành bỏ ác, mắt chẳng nhìn sắc ác, tai chẳng nghe tiếng ác, thân chẳng làm việc ác, miệng chẳng thốt lời ác, khiến cho đứa trẻ còn trong thai đã được bẩm thọ chánh khí nên thiên

tánh tinh thuần. Sanh ra, lại giáo hóa thêm thì không đứa nào chẳng trở thành thiện nhân!

Xưa kia, các bà Thái Khương, Thái Nhậm, Thái Tự của nhà Chu đức hạnh hiền thục, cao đẹp, giúp chồng dạy con, nên tạo thành nền móng cho vương nghiệp nhà Chu suốt 800 năm. Ấn Quang thường bảo: "Quyền trị quốc, bình thiên hạ, hàng nữ nhân chiếm hơn quá nửa." Bởi lẽ trong gia đình, người chủ trì việc nhà đa phần là phụ nữ, đàn ông thường hay lo việc ngoài. Nếu mẹ hiền thì những điều lọt vào tai, đập vào mắt con cái trong nhà đều là những điều dạy dỗ của mẹ, chịu ảnh hưởng của mẹ, lợi ích ấy chẳng nông cạn. Nếu thuở bé bỏ mặc cho tánh chúng quen thói kiêu căng, cho chúng nó tự do, trọn chẳng lấy chuyện hiếu đễ, trung tín, nhân quả báo ứng để giáo huấn thì đến khi khôn lớn, chúng sẽ trở thành quyến thuộc của ma vương giết cha giết mẹ. Vì thế cần phải nuôi dưỡng tâm lành của con cái từ lúc thơ ấu, kèm cặp nghiêm ngặt.

Phải biết, hiện thời bọn sát nhân, phóng hỏa, không điều ác gì chẳng làm, đa phần là vì cha mẹ chúng nó nuông chiều quen thói kiêu căng mà ra! Mạnh tử dẫu hiền mà cũng cần phải do bà mẹ ba lần đổi chỗ ở, nghiêm ngặt quản thúc mà thành hiền nhân, huống hồ những kẻ tầm thường ư? Hiện tại, mọi người đề xướng nam nữ bình quyền, cho đó là nâng cao nhân cách của nữ giới. Chẳng biết nam nữ thể chất đã không giống nhau, mà trách nhiệm mỗi giới mỗi khác. Thánh nhân cho rằng vị trí chính đáng của nam

giới là ở ngoài, vị trí chính đáng của nữ giới là ở bên trong. "Vị trí chính đáng ở bên trong" chính là chăm lo những việc bếp núc, canh cửi, giúp chồng dạy con v.v.. Nay bảo nữ nhân đảm nhiệm chuyện của nam giới nên những chuyện thuộc vị trí chính đáng của nữ nhân bị bỏ phế. Tuy mang tiếng là nâng cao nhân cách của nữ giới, thật ra là xô đổ nhân cách phụ nữ. Xin những bậc anh hiền của nữ giới ai nấy nhận thức rõ nhân cách của chính mình ở tại đâu, ngõ hầu con cái trong gia đình đều thành hiền thiện, thiên hạ lẽ đâu chẳng thái bình!

Bởi lẽ đạo trọng yếu để trị quốc, bình thiên hạ nằm trong giáo dục gia đình, mà việc giáo dục trong gia đình người mẹ đảm nhiệm quá nửa. Bởi lúc trong thai, con cái đã bẩm thụ khí chất của mẹ, lúc sanh ra lại nhìn theo oai nghi của mẹ, nhận sự dạy răn của mẹ, nên trở thành hiền thiện. Điều này tuy chẳng hiện hình tích nhưng lại là việc trọng yếu để đạt đến thái bình. Tiếc là vĩ nhân các giới đa số chưa thấy rõ điều này. Nguyện những bậc anh hiền trong nữ giới kể từ nay hãy chú ý lời này.

Người đời đều gọi phụ nữ là Thái Thái. Phải biết ý nghĩa của hai chữ "thái thái" rất cao quý, to lớn. Xét ra, cội nguồn sâu thẳm của hai chữ ấy bắt nguồn từ tận đời Chu. Do Thái Khương, Thái Nhậm, Thái Tự đều là bậc thánh nhân trong nữ giới, đều có thể giúp chồng dạy con. Bà Thái Khương sanh ra ba vị thánh nhân là Thái Bá, Trọng Ung và Quý Lịch. Bà Thái Nhậm sanh Văn Vương. Bà Thái

Tự đẻ ra Vũ Vương và Chu công. Ba đời bà cháu nữ thánh sanh ra ba đời ông cháu mấy vị thánh nhân, tạo thành thời thịnh trị tốt đẹp nhất tự ngàn xưa. Người đời sau gọi phụ nữ là "thái thái" tức là muốn đem so họ với ba bà Thái. Do đấy hãy ngẫm xem: Thái Thái là danh hiệu cao quý nhất không gì hơn được nữa để gọi phụ nữ. Nữ giới cần phải có đức hạnh của ba bà Thái thì mới chẳng phụ bạc sự tôn xưng ấy. Rất mong những vị nữ anh hiền trong hiện tại hãy thực hiện chuyện giúp chồng dạy con, khiến cho con cái do mình sanh ra đều thành hiền thiện ngõ hầu chẳng phụ danh xưng tốt đẹp trên đây!

Kế đấy cần phải nỗ lực ăn chay, con người và động vật vốn bình đẳng, nỡ nào giết hại tánh mạng chúng để thỏa mãn miệng, bụng mình? Thân ta vừa bị dao cắt phải một chút liền cảm thấy đau khổ, mới nói hoặc nghĩ đến đó mà tim gan đau buốt, nỡ nào giết chúng ăn thịt? Huống chi kẻ sát sanh ăn thịt dễ khởi cơ duyên giết hại. Tai kiếp đao binh trong đời này đều là do đây mà có! Cổ nhân nói: *"Dục tri thế thượng đao binh kiếp, đản thính đồ môn dạ bán thanh"* (Muốn biết đao binh trong cõi thế, hãy nghe tiếng lò mổ giữa đêm trường). Trong cõi đời, khá nhiều kẻ tuy hiểu rõ đạo lý Phật pháp mà vẫn thấy kiêng giết, ăn chay là chuyện khó làm.

Năm Dân Quốc thứ mười (1921), tôi đến Nam Kinh thăm một người bạn, ông ta mời ông Ngụy Mai Tôn đến gặp tôi. Ông Ngụy tin Phật, niệm Phật, nhưng bảo là chưa thể ăn chay. Tôi dặn ông ta hãy đọc kỹ "Bài văn kêu gọi tu

bổ ao phóng sanh" của chùa Cực Lạc ở Nam Tầm đăng trong bộ Văn Sao mấy chục lượt sẽ ăn chay được. Bởi lẽ trong bài văn đó, trước hết nói chúng sanh và Phật tâm tánh chẳng hai, tiếp đó nói đến ta và các loài vật bao kiếp làm cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, sanh ra lẫn nhau, làm oan gia đối đầu của nhau, giết chóc lẫn nhau. Tiếp đó dẫn kinh văn Phạm Võng, Lăng-nghiêm, Lăng-già làm chứng. Đọc kĩ nghĩ sâu, chẳng những không nỡ ăn mà còn chẳng dám ăn nữa kia! Chưa đầy hai tháng sau, cư sĩ Ngụy liền trọn không ăn thịt nữa.

Lại nữa, bà mẹ của cư sĩ Hoàng Hàm Chi ở Thượng Hải chưa thể ăn chay, lại còn chẳng tin ăn chay là chuyện trọng yếu trong việc học Phật. Ông Hoàng Hàm Chi gởi thư hỏi cách khuyên cho mẹ tin, tôi bảo ông ta sớm tối thay mẹ đối trước Phật sám hối nghiệp chướng. Do mẹ con thiên tánh tương quan, nếu thật sự chí thành ắt có cảm ứng. Hàm Chi làm theo, hơn tháng sau, mẹ ông liền ăn chay trường. Lúc đó bà đã 81 tuổi, công khóa hằng ngày là hai vạn câu Phật hiệu, sống đến năm 93 tuổi mới mất.

Tôi mong từ hôm nay trở đi, hết thảy đại chúng chú ý kiêng giết, ăn chay và khuyên cha mẹ, con cái và thân hữu của chính mình cùng nhau ăn chay. Phải biết đây cũng là phương pháp căn bản để hộ quốc tức tai. Những điều tôi giảng hôm nay là ý nghĩa của hộ quốc tức tai, mà phương pháp để thực hành hộ quốc tức tai chính là niệm Phật, ăn chay; mong quý vị chẳng nghĩ là thiển cận rồi chẳng thèm để ý.

3. Ngày thứ ba: Trần thuật nguyên lý nhân quả và nêu những sự thực để chứng minh

Hai ngày hôm trước, tôi đã trình bày sơ lược về đạo lý nhân quả và phương pháp tức tai hộ quốc, hôm nay vốn chẳng cần phải luận về nhân quả nữa. Nhưng vẫn còn có những điểm chẳng thể không trình bày rõ ràng, nên tôi định sẽ giảng sâu hơn ít nữa, giảng rõ nguyên lý nhân quả và nêu sự thực để làm chứng, ngõ hầu đại chúng biết mà kiêng dè.

Hiện thời, người đời chẳng hiểu nguyên lý nhân quả, cho đó là chuyện bàn xằng, tà thuyết, lúc nào cũng tính chiếm tiện nghi, chẳng chịu thua thiệt; đâu biết tiện nghi chính là chịu thua thiệt, chịu thua thiệt chính là tiện nghi. Như người làm cha mẹ hiện nay phần nhiều nuông chiều con cái, chẳng kèm cặp nghiêm ngặt đến nỗi tạo thành thói quen ham tiền tài, tham chuộng tiện nghi. Cứ cho là có như vậy mới giữ gìn được gia sản, chẳng đến nỗi bị tổn thất; nào ngờ kết quả trái ngược: gây vạ suốt đời, lại còn gián tiếp tạo ảnh hưởng vô hạn cho quốc gia, xã hội.

Nay tôi nêu lên một chuyện để làm ví dụ: Triệu Lương Tướng ở Đại Châu đời Tùy, giàu nứt đố đổ vách, có hai đứa con. Đứa lớn tên Mạnh, đứa nhỏ tên Doanh; Doanh mạnh mẽ, Mạnh yếu đuối. Lúc người cha sắp mất, chia gia sản làm hai, Mạnh được nhiều hơn. Tới khi Lương Tướng mất, Doanh chiếm sạch tài sản của anh, chỉ cho anh một

căn nhà và mảnh vườn. Mạnh phải đi làm thuê để tự nuôi thân. Chẳng mấy chốc, Triệu Doanh chết, sanh làm con của Mạnh, mang tên là Hoàn. Sau đấy, Mạnh cũng chết, đầu thai vào nhà Doanh, làm cháu nội của Doanh, mang tên là Tiên. Đến lớn, nhà Mạnh càng nghèo, nhà Doanh càng giàu. Triệu Hoàn phải làm tôi tớ cho Triệu Tiên để sống. Ngạn ngữ có câu: "Thiên đạo không công bằng, đã giàu càng giàu thêm."

Một ngày kia, Hoàn nghe bà mẹ góa bảo: "Triệu Doanh cướp đoạt gia sản của mày đến nỗi đời mày nghèo mạt, nay đến làm tôi tớ cho nó, chẳng nhục hay sao?" Bởi thế, Hoàn oán hận, muốn giết Triệu Tiên. Năm Khai Hoàng thứ nhất (600 Tây lịch), Hoàn theo Tiên đi triều bái Ngũ Đài, vào đến chốn hang thẳm mấy mươi dặm ở phía Đông, sâu hun hút không một bóng người. Hoàn rút dao, bảo Tiên: "Ông nội mày và bố tao là anh em. Ông mày đoạt sản nghiệp của tao. Đến đời tao nghèo túng nay làm đầy tớ cho mày. Mày nỡ lòng làm thế, nay tao giết mày đây!" Tiên liền rảo chạy, Hoàn đuổi theo chạy vào rừng, thấy có am tranh liền bước vào. Có một vị lão tăng bảo Hoàn: "Ông định làm gì thế?" Hoàn đáp: "Tôi đuổi theo kẻ oán thù!"

Vị lão tăng cười lớn: "Ông khoan làm thế, tôi sẽ cho ông tự biết", rồi trao những món thuốc cho mỗi người để pha trà. Uống xong, như mộng mới tỉnh, chợt nhớ việc cũ, cảm thấy thẹn thùng, đau đớn. Lão tăng bảo: "Doanh

chính là tiền thân của Hoàn. Cướp đoạt tài sản của anh chính là tự bỏ tài sản của mình. Tiên là Mạnh thác sanh trở lại để hưởng lấy sản nghiệp kiếp trước vì lệnh cha vẫn còn vậy!" Hai người bèn bỏ nhà tu theo đạo Phật, sau mất tại am Di-đà. Xem trong Thanh Lương Sơn Chí[137]. Nhân quả báo ứng hiển hiện rõ ràng, như âm vang ứng theo tiếng, như bóng theo hình, chẳng sai mảy may.

Lại như hiện tại còn lưu truyền chuyện cái trống bằng da người ở núi Ngũ Đài cũng là chuyện nhân quả báo ứng thật rành rẽ đáng sợ vậy, xin kể rành rẽ. Đời Đường, tại chùa Hắc Sơn ở mặt sau ngọn Bắc Đài có nhà sư tên Pháp Ái làm giám tự 20 năm, lấy vật dụng của *chiêu-đề tăng*[138] tậu nhiều ruộng ở Nam Nguyên, để lại cho đồ đệ là Minh Hối. Pháp Ái chết liền sanh làm trâu ở nhà nọ tận lực một mình kéo cày trong 30 năm. Trâu vừa già vừa bệnh, chủ trại muốn đem trâu đổi lấy dầu. Đêm ấy, Minh Hối mộng thấy vị thầy đã chết của mình khóc bảo: "Ta dùng tài sản của tăng chúng để tậu ruộng cho ngươi, nay đang làm trâu vừa già vừa còm cõi, xin hãy lột da ta bịt trống, viết tên họ của ta trên trống, mỗi khi lễ tụng liền đánh trống thì nỗi khổ của ta mới mong có ngày thoát khỏi. Nếu không, dù

137 Thanh Lương Sơn Chí: Sách ghi chép về sự tích núi Ngũ Đài. Do núi Ngũ Đài băng đọng ngàn năm, mùa hạ vẫn có thể có tuyết rơi, không bao giờ nóng nực, nên được gọi là Thanh Lương Sơn.

138 Chiêu-đề (catur-diśa): Còn được phiên là chiêu-đấu-đề-xá, dịch nghĩa là tứ phương, hoặc tứ phương tăng, tứ phương tăng phòng, có nghĩa là chúng tăng từ bốn phương đều có thể nghỉ lại nhà khách của chùa. Về sau chữ này dùng để chỉ tài sản chung của tăng chúng, mọi người đều có quyền sử dụng.

gò Nam Nguyên có biến thành biển xanh, ta vẫn chưa thể thoát khổ nổi!" Nói xong, phủ phục cả thân mình xuống. Minh Hối tỉnh giấc, chỉ mới nửa đêm liền thỉnh chuông nhóm chúng, kể cặn kẽ chuyện này.

Sáng hôm sau, chủ trại ruộng báo con trâu già đã húc đầu vào cây mà chết. Minh Hối y theo lời trước, lột da trâu bịt trống, viết tên thầy lên trên, bán hết ruộng ở Nam Nguyên, được bao nhiêu tiền đem đãi cơm chư tăng Ngũ Đài hết. Minh Hối lại bán sạch cả y bát, vì vị thầy đã mất mà lễ sám. Sau đem trống ấy gởi vào điện Văn-thù ở núi Ngũ Đài. Lâu ngày trống hư, chủ chùa đem trống khác thế vào. Thế gian ngoa truyền là trống bịt bằng da người. Xem trong Thanh Lương Sơn Chí.

Ấy là nhân quả rành rành, không ai có thể trốn khỏi. Hai người con họ Triệu do đời trước có gieo căn lành nên gặp được cao tăng, nghiễm nhiên thành đạo. Còn như những kẻ phàm tục há nên tự ỷ y, lại còn bài bác "không có nhân quả", tự mình lầm, làm người khác lầm, tự hại hại người! Người đời nay đều chỉ thấy chuyện trước mắt, chẳng đoái hoài đời sau, thích chiếm tiện nghi, chẳng bằng lòng chịu thua thiệt. Con cái họ mắt thấy tai nghe, tập riết thành thói. Phong tục xã hội cũng do đó mà hiểm ác, tranh đoạt khởi lên, đại loạn dấy lên lung tung, giết người đầy thành, ngập đồng mà mắt chẳng nháy, tâm chẳng áy náy, không gì chẳng phải là vì lẽ đó. Đã thế, những kẻ giết người tàn nhẫn, ác độc, chẳng thấy là đáng buồn, đáng sợ, ngược

ngạo vênh váo khoe công, lại còn khen ngợi lẫn nhau. Thậm chí có kẻ giết cả cha mẹ, giết huynh trưởng, ngược ngạo tự xưng là "đại nghĩa diệt thân" (vì nghĩa lớn mà giết người thân)!

Ôi, họa biến đến thế, thiên lý tuyệt, nhân đạo diệt, không những đạo đức bị vùi lấp, mất mát mà chắc là kiếp nạn lớn lao sẽ liên tiếp xảy ra! Vì thế, trong hiện tại muốn cứu vớt, bảo vệ đất nước thì phải bắt đầu từ căn bản. Căn bản là gì? Tức là tin tưởng chắc chắn vào nhân quả. Nếu đã thật sự hiểu rõ lý nhân quả rồi lại còn có thể dốc lòng tin, thực hành thì thế đạo, nhân tâm sẽ tự có thể vãn hồi. Tôi cho rằng tất cả triết học, tôn giáo trên thế giới không gì tinh vi, sâu thẳm, nhưng dễ thực hành bằng Phật giáo.

Hiện tại, người đời sở dĩ chẳng tin nhân quả, phần lớn là vì chịu ảnh hưởng của Tống Nho. Những nhà Lý học[139] thời Tống như Trình Minh Đạo, Trình Y Xuyên, Chu Hối Am v.v. do xem kinh Đại thừa nhà Phật, chỉ lãnh hội sơ lược ý nghĩa "toàn sự tức lý" và thân cận tri thức trong Tông môn (Thiền tông), lại biết ý chỉ "bất cứ pháp nào, chuyện nào cũng chẳng ngoài nhất tâm", chứ thực

---

139 Lý học là học thuyết giải thích Nho giáo theo quan điểm của Trình Di và Chu Hy. Học thuyết này cho lý là nguyên khởi của vũ trụ (do nhìn từ góc độ khác nhau mà có danh xưng khác nhau như trời, thượng đế, đạo v.v.), lý là bản tánh trời sanh của từng cá nhân. Do lòng ham muốn riêng tư mà con người quên mất lý này. Vì thế phải trừ khử dục vọng, trở về với lý gọi đó là *"thiên nhân hợp nhất"* (trời người hợp nhất). Lý biểu hiện dưới dạng vật chất hữu hình thì gọi là khí. Như vậy, lý của họ chỉ là vay mượn khái niệm Phật tánh, Như Lai tánh, pháp thân của Phật giáo mà thôi! Hoặc nói cách khác, lý - khí của họ chỉ là cách gọi tên khác của chữ thể và dụng trong Phật giáo.

sự chưa hề xem trọn khắp các kinh luận và tham học với khắp mọi tri thức các tông, bèn trộm lấy ý nghĩa của kinh Phật để tự xưng hùng, dùng đó để phát huy sự sâu xa của Nho giáo.

Bọn họ lại sợ người đời sau xem kinh Phật sẽ biết được cái họ đạt được là ăn trộm từ kinh Phật nên bèn rắp tâm mê muội báng Phật. Do chẳng dễ báng bổ những chỗ tinh diệu, họ liền nhắm vào mặt sự để bài bác. Họ bảo đức Phật dạy sự lý "nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo" đều nhằm phỉnh phờ hạng ngu phu, ngu phụ phụng hành giáo pháp của ngài, chứ thật sự chẳng có những chuyện ấy. Họ còn bảo: Sau khi con người chết đi, thân đã mục nát thì thần thức cũng phiêu tán, dù có băm, chặt, giã, mài sẽ thi thố vào đâu? Hơn nữa, thần thức đã tan thì còn ai để thọ sanh? Do vậy, họ đã mở tung đầu mối phóng túng, không kiêng sợ gì cả, thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để trừng phạt, cho rằng "trời tức là lý" vậy, chứ nào có một vị vua đội mão[140] thật sự đâu! Họ cho rằng quỷ thần là lương năng[141] của hai khí, chẳng hạn như sấm động là do hai khí âm dương va chạm nhau nổ thành tiếng.

---

140 Nguyên văn *"miện lưu"* là một thứ mũ lễ được dùng bởi những bậc quyền quý. Thường được gọi là mão "bình thiên", có hình ống, đỉnh là một tấm phẳng hình chữ nhật (do vậy, gọi là bình thiên), trước và sau tấm bình thiên có đính các sợi tua kết bằng châu ngọc rủ xuống trước trán. Theo phần Biện Sư trong thiên Hạ Quan sách Chu Lễ, miện của thiên tử có 12 tua, chư hầu 9 tua, thượng đại phu 7 tua, hạ đại phu 5 tua. Từ đời Tần Thủy Hoàng trở đi, "miện lưu" chỉ dành riêng cho thiên tử đội, cấm tuyệt chư hầu, quan chức sử dụng.

141 Trong Lý học, "lương năng" là thuật ngữ chỉ tác dụng và biểu hiện của khí.

Họ coi những vấn đề "thực lý, thực sự" là chuyện bàn luận suông, chuyên lấy việc "chánh tâm thành ý" làm cái gốc để trị quốc, trị dân; chẳng biết chánh tâm thành ý chính là do "trí tri cách vật" mà ra. Họ bảo "trí tri" là thúc đẩy tri thức (sự hiểu biết) của mình đến cùng cực, "cách vật" là hiểu cùng tận cái lý của mọi sự vật trong thiên hạ. Nào hay "vật" chính là tư dục trong tâm mình, do có tư dục nên chướng lấp tự tâm. Bởi thế, tâm vốn sẵn đủ chân tri nhưng không cách nào hiển hiện được. Do "cách trừ" (thấu hiểu và trừ khử) được tư dục thì chân tri sẵn có sẽ tự hiển hiện. Hễ chân tri đã hiển thì ý sẽ thành, tâm sẽ chánh. Chánh tâm thành ý thì ngu phu, ngu phụ chẳng biết một chữ cũng vẫn làm được! Còn nếu đúng như họ (chỉ các nhà Tống Nho) nói thì thúc đẩy tri thức của ta đến cùng cực để hiểu tận cùng cái lý của mọi sự vật trong thiên hạ, dẫu bậc thánh nhân cũng làm không được. Vì thế biết rằng, hễ lầm lạc ở chỗ này thì căn bản để giữ yên cõi đời đã mất. Họ lại dùng thuyết "không nhân quả luân hồi" để dạy người khác chánh tâm thành ý. Nếu không có nhân quả, một phen chết đi là vĩnh viễn mất hết, thiện hay ác đều cùng chết sạch; còn ai bận tâm đến cái tiếng hão mà chánh tâm thành ý cơ chứ?

Hơn nữa, các nhà Lý học cho rằng "có làm điều gì để làm lành thì đó chính là ác", lời này đúng là phá hoại thiện pháp thế gian. Vì sao thế? Ông Cừ Bá Ngọc năm 20 tuổi, biết 19 năm trước đều sai trái; tròn 50 tuổi, thấy 49

năm trước đều sai trái, muốn bớt lỗi nhưng chưa làm được. Như thế là có làm điều gì hay là không làm điều gì? Khổng tử coi "đức không tu, học vấn chẳng giảng, nghe đạo nghĩa mà chẳng thể làm theo, không thể thay đổi chuyện chẳng tốt" là điều đáng lo. Tuổi đã 70 mà ngài vẫn mong trời cho sống thêm mấy năm nữa để học Dịch hòng khỏi mắc lỗi lớn. Như vậy thì ngài có làm điều gì hay không làm điều gì hết vậy?

Từ sau thời Trình - Chu, nhà Nho đều chẳng dám bàn đến nhân quả, vì hễ bàn đến sẽ bị người khác công kích, bảo không phải là thuần Nho, cho là trái nghịch tiên hiền. Bởi vậy, phàm những kẻ hiểu biết kém cỏi liền hùa giọng báng Phật; người kiến thức cao minh không ai chẳng lén lút xem kinh Phật để mong khoe tài, không ai chẳng thống thiết bài bác Phật pháp, ngõ hầu làm căn cứ để sau này được thờ trong Hiền Từ (miếu thờ tiên hiền) trong làng hay được đưa vào thờ trong Văn Miếu!

Trong thâm tâm của Trình, Chu khi ấy chỉ mong Nho giáo hưng thịnh, chẳng bận tâm Phật giáo sẽ còn hay mất. Cho tới hiện thời, do chất độc "phá diệt nhân quả luân hồi" của bọn họ đến nay bộc phát, phế kinh điển, phế luân thường, bỏ hiếu, không biết hổ thẹn, trở thành những thảm kịch như giết cha, giết mẹ, chẳng đáng buồn ư?

Hiện tại chiến sự ở vùng Tuy Viễn rất khẩn cấp, tai họa cực thảm, những chiến sĩ trung dũng và đồng bào thân

ái của chúng ta hoặc là máu thịt tung tóe, táng thân, tổn mạng, hoặc là nhà tan cửa nát, trôi giạt bơ vơ, không cơm không áo, đói khát bức bách. Nói và nghĩ đến điều này, tim gan đều tan nát! Sáng nay pháp sư Viên Anh kể cho tôi nghe chuyện này, bảo tôi khuyên mọi người phát tâm cứu tế, góp gió thành bão[142], chẳng quản ít nhiều. Có áo giúp áo, có tiền giúp tiền, công đức vô lượng, chắc chắn hưởng thiện quả.

Phải biết, giúp người tức là giúp mình, cứu người tức là cứu mình. Nhân quả vằng vặc, chẳng sai sót mảy may. Nếu chính mình gặp tai nạn, không có ai giúp, nhưng nếu có thể xưng niệm thánh hiệu thì nhất định sẽ được Phật, Bồ-tát thầm gia hộ, bảo vệ. Tôi là một ông sư nghèo, hoàn toàn chẳng cất chứa thứ gì, hễ đệ tử tại gia có bố thí gì, đều dùng để ấn loát kinh sách hết. Nay tôi xin quyên ra một ngàn đồng để xướng suất cứu trợ vùng Tuy Viễn. Giúp người mắc nạn thì mới có thể dứt trừ được tai nạn cho chính mình.

Hiện tại có những phụ nữ ham chuộng xa hoa, một bình nước hoa trị giá từ ba, bốn chục đồng đến hai, ba trăm đồng, sao bằng đem số tiền phung phí đó dùng để cứu trợ Tuy Viễn? Lại còn có hạng người rất chuộng tích cóp của cải, lúc sống đã chẳng muốn dùng, chết đi còn mong chôn theo xuống đất, muốn được con cái chôn cất

142 Nguyên văn là *"tập dịch thành cừu"* (góp những miếng da ở dưới nách con cáo may thành áo cừu).

ma chay trọng thể, hoặc để lại cho con cháu dùng. Đâu có biết hiện nay đang có nguy cơ đào mồ, những tưởng tích chứa nào ngờ lại khiến cho người chết bị hại. Như hiện tại ở Thiểm Tây đang có cả một tổ chức đào mộ chuyên làm chuyện đó. Làm con có hiếu với cha mẹ, nỡ nào vì chữ hiếu lại khiến cho mớ xương khô của cha mẹ bị phơi tênh hênh trên mặt đất! Sao bằng đem khoản tiền lớn lao đó dùng để cứu tế người khác thì tốt hơn. Lại có người nghèo túng, tuy có chí nguyện làm như thế, nhưng sức chẳng kham nổi, tôi cho rằng hãy nên niệm Phật cho nhiều để giúp đỡ. Đã có thể dứt tai nạn cho người, lại còn dứt được tai nạn cho mình. Vui sướng như vậy mà sao không làm?

Lúc chiến cuộc xảy ra tại đất Hỗ (Thượng Hải), cháu nội của cư sĩ Tào Thương Châu ở Tô Châu vâng lời cha từ đất Hỗ xuống Tô Châu đón tam thúc tổ (ông chú thứ ba) và các chú về đất Hỗ. Ông chú và các chú đều chẳng muốn đi. Anh ta bèn lấy châu báu của vợ giắt vào lưng, ngồi tàu thủy nhỏ về đất Hỗ. Chợt có kẻ cướp đến, anh ta muốn trốn lên bờ, liền nhảy xuống nước, vàng ngọc giắt theo có lẽ đáng giá hai, ba vạn đều đem cho hết người đã đổi áo cho mình, tự xưng là học trò nghèo, làm thầy giáo dạy vỡ lòng cho trẻ. Nếu bọn giặc cướp biết được, không biết còn phải tốn tới mấy vạn để chuộc thân nữa. Đấy có phải là tiền tài gieo họa cho người hay không?

Người ta nay chỉ tham phần tiện nghi trước mắt, chẳng thể thấy thông suốt, bị khốn khổ vì tiền tài, những

trường hợp như vậy rất nhiều, chẳng thể thuật đủ! Khi xưa có một vị cư sĩ nọ hỏi tôi phương cách vãn hồi kiếp vận, tôi bảo: "Việc này rất dễ! Hiểu rõ lý nhân quả rồi tận lực thực hành, phát được tín tâm ắt có thiện quả. Vả nữa, tâm dối trá đã tiêu, trong tâm rỗng suốt thì tai nạn nào cũng đều tiêu tan như băng tuyết vậy!"

Trong cơn loạn lạc Hồng Dương[143], một nhà buôn gỗ ở Giang Tây là Viên Cung Hoằng bị bọn phỉ bắt được, trói vào cây cột ở khách sảnh (nhà khách), khóa chặt cửa lại, chờ đúng lúc sẽ giết. Ông Viên tự nghĩ ắt bị chết, bèn thầm niệm thánh hiệu Quán Âm, hồi lâu ngủ quên đi, tỉnh dậy thấy thân mình nằm ngoài đồng, ngẩng đầu lên thấy hãy còn sớm liền trốn thoát. Do vậy, tôi rất mong mọi người phát tín tâm rộng lớn, nương vào đức của cha trời mẹ đất[144], giữ lòng nhân "coi mọi người và ta là ruột thịt, xem loài vật cũng giống như ta". Phàm đối với hết thảy những gì trong vòng trời đất đều thương xót, nuôi dưỡng, bảo vệ. Lại còn đem lẽ nhân quả báo ứng, đạo niệm Phật cầu sanh Tây Phương để chỉ bảo, khuyến hóa. Nếu như ai nấy đều thực hành thì nước chẳng mong bảo vệ mà tự được bảo vệ, tai nạn chẳng mong dứt cũng tự dứt vậy!

---

143 Hồng Dương: Loạn Thái Bình Thiên Quốc do Hồng Tú Tài và Dương Tú Thanh lãnh đạo, nên còn gọi là loạn Hồng Dương.

144 Nguyên văn "Càn vi đại phụ, Khôn vi đại mẫu".

4. Ngày thứ tư: Giảng về nhân quả lớn lao để thành Phật và giải thích đại lược những nghĩa lý trọng yếu của Tứ Liệu Giản

Hai ngày hôm trước, tôi đã bàn qua về nhân quả. Hôm nay tôi vẫn bàn về nhân quả, quý vị cần biết là nhân quả đã được nói trong hai bữa trước là tiểu nhân, tiểu quả, nhân quả được bàn trong ngày hôm nay là đại nhân, đại quả.

Sở dĩ đức Phật thành Phật thường hưởng pháp lạc chân thường, sở dĩ chúng sanh bị đọa địa ngục, vĩnh viễn chịu khổ luân hồi kịch liệt, cả hai việc này đều chẳng ra ngoài nhân quả. Hễ con người muốn trị thân tâm thì trọn chẳng thể ra ngoài nhân quả được. Con người hiện tại ham ăn nói lớn lối, chẳng cầu thực tế, bộp chộp bảo nhân quả là pháp Tiểu thừa, thật là lầm lẫn lớn. Nào biết Đại thừa hay Tiểu thừa trọn chẳng ra ngoài hai chữ "nhân quả" được! Tiểu thừa là tiểu nhân quả, Đại thừa là đại nhân quả. Tiểu nhân (nhân nhỏ bé) là y theo *sanh diệt tứ đế*, biết khổ, đoạn tập, hâm mộ diệt, tu đạo; tiểu quả là chứng quả A-la-hán. Đại nhân (nhân lớn lao) là tu lục độ vạn hạnh; đại quả là chứng Phật quả rốt ráo. Trồng dưa được dưa, gieo đậu được đậu, có nhân nào ắt sẽ có quả đó, chưa hề sai sót. Vì vậy chẳng riêng người thế gian đều thuộc trong nhân quả, mà ngay chính Bồ-tát, Phật cũng chẳng ra ngoài nhân quả được. Nếu bảo nhân quả là Tiểu thừa, hóa ra Phật, Bồ-tát cũng là Tiểu thừa ư? Đủ biết lời lẽ ấy ngông cuồng, trái nghịch đến thế nào!

Pháp hội này là pháp hội Hộ Quốc Tức Tai, tôi chỉ mới bàn đến việc ngưng dứt tai nạn đao binh, nước lửa, vẫn chưa phải là rốt ráo. Lại cần phải dứt tai nạn phiền não sanh tử thì mới là biện pháp triệt để. Chúng ta mê muội pháp thân của chính mình, dứt huệ mạng của Phật, đáng buồn đáng đau! So với việc sắc thân bị họa, mê lầm mất pháp thân nào phải chỉ gấp trăm ngàn vạn lần nặng nề hơn. Vì thế phải hộ trì pháp thân huệ mạng, đoạn sanh tử phiền não mới đáng kể là biện pháp tức tai (dứt trừ tai chướng) trọn vẹn.

Phật giáo, nói đại cương thì chẳng ngoài năm tông, năm tông chính là Luật, Giáo, Thiền, Mật, Tịnh. Luật là căn bản của Phật pháp, nghiêm trì tịnh giới để mong tam nghiệp thanh tịnh, nhất tánh viên minh, ngũ uẩn đều không, các khổ đều độ. Giáo là nương theo giáo pháp mà tu quán, rời khỏi "ngón tay chỉ mặt trăng để thấy được mặt trăng", triệt ngộ Phật tánh sẵn có của đương nhân, kiến tánh thành Phật. Nhưng chữ "thành Phật" đó có nghĩa là thấy được đức Phật thiên chân[145] trong tự tánh bèn gọi là "thành Phật", chứ chưa phải là thành tựu, chứng được quả Phật nơi đạo Bồ-đề. Mật dùng tam mật (thân mật, khẩu mật, ý mật) gia trì, chuyển thức thành trí, gọi là "tức thân thành Phật" (thành Phật ngay trong thân này). Đây cũng chỉ là coi "liễu sanh thoát tử từ ngay nơi thân này là thành Phật", chứ chưa phải là thành đức Phật phước tuệ viên mãn. Ba tông này đều có thể gộp

145 "Thiên chân" có nghĩa là chân lý tự nhiên sẵn có không cần phải tạo tác. Sách Chỉ Quán Phụ Hành Truyền Hoằng Quyết, quyển 1, giảng: "Lý không phải tạo tác thì gọi là thiên chân." Như vậy, "thiên chân Phật" chính là Phật sẵn có trong chân tâm, tức pháp thân.

vào Thiền, vì khí phận giống nhau. Do vậy, tu trì Phật pháp trọng yếu chẳng ngoài hai môn Thiền và Tịnh.

Thiền chuyên cậy tự lực, nếu chẳng phải kẻ túc căn chín muồi thì chẳng thể được lợi ích thật sự. Tịnh là kiêm nhờ Phật lực, hễ ai đầy đủ tín hạnh nguyện chân thật thì đều có thể mang nghiệp vãng sanh. Sự khó dễ giữa hai pháp môn này khác nhau một trời một vực. Vì thế đầu đời Tống, thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ dùng thân "cổ Phật" thị hiện sanh trong thế gian, triệt ngộ nhất tâm, tu trọn vạn hạnh; mỗi ngày làm 108 Phật sự, đêm đi qua ngọn núi khác kinh hành niệm Phật. Ngài rất lo cho kẻ học trong đời sau chẳng hiểu rõ tông yếu[146], nên đặc biệt viết một bài kệ Tứ Liệu Giản, ngõ hầu mọi người biết chỗ tiến theo. Bài kệ ấy như sau:

Hữu Thiền, hữu Tịnh độ,
Do như đới giác hổ,
Hiện thế vi nhân sư,
Lai sanh tác Phật, tổ.

Vô Thiền, hữu Tịnh độ,
Vạn tu, vạn nhân khứ,
Nhược đắc kiến Di-đà,
Hà sầu bất khai ngộ?

---

146 Tông yếu: Điều quan trọng mấu chốt trong giáo pháp của các tông. Sách Pháp Hoa Kinh Huyền Nghĩa quyển 1 giảng: "Tông yếu nghĩa là trọng yếu, tức là nhân quả của chính đức Phật đã hành thì gọi là tông. Thế nào là yếu? Vô lượng các điều thiện, hễ nói là nhân thì đều bao gồm hết. Vô lượng sự chứng đắc, hễ nói là quả thì đều bao gồm hết. Như giở cái lưới lên, không mắt lưới nào chẳng động. Nắm một góc áo, không sợi vải nào chẳng dính theo, nên gọi là tông yếu."

Hữu Thiền, vô Tịnh độ,
Thập nhân cửu tha lộ,
Ấm cảnh nhược hiện tiền,
Miết nhĩ tùy tha khứ.

Vô Thiền, vô Tịnh độ,
Thiết sàng tịnh đồng trụ,
Vạn kiếp dữ thiên sanh,
Một cá nhân y hỗ.

(Có Thiền, có Tịnh độ,
Khác nào hổ thêm sừng,
Hiện tại làm thầy người
Đời sau làm Phật, tổ.

Không Thiền, có Tịnh độ,
Vạn tu, vạn cùng sanh,
Nếu được thấy Di-đà,
Lo gì chẳng khai ngộ.

Có Thiền, không Tịnh độ
Mười người, chín chần chừ
Ấm cảnh nếu hiện tiền
Chớp mắt đi theo nó.

Không Thiền, không Tịnh độ
Giường sắt cùng cột đồng
Muôn kiếp với ngàn đời
Không một ai nương dựa.)

Tám mươi chữ này là cương yếu cả một đời giáo hóa của đức Như Lai, là khuôn mẫu huyền diệu để người học Phật liễu thoát ngay trong đời này. Người đọc trước hết cần phải hiểu rõ thế nào là Thiền? Thế nào là Tịnh độ? Thế nào là có Thiền? Thế nào là có Tịnh độ? Thiền và Tịnh độ là ước về lý, ước về giáo mà nói. "Có Thiền, có Tịnh độ" là ước về căn cơ, ước về tu mà luận. Luận theo lý - giáo, hai pháp Thiền và Tịnh trọn chẳng khác gì nhau; xét về mặt cơ - tu (căn cơ và sự tu hành), hai pháp khác nhau rất xa. Lời tuy tương tự, ý nghĩa thật khác biệt, cần phải rất chú ý thì mới chẳng cô phụ tấm lòng đau đáu của tổ Vĩnh Minh.

Gì là Thiền? Đấy chính là chân như Phật tánh chúng ta sẵn có, nhà Thiền thường gọi là "bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra". Tông môn chẳng nói toạc ra để người ta tự tham cứu, tự lãnh ngộ, nên nói như thế. Thật sự thì nó chính là tâm thể thuần chân ly niệm linh tri, không năng không sở, vừa tịch vừa chiếu[147] vậy ("ly niệm linh tri" là trọn không có ý niệm suy lường nhưng hiểu rành rẽ tất cả cảnh tượng trước mắt). Tịnh độ tức "tín nguyện trì danh, cầu sanh Tây Phương", chứ chẳng phải chỉ riêng nói đến "duy tâm Tịnh độ, tự tánh Di-đà".

"Có Thiền" tức là dốc sức tham cứu đến cùng cực,

147 Năng: Đối tượng chủ thể; sở: đối tượng thụ động. Chẳng hạn, chúng ta đọc sách thì nhãn thức và ý thức là năng, cuốn sách được đọc là sở. Tịch và chiếu là hai mặt của chân tâm, chân tâm thường hằng bất biến, không bị ngoại duyên nhiễm ô, không bị mất đi dù chúng sanh luân hồi bao nhiêu kiếp nên gọi là tịch (vắng lặng). Công dụng chiếu soi (tức nhận hiểu sự vật vạn pháp) của tâm được gọi là chiếu.

niệm vắng lặng, tình[148] mất đi, thấy thấu suốt diện mục sẵn có trước khi cha mẹ sanh ra, minh tâm kiến tánh. "Có Tịnh độ" là chuyện thực sự phát tâm Bồ-đề, sanh lòng tin, phát nguyện, trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. Nếu như tham thiền chưa ngộ, hoặc ngộ chưa triệt để đều chẳng được gọi là "có Thiền". Nếu như niệm Phật nhưng thiên chấp duy tâm, không có tín nguyện, hoặc có tín nguyện nhưng chẳng thân thiết đều chẳng được gọi là "có Tịnh độ". Thậm chí, tuy tu Tịnh độ nhưng tâm nghĩ đến trần lao[149], hoặc cầu phước báo trời người, hoặc cầu đời sau xuất gia làm tăng, nghe một hiểu cả ngàn, đắc đại tổng trì, hoằng dương Phật pháp, giáo hóa chúng sanh đều chẳng được gọi là "người tu Tịnh độ", bởi vì chẳng chịu theo đúng kinh giáo Tịnh độ trong Phật pháp. Nếu lầm lạc lấy giáo nghĩa thông thường làm chuẩn để phê phán, suy luận pháp môn Tịnh độ thì trong đời sau, trong cả vạn người, khó có được một, hai kẻ có thể chẳng mê để được liễu thoát. Bị phước báo mê hoặc, từ mê vào mê, thật có lắm kẻ! Nếu thật sự hiểu sâu xa ý nghĩa này thì mới đúng là người tu Tịnh độ.

Kẻ có mắt không tròng thường tưởng tham thiền là "có Thiền", niệm Phật là "có Tịnh độ", tự lầm lầm người, há chẳng phải là tai hại cùng cực hay sao? Ở đây tôi đã thuyết

---

148 Theo Duy Thức Học, tác dụng của sáu thức dưới ảnh hưởng của mê hoặc, vô minh thì gọi là tình, hoặc đôi khi còn gọi là tình thức hoặc tình tưởng. Chữ tình này thường được dùng để chỉ mọi ý niệm phân biệt, chấp trước đối với sự nhận thức của sáu căn.

149 Trần lao là tên khác của phiền não, do phiền não khiến cho tâm bị nhiễm ô giống bụi bặm nên gọi là trần. Phiền não khiến cho thân tâm nhọc mệt, không an ổn nên gọi là lao.

minh thế nào là có hay không có Thiền, Tịnh; nay sẽ lại đem lời kệ, dựa theo từng đoạn để phân tích thì quý vị mới biết 80 chữ này khác nào trời tạo đất dựng, không một chữ nào chẳng xác đáng, không một chữ nào có thể thay đổi được.

Bài kệ thứ nhất nói: *"Có Thiền, có Tịnh độ, khác nào hổ thêm sừng, hiện tại làm thầy người, đời sau làm Phật, tổ"*, nghĩa là người đã triệt ngộ Thiền tông, minh tâm kiến tánh, lại còn thâm nhập kinh tạng, biết trọn vẹn các pháp môn quyền - thật của Như Lai, nhưng trong các pháp, lại chỉ chọn lấy một pháp "tín nguyện niệm Phật" để làm đường lối chung cho chánh hạnh tự lợi lợi tha.

Phần nói về thượng phẩm thượng sanh trong Quán kinh có câu: "Đọc tụng Đại thừa, hiểu đệ nhất nghĩa", chính là nói về hạng người này. "Khác nào hổ thêm sừng" là người này song tu Thiền Tịnh, có đại trí tuệ, có đại thiền định, có đại biện tài, tà ma ngoại đạo nghe danh vỡ mật, giống như hổ mọc thêm sừng, oai mãnh khôn sánh. Có kẻ nào đến học hỏi sẽ tùy cơ thuyết pháp. Thấy nên dùng Thiền Tịnh song tu để tiếp độ thì dùng Thiền Tịnh song tu tiếp độ. Nên dùng chuyên tu Tịnh độ để tiếp độ thì dùng chuyên tu Tịnh độ tiếp độ. Bất luận là thượng, trung, hạ căn, không một ai chẳng được lợi lạc. Người như vậy há chẳng phải là "đạo sư của trời người" ư?

Đến lúc mạng chung, được Phật tiếp dẫn vãng sanh thượng phẩm, trong khoảng khảy ngón tay, hoa nở thấy

Phật, chứng Vô sanh nhẫn, thấp nhất cũng là chứng bậc Sơ trụ trong Viên giáo. Cũng có người đốn siêu[150] địa vị, đạt tới Đẳng giác. Bậc Sơ trụ trong Viên giáo đã có thể hiện thân làm Phật trong trăm cõi, huống hồ là những địa vị sau đó càng lên cao càng thù thắng hơn, tính thẳng đến địa vị thứ 41 là địa vị Đẳng giác [thì càng thù thắng đến mực nào] nữa? Vì thế nói *"lai sanh tác Phật, tổ"* (đời sau làm Phật, tổ).

Bài kệ thứ hai là: *"Không Thiền, có Tịnh độ, vạn tu, vạn cùng sanh, nếu được thấy Di-đà, lo gì chẳng khai ngộ."* Do người ấy tuy chưa minh tâm kiến tánh, nhưng cứ quyết chí cầu sanh Tây Phương. Trong kiếp xưa, Phật từng phát đại thệ nguyện nhiếp thọ chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu chúng sanh thật sự như con nhớ mẹ, chí thành niệm Phật thì cảm ứng đạo giao, liền được Phật nhiếp thọ. Kẻ tận lực tu định tuệ được vãng sanh đã đành, mà kẻ ngũ nghịch thập ác lúc lâm chung bị sự khổ bức bách, phát tâm hổ thẹn lớn lao, xưng niệm Phật danh hoặc đến mười tiếng hoặc chỉ một tiếng rồi liền mạng chung, cũng đều được hóa thân của Phật tiếp dẫn vãng sanh. Đấy chẳng phải là "vạn tu, vạn người sanh" hay sao?

Tuy kẻ ấy niệm Phật chẳng bao lâu, nhưng do niệm Phật cực kỳ mãnh liệt nên đạt hiệu quả lớn lao, chớ nên

---

150 Đốn siêu địa vị: Vượt nhanh qua các địa vị, không cần phải tu chứng từ từ theo từng bậc. Như ngài Quán Thế Âm nghe đức Thế Tịnh Quang Vương Phật nói chú Đại Bi bèn vượt thẳng từ Sơ địa lên Thập địa thì gọi là "đốn siêu địa vị".

đem người niệm Phật hờ hững, lững lờ để so sánh nhiều ít! Đã sanh về Tây Phương, gặp Phật nghe pháp, tuy có nhanh chậm khác nhau, nhưng đều đã cao dự dòng thánh, vĩnh viễn chẳng lui sụt. Tùy theo căn tánh sâu hay cạn sẽ hoặc dần dà hoặc nhanh chóng chứng đạt các quả vị. Đã được chứng quả thì chuyện khai ngộ cần gì phải nói tới nữa, bởi thế mới bảo "nếu được thấy Di-đà, lo gì chẳng khai ngộ".

Bài kệ thứ ba là: *"Có Thiền, không Tịnh độ, mười người, chín chần chừ. Ấm cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó."* Do người ấy tuy triệt ngộ Thiền tông, minh tâm kiến tánh, nhưng kiến tư phiền não chẳng dễ đoạn trừ, cần phải qua bao duyên rèn luyện khiến cho phiền não bị đoạn trừ sạch không còn sót thì mới có thể xuất ly phần đoạn sanh tử[151]. Còn như kẻ chưa đoạn được mảy may nào ta chẳng cần bàn đến. Nếu như đoạn phiền não mà vẫn còn sót chút mảy may nào chưa thể đoạn sạch thì sáu nẻo luân hồi vẫn y như cũ, khó bề trốn tránh. Biển sanh tử sâu thăm thẳm, đường Bồ-đề xa vời vợi, nếu chưa về đến nhà đã liền mạng chung thì trong mười người đại ngộ, tám chín người đã giống như thế. Vì thế mới nói *"thập nhân cửu tha lộ"* (mười người, chín chần chừ).

Chữ "tha" (蹉) ở đây nghĩa là "tha đà" (蹉跎), nếu nói thông tục là "chần chừ". "Ấm cảnh" là cảnh tượng của

151 Phần đoạn sanh tử (còn gọi là phần đoạn tử, hoặc hữu vi sanh tử) là sanh tử trong tam giới. Gọi là "phần đoạn" (có giai đoạn, có thời gian) vì do quả báo sai khác mà có hình dáng, thọ lượng nhất định. Như vậy "xuất ly phần đoạn sanh tử" có nghĩa là thoát khỏi tam giới.

thân trung ấm, tức là các cảnh tượng do nghiệp lực thiện, ác trong đời này và bao kiếp trước cùng hiện ra khi lâm chung. Khi cảnh này hiện ra, chỉ trong nháy mắt sẽ theo nghiệp lực thiện hay ác nào mạnh mẽ nhất đi thọ sanh trong đường thiện hay ác, chẳng thể tự làm chủ được mảy may nào, giống như người mắc nợ, chủ nợ nào mạnh sẽ lôi đi trước. Tầm tình lắm mối, sẽ nghiêng lệch về chỗ nào tâm mình đặt nặng. Ngũ Tổ Giới tái sanh làm Tô Đông Pha; Thảo Đường Thanh lại sanh làm Lỗ Công[152]. Đấy vẫn còn là bậc thượng[153], nên nói "ấm cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó".

Chữ ấm (陰) âm đọc và ý nghĩa giống chữ ấm (荫), có nghĩa là "che đậy", ý nói là do nghiệp lực này ngăn che nên chân tánh chẳng thể hiển hiện. Chữ miết (瞥) cùng âm với chữ phiết (撇), nghĩa là "chớp mắt". Có kẻ cho rằng chữ tha (蹉) nghĩa là lầm lạc, "ấm" là cảnh ngũ ấm ma thì đều là vì chưa hiểu ý nghĩa chữ thiền và chữ có nên mới

---

152 Ngũ Tổ là tên núi, đồng thời là tên chùa. Thiền sư Sư Giới, người thời Tống, thuộc tông Vân Môn, nối pháp của ngài Song Tuyền Sư Khoan, trụ trì chùa Ngũ Tổ núi Ngũ Tổ tại Tô Châu, nên thường gọi là Ngũ Tổ Giới, chấn hưng tông phong mạnh mẽ. Theo Tây Quy Trực Chỉ, quyển ba: "Thiền sư Thanh Thảo Đường khá có giới hạnh, tuổi ngoài chín mươi, thường được nhà họ Tăng cúng dường hậu hĩ, bèn hứa thác sanh vào nhà ấy làm con. Sau họ Tăng sinh được một người con, cho người đến tìm Thảo Đường thì sư đã tọa hóa." Theo pháp sư Viên Anh, Thảo Đường Thanh là người đời Tống, là bậc tông tượng trong nhà Thiền, tuổi già, thấy vị tể tướng đã cáo lão hồi hương hết sức vinh diệu, chợt khởi tâm niệm hâm mộ, bèn thác sanh vào nhà ấy. Về sau, trở thành tể tướng Tăng Lỗ Công. Do một tâm niệm tham luyến mà công hạnh tu thiền cả đời bị vứt bỏ.

153 Gọi là bực thượng vì thân sau còn chưa lâm vào hoàn cảnh tệ hại lắm. Trong Ấn Quang Văn Sao Chánh Biên, có thuật chuyện vị tăng ở núi Nhạn Đãng thân sau trở thành Tần Cối, một vị tăng khác trở thành con gái ông Chu Phòng Ngự. Có nhiều trường hợp còn đọa vào ác đạo nữa!

hiểu sai lầm như thế. Lẽ đâu bậc đại triệt đại ngộ trong mười vị, hết chín người lầm đường lạc lối, lầm đi theo cảnh ngũ ấm ma, bị ma dựa phát cuồng ư? Phàm kẻ bị ma dựa phát cuồng chính là hạng tăng thượng mạn[154] chẳng hiểu giáo lý, chẳng rõ tự tâm, tu mù luyện đui. Sao chẳng biết tốt xấu, lại đem gán cho bậc đại triệt đại ngộ vậy? Điều này quan hệ rất lớn, chẳng thể không biện bác rõ.

Bài kệ thứ tư là: *"Không Thiền, không Tịnh độ, giường sắt cùng cột đồng, muôn kiếp với ngàn đời, không một ai nương dựa."* Có người bảo "không Thiền, không Tịnh độ" chính là kẻ vùi đầu tạo nghiệp, chẳng tu thiện pháp. Lầm lẫn lắm thay! Bởi lẽ, pháp môn vô lượng, nhưng chỉ có Thiền và Tịnh là phù hợp căn cơ nhất. Kẻ đó đã chưa triệt ngộ, lại chẳng cầu vãng sanh, cứ hời hợt, hờ hững tu các pháp môn khác thì chẳng thể giữ cho định tuệ quân bình, đoạn hoặc chứng chân, lại chẳng cậy vào Phật lực để mang nghiệp vãng sanh, dùng công đức tu trì cả đời để cảm lấy phước báo trời người trong đời sau. Đời này đã không có chánh trí, đời sau ắt bị phước chuyển, đắm say ngũ dục, rộng tạo ác nghiệp. Đã tạo nghiệp ác sẽ khó tránh khỏi ác báo. Một hơi thở ra không hít vào được nữa liền đọa địa ngục, rõ ràng là trải qua kiếp dài lâu, nằm lăn giường sắt, ôm ấp cột đồng để đền trả các món ác nghiệp tham thanh sắc, giết sanh mạng v.v.. Chư Phật, Bồ-tát tuy rủ lòng từ mẫn,

154 Tăng thượng mạn (abhimāna): Đối với giáo lý hoặc cảnh giới, địa vị tu hành chưa hề có chứng ngộ mà đã khởi tâm kiêu hãnh, ngạo nghễ. Do coi mình cao hơn người khác nên gọi là "tăng thượng", cũng như do tự đề cao mình quá phận nên gọi là "tăng thượng".

nhưng do kẻ ấy bị ác nghiệp chướng ngăn nên cũng chẳng được lợi ích gì.

Thiền sư Triệt Lưu đời Thanh bảo: "Người tu hành nếu không có chánh tín cầu sanh Tây phương, tu lung tung các điều thiện khác thì gọi là oan gia đời thứ ba", chính là nói về ý này. Bởi lẽ đời này tu hành, đời sau hưởng phước; cậy phước làm ác, ắt bị đọa lạc. Vui chỉ tạm hưởng trong đời sau, khổ vĩnh viễn suốt kiếp. Nếu như nghiệp địa ngục đã tiêu, lại chuyển sanh làm quỷ, súc sanh. Muốn lại được thân người, khó nhất trong những điều khó! Bởi thế, đức Thích-ca dùng tay bốc đất, hỏi ngài A-nan rằng: "Đất trên tay ta nhiều hay đất trên đại địa nhiều?" A-nan bạch Phật: "Đất trên đại địa nhiều." Phật dạy: "Được thân người như đất trên tay, mất thân người như đất trên đại địa." Câu "vạn kiếp và ngàn đời, không một ai nương dựa" vẫn còn là do âm vận bài kệ bó buộc nên chỉ nói thiển cận như vậy đó thôi!

Thiền sư Vĩnh Minh sợ người đời chẳng hiểu được nghĩa chân thật của Thiền - Tịnh, chẳng quán sát rõ ràng, nên mới viết bài kệ này để giảng rõ. Có thể nói bài kệ này là chiếc bè báu để thoát bến mê, là người dẫn đường lìa nẻo hiểm, công lao rất lớn. Bởi lẽ hết thảy pháp môn chuyên cậy vào tự lực, pháp môn Tịnh độ kiêm nhờ Phật lực. Trong hết thảy pháp môn phải hết sạch hoặc nghiệp thì mới có thể liễu sanh tử; pháp môn Tịnh độ mang nghiệp vãng sanh liền dự vào dòng thánh. Người đời chẳng xem

xét, coi Tịnh độ là thừa thãi vụn vặt, thật đáng than thở lớn lao!

Hiện tại, người ta hay cho rằng khán thoại đầu là cách tu thích hợp nhất, cứ cho rằng hễ lâm chung được chết an lành là liễu thoát. Nào hay lời ấy là lời nói mớ của kẻ chưa mở chánh nhãn. Ở đây tôi dẫn chuyện cũ để làm thí dụ:

Vào khoảng đời Càn Long - Gia Khánh nhà Thanh, có ba vị thiền tăng cùng tham thiền với nhau. Chết đi, một vị sanh tại Giang Tô, tên là Bành Văn Chương; một vị sanh ở Vân Nam, tên là Hà Quế Thanh; một vị sanh ở Thiểm Tây tên là Trương Phí. Trong ba người, chỉ ông Bành nhớ được chuyện kiếp trước. Sau lên kinh đô thi hội, gặp hai người kia liền kể chuyện kiếp trước cùng làm tăng. Hai người kia tuy không nhớ được việc cũ, nhưng vừa thấy ông Bành đã như gặp lại cố nhân, trở thành bạn thân thiết.

Vào điện thí (thi đình), ông Bành đậu trạng nguyên, ông Hà đậu bảng nhãn, ông Trương trúng truyền lô[155]. Họ Bành sau từng làm Chủ khảo, Học đài, nhưng khá tham

---

155 Điện thí là vào cung vua dự thi dưới sự chứng kiến của vua. Theo thể lệ thời Minh - Thanh, thi cử gồm ba giai đoạn: hương thí, hội thí và điện thí. Do thi trong cung vua (thường là điện Thái Hòa) nên gọi là điện thí (hoặc đình thí), người Việt thường gọi là thi đình. Trong khoa thi này, người đậu đầu gọi là trạng nguyên, người thứ hai gọi là bảng nhãn, người thứ ba là thám hoa. Ông Trương không dự vào ba hạng này, chỉ đỗ tiến sĩ, được vua cho xướng danh trong sân chầu nên tổ nói ông đậu truyền lô. Truyền lô gọi đủ là *"kim điện truyền lô"* (xướng danh trong điện vàng), tức là hai ngày sau khi yết bảng ghi danh các sĩ tử thi đậu, các vị tân khoa tiến sĩ sẽ được triệu tập vào điện Thái Hòa, được nội quan xướng danh đến trước mặt vua lạy tạ và được vua ban thưởng ngự tửu, đãi yến.

sắc, sau chết tại nhà. Họ Hà giữ chức Chế đài ở Nam Kinh. Giặc Hồng Dương nổi dậy, Nam Kinh thất thủ, ông bị hoàng thượng bắt tội chết. Ông Trương từng làm thầy dạy hoàng đế Hàm Phong, dân Hồi Hồi[156] muốn làm phản bèn lừa giết phăng ông đi. Ba vị này chẳng thể coi là tăng nhân bình thường, đáng tiếc là chẳng biết cầu sanh Tây Phương, tuy được đôi chút phước lớn nhưng hai người chẳng được chết yên lành. Rốt cuộc ông Bành tham đắm nữ sắc, e trong đời sau sẽ chẳng được như đời này.

Lại nữa, tiên sinh Ngô Dẫn Chi ở Tô Châu, đậu thám hoa dưới đời Thanh. Học vấn, đạo đức, tướng mạo đều tốt đẹp cả. Năm Dân Quốc thứ mười (1921), đi triều bái Phổ Đà, gặp tôi, tự bảo kiếp trước ông ta là hòa thượng ở Vân Nam. Vì khách đến dâng hương đông đảo, chẳng thể chuyện trò nhiều, cũng chưa hỏi tường tận nguyên do. Năm Dân Quốc thứ mười một (1922), tôi qua Dương Châu khắc in sách, đến ở nhà một người đệ tử tại Tô Châu, liền dò hỏi về việc ấy, nghĩ rằng ông ta chưa quên mất túc nhân, khi gặp mặt sẽ hỏi chuyện, nhưng rồi hoàn toàn quên mất. Từ đó chẳng qua lại với nhau nữa. Đến năm Dân Quốc thứ 19 (1930), tôi bế quan tại chùa Báo Quốc. Đến tháng 11, ông ta cùng hai tiên sinh Lý Ấn Tuyền, Lý Hiệp Hòa đến thăm. Tôi hỏi: "Sao ông biết kiếp trước là nhà sư ở Vân

156 Hồi tộc là sắc dân thiểu số của Trung Hoa, sống chủ yếu tại các tỉnh Thanh Hải, Cam Túc, Hà Nam, Hà Bắc. Thật ra họ gồm nhiều sắc dân khác biệt có nguồn gốc từ Trung Á, Tây Á, chủ yếu là gốc Ả Rập, di cư đến Trung Hoa. Do họ theo đạo Hồi nên người Hán thường gọi chung họ là Hồi tộc, hoặc Hồi Hồi.

Nam?" Ông ta bảo: "Năm 26 tuổi, tôi nằm mộng đến một ngôi chùa kia, biết là chùa X… ở huyện Y… thuộc tỉnh Vân Nam. Trông thấy hình dạng điện đường, phòng xá, cây cối đều như thường thấy, cũng thấy mình là tăng. Tỉnh dậy, nhớ rất rõ, ghi chép lại từng điều. Sau đấy, một người bạn đi làm quan ở Vân Nam (tiên sinh Trương Trọng Nhân còn biết tên họ người này), đem đối chiếu những lời ông ta chép thì không sai lệch mảy may."

Tôi bảo: "Tiên sinh đã 80 tuổi, không còn được bao nhiêu ngày nữa, hãy nên khôi phục sự nghiệp hòa thượng kiếp trước, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì mới chẳng phụ công khó tu trì đời trước!" Ông ta đáp: "Niệm Phật có gì là hy hữu, lạ lùng?" Tôi nói: "Niệm Phật tuy chẳng phải là hy hữu, lạ lùng gì, nhưng thế gian chẳng có mấy người niệm. Chuyện chẳng hy hữu, chẳng lạ lùng nhất là chuyện ăn cơm, cả thế giới không một ai là chẳng ăn; đấy là sự chẳng hy hữu, lạ lùng bậc nhất, vì sao ông vẫn cứ phải làm?" Ông ta chẳng đáp được, nhưng vẫn không chịu niệm. Ông ta hỏi hai vị tiên sinh Lý: "Các vị có niệm không?" Họ đáp: "Niệm chứ!" Ông ta vẫn không nói gì; đến tối ngày 30 tháng Chạp, lúc sắp thắp đèn, qua đời, vừa tròn 80 tuổi. Vị này đời trước tu trì cũng rất khá nên đời này mới cảm được công danh lớn lao, tuổi thọ lâu dài, nhưng đời này chỉ giữ trọn luân thường, chẳng còn tin vào Phật pháp nữa, há chẳng phải là đáng xót xa lắm sao?

Cả bốn vị trên chưa ai chứng đắc, mà dù có sở chứng

đi nữa, nếu chưa đoạn hết phiền hoặc thì vẫn khó thể lìa khỏi sanh tử được. Thậm chí như thiền sư Viên Trạch đời Đường, biết được chuyện quá khứ, vị lai, nhưng vẫn không thể thoát được, huống hồ là kẻ chỉ được chết an lành lại có thể giải quyết xong chuyện sanh tử sao? Cha ông Lý Nguyên đời Đường, trấn thủ Đông Đô, bị An Lộc Sơn làm phản giết chết. Lý Nguyên chẳng muốn làm quan, biến căn nhà mình đang sống ở Lạc Dương thành chùa Huệ Lâm, thỉnh Viên Trạch làm hòa thượng; Lý Nguyên cũng tu hành ở chùa ấy. Mấy năm sau, Lý Nguyên muốn triều bái Nga Mi, mời Viên Trạch cùng đi. Viên Trạch muốn đi theo đường Thiểm Tây, nhưng Lý Nguyên chẳng muốn đến kinh đô nên nhất định đi theo đường thủy qua ngã Kinh Châu. Viên Trạch đã tự biết mình chẳng trở về được nên liền viết thư dặn dò hậu sự, mỗi mỗi đều rành rẽ, kẹp trong cuốn kinh nhưng chẳng để lộ ra, theo Lý Nguyên ngồi thuyền ra đi.

Thuyền bơi đến miền thượng du Kinh Châu, gần đến Giáp Sơn, vùng đất ấy thế nước chảy xiết, chưa đến tối đã phải cắm thuyền. Chợt có một người đàn bà mặc quần gấm, kéo nước bên sông. Viên Trạch vừa trông thấy, hai mắt ứa lệ. Lý Nguyên hỏi nguyên do, Viên Trạch đáp: "Ta chẳng chịu đi theo đường này là vì sợ gặp người đàn bà này. Bà ta mang thai đã ba năm, chờ ta sanh làm con. Chẳng thấy còn có thể trốn lánh, chứ nay đã thấy, không cách nào chẳng làm con bà ta được! Ông nên tụng chú, giúp ta mau sanh. Tới ngày thứ ba, hãy đến nhà thăm ta. Ta trông thấy

ông, cười một tiếng làm tin. Mười hai năm sau, đêm Rằm tháng 8, đến bên bờ giếng Cát Hồng tại chùa Thiên Trúc ở Hàng Châu gặp ta."

Nói xong, Viên Trạch tọa thoát (ngồi qua đời). Bà nọ liền sanh con. Ngày thứ ba, Lý Nguyên đến thăm, đứa bé liền cười. Sau đấy, Lý Nguyên quay về chùa Huệ Lâm, thấy trong quyển kinh đã viết sẵn lời dự ngôn về hậu sự, càng thêm tin sư Viên Trạch chẳng phải là kẻ tầm thường. Mười hai năm sau, Lý Nguyên đến Hàng Châu. Tới đêm Rằm tháng 8, ông đến chỗ ước hẹn chờ đợi; chợt thấy bên sông có đứa bé trai chăn trâu, ngồi trên lưng trâu, dùng roi gõ sừng trâu, xướng:

Tam sinh thạch thượng cựu tinh hồn,
Thưởng nguyệt, ngâm phong bất yếu luân.
Tàm quý tình nhân viễn tương phỏng,
Thử thân tuy dị, tánh thường tồn.

(Trên đá ba sinh[157], vẫn nguyên hồn,
Ngâm gió, thưởng trăng lọ phải bàn.
Thẹn thấy người xưa tìm đến gặp,
Thân này tuy khác, tánh thường còn.)

---

157 Theo sách Quần Ngọc Chú, Tỉnh Lang đến vãn cảnh chùa Nam Huệ Lâm, nằm chơi, chợt ngủ thiếp đi, thấy hồn mình đến Bồng Lai. Nơi đó có một vị tăng đang tụng kinh, trước mặt có một nén nhang đang cháy. Hỏi đến nguyên do, vị tăng cho biết cây nhang ấy do một người đàn-việt thắp lên để khấn nguyện, cầu phước, nhang chưa cháy hết mà người thắp nhang đã chuyển kiếp ba lần. Lần thứ nhất làm Đường Huyền Tông, lần thứ hai làm Đường Hiến Tông, lần thứ ba chính là Tỉnh Lang. Do đó, về sau từ ngữ "tam sinh hương hỏa" thường dùng để chỉ lời nguyền có hiệu lực đến ba đời.

Lý Nguyên nghe xong bèn đến chào hỏi. Hàn huyên xong xuôi, đứa bé lại đọc:

Thân tiền, thân hậu sự mang mang,
Dục thoại nhân duyên khủng đoạn trường.[158]
Ngô, Việt giang sơn du dĩ biến,
Khước hồi yên trạo thượng Cù Đường.

(Thân trước, thân sau sự vấn vương,
Bàn chuyện nhân duyên luống đoạn trường.
Ngô, Việt giang sơn chơi khắp cả,
Quẩy chèo mây khói, vượt Cù Đường[159].)

Rồi ruổi trâu đi mất. Thân phận như thế còn chưa liễu thoát được, huống hồ là những kẻ chỉ mới lãnh hội được câu thoại đầu, được chết an lành mà coi là đã liễu thoát ư? Cậy vào tự lực để thoát sanh tử khó khăn như thế đó, cậy vào Phật lực để thoát sanh tử dễ dàng như thế đó; vậy mà người đời vẫn cứ buông bỏ Phật lực để cậy vào tự lực, cũng là vì chưa hiểu rõ lẽ mầu nhiệm. Nay dùng hai câu sau đây để nói toạc ra: Chỉ là vì tri kiến sai lầm "muốn tỏ vẻ ta là hạng người bậc thượng, chẳng chịu làm chuyện tầm thường, không hy hữu, lạ lùng" vậy. Xin hết thảy mọi

158 "Đoạn trường": Ý nói vô cùng đau xót, như đứt từng khúc ruột. Theo điển tích cổ, vua Sở đi săn thấy vượn con bị bắn chết, vượn mẹ trông thấy ôm con kêu khóc rồi chết, mổ bụng ra xem thấy ruột nó đứt thành từng khúc. Do đó cổ văn thường dùng chữ "đoạn trường" để diễn tả nỗi đau xót.

159 Cù Đường (còn gọi là Quỳ Hiệp, tức khe quỷ) là tên một kẽm núi hiểm trở, quanh co trên sông Dương Tử ở tỉnh Tứ Xuyên. Kẽm núi này dài đến 8 km, từ huyện Phụng Tiết cho đến thành Bạch Đế. Thế nước chảy xiết, rất nguy hiểm khi phải vượt qua.

người hãy suy nghĩ chín chắn chuyện đã qua của năm người này rồi tự lợi lợi tha, sốt sắng tu tịnh nghiệp như lo chôn cất cha mẹ, như cứu đầu cháy thì mới khỏi luống uổng đời này và lần gặp gỡ này.

5. Ngày thứ năm: Giải thích sơ lược về giáo nghĩa lục tức của tông Thiên Thai, kiêm giảng về ăn chay, phóng sanh

Pháp môn Tịnh độ thích hợp khắp ba căn, thâu nhiếp lợi căn lẫn độn căn, khế lý, khế cơ, chí viên, chí đốn, đúng là pháp môn lợi lạc chúng sanh duy nhất vô thượng. Nhưng con người hiện tại, có kẻ tự cao, tự đại bảo: "Chúng sanh tức là Phật thì ta chính là Phật, sao lại phải niệm Phật?" Kẻ thì lại cho rằng: "Ta đã là phàm phu khổ não, làm sao có thể liễu thoát sanh tử, chỉ cầu kiếp sau chẳng mất thân người mà thôi!" Hai hạng người này đều vì chẳng hiểu rõ nhân quả mà thành ra như thế ấy. Bởi vậy hôm nay tôi vẫn giảng về nhân quả.

Phải biết "chúng sanh tức là Phật" chỉ cho cái nhân chân thật là Phật tánh sẵn có đủ. Nếu chẳng tu hạnh niệm Phật mầu nhiệm, Phật tánh chẳng do đâu hiển hiện được thì làm sao đạt được thật quả "giải thoát sanh tử, thành tựu Phật đạo" đây? Ví như gương báu đóng bụi, quang minh chẳng hiện, chứ thật ra chẳng mất. Nếu chịu ra sức lau chùi, mài giũa thì gương sẽ tự có thể chiếu trời soi đất. Nếu nói "ta là phàm phu khổ não, chẳng thể vãng sanh Tây Phương,

liễu sanh thoát tử, cho đến thành Phật" thì lại chính là lời lẽ của kẻ nghiệp chướng sâu nặng, tự cam chịu đọa lạc. Vả nữa, người đời nay có kẻ đánh cờ, xoa mạt-chược đến nỗi mệt quá rồi chết, chẳng biết là bao nhiêu. Nếu họ có thể vận dụng sự khổ nhọc ấy vào chuyện tu hành niệm Phật thì lo gì chẳng vãng sanh Tây Phương, chứng lên đến Phật quả ư? Bởi lẽ, Phật vốn chỉ là một chúng sanh tu trì, chứng đắc Phật quả mà thôi.

Đại sư Thiên Thai Trí Giả đời Tùy soạn cuốn Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, đã lập ra giáo nghĩa *lục tức Phật* để đối trị căn bệnh lớn "cam chịu đọa lạc" và bệnh "tự tôn, tự đại sai lầm". Lục tức Phật là: 1. Lý tức Phật, 2. Danh tự tức Phật, 3. Quán hạnh tức Phật, 4. Tương tự tức Phật, 5. Phần chứng tức Phật, 6. Cứu cánh tức Phật. "Lục": minh thị thứ lớp sâu cạn, "tức": chỉ rõ ngay nơi thể chính là Phật. Ví như trẻ sơ sanh hình thể chẳng khác gì cha mẹ, nhưng sức lực, khả năng khác biệt rất xa. Bởi thế chẳng thể bảo đứa bé con ấy chẳng phải là người, nhưng cũng chẳng thể sai nó gánh vác chuyện của người đã trưởng thành được. Nếu biết rõ "tuy sáu mà thường tức" thì sẽ chẳng sanh lui sụt, nếu hiểu "tuy tức mà thường sáu" sẽ chẳng sanh lòng tăng thượng mạn. Từ đó nỗ lực tu trì, sẽ từ phàm phu mà viên chứng Phật quả, do Lý tức Phật mà thành Cứu cánh tức Phật vậy.

1. *Lý tức Phật* là hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh. Tuy trái phản Chánh giác, xuôi theo trần lao, luân

hồi trong tam đồ lục đạo, nhưng công đức của Phật tánh vẫn tự đầy đủ, cho nên gọi là Lý tức Phật, coi lý thể của tâm chính là Phật vậy. Vô Cơ Tử[160] làm bài tụng rằng:

Động, tịnh lý toàn thị
Hành, tàng sự tận phi
Minh minh tùy vật khứ
Yểu yểu bất tri quy.

(Động, tịnh toàn là lý
Hành, tàng chẳng trúng gì
Tối tăm theo đuổi vật
Mờ mịt chẳng biết về.)

Do hết thảy chúng sanh chưa nghe Phật pháp, chẳng biết tu trì, nhưng nhất niệm tâm thể vẫn hoàn toàn giống như Phật. Vì thế mới bảo là "động, tịnh toàn là lý." Do mê lầm tự tâm, tạo các sự nghiệp nên mới bảo "hành, tàng chẳng trúng gì" (hành là hoạt động, tàng là ở yên), vì mọi việc làm đều chẳng tương ứng Phật Tánh. Suốt ngày, suốt năm, tối tăm, mờ mịt ruổi theo vật dục (lòng ham muốn vật chất) phiền não, vọng tưởng, từ sống đến chết chẳng hề biết hồi quang phản chiếu (xoay trở lại xét soi cái tâm), nên bảo là "tối tăm theo đuổi vật, mờ mịt chẳng biết về".

---

160 Vô Cơ Tử là biệt hiệu của sư Phổ Nhuận, cao tăng tông Thiên Thai, sống vào đời Nam Tống. Ngài họ Quách, pháp tự là Thiên Thụy. Xuất gia năm 7 tuổi với ngài Từ Hạnh Phưởng, 9 tuổi xuống tóc. Năm 10 tuổi bắt đầu học giáo nghĩa Thiên Thai với ngài Thông Chiếu. Về sau, trụ trì chùa Đại Giác ở Tùng Giang, được vua ban hiệu Phổ Nhuận Đại Sư.

2. *Danh tự tức Phật* là hoặc do từ thiện tri thức, hoặc từ kinh điển mà biết rằng tâm vốn sẵn đủ Phật tánh tịch chiếu viên dung, bất sanh bất diệt. Thông suốt hiểu rõ nơi danh tự, biết hết thảy pháp đều là Phật pháp, hết thảy chúng sanh đều có thể thành Phật. Đó gọi là "nghe danh tự Phật tánh liền hiểu rõ, thấu suốt Phật pháp". Kệ tụng rằng:

Phương thính vô sanh khúc
Thỉ văn bất tử ca
Kim tri đương thể thị
Phiên hận tự tha đà.

(Vừa nghe khúc vô sanh
Mới nghe bài bất tử
Liền biết ngay đương thể
Tiếc đã trót lần khân.)

Ý nói: Từ trước đến nay chỉ biết sanh tử luân hồi không lúc nào kết thúc; nay biết Phật tánh chân thường, bất sanh bất diệt, đã biết đương thể (ngay nơi bản thể) chính là cái nhân chân chánh để thành Phật liền gấp gáp tu trì, còn hận từ trước đến nay mình bỏ uổng quang âm (thời gian) đến nỗi chưa thể thật sự chứng đắc.

3. *Quán hạnh tức Phật* là nương theo giáo tu quán, tức là địa vị Ngoại phàm[161] ngũ phẩm trong Viên giáo. Ngũ phẩm là:

---

161 Ngoại phàm là địa vị trước khi đạt đến địa vị kiến đạo. Ngũ đình tâm trụ, Biệt tướng niệm trụ, Tương tục niệm trụ của Thanh văn được gọi là Ngoại phàm. Ngay cả địa vị Phục nhẫn trong Thập tín trong Đại thừa vẫn thuộc Ngoại phàm. Đại Thừa Nghĩa Chương, quyển 17 giảng: "Gọi là Ngoại phàm vì họ còn hướng ngoại cầu lý, chưa dứt

a. Tùy hỷ phẩm: Nghe pháp thật tướng, tin hiểu, tùy hỷ.

b. Độc tụng phẩm: Đọc tụng kinh Pháp Hoa và các kinh điển Đại thừa để hỗ trợ quán hạnh và sự hiểu biết.

c. Giảng thuyết phẩm: Tự nói những điều mình tự chứng hiểu (nội giải) để chỉ dạy, dắt dẫn làm lợi cho người khác.

d. Kiêm hành lục độ phẩm: Kiêm tu lục độ để giúp cho quán tâm.

e. Chánh hành lục độ phẩm: Lấy việc hành lục độ làm hạnh chánh yếu, tự mình hành, dạy người khác hành, lý sự đầy đủ. Quán hạnh càng thêm thù thắng. Kệ tụng rằng:

Niệm niệm chiếu thường lý
Tâm tâm tức huyễn trần
Biến quán chư pháp tánh
Vô giả diệc vô chân.

(Niệm niệm chiếu thường lý
Tâm tâm bặt huyễn trần
Quán khắp các pháp tánh
Không giả cũng không chân.)

Đã viên ngộ (ngộ trọn vẹn) Phật tánh, nương theo

---

tướng để hướng vào trong duyên theo chân tánh. Do chưa đoạn được cái thân phần đoạn trong lục đạo nên gọi là phàm." Nói chi tiết hơn, trong Tạng giáo thì những địa vị thuộc Hiển vị như Ngũ đình tâm v.v. là Ngoại phàm, trong Thông giáo thì cho đến Càn huệ địa đều là Ngoại phàm, Biệt giáo coi từ Sơ quả cho đến Thập tín đều là Ngoại phàm, còn Viên giáo coi Quán hạnh ngũ phẩm là Ngoại phàm. Tổ Ấn Quang đã giải thích chữ Nội phàm theo giáo nghĩa Viên giáo.

giáo tu quán, đối trị phiền não tập khí nên bảo là "niệm niệm chiếu thường lý, tâm tâm bặt huyễn trần". Hiểu rõ một sắc, một hương không thứ gì chẳng phải là trung đạo; hết thảy các pháp không pháp nào chẳng phải là Phật pháp, hết thảy chúng sanh đều sẽ thành Phật, cho nên nói "quán khắp các pháp tánh, không giả cũng không chân".

4. *Tương tự tức Phật* là tương tự giải phát (gần giống như đã giải ngộ, phát khởi), tức là địa vị Nội phàm thuộc Thập tín trong Viên giáo. Sơ tín đoạn kiến hoặc; Thất tín đoạn tư hoặc; Bát, Cửu, Thập tín đoạn trần sa hoặc. Kệ tụng rằng:

Tứ trụ tuy tiên thoát
Lục trần vị tận không
Nhãn trung do hữu ế
Không lý kiến hoa hồng.

(Trước đã thoát tứ trụ
Nhưng sáu trần chửa không
Mắt vẫn còn màng mộng
Thấy hoa đốm trên không.)

Tứ trụ là:

a. Kiến nhất thiết trụ địa, chính là kiến hoặc trong tam giới.

b. Dục ái trụ địa, chính là tư hoặc trong Dục giới.

c. Sắc ái trụ địa, tức là tư hoặc trong Sắc giới.

d. Hữu ái trụ địa, tức là tư hoặc trong Vô sắc giới.

Sơ tín đoạn kiến hoặc, Thất tín đoạn tư hoặc nên bảo là "trước đã thoát tứ trụ". Nhưng do tập khí sắc, thanh, hương, vị, xúc pháp chưa hết, nên bảo là "nhưng sáu trần chửa không". Ở đây chỉ luận về địa vị Thất tín, chứ Bát, Cửu, Thập tín đã phá được trần sa hoặc nên tập khí đã hoàn toàn rỗng không. Tập khí là những dư âm của các chánh hoặc (các phiền não chánh yếu). Giống như cái mâm đựng thịt dù đã rửa sạch, vẫn còn có mùi hôi, bình đựng rượu tuy đã súc kỹ vẫn còn có mùi rượu. "Mắt vẫn còn màng mộng, thấy hoa đốm trên không", là vì chưa phá vô minh nên chưa thể thấy được bản thể của chân không pháp giới.

5. *Phần chứng tức Phật* là ở giai đoạn Thập tín hậu tâm[162], phá một phần vô minh, chứng một phần tam đức, liền bước vào Sơ trụ, chứng pháp thân, là Pháp thân đại sĩ. Từ Sơ trụ đến Đẳng giác, tổng cộng là 41 địa vị, mỗi địa vị đều phá được một phần vô minh, chứng một phần tam đức, nên gọi là Phần chứng tức Phật. Do vô minh chia làm 42 phẩm, Sơ trụ phá một phần, cho đến Thập trụ phá được mười phần. Trải qua các địa vị Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa cho đến Đẳng giác lần lượt phá được 41 phần. Bậc Sơ trụ có thể hiện thân làm Phật trong thế giới không có Phật, lại còn tùy loại hiện thân độ thoát chúng sanh. Thần thông đạo lực của bậc này chẳng thể nghĩ bàn, huống hồ là

162 Đã viên mãn mười tín tâm thì gọi là Thập tín hậu tâm, tức là đã chuẩn bị tiến vào địa vị Sơ trụ.

càng lên mỗi địa vị trên càng thù thắng hơn nữa, nhất là địa vị thứ 41 là Đẳng giác Bồ-tát ư? Kệ tụng rằng:

Hoát nhĩ tâm khai ngộ
Trạm nhiên nhất thiết thông
Cùng nguyên do vị tận
Thường kiến nguyệt mông lung.

(Đột nhiên tâm khai ngộ
Lặng trong hết thảy thông
Vẫn chưa thông tận gốc
Trăng thường thấy mông lung.)

"Đột nhiên tâm khai ngộ, lặng trong hết thảy thông" là nói về cảnh tượng phá được vô minh đôi phần, chứng ngộ đôi phần. "Vẫn chưa thông tận gốc, trăng thường thấy mông lung", ý nói còn có mây vô minh che lấp nên chưa thể thấy thấu tột ánh sáng của vầng trăng thiên chân trong tự tánh.

6. Cứu cánh tức Phật là từ Đẳng giác lại phá một phần vô minh nên thấu đạt tột cùng chân tánh, hết sạch hoặc, phước tuệ viên mãn, chứng ngộ triệt để chân như Phật tánh sẵn có ngay trong tâm mình, đạt địa vị Diệu giác, thành đạo Vô thượng Bồ-đề. Kệ tụng rằng:

Tùng lai chân thị vọng
Kim nhật vọng giai chân
Đản phục bản thời tánh
Cánh vô nhất pháp tân.

(Từ trước, chân là vọng
Hôm nay, vọng đều chân
Chỉ khôi phục bản tánh
Có pháp nào mới đâu?)

"Từ trước, chân là vọng" là trước khi ngộ thì cũng chỉ từ "ngũ uẩn đều là không" này mà lầm sanh chấp trước khiến cho sắc pháp, tâm pháp nương theo nhau thành lập, khổ ách theo đó sanh ra. Sau khi đã ngộ rồi, tuy vẫn chỉ là ngũ uẩn này, nhưng toàn thể đều là một chân như, trọn chẳng có tướng sắc, tâm, ngũ uẩn để được. Vì thế bảo là "từ trước, chân là vọng; hôm nay, vọng đều chân". Nhưng cái chân được chứng ấy nào phải là điều gì mới đạt được, chẳng qua là phục hồi lại chân như Phật tánh sẵn có đó thôi, vì thế bảo "chỉ khôi phục bản tánh, có pháp nào mới đâu?"

Lại nữa, chúng sanh còn mê thì thấy Phật Bồ-tát và hết thảy chúng sanh đều là chúng sanh, cho nên hủy báng Phật pháp, sát hại chúng sanh, chẳng biết là tội lỗi, trái lại còn coi đó là vui. Đức Phật đã triệt ngộ cái tâm "tâm, Phật, chúng sanh cả ba không sai biệt", thấy hết thảy chúng sanh hoàn toàn là Phật. Vì thế đều vì kẻ oán, người thân thuyết pháp khiến cho họ được độ thoát; dẫu là kẻ cực kỳ ác nghịch không tin, tâm Phật cũng không hề có một niệm buông bỏ, vì Phật thấy thấu suốt kẻ đó chính là một vị Phật chưa thành vậy.

Sáng hôm nay, ông Hoàng Hàm Chi bảo tôi rằng: Pháp sư Viên Anh nói đạo tràng sắp viên mãn, ngày hoàn

mãn sẽ cử hành phóng sanh. Đến ngày 16 sẽ nói về tam quy ngũ giới, xin tôi vì đại chúng giảng đại ý của sự phóng sanh và thọ tam quy ngũ giới, ngõ hầu mọi người cùng phát tâm lợi người lợi vật. Bởi thế chẳng thể không tuyên nói. Pháp hội này nhằm để hộ quốc tức tai, nếu suy xét đến tận cùng nguyên do phát khởi tai nạn thì phần nhiều là vì sát sanh mà ra. Vì thế, muốn ngưng dứt sát nghiệp, phải bắt đầu từ việc kiêng giết chóc, ăn chay, bảo vệ, tiếc thương sanh mạng loài vật và chuộc mạng loài vật. Mọi người ai nấy phải nên phát tâm bảo vệ, thương tiếc sanh mạng loài vật. *"Muốn biết binh đao trong cõi thế, lò mổ xin nghe tiếng nửa đêm."* Hãy giữ hai câu này làm lời răn nhắc, tận lực kiêng dè.

Ý nghĩa của việc phóng sanh là khiến cho mọi người phát tâm bảo vệ mạng sống của chúng sanh. Chính mình phóng sanh, đương nhiên sẽ chẳng sát sanh nữa. Dẫu chính mình chẳng phóng sanh, trông thấy người khác phóng sanh, lẽ nào còn nỡ sát sanh? Nếu ai nấy bảo vệ, thương tiếc sanh mạng, chẳng tàn hại nữa sẽ tiêu được sát kiếp, chuyển được vận nước. Nhưng người đời vẫn có kẻ một mặt bỏ tiền phóng sanh, một mặt vẫn sát sanh, ăn thịt như thường. Như vậy, dù có chút công đức phóng sanh, làm sao địch nổi tội lỗi sát sanh lớn lao!

Hiện thời, hội này dự định trong ngày viên mãn sẽ cử hành phóng sanh, xin các vị phát tâm thí tiền giúp cho, tự lợi, lợi vật, công đức chẳng thể nghĩ bàn. Còn như tiền cúng dường của đệ tử quy y lần này, Ấn Quang quyết định

dùng hết vào việc cứu trợ tai nạn, trọn chẳng lấy dùng một đồng nào. Bởi lẽ tôi là một ông tăng trơ trọi, đã không có chùa miếu, lại cũng chẳng có đồ đệ, trừ thức ăn, quần áo ra, để dành tiền làm gì? Mai kia mạng chung, sau khi hỏa thiêu, đem tro rải xuống biển cả, chẳng cần phải tạo tháp và làm bất cứ hình thức kỷ niệm nào!

Ngay cả việc quy y đây, tôi vốn chẳng thuận từ đầu, nhưng bởi pháp sư Viên Anh và cư sĩ Khuất Văn Lục thiết tha khuyên bảo, viện lẽ những người phát tâm cầu pháp ân cần, vì thỏa mãn ý nguyện của họ, vì tình chẳng thể khước từ, nên đành chấp thuận. Tôi vốn xem nhẹ tiền bạc, chẳng giống những người khác, mỗi tên đệ tử phải xuất tiền "hương kính"[163] bao nhiêu đó mới chấp thuận cho quy y. Tôi thì không tiền cũng quy y được, chỉ cần người ấy có tâm thành kính tu trì mà thôi. Bởi lẽ chẳng thể coi chuyện quy y như chuyện mua bán, cần phải ra giá bao nhiêu đó mới mua được hàng hóa đáng giá chừng đó! Có như vậy thì mới là tín đồ chân thật quy y Phật pháp, mới có thể đạt đại lợi ích liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh.

6. Ngày thứ sáu: Dùng chân đế và tục đế để phá trừ kiến chấp và trần thuật những chuyện linh cảm gần đây

Người đời chấp không, chấp có, lầm lạc sanh khởi những kiến giải của chính mình nên mê muội chẳng giác

163 Hương kính: tiền cúng dường khi cầu quy y thọ giới. Gọi là "hương kính" với ngụ ý cúng cho vị thầy chút tiền để thầy có tiền mua nhang đèn cúng Phật.

ngộ. Đức Thế Tôn lập ra giáo pháp là vì muốn cho chúng sanh phá trừ hai kiến chấp ấy, đặc biệt bày ra một pháp môn niệm Phật, mong chúng sanh từ có đạt đến không, dẫu đắc không nhưng chẳng bỏ có thì hai pháp có và không sẽ hỗ trợ nhau, được lợi ích rất lớn. Huống hồ là cậy vào nguyện lực của Phật Di-đà. Vì thế, lực dụng của pháp môn niệm Phật vượt trỗi hết thảy pháp môn khác, làm chỗ quy túc cho hết thảy các pháp môn.

Trong đời có một hạng người tri kiến hèn kém, dạy họ niệm Phật cầu sanh Tây Phương bèn nói: "Chúng tôi là hạng nghiệp lực phàm phu, làm sao dám mong mỏi vãng sanh Tây Phương? Chỉ cầu chẳng mất thân người là đủ lắm rồi." Thứ tri kiến này là do chẳng biết tâm tánh của chúng sanh và tâm tánh của chư Phật giống hệt, chẳng hai. Nhưng chư Phật tu đức đến cùng cực, tánh đức hiển hiện trọn vẹn, còn chúng sanh dẫu đủ tánh đức, trọn không tu đức, dẫu có tu tập nhưng lắm kẻ vì tu hành trái nghịch với tánh, nên đâm ra càng thêm mê muội, trái nghịch.

Lại có một hạng người tri kiến cuồng vọng, dạy họ niệm Phật, liền bảo: "Ta đã là Phật, cần gì phải niệm Phật? Các ngươi chẳng biết tự mình chính là Phật thì thường niệm Phật cũng không sao. Ta đã tự biết là Phật, cần gì phải trên đầu lại chồng thêm một cái đầu!" Thứ tri kiến này là do chỉ biết đến vị Phật thuộc về Phật tánh sẵn có ngay trong tâm, chưa biết đến vị Phật đã đoạn sạch phiền hoặc, viên mãn phước tuệ. Hạng người này nếu đã biết tánh -

tu, lý - sự đều chẳng thể thiên chấp, cực lực tu tịnh hạnh thì sẽ vượt xa hạng người nẩy sanh tri kiến hèn kém. Nếu chẳng vậy, sẽ tự lầm, lầm người, vĩnh viễn đọa trong địa ngục A-tỳ, trọn không có kỳ ra. Vì thế, đối với những hiểu biết lầm lạc chấp không, chấp có, kiến giải hèn kém và kiến giải lầm lạc cuồng vọng này, chỉ có riêng pháp niệm Phật là dễ đối trị nhất. "Tâm này là Phật, tâm này làm Phật", nếu chẳng là Phật thì chẳng phải làm Phật được. Hai câu kinh văn này chính là vô thượng diệu pháp để phá trừ hai thứ kiến chấp hèn kém và cuồng vọng.

Bàn chặt chẽ về ý nghĩa lớn lao trong Phật pháp thì chẳng ngoài chân đế và tục đế. Chân đế một pháp chẳng lập, là thực thể được thấy biết bởi thánh trí. Tục đế phô bày trọn vẹn vạn hạnh, chính là hành tướng được tu trong pháp môn (chữ tục ở đây nghĩa là tạo dựng, kiến lập, chứ đừng hiểu là thế tục, thô tục). Người học Phật phải viên dung chân tục, một mực cùng hành. Bởi lẽ, vì một pháp chẳng lập thì mới có thể tu đạo phô bày trọn vẹn vạn hạnh, vạn hạnh được phô bày trọn vẹn thì mới hiển hiện được bản thể một pháp chẳng lập.

Nay để dễ hiểu, tôi nêu riêng một thí dụ. Bản thể của chân như pháp tánh ví như tấm gương quý báu tròn lớn, rỗng rỗng rang rang, trọn không có một vật, thế mà người Hồ đến thì bóng người Hồ hiện, người Hán đến ắt bóng người Hán hiện. Hồ, Hán cùng đến một lúc thì cùng lúc hiện bóng. Ngay đang trong lúc rỗng rang, trống lỗng, trọn

không có một vật, chẳng trở ngại gì chuyện người Hồ đến, bóng người Hồ hiện; kẻ Hán đến, bóng kẻ Hán hiện. Ngay đang lúc người Hồ đến hiện bóng người Hồ, người Hán đến soi bóng người Hán, gương vẫn rỗng rang trọn không có một vật nào.

Thiền tông đặt nặng chân đế, tức là ngay chỗ "vạn hạnh phô bày trọn vẹn" chỉ ra "một pháp chẳng lập". Tịnh tông phần nhiều chú trọng tục đế, tức là ngay nơi "một pháp chẳng lập", chỉ ra chuyện "vạn hạnh phô bày trọn vẹn". Bậc trí hiểu rõ lý sẽ tự chẳng thiên chấp. Nếu không, thà chấp có còn hơn là chấp không! Vì nếu chấp có dẫu chưa ngộ trọn vẹn Phật tánh vẫn còn có công tu trì; chứ chấp không sẽ bác không nhân quả, thành ra kiến chấp đoạn diệt, phá hoại, rối loạn Phật pháp, khiến chúng sanh nghi ngờ, lầm lạc, họa ấy rất lớn, chẳng thể tuyên nói được!

Chúng ta niệm Phật trước hết phải từ *có niệm* mà khởi. Niệm đến lúc niệm lặng, tình mất, ắt không những đã không có ta là người niệm, mà cũng không có đức Phật được ta niệm, nhưng từng câu, từng chữ vẫn rành rẽ phân minh, chẳng lầm chẳng loạn, tức là như thường nói "niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm" vậy. "Niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm" nghĩa là ngay trong lúc đang niệm Phật, trọn chẳng có tình niệm khởi tâm niệm Phật. Tuy không có tình niệm khởi tâm niệm Phật nhưng lại niệm rành rẽ, phân minh, liên tục. Nhưng công phu này chẳng phải là điều hạng sơ tâm có thể đạt được ngay. Nếu chưa đạt đến công

phu "vô niệm mà niệm" mà không chú trọng "có niệm" thì khác nào phá nhà để tìm lấy chỗ trống không. Cái không ấy quyết chẳng phải là chỗ để an thân lập mạng được!

Các bậc thiền đức xưa, có nhiều vị lễ bái, trì tụng chẳng tiếc thân mạng như cứu đầu cháy. Vì thế thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ ngày làm 108 tám Phật sự, đêm qua ngọn núi khác kinh hành niệm Phật; huống hồ là học nhân đời sau chẳng trọng sự tu (tu hành về mặt sự) mà hòng thành tựu đạo nghiệp ư? Do đại ngộ lý thể "một pháp chẳng lập", tận lực tu hành công phu "vạn pháp viên tu" nơi mặt sự thì mới là *trung đạo không hữu* viên dung.

Kẻ chấp vào *không giải thoát* cho rằng chẳng tu một pháp nào hết mới là "một pháp chẳng lập", được chư Phật gọi là "kẻ đáng thương xót". Đại sư Liên Trì dạy: "Chấp sự mà niệm, giữ được liên tục thì sẽ chẳng luống uổng công, được dự vào phẩm vị vãng sanh. Chấp lý nhưng tâm chưa thật sự thông đạt, khó thể tránh được cái họa rớt vào không. Bởi lẽ, sự có công năng kềm cặp lý, lý chẳng thể tồn tại độc lập", lý do là như vậy đó. Chúng ta học Phật phải do từ ngay nơi sự để thành lý, do chính ngay nơi lý để thành sự. Lý - sự viên dung, có - không chẳng hai thì mới có thể trọn thành tam-muội, liễu thoát sanh tử. Nếu tự nói 'ta chính là Phật', chấp lý phế sự, sai lầm rất nặng! Hãy nên tận lực tu trì, nhất tâm niệm Phật, từ sự hiển lý, dẫu hiển lý vẫn chú trọng nơi sự thì mới được lợi ích thật sự. Ngay như hàng Đẳng giác Bồ-tát vẫn còn phải dùng mười đại nguyện

vương hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc nhằm mong viên mãn Phật quả. Nay là phàm phu nhưng chẳng biết tự lượng, coi niệm Phật là Tiểu thừa chẳng đáng để tu trì, tương lai quyết định vào địa ngục A-tỳ vậy.

Hơn nữa, người niệm Phật ai nấy phải tận hết bổn phận của chính mình, chẳng trái nghịch luân lý thế gian, như thường nói là "giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, ngăn cấm điều tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành". Nếu bất hiếu với cha mẹ, chẳng dạy dỗ con cái thì là tội nhân trong Phật pháp. Người như vậy mà muốn được Phật cảm ứng gia bị, trọn chẳng có lẽ ấy! Vì thế, người học Phật phải là cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, tự lập mình, lại chu toàn cho người, tự lợi lợi tha. Ai nấy tận hết bổn phận của chính mình, dùng chính thân mình đốc suất người khác, rộng tu lục độ vạn hạnh, để làm gương mẫu cho mọi người.

Phải biết rằng *hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ* cũng thuộc vào lục độ vạn hạnh. Trong cõi đời, kẻ chẳng tin Phật giống như người đeo cặp kính màu xem xét vạn vật, thấy là xanh hoặc đỏ là do kính khác màu mà ra, chẳng thấy được màu sắc thật sự của sự vật. Vì thế sách Đại Học có thuyết "cách vật trí tri", thật là có lý vậy! Người học Phật chúng ta chớ có lầm chấp vào kiến giải của chính mình. Nếu lầm chấp vào kiến giải của chính mình, ngồi đáy giếng nhìn trời, một khi Diêm-la đòi mạng mới hay trước đây mình đã sai lầm, có hối cũng muộn rồi.

Đời này bạc ác, xã hội rối loạn, thiên tai nhân họa liên tiếp xảy ra. Muốn tính chuyện cứu vãn, ai nấy phải tận lực giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, hiếu dưỡng cha mẹ, thương yêu trẻ nhỏ, yêu người như yêu chính mình, hoàn toàn vì lẽ công, chẳng tư lợi, vậy thì mới có thể cứu vãn được! Do nhân tâm hòa bình, thế giới tự yên, quốc nạn tự dứt. Hiện tại mối họa hoạn lớn nhất là con người ôm lòng riêng tư, lòng riêng tư đến cùng cực sẽ chỉ còn biết đến mình, con ruột có thể giết cha mẹ. Người đời thường hâm mộ cảnh thịnh trị rạng ngời rực rỡ, thiên hạ thái bình thời Đường - Ngu[164], cứ than thở thói đời hiện tại suy đồi, lòng người hiểm ác, nhưng xét đến cùng cực tại sao thành ra như vậy thì thật sự chẳng ngoài hai chữ *công* và *tư* mà thôi. Công đến cùng cực ắt thế giới đại đồng, tư đến cùng cực thì con giết cha mẹ. Nếu mọi người phá được kiến chấp tư hữu, chẳng tàn hại lẫn nhau thì sẽ lại được thấy cảnh đời Đường Ngu Tam Đại[165] trong ngày nay chẳng khó khăn gì!

Xưa kia, tại Phổ Đà có một vị lão tăng đi đường, chân chợt đụng phải cái ghế, liền đạp đổ cái ghế, lại còn dộng liên tiếp mấy đạp nữa. Thứ tri kiến như vậy đều là do mặc tình ngã mạn, tuyệt chẳng phản tỉnh mà ra. Thứ tri kiến ấy bộc phát lừng lẫy ắt sẽ dẫn đến chuyện giết cha giết mẹ mà

---

164 Đường - Ngu là thời Nghiêu - Thuấn. Vua Nghiêu họ là Y (hay Y Kỳ), tên là Phóng Huân, thuộc thị tộc Đào Đường Thị, sử thường gọi tắt Đường Nghiêu. Vua Thuấn họ Ngu, tên Trọng Hoa, thuộc thị tộc Ngu Thị, sử gọi là Ngu Thuấn. Đây là thời thạnh trị Tam Hoàng Ngũ Đế theo truyền thuyết Trung Hoa.

165 Tam Đại là ba đời vua thánh theo truyền thuyết Trung Hoa: vua Nghiêu, vua Thuấn, vua Đại Vũ.

vẫn không hổ thẹn; trái lại còn coi đó là công lao. Hiện tại cơ duyên giết hại càng mạnh mẽ, dụng cụ giết người càng thêm khéo léo tinh vi, đại kiếp ngay trước mặt, ai có thể thoát khỏi được? Chỉ mong đại chúng dốc hết lòng thành niệm Phật, xót xa cầu Phật lực gia bị.

Khi chiến cuộc xảy ra ở đất Hỗ (Thượng Hải), những nhà cửa ở vùng Áp Bắc phần nhiều cháy tan ra tro, chỉ còn khu nhà của một đệ tử quy y với tôi là ông Hạ Hinh Bồi chưa bị mắc họa. Ấy là vì trong lúc chiến sự dữ dội, cả nhà ông ta cùng niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát. Điều kỳ lạ nhất là bảy ngày sau khi cuộc chiến nổ ra, cả nhà bọn họ mới được Thập Cửu Lộ Quân[166] cứu ra; đến lúc đình chiến trở về nhà, mọi vật trong nhà chẳng mất thứ gì. Nếu Bồ-tát chẳng gia hộ, che chở thì làm sao mà được như vậy? Đó là do ông ta làm việc cho một tòa soạn nhật báo đã mấy mươi năm, vợ chồng đều ăn chay, niệm Phật rất chí thành. Do vậy biết: Quán Âm Bồ-tát đại từ đại bi, nếu gặp tai nạn, một phen xưng niệm thánh hiệu, chắc chắn được cứu vớt, che chở.

---

166 Thập Cửu Lộ Quân là một cánh quân của quân đội Trung Hoa Dân Quốc, tương đương với cấp quân đoàn. Tiền thân mang tên Việt Quân Đệ Nhất Sư (sư đoàn thứ nhất của tỉnh Quảng Đông), năm 1926 đổi tên là Quốc Dân Cách Mạng Quân Đệ Tứ Quân (quân đoàn thứ tư của quân đội cách mạng Trung Hoa Dân Quốc). Khi quân đội Trung Hoa Dân Quốc tiến hành Bắc phạt (dẹp tan các tướng lãnh quân phiệt xưng hùng ở miền Bắc Trung Hoa), Đệ Tứ Quân lập rất nhiều chiến tích. Năm 1930, do quân số ngày càng lớn mạnh, nhất là sư đoàn thứ mười một của Đệ Tứ Quân đã giúp cho Tưởng Giới Thạch đánh thắng được Phùng Ngọc Tường và Diêm Tích Sơn nên đã được đổi tên thành Thập Cửu Lộ Quân, do đích thân Tưởng Giới Thạch chỉ huy.

Nếu nói: "Người đời ngàn vạn, tai nạn phát sanh dồn dập, Quán Âm Bồ-tát chỉ có một mình làm sao có thể cùng lúc đến cứu vớt, che chở từng người được? Dù có cứu giúp, che chở, cũng mệt nhọc khôn xiết!" Nào biết trọn chẳng phải Quán Âm Bồ-tát đến từng chỗ cứu giúp, mà chính là Quán Âm trong tâm chúng sanh cứu giúp đó thôi! Quán Âm vốn vô tâm, lấy tâm chúng sanh làm tâm của chính mình, cho nên có thể 'nên dùng thân nào để cứu độ thì sẽ hiện ngay thân đó để thuyết pháp'. Như vầng trăng vằng vặc trên không, tất cả mọi chỗ có nước đều hiện bóng trăng, nước trong ngàn dòng sông có ngàn vầng trăng in bóng trên sông. Trăng ấy là một hay là nhiều? Chẳng thể nói là một, vì trăng hiện bóng trong muôn dòng nước; chẳng thể nói là nhiều, vì vầng trăng trên hư không luôn chỉ là một. Chư Phật, Bồ-tát cứu độ hữu tình cũng giống như thế. Chẳng được cảm ứng là do chúng sanh còn chưa dốc lòng thành, chứ chẳng phải Bồ-tát không cứu giúp, che chở. Như một cái ao nước dơ bẩn, muốn trăng hiện bóng trong ấy há có được chăng? Hiểu rõ lẽ này rồi, đại chúng chúng ta niệm Phật há còn ai chẳng chánh tâm, thành ý, chân thành, khẩn thiết hay sao? Tôi không tin!

Một đệ tử ở huyện Văn Hỷ, tỉnh Sơn Tây là ông Diệp Tư Sơ, cưỡi lừa đi trong vùng núi thẳm, một bên núi cao chót vót, một bên là khe sâu thăm thẳm. Tuyết đóng thành băng, con lừa trượt chân, liền rơi xuống khe. Ngang vách núi có một cái cây to, khéo sao rớt đúng ngay trên cây ấy,

không hề hấn gì. Nếu không sẽ bị tan thân, nát xương. Cây ấy do đâu mà có? Ấy là do Quán Âm Bồ-tát thị hiện vậy.

Lại nữa, năm Dân Quốc mười bảy (1928), ông Thái Nhân Sơ người huyện Ninh Ba mở cửa hàng Ngũ Kim Pha Lê ở Thượng Hải. Ông ta là người cực thuần hậu, chơi thân với ông Nhiếp Vân Đài. Vân Đài dạy ông Thái thường niệm Quán Âm, cốt ý để phòng ngừa bị bắt cóc tống tiền. Nhân Sơ tin theo. Ngày nọ sắp ra về, xe của chính ông đậu ngoài cửa, bọn cướp cầm súng đuổi tài xế đi, rồi bọn cướp ngồi trên đó. Ông Nhân Sơ vừa bước ra liền leo lên xe, xe liền chạy đi, mới biết gặp cướp, liền thầm niệm Quán Âm, mong cho xe chết máy hòng thoát nạn. Quả thật, xe bị nổ bánh, xe chạy khật khừ, nhưng vẫn cứ chạy tiếp. Bình xăng bị nổ vỡ khiến xe bắt lửa, bọn cướp xuống xe, cáu kỉnh hướng về phía ông Thái nã liền ba phát súng, nhưng ông Thái ba lần chạy né được, liền ngồi xe kéo trở về. Tháng 6 năm đó, ông và vợ cùng đến Phổ Đà quy y.

Lại nữa, ông Trương Thiếu Liêm, giám đốc của một hãng ngoại quốc nọ, trọn chẳng tin Phật. Một ngày kia, ngồi xe hơi lái đến chỗ thanh vắng, hai tên cướp cầm súng đuổi người tài xế đi. Ông Trương nói: "Các ông lên xe ngồi, sai hắn lái đến chỗ nào là được rồi!" Hai tên cướp cầm súng chĩa về phía ông Trương. Ông Trương thầm niệm Quán Âm, xe lái đến chỗ náo nhiệt, chợt có hai người đánh lộn, tuần bộ (cảnh sát) thổi còi, hai tên cướp trèo xuống xe, lủi mất. Đấy là vì ông Trương niệm Quán Âm nên hai tên

cướp mới lầm tưởng là tuần bộ đến bắt chúng. Cậu ông ta là Chu Vị Thạch đã quy y từ trước, một hôm thỉnh tôi đến nhà cụ. Thiếu Liêm cũng đến quy y.

Lại nữa, con ông Lý Cận Đan ở Trấn Hải làm nhân viên buôn bán cho một hãng ngoại quốc, bị bệnh thổ huyết đã hai năm. Có lúc thổ huyết thình lình, dẫu là lúc không thổ huyết thì trong đàm cũng thường lẫn máu. Một ngày nọ anh ta bị bọn cướp bắt. Cận Đan sợ hãi vô cùng, cả nhà niệm Quán Âm cầu cứu. Lại thỉnh chư tăng chùa Pháp Tạng trợ niệm. Sau đấy, bọn cướp đòi tiền chuộc năm mươi vạn đồng. Nhà họ Lý chỉ có năm vạn. Tên đầu sỏ bọn cướp bảo không đủ năm mươi vạn là không xong; nhưng mỗi khi hắn đề cập đến năm mươi vạn, đầu liền bị nhức buốt, sau đành phải chấp thuận năm vạn tiền chuộc. Từ khi con ông Cận Đan được bọn cướp thả về, chẳng những không bị thổ huyết, mà ngay cả khạc đàm cũng chẳng thấy lẫn máu nữa. Bệnh dây dưa suốt hai năm do bị cướp bắt, bệnh được khỏi hẳn. Những sự tích cảm ứng vừa thuật trên đây, quý vị hãy nên tin tưởng sâu xa.

Hiện tại, người học Phật khá nhiều, nhưng người hiểu biết Phật pháp sâu xa quá ít, trái lại, con người phần nhiều tin vào những lời lẽ của ngoại đạo. Miền Giang - Triết thường đồn rằng: "Người niệm Phật chẳng được vào huyết phòng (phòng đàn bà sanh nở), vì một khi bị mùi máu tanh hôi của bà đẻ suông nhằm, bao nhiêu công đức niệm Phật từ trước tiêu mất hết." Vì thế ai nấy coi là chỗ

phải tránh né, dù là con gái, con dâu của chính mình sanh nở đều chẳng dám đến gần. Có kẻ còn né sẵn qua nơi khác từ trước, hơn cả tháng mới dám trở về nhà. Tập tục này phổ biến rất rộng cũng đáng lạ thay! Chẳng biết đó chính là tà thuyết của ngoại đạo làm lầm lạc, điên đảo lòng người, há nên tin bậy?

Năm Dân Quốc thứ mười hai (1923), con dâu thứ của ông Viên Hải Quán, tuổi đã hơn năm mươi, có chút học vấn, có hai trai, hai gái. Lúc con dâu trưởng của bà ta sắp sanh, một vị cư sĩ bảo: "Con dâu sắp sanh, trong vòng một tháng, không được thờ Phật trong nhà, cũng chẳng được niệm Phật." Bà ta nghe xong, hồ nghi, vừa may tôi đến đất Hỗ, bèn hỏi ý việc ấy. Tôi nói: "Kẻ mù quáng đặt lời đồn thổi! Về bảo con dâu bà thường niệm Quán Âm, lúc sanh nở cần niệm ra tiếng. Bà và những người săn sóc sản phụ ai nấy đều nên niệm lớn tiếng thì chắc chắn chẳng đến nỗi bị sanh khó và không có những chuyện đau đớn, băng huyết v.v.. Mà sau khi đẻ xong cũng chẳng bị các điều nguy hiểm." Bà ta nghe nói, rất mừng!

Qua mấy ngày sau, cháu bé sanh ra, thân rất to, người Hồ Nam sanh con nhất định cân coi nặng bao nhiêu, đứa bé nặng đến năm cân rưỡi, lại là con so, mà người mẹ trọn chẳng đau đớn gì. Vậy mới biết sức đại từ đại bi của Quán Âm Bồ-tát chẳng thể nghĩ bàn. Bình thường niệm Phật, niệm Bồ-tát, phàm lúc sắp ngủ, lúc rửa chân, tắm gội đều nên niệm thầm. Chỉ có lúc sanh nở chẳng được niệm thầm,

vì lúc đang sanh phải dùng sức, niệm thầm ắt sẽ bị tức khí thành bệnh. Phải rất chú ý điểm này! Phải biết, Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, pháp lực chẳng thể nghĩ bàn, chúng sanh tâm lực cũng chẳng thể nghĩ bàn, chỉ do con người có lòng kiền thành hay không mà thôi.

Vị cao tăng đời Minh là thiền sư Thọ Xương Huệ Kinh lúc sắp được sanh ra khá khó khăn. Ông nội ngài đứng ngoài phòng sanh, vì con cháu niệm kinh Kim Cang để cầu được dễ sanh. Cụ vừa mới mở miệng niệm xong hai chữ Kim Cang, cháu liền được sanh. Ông nội bèn đặt tên cho cháu là Huệ Kinh. Lớn lên, quy y và xuất gia đều chẳng lấy tên nào khác. Ngài là vị cao tăng lỗi lạc thời Vạn Lịch (Minh Thần Tông 1573-1620). Do đấy, gẫm xem thì biết là Phật pháp có ích cho cõi đời cũng lớn lắm! Niệm Quán Âm Bồ-tát vào lúc sanh sản có lợi ích như thế đó, há nên bị tà thuyết mê hoặc mà chẳng tín phụng ngài ư?

Người đời ăn thịt đã thành thói quen, hãy nên biết bất cứ loại thịt nào đi nữa đều có chất độc, vì lúc con vật bị giết, hận tâm, oán khí ngùn ngụt. Người ăn vào tuy chẳng đến nỗi mất mạng ngay lập tức, nhưng tích tập lâu ngày sẽ trở thành ghẻ chốc, tật bệnh. Những phụ nữ trẻ tuổi nếu vừa nổi nóng xong liền cho con bú sữa mẹ, đứa bé có thể bị chết, bởi vì sự nóng giận khiến cho sữa bị trở thành chất độc. Sự nóng giận của con người vào lúc chưa phải bị đau khổ trí mạng còn độc đến thế, huống là cái đau mất mạng của những loài lợn, dê, gà, vịt, cá, tôm v.v., há có thể nào

thịt chúng nó chẳng độc ư? Hơn mười năm về trước, tôi thấy một cuốn sách nói: "Một phụ nữ Âu Tây tánh tình nóng nảy quá mức, ngày nọ vừa nổi nóng xong, cho con bú, đứa bé chết ngay, chẳng biết vì nguyên do gì. Về sau lại sanh đứa khác, lại nhân lúc nóng giận xong cho con bú, đứa bé chết tươi; bèn đem sữa đi xét nghiệm thì thấy có chất độc, mới biết cả hai đứa con đều chết vì bú sữa độc."

Gần đây có một bà cụ đến quy y, tôi bảo cụ ăn chay vì thịt có chất độc và kể chuyện người phụ nữ Âu Tây do nóng giận mà sữa hóa thành chất độc làm chết hai đứa con để làm chứng. Bà cụ ấy bảo bà ta cũng có hai đứa con cũng bị chết giống như vậy, vì ông chồng cụ tánh khí ngang ngược, man rợ, cứ hễ trái ý liền đánh vợ nhừ tử. Con thơ trông thấy khóc òa lên, liền cho con bú. Đứa bé chết liền! Lúc ấy cụ chẳng biết là chết vì sữa đã trở thành chất độc. Con dâu cụ cũng vì cho con bú mà chết mất một đứa. Đủ thấy con nít trong đời bị trúng sữa độc chết chẳng biết là bao nhiêu. Từ người phụ nữ phương Tây phát giác trước tiên cho đến cụ bà này xác nhận, mới thấy thật minh bạch. Vì thế phụ nữ cho con bú sữa mẹ chớ nên nổi nóng. Nếu như đang giận dữ quá mức thì hôm ấy đừng có cho con bú, cần phải đợi đến hôm sau, tâm trạng lắng dịu, lúc hết còn giận hờn thì mới cho con bú không ngại gì. Nếu ngay hôm đó cho con bú rất có thể làm chết con. Nếu không chết ngay, rất có thể là chết dần dần.

Do vậy biết rằng: Trâu, dê v.v. lúc bị giết tuy chẳng

nói được, nhưng chất độc do lòng oán hận kết lại trong thịt nơi thân chúng cũng chẳng ít ỏi gì. Kẻ biết tự thương mình cố nhiên phải nên kiêng ăn thịt vĩnh viễn để tránh khỏi các thứ tai họa trong đời này, đời sau. Chuyện này rất ít người biết, vì thế phải nêu rõ ra, mong sao mọi người lưu ý. Lấy đó làm chứng, cần biết rằng, khi người ta nóng giận, chẳng những sữa có chất độc mà nước mắt, nước miếng cũng đều có chất độc. Nếu những thứ này rơi rớt vào mắt, vào thân trẻ nhỏ cũng gây hại chẳng cạn. Có một vị bác sĩ đến quy y, tôi hỏi ông ta: "Trong sách thuốc có nói đến điều này hay không?" Ông ta đáp: "Không biết!"

Trong thế gian chuyện vượt ngoài tình lý khá nhiều, chẳng thể vì chúng không hợp khoa học mà coi thường được. Chẳng hạn như cách trị bệnh sốt rét thì dùng một tấm giấy trắng rộng hai tấc, viết ô mai (hai trái), hồng táo (hai trái), hồ đậu (tùy theo bệnh nhân bao nhiêu tuổi, viết bấy nhiêu hạt, như 10 tuổi thì viết 10 hạt, 20 tuổi viết 20 hạt) xếp lại. Trước lúc cơn bệnh phát ra khoảng một tiếng đồng hồ, quấn trên bắp tay, nam bên trái nữ bên phải, thì bệnh sẽ chẳng phát nữa. Trăm lần áp dụng, trăm lần hiệu nghiệm. Dù bệnh đã hai ba năm chẳng lành, cũng chữa lành được. Chẳng phải bùa, chẳng phải chú, chẳng phải thuốc mà trị lành được bệnh ngặt, há có thể vận dụng lý thông thường để giải thích hay chăng?

Sự thể trong thế gian đều khó thể nghĩ bàn cả! Như mắt thấy, tai nghe là chuyện cực bình thường, ai ai cũng

biết cả, nhưng nếu hỏi vì sao mắt thấy được, vì sao tai nghe được thì những người biết rất ít. Trong Phật pháp cũng có những sự chẳng thể nghĩ bàn nhưng lại nghĩ bàn được, có những sự có thể nghĩ bàn nhưng lại chẳng thể nghĩ bàn được. Thần diệu nhưng minh bạch, tồn tại ngay trong con người, há nên dùng lẽ thường tình để suy lường ư!

7. Ngày thứ bảy: Giảng về tội đại vọng ngữ và những sự như đại hiếu trong nhà Phật, trí tri cách vật, thật thà niệm Phật v.v.

Ngày hôm nay pháp hội viên mãn. Thời hạn bảy ngày chớp mắt đã qua. Thế nhưng, pháp hội tuy viên mãn, chuyện hộ quốc tức tai nên thực hiện cho đến khi chấm dứt báo thân này. Trừ phi ai nấy ăn chay niệm Phật, vãng sanh Tây Phương, chẳng thể nói là đã viên mãn rốt ráo được.

Người học Phật hiện tại có lắm kẻ tự bảo ta đã khai ngộ, ta là Bồ-tát, ta đã đắc thần thông đến nỗi gây lầm lạc cho nhiều người. Một mai Diêm lão réo mạng, lúc mạng sắp chấm dứt, khi ấy cầu sống chẳng được, đau khổ mà chết, chắc chắn đọa địa ngục A-tỳ. Chớ nên nhiễm đắm thói ác của những kẻ ham cao chuộng xa, dối mình lừa người ấy, nếu có thì phải sửa ngay; nếu không có thì càng thêm cố gắng. Hãy kiêng dè, hãy đề phòng!

Giết, trộm, dâm… cố nhiên là tội nặng, nhưng con người biết những hành vi ấy chẳng tốt, không đến nỗi ai nấy đều bắt chước theo, nên tội ấy vẫn còn nhẹ. Nếu chẳng

tự lượng, phạm tội đại vọng ngữ, chưa đắc đã bảo đắc, chưa chứng đã nói chứng để dẫn dắt những hạng vô tri, ai nấy đều bắt chước theo, hoại loạn Phật pháp, làm chúng sanh bị nghi ngờ lầm lạc, tội ấy nặng không thể hình dung được!

Người tu hành cần phải giấu tài ẩn đức, phơi bày tội lỗi. Nếu chuộng phô trương tiếng tăm, oai thế rỗng tuếch, bày trò giả dối, dù có tu hành cũng bị cái tâm dối trá rỗng tuếch ấy làm hư mất hết. Vì thế, Phật đặc biệt coi tội vọng ngữ là giới căn bản của các giới để ngăn ngừa tâm hư ngụy, ngõ hầu người tu học đạo Phật sẽ chân tu, thực chứng. Người tu hành chẳng được hướng về hết thảy mọi người khoe khoang công phu của chính mình. Nếu như vì chính mình chẳng thể hiểu thật rành rẽ, muốn cầu thiện tri thức khai thị, ấn chứng, thì cứ theo đúng sự thực mà trình bày trực tiếp, chớ nên kiêu căng nói quá lên, cũng chớ nên tự khiêm nói giảm đi, cứ dựa theo bổn phận của chính mình mà nói thì mới là đệ tử Phật thật sự, mới có thể mỗi ngày một thấy được lợi ích nhiều hơn.

Đại sư Lục tổ nói:

Phật pháp tại thế gian
Bất ly thế gian giác
Ly thế mịch Bồ-đề
Kháp như cầu thố giác.

(Phật pháp tại thế gian
Chẳng rời thế gian giác

Lìa đời tìm Bồ-đề
Khác nào tìm sừng thỏ.)

Vì vậy biết rằng, hết thảy mỗi sự mỗi vật trong thế gian đều là Phật pháp. Chúng ta khởi tâm động niệm đều phải rành rẽ, minh bạch, chẳng được để vọng niệm làm mê. Ngay cả những kẻ cực ác, bại hoại nhất trong thế gian cũng như những đứa trẻ non nớt, nếu có ai nói đến những điều bất thiện thì giận, nghe điều lành thì vui. Sự giận dữ đối với điều bất thiện, vui vẻ đối với điều thiện há chẳng phải là chân tâm bản giác phát hiện ư? Điều đáng tiếc là chẳng biết tự quay lại để mở rộng [cái tâm giận điều ác, vui điều lành] ra, vẫn cứ suốt ngày làm chuyện chẳng lành, đến nỗi trở thành ham danh ghét thật, lọt vào hạng tiểu nhân. Giả sử họ có thể tự phản tỉnh: "Ta đã vui với điều thiện thì hãy nên tận lực làm việc lành, tận lực ngăn ngừa điều ác thì gần là mong thành hiền, thành thánh; xa là liễu sanh thoát tử, thành giác đạo của Phật."

Điều quan trọng là tự giác, hễ giác thì chẳng chịu thuận theo mê tình, cuối cùng đạt đến chỗ giác vĩnh viễn chẳng mê. Nếu chẳng tự giác sẽ hằng ngày muốn người khác khen ngợi ta là lành, nhưng hằng ngày tận lực làm các điều ác, chẳng đáng buồn lắm ư? Sự kiện con người ai cũng có ý niệm thích được người khác khen ta là lành, đủ chứng tỏ chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng hành vi thuận theo tánh hay trái nghịch tánh thì: một là do mình tự cố gắng hay tự buông lung, hai là do thiện hay ác tri thức chỉ bày

dẫn dụ. Đời nay tai nạn phát sanh dồn dập, quá nửa là do con người phần nhiều chẳng chuộng thực tế, ham chuộng mong mỏi hư danh, ham danh ghét thật, trái nghịch bản tâm của chính mình mà nên nỗi. Nếu có thể hồi quang phản chiếu, tỏ rõ Phật tánh vốn sẵn có, chẳng lừa mình dối người, biết lễ nghĩa, biết liêm sỉ thì cái căn bản đã lập, chẳng còn làm chuyện nghịch lý loạn đức, ắt tai hoạn sẽ tự dứt vậy.

Người học Phật quan trọng nhất là ai nấy phải trọn hết bổn phận, tròn bổn phận thì sẽ có liêm, có sỉ. Những hạnh như cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính đều nên nỗ lực thực hành. Sách Đại Học có câu: *"Đại học chi đạo, tại minh minh đức"* (Đạo đại học cốt ở chỗ làm sáng tỏ cái đức sáng). Chữ "minh" thứ nhất là tu đức "khắc kỷ[167], xét soi, phản tỉnh", hai chữ "minh đức" tiếp đó chỉ tánh đức sẵn có trong tự tâm. Muốn làm sáng tỏ minh đức sẵn có trong bản tâm, không tu trì từ việc khắc kỷ, xét soi, phản tỉnh thì không xong. Tiến lên nữa, mới có thể nói *"tại thân dân, tại chỉ ư chí thiện"*, chữ "thân dân" ở đây hàm ý ai nấy tận hết bổn phận, "chỉ ư chí thiện" nghĩa là khởi tâm, làm chuyện gì, tự hành dạy người đều thuận theo lẽ trời, tình người, là trung đạo chẳng lệch, chẳng cong quẹo. Được như vậy thì làm thánh làm hiền là điều có thể đạt được.

Vả nữa, Phật pháp nhằm dạy người đối trị phiền não

---

167 Khắc kỷ: Nghiêm khắc với bản thân, không cho phép bản thân mình dễ dãi với bất cứ tập quán ươn hèn, sai trái nào.

tập khí, nên có tam học giới định tuệ làm căn bản. Bởi lẽ, giới ràng buộc cái thân thì chẳng dám làm điều trái đức nghịch lý, chẳng dám thốt lời vô ích có hại. Do giới sanh định nên những tạp niệm vọng loạn rối bời trong tâm sẽ dần tiêu, những hành vi hồ đồ sẽ tự ngưng. Do định phát tuệ nên chánh trí mở mang, phát khởi, phiền hoặc tiêu diệt, thực hiện các thiện pháp thế gian hay xuất thế gian không pháp nào là chẳng phù hợp với trung đạo vậy. Ba thứ giới định tuệ đều là tu đức, đều là tâm thể do đích thân chánh trí thấy được. Đấy chính là minh đức. Sách Trung Dung gọi minh đức này là thành, thành chỉ cho "thuần chân chẳng vọng", minh đức tức là "ly niệm linh tri". Thành và minh đức đều thuộc về tánh đức. Do có tu đức "tu trì khắc kỷ, phản tỉnh, xét soi" thì tánh đức mới hiển lộ. Bởi thế cần chú trọng vào chữ "minh" thứ nhất thì minh đức mới có thể thấy thấu suốt, vĩnh viễn tỏa sáng.

Phật pháp và thế gian pháp vốn chẳng phải là hai thứ! Nếu có kẻ cho rằng nhà Phật *"từ thân cát ái"* (từ biệt cha mẹ, cắt đứt tình yêu thương) là bất hiếu thì đó là cái nhìn hạn cuộc trong đời này, là cái nhìn nông cạn chẳng biết tới quá khứ, vị lai. Chữ hiếu đối với cha mẹ trong nhà Phật thông cả ba đời, vì thế kinh Phạm Võng dạy: "Nếu là Phật tử thì do tâm từ sẽ hành nghiệp phóng sanh, coi hết thảy đàn ông là cha ta, coi hết thảy đàn bà là mẹ ta. Ta trong đời đời không lúc nào không do họ sanh ra, bởi vậy chúng sanh trong sáu đường đều là cha mẹ ta. Giết họ để ăn tức là giết cha mẹ ta!" Đối với hết thảy chúng sanh, Phật đều

nghĩ thương xót độ thoát, ấy là hiếu chẳng phải là vừa rộng lại vừa xa ư?

Vả nữa, lòng hiếu thế gian: Cha mẹ còn sống thì hầu hạ, phụng dưỡng, cha mẹ đã khuất thì chỉ tới ngày cha mẹ mất mới làm cỗ cúng bái để trọn hết dạ làm con. Nếu như cha mẹ tội lớn, đọa trong dị loại, nào ai có thể biết trong đám sinh vật bị giết hại để ăn ấy, chắc chắn không có ai từng là cha mẹ ta ư? Không thông hiểu lý ba đời vô tận, cậy vào sự hiếu nhỏ nhoi mấy mươi năm để trách người, sự thấy biết ấy nhỏ nhoi nông cạn, đáng thương xót thay! Vì thế Phật dạy người ta kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật, lòng từ bi cứu giúp cũng lớn lao thay!

Hoặc lại có kẻ bảo: "Loài lợn, dê, cá, tôm… vốn do trời sanh để nuôi dưỡng con người, ăn chúng nào có mắc tội gì?" Đây là do chưa trải qua cảnh đó nên mới nói bừa như thế. Nếu đích thân trải qua cảnh ấy thì mong được cứu còn không xuể, nào có dịp biện bác. Sách Khuyến Giới Loại Biên có chép: Ông họ Triệu nọ làm huyện lệnh huyện Bồ Thành, tỉnh Phước Kiến, ăn chay trường thờ Phật. Vợ ông hoàn toàn không có lòng tin. Ngày hôm trước bữa sinh nhật, bà ta mua khá nhiều sanh vật tính giết đãi khách. Họ Triệu bảo: "Bà muốn chúc thọ mà lại làm cho chúng nó bị chết, nên chăng?" Vợ bảo: "Ông nói toàn lời vô ích, nếu theo như Phật pháp, nam nữ chẳng được ngủ chung, chẳng giết sanh mạng, thì hóa ra mấy chục năm sau, tràn ngập thế gian toàn là súc sanh!" Ông Triệu cũng không có

cách gì khuyên giải được.

Đến đêm, người vợ mơ thấy đi vào nhà bếp, thấy giết lợn mà chính mình bị biến thành lợn, bị giết chết rồi vẫn còn biết đau. Lúc bị cạo lông, phanh bụng, móc ruột, cắt phổi, đau khổ không thể chịu được nổi! Sau đấy giết đến gà, vịt v.v., đều thấy chính mình là những con vật bị giết. Đau quá sức, tỉnh cả ngủ, tim run thịt giựt. Từ đấy phát tâm thả hết những loài vật mình đã mua, ăn chay trường.

Người này đời trước có căn lành lớn nên mới cảm được Phật từ gia bị, khiến cho bà ta đích thân chịu khổ để dứt ác nghiệp. Chứ nếu không sẽ đời đời kiếp kiếp nộp thân cho người ta ăn để đền nợ sát sanh. Những kẻ giết sanh vật ăn thịt trong cõi đời nếu có thể nghĩ tưởng đặt chính mình vào trong hoàn cảnh của loài vật thì khó gì mà chẳng quay đầu ngay khi ấy.

Lại có một hạng người nói: "Ta ăn thịt trâu, dê, gà, vịt… là vì muốn độ thoát chúng nó!" Chẳng những Hiển giáo không có thuyết này, ngay trong Mật giáo cũng không có. Nếu quả thật có thần thông như ngài Tế Điên thì còn được. Chứ nếu không, đó chỉ là tà thuyết khiến người lầm lạc, tự chuốc lấy tội. Hạng hết sức vô liêm sỉ mới dám nói như thế! Người học Phật phải hiểu rõ ràng khả năng của mình, chớ nên xằng bậy tự khoe khoang lớn lối, mong mỏi vậy thay!

Thời Lương, tại núi Thanh Thành ở đất Thục (Tứ

Xuyên), có vị tăng tên là Đạo Hương có đại thần lực, nhưng giấu kín chẳng tiết lộ. Núi ấy có lệ hằng năm mở hội, lúc đó mọi người ăn uống no say, giết hại sanh vật vô số. Ngài Đạo Hương khuyên can nhiều lần, họ chẳng nghe. Năm ấy, ngài đào một cái hố to ở ngoài sơn môn, bảo mọi người: "Các ông đã ăn no, xin chia cho tôi một bát canh, có được không?" Mọi người ưng thuận. Khi đó, ngài Đạo Hương cũng ăn uống thật no say, nhờ người dìu đến trước hố ọe hết ra. Những con vật ngài đã ăn vào: Con nào bay được thì bay lên, con nào chạy thì chạy đi, tôm, cá, thủy tộc ói ra ngập cả hố. Mọi người kinh sợ kính phục, liền vĩnh viễn kiêng sát sanh. Về sau, ngài Đạo Hương nghe lời Chí Công liền hóa (tịch diệt) (Có người đất Thục yết kiến ngài Chí Công ở kinh đô. Chí Công hỏi: "Người xứ nào?" Đáp: "Tứ Xuyên." Chí Công bảo: "Hương ở Tứ Xuyên mắc hay rẻ?" Đáp: "Rất rẻ."[168] Chí Công bảo: "Đã bị người ta coi thường sao chẳng ra đi?" Người đó trở về núi Thanh Thành, thuật cho Đạo Hương nghe lời ngài Chí Công. Ngài Đạo Hương nghe lời ấy xong liền hóa).

Cần biết rằng, những người an phận giữ mình trong cõi đời, một khi hiển thị thần thông xong liền thị hiện tịch diệt lìa đời để khỏi bị tăng thêm phiền não. Nếu không, phải như ngài Tế Điên làm ra vẻ si cuồng, không ra trò gì để người ta nửa tin nửa ngờ, không thể đoan chắc thì mới được.

---

168 Nguyên văn: *"Tứ Xuyên hương quý tiện?"* Câu này có thể hiểu hai nghĩa: "Ngài Đạo Hương ở Tứ Xuyên được quý trọng hay bị coi thường?" Nghĩa thứ hai là "nhang ở Tứ Xuyên mắc hay rẻ?" Người nghe hiểu theo nghĩa thứ hai nên nói "rất rẻ".

Người học Phật cần phải chăm chú bỏ cái thấy ta người, cần phải tự lập lập người, tự lợi lợi người, có vậy mới có thể nói là "nhập đạo". Tức là như sách Đại Học chép: *"Cổ chi dục minh minh đức ư thiên hạ giả, tiên trị kỳ quốc. Dục trị kỳ quốc giả, tiên tề kỳ gia. Dục tề kỳ gia giả, tiên tu kỳ thân. Dục tu kỳ thân giả, tiên chánh kỳ tâm. Dục chánh kỳ tâm giả, tiên thành kỳ ý. Dục thành kỳ ý giả, tiên trí kỳ tri. Trí tri tại cách vật"* (Người xưa muốn làm sáng tỏ minh đức trong thiên hạ thì trước hết phải giữ yên đất nước. Muốn giữ yên đất nước thì trước hết phải giữ yên gia đình. Muốn giữ yên gia đình thì trước hết phải sửa đổi thân mình. Muốn sửa đổi thân mình thì trước hết cái tâm phải ngay thẳng. Muốn cái tâm ta ngay thẳng thì trước hết phải giữ cho cái ý chân thành. Muốn cho cái ý chân thành thì trước hết phải đạt đến chỗ hiểu biết. Đạt đến chỗ hiểu biết nằm ở chỗ trừ khử vật dục).

Chữ "vật" được nói ở đây chỉ lòng tư dục chẳng phù hợp với thiên lý và tình người. Hễ đã có tư dục ắt tri kiến sẽ lệch lạc tà vạy, chẳng còn ngay thẳng nữa. Chẳng hạn như kẻ đã yêu vợ, thương con thì dù vợ con có hư đốn, kẻ đó cũng chẳng thấy là hư hỏng. Do tư dục yêu thương mê mệt ngăn lấp lương tri sẵn có, nên trở thành sự thấy biết xấu ác, lệch lạc, tà vạy, bất chánh. Nếu có thể trừ khử sạch tâm niệm yêu thương mù quáng thì những chuyện vợ con đúng hay sai sẽ thấy rõ ngay lập tức.

Vì vậy biết rằng, phải thống thiết giảng rõ ràng khái niệm "cách vật" (trừ khử vật dục), chớ có hiểu lầm "cách

vật" nghĩa là thông suốt cùng tột lý của mọi sự vật trong thiên hạ. Trừ khử món đồ tư dục trong tự tâm mới chính là căn bản của việc "làm sáng tỏ minh đức". Thông đạt tận cùng lý tánh của sự vật trong cõi đời chỉ là chuyện cành nhánh nhất trong các chuyện cành nhánh. Lấy chuyện cành nhánh phụ thuộc nhất làm gốc thì thiên hạ ắt phải loạn lạc hết thuốc chữa được! Phật pháp trừ khử tham sân si chính là "cách vật", tu giới định tuệ chính là "trí tri". Món vật tham sân si chất chứa trong tâm thì cũng như đeo cặp kính màu để nhìn mọi vật sẽ chẳng thể thấy được màu thật của chúng. Họa hại của vật dục chẳng đáng sợ sao?

Người niệm Phật cũng đừng ỷ mình thông minh trí tuệ, mà cần phải vứt bỏ những điều ấy ra tận ngoài biển Đông. Nếu không, e rằng sẽ bị chúng gây lầm lạc, tự chuốc buồn khổ. Bởi lẽ do thấy biết nhiều nhưng không chuyên nhất, đâm ra chẳng bằng hạng ngu phu ngu phụ niệm Phật, chánh tâm, thành ý được hưởng ích lợi rất nhiều. Vì thế, một pháp niệm Phật tốt nhất là phải học theo ngu phu ngu phụ, lấy việc thật thà tu trì làm chánh yếu. Tục ngữ có câu: *"Thông minh phản bị thông minh ngộ"* (Thông minh đâm ra lại bị lầm lạc vì thông minh), chẳng đáng sợ sao?

Như bà vợ của ông Trịnh Bá Thuần, một đệ tử quy y của tôi ở huyện Bảo Sơn, tỉnh Vân Nam, ăn chay trường niệm Phật nhiều năm. Người con trưởng tên Huệ Hồng đã chết vào năm trước. Bà mẹ do thương con quá nên uống thuốc độc, trọn không có tướng trạng khổ sở, ngồi ngay

ngắn niệm Phật qua đời. Hơn nữa, chết rồi sắc mặt sáng nhuận, kinh động cả một phương. Ông Bá Thuần là bậc lão Nho đề xướng niệm Phật, người tin theo rất ít, nhưng do cái chết của vợ con ông, mười người đã hết tám, chín người tin theo. Phàm ngồi ngay ngắn niệm Phật qua đời, dẫu không bệnh mà thác cũng đã khó có, huống chi uống thuốc độc chết mà còn hiện được tướng đó, nếu chẳng phải là đã đắc tam-muội nên chất độc chẳng thể làm hại được thì làm sao hiện được tướng như vậy?

Ông Dương Kiệt[169] đời Tống, tự là Thứ Công, hiệu Vô Vi Tử, tham học với thiền sư Thiên Y Nghĩa Hoài, đại ngộ. Sau do cư tang mẹ, đọc Đại tạng, hiểu sâu xa sự thù thắng của pháp môn Tịnh độ nên tận lực tự hành, dạy người hành. Lâm chung nói kệ rằng:

Sanh diệc vô khả luyến,
Tử diệc vô khả xả,
Thái hư không trung chi hồ giả dã,
Tương thác tựu thác Tây Phương Cực Lạc.

---

169 Dương Kiệt là người huyện Vô Vi (tỉnh An Huy), nên lấy hiệu Vô Vi Tử, có tài văn chương lỗi lạc, đỗ đạt ngay trong tuổi thiếu niên. Thích học thiền, đã tham học khắp các vị tôn túc đương thời. Khi yết kiến Thiên Y Nghĩa Hoài, sư đã đem những câu chuyển ngữ của cư sĩ Bàng ra gạn hỏi. Một hôm đến núi Thái, thấy mặt trời to như cái mâm đang mọc bèn đại ngộ. Trình kiến giải lên Nghĩa Hoài được hứa khả. Sau ông lại gặp ngài Phù Dung Đạo Giai thưa hỏi lẽ thiền. Dưới đời Tống Thần Tông, ông xin cáo quan về làng phụng dưỡng mẹ, ẩn cư đọc hết Đại tạng kinh, bèn liễu giải, quy tâm Tịnh độ. Từ đấy chuyên tu tịnh nghiệp, từng vẽ một bức tượng Di-đà cao đến một trượng sáu để lễ bái, quán tưởng. Lâm chung cảm Phật đến rước, ngồi ngay ngắn, an nhiên qua đời. Ông trước tác các bộ Thích Thị Biệt Tập, Phụ Đạo Tập v.v..

(Sanh thì cũng chẳng tiếc gì,
Chết rồi cũng chẳng bỏ đi đâu nào,
Hư không hư huyễn sá chi,
Đem lầm đáp lẫn để về Tây Phương.)

Ông Dương Kiệt sau khi đại ngộ, quy tâm Tịnh độ, cực lực đề xướng; đến lúc lâm chung nói: Trong chân tánh thì sanh tử như hoa đốm trong hư không, nhưng do chưa chứng được chân tánh thì chẳng thể không chú trọng cầu vãng sanh Tây Phương. "Đem lầm đáp lẫn" nghĩa là nếu đã triệt chứng chân tánh thì chẳng cần phải cầu sanh Tây Phương nữa, vì cầu được vãng sanh vẫn còn là lầm lạc. Chưa chứng ngộ chân tánh thì phải nên cầu vãng sanh Tây Phương, cho nên mới nói "đem lầm đáp lẫn để về Tây Phương". Trong tác phẩm Vãng Sanh Tập, cuối truyện ông Dương Kiệt, đại sư Liên Trì đã viết bài tán như sau: "Tôi mong những kẻ thông minh tài trí trong thiên hạ đều có thể thành tựu loại lầm lạc này. Đấy có thể bảo là thực sự đại thông minh mà chẳng bị thông minh làm lầm lạc vậy."

Như ông Tô Đông Pha đời Tống, tuy là hậu thân của thiền sư Ngũ Tổ Giới, luôn mang một bức tranh A-di-đà Phật theo bên mình, bảo: "Đây là công cứ Tây Phương của cả đời ta." Nhưng đến lúc lâm chung, trưởng lão Duy Lâm ở Kính Sơn khuyên nhủ đừng quên Tây Phương, Đông Pha nói: "Dù Tây Phương chẳng phải là không có, nhưng chẳng thể dốc sức vào đấy được!" Môn nhân là Tiền Thế Hùng thưa: "Đấy chính là chỗ tiên sinh thường hành trì,

hãy nên dốc sức." Đông Pha đáp: "Hễ dốc sức vào thì là sai rồi!" Nói xong liền mất. Đấy chính là bằng chứng hùng hồn của chuyện tự lầm lạc bởi thông minh vậy. Mong quý vị ai nấy đều chú ý!

Pháp môn Tịnh độ khế lý khế cơ, dùng sức ít mà thành công dễ dàng, như đã căng buồm thuận gió lại còn thuận nước vì nhờ vào Phật lực. Các tông khác dùng sức nhiều mà thành công khó khăn giống như con kiến bò lên núi cao vì hoàn toàn cậy vào tự lực. Đẳng giác Bồ-tát muốn cầu viên mãn Phật quả còn phải cầu vãng sanh Tây Phương, huống hồ là bọn phàm phu chúng ta nghiệp căn sâu nặng, sao chẳng dốc sức vào pháp này? Đấy là bỏ dễ cầu khó, lầm lạc cùng cực thay!

Hơn nữa, hiện thời những dụng cụ giết người trong cõi đời mỗi ngày mỗi mới mẻ, mỗi tháng mỗi khác biệt, nào là máy bay, đại bác, hơi độc, tia tử thần v.v.. Núi sông chẳng thể ngăn trở nổi, vật cứng không chống ngăn được, cái thân máu thịt của chúng ta làm sao đương cự được nổi? Mạng người như giọt sương buổi sớm, vô thường một khi xảy đến, muôn sự đều thôi. Bởi thế, muốn cầu lìa khổ được vui thì phải nên kịp thời nỗ lực niệm Phật, cầu Phật gia bị lâm chung vãng sanh. Một phen đạt lên cõi kia, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển, hoa nở thấy Phật, chứng được Vô sanh, mới chẳng cô phụ chuyện được nghe pháp này mà tin nhận vậy. Kính mong đại chúng tinh tấn hành trì, đấy là điều tôi rất mong mỏi.

8. Ngày thứ tám: Pháp hội đã viên mãn, giảng tam quy, ngũ giới, thập thiện và các nghĩa lý trọng yếu dành cho người niệm Phật

Hôm nay là ngày quý vị quy y, quý vị đã quy y thì nên hiểu rõ đạo lý quy y, nay tôi trình bày cùng quý vị. Vì sao quý vị quy y? Tôi nghĩ nói chung là chẳng ngoài việc muốn cầu sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử mà thôi! Như thế nào mới đạt được những mục tiêu này? Tức là phải quy y tam bảo, nghĩa là quy y Phật, quy y pháp, quy y tăng. Có quy y tam bảo, tu trì chân thật thì mới được liễu thoát sanh tử, vãng sanh Tây Phương. Vả nữa, tam bảo vừa nói đó có hai loại là tự tánh tam bảo và trụ trì tam bảo.

Tự tánh tam bảo:

- Phật nghĩa là giác ngộ. Tự tánh Phật chính là chân như Phật tánh ly niệm linh tri sẵn có trong tự tâm.

- Pháp nghĩa là quỹ phạm (khuôn phép). Tự tánh pháp chính là khuôn mẫu đạo đức, nhân nghĩa cao quý sẵn có trong tâm.

- Tăng nghĩa là thanh tịnh. Tự tánh tăng chính là tịnh hạnh thanh tịnh vô nhiễm sẵn có trong tâm.

Trụ trì tam bảo:

- Lúc đức Phật Thích-ca còn tại thế thì ngài là Phật bảo. Sau khi Phật diệt độ, tất cả các tượng Phật bằng vàng, bằng đất, gỗ chạm, tranh vẽ đều là Phật bảo.

- Các pháp ly dục thanh tịnh Phật đã giảng, và các kinh điển sách vàng, trục đỏ đều là pháp bảo.

- Người xuất gia áo thâm, tu các hạnh thanh tịnh đều là tăng bảo.

Quy (歸) là quay về, đổ vào, như nước đổ vào biển, như dân hướng về vua. Y (依) là nương gởi, như con nương vào mẹ, như vượt sông, biển nương nhờ thuyền. Con người giữa biển cả sanh tử nếu chẳng quay về nương nhờ tự tánh tam bảo và trụ trì tam bảo thì không cách gì thoát ra được. Nếu chịu phát tâm chí thành quy y tam bảo, tu hành đúng như pháp thì liền ra khỏi biển khổ sanh tử, liễu sanh thoát tử. Như người lỡ chân rớt xuống biển cả, sóng dữ bủa cuồn cuộn, lo bị ngập mất đầu. Giữa lúc ngàn cân treo sợi tóc, sanh tử tồn vong ấy, chợt có con thuyền đi đến, liền đuổi theo, trèo lên. Đấy là nghĩa "quay về, gieo vào" vậy.

Do biết tự tánh tam bảo, từ đấy khắc kỷ, phản tỉnh, xem xét, kiêng dè, gắng sức, lại cầu nơi trụ trì tam bảo và mười phương ba đời hết thảy tam bảo thì tiêu trừ được ác nghiệp, tăng trưởng thiện căn, thành tựu đạo nghiệp ngay trong đời này, vĩnh viễn thoát khỏi sanh tử luân hồi. Giống như được cứu, leo lên thuyền, ngồi yên đến bờ. Hung hiểm lúc ấy đã qua, hiện tại mừng được sống sót. Bởi đó được vô hạn lợi ích. Đấy chính là ý nghĩa "nương, gởi" vậy. Việc đời rối ren, phiền não đau khổ, sống trong biển cả sanh tử này, hãy nên lấy tam bảo làm thuyền. Chúng sanh được quy y,

đẩy chèo, giương buồm, chẳng lười nhác, chẳng lui sụt, tự lên được bờ kia.

- Đã quy y Phật hãy nên thờ Phật làm thầy, bắt đầu từ nay cho đến hết đời, dốc lòng chân thành lễ kính, chẳng chịu lười nhác dẫu chỉ trong một hơi thở. Lại chẳng được quy y thiên ma, ngoại đạo, tà quỷ, tà thần.

- Đã quy y pháp, nên lấy pháp làm thầy, từ nay cho đến hết đời, chẳng quy y kinh điển ngoại đạo nữa.

- Đã quy y tăng nên lấy tăng làm thầy, bắt đầu từ nay cho đến hết đời, chẳng còn quy y đồ chúng ngoại đạo nữa.

Nếu đã quy y tam bảo mà còn tin tưởng ngoại đạo, tôn thờ tà ma, quỷ thần thì tuy hằng ngày niệm Phật, tu trì cũng khó lòng được lợi ích chân thật, vì tà chánh chẳng phân, chắc chắn chẳng có hy vọng liễu thoát sanh tử. Ai nấy nên nghiêm chỉnh vâng giữ như thế *(giảng xong hai chữ quy y)*.

Đã giảng về ý nghĩa tam quy rồi, lại nói đến ý nghĩa ngũ giới. Ngũ giới vừa được nói đó, chính là: một là chẳng sát sanh, hai là chẳng trộm cắp, ba là chẳng tà dâm, bốn là chẳng nói dối, năm là chẳng uống rượu.

1. Chẳng sát sanh là vì ta cùng loài vật đều ham sống, sợ chết giống hệt như nhau. Ta đã ham sống, há loài vật muốn chết? Nói, nghĩ đến điều đó, nỡ lòng nào giết hại? Bởi lẽ hết thảy chúng sanh vốn cùng ngang hàng, luân hồi trong lục

đạo, tùy theo nghiệp thiện ác mà hình thể biến đổi, thăng, giáng, siêu thoát, chìm đắm, trọn chẳng lúc nào hết. Ta cùng bọn chúng trong nhiều kiếp lần lượt làm cha mẹ, lần lượt làm con cái. Suy nghĩ như vậy, há còn dám sát sanh?

Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, quả thực chẳng hai, chẳng khác với ba đời chư Phật. Trong đời vị lai, đều có thể thành Phật, chỉ vì sức ác nghiệp đời trước ngăn lấp khiến cho Phật tánh mầu nhiệm sáng suốt chẳng thể hiển hiện được, chìm đắm trong dị loại. Chúng ta phải nên dùng lòng thương xót, lòng từ bi để cứu vớt, nỡ nào cắt xẻ thân thể chúng để no bụng ta?

Đời này, bọn ta đã được làm người chính là do thiện quả đời trước, phải nên giữ gìn thiện quả này khiến cho nó được tỏa rạng rộng lớn, duy trì vĩnh cửu, hãy nên kiêng giết chóc sanh mạng! Nếu như rộng tạo sát nghiệp ắt sẽ đọa ác đạo, đền trả nợ cũ, xoay vần giết hại nhau, đây chìm kia nổi, chẳng có lúc hết. Muốn cầu sanh Tây Phương để tránh khỏi nỗi khổ luân hồi, sao còn dám tạo sát nghiệp ư? Vì thế, điều đầu tiên cần chú trọng là kiêng giết.

2. Chẳng trộm cắp là khi có được vật gì phải xét xem nó có hợp đạo nghĩa hay không[170], nếu chẳng cho thì chẳng lấy. Việc này những ai biết chút liêm sỉ sẽ đều có thể chẳng phạm, nhưng con người chẳng phải là hiền thánh, ai có thể

---

170 Nguyên văn là "kiến đắc tư nghĩa". Chúng tôi dịch theo cách diễn giải của Tứ Thư Bạch Thoại Giải. Khổng tử còn nói thêm: *"Quân tử ái tài, thủ chi hữu đạo"* (Quân tử tuy chuộng của cải, nhưng lấy của cải phải đúng với đạo nghĩa).

chưa hề phạm? Bởi lẽ, nếu tư dục dấy lên sẽ dễ bị vật chất lung lạc. Nếu đối với mối lợi lớn ở ngay trước mắt mà có thể né tránh giống như gấp gáp tránh rắn rết, hoặc né tránh kẻ chạy cuồng đi vội thì người như vậy chẳng luôn luôn gặp gỡ được!

Nói "trộm cắp" đó chẳng phải chỉ có nghĩa là trộm cắp tài vật của người khác, mà là ngay trong lúc khởi tâm, làm việc có khi giống như trộm cắp thì cũng gọi là trộm cắp vậy. Chẳng hạn như lấy công giúp tư, tổn người lợi mình, cậy thế lấy của, dùng mưu đoạt vật, ganh tỵ sự phú quý của người khác, mong người ta nghèo hèn đi v.v. đều là trộm cắp cả. Lại như làm lành phô trương để cầu danh. Nếu gặp các việc lành, tâm chẳng tích cực, công chuyện phần nhiều làm quấy quá. Chẳng hạn như lập trường nghĩa học[171] nhưng chẳng chọn thầy nghiêm khắc khiến cho con em người khác bị lầm lạc; thí thuốc men chẳng phân biệt thật giả, khiến tánh mạng người khác bị hại. Phàm thấy nạn gấp, dụ dự chẳng cứu cho nhanh, cứ lần chần, dùng dằng đến nỗi lỡ việc. Chỉ luôn lằng nhằng, thiếu trách nhiệm, chẳng quan tâm đến lợi hại của người khác. Những điều giống như thế đều gọi là trộm cắp. Lòng mang cái tâm trộm cắp, làm chuyện trộm cắp thì xã hội sẽ vì đó mà rối beng, thiên hạ cũng chẳng thái bình. Vì vậy cần phải chú trọng kiêng dè trộm cắp.

---

171 Trường nghĩa học: Trường miễn phí mở ra để dạy dỗ con cái người nghèo, hoặc côi cút.

3. Chẳng tà dâm: Âm dương thu hút nhau, muôn vật nhờ đó mà sanh. Nam nữ lập gia đình là giềng mối lớn lao của con người. Sanh con đẻ cái, nuôi dạy nên người, trên liên quan đến phong hóa, dưới liên quan đến tiếp nối dòng dõi, cho nên chẳng cấm. Nếu chẳng phải với người vợ hay chồng chánh thức lại chung chạ bừa bãi, đấy là tà dâm. Như vậy là trái nghịch lẽ trời, rối loạn luân thường của con người, sống làm cầm thú đội mũ mặc áo, chết đọa tam đồ ác đạo ngàn vạn ức kiếp chẳng thể thoát khỏi. Nhưng con người do dâm dục sanh ra nên dâm tâm khó chế ngự nhất.

Đức Như Lai dạy người tham dục nặng nề tu quán bất tịnh, quán lâu ngày sẽ thấy sắc đâm chán. Lại nếu có thể tưởng hết thảy nữ nhân mình trông thấy đều là mẹ, con gái, chị, em, sanh tâm hiếu thuận, tâm cung kính thì ác niệm dâm dục không do đâu phát sanh được. Đấy chính là đoạn trừ cội gốc của sanh tử luân hồi, là cơ sở, là bậc thềm để siêu phàm nhập thánh, hãy nên thường kiêng dè.

Còn như vợ chồng ân ái với nhau vốn chẳng bị cấm đoán, nhưng cũng cần phải *"tương kính như tân"* (kính trọng nhau như khách), nhằm tiếp nối dòng dõi để thờ phụng tổ tiên, phải nên giữ chừng mực, chớ nên chỉ tham cầu khoái lạc đến nỗi chôn vùi thân mạng. Tuy là với người phối ngẫu của mình, hễ tham khoái lạc thì cũng là phạm giới. Chẳng qua tội ấy so ra nhẹ hơn tội tà dâm thôi! Vì thế cần phải đặt nặng chuyện giới dâm.

4. Chẳng nói dối là lời lẽ phải đáng tin, chẳng dối trá thốt ra. Nếu thấy nói chẳng thấy, chẳng thấy nói thấy, lấy hư làm thật, lấy có làm không, phàm hết thảy những chuyện tâm miệng chẳng xứng nhau, muốn lừa dối người thì đều là "nói dối" cả. Lại nếu tự mình chưa đoạn hoặc mà bảo đã đoạn hoặc, tự mình chưa đắc đạo mà bảo đã đắc đạo thì là đại vọng ngữ. Tội ấy rất nặng, vì hoại loạn Phật pháp, khiến cho chúng sanh ngờ vực, lầm lạc, chắc chắn đọa địa ngục A-tỳ, vĩnh viễn không có ngày ra. Vì thế cần phải chú trọng giới vọng ngữ.

Bốn điều kể trên gọi là tánh giới, vì do thể tánh của chúng đáng kiêng giữ. Chẳng luận là xuất gia hay tại gia, thọ giới hay không, hễ phạm phải đều có tội lỗi. Kẻ chưa thọ giới, căn cứ trên sự mà luận tội. Người đã thọ giới, ngoài việc căn cứ trên sự để luận tội ra, còn kèm thêm tội phạm giới. Vì thế bốn điều sát sanh, trộm cắp, tà dâm, đại vọng ngữ này, hết thảy mọi người đều chẳng nên phạm. Hễ phạm đều có tội! Đã thọ giới mà còn phạm sẽ mắc cả hai trọng tội.

5. Chẳng uống rượu là vì rượu có thể làm mê loạn lòng người, hư hoại dòng giống trí tuệ. Uống vào, rượu làm cho con người điên đảo, hôn mê, cuồng dại, làm càn những chuyện không biết hổ thẹn. Phàm là người tu hành trọn chẳng cho phép uống. Cần biết rằng, hết thảy vọng niệm, tà hạnh phần nhiều là do uống rượu mà nẩy sanh. Vì thế cần phải chú trọng thêm chuyện kiêng rượu. Đây là

già giới (giới ngăn ngừa), chỉ người thọ giới mắc tội phạm giới, người chưa thọ giới thì uống vào không bị tội. Nhưng không uống thì tốt hơn, bởi nó là căn bản có thể sanh ra các thứ tội lỗi.

Còn về thập thiện cũng phải nên tuân thủ. Thập thiện là chẳng sát sanh, chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm, đấy là ba nghiệp của thân; chẳng nói dối, chẳng nói thêu dệt, chẳng nói đôi chiều, chẳng ác khẩu là bốn nghiệp của miệng; chẳng keo tham, chẳng nóng giận, chẳng tà kiến là ba nghiệp của ý. Nếu giữ được chẳng phạm thì gọi là thập thiện, nếu phạm chẳng giữ thì gọi là thập ác. Thập ác chia ra làm thượng, trung, hạ, chiêu cảm thân trong ba ác đạo: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Thập thiện cũng chia thành thượng, trung, hạ, chiêu cảm thân trong ba đường lành: trời, người, a-tu-la. Nhân lành cảm quả lành, nhân ác cảm quả ác, quyết định không nghi, không hề sai sót! Mười điều lành này bao gồm hết thảy thiện pháp. Nếu có thể tuân hành thì không điều ác nào chẳng đoạn, không điều thiện nào chẳng tu. Các vị đã quy y, thọ giới, hãy nên tuân thủ trọn vẹn. Lại còn phải nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, chớ nên coi thường. Nếu chẳng để ý, đến khi lâm chung mới cảm thấy là trọng yếu thì gió nghiệp đã thổi, chẳng thể tự chủ, hối cũng chẳng kịp!

Người học Phật đã hiểu rõ các ý nghĩa tam quy, ngũ giới, thập thiện rồi thì hãy dốc hết sức giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, ngăn lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm

các điều ác, vâng làm các điều lành. Điều cần phải chú ý nhất là làm bất cứ việc gì, đều phải dựa vào thiên lý, lương tâm. Như người làm nghề y mà có lương tâm, cứu người trong cơn nguy cấp sẽ tích lũy âm công (âm đức) lớn lao. Kẻ không có lương tâm có thể sẽ làm cho người bệnh nhẹ chuyển thành nặng, thừa nước đục thả câu, táng tận lương tâm, nhất định lãnh ác quả.

Hiếu liêm Tào Cẩm Đào ở Tô Châu đời Thanh giỏi y thuật[172], bất cứ bệnh ngặt nghèo nào, gặp tay ông đều khỏi. Một bữa, lúc ông sắp ra khỏi cửa, chợt có một người đàn bà nghèo quỳ ngoài cửa, khóc lóc xin ông chữa bệnh cho mẹ chồng, than: "Gia cảnh nghèo túng, nghe ngài sẵn lòng từ bi, nhất định sẽ đoái hoài đến trị." Ông Tào liền đến trị. Đến lúc ông ra về, dưới chiếc gối của mẹ chồng người đàn bà nghèo có năm lạng bạc trắng, chẳng biết đi đâu mất, tưởng ông Tào trộm đi, người đàn bà bèn đến nhà hỏi. Ông Tào bèn cứ đúng số đưa cho. Người đàn bà nghèo về đến nhà, thì ra mẹ chồng đã lấy bạc ra. Người đàn bà hổ thẹn vô cùng, lại đem bạc đến trả lại, tạ tội, hỏi ông: "Sao ngài lại tự đổ hô mình trộm bạc?" Ông Tào bảo: "Tôi

---

172 Nguyên văn: "tinh ư Kỳ Hoàng". Kỳ là Kỳ Bá, Hoàng là Hoàng Đế. Kỳ Bá là một y sư trứ danh theo truyền thuyết, ông rất tinh thông y thuật nên được Hoàng Đế thờ làm thầy. Hoàng Đế chính là một trong ba vị thánh đế vương thời cổ (Tam Hoàng là Phục Hy, Thần Nông và Hoàng Đế). Hoàng Đế cũng tinh thông y thuật, Thần Nông được coi là tổ nghề thuốc, còn Kỳ Bá được coi là tổ nghề Y. Tác phẩm căn bản của y học cổ truyền Trung Hoa là bộ Hoàng Đế Nội Kinh, ghi chép những đối đáp về y lý giữa Hoàng Đế và Kỳ Bá. Ngoài ra, theo thư tịch cổ Trung Hoa, những lời dạy khác về y học của họ còn được chép trong những bộ sách nay đã thất truyền như Kỳ Bá Hoàng Đế Án Ma, Kỳ Bá Kinh, Kỳ Bá Cứu Kinh, Kỳ Bá Châm Kinh, Hoàng Đế Kỳ Bá Luận, Kỳ Bá Ngũ Tạng Luận v.v..

chỉ muốn mẹ chồng bà chóng khỏi bệnh, nếu tôi chẳng nhận, mẹ chồng bà ắt sẽ thêm lo lắng bệnh nặng hơn, hoặc đến nỗi khó lành bệnh được. Vì thế chỉ mong mẹ chồng bà lành bệnh, chẳng sợ người ta bảo tôi trộm bạc."

Tấm lòng ông trung hậu, có thể nói là đến cùng cực, không ai hơn được. Bởi thế ông sanh được ba người con: Con trưởng làm Ngự y, thọ hơn 80 tuổi, nhà giàu to; con thứ làm Hàn lâm, làm quan đến chức Phiên đài; con thứ ba cũng làm Hàn lâm, làu thông kinh sử, chuyên chí trước tác. Cháu chắt đông đảo, nhiều người hiển đạt. Còn những kẻ chỉ mưu kiếm lợi bằng nghề y, nếu chẳng tan nhà nát cửa, dòng dõi tuyệt diệt thì đã hiếm hoi lại càng hiếm hoi hơn!

Kinh Dịch chép: *"Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh. Tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương"* (Nhà tích thiện, niềm vui có thừa; nhà tích ác, ương họa có thừa), ý nói dư khánh, dư ương là báo ứng vào con cháu, còn bổn khánh, bổn ương là vận vào chính thân mình. Dư khánh, dư ương người khác thấy được, còn bổn khánh, bổn ương thì chính mình ngay trong đời này hay trong đời kế tiếp, hoặc đời sau phải hứng chịu, người đời chẳng thể thấy được. Thiên địa quỷ thần, Phật Bồ-tát đều thấy biết từng sự rõ ràng.

Hãy nên biết rằng, bổn khánh, bổn ương so với dư khánh, dư ương lớn hơn gấp trăm ngàn vạn lần. Vì thế xin người đời hãy nỗ lực tu trì, ngõ hầu được vui mừng, trừ ương họa vậy. Ông Tào cam chịu tiếng "trộm cắp" để cứu

tánh mạng người khác, thiện báo ứng vào con cháu. Nếu chính mình có thể thay cho con cháu niệm Phật, cầu tam bảo gia bị, dạy con cháu ai nấy cũng ăn chay, niệm Phật thì thiện báo sẽ ở tại Tây Phương.

Các vị đã quy y thì phải nên cung kính thọ tam quy để làm cái gốc nhằm bỏ tà theo chánh, giữ ngũ giới cẩn thận để làm cái nguồn nhằm đoạn ác tu thiện, phụng hành thập thiện để làm cái gốc nhằm thanh tịnh ba nghiệp thân khẩu ý. Từ đó đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Tam nghiệp đã tịnh, rồi có thể tuân tu đạo phẩm, liễu sanh thoát tử, được dự vào hội tốt lành nơi Cực Lạc.

Thiện ác, nhân quả như bóng theo hình, chẳng hề sai lầm. Thật sự làm như vậy sẽ được lợi ích thật sự. Nếu mua danh chuốc tiếng, thích nói cuồng vọng, lừa mình dối người, tự bảo đã đắc Phật đạo thì là đại vọng ngữ, ắt sẽ mắc ác báo. Người tu hành tâm địa phải quang minh, ba nghiệp thanh tịnh, công đức vô lượng. Quán kinh dạy: "Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không giết, tu thập thiện nghiệp là chánh nhân tịnh nghiệp của ba đời chư Phật." Buông dao đồ tể xuống, thành Phật ở chính ngay nơi ấy, đã có người làm được như thế. Xin ai nấy hãy gắng lên!

XIII. PHÁP NGỮ KHAI THỊ KHI TỪ THƯỢNG HẢI VỀ ĐẾN LINH NHAM

(Giảng vào buổi chiều ngày 17 tháng 10 năm Dân Quốc 25 - 1936)

Linh Nham[173] chính là cuộc đất thánh đạo tràng trời

173 Ở Trung Hoa có hai chùa mang tên Linh Nham, một ở huyện Trường Thanh tỉnh Sơn Đông, còn một là ở tại Ngô Huyện, Tô Châu. Chùa Linh Nham nói ở đây gọi tên đầy đủ là Linh Nham Sơn Tự, thuộc Tô Châu. Khởi đầu từ Tư Không Lục Ngoạn biến nhà riêng thành chùa, nhưng rất nhỏ. Đến niên hiệu Thiên Giám (502-519) thời Lương Vũ Đế, chùa mới được mở rộng và mang tên là Tú Phong Tự. Theo kinh Đại Ai (do ngài Trúc Pháp Hộ dịch), đây chính là đạo tràng ứng hóa của Trí Tích Bồ-tát. Vào thời Thiên Bảo (742-755) đời Đường Huyền Tông, tổ trung hưng tông Thiên Thai là ngài Đạo Tuân từng tu Pháp Hoa tam-muội tại chùa này. Đầu đời Tống, chùa trở thành viện học giới luật của Luật tông. Vào thời Nguyên Phong (1078-1085), chùa trở thành thiền viện. Chùa bị cháy rụi chỉ còn lại một cái tháp đá vào năm Vạn Lịch 18 (1600) đời Minh Thần Tông. Sau khi

tạo đất dựng. Ngô vương Phù Sai thiếu đức, chẳng tuân theo đạo "chánh tâm thành ý, siêng năng chăm lo việc nước, yêu dân" của các vị tổ tiên là Thái Vương, Thái Bá, Trọng Ung[174], chỉ chuộng dâm lạc, bèn dựng cung Quán Oa[175] nơi này, mắc tội với trời đất và tổ tông cũng lớn lắm! Cung điện xây xong được mấy năm, nước mất, thân chết, chẳng đáng buồn ư? Đến đời Tấn, Tư không[176] Lục Ngoạn xây nhà trên đó, về sau nghe Phật pháp bèn biến nhà thành chùa, đấy chính là duyên khởi khai sơn đầu tiên của Linh Nham vậy. Đến đời Lương, do ngài Bảo Chí Công[177] cầu

---

được trùng tu, vào đời Thanh, chùa lại bị loạn quân Thái Bình Thiên Quốc đốt phá một lần nữa. Mãi đến năm Tuyên Thống thứ ba (1911), hòa thượng Chân Đạt trùng tu. Kể từ năm 1931 trở đi, dưới ảnh hưởng của tổ Ấn Quang, chùa trở thành đạo tràng Tịnh độ nổi tiếng nhất Trung Hoa. Năm Dân Quốc 29 (1940), tổ Ấn Quang thị tịch tại chùa này. Hiện chùa còn tháp thờ ngũ sắc xá-lợi của tổ Ấn Quang và Ấn Công Kỷ Niệm Đường.

174 Theo sách Hoài Nam Tử, Thái Vương là ông nội của Chu Văn Vương có ba người con: Thái Bá, Trọng Ung và Quý Lịch (cha của Chu Văn Vương). Vì muốn nhường ngôi cho Quý Lịch, Thái Bá và Trọng Ung liền giả vờ đi hái thuốc rồi trốn xuống miền Nam sông Dương Tử, lập ra nước Ngô. Nước Ngô bị Câu Tiễn nước Việt thôn tính và diệt vong dưới thời Phù Sai.

175 Sau khi Câu Tiễn (vua nước Việt) bị Phù Sai đánh bại nhằm trả thù mối nhục giết cha là Hạp Lư, theo mưu kế của Phạm Lãi, Câu Tiễn đã dâng mỹ nhân Tây Thi cho Phù Sai. Phù Sai bèn xây cung Quán Oa cho nàng Tây Thi ở. Cô Tô Đài cũng thuộc quần thể cung điện này. Khi Câu Tiễn phục quốc, đánh bại Phù Sai, diệt nước Ngô, đã cho phóng hỏa đốt trụi cung Quán Oa. Chùa Linh Nham được xây ngay trên nền cũ cung Quán Oa.

176 Tư không là một chức quan được lập ra từ thời Tây Chu, là một trong ngũ quan (Tư mã, Tư khấu, Tư sĩ, Tư đồ). Chức quan này chuyên trông nom về việc thủy lợi, xây dựng. Từ sau thời Hán trở đi, chức quan này không còn tồn tại và được thay thế bằng danh từ Công bộ thượng thư. Lục Ngoạn (278-342), tự là Sĩ Dao, người Ngô Huyện (nay là Tô Châu, tỉnh Giang Tô), tên thụy là Khang, được phong tới tước Hưng Bình Bá, chức Thị trung tư không. Thích văn chương, nổi tiếng với tài thư pháp. Nét bút của ông được ca ngợi là mạnh mẽ, cứng cỏi, phóng khoáng, nhưng có phong thái tiêu dao thoát tục, bay bướm nhưng mực thước, không phóng túng, ngông cuồng.

177 Ngài Bảo Chí (418-514), thường được xưng là Bảo Công, hoặc Chí Công Hòa Thượng, nên thường được gọi là Bảo Chí Công, người xứ Kim Thành (nay là Nam Trịnh tỉnh Thiểm Tây). Có thuyết nói Ngài là người huyện Cú Dung tỉnh Giang Tô, xuất gia từ

đảo cho Vũ Đế, chùa lại được trùng hưng. Trí Tích Bồ-tát[178] nhiều lượt hiện thân tượng vẽ, hiển thị đạo nhiệm mầu, dẫn dắt những kẻ tục còn đang mê.

Đến đời Đường, em trai tể tướng Lục Tượng Tiên (người Tô Châu), mắc bệnh ở kinh đô, ngự y bó tay. Một vị tăng xin gặp, nói có thể trị được bệnh, bảo lấy một chén nước sạch, hướng vào đó niệm chú mấy câu, ngậm nước phun ra, em trai tể tướng Lục Tượng Tiên lập tức khỏi hẳn bệnh. Đem mọi vật đáp tạ sư đều không nhận, nói: "Tôi tên là Trí Tích, sau này ông trở về Tô Châu, hãy nên đến núi Linh Nham gặp tôi." Về sau người ấy đến núi hỏi thăm, không có ai tên là Trí Tích cả, tâm rất buồn bã, xem khắp các điện đường, thấy hình vẽ trên vách chính là vị tăng đã trị bệnh cho mình. Vì thế đặc biệt dựng điện Trí Tích,

---

nhỏ. Sư theo học với ngài Đạo Lâm Tăng Kiệm tu tập Thiền Định. Trong niên hiệu Thái Thủy (466-471), Sư thường lang thang khắp nơi, không ở chỗ nào nhất định, thường đọc thơ, phảng phất giống sấm ký, người ta thường kéo nhau đến hỏi chuyện tương lai. Tề Vũ Đế bèn tống giam Sư trong ngục, nhưng người ta vẫn thấy Sư lang thang ngoài chợ, nhìn vào ngục thì vẫn thấy Sư nằm khểnh trong đó. Vua chịu thua, đón Sư vào ở trong vườn Thượng Uyển để ngăn Sư đi khắp nơi. Tuy các nội thị canh gác Sư nghiêm mật, dân chúng vẫn thấy Sư la cà các chùa Long Quang, Kế Tân, Hưng Hoàng, Tịnh Danh v.v.. Đến khi Lương Vũ Đế lên ngôi, bèn bãi bỏ lệnh cấm, học đạo với Sư, hết sức kính phục Ngài. Khi Sư mất, vua phong tặng thụy hiệu Quảng Tế đại sư, rồi các đời lần lượt phong tặng Diệu Giác đại sư, Đạo Lâm Chân Giác Bồ-tát, Từ Ứng Huệ Cảm đại sư, Phổ Tế Thánh Sư Bồ-tát. Phật môn Trung Hoa thường coi Ngài là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ-tát.

178 Trí Tích Bồ-tát nói ở đây là một vị cao tăng Ấn Độ. Theo Linh Nham Ký Lược, Sư từ Ấn Độ sang Trung Hoa vào cuối đời Tấn, trùng hưng chùa Linh Nham tại Tô Châu, rất nổi tiếng về tài đức. Theo truyền thuyết có một bà lão nghèo không có gì cúng dường, đem một miếng sơn (nhựa của cây sơn) dâng cho Sư, Sư vẫn vui vẻ nhận lấy, nhờ đó bà được khai ngộ. Do vậy, sau này mỗi năm vào ngày sinh nhật Sư, chùa vẫn cử hành lễ kỷ niệm, gọi là Giác Tất Hội. Cũng theo truyện ký của chùa, đại sư nhiều lần thị hiện hóa độ tăng tục rất đông.

chùa lại được hưng khởi. Từ đời Tấn đến đời Đường, danh tánh tất cả các vị trụ trì đều chẳng thể tra cứu được.

Đến đời Tống, phàm những ai là trụ trì của núi này đều là bậc đại lão lỗi lạc trong Tông môn, đạo tràng Linh Nham bèn trở thành đứng đầu xứ Giang Tô. Do đất thiêng nên mới có người tài giỏi, do người tài giỏi nên đất mới thiêng. Cuối đời Minh, đầu đời Thanh, chùa lại được hưng khởi mạnh mẽ, hai đời vua Thánh Tổ (Khang Hy) và Cao Tông (Càn Long), mấy lần tuần du phương Nam đều nghỉ lại tại hành cung[179] trên núi. Trong cơn loạn Hồng Dương[180], chùa bị đốt cháy gần như hết sạch. Về sau, đại sư Niệm Thành trụ trong lòng tháp[181], nhằm đúng khi ông Bành Cung Bảo Ngọc Lân đi chơi núi, gặp gỡ, bèn kiểm sổ bộ, đòi lại hơn 600 mẫu ruộng đất cho chùa, dựng mười mấy gian điện đường, nhà cửa.

Đến năm Tuyên Thống thứ ba (1911), trụ trì là Đạo Minh vốn là quân nhân xuất gia, tánh tình thô bạo, do mất y ca-sa mà đánh đập người khác quá đáng, người dưới núi vùng lên đánh đuổi, Đạo Minh bỏ trốn. Đồ đạc trong chùa đều bị khuân sạch, trở thành một ngôi chùa không ai ở. Đây

---

179 Hành cung: Cung điện dành cho vua ở tại các địa phương.

180 Tức loạn Thái Bình Thiên Quốc. Do lãnh tụ của Thái Bình Thiên Quốc là Hồng Tú Toàn và Dương Tú Thanh lãnh đạo nên sử thường gọi là loạn Hồng Dương. Hồng Tú Toàn tự xưng là em trai của Jesus, dấy loạn, chủ trương biến Trung Hoa thành một nước Thiên Chúa theo kiểu riêng của hắn, cấm ngặt tam giáo, cấm thờ phụng tổ tiên v.v., hạ lệnh đốt phá đình chùa, miếu mạo rất dữ dội.

181 Chùa bị quân Thái Bình Thiên Quốc đốt sạch, chỉ còn sót lại một cái tháp đá nên sư Niệm Thành phải ở tạm trong đó.

chính là cơ hội để đạo tràng Linh Nham được phục hưng. Nếu không, giả như ông ta tận lực vâng giữ thanh quy, chắc chắn chùa chẳng thể trở thành đạo tràng tịnh nghiệp duy nhất trong cả nước được. Họa phước dựa dẫm lẫn nhau, chỉ do con người khéo dụng tâm hay không mà thôi.

Bắt nguồn từ việc vị thân sĩ vùng Mộc Độc là ông Nghiêm Lương Xán cậy nhà sư chùa Bảo Tạng là Minh Hú thỉnh thầy của vị sư ấy là hòa thượng Chân Đạt tiếp nhận trông nom chùa. Ngài Chân Đạt bèn phái người đến tiếp nhận, lại sai Minh Hú đứng trông nom tạm thời, ý muốn có người thích hợp sẽ biến chùa thành đạo tràng thập phương chuyên tu Tịnh độ. Năm Dân Quốc mười lăm (1926), pháp sư Giới Trần[182] đến đây, bèn giao cho ngài làm trụ trì. Tăng chúng thường trụ lấy 20 người làm hạn, trừ số tiền huê lợi mấy trăm đồng ra, hễ chi tiêu không đủ thì ngài Chân Đạt bèn bù cho. Chẳng quyên mộ, chẳng làm pháp hội, chẳng truyền pháp, chẳng thu đồ đệ, chẳng giảng kinh, chẳng truyền giới, chẳng làm chuyện kinh sám thù tạc[183], chuyên

182 Pháp sư Giới Trần (1878-1948) là người xứ Hán Xuyên, tỉnh Hồ Bắc, họ Khưu, tự là Địch Ngô, xuất gia năm 19 tuổi, chuyên tu khổ hạnh, sống trong núi Chung Nam, toàn tâm toàn ý tu thiền. Sau sư chuyên tu niệm Phật. Dưới thời Quang Tự, sư vào núi Kê Túc ở Vân Nam chuyên tu pháp ban-chu niệm Phật. Năm Dân Quốc thứ ba (1914), sư đến Hàng Châu, mở trường Đại học Hoa Nghiêm. Về sau, sư bế quan tại chùa Phật Thản ở Thường Thục, ngầm tu tịnh nghiệp. Năm Dân Quốc thứ chín (1920), cùng với các vị Liễu Trần, Từ Châu v.v. lập Đại học Hoa Nghiêm tại chùa Cửu Liên ở Hán Khẩu. Sư từng đảm nhiệm trụ trì chùa Linh Nham một thời gian. Sư thị tịch vào năm Dân Quốc 37 (1948) tại chùa Cùng Trúc ở Côn Minh, thọ 71 tuổi, pháp lạp 53 năm. Trước tác gồm Hoa Nghiêm Nhất Trích, Hoa Nghiêm Thất Xứ Cửu Hội Đồ, Liên Xã Minh Huấn, Tịnh Tông Yếu Ngữ v.v..

183 Tức là không làm các pháp sự cầu an, cầu siêu, giải hạn, đảo bệnh, cầu phước, cúng

nhất niệm Phật. Khóa tụng mỗi ngày đều giống như trong khi tiến hành Phật thất thông thường[184]. Trụ trì bất luận thuộc tông Thiên Thai, Hiền Thủ, Tào Động, hay Lâm Tế đều được, chỉ quan tâm đến thứ tự, không quan tâm đến thế hệ truyền thừa[185], chỉ cần là người giới hạnh tinh ròng, giữ giới nghiêm ngặt, thông hiểu giáo lý, tin sâu Tịnh độ là được. Nếu những mặt khác đều khá nhưng chẳng chuyên chú Tịnh độ thì quyết chẳng được mời làm trụ trì.

Từ đấy trở đi, người đến ở ngày càng nhiều, phòng ốc chẳng đủ. Trong năm Dân Quốc 21 (1932), trước hết dựng niệm Phật đường, bốn năm năm qua, liên tục xây cất. Nay điện Đại Hùng đã khánh thành, chỉ còn thiếu điện Thiên Vương chưa xây, nhưng cũng chẳng quan trọng chi lắm. Tháng 2 năm Dân Quốc 19 (1930), Quang đến đây; tháng 4 liền bế quan, đã hơn sáu năm rồi. Do già cả, bất tài, chỉ muốn chết già trong nơi bế quan. Vì các vị trong hội Phật giáo mời mọc, xin Quang mỗi ngày giảng khai thị một lần trong pháp hội Hộ Quốc Tức Tai, chỉ rõ lý "nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo", đề xướng pháp "tín

---

sao, chúc thọ v.v. như các đạo tràng khác.

184 Tức *phổ thông Phật thất*: Mỗi ngày niệm Phật sáu thời. Gọi là phổ thông Phật thất để phân biệt với tinh tấn Phật thất (niệm Phật suốt 24 tiếng đồng hồ).

185 Nguyên văn "chỉ luận thứ số, bất luận đại số": Quan tâm đến thứ tự (tức tuổi tác, mức độ tu chứng, trì giới), chứ không quan tâm đến thế hệ truyền thừa. Tức là tăng chúng trong chùa được xếp bậc theo người tu hành lâu năm, giới hạnh tinh nghiêm, chứ không vì người ấy thuộc thế hệ trước hay sau mà coi trọng. Trong các đạo tràng khác, thứ tự truyền thừa rất được coi trọng. Chẳng hạn, một vị tăng có thể mới xuất gia chưa lâu nhưng vì là đệ tử của một vị ngang vai với thầy của vị trụ trì hay người thuộc thế hệ cao hơn, nên được coi là sư thúc, sư bá, thái sư thúc. Các vị tăng khác dù cao tuổi hơn, giới lạp cao hơn nhưng thuộc vai vế thấp hơn, vẫn phải lễ kính vị tăng trẻ tuổi này.

nguyện niệm Phật, liễu thoát ngay trong đời này" để cứu vãn thế đạo lòng người. Cố sức từ chối chẳng được, bèn vào ngày mồng 6 tháng này ra khỏi chỗ bế quan đến đất Hỗ (Thượng Hải), nhằm trọn nghĩa vụ hộ quốc của tôi. Ngày 15 viên mãn, ngày 16 vì họ nói tam quy ngũ giới.

Sáng nay từ đất Hỗ trở về đây, nhưng các vị như cư sĩ Quý Thánh Nhất v.v. ở thành Tô Châu đã đến trước rồi. Lên núi trông thấy điện vũ nguy nga, tăng chúng thanh tịnh, hòa thuận, khôn ngăn hoan hỷ tột bậc. Nhân đó được giám viện là đại sư Diệu Chân mời vào trong pháp đường, vì các vị diễn nói pháp yếu[186] Tịnh độ. Nếu chỉ nói pháp yếu, chẳng nêu lai lịch và các nhân duyên hiện thời thì kẻ ở người tới đều chẳng biết duyên do, rất có thể sẽ coi đạo tràng này giống hệt như các đạo tràng khác. Đối với người thông suốt rộng lớn thì không có gì là chẳng được, nhưng với kẻ ngu độn như Quang, lại muốn thoát khỏi ba cõi ngay trong đời này, lên chín phẩm sen cõi kia thì chưa biết hướng về đâu. Do vậy trước hết phải thuật bày duyên khởi vậy. *(Đoạn này người ghi chép không sao lục lại, do chính lão nhân chép thêm vào, cho nên toàn viết bằng thể văn văn ngôn.)*

Pháp môn Tịnh độ chúng ta đang tu trì đây là pháp thù thắng, trỗi vượt nhất, mọi người chớ nên xem thường. Vì sao vậy? Vì các pháp môn do đức Phật đã nói không gì chẳng phải là xét theo căn cơ để nói, giống như dựa trên chứng bệnh mà cho thuốc vậy. Nếu như căn cơ của chính

186 Pháp yếu: Những chỗ quan trọng, cốt lõi của một pháp môn.

mình chẳng tương ứng với pháp môn ấy mà cứ tu tập thì rất khó được lợi ích. Hết thảy pháp môn đều cậy vào tự lực để tu giới định tuệ, đoạn tham sân si, ắt phải đoạn sạch hoặc nghiệp mới có thể liễu sanh thoát tử. Nếu như phiền não còn sót mảy may nào chưa đoạn sạch thì vẫn chẳng thể tránh khỏi sanh tử, huống chi là kẻ hoàn toàn chưa đoạn ư? Điều này cần phải dùng sức của chính mình thực hiện triệt để thì mới được.

Chỉ có một pháp niệm Phật là do đức Như Lai ứng theo mọi căn cơ mà nói, cũng là do đại bi nguyện lực của A-di-đà Phật thành tựu. Bất luận thượng trung hạ căn đều có thể tu học. Dẫu phàm phu hoàn toàn chưa đoạn được mảy may phiền não hoặc nghiệp nào đi nữa, chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha rồi thực hành niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì cũng có thể được Phật tiếp dẫn, mang nghiệp vãng sanh. Hễ được vãng sanh liền có thể liễu thoát sanh tử, vì thế nói pháp môn này là thù thắng nhất!

Khi đức Phật còn tại thế, mười người tu hành có đến chín người có thể thành đạo, vì con người lúc đó thiên tánh thuần hậu, căn cơ rất lanh lẹ, bén nhạy. Về sau này, chúng sanh nghiệp chướng ngày càng tăng thêm, căn cơ cũng dần dần hèn kém hẳn đi, nếu muốn giống như trước thì không thể được! Nhưng vào thời Tấn, thời Đường, vẫn có những người có thể cậy vào tự lực để liễu thoát sanh tử, nhưng đã ngày càng giảm ít, càng về sau càng ít. Cho đến hiện tại, đã không còn có người giống như vậy nữa. Xét theo đó, sẽ

hiểu cậy vào sức của chính mình để đoạn phiền não hòng liễu sanh tử là một chuyện rất khó. Lúc này nếu vẫn chẳng biết tự lượng sức, muốn ăn nói lớn lối, coi nhẹ pháp môn niệm Phật hoành siêu này, đi tu các pháp môn khác thì e rằng muốn liễu sanh tử còn khó hơn lên trời.

Tôi hoàn toàn chẳng nói các pháp môn khác không hay, nhưng thật ra là do các pháp môn có pháp khế lý nhưng không khế cơ, có pháp khế cơ nhưng không khế lý. Chỉ có pháp môn niệm Phật này thích hợp khắp ba căn, gồm thâu lợi căn, độn căn, lý lẫn cơ đều phù hợp chẳng thể nghĩ bàn. Nhất là trong đời mạt pháp này, nó lại càng thích hợp với căn tánh chúng sanh. Do vậy kinh Đại Tập dạy: "Đời mạt pháp, ức ức người tu hành, hiếm một ai đắc đạo. Chỉ nương theo pháp niệm Phật là được thoát khỏi sanh tử."

Vì sao niệm Phật cầu sanh Tây Phương lại gọi là pháp môn hoành siêu? Cổ nhân có lấy một thí dụ để giải thích, tức là đem bọn phàm phu đầy đủ hoặc nghiệp chúng ta ví với một con sâu sống trong lóng thấp nhất của một cây tre, cây tre ấy ví cho tam giới. Con sâu ấy muốn thoát ra chỉ có hai cách: một là thụ xuất (thoát ra theo chiều dọc), hai là hoành siêu (vượt ra theo chiều ngang). Thụ xuất chính là từ thấp lên cao, lần lượt đục thủng từng lóng một, đến khi đục thủng được lóng cao nhất thì mới thoát ra được. Đây là ví cho việc tu hành các pháp môn khác, chắc chắn phải đoạn sạch kiến tư phiền não thì mới thoát khỏi tam

giới. Kiến hoặc gồm 88 sử[187], tư hoặc gồm 81 phẩm, phẩm lượng nhiều như vậy ví như số lóng của một cây tre. Con sâu ấy đục hướng lên trên để thoát ra thì gọi là thụ xuất. Chẳng hạn như bậc thánh nhân Sơ quả đoạn kiến hoặc, phải trải qua bảy lần sanh lên cõi trời, bảy lần sanh trong cõi người, tu tập trong thời gian kiếp số lâu dài mới có thể chứng được quả A-la-hán, liễu sanh tử. Nhị quả cũng phải một lần sanh lên trời, một lần trở xuống cõi người mới có thể chứng được Tứ quả. Tam quả tuy đã đoạn sạch tư hoặc thuộc Dục giới, nhưng vẫn phải ở trong Ngũ Bất Hoàn Thiên[188], tu tập dần dần theo thứ tự, mới có thể đoạn sạch tư hoặc, chứng Tứ quả. Đây là thoát khỏi tam giới tính

187 Sử: Tên gọi khác của phiền não, gọi đầy đủ là chánh sử. Do phiền não sai khiến chúng ta luân hồi trong sanh tử nên phiền não được gọi là sử (sai khiến). Chúng còn được gọi bằng một danh từ khác là tùy miên. Sử nói chung gồm mười thứ, chia làm hai nhóm lớn:

1. Nhóm thứ nhất gồm: thân kiến, biên chấp kiến, tà kiến, kiến thủ kiến, giới cấm thủ kiến. Do tánh chất của chúng khá mạnh mẽ, ảnh hưởng rất lớn đến sự chấp trước, vọng tưởng nên gọi là *ngũ lợi sử* (năm sử nhạy bén).

2. Nhóm thứ hai gồm: tham, sân, si, mạn, nghi. Xét về tánh chất, những thứ này có tác dụng yếu hơn nên gọi là *ngũ độn sử* (năm sử chậm lụt).

188 Ngũ Bất Hoàn Thiên, còn gọi là Tịnh Cư Thiên (Śuddhāvāsa), Ngũ Tịnh Cư Xứ, Ngũ Na Hàm Thiên, là nơi bậc thánh nhân Tam quả Thanh văn sống, bao gồm các cõi trời:

1. Trời Vô Phiền (Avrha): Cõi trời này không còn khổ vui, không còn hết thảy phiền não xen tạp.

2. Trời Vô Nhiệt (Atapa): Không còn hết thảy nhiệt não.

3. Trời Thiện Kiến (Sudrśa): Do định tuệ thấy mười phương đều trong lặng, không còn đắm trước vào trần cảnh.

4. Trời Thiện Hiện (Sudarśana): Sự thấy biết rõ ràng tinh diệu hiện tiền, thấy hết thảy sắc tướng là không, chẳng bị chướng ngại.

5. Trời Sắc Cứu Cánh (Akanistha): Lìa bỏ hết thảy các sắc cực kỳ nhỏ nhiệm, là chỗ thù thắng nhất trong Sắc giới.

Tuy cùng sống trong các tầng trời này, nhưng chư thiên chẳng thấy được các vị thánh nhân. Do các vị thánh nhân sống trong cõi này không còn đọa xuống nhân gian nữa nên gọi là Ngũ Bất Hoàn Thiên.

theo bậc Vô Học thánh nhân[189]. Nếu như là bậc Tam quả độn căn, phải sanh lên trời Tứ Không, từ trời Không Vô Biên Xứ cho đến trời Phi Phi Tưởng Xứ, mới chứng được Tứ quả. Cách thụ xuất gian nan lâu lắc như vậy đấy!

Còn hoành siêu là như con sâu ấy chẳng hướng lên trên đục thủng từng lóng từng lóng một mà chỉ cắn thủng một lỗ bên hông lóng tre liền thoát ra được. Cách này so với thụ xuất bớt được nhiều công sức lắm. Người niệm Phật cũng giống như thế, tuy chưa đoạn trừ kiến tư phiền não, chỉ cần có thể đầy đủ ba món tư lương Tịnh độ là tín - nguyện - hạnh, lâm chung liền có thể cảm động A-di-đà Phật đến tiếp dẫn người ấy sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc. Đến được cõi nước thanh tịnh đó rồi, kiến tư phiền não chẳng đoạn mà tự đoạn. Vì sao vậy? Do Tịnh độ cảnh thù thắng, duyên mạnh mẽ, không có những cảnh duyên khiến cho con người nẩy sanh phiền não. Vì vậy liền đạt được ba thứ bất thoái chuyển, thẳng mãi đến khi phá trần sa vô minh, thành tựu Vô thượng Bồ-đề, có gì thẳng chóng, giản dị được bằng! Vì thế cổ nhân nói: "Học đạo nơi các môn khác giống như con kiến bò lên núi cao. Niệm Phật vãng sanh giống như buồm căng gió lại được thuận nước." Nay tôi lấy một chuyện để chứng minh đạo lý "thụ

---

189 Vô Học (Aśaiksa). Bậc thánh nhân tuy đã hiểu rõ chân lý Phật giáo nhưng chưa đoạn được mê hoặc, còn phải học hỏi thì gọi là hữu học. Bậc Vô Học thánh nhân đã thấu hiểu Phật pháp đến chỗ cùng cực, không còn mê hoặc để đoạn nữa, không cần phải học cách đoạn trừ mê hoặc, nên gọi là Vô Học. Như vậy, Vô Học thánh nhân là danh xưng khác của A-la-hán.

xuất gian nan", mọi người hãy lắng lòng nghe lấy!

Trong niên hiệu Đại Lịch (766-779) đời Đường Đại Tông, có một ẩn sĩ tên là Lý Nguyên, biến nhà thành chùa Huệ Lâm, thỉnh thiền sư Viên Trạch làm trụ trì. Về sau, Lý Nguyên muốn đi Tứ Xuyên triều bái núi Nga My, do vậy bèn ước hẹn Viên Trạch cùng đi. Viên Trạch muốn theo đường Trường An đi qua Tà Cốc, đi theo đường bộ; Lý Nguyên muốn từ Kinh Châu vào Giáp Sơn, đi theo đường thủy. Hai người ý kiến bất đồng đều là vì có nguyên do. Lý Nguyên không biết chuyện của Viên Trạch, nhưng Viên Trạch hiểu rõ tâm của Lý Nguyên: Sợ đến Trường An rất có thể bị người ta ngờ vực ông ta muốn làm quan, nên sư đi theo đường Kinh Châu.

Một ngày nọ thuyền bơi đến vùng Nam Phố, do nước sông chảy xiết nguy hiểm, trời chưa tối đã cắm thuyền. Lúc ấy, có một người đàn bà mặc áo chẽn bằng gấm, đội vò đi lấy nước. Viên Trạch vừa trông thấy bà ta, liền gục đầu, hai mắt ứa lệ. Lý Nguyên hỏi han: "Từ Kinh Châu đến đây, phụ nữ giống như thế này chẳng biết là bao nhiêu, vì sao thầy lại nẩy sanh bi cảm như thế?" Viên Trạch nói: "Ta chẳng muốn đi theo đường này tới đây chính là vì sợ gặp phải bà này. Do bà ta mang thai đã ba năm vẫn chưa sanh nở là vì đợi ta đến đầu thai. Nay đã thấy rồi, không còn cách nào để trốn tránh được nữa. Xin ông ở lại mấy ngày, giúp cho tôi mau sanh và chôn tôi trong hang núi. Ba ngày sau xin đến gặp tôi. Trước mặt ông, tôi sẽ cười một tiếng

để làm tin. Mười hai năm sau, đêm Rằm Trung Thu, đến ngoài chùa Thiên Trúc ở Hàng Châu gặp tôi."

Nói xong bèn thay áo, tắm gội, ngồi qua đời. Lý Nguyên có hối hận cũng không kịp, chỉ đành mai táng Viên Trạch. Ba ngày sau, đến nhà nọ để xem, quả nhiên người đàn bà sanh được một đứa con trai. Nhân đó đem chuyện ấy kể cặn kẽ với người ta, xin gặp mặt đứa bé, quả nhiên nó cười một tiếng làm tin. Do vậy Lý Nguyên không còn muốn đến Tứ Xuyên nữa, quay về Lạc Kinh (Lạc Dương), về tới chùa Huệ Lâm, mới biết trước lúc Viên Trạch lên đường đã dặn dò hậu sự cặn kẽ, vì thế càng thêm biết ngài chẳng phải là người tầm thường.

Mười hai năm sau, Lý Nguyên theo đúng ước hẹn đến Hàng Châu, tới đêm Rằm Trung Thu, đợi ở ngoài chùa Thiên Trúc. Quả nhiên, ánh trăng vừa rọi, chợt nghe bên bờ giếng Cát Hồng có đứa bé chăn trâu cỡi trâu, ca lên:

Tam sinh thạch thượng cựu tinh hồn,
Thưởng nguyệt ngâm phong bất yếu luân,
Tàm quý tình nhân viễn tương phỏng,
Thử thân tuy dị, tánh thường tồn.

(Trên đá ba sinh, vẫn nguyên hồn,
Ngâm gió, thưởng trăng lọ phải bàn,
Thẹn thấy người xưa tìm đến gặp,
Thân này tuy khác, tánh thường còn.)

Lý Nguyên liền biết nó chính là thân đời sau của Viên

Trạch, liền bước đến thăm hỏi: "Ngài Viên Trạch mạnh giỏi hay chăng?" Đứa bé chăn trâu đáp: "Ông Lý quả thật là người đáng tin tưởng!" Nói chuyện sơ sài mấy câu xong, lại xướng rằng:

Thân tiền thân hậu sự mang mang,
Dục thoại nhân duyên khủng đoạn trường.
Ngô Việt giang sơn du dĩ biến,
Khước hồi yên trạo, thượng Cù Đường.

(Thân trước, thân sau sự vấn vương,
Bàn chuyện nhân duyên luống đoạn trường.
Ngô, Việt giang sơn chơi khắp cả,
Gác chèo mây khói, vượt Cù Đường.)

Rồi cưỡi trâu đi mất. Như vậy thấy được rằng: Viên Trạch có bản lãnh biết chuyện quá khứ, vị lai và "ngồi mất, đứng thác", nhưng vẫn chưa thể liễu thoát sanh tử, trốn tránh bào thai; huống gì bọn phàm phu đầy dẫy triền phược chúng ta, một chút bản lãnh cũng không có ư? Nếu chẳng niệm Phật cầu sanh Tây Phương mà muốn liễu sanh tử thì có nằm mộng cũng mộng chẳng được!

Có kẻ nói: "Đạo lý minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật trong Thiền tông chẳng phải là rất hay ư?" Trọn chẳng biết "kiến tánh thành Phật" chính là thấy được vị Phật thiên chân trong tự tánh thì gọi là "thành Phật", hoàn toàn chẳng phải là trở thành vị Phật rốt ráo viên mãn phước tuệ! Vì sao vậy? Là vì người trong Tông môn (Thiền tông)

khi công phu đạt đến mức khai ngộ liền biết chân tánh của chính mình lẫn người khác vốn giống hệt như Phật, vì thế gọi là "kiến tánh thành Phật". Nhưng những phiền não thô tế[190] của người ấy còn chưa đoạn mảy may nào, bất quá có thể thường tự giác chiếu[191], chế ngự phiền não, xử sự gần giống với bậc thánh nhân.

Nếu đánh mất công phu giác chiếu, không chế ngự được phiền não, bèn tạo nghiệp so với người khác lại càng dữ dội hơn, vì trong phiền não của kẻ ấy có chen lẫn sức mạnh khai ngộ, biến thành cuồng huệ. Bởi đó, năng lực tạo nghiệp cũng mạnh mẽ dị thường. Như vậy thì không những chẳng có hy vọng thành Phật, mà còn phải đọa lạc trong ba đường ác. Vì thế, người đã khai ngộ càng phải ra sức tấn tu, luôn luôn giác chiếu. Đến khi đoạn sạch kiến tư phiền não mới là lúc liễu sanh thoát tử, hoàn toàn chẳng phải là hễ ngộ liền liễu. Giống như thiền sư Ngũ Tổ Giới và Thảo Đường Thanh thuở trước, do ngộ rồi nhưng chưa chứng, vẫn không tránh khỏi nỗi khổ luân hồi. Vết xe đổ rành rành, chẳng thể không biết. Nếu nói là "thật sự thành Phật" thì lại càng sai rất xa.

Làm sao mới trở thành đức Phật rốt ráo phước tuệ viên mãn? Nói theo tông Thiên Thai, một vị Bồ-tát thuộc địa vị Thất tín trong Viên giáo đã đoạn sạch kiến tư hoặc,

---

190 Thô tế: Những phiền não dễ thấy dễ nhận biết như nóng giận, tham lam thì gọi là thô, còn những phiền não khó nhận biết thì gọi là tế.

191 Giác chiếu: Quán sát cái tâm, khi vọng niệm khởi lên liền nhận biết ngay và tìm cách chế ngự, khuất phục nó.

khi tu đến địa vị Thập tín mới phá hết trần sa. Lại phải tu lần lượt Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, 41 địa vị, mỗi địa vị phá một phẩm vô minh bèn tiến lên một địa vị cao hơn, được một phần tam đức bí tạng. Theo thứ tự như thế, đến địa vị cuối cùng là Đẳng giác mới đoạn sạch 41 phẩm vô minh, lại đoạn một phẩm vô minh, tiến lên một địa vị nữa, mới có thể thành tựu quả Phật rốt ráo phước tuệ viên mãn. Như vậy quả thật chẳng phải là chuyện dễ dàng. Mọi người hiểu được đạo lý này thì mới chẳng hiểu lầm!

Lại có người nói: "Tự tánh của mỗi người chúng ta vốn là chẳng nhiễm mảy trần, thanh tịnh trong lặng, đấy chính là Tịnh độ. Tự tánh vốn chẳng sanh chẳng diệt, xưa nay thường hằng, chẳng dời chẳng biến, chính là Vô Lượng Thọ. Tự tánh vốn sẵn đủ đại trí tuệ quang minh, chiếu trời soi đất, chính là Vô Lượng Quang. Nếu như lìa khỏi tự tánh sẵn có ấy, muốn có riêng một cõi Tịnh độ để sanh, có một vị Phật Di-đà để thấy, đấy chính là trên đầu chồng thêm một cái đầu nữa, không có lẽ nào!" Nếu tưởng như thế chính là đạo lý Thiền Tịnh song tu thì cũng là lầm lẫn rồi! Nếu nói như vậy thì hoàn toàn là thiên về Thiền tông, hoàn toàn chẳng thích hợp cho Tịnh tông.

Vì sao biết được như vậy? Là vì Thiền tông chẳng dạy người ta sanh lòng tin phát nguyện, cũng chẳng dạy người ta niệm Phật, chỉ dạy người ta tham cứu thoại đầu[192] nhằm

192 Thoại đầu là một câu nói do các thiền sư dạy thiền sinh tham cứu hòng ngộ được

cầu minh tâm kiến tánh. Đấy chính là nói: "Lìa ngoài tự tánh chẳng có Tịnh độ để có thể sanh, chẳng có Di-đà để thấy!" Nói tuy không sai, nhưng rốt cuộc vẫn thiên về kiến giải thuộc lý tánh, chẳng thể dung thông với sự tướng mà cũng cách biệt với sự lý vô ngại của Tịnh tông, nên nói "không phải là Thiền Tịnh song tu". Người tu Tịnh độ chuyên lấy ba pháp tín nguyện hạnh làm tông, mọi người phải hiểu rõ ràng.

Lại có thuyết *"tức thân thành Phật"* (thành Phật ngay trong thân này) của Mật tông. Nếu mới nghe qua, chuyện như thế khiến con người rúng động; nhưng trên mặt sự thật, trọn chẳng thể nhanh chóng, thuận tiện như vậy. Ý nghĩa của "tức thân thành Phật" là nói công phu của Mật tông khi tu đến thành công thì có thể thành đạo ngay trong thân này, nhưng sự thành đạo như vậy chẳng qua là liễu sanh tử mà thôi. Miễn cưỡng nói là "thành Phật" thì còn có thể miễn cưỡng chấp nhận được. Nếu coi là thật sự thành được vị Phật đoạn rốt ráo ngũ trụ[193], vĩnh viễn hết hai loại

---

chân tâm. Chẳng hạn như câu thoại đầu "thế nào là tiếng vỗ của một bàn tay?"

193 Ngũ trụ: Còn gọi là *ngũ trụ địa hoặc*, tức kiến hoặc, tư hoặc, vô minh phiền hoặc gộp thành một trụ, bốn trụ kia là dục ái trụ địa, sắc ái trụ địa, hữu ái trụ địa, vô minh trụ địa. Do hết thảy phiền não đều nương vào năm thứ này nên chúng được gọi là trụ (nương ở, nắm giữ). Do chúng phát sanh ra các phiền não nên gọi là trụ địa. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương, quyển 5, giảng:

1. Kiến nhất thiết xứ trụ địa: Chính là kiến hoặc gồm thân kiến v.v. trong tam giới.

2. Dục ái trụ địa: Gồm phiền não trong Dục giới, ngoại trừ vô minh và kiến hoặc, chấp vào ngũ dục bên ngoài (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp).

3. Sắc ái trụ địa: Phiền não trong Sắc giới, không tính kiến hoặc, vô minh, không chấp vào ngũ dục bên ngoài, nhưng chấp vào sắc thân.

4. Hữu ái trụ địa: Phiền não trong Vô sắc giới, không bao gồm kiến, vô minh, đã bỏ

chết (phần đoạn và biến dị sanh tử) thì lầm lạc quá đỗi!

Ví như một đứa bé con, cạo trọc đầu đi, ai nấy đều gọi nó là hòa thượng[194]; hay là vị tỳ-kheo đã thọ tam đàn đại giới[195] cũng được gọi là hòa thượng; hay là vị phương trượng đứng đầu chốn tùng lâm[196] cũng gọi là hòa thượng.

---

lìa chấp trước tham sắc, nhưng vẫn còn yêu mến cái thân của chính mình.

5. Vô minh trụ địa: Tức hết thảy vô minh trong tam giới. Vô minh là cái tâm si ám, là cội gốc của hết thảy phiền não.

Duy Thức tông chủ trương bốn món trụ đầu là chủng tử của phiền não chướng, món cuối là chủng tử của sở tri chướng. Tông Thiên Thai gọi món đầu tiên là kiến hoặc, ba món giữa là tư hoặc, món cuối là vô minh hoặc. Họ gọi chung kiến tư hoặc là giới nội hoặc (phiền hoặc trong tam giới), còn vô minh hoặc là giới ngoại hoặc.

194 Hòa thượng (upâdhyâya): còn được phiên âm là hòa-xà, hòa-xã, cốt-xã, ô-xã, dịch nghĩa là thân giáo sư, lực sanh, cận tụng, y học, đại chúng sư. Những từ ngữ này đều hàm nghĩa là vị thầy dạy thân thiết, có công năng tăng trưởng huệ mạng pháp thân cho đồ đệ, là bậc đức cao giới hạnh tinh nghiêm đáng làm bậc thầy gương mẫu cho mọi người. Theo luật Tứ Phần, hòa thượng phải là một vị tỳ-kheo hội tụ đủ năm đức: giữ vững tịnh giới, đủ mười tuổi hạ, thông hiểu tạng Luật, thông đạt thiền tư, có trí tuệ sâu xa.

Theo các nhà nghiên cứu, từ ngữ upâdhyâya bị biến âm sang tiếng Kuche (Cưu-ty, hoặc Quy-tư) là pwâjjhaw. Từ ngữ này lại bị biến âm lần nữa qua cách đọc của người Khotan (Vu Điền) thành khosha, rồi lại bị người Hán đọc trại âm một lần nữa thành hòa thượng (he shang). Về sau, chữ hòa thượng được dùng như danh xưng tỏ vẻ tôn trọng với tăng sĩ; nhưng người bình dân Trung Hoa thường gọi những chú tiểu là tiểu hòa thượng.

195 Tam đàn đại giới: Quy củ truyền thọ giới pháp, chia làm ba giai đoạn: sơ đàn, nhị đàn và tam đàn. Sơ đàn truyền sa-di, sa-di-ni giới, Nhị đàn truyền tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni giới, tam đàn truyền Bồ-tát giới. Khi sơ đàn và nhị đàn đã xong, Phật tử tại gia mới được dự tam đàn cùng với chúng xuất gia thọ Bồ-tát giới. Truyền tam đàn đại giới phải hội đủ *tam sư* (đắc giới hòa thượng, yết-ma a-xà-lê, giáo thọ) và bảy vị tôn chứng a-xà-lê đóng vai trò chứng minh. Thông thường đàn truyền giới được cử hành trong ba ngày liên tiếp.

196 Phương trượng là cái thất vuông vức mỗi bề vừa đúng một trượng, là chỗ ở của vị trụ trì trong Thiền tông, nên vị trụ trì thường được gọi là phương trượng, u trượng, chánh đường, hay đường đầu. Chữ "tùng lâm" chỉ chùa miếu nơi tăng chúng tụ tập cùng ở, thường dùng để chỉ chùa Thiền tông. Thoạt đầu tại Ấn Độ, trong những khu rừng cây thanh tịnh ở ngoài thành thị thường lập tinh xá cho tăng chúng ở; danh từ tùng lâm (rừng rậm) phát xuất từ đó. Sách luận Đại Trí Độ lại giảng là vì tăng chúng tụ tập như rừng nên gọi là tùng lâm. Về sau, chữ "tùng lâm" dùng để gọi chung các chùa miếu lớn, còn tùng lâm của Thiền tông thường gọi là thiền lâm.

Những loại hòa thượng như trên, miễn cưỡng gọi thì cũng được. Nếu coi những người ấy thật sự là hòa thượng thì cũng không đúng. Nói đúng sự thực thì phải là người có đạo đức, học vấn, có sức làm cho người khác sanh trưởng pháp thân huệ mạng thì mới đúng là hòa thượng danh phù hợp với sự thực.

Phải biết thế giới này của chúng ta, trong Phật pháp của đức Thích-ca Mâu-ni Phật, chỉ có một mình đức Thích-ca Mâu-ni Phật là thành Phật ngay trong thân này. Lại phải đến khi đức Di-lặc Phật hạ sanh thì mới có thể tính là có một vị Phật nữa thành Phật ngay trong thân này. Trong khoảng thời gian sau khi đức Thích-ca diệt độ và ngài Di-lặc chưa giáng sanh, muốn tìm lấy một người thành Phật ngay trong thân này thì bất luận ra sao cũng không thể có được. Dẫu chính Phật Thích-ca ứng hiện trong thế gian lần nữa thì cũng không thị hiện đạo lý "thành Phật ngay trong thân" này.

Vào đời nhà Thanh trước kia, trong khoảng từ niên hiệu Khang Hy đến niên hiệu Càn Long, Phật sống[197] Tây

197 Phật sống (hoạt Phật): Tiếng Tây Tạng là Hpbrulsku, người Mông Cổ gọi là Khutuktu hay Khutukutu (thường phiên âm là Hô-đồ-khắc-đồ, nghĩa là tự tại chuyển sanh). Chữ hpbrulsku (thường được viết theo cách phát âm là Tulku) có nghĩa là hóa thân, chuyển sanh, là một cơ cấu truyền thừa riêng của Phật giáo Tây tạng, nhằm giữ vững ngôi vị lãnh đạo và thích ứng với tình trạng độc thân của người đứng đầu một dòng tu. Theo đó, một vị lạt-ma cao cấp chết đi, sẽ tái sanh trở lại trong nhân gian hầu tiếp tục tu hành, thống lãnh dòng tu và thực hiện bi nguyện cứu độ chúng sanh. Trước khi chết, người ấy thường để lại di ngôn hay sấm ngữ bí hiểm để các môn đệ đi tìm xem người ấy thác sanh vào chỗ nào, rước về nuôi dạy, đào tạo trở thành người lãnh đạo tông phái. Những vị tăng chưởng quản một phái tu, một dòng tu, thậm chí một tu viện Tây

Tạng đến khi lâm chung biết chết rồi sẽ phải đi đầu thai trong nhà nào, dặn nhóm đệ tử đến lúc ấy đi rước ông ta. Khi đẻ ra, cũng nói được ông ta là Phật sống ở chỗ nào đó. Tuy có bản lãnh như vậy, cũng vẫn chưa phải là thành Phật ngay trong thân này. Vì sao biết được? Vì nếu quả thật là thành Phật ngay trong thân này, tự nhiên sẽ giống như Phật Thích-ca, nói được các thứ phương ngôn (ngôn ngữ riêng của từng địa phương), dùng một tiếng thuyết pháp cũng có thể khiến cho hết thảy chúng sanh đều hiểu được. Cớ sao Phật sống Tây Tạng, đối với ngôn ngữ Trung Quốc lại không biết? Một chuyện nhỏ như vậy đủ để chứng minh ông ta không phải là thành Phật ngay trong một đời.

Huống chi sau này Phật sống khi chết đi chẳng để lại lời gì? Lúc sống cũng chẳng có biểu hiện gì, đều là do người khác xếp đặt, bốc thăm để quyết định[198], vậy thì chẳng cần phải nói gì nữa!

Tạng thường tự xưng là hóa thân của Phật, Bồ-tát hay tổ sư nào đó, chẳng hạn Đại-lai Lạt-ma là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ-tát, Ban-thiền Lạt-ma là hóa thân của A-di-đà Phật, trưởng dòng tu Sakyapa là hóa thân của Văn-thù Bồ-tát, Tai Situpa là hóa thân của Di-lặc Bồ-tát. Có lẽ vì thế người Hoa gọi họ bằng danh xưng hoạt Phật.

198 Vào thời vua Càn Long, trong năm 1807, khi các phe phái tranh chấp nhau về chuyện quyết định đứa bé nào mới là hậu thân thật sự của Đại-lai Lạt-ma đời thứ tám, vua Càn Long đã gởi đến Lhasa một chiếc bình vàng, ra lệnh bỏ hai lá thăm ghi tên từng đứa bé vào, rồi bốc thăm quyết định. Khi có những tranh chấp về hậu thân của một vị Tulku, cũng thường có chuyện bốc thăm để quyết định như vậy. Đôi khi không giải quyết được mâu thuẫn, mỗi phe sẽ công nhận riêng một vị hoạt Phật chuyển thế. Như gần đây, sau khi Đại Bảo Pháp Vương (Gyalwa Karmapa) đời thứ 16 là Rangjung Rigpe Dorje chết đi, các tín đồ tranh chấp, không phe nào nhường phe nào, cuối cùng có hai Đại Bảo Pháp Vương đời thứ 17 được công nhận là Ogyen Trinley Dorje (của phe lạt-ma Taisitu) và Trinley Thaye Dorje (của phe lạt-ma Sharmapa).

Hơn nữa, công phu tu Mật tông muốn thành công cũng rất khó khăn. Nếu chuyên cầu mau đạt được thần thông, chẳng khéo dụng tâm, lại còn bị nguy hiểm gặp phải ma sự, vẫn chẳng ổn thỏa, thích đáng bằng niệm Phật.

Năm Dân Quốc mười bảy (1928), ở Thượng Hải có một người đệ tử quy y mời tôi đến nhà ông ta dùng cơm chay và nói trong gia đình ông ta có một người thân thích là một nữ cư sĩ học Phật đã nhiều năm, học vấn cũng rất khá, đã hơn 50 tuổi, gọi bà ta đến trò chuyện có được hay không? Tôi nói: "Được chớ!" Ông bèn kêu bà ta đến. Đến khi gặp mặt, tôi bảo bà ta: "Tuổi đã cao rồi, hãy nên mau niệm Phật cầu sanh Tây Phương." Bà ta đáp: "Tôi chẳng cầu sanh Tây Phương, tôi muốn sanh trong thế giới Sa-bà!" Tôi liền trả lời bà ta: "Chí hướng của bà hèn kém quá!" Bà ta lại nói: "Tôi muốn thành Phật ngay nơi thân này." Tôi lại đáp lời bà ta: "Chí hướng của bà cao xa quá! Sao không chịu vãng sanh thế giới thanh tịnh kia, cứ muốn sanh trong thế giới trược ác này? Phải biết rằng, đạo lý 'thành Phật ngay nơi thân này' là có, thế nhưng hiện thời không có ai được như vậy cả, mà cũng chẳng phải là chuyện bà hay tôi có thể làm được." Người không thông hiểu đạo lý như vị nữ cư sĩ ấy, hoàn toàn không có chút gì biết tự lượng sức, ăn nói lớn lối, quả thật là tự lầm, lầm người vậy!

Lại có hai người cầu sanh trong thế giới Hoa Tạng. Có một ngày, người kia mắc bệnh, người này bèn đến thăm. Sau đấy, do thấy người kia bệnh tình không xong, liền gấp

rút bảo người kia niệm "Nam-mô Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, Hoa Tạng Hải Hội Phật Bồ-tát", mọi người cũng ở bên cạnh trợ niệm cho ông ta. Sau một khắc bèn hỏi ông ta có thấy cảnh giới gì hay không? Ông ta đáp: "Không có!" Hỏi như vậy hai ba lần đều nói "không có". Đến lần cuối cùng, ông ta bèn nói: "Mẹ đã đến rồi."

Ôi chao, có hỏi ông ta như vậy mới biết bọn họ tu như thế không thể nào chắc ăn được. Là vì trong tâm bọn họ, do niệm Phật hiệu như thế và mong mỏi như thế, lẽ ra phải trông thấy thế giới Hoa Tạng mới đúng, sao lại đâm ra thấy cảnh giới thọ ấm trong thai mẹ? Từ đấy về sau, ông ta mới quay đầu tu pháp môn Tịnh độ.

Quý vị phải hiểu rằng, phải là bậc Pháp thân đại sĩ phá được mấy phần vô minh thì mới có thể thấy được thế giới Hoa Tạng, sanh về đó được! Ngoài ra, dẫu là bậc Bồ-tát đoạn sạch trần sa hoặc cũng chưa có phần, huống hồ phàm phu đầy dẫy triền phược ư? Trong hội Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử đã chứng Đẳng giác mà Phổ Hiền Bồ-tát vẫn dạy ngài và Hoa Tạng hải chúng dùng mười đại nguyện vương hồi hướng Cực Lạc để mong viên mãn Phật quả. Đủ biết pháp môn Tịnh độ không căn cơ nào chẳng gồm thâu. Vì thế tôi thường nói: "Chúng sanh trong chín giới bỏ pháp môn niệm Phật thì trên là không thể do đâu viên thành Phật đạo được; mười phương chư Phật bỏ pháp môn niệm Phật thì dưới là không do đâu độ khắp quần manh", chính là vì duyên cớ này đấy. Ví như người trong thiên hạ,

ai nấy đều phải ăn cơm thì ai nấy cũng đều phải niệm Phật.

Kính khuyên các vị, chớ nên không tự lượng sức, vọng tưởng làm hạng phi thường. Nói chung là phải chất phác niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì mới chẳng cô phụ đức Như Lai đã nói pháp môn tổng trì "trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, thành thỉ thành chung" này, và chẳng đến nỗi uổng phí nhân duyên thù thắng mười phương tụ hội tại đạo tràng Linh Nham thanh tịnh này. Mong mọi người hãy trân trọng!

XIV. ĐỨC DỤC KHẢI MÔNG[199]

1. Hiếu thảo với cha mẹ

Thân thể tóc da, nhận từ cha mẹ. Cha mẹ và ta, thật là một thể. Ta thương thân ta, hãy hiếu cha mẹ, chẳng nhục thân ta, mới là làm cho cha mẹ vinh hiển.

2. Hòa thuận, yêu thương anh em

Anh em chị em, chân tay cốt nhục, liên quan mật thiết, sướng khổ cùng nhau, anh thương em kính, hòa thuận vui vẻ, nâng đỡ thương yêu, gia đình có phước!

3. Kính thầy

Thầy nghiêm đạo trọng, nêu gương luân thường, đạo

199 Những giáo huấn khơi gợi về mặt đức dục (dạy dỗ, vun bồi đạo đức) cho trẻ nhỏ.

đức học vấn, ắt phải noi theo, lấy đó làm gương. Thầy nuôi dạy ta, vỡ lòng cho ta, dạy ta mẫu mực, chẳng kính trọng thầy, làm sao được ích?

4. Chọn bạn

Gần son thì đỏ, gần mực ắt đen. Chơi với bạn bè, có kẻ tổn hại, có kẻ tạo ích. Ích thì thân cận, tổn thì lánh xa. Khuyên lành răn lỗi, toàn nhờ vào đấy!

5. Áo vải

Áo cốt che thân, và để chống lạnh. Mặc áo vải thô, tiếc phước dưỡng khiêm. Đừng ham lượt là, gấm thêu hoa mỹ. Phước thọ hao tổn, tự rẫy tự ruồng.

6. Ăn chay

Ăn chay hợp dinh dưỡng. Ăn thịt hại sinh vật. Tâm hận lúc bị giết, khiến thịt độc chẳng vừa. Hãy đừng tham ăn thịt, hễ ăn phải trả đền, cho tới lúc phải trả, thật đáng thương xót sao!

7. Tiếc chữ

Chữ là quý báu nhất, vàng ngọc vẫn thua xa. Người do chữ trí sáng, nếu không sẽ ngu si. Nếu cõi đời không chữ, chẳng việc nào thành được, con người và cầm thú, chỉ khác nhau cái tên!

8. Tiếc ngũ cốc

Ngũ cốc nơi ruộng rẫy, dùng để nuôi nhân dân. Biết quý tiếc ngũ cốc, đấy chính là thiện tâm. Người tu thiện thì còn, kẻ chẳng lành ắt mất. Tiếc ngũ cốc được phước, phung phí gặp tai ương.

9. Tiếc thời gian

Bảy mươi xưa nay hiếm, khảy ngón tay liền qua. Hễ qua chẳng còn nữa, nào dám biếng nhác sao? Nỗ lực chăm học tập, lập đức lẫn lập nghiệp, tự lợi và lợi tha, nêu gương mẫu cho đời.

10. Trượng nghĩa (coi trọng điều nghĩa)

Trong nhất cử nhất động, chỉ chú trọng điều nghĩa, hễ điều nghĩa tồn tại, không gì chẳng lợi ích. Tiểu nhân thấy điều lợi, liền quên bẵng nghĩa ngay. Tuy được lợi nhỏ nhặt, rốt cuộc chịu thiệt thòi!

11. Thanh liêm

Phước trạch trong đời người, do đời trước tu tập. Vật phi nghĩa vẫn lấy, là ăn nuốt món độc. Trong sạch chẳng ô nhiễm, liêm khiết chẳng tham lam, sẽ được đời sùng kính, vinh hiển không chi hơn!

12. Biết thẹn

Một chữ hổ thẹn, lợi lạc vô cùng, hễ có lòng thẹn, gần gũi thánh nhân. Còn nếu không có, khác gì loài thú! Giữ lòng hổ thẹn, không gì mà chẳng, tạm chế ngự được. Đức Phật giáo huấn, trang nghiêm đệ nhất.

13. Tận trung

Một mực giữ chân thành, chẳng hề dối trá, thờ cha mẹ, tiếp vật, trọn chẳng sanh hai lòng. Chỉ mong trọn bổn phận, chẳng bận tâm người khác, có biết tới hay không. Con người được như thế, gương mẫu của thế gian.

14. Thủ tín (giữ chữ tín)

Người biết giữ chữ tín, chẳng nói năng bừa bãi, nói được liền làm được, chẳng khoe khoang phô trương. Con người thiếu chữ tín, chuyện gì cũng giả tạo, bị người khác chán bỏ, chẳng bằng trâu ngựa đâu!

15. Nhân từ

Nhân ái từ bi, mối thiện của tâm. Tâm càng chân thật, phước trạch càng sâu. Nếu thiếu tâm ấy, tàn nhẫn hà khắc. Dẫu có túc phước, khi hao tổn sạch, sẽ bị nguy hiểm.

16. Không sát sanh

Phàm là động vật, đều có tri giác, tham sống sợ chết,

chỉ tiếc mạng sống. Nếu đùa bỡn giết, và giết để ăn, đời này đời sau, quyết định báo đền.

17. Không trộm cắp

Phàm vật có chủ, chớ nên lấy trộm. Ăn cắp món nhỏ, chôn vùi phẩm đức, ăn cắp món lớn, sẽ mắc họa to. Trộm vật của người, phước mình hao tổn, muốn được tiện nghi, đâm ra lỗ lớn.

18. Không tà dâm

Dâm dục có hại, tổn thân vùi chí. Dẫu là chồng vợ, cũng nên tiết chế. Nếu cứ tà dâm, rất không hợp lẽ. Từ xưa đến nay, bậc có chí hướng, không một ai phạm.

19. Không nói dối

Lời nói tỏ hạnh, thuật bày bổn tâm. Tâm đã không thật, hạnh sao chánh được? Mong lũ trẻ ngươi, đừng nên nói dối. Miệng đúng tâm sai, trọn chẳng ra gì!

20. Không hút thuốc

Thuốc nào cũng đừng hút, bởi trái phép vệ sinh. Miệng thường có mùi hôi, xông sực phiền trời người. Nha phiến, thuốc lá thơm, chất độc mạnh mẽ nhất. Tốn tiền mua lấy hại, kẻ si thật đáng thương!

21. Không uống rượu

Rượu là thuốc gây cuồng, uống vào ắt loạn tánh, say sưa trái lẽ thường, vượt lễ lẫn phạm phận, tốt nhất đừng nên uống, để khỏi uống quá đà. Người thông minh trí tuệ, thường giữ thân trong sạch.

22. Không cờ bạc

Cờ bạc lẫn cờ tướng. Hèn chí mất thời gian. Nếu chuyên tâm vào đó, vứt bỏ chuyện chánh đáng. Đem quang âm hữu hạn, phí vào trò trẻ con. Tan nhà hao tài sản, tội chẳng có lúc ngơi.

23. Đừng xa xỉ

Xa xỉ khoe giàu có, mua họa chuốc nghèo hèn. Quân tử chẳng nhìn tới, đạo tặc đến cướp giựt. Mặc áo vải cơm rau, là cung cách thánh hiền. Đời này lẫn đời sau, ai nấy đều noi gương.

24. Đừng ngạo mạn

Kẻ ngạo mạn khinh người, thực sự phô khuyết điểm, người sáng suốt biết rõ, học vấn lẫn hàm dưỡng, của kẻ đó ít ỏi. Dẫu đã là thánh nhân, vẫn chẳng hề khinh người. Thường luôn tâm niệm rằng: "Trọn chẳng có thánh phàm."

25. Đừng ghen ghét

Người có tài đức, ta nên khen ngợi. Người ấy ắt sẽ cống hiến xã hội. Nếu sanh ghen ghét, chê là ngu si, nghiệp báo đoạt mất huệ căn đời trước.

26. Đừng thiên kiến

Người mang trí nhỏ, chưa nghe đại đạo, thường chấp ý mình, là hay tuyệt nhất. Đáy giếng nhìn trời, sở kiến bé tí. Nếu lên núi cao, sẽ hiểu rõ ràng, cái thấy trước kia.

27. Đừng nóng giận

Có kẻ phú quý lòng dạ hẹp hòi, thường do trái ý, phẫn nộ đùng đùng. Nóng giận vô ích, phiền não ta người, rộng lượng khoan dung, của báu vô giá.

28. Hỏi han đừng thẹn

Hỏi được những điều vốn không thể hỏi, hỏi nhiều về điều mình vốn kém thiếu, mong người chiều mình, phải nhún mình trước. Nếu là vô tri, càng nên hỏi người, học rộng hỏi kỹ, bản lãnh chân thật.

XV. NHỮNG LỜI BẠT CỦA BỘ ẤN QUANG PHÁP SƯ VĂN SAO TAM BIÊN

1. Lời bạt thứ nhất

Hai bộ Văn Sao Chánh Biên và Tục Biên của đại sư Ấn Quang trước sau được ấn hành không dưới một trăm mười vạn bộ, lưu truyền khắp trong ngoài nước. Năm Dân Quốc 29 (1940), sau khi Ấn công sanh Tây, chư sơn tôn túc, các vị tri thức trong nước lũ lượt sao lại những bài viết, thư từ của đại sư chưa được đưa vào hai bộ Chánh Biên và Tục Biên gởi cho Ấn Quang Đại Sư Vĩnh Cửu Kỷ Niệm Hội thuộc Hoằng Hóa Xã ở Thượng Hải. Sau đấy, cư sĩ La Hồng Đào phát tâm biên tập bộ Ấn Quang Đại Sư Ngoại

Tập, từng bốn lần đăng thông cáo tỏ ý trưng cầu di trước[200] của đại sư trên nguyệt san Hoằng Hóa.

Sau bảy năm sưu tập, cuối cùng trong năm 1950, đúng mười năm sau ngày Ấn công sanh Tây, tức ngày mồng 4 tháng 11 âm lịch, kết tập thành sách. Thỉnh pháp sư Huệ Dung sao chép lại bằng kiểu chữ khải và được hòa thượng Diệu Chân, lão pháp sư Đức Sâm và cư sĩ Đậu Tồn Ngã xét duyệt, giảo chánh, đối chiếu. Vào mùa xuân năm 1958, sắp xếp thành bộ sách gồm 16 quyển, cộng thêm một quyển ghi mục lục nữa thành 17 quyển. Do nhân duyên chẳng đủ, không thể ấn hành được, bèn đem bản thảo này giao cho chùa Linh Nham ở Tô Châu, do hòa thượng Diệu Chân bảo tồn, trân trọng cất giữ tại lầu chứa kinh.

Trải mười năm tai kiếp dồn dập, Linh Nham Sơn Tự liên tiếp bị phá hoại. Nguyên Đán năm 1980, Linh Nham được phục hồi, Minh Học phát hiện được bản thảo này trong rương đựng bộ Long tạng (Càn Long Đại tạng kinh được khắc vào đời Thanh) trong lầu chứa kinh, hoàn chỉnh không bị hư hao gì. Sau cơn tai kiếp, bộ sách may mắn vẫn còn, càng thêm trân quý, sanh lòng hoan hỷ lớn lao, cảm kích sâu xa Ấn công trong cõi Thường tịch quang đã phóng từ quang gia bị nên mới được như vậy.

Tháng Chạp năm 1984, Minh Học đến chùa Quảng Hóa ở huyện Bồ Điền, tỉnh Phước Kiến, yết kiến lão

200 Những trước tác của người đã khuất.

pháp sư Viên Chuyết, bàn bạc chuyện này, tính ấn hành lưu thông, liền được cụ Viên từ bi tán đồng. Trong năm 1989, cụ Viên dẫn pháp sư Trì Đức đến Linh Nham Sơn Tự, đem nguyên bản về chùa Quảng Hóa, bắt tay ấn loát và do chính cụ Viên cùng mấy vị cư sĩ nhiệt tâm phụ trách giảo chánh, đối chiếu. Nhằm viên mãn túc nguyện, ban ân huệ tốt lành cho tứ chúng, trong dịp kỷ niệm tròn 50 năm Ấn Quang đại sư sanh Tây, Linh Nham Sơn Tự đã từng tái bản bộ Tăng Quảng, Tục Biên Văn Sao, nay lại ấn hành bộ sách này. Thời tiết, nhân duyên thật là hy hữu, khôn ngăn tán thán, hoan hỷ, kính cẩn ghi lại.

Linh Nham Sơn Tự, Minh Học kính cẩn viết!
Ngày mồng 1 tháng 10 năm 1990

2. Lời bạt thứ hai

Đại sư Ấn Quang chùa Linh Nham là Thái Sơn, Bắc Đẩu trong pháp môn đương thời, tận lực đề xướng Tịnh độ, khuông phò chánh pháp, công lao thật vĩ đại. Bộ Chánh Biên và Tục Biên do đại sư biên soạn đã được sớm lưu hành rộng rãi khắp trong ngoài nước. Cư sĩ Lý Viên Tịnh biên tập cuốn [Ấn Quang Pháp Sư] Gia Ngôn Lục, cư sĩ Lý Tịnh Thông lại biên tập cuốn [Ấn Quang Đại Sư Văn Sao] Tinh Hoa Lục, cũng đều được lưu truyền thật rộng. Tứ chúng mấy người góp sức vào một bộ sách, trước sau phát hành không ngờ tới một trăm mười vạn bộ, cổ kim hiếm khi thấy sách nào được lưu truyền bền bỉ, phổ

biến tới mức ấy!

Sau khi đại sư viên tịch, cư sĩ La Hồng Đào lại sưu tập rộng rãi di cảo, biên tập thành bộ sách Văn Sao Đệ Tam Biên. Sách chưa được lưu hành trong cõi đời thì ông La cũng quy Tây, nguyên cảo được cất giữ hai ba chục năm, trải qua nhiều cảnh tang thương, rốt cuộc vẫn tồn tại nguyên vẹn. Nay Linh Nham và Quảng Hóa cùng tính ấn hành, đại sư giã biệt cõi đời đã năm chục năm, bộ sách này được ấn hành, đủ chứng tỏ ân trạch của đại sư để lại đã thấm sâu vào lòng người, dẫu lâu ngày chẳng bị mất đi, cũng như cho thấy Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn.

Trong những bài được thu thập trong bộ sách này, phần thư từ chiếm nhiều nhất. Lúc sư trụ thế, xa gần hỏi pháp dằng dai chẳng ngớt. Sau khi Một Lá Thư Trả Lời Khắp được phân phát, người thưa hỏi vẫn nhiều, đại sư từ bi hễ hỏi ắt đáp, lại còn suy xét cặn kẽ. Dẫu tuổi đã chiều tà, chẳng cẩu thả một nét bút nào, tinh lực tràn trề, khác xa phường tầm thường; trước sau đẹp đẽ thật đáng sánh tầy công hạnh "mỗi ngày làm 108 việc lành" của tổ Vĩnh Minh Diên Thọ. Đây đều là bản lãnh của bậc đại nhân tiên sinh, chứ phàm phu chẳng thể suy lường hòng thấu hiểu đôi chút nào được!

Than ôi, đại sư đã khuất bóng rồi, không còn hỏi han được nữa! Nay có được nhân duyên đọc tụng thù thắng, may mắn được biết tới tác phẩm khó nghe khó gặp, càng thêm trân trọng, tiếc nuối, chỉ một mực chân thành,

chuyên dốc, đổ hết sức thực hành thì mới chẳng phụ tấm lòng đau đáu của bậc triết nhân kỳ lão đáng trọng và thật sự thọ dụng được. Ngoài những lời hoan hỷ khen ngợi, kính cẩn viết đôi lời thừa thãi để ghi thêm vào sau sách.

Đầu mùa hạ năm Canh Ngọ (1990), đệ tử Cống Nam Dương Trí Kiên đảnh lễ kính cẩn ghi lời bạt tại Phước Châu Xã Đoàn.

3. Lời bạt thứ ba

Phàm đoạn hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử, há phải chuyện nói dễ dàng ư? Hạng xiển-đề[201] không có lòng tin cố nhiên chẳng cần phải bàn tới, nhưng ngay cả kẻ quy y Phật giáo, học Phật mấy chục năm, vẫn thường chưa vào được cửa! Cửa còn chưa vào được, há mong chi đoạn hoặc, chứng chân liễu sanh thoát tử ư? Do lẽ này, người học Phật thì đông, nhưng kẻ thành tựu ít lắm! Năm mươi mấy năm trước đây, tôi đã được đọc Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, thoạt đầu chưa biết chỗ mầu nhiệm, sau này đọc đi đọc lại, mới tạm thấy được sơ sài cửa nẻo. Nay đã nhằm lúc nắng

---

201 Nhất-xiển-đề (icchantika), còn phiên âm là nhất-điên-ca, nhất-xiển-đề-kha, xiển-đề v.v., dịch nghĩa là đoạn thiện căn, tín bất cụ túc (tin tưởng không đầy đủ), cực dục (ham muốn cùng cực), đại tham, vô chủng tánh (không có chủng tánh), thiêu chủng (hạt giống bị cháy). Những cách dịch này đều nhằm diễn tả ý kẻ đoạn sạch hết thảy thiện căn, không có cách nào thành Phật được. Kinh Nhập Lăng-già lại chia thành hai loại xiển-đề:

1. Đoạn thiện xiển-đề: Tức hạng người vốn hoàn toàn không có nhân giải thoát.

2. Đại bi xiển-đề: Còn gọi là Bồ-tát xiển-đề, tức hạng Bồ-tát do bi nguyện cứu độ chúng sanh nên thị hiện những nghịch hạnh để dạy chúng sanh kinh sợ ác quả, hồi tâm tu tập.

nhạt ngọn dâu, kỳ hạn chết sắp tới, đọc lại di biên, hoảng nhiên đại ngộ, biết sâu xa phàm phu đời mạt thật sự muốn đoạn hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử, nếu chẳng noi theo di giáo của Ấn công há có được chăng? Cửa ngõ để học Phật là ở đây vậy! Xin được trình bày đại lược.

Một là lúc mới nhập đạo, lúc vừa mới cất bước tiến lên đường tu tập, ắt phải noi theo di giáo của Ấn công: Hãy dốc sức nơi công phu *"khắc kỷ, phục lễ, nhàn tà, tồn thành"*. *Khắc* là chiến thắng, *kỷ* chính là tư dục. Cảnh lục trần, sự vui ngũ dục là những thứ tâm phàm phu thường luôn ưa thích, ý luôn hâm mộ. Thô là thanh sắc, vật chất, lợi lộc; tế là học vấn, tri kiến cho đến tiến - thoái, chê bai - khen ngợi, thịnh - suy, được - mất, sống - chết, họa - phước. Phàm những gì đủ để đánh động cái tâm của ta đều là tư dục, ắt phải chiến thắng chúng, chẳng để cho mảy may nào còn tù đọng trong ngực. Sau đấy tâm địa rỗng rang sáng sủa, trong vắt như lưu ly, thoát lìa, thong dong tự tại, không bị chướng ngại. Ắt phải đạt đến mức độ ấy thì học Phật mới có chỗ hữu dụng để tiến tu được. *Phục* là trở lại, *lễ* chính là lý. Chiến thắng được lòng ham muốn của chính mình (tư dục) thì mới trở về với lý chân như được. Hết thảy phàm phu bị lòng ham muốn của chính mình che lấp, trái nghịch lý chân như đã lâu. Ngày nay phát tâm học Phật, cố nhiên nên bắt đầu từ đây. *Nhàn* là ngăn ngừa, ngưng dứt, *tà* là những suy nghĩ trái lẽ. Phàm tiếng dâm, sắc đẹp, tâm chí phóng đãng, suy tưởng ngông cuồng, tính tình hung dữ, trái với lý, nghịch với lẽ chân, văn từ bông lơn, phù phiếm,

phí uổng thời gian, những lời lẽ cong vạy, dị đoan, trái kinh, khinh thánh, những loại như thế đều gọi là phi lý, hãy nên ngăn dứt, chớ để cho chúng lọt vào tâm ta. Đấy chính là ý "ngừa sai dứt ác" vậy. *Tồn* là giữ cho chẳng mất, *thành* là tâm chân thành, tức là như luận Khởi Tín đã nói: "Tâm ngay thẳng chánh niệm chân như." Đấy chính là cái gốc của hai hạnh tự lợi và lợi tha vậy.

Những kẻ tự xưng là tri thức trong cõi đời gần đây thường thích dồn sức nghiên cứu danh tướng, đuổi theo không và có, la cà khắp Tam tạng, đề cao hay chỉ trích năm tông, nhưng chẳng biết "khắc kỷ, phục lễ, nhàn tà, tồn thành" là chuyện gì! Do vậy tâm và miệng mâu thuẫn, trong ngoài chẳng phù hợp, thật là nhàn rỗi làm chuyện chẳng lành, không gì chẳng dính dấp, thân còn sống trên cõi đời mà tâm đã mất trước rồi. Đến khi lâm chung xả báo, kinh hoảng cuống cuồng, chẳng biết xoay sở lẽ nào, ngược ngạo đổ thừa tu hành vô ích, Phật pháp chẳng linh. Há chẳng sai lầm lắm ư?

Điều thứ hai, ắt phải noi theo di giáo của Ấn công: *"Tin tưởng sâu xa sự tướng nhân quả, cảm ứng chẳng dối."* Phàm toàn thể sự chính là lý, toàn thể lý trở thành sự. Toàn thể sự là lý, vì thế nhân quả cảm ứng nơi mặt sự hoàn toàn là lý chân như thật tướng; toàn thể lý thành sự, vì thế lý chân như thật tướng hoàn toàn trở thành sự cảm ứng nhân quả. Hơn nữa, sự có công năng kềm cặp lý, nhưng lý không có khả năng tồn tại một mình được. Chấp sự mê lý vẫn

chẳng phí uổng lợi ích vãng sanh, chứ chấp lý phế sự ắt sẽ mắc họa đọa vào trống rỗng, mất mát. Do vậy, người học Phật đối với sự tướng cảm ứng nhân quả phải dốc lòng tin tưởng không nghi.

Phàm những gì ta làm nơi ba nghiệp thân miệng ý đều là nhân; những gì ta hứng chịu, tức y báo và chánh báo, đều là quả. Nhân và quả như hình ảnh hiện trong gương, như bóng theo hình. Không có quả nào chẳng có nhân, không nhân nào chẳng kết quả. Hơn nữa, những gì ta làm đều là cảm, chư Phật Bồ-tát cho đến trời đất quỷ thần, hiện thân lập bày phương cách giáo hóa, phước thiện họa dâm đều là ứng. Cảm giống như nam châm hút sắt, ứng như dùi gõ vào mặt trống. Hễ có cảm ắt có ứng, ứng ắt phải do cảm mà có. Họa phước không có cửa, chỉ do con người tự chuốc lấy. Thăng hay trầm khác đường, đều do nghiệp tạo. Bởi vậy, bậc thánh hiền thời cổ không vị nào chẳng dè dặt kinh sợ nơi khởi tâm động niệm, gắng sức phản tỉnh nơi xử sự, tiếp vật, dẫu lênh đênh khốn khổ, nào dám lười nhác, bỏ mặc?

Đại sư Ấn công thường dạy người khác đọc các sách Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, Âm Chất Văn Quảng Nghĩa là có thâm ý tột bậc! Tiếc thay những người học Phật hiện thời phần nhiều chẳng biết đến nghĩa này, trọn chẳng quan tâm vâng giữ, thậm chí có kẻ cuồng nhiệt đề xướng vô thần, nói xằng chân không, bài bác là không có nhân quả, hoàn toàn phế trừ hành trì! Đề xướng xằng bậy: "Ăn thịt, sát sanh, chẳng gây trở ngại trên đường Bồ-đề. Nhà

thổ, quán rượu đều là chỗ tịch diệt." Nghe lời bọn họ nói cao tuốt chín tầng trời, xét đến hành vi của bọn chúng thấp tuột dưới chín tầng đất. Kẻ học Phật có lòng chánh tín chớ nên bị mê hoặc bởi những loại tà thuyết ấy.

Điều thứ ba, ắt phải noi theo di giáo của Ấn công: *"Ưa tịnh chán uế, trì danh hiệu Phật, cậy vào tha Phật*[202] *lực, cầu sanh Tây Phương."* Hết thảy chúng sanh vốn sẵn có tánh chân như, đấy là chánh nhân. Gặp chư Phật Bồ-tát, thiện tri thức v.v. lấy đó làm duyên. Nhân duyên đầy đủ sẽ chán nỗi khổ sanh tử, vui vẻ cầu Niết-bàn, phát tâm tu hành, ắt trước hết phải có tâm ưa - chán thì mới vào cửa Phật được. Nếu không có cái tâm này sẽ là nhất-xiển-đề, sẽ đọa miệt-lệ-xa[203], chẳng nói Phật pháp với kẻ ấy được. Đã sẵn lòng ưa - chán thì sẽ biết được cửa để vào đạo.

Trở về cái gốc ban đầu thì không hai, nhưng phương tiện có nhiều cửa. Phàm phu nhập đạo, tông - thuyết[204] khác đường, nhưng Long Thọ Bồ-tát phán định giáo pháp do đức Phật đã dạy trong cả một đời ngài gồm có hai loại: một là *đạo khó hành*, hai là *đạo dễ hành*.

Nói đạo khó hành nghĩa là trong đời ngũ trược, lúc

---

202 Tha Phật tức là A-di-đà Phật ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, nói như vậy để phân biệt với tự tánh Di-đà.

203 Miệt-lệ-xa (mleccha), còn phiên âm là di-ly-xa, mật-lệ-xa, tất-lật-tha, có nghĩa là nơi biên địa, hẻo lánh thiếu hẳn tri thức, ty tiện.

204 Tông thuyết là hai khái niệm được phân biệt trong Thiền tông dựa theo kinh Nhập Lăng-già. Tông là tông chỉ sâu xa trong đạo, tức là lý thể, cương yếu của đạo, chỉ có thể tự ngộ nhập, thấu hiểu, còn thuyết là khả năng diễn giảng, giáo hóa đại chúng. Hiểu theo nghĩa rộng, tông là tự giác, thuyết là giác tha (giác ngộ người khác).

không có Phật, cầu chứng đắc địa vị A-tỳ-bạt-trí (bất thoái chuyển) khó khăn. Ví như đi theo đường bộ, lội bộ khổ sở, nên gọi là đạo khó hành. Nói đạo dễ hành là do nhân duyên tin Phật, nguyện sanh Tịnh độ, khởi tâm lập đức, tu các hạnh nghiệp, do Phật nguyện lực liền được vãng sanh. Do Phật lực nâng đỡ, giữ gìn, nên liền vào ngay Chánh định tụ của Đại thừa. Chánh định tụ chính là địa vị A-tỳ-bạt-trí bất thoái. Ví như theo đường thủy, ngồi thuyền bèn thong dong, nên gọi là đạo dễ hành.

Đạo khó hành là cậy vào tự lực, còn đạo dễ hành là cậy vào tha lực. Sao gọi là tự lực? Ví như có người sợ hãi sanh tử, phát tâm xuất gia, tu định, phát sanh thần thông, dạo chơi Tứ thiên hạ[205], đấy gọi là tự lực. Chuyện này chẳng phải là chuyện nói dễ dàng được. Nếu nương vào tự lực thì bọn phàm phu kém hèn như chúng ta vạn kiếp ngàn đời chẳng mong chi thoát khổ được! Tha Lực là gì? Như có kẻ yếu ớt, dùng chính sức mình để trèo lên lưng lừa còn không xong, nhưng nếu theo Luân Vương liền được bay lên không, dạo khắp Tứ thiên hạ. Việc ấy do oai lực của Luân Vương nên gọi là tha lực. Do vậy biết lũ phàm phu chúng ta muốn thoát vòng khổ, chỉ có cách trông cậy vào sức của đấng pháp vương Di-đà, khởi tâm lập hạnh, cầu

205 Tứ thiên hạ chính là toàn thể bốn đại châu (Nam Thiệm Bộ Châu, Bắc Câu Lô Châu, Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu), tức toàn thể cõi nhân gian. Do tầng trời thứ nhất ngay trên nhân gian là tầng trời của Tứ thiên vương (Đông phương Trì Quốc thiên vương, Nam phương Tăng Trưởng thiên vương, Tây phương Quảng Mục thiên vương, Bắc phương Đa Văn thiên vương) nên cõi nhân gian được gọi là Tứ thiên hạ.

sanh Tịnh độ. Khi lâm chung, liền thấy Di-đà Như Lai cầm đài quang minh đến tiếp đón, liền được vãng sanh, lên cao chín phẩm, giã biệt mãi mãi trăm nỗi lo toan, thấy Phật nghe pháp, chứng Vô sanh nhẫn. Sau đấy nương theo đại nguyện luân, hành hạnh Phổ Hiền, hiện thân trong các cõi nước nhiều như số vi trần, lợi ích khắp mọi chúng sanh.

Trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện có bài kệ như sau: *"Bỉ Phật chúng hội hàm thanh tịnh, ngã thời ư thắng liên hoa sanh. Thân đổ Như Lai Vô Lượng Quang, hiện tiền thọ ngã Bồ-đề ký. Mông bỉ Như Lai thọ ký dĩ, hóa thân vô số bách câu-chi, trí lực quảng đại biến thập phương, phổ lợi nhất thiết chúng sanh giới"* (Mọi pháp hội của đức Phật ấy đều thanh tịnh, con liền sanh trong hoa sen đẹp nhất. Đích thân thấy được đức Như Lai Vô Lượng Quang, Phật liền thọ ký con sẽ chứng Bồ-đề. Được đức Như Lai thọ ký xong, con liền hóa vô số trăm câu-chi[206] thân, do trí lực rộng lớn nên hiện thân khắp mười phương để lợi ích rộng khắp hết thảy chúng sanh giới). Đấy đều là nương vào từ lực của tha Phật mà được như vậy.

Hơn nữa, hạnh Tịnh độ lấy niệm Phật làm chánh. Pháp môn niệm Phật cũng lại có nhiều đường, chỉ có một pháp trì danh thực hiện dễ mà thành công cao, dùng sức ít lại được hiệu quả nhanh chóng, là pháp tu thích nghi nhất cho hành

---

206 Câu-chi (koti) còn phiên âm là câu-trí, câu-lê, dịch nghĩa là ức. Từ xưa đến nay có hai cách giải thích chữ câu-chi:

1. Theo Huyền Ứng Âm Nghĩa, quyển 5, thì câu-chi là một ngàn vạn.

2. Theo ngài Viên Trắc trong Giải Thâm Mật Kinh Sớ, quyển sáu: "Câu-chi có ba cách giải thích, một là mười vạn, hai là trăm vạn, ba là một ngàn vạn."

nhân trong đời mạt. Từ hòa thượng Thiện Đạo soạn Quán Kinh Sớ đặc biệt coi trọng trì danh cho đến đại sư Ấn công, các vị tổ của Tịnh tông không vị nào chẳng đều như vậy. Đại sư Liên Trì khi lâm chung dạy người khác thật thà niệm Phật, đừng giở trò quái lạ. Nói "thật thà niệm Phật" tức là "thật thà trì danh". Như kinh Tiểu Bổn (kinh A-di-đà) đã dạy từ một ngày cho đến bảy ngày nhất tâm bất loạn chính là nói về trì danh vậy. Dẫu có tán tâm vẫn được lìa khổ, huống hồ những ai đã đắc sự nhất tâm hay lý nhất tâm ư?

Do vậy biết rằng: Nhằm đời mạt pháp, người thật sự muốn đoạn hoặc chứng chân liễu sanh thoát tử ắt phải tu pháp môn Tịnh độ trì danh niệm Phật thì mới được. Chẳng đọa lưới tà, chẳng vướng bẫy ma, chẳng bị dị thuyết mê hoặc, chẳng mê mờ nơi ngõ rẽ, noi theo đường của đại vương để vào được cửa ngôi nhà tráng lệ. Những người học đời sau hãy biết chú trọng vào đây! Lại còn có người đối với pháp môn thù thắng này chẳng muốn tu học, cứ muốn ở mãi trong Sa-bà, oan uổng bị đau đớn, thiêu đốt đến vạn kiếp ngàn đời, không có nơi nương tựa. Dẫu là kẻ cực ngu muội cũng chớ nên chẳng biết đúng sai đến mức quá quắt như thế!

Hai bộ Văn Sao Chánh Biên và Tục Biên của pháp sư Ấn Quang được xuất bản, lưu truyền đã lâu, truyền bá rộng rãi khắp xa gần. Bốn mươi mấy năm trước, cư sĩ La Hồng Đào ở Thượng Hải lại sao lục rộng rãi mấy trăm bài di văn chưa được đưa vào Chánh Biên và Tục Biên, soạn thành một bộ sách đặt tựa đề là Ấn Quang Pháp Sư Văn

Sao Tam Biên. Bản chép tay ấy được cất giữ tại Linh Nham Sơn Tự ở Tô Châu. Do nhân duyên chưa đủ, chẳng thể xuất bản được.

Tháng Chạp năm 1984, hòa thượng Minh Học đến chùa Quảng Hóa ở huyện Bồ Điền tỉnh Phước Kiến yết kiến lão pháp sư Viên Chuyết bàn về chuyện này, tính cho ấn hành lưu thông. Viên công khi xưa đã từng trụ tại niệm Phật đường chùa Linh Nham, từng đích thân nghe Ấn công khai thị, đối với di giáo của Ấn công sùng kính tột bậc, một mực thọ trì phụng hành và đem những di giáo ấy dạy người, ứng khắp quần cơ. Nghe biết chuyện này, hoan hỷ tán đồng, liền xin giao di cảo cho chùa Quảng Hóa giảo chánh, đối chiếu, sắp chữ, ấn hành.

Nay Tam Biên sắp được xuất bản, sai tôi soạn lời tựa. Tôi là kẻ hèn kém phàm ngu, nào dám dùng văn chương thô lậu để đặt trước giáo pháp của tổ sư; nhưng cũng chẳng dám trái nghịch mạng lệnh của Viên công nên soạn bài văn này, nêu đại lược những điều mình thấy được, ghép vào cuối sách. Vẫn mong được bậc thức giả sửa cho đúng những điều lầm lạc, chỉnh những điều không hợp lẽ, khôn ngăn cảm kích, cầu khẩn đến tột bậc vậy!

Tháng 12 năm 1989 Tây lịch, đệ tử tư thục[207] Vương Vĩnh Nguyên đảnh lễ kính cẩn viết lời bạt!

---

207 Đệ tử tư thục: Học theo và tuân hành di giáo của một vị thầy, nhưng chưa từng có dịp gặp gỡ, thọ giáo khi vị ấy còn sống thì gọi là "đệ tử tư thục".

XVI. PHỤ LỤC

1. Trung Hưng Tịnh Tông Ấn Quang Đại Sư Hạnh Nghiệp ký

Sư húy Thánh Lượng, tự là Ấn Quang[208], biệt hiệu là

208 Tổ Ấn Quang có pháp danh là Thánh Lượng, pháp tự là Ấn Quang (pháp tự là tên được đặt khi thọ giới sa-di). Khi thọ giới cụ túc lại được đặt tên nữa là pháp hiệu. Tuy thế, có những sơn môn, khi giới tử thọ giới cụ túc, vị bổn sư (hay đàn đầu hòa thượng) không đặt pháp hiệu. Có những vị suốt đời chỉ dùng pháp danh, không dùng tới pháp tự hay pháp hiệu.

Tông Lâm Tế ở Trung Hoa chia ra rất nhiều chi phái nhỏ (đều có chung danh xưng là Lâm Tế chánh tông). Sau thời ngài Vạn Phong Thời Ủy và Đạo Mân, chư thiền sư tiếp tục lập ra những dòng kệ truyền thừa khác nhau. Chẳng hạn, ngài Ngọc Lâm Thông Tú (quốc sư dưới đời vua Thuận Trị - Khang Hy) cũng lập ra một bài kệ riêng để truyền thừa như sau: "Pháp hoằng tế tổ, chân tông thiệu tục, vĩnh truyền anh tuấn, tịnh minh phạm hạnh, nham trì tuyên cổ, gia mô đại căn" (法宏濟祖, 真宗紹續, 永傳英俊, 淨明梵行, 巖持宣古, 嘉謨大根). Điểm qua những bài pháp phái kệ của tông Lâm Tế Trung Hoa hiện thời, căn cứ trên pháp danh Thánh Lượng của tổ Ấn Quang, chúng tôi mạo muội đoán rằng vị thầy truyền giới cho tổ Ấn Quang thuộc chi phái Long Trì của tông Lâm Tế (trong Văn Sao Tục Biên, tổ chỉ cho biết vị thầy truyền giới của mình thuộc Lâm Tế chánh tông, không nói rõ pháp hiệu, pháp tự của bổn sư). Bài kệ truyền

Thường Tàm Quý Tăng (vị tăng thường hổ thẹn), con nhà họ Triệu huyện Cáp Dương, tỉnh Thiểm Tây. Thuở nhỏ theo học sách Nho với anh ruột, coi việc bảo vệ cái học của đạo Thánh (Nho giáo) là trách nhiệm của chính mình, phụ họa những lời bàn luận báng Phật của lũ Hàn - Âu. Về sau bị bệnh mấy năm, mới tỉnh ngộ trước kia sai trái, mau chóng sửa đổi tâm trước. Duyên xuất thế chín muồi, năm 21 tuổi liền xuống tóc với hòa thượng Đạo Thuần ở Liên Hoa Động Tự tại Nam Ngũ Đài thuộc Chung Nam Sơn. Khi ấy nhằm năm Tân Tỵ, tức năm Quang Tự thứ bảy (1881) nhà Thanh. Năm sau, thọ cụ túc dưới tòa của luật sư Ấn Hải Định chùa Song Khê, huyện Hưng An, tỉnh Thiểm Tây.

Sư vừa ra đời được sáu tháng liền bị bệnh mắt, gần như mù; về sau tuy lành nhưng mục lực đã bị tổn thương, hễ mắt hơi bị đỏ liền chẳng nhìn được vật gì nữa. Khi thọ cụ túc, do thấy sư viết chữ đẹp, phàm tất cả những giấy tờ thuộc về pháp sự cần phải viết trong thời gian thọ giới, ban chức sự giới đàn đều giao cho sư viết thay. Viết chữ quá nhiều, mắt liền đỏ ngầu như ứa máu. May mắn là trước đấy, khi sư được giao nhiệm vụ tiếp khách ở chùa

---

pháp phái của Lâm Tế chánh tông, hệ phái Long Trì (龍池) như sau: "Giác tánh bổn thường tịch, tâm duy pháp giới đồng, như duyên hoằng thánh giáo, chánh pháp vĩnh xương long" (覺性本常寂, 心惟法界同, 如緣宏聖教, 正法永昌隆). Cũng xin nói thêm, trong những bài tiểu sử của tổ Ấn Quang đăng trên Internet, chúng tôi thấy biệt hiệu Thường Tàm Quý (常慚愧: thường hổ thẹn) hoặc gọn hơn là Thường Tàm (常慚) của tổ Ấn Quang không hiểu do vô tình hay cố ý thường bị sửa thành Thường Tâm. Sửa như vậy đã vô tình đánh mất ý khiêm tốn lớn lao của tổ khi chọn biệt hiệu ấy.

Liên Hoa tỉnh Hồ Bắc, trong một lần phơi kinh đã đọc được một cuốn Long Thư Tịnh Độ Văn rách nát, nên biết tới pháp môn niệm Phật vãng sanh Tịnh độ chính là đạo trọng yếu để liễu sanh thoát tử. Do bệnh mắt ấy mà ngộ được "thân ta là gốc khổ" nên trong những lúc rảnh rỗi đều chuyên niệm Phật hiệu. Đêm xuống, sau khi mọi người đã ngủ, sư liền ngồi dậy niệm Phật. Ngay cả khi viết chữ, tâm cũng chẳng rời Phật. Vì thế, tuy ráng gượng bệnh viết chữ, sư vẫn có thể miễn cưỡng chống chọi được. Đến khi viết xong thì mắt cũng lành hẳn. Do vậy, sư hiểu sâu xa công đức niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn nên tự hành, dạy người, một mực lấy Tịnh độ làm chỗ quy hướng, đầu mối là do đây!

Sư tu Tịnh độ càng lâu càng chuyên dốc, nghe nói chùa Tư Phước núi Hồng Loa chính là đạo tràng chuyên tu Tịnh độ, năm 26 tuổi (tức năm Bính Tuất, nhằm năm Quang Tự 12 - 1886) liền từ giã thầy qua đó. Tháng 10 năm ấy, sư vào niệm Phật đường của chùa Tư Phước, được thấm nhuần ân trạch của tổ Triệt Ngộ để lại, tịnh nghiệp tăng tiến lớn lao. Tháng Giêng năm sau xin tạm nghỉ phép để triều bái Ngũ Đài. Triều bái xong, vẫn trở về Tư Phước. Sư từng đảm nhiệm các chức vụ thượng khách đường, hương đăng, liêu nguyên[209] v.v.. Trong ba năm, ngoài chánh

---

209 Đây là các chức vụ thường thấy trong những ngôi tùng lâm lớn:

1. Thượng khách đường: Những vị tăng đảm nhiệm tiếp đón khách (tri khách) đến vãng cảnh chùa, trình báo phương trượng khi có khách muốn gặp gỡ, trình báo với vị liêu nguyên để sắp xếp nơi ăn chốn ở cho khách thập phương hay khách tăng muốn ở

hạnh niệm Phật ra, sư nghiên cứu, xem đọc các kinh điển Đại thừa. Do vậy thâm nhập kinh tạng, thầm khế hợp mầu nhiệm tâm Phật, đường tắt tu hành lý sự vô ngại. Năm 30 tuổi (tức năm Canh Dần, nhằm năm Quang Tự 16 - 1890), sư tới chùa Long Tuyền ở Bắc Kinh giữ chức hành đường. Năm 31 tuổi (tức năm Tân Mão, nhằm năm Quang Tự 17 - 1891), sư trụ tại chùa Viên Quảng.

Hai năm sau (tức năm Quý Tỵ, nhằm năm Quang Tự 19 - 1893), hòa thượng Hóa Văn chùa Pháp Vũ núi Phổ Đà lên kinh đô thỉnh Đại tạng, thiếu người giúp sức kiểm duyệt, lo liệu. Mọi người do thấy sư làm việc tinh tế, cẩn thận, bèn tiến cử. Cụ Hóa Văn thấy sư đạo hạnh siêu trỗi, đến khi trở về phương Nam liền thỉnh sư cùng theo làm bạn, cho ở nơi lầu chứa kinh của chùa. Đại chúng trong chùa thấy sư dốc chí tinh tu đều khâm phục sâu xa, nhưng sư vẫn bình dị, chẳng hề tự mãn.

---

lại chùa đều thuộc khách đường. Ở đây, sư đảm nhiệm trông coi việc tiếp đón, sắp xếp chỗ ăn ở cho những vị khách quan trọng.

2. Hương đăng: Vị sư trông coi nhang đèn trong Phật điện, hướng dẫn, giải thích nếu khách thập phương có thắc mắc, thỉnh chuông khi khách vãn cảnh chùa lên lễ Phật, bày biện, tiếp nhận lễ vật của khách dâng cúng lên bàn thờ, đồng thời giữ cho bàn Phật luôn được sạch sẽ tinh khiết.

3. Liêu nguyên: Chức vụ có trách nhiệm quản thủ các liêu xá trong một ngôi tùng lâm, còn được gọi bằng các danh xưng tọa nguyên, tòa nguyên, liêu thủ tòa, hay đệ nhất tọa. Chức vụ này có trách nhiệm coi sóc những phẩm vật trong tăng phòng như kinh sách, trà nước, củi than, cung cấp các thứ cần dùng cho tăng chúng, chỉ huy những người dưới quyền quét tước, dọn dẹp cho liêu phòng sạch sẽ. Vị này còn có trách nhiệm phân xử, dàn xếp nếu có tranh chấp xảy ra giữa các liêu phòng, nhắc nhở những quy ước trong tùng lâm hay răn đe những kẻ vi phạm quy ước cộng trụ trong tùng lâm. Hiện thời, liêu nguyên còn phải kiêm thêm trách nhiệm quản thủ Vân Thủy Đường (tăng phòng dành cho những vị thượng khách).

Mùa hạ năm Đinh Dậu, tức năm Quang Tự 23 (1897), đại chúng trong chùa kiên trì thỉnh sư giảng kinh một phen. Từ tạ không được, sư bèn giảng bộ Di-đà Tiện Mông Sao một lượt. Giảng xong, sư liền bế quan bên cạnh điện Châu Bảo hai lượt, tổng cộng 6 năm[210], học lẫn hạnh càng tăng tấn gấp bội. Sau khi xuất quan, do các hòa thượng Liễu Dư, Chân Đạt v.v. đặc biệt lập một liên bồng (thảo am để niệm Phật) cúng dường nên trước sau sư đã cùng với pháp sư Đế Nhàn ở đó. Không lâu sau, đại chúng lại đón sư về Pháp Vũ.

Năm sư 44 tuổi (tức năm Giáp Thìn, nhằm năm Quang Tự 30 - 1904), do thỉnh Đại tạng kinh cho chùa Đầu-đà ở Ôn Châu, cụ Đế Nhàn lại thỉnh sư lên kinh đô giúp trông coi mọi việc. Xong việc, sư trở về Nam, bèn trụ tại lầu kinh chùa Pháp Vũ. Sư xuất gia ba mươi mấy năm, sống đời thanh bạch, từ đầu đến cuối ẩn giấu tài năng, chẳng thích qua lại với người khác, cũng chẳng muốn ai biết đến danh tự của mình để mong ngày đêm Di-đà, sớm

---

210 Nguyên văn *"tức ư Châu Bảo điện trắc bế quan, lưỡng kỳ lục tải"* (liền bế quan cạnh điện Châu Bảo, hai kỳ sáu năm). Do câu văn ở đây dễ gây hiểu lầm sư bế quan hai kỳ, mỗi kỳ sáu năm, nên chúng tôi xin mạn phép nói thêm: Trong đoạn văn phía trước, các tác giả cho biết năm Quang Tự 17 (1891), sư được 31 tuổi và còn trụ tại chùa Viên Quảng ở Bắc Kinh. Hai năm sau (1893, tức năm Quang Tự 19), sư 33 tuổi, giúp hòa thượng Hóa Văn kiểm giáo Đại tạng kinh rồi theo về Phổ Đà trong năm ấy. Bốn năm sau, tức năm Quang Tự 23 (1897), đại chúng thỉnh sư giảng kinh. Sư giảng xong liền bế quan. Tiếp đó, bài văn trên đây cho biết sư xuất quan, qua ở Liên Bồng một thời gian, rồi mới trở về Pháp Vũ để theo pháp sư Đế Nhàn lên Bắc Kinh thỉnh Đại tạng năm sư 44 tuổi (năm Quang Tự 30, tức năm 1904). Từ năm 1897 đến năm 1904 là 7 năm, như vậy tổng cộng thời gian đại sư bế quan sau khi giảng kinh chỉ có thể là 6 năm. Nói cách khác, câu "lưỡng kỳ lục tải" chỉ có nghĩa sư bế quan tại Phổ Đà hai lần và thời gian tổng cộng là 6 năm.

chứng niệm Phật tam-muội.

Nhưng chuông trống trong cung, tiếng vẳng ra ngoài, đức dày ắt tỏa sáng, trọn chẳng thể giữ kín được mãi! Kỷ nguyên Dân Quốc, sư 52 tuổi, cư sĩ Cao Hạc Niên bèn đem mấy bài văn của sư đăng trên tờ Phật Học Tùng Báo ở Thượng Hải, ghi tên là Thường Tàm. Người ta tuy chẳng biết là ai, nhưng văn tự bát-nhã đã đủ để dẫn dắt, phát khởi thiện căn cho độc giả. Đến năm Dân Quốc thứ sáu (1917, Sư năm mươi bảy tuổi), cư sĩ Từ Úy Như nhận được ba lá thư của sư gởi cho bạn bèn ấn hành, đề tựa là Ấn Quang Pháp Sư Tín Cảo. Năm Dân Quốc thứ bảy (1918, sư 58 tuổi), ông ta lại sưu tập được hai mươi mấy bài văn của sư, đem in ở Bắc Kinh, đặt tên là Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao. Năm Dân Quốc thứ tám (1919, sư 59 tuổi), ông ta sưu tập được thêm văn chương của sư, bèn in thêm cuốn Tục Biên; tiếp đó gộp Sơ Biên lẫn Tục Biên thành một cuốn. Trong hai năm Dân Quốc thứ chín và thứ mười, bộ sách ấy lại được tăng thêm một số bài nữa. Trước sau đều được đúc bản kẽm tại Thương Vụ Ấn Thư Quán, khắc bản gỗ tại tàng kinh viện Dương Châu. Trong khoảng từ năm Dân Quốc 11 (1922) cho đến năm Dân Quốc 15 (1926), mấy lần tăng thêm bài viết, lại nhờ Trung Hoa Thư Cục ấn hành, đề tựa là Tăng Quảng Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao.

Ôi, văn để chở đạo, bộ Văn Sao của sư được lưu thông, đạo của sư giáo hóa bèn thấm đẫm khắp cả nước, như Tịnh Độ Quyết Nghi Luận, Tông Giáo Bất Nghi Hỗn

Lạm Luận và những bức thư như "Thư gởi cho hòa thượng Thể An chùa Đại Hưng Thiện v.v.", đều là "từng lời thấy được lẽ chân, từng chữ đều quy tông" vậy. Trên hợp với ý chỉ của đức Phật, dưới ngầm hợp tâm chúng sanh, tỏa rạng ý chỉ mầu nhiệm sâu thẳm của Thiền lẫn Tịnh, quyết trạch sự khó dễ, quả thật đã vạch trần được những chỗ tiền nhân chưa nêu rõ.

Trong lời bạt của ông Từ có câu: "Đại pháp suy vi tới nay đã tột cùng, nào ngờ trong đời này vẫn còn có bậc đầy đủ chánh tri chánh kiến như sư vậy, do đó vẫn còn có bậc tiếp nối huệ mạng của Phật." Ông ta còn viết: "Văn của sư không một chữ nào chẳng có lai lịch, thâm nhập, hiển xuất, khế hợp khéo léo thời lẫn cơ, quả thật là món thuốc tốt lành chữa bệnh đúng lúc trong thời mạt pháp." Thật có thể nói là khéo hiểu pháp yếu, dốc cạn tấm lòng kính ngưỡng.

Do đó, thoạt đầu cư sĩ Từ đích thân cầm sách, đưa mẹ tới Phổ Đà, dốc cạn lòng thành lễ bái thân cận, khẩn cầu sư tiếp nhận rộng dung cho quy y dưới tòa, sư vẫn kiên trì không chấp thuận, dạy mẹ con ông Từ hãy sang quy y với pháp sư Đế Nhàn chùa Quán Tông ở Ninh Ba. Năm Dân Quốc thứ tám (1919), anh em ông Chu Mạnh Do đưa bà nội kế lên núi, lại bốn lượt khẩn cầu sư chấp nhận cho họ làm đệ tử. Sư xét thời cơ, về mặt lý khó thể từ khước được nữa, bèn đặt pháp danh cho mỗi người. Từ đấy sư mới bắt đầu chấp nhận cho người khác quy y, mà đấy cũng thật sự là duyên khởi của bộ Văn Sao vậy.

Văn chương của sư không những tinh xác, sâu xa nơi Phật lý, mà ngay cả đạo xử thế "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu tề trị bình, ngũ luân, bát đức v.v." của nhà Nho nếu chẳng trái với ba phước của tịnh nghiệp thì sư ắt đều nêu tỏ đến tột cùng. Văn lẫn nghĩa đều tao nhã, mực thước, do vậy Lạc Dương giấy đắt đỏ[211], người ta tranh nhau thỉnh đọc. Vì thế những thiện nam tín nữ hâm mộ đạo đức của sư, khát vọng được làm đồ đệ ngày càng đông đảo. Hoặc là vượt biển trèo non để thỉnh cầu sư rộng lòng tiếp độ, hoặc thư qua tin lại, cầu xin ban pháp danh. Hơn hai mươi mấy năm qua, người quy y dưới tòa của sư quả thật chẳng thể tính đếm được! Ngay cả những người vâng theo lời dạy tu hành, ăn chay niệm Phật, tinh tu tịnh nghiệp được toại ý sanh Tây cũng khó thể nêu trọn. Văn tự của sư nhiếp hóa chúng sanh, lợi ích thế gian chẳng thể nghĩ bàn!

Những lời sư chỉ dạy người học đi thẳng vào tai, chỉ bày tận mặt, vốn phát xuất từ kinh luận, lưu lộ từ tim gan, chẳng lìa nhân quả, chẳng dính dấp thói văn chương sáo rỗng. Những kẻ đáng được chiết phục dẫu là bậc tôn túc trong nhà Thiền hay kẻ đứng đầu giới Nho sĩ, hễ gặp mặt liền bị sư quở trách; [còn kẻ không có cơ duyên chiết phục được], dẫu là những vị quan chức hiển đạt, sư vẫn trọn

---

211 Nguyên văn *'chỉ quý Lạc Dương'* (giấy đắt đỏ tại Lạc Dương); đây vốn là một thành ngữ chỉ văn chương hay đẹp được mọi người đua nhau sưu tập, sao chép, săn đón. Nguyên ủy của thành ngữ này là do trong đời Tấn, Tả Tư viết bài Tam Đô Phú rất hay, những nhà giàu có tại kinh đô Lạc Dương đua nhau cho người sao chép đến nỗi giá giấy ở Lạc Dương đắt vọt hẳn lên.

chẳng nhờ cậy đến. Kẻ đáng nhiếp thọ, dẫu hàng hậu sinh mạt học, sư cũng chưa từng cự tuyệt, khước từ. Dẫu là nông phu, nữ tỳ, sư cũng ưu ái đáp lời thỉnh hỏi. Một niềm hoài bão "lợi khắp ba căn" bình đẳng; không mang ý niệm thân sơ, chỉ dựa theo lý. Nhưng sư nghĩ: Thời cuộc đang buổi cuối mùa, nếu không đề xướng nhân quả báo ứng sẽ chẳng thể vãn hồi thói tệ suy đồi nhằm uốn nắn lòng người; căn cơ con người kém hèn nếu không có thật hạnh tín nguyện niệm Phật, quyết chẳng thể liễu sanh tử, thoát luân hồi. Vì thế chẳng nề sang hèn, hiền ngu, trai gái, già trẻ, hễ có ai thưa hỏi, sư đều dùng thật sự, thật lý "không làm các điều ác, vâng làm các điều lành, nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi" để ra rả nhắc nhở, khơi gợi, khiến cho ai nấy sanh lòng cảnh tỉnh, thấu hiểu sâu xa, lập được căn cơ làm người, sống trong cõi đời. Tiến hơn nữa là dùng con đường trọng yếu, bằng phẳng "thật sự vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương" để dạy người ta thiết thực phụng hành hòng làm đường tắt nhằm siêu phàm nhập thánh. Tuy thấu hiểu Tông - Giáo sâu xa, sư trọn chẳng bàn huyền nói diệu, [chỉ nói những lời lẽ cụ thể, thông tục] khiến cho ai nấy đều hiểu biết và hành được. Kẻ nghe dạy không ai chẳng được hưởng lợi ích. Đấy chính là như đại sư Liên Trì đã bàn định về lão nhân Biện Dung[212]

---

212 Hòa thượng Biện Dung là vị đại lão trong Tông môn thời đại sư Liên Trì mới học đạo. Nghe danh, ngài Liên Trì liền lặn lội tới xin tham yết. Khi tới chân núi, sư đi bằng đầu gối, lết tới trước tòa của ngài Biện Dung, tỏ ý cung kính tột bậc. Ngài Biện Dung dạy: "Ông hãy nên giữ bổn phận, đừng tham danh cầu lợi, đừng vin nắm, chỉ cần nhân quả phân minh, nhất tâm niệm Phật." Người đứng xung quanh phì cười, cho là ngài

như sau: "Đấy chính là chỗ đáng kính của ông cụ ấy!"

Do sư bình thường, thiết thực, không có gì kỳ lạ, ngôn hạnh hợp nhất, cho nên những kẻ chân tu thật sự thực hành đều thích thân cận đến nỗi những kẻ gõ cửa quan phòng để hỏi đạo cũng nhiều chẳng thể đếm xuể! Hơn nữa, sư coi trọng pháp, tôn kính đạo, danh văn lợi dưỡng đều chẳng bận lòng. Năm Dân Quốc 11 (1922, sư 62 tuổi), Tri sự huyện Định Hải là Đào Tại Đông, Đạo doãn đạo Cối Kê là Hoàng Hàm Chi ghi chép tổng hợp về đạo hạnh của sư trình thỉnh Đại tổng thống Từ [Thế Xương] ban tặng một tấm biển ngạch "Ngộ Triệt Viên Minh" gởi tới Phổ Đà, hương hoa cúng dường, cực thịnh một thời, tăng tục ngưỡng mộ, vui thích. Sư dường như chẳng hay biết, có người hỏi đến, sư đáp bằng những lời lẽ như: "Đã dựng lầu gác trong hư không, chẳng có thật đức, hổ thẹn khôn cùng, có gì vinh dự đâu?" Nay đang gặp lúc cõi đời bước vào vận mạt, con người ganh đua sùng chuộng khoe khoang rỗng tuếch, tư cách điềm đạm, thanh bạch như sư thật đáng đẩy lùi cơn sóng cuồng loạn đang ụp xuống, làm cột chống giữa dòng nước chảy xiết, dù đạo hay tục đều được hưởng rất nhiều điều tốt đẹp.

Sư tiết kiệm đối với chính mình, nhưng đối xử nồng hậu với người. Hễ được thiện tín nam nữ cúng dường tiền hương kính đều đem gieo phước điền thay cho người ta,

---

Liên Trì đã tốn công cung kính vô ích; nhưng ngài Liên Trì trân trọng cảm tạ sâu đậm, thường nói được ngài Biện Dung ban lời khai thị ấy, sư dùng cả đời vẫn không hết.

dùng tiền ấy để lưu thông kinh sách và cứu tế kẻ đói nghèo, chỉ cân nhắc nặng nhẹ để xem chỗ nào cần cứu gấp trước rồi thực hiện. Như trong năm Dân Quốc 15 (1926, sư 66 tuổi), Trường An bị vây hãm. Sau khi Trường An được giải vây, sư liền vội gom món tiền ba ngàn đồng vốn định dùng in Văn Sao để cậy người mau đem gởi đi cứu tế.

Hễ nghe cấp báo chỗ nào bị tai nạn, sư liền tận lực đề xướng quyên trợ để mong cứu giúp. Năm Dân Quốc 24 (1935, sư đã 75 tuổi), Thiểm Tây bị hạn hán dữ dội, nhận được thư thông báo của cư sĩ Vương Ấu Nông, sư liền lấy sổ ngân hàng, sai người chuyển gấp một ngàn đồng sang đó để cứu trợ nhanh chóng. Chuyển xong, lại bảo thầy Đức Sâm duyệt sổ sách, thấy trong trương mục chỉ còn hơn một trăm đồng! Hết thảy những khoản tiền cần dùng trong chùa Báo Quốc đều nhờ vào đấy để duy trì, sư cũng không bận tâm tới.

Năm Dân Quốc 25 (1936, sư 76 tuổi), nhận lời thuyết pháp trong pháp hội Hộ Quốc Tức Tai ở Thượng Hải, nghe tình hình Tuy Viễn gặp tai nạn nghiêm trọng, sư liền nói rõ với đại chúng, đem món tiền hương kính của hơn một ngàn người quy y cầu giới lúc ấy tổng cộng là hai ngàn chín trăm mấy mươi đồng đều quyên tặng hết, rồi lại tự đề xướng bằng cách bỏ ra khoản tiền một ngàn đồng vốn dùng để in sách. Khi trở về Tô Châu, mọi người ra trạm xe đón tiếp sư, thỉnh sư ghé Linh Nham để xem cảnh tượng trong gần một năm qua; sư đang gấp rút trở về

Báo Quốc để lấy sổ ngân hàng rút tiền đem gởi đi cứu trợ, nhưng rồi cũng theo mọi người lên núi, sư liền chỉ dạy đại chúng hãy cứu giúp tai nạn. Tấm lòng sư cứu trợ tai ương sâu đậm giống như chính mình đang bị đói, bị chết đuối đều luôn giống như vậy.

Các cư sĩ Ngụy Mai Tôn, Vương Ấu Nông v.v. phát khởi thành lập chùa Pháp Vân làm đạo tràng phóng sanh niệm Phật ở sông Tam Xoa, Nam Kinh, thỉnh sư tham gia và ước định quy củ nhà chùa. Tiếp đó, do cư sĩ Nhậm Tâm Bạch thương lượng, thỉnh các vị đại cư sĩ ở Thượng Hải như Phùng Mộng Hoa, Vương Nhất Đình, Diêu Văn Phu, Quan Quýnh Chi, Hoàng Hàm Chi v.v. sáng lập viện mồ côi Phật giáo tại đấy, mỗi mỗi đều nhờ cậy vào oai đức, danh vọng của đại sư để khơi gợi lòng tin tưởng của người khác hòng được thành tựu.

Hơn nữa, đối với chuyện nuôi dạy con em nghèo hèn trong viện mồ côi, sư càng cực lực giúp cho thành tựu. Khoản kinh phí cho viện mồ côi do sư khuyên người khác giúp đỡ và do chính sư quyên tặng đều là những con số khá lớn. Ngay như viện mồ côi do hội Phật giáo thành phố Thượng Hải đảm nhiệm, cũng được sư cực lực giúp đỡ.

Đối với chuyện pháp thí thì kể từ khi ấn tống An Sĩ Toàn Thư và sáng lập Hoằng Hóa Xã trở đi, trong hai mươi mấy năm ấn hành các loại kinh sách không dưới bốn năm trăm vạn bộ, hình Phật cũng hơn trăm vạn bức. Hoằng

dương pháp hóa cũng thấm đẫm rộng khắp trong ngoài nước. Nhìn chung, mỗi một lời nói, mỗi một hạnh của sư không gì chẳng nhằm thay Phật tuyên nói, giáo hóa để mong cứu vãn thế đạo nhân tâm, khiến cho hiền tài được nẩy sanh nhằm tạo phước cho nước, làm lợi cho dân.

Đối với bản thân, sư chỉ ăn cho khỏi đói, chẳng cầu ngon miệng, áo chỉ đỡ lạnh, chán bỏ những thứ đẹp đẽ, rực rỡ. Có ai cúng dường những quần áo, thức ăn quý đẹp, sư không từ khước nhưng cũng chẳng dùng, đem tặng ngay cho người khác. Nếu là những phẩm vật thông thường, sư liền bảo giao cho nhà kho để đại chúng cùng hưởng, quyết chẳng tự dùng. Đấy tuy là hạnh nhỏ, nhưng cũng đáng để Phật tử trong đời mạt tôn kính noi theo.

Sư duy trì bảo vệ pháp môn, công khó nghĩ bàn! Trọng yếu nhất là như trước khi xảy ra cuộc chiến với châu Âu, chánh phủ có quyết nghị về chuyện dời kiều dân Đức Quốc đến ở tại Phổ Đà. Sư sợ gây trở ngại cho sự thanh tu của đại chúng liền đặc biệt gởi thư cho cư sĩ Trần Tích Châu cậy ông này trình bày cặn kẽ với những nhân vật quan trọng. Việc ấy liền bị bãi bỏ.

Năm Dân Quốc 11 (1922, sư 62 tuổi), các vị như hội trưởng Hội ước vọng thực hiện thành tựu nghĩa vụ giáo dục tỉnh Giang Tô đệ trình lên tỉnh trưởng kế hoạch mượn chùa miếu để làm trường học xin chuẩn y, Tri sự Định Hải là Đào Tại Đông gởi thư cho sư cậy cứu vãn. Sư lập tức

viết xin hai vị Vương Ấu Nông, Ngụy Mai Tôn tìm cách lo liệu và nhờ hòa thượng Diệu Liên bôn ba, liền được chánh quyền đương thời ban hành sắc lệnh bảo vệ rõ ràng.

Năm Dân Quốc 16 (1927, sư 67 tuổi), tình thế chánh trị bắt đầu thay đổi, tài sản nhà chùa trọn không có gì bảo vệ, mấy lần sắp bị họa diệt giáo, nhưng Phổ Đà đứng mũi chịu sào, do sư xả mạng tận lực đấu lý mới kéo dài được hơi tàn. Tới khi ông X… khi nắm quyền Nội chánh[213], mấy lượt đề nghị tịch thu tài sản nhà chùa để khuếch trương giáo dục, rốt cuộc tăng tục cả nước đều kinh hoảng bó tay. May mắn là sư và cụ Đế Nhàn ở Thượng Hải đã tập hợp các vị cư sĩ nhiệt tâm hộ pháp cùng thương nghị, trước hết trình bày cặn kẽ với ông X…, tiếp đó phái đại biểu đi thỉnh nguyện. Bàn bạc rồi chưa kịp thực hiện, gặp lúc ông X… sắp về nghỉ, lại ban hành điều lệ đuổi tăng đoạt tài sản nhằm chiếm đoạt theo thứ tự hòng đạt mục đích diệt

213 Trước đấy, đại tổng thống Phùng Ngọc Tường của chánh quyền Bắc Dương đã mượn cớ đả đảo mê tín để chiếm đoạt tài sản các chùa Bạch Mã, Thiếu Lâm, Tướng Quốc tại Hà Nam, đồng thời trục xuất tăng ni, bắt họ hoàn tục. Bộ trưởng Nội chánh bộ (tức bộ trưởng bộ Nội vụ) thời ấy chính là Tiết Đốc Bật, là người đã ban hành sắc lệnh *Quản lý chùa miếu* gồm 21 điều, dung dưỡng cho các quan chức địa phương và bọn tay chân thừa cơ mượn danh biến chùa miếu thành trường học để cướp đoạt chùa miếu ở rất nhiều nơi, nhất là vùng Giang Tô.

Tiết Đốc Bật (1889-1973), người huyện Giải, tỉnh Sơn Tây, từng là đảng viên cốt cán của Quốc Dân Đảng, thoạt đầu làm Thứ trưởng Bộ tư pháp của chánh quyền Bắc Dương, rồi tỉnh trưởng tỉnh Cam Túc, bộ trưởng Dân Chánh, rồi làm bộ trưởng Nội chánh. Do vụ chiếm đoạt tài sản chùa miếu gây nên công phẫn lớn lao trong giới tăng tục, chánh phủ Bắc Dương của Phùng Ngọc Tường phải điều ông ta sang làm Bộ trưởng bộ Thủy lợi. Năm 1948, ông từ bỏ chức vụ đi làm luật sư tại Thượng Hải. Không rõ bằng cách nào, vào năm 1955, ông ta lại tái xuất hiện làm Phó chánh ủy thành phố Thượng Hải dưới thời Mao Trạch Đông, rồi leo dần lên tới chức vụ ủy viên Bộ chánh trị của đảng Cộng Sản Trung Quốc cho đến khi mất.

tôn giáo. May mắn là khi điều lệ vừa được công bố, ông X… liền phải chuyển giao quyền lực, Bộ trưởng Triệu Thứ Lũng tiếp nhận chức vụ ấy. Sư đặc biệt gởi thư trình bày biện pháp, quyết định ấy liền bị thủ tiêu không còn dấu vết. Tiếp đấy, sư nhờ các vị cư sĩ như Tiêu Dịch Đường v.v. dốc sức chạy vạy, điều lệ ấy mới được tu chỉnh, tăng lữ được bình an.

Năm Dân Quốc 22-23 (1933-1934, sư 73, 74 tuổi), ngôi chùa cổ Tư Phước ở huyện Phụ Dương, tỉnh An Huy là nơi vẫn còn ba bức tượng Phật do Uất Trì Kính Đức[214] đã tạo trong thời Đường, cả chùa bị chiếm làm trường học. Chùa Bích Sơn và thảo am Quảng Tế ở núi Ngũ Đài tỉnh Sơn Tây gặp phải ách vận ngang trái, hai nơi đều phải ra kiện tụng nơi cửa công. Chánh quyền địa phương nghe lời trình bày của một bên, hai chùa sắp phải phế diệt; mỗi nơi đều được sư gởi một bức thư, đột nhiên xoay chuyển được sự nhận thức của chính quyền. Nhờ đấy chùa Quảng Tế được lập vững vàng thành một đạo tràng thập phương chân chánh, thành một cơ sở để vĩnh viễn yên tâm tu đạo. Chùa Tư Phước cũng nhờ đấy mà được bảo toàn, dần dần được trung hưng.

Năm Dân Quốc 24 (1935, sư 75 tuổi), trong hội nghị giáo dục toàn quốc, trưởng ty giáo dục X… đề nghị sung

214 Uất Trì Cung (585-658), tự là Kính Đức, người xứ Thiện Dương, Sóc Châu (nay thuộc tỉnh Sơn Tây), danh tướng khai quốc đời Đường, cùng với Tần Quỳnh được coi là hai vị Môn Thần (thường được người Hoa vẽ hai bên cửa vào dịp Tết, hoặc họa hình trên cổng các miếu thờ thần để xua đuổi, trấn áp ma quỷ).

công tài sản nhà chùa trong cả nước làm tài sản cho cơ quan giáo dục, biến chùa miếu trong toàn quốc thành trường học, lập nghị quyết, nộp lên bộ Nội chánh, viện Đại học để xin xét duyệt, đăng tải trên báo chí. Mọi người chấn động, kinh sợ. Khi ấy, lý sự trưởng hội Phật giáo là pháp sư Viên Anh và các sư giữ chức Ủy viên xử lý thường vụ như Đại Bi, Minh Đạo, các vị cư sĩ như Quan Quýnh Chi, Hoàng Hàm Chi, Khuất Văn Lục v.v. cùng đến gõ cửa quan phòng của sư tại Báo Quốc xin ý kiến. Sư khuyên họ nên gắng sức bảo vệ đạo và chỉ bày biện pháp. Họ trở về Thượng Hải nhóm họp, công khai đề cử đại biểu lên bộ thỉnh nguyện. Nhờ sư sáng suốt hướng dẫn, giáo nạn giải trừ.

Tài sản nhà chùa ở Giang Tây từ năm Dân Quốc 22 (1933) đến năm Dân Quốc 25 (1936, sư 76 tuổi), trong vòng bốn năm, ba lần bão táp dấy động lớn lao, gần như lâm vào tình thế bị diệt sạch không còn gì! Tuy do Đức Sâm nhiều năm kiệt lực kêu gào, hội Phật giáo Trung Quốc cũng nhiều lần lập cách giải trừ, rốt cuộc được từ quang của sư gia bị, cảm động các vị đại hộ pháp cùng đứng lên lo toan, cứu vãn khiến cho mỗi mỗi đều đạt đến kết quả mỹ mãn, giữ gìn an toàn. Đấy là những chuyện lớn lao dễ thấy, chứ còn những chuyện vặt vãnh khác thì qua một lá thư, hoặc mấy lời nhắn nhủ liền tiêu trừ được kiếp nạn, cởi gỡ mầm họa thì lúc nào, nơi đâu cũng thường có, không thể kể hết được. Nếu không phải là đạo đức của sư đủ để trên cảm được trời rồng, dưới động được lòng người, há được như thế hay sao?

Lòng từ bi vô duyên của sư thấm đến nhà tù và các dị loại. Năm Dân Quốc 11-12 (1922-1923), nhận lời thỉnh của Tri sự huyện Đông Hải là Đào Tại Đông chọn lựa giảng sư đến nhà giam tuyên giảng, sư bèn sai pháp sư Trí Đức tiếp nhận lời thỉnh. Sư dạy hãy tuyên giảng An Sĩ Toàn Thư v.v., nói đến các ý chỉ trọng yếu như nhân quả báo ứng, pháp môn Tịnh độ, nhiều tù nhân cũng được cảm hóa. Đến khi các vị cư sĩ Vương Nhất Đình, Trầm Tinh Thúc v.v. ở Thượng Hải đề xướng thành lập hội Giám ngục cảm hóa Giang Tô (hội cảm hóa tù nhân Giang Tô) thỉnh sư làm hội trưởng danh dự, giảng sư Đặng Phác Quân, Thích Tắc Châu (đây là tên ngoài đời của thầy Minh Đạo), Kiều Tuân Như v.v. đều là đệ tử quy y của sư. Do được sư dạy, họ đều lấy "tâm, Phật, chúng sanh, cả ba không sai biệt" và chú trọng nhân quả, đề xướng Tịnh độ làm những hạng mục chủ yếu để giảng diễn. Cai tù, phạm nhân nhờ đó sửa lỗi hướng thiện, những kẻ hướng lòng về đại pháp, ăn chay niệm Phật cũng rất đông.

Đối với dị loại thì trong tháng 2 năm Dân Quốc 19 (1930, sư 70 tuổi), từ chùa Thái Bình ở Thượng Hải dọn đến Báo Quốc tại Tô Châu, rệp bám theo chăn màn, rương đựng quần áo, cực nhiều. Chúng sanh trưởng đông đúc đến nỗi từ quan phòng, phòng khách, cho đến cửa sổ và ghế ở bên ngoài từ hạ đến thu đâu đâu cũng thường thấy rệp bò qua, bò lại. Có đệ tử nghĩ sư tuổi già chẳng kham bị chúng quấy nhiễu, từng nhiều lượt xin vào quan phòng thay sư bắt cho hết, sư đều cứng cỏi cự tuyệt không chấp

thuận, lại nói: *"Chuyện này chỉ trách chính mình thiếu đạo đức. Bậc cao tăng thời cổ chẳng chịu đựng được rận rệp quấy nhiễu, bèn nói: 'Súc sanh, bọn ngươi đến quấy rối quá, hãy dọn đi nơi khác', rận rệp liền kéo nhau bỏ đi. Ta nay tu trì không ra gì, chẳng có cảm ứng ấy, còn nói chi nữa?"* Rồi cứ điềm nhiên ở, trọn chẳng để ý tới.

Đến năm Dân Quốc 22 (1933, sư 73 tuổi), rệp tự nhiên tuyệt tích, sư cũng chẳng bảo với ai. Đến tiết Đoan Ngọ gần đây, Đức Sâm chợt nhớ tới, hỏi sư, sư đáp: "Không còn nữa!" Sâm cho rằng sư tuổi già mắt hoa, vì thế nằng nặc xin vào trong phòng kiểm tra. Quả thật đã hết sạch, trọn chẳng còn tung tích gì nữa. Đấy cũng là chúng vì sư mà dọn nhà đi rồi!

Trong khi bế quan, ngoài công khóa tịnh nghiệp ra, sư thường trì chú Đại Bi gia trì vào nước hay gạo, đem ban cho những người bệnh nguy ngập thầy thuốc đã bó tay liền thấy hiệu nghiệm lạ lùng. Một ngày nọ, tại lầu chứa kinh chùa Báo Quốc phát hiện có vô số mối, sư ở trong núi nghe tiếng, ban nước Đại Bi bảo đem rưới lên. Từ đấy mối cũng tuyệt tích. Đấy chính là chuyện trong mùa hạ năm Dân Quốc 27 (1938), pháp lực thần ứng của sư rất nhiều chuyện giống như thế.

Sư vốn chẳng thích quyến thuộc, vì thế không có đệ tử xuất gia thế độ. Nhưng khát ngưỡng, thân cận, nhiều phen được vâng nhận giáo huấn, thấm gội pháp ích sâu đậm thì hai chúng tại gia chẳng thể kể xiết, tăng lữ xuất gia trừ lão

pháp sư Đế Nhàn là liên hữu thân thiết nhất ra, những kẻ được sư nhiếp thọ đã lâu, nuôi nấng bằng pháp nhũ, nhưng vẫn được sư đối đãi như liên hữu thì có hòa thượng Liễu Dư đã mất, hiện thời còn hai vị hòa thượng Liễu Thanh và Chân Đạt. Đích thực được xếp vào hàng học trò, đã qua đời là các thầy Viên Quang, Khang Trạch, Huệ Cận, Minh Đạo, hiện tại vẫn còn thì có hai vị hòa thượng Diệu Liên, Tâm Tịnh và hai thầy Liên Nhân, Minh Tây, Diệu Chân, Liễu Nhiên, Đức Sâm v.v. cùng các sư hiện thời sống tại hai chùa Linh Nham và Báo Quốc. Đấy chỉ là nói về những kẻ thường thân cận sư đã lâu, chứ những người được sư chỉ dạy, nâng đỡ nhiều lượt, gội ân, đội đức còn hơn ân sư thế độ, hoặc tùy duyên thưa hỏi, gởi thư hỏi đạo và gội ân trạch do đọc Văn Sao của sư và các sách do sư lưu thông thì cũng chẳng thể nào kể xiết!

Sư tuy không thu nhận đồ đệ, nhưng đa số những Phật tử chân chánh trong ngoài nước quả thật đều tôn sư làm thầy. Sư lại từng thề chẳng làm trụ trì chùa miếu, tự làm khách sống tại Pháp Vũ, hai mươi mấy năm, giấu kín tung tích, tu tập chuyên ròng, rất ít qua lại với người khác. Từ năm Dân Quốc thứ bảy (1918), in An Sĩ Toàn Thư trở đi, nhiều lượt do có việc phải đến đất Hỗ, khổ nỗi thiếu chỗ yên cư. Năm Dân Quốc 11 (1922), khi Chân Đạt tu bổ chùa Thái Bình đã lập riêng một gian tịnh thất cho sư. Từ đấy mỗi khi đến đất Hỗ, sư luôn cắm tích trượng tại Thái Bình. Các vị quân tử tận lực bảo vệ pháp môn như Ngụy Mai Tôn ở Nam Kinh, Vương Ấu Nông ở Tây An, Vương

Huệ Thường ở Duy Dương, Hứa Chỉ Tịnh ở Giang Tây, Phạm Cổ Nông ở Gia Hưng, các vị cư sĩ Phùng Mộng Hoa, Thí Tỉnh Chi, Vương Nhất Đình, Văn Lan Đình, Chu Tử Kiều, Khuất Văn Lục, Hoàng Hàm Chi, Quan Quýnh Chi v.v. tại Thượng Hải hoặc do chuyện riêng mà hỏi đạo, hoặc vì làm chuyện từ thiện trong xã hội mà phải thưa hỏi cũng có lúc đến Thái Bình, xin sư chỉ dạy. Còn như các nơi gởi thư càng khó thể kể xiết. Danh tiếng của lan-nhã Thái Bình được lan truyền khắp xa gần, cũng do sư mà được rạng rỡ.

Đến năm Dân Quốc 17 (1928, sư 68 tuổi), nhân chán ngán giao thông quá thuận tiện, thư từ quá nhiều, công chuyện quá bận bịu, sư gấp muốn tìm chỗ quy ẩn. Chân Đạt bèn cùng với các vị đại cư sĩ Quan Quýnh Chi, Trầm Tinh Thúc, Triệu Vân Thiều bàn bạc. Ba vị cư sĩ liền dâng chùa Báo Quốc ở Tô Châu để cúng dường, liền sai hai vị Hoằng Tán và Minh Đạo sang đấy tiếp nhận trước. Chân Đạt dùng mấy ngàn đồng trùng tu.

Vì thế, năm Dân Quốc 18 (1929), sư rời núi Phổ Đà qua Thượng Hải, giảo duyệt ấn hành các sách, gấp mong kết thúc để quy ẩn. Khi ấy có mấy vị cư sĩ đệ tử ở Quảng Đông như Hoàng Tiểu Vỹ v.v. tạo dựng tinh xá, quyết muốn đón sư sang Hương Cảng, sư đã nhận lời qua đấy. Chân Đạt do thấy miền Giang - Chiết là vùng đất Phật tín chúng rất đông, một mực kiên quyết giữ lại. Rốt cuộc do có pháp duyên, tháng 2 năm Dân Quốc 19 (1930, sư 70 tuổi), sư sang Tô Châu, liền bế quan ngay tại Báo Quốc. Trước đấy

tại Linh Nham ở Mộc Độc, Chân Đạt đã thỉnh ý sư, lập ra đạo tràng thập phương chuyên tu tịnh nghiệp, hết thảy quy ước, chương trình đều vâng theo chí hướng của sư để định. Ba bốn năm qua, do nhà cũ chật hẹp, chẳng đủ chỗ chứa đại chúng, đúng là phải tìm cách sửa chữa xây dựng viện, phòng, lo liệu tu bổ. Gặp đúng dịp sư đến đất Tô, rất gần Linh Nham, xếp đặt trong ngoài, có nhiều duyên gặp gỡ sư để xin ý kiến, vâng theo lời chỉ dạy. Ngày càng chấn hưng, Linh Nham cho đến nay được tôn là đạo tràng thứ hai của Tịnh tông nước ta há có phải là ngẫu nhiên ư?

Trong khi bế quan, vào những khi rảnh rỗi ngoài lúc tụng niệm công khóa ra, sư tu chỉnh hoàn bị các bộ Sơn Chí của Phổ Đà, Thanh Lương, Nga Mi, Cửu Hoa v.v., và trả lời thư từ của đệ tử, học nhân vấn pháp. Nay bốn bộ Sơn Chí đã sớm được xuất bản, lưu thông, các thư từ phúc đáp cũng đã có Văn Sao Tục Biên ấn hành, đa phần đều là những lá thư sau khi sư đã đến Tô Châu ban ra. Có thể nói là hằng thuận chúng sanh chẳng hề nhọc mệt vậy!

Đến mùa đông năm Dân Quốc 26 (1937, sư 77 tuổi), do thời cuộc bức bách, do tình thế chẳng thể sống tại nội thành Tô Châu được nữa, bất đắc dĩ, thuận theo lời thỉnh của bọn Diệu Chân v.v.. Sư dời tích trượng sang Linh Nham, an cư mới được trọn ba năm, nào ngờ ngôi chùa nơi Trí Tích Bồ-tát hiển thánh lại trở thành chỗ thầy bọn ta thị tịch quy chân?

Sư thị tịch biết trước lúc mất. Mùa xuân năm Dân Quốc 29 (1940), trong thư trả lời cư sĩ Chương Duyên Tịnh có viết: "Nay đã tám mươi, sáng chẳng đảm bảo được tối." Lại nói: "Quang là kẻ sắp chết, đâu có thể lưu lại quy củ ấy?" Đến mùa đông, nhằm ngày 27 tháng 10, sư thị hiện bệnh nhẹ, đến 1 giờ chiều ngày 28, liền triệu tập toàn thể các chức sự trong núi và các cư sĩ đến quan phòng hội đàm, bảo đại chúng rằng: "Chức vụ trụ trì Linh Nham không thể bỏ trống lâu hơn nữa, liền sai Diệu Chân đảm nhiệm." Đại chúng tán đồng, bèn định lấy ngày mồng 9 tháng 11 là kỳ hạn nhậm chức, sư bảo "trễ quá", liền đổi thành ngày mồng 4, vẫn nói "trễ rồi". Sau đấy chọn ngày mồng 1, sư gật đầu nói: "Được đấy!" Liền khai thị cho đại chúng về đường lối của bổn tự hơn hai tiếng đồng hồ. Về sau, tuy tinh thần đã suy dần, vẫn an nhiên cùng với các vị như Chân Đạt v.v. bàn bạc mọi chuyện điềm nhiên, thư thái như thường, chẳng có dáng vẻ bệnh tật gì.

Tối ngày mồng 3, sư dùng được một chén cháo loãng. Ăn xong, sư bảo bọn Chân Đạt: "Pháp môn Tịnh độ trọn chẳng có gì lạ lùng, đặc biệt chi khác, chỉ cốt sao khẩn thiết chí thành không ai chẳng được Phật tiếp dẫn, mang nghiệp vãng sanh." Sau đấy sư tỏ vẻ mệt nhọc, nhiệt độ thân thể giảm xuống; 1 giờ rưỡi sáng ngày mồng 4, sư từ giường ngồi dậy nói: "Niệm Phật thấy Phật, quyết định sanh Tây." Nói xong liền lớn tiếng niệm Phật; 2 giờ 15 phút, bảo đem nước rửa tay xong, đứng dậy nói: "Được A-di-đà Phật tiếp dẫn, ta phải đi rồi. Mọi người phải niệm Phật, phải phát nguyện, phải sanh Tây Phương." Nói xong, liền chuyển sang ngồi trên ghế, mặt

hướng về Tây, thân ngồi ngay ngắn. Hơn 3 giờ, thầy Diệu Chân đến, được sư dặn dò: "Ngươi phải duy trì đạo tràng, hoằng dương Tịnh độ, đừng học thói kẻ cả", rồi sau đó không nói gì nữa, môi chỉ mấp máy niệm Phật, đến gần 5 giờ, trong tiếng niệm Phật của đại chúng, sư an tường về Tây.

Dựa theo sự việc trong mấy ngày ấy, hết thảy sự xếp đặt như gấp rút cử Diệu Chân thật sự giữ chức trụ trì v.v., tuy chẳng nói rõ nguyên do, nhưng đích thực là bản lãnh đã biết trước lúc mất. Thân không có hết thảy bệnh khổ ách nạn, tâm không có hết thảy tham luyến mê hoặc, các căn vui vẻ thư thái, chánh niệm phân minh, xả báo an tường như nhập thiền định. Xét ra, sư suốt đời tự hành, dạy người và tướng lành lúc lâm chung, phẩm sen vãng sanh quyết chẳng thể là trung, hạ được!

Sư sanh vào giờ Thìn ngày 12 tháng Chạp năm Hàm Phong 11 (1861), tức năm Tân Dậu, tịch vào giờ Mão ngày mồng 4 tháng 11 năm Canh Thìn, tức năm Dân Quốc 29 (1940), thọ 80 tuổi, tăng lạp 60 năm. Linh Nham nhờ sư mà được trung hưng, lại được sư thị hiện khuôn mẫu sanh Tây, thời tiết nhân duyên, có những chuyện chẳng thể nghĩ bàn được! Do vậy, cung kính chọn trong năm sau, tức năm Tân Tỵ, nhằm ngày Rằm tháng 2, đúng ngày Phật nhập Niết-bàn, đúng dịp sư về Tây được một trăm ngày, liền nổi lửa trà-tỳ[215], kính đưa linh cốt về lập tháp thờ tại vách Đông Nam của rặng Thạch Cổ trong núi này.

---

215 Trà-tỳ (jhāpeti), còn phiên âm là xà-tỳ, xà-ty, da-duy, có nghĩa là hỏa thiêu.

Sư lá rụng về cội, ngộ chứng như thế nào, bọn phàm phu sát đất chúng ta đều chẳng có *tha tâm đạo nhãn* nên không dám bình luận xằng bậy! Chỉ đọc bộ Văn Sao của sư mấy lượt được ấn hành và bộ Tục Biên mới được in trong năm nay và các sách do sư đích thân lưu thông cũng như hạnh chân thật "đề xướng niệm Phật, phát huy những chỗ nhiệm mầu trong lẽ đạo, tự hành dạy người, chuyên dốc thiết tha tu trì" đủ chứng tỏ sư là bậc thừa nguyện tái lai không còn ngờ chi nữa. Phàm ai tín nguyện niệm Phật, thấu hiểu tông chỉ đích xác của Tịnh tông, sẽ chẳng đến nỗi còn có những bàn bạc, nghi ngờ chi cả. Bọn Chân Đạt được theo hầu sư lâu nhất, biết khá cặn kẽ, nay lược thuật đại khái hạnh nghiệp của sư, ghi thành bài ký.

Mồng 8 tháng Chạp năm Canh Thìn, Trung Hoa Dân Quốc năm 29 (1940), Chân Đạt, Diệu Chân, Liễu Nhiên, Đức Sâm v.v. đảnh lễ kính thuật.

2. Thư trả lời cư sĩ Vương Tâm Trạm của pháp sư Hoằng Nhất

(Tháng 2 năm 1923 tại Ôn Châu)

Đạo tịch, sổ vàng quyên mộ của cư sĩ Tâm Trạm mỗi mỗi đều nhận được đầy đủ. Khắc vội chiếc ấn nhỏ, gởi qua bưu điện để cư sĩ rộng lòng xem tới. Những dụng cụ để khắc đã vứt sạch đi từ lâu, phải dùng dùi sắt để khắc. Chất đá mềm giòn, nếu đeo ấn thì hãy nên dùng vải bọc quanh. Nếu không, chẳng lâu sau, nét khắc trên mặt ấn sẽ

bị mòn mất.

Trong các bậc thiện tri thức đương đại, hủ nhân[216] kính phục nhất chỉ có pháp sư Ấn Quang. Năm trước, tôi từng gởi thư trần tình, nguyện ghé dự vào hàng đệ tử. Pháp sư không chấp thuận. Năm ngoái nhằm ngày khánh đản A-di-đà Phật, đối trước Phật đốt hương trên cánh tay, xin nhờ từ lực của tam bảo gia bị, lại dâng thư trình bày, thỉnh cầu. Sư vẫn thoái thác. Đến lúc tuổi già lại dốc cạn lòng thành xót xa khẩn cầu, sư mới từ bi nhiếp thọ, hoan hỷ mừng rỡ đạt được điều chưa từng có. Bổn địa của pháp sư, chúng ta làm sao suy lường được?

Nếu tự ước theo tích để luận thì như ông Chu Mạnh Do ở Vĩnh Gia thường nói: "Lão nhân Pháp Vũ vâng giữ yếu chỉ chuyên tu của ngài Thiện Đạo, xiển dương những chỗ tinh vi trong bài Tứ Liệu Giản của ngài Vĩnh Minh, trung chánh giống như Liên Trì, thiện xảo như Vân Cốc, mực thước như ngài Linh Phong (tức đại sư Ngẫu Ích đời Minh), cẩn trọng giống như ngài Tư Phước (tức thiền sư Triệt Ngộ đời Thanh), hoằng dương Tịnh độ, ngầm bảo vệ các tông, đề xướng rõ ràng Phật pháp, ngấm ngầm cứu vãn phong tục cõi đời, chiết phục hay nhiếp thọ đều trọn từ bi, nói năng hay im lặng không gì chẳng phải là giáo hóa, suốt 300 năm qua, chỉ có một mình sư mà thôi!" Quả là lời nghị luận quyết định chẳng thể sửa đổi được!

---

216 Hủ nhân: Tiếng tự xưng khiêm tốn của pháp sư Hoằng Nhất. Hủ có nghĩa là mục nát, vô dụng.

Mạnh Do lại dặn dò hủ nhân thăm dò những sự tích trong đời lão nhân để soạn thuật truyện văn nhằm chỉ bày cho hậu thế, tôi cũng vâng lời. Mai sau khi tham lễ Phổ Đà, ắt mong được thành tựu nguyện này. Vội vàng trả lời thư, chưa thể nói trọn hết được.

Ngày 4 tháng 2, phúc đáp sơ lược vào lúc tảng sáng.

(Sao lục từ chỗ pháp sư Hoằng Nhất)

3. Pháp ngữ biệt lục

Nếu nói đến pháp môn niệm Phật thì chỉ lấy ba pháp tín - nguyện - hạnh làm tông yếu. Ba pháp đầy đủ chắc chắn vãng sanh. Nếu không có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, dẫu có hạnh chân thật cũng chẳng thể vãng sanh, huống hồ kẻ hờ hững, hời hợt ư? Đại sư Ngẫu Ích dạy: "Được vãng sanh hay không hoàn toàn là do có tín nguyện hay không? Phẩm vị cao hay thấp hoàn toàn là do trì danh sâu hay cạn." Đấy chính là lời bàn luận thường hằng ba đời không thay đổi. Hãy nên nương tựa toàn thân vào đấy để ngõ hầu đích thân chứng được lợi ích thật sự!

(Trọn bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên)

(Dịch xong cảo bản ngày 28 tháng 12 năm 2008,
Giảo chánh lần thứ nhất ngày 03 tháng 02 năm 2009)

THAY LỜI KẾT & HỒI HƯỚNG

Khi liều lĩnh khởi dịch bộ Ấn Quang Tăng Quảng Văn Sao vào giữa năm 2005 cho đến khi hoàn tất cảo bản cho bộ Văn Sao Tam Biên này vào cuối năm 2008, chúng con không hề có hy vọng sẽ chuyển ngữ trọn vẹn ba bộ Tăng Quảng, Tục Biên và Tam Biên, chỉ tâm niệm cố gắng hết sức mình, làm đến đâu hay đến đó. Chúng con xin đối trước các liên hữu sám hối vì đã chẳng tự lượng chính mình căn tánh kém hèn, kiến thức rỗng tuếch, ngoại điển lẫn nội điển đều hiểu lơ mơ, hời hợt, thiếu hẳn sự tu trì chân thật, nghiêm túc, cung kính, làm sao lãnh hội được những điều vi diệu, sâu xa trong lời dạy của bậc Đại sĩ thừa nguyện tái lai? Chỉ vì ý niệm tham pháp, nhất là với tham vọng được chia sẻ với các liên hữu bộ sách quý Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, chúng con đã nuốt mật gấu làm chuyện

quá sức này, trong lòng chúng con luôn áy náy, lo sợ rằng: Do chính mình tâm thức tối tăm, vô giới vô hạnh, nghiệp chướng nặng nề, thay vì chuyển đạt phần nào những lời dạy quý báu của đại sư Ấn Quang đến với các hành nhân, chúng con lại vô tình xuyên tạc pháp báu, biến thuốc a-già-đà thành độc dược.

Chúng con muôn vàn cảm kích vì trong suốt quá trình chuyển ngữ, thượng tọa bổn sư Thích Giải Thắng (trụ trì chùa Bửu Quang, quận 7, Sài Gòn), đại đức Minh Tuệ (chùa Tịnh Luật, TX), ni sư Đàm Nhật và ni chúng chùa Đức Viên (California), vợ chồng đạo hữu Diệu Âm (Cao Trần, Tịnh tông Học Hội Dallas, TX), vợ chồng đạo huynh Đức Phong (Tịnh tông học hội Los Angeles, CA), cô Phan Thị Hồng Hoa (Tịnh tông học hội Houston, TX), cô Giác Đạo (Quyên Nguyễn, Tịnh tông học hội Houston), đạo hữu Tâm Minh (chùa Đức Viên), ban ấn tống, giảo duyệt kinh sách chùa Đức Viên, chùa Hoằng Pháp… đã chẳng vì chúng con hèn tệ mà chê bỏ, luôn từ ái hoan hỷ ban bố những lời sách tấn, khích lệ, tán trợ khiến cho chúng con có đủ nghị lực đi tới đích.

Chúng con càng không biết dùng những lời lẽ nào để cảm tạ ba vị đạo hữu Minh Tiến, Huệ Trang, Vạn Từ đã tự nguyện luôn sát cánh kiên nhẫn, miệt mài sửa chữa, giảo chánh bản dịch, đóng góp những ý kiến quý báu. Tuy đã tận hết sức cố gắng, nhưng do nghiệp sâu, trí cạn, bản dịch này không thể nào tránh khỏi những sai lầm ấu trĩ khó thể

tha thứ, chỉ mong sau này sẽ có những vị thiện tri thức rủ lòng từ bi sửa sai, hoặc dịch lại một bản hoàn toàn mới để tất cả những hành nhân tịnh nghiệp đều được lợi lạc rộng khắp bởi pháp nhũ của tổ Ấn Quang.

Nếu việc làm liều lĩnh này có chút phước báo, công đức nào, đều xin hồi hướng cho song thân, lịch đại phụ mẫu, tổ tiên, thân quyến, bổn sư Thích Giải Thắng, các vị sư trưởng, chư vị pháp sư, các liên hữu Minh Tiến, Huệ Trang, Vạn Từ, Đức Phong, cũng như các vị liên hữu thuộc Linh Nham Sơn Tự, Quảng Hóa Tự, Tịnh tông học hội Hoa Tạng, Cổ Tấn Báo Ân Niệm Phật Đường, Tịnh tông học hội Dallas, Tịnh tông học hội Los Angeles, Tịnh tông Houston, Tịnh tông Úc Châu, Hoằng Pháp Tự, Đức Viên Tự, Bửu Quang Tự, các vị thiện tri thức, các vị đạo hữu xa gần, tứ chúng đồng tu tịnh nghiệp, cửu gia oán đối, hết thảy chúng sanh đều cùng được hội ngộ nơi thế giới thanh lương của đức từ phụ Di-đà.

Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa đề đầu sám hối,
kính cẩn giãi bày
vào ngày 29 tháng 12 năm 2008

MỤC LỤC

III. BI KÝ **5**

1. Bi ký về việc tậu ruộng cho niệm Phật đường chùa Bảo Khánh ở Ninh Ba 5
2. Bi ký về công đức cung thỉnh Đại tạng kinh của chùa Tịnh Cư ở Tế Nam 7
3. Bài ký về chuyện chùa Thạch Thành ở Tân Xương trùng tu tháp thờ y bát của đại sư Trí Giả 10
4. Bài ký về chuyện sanh Tây của cư sĩ La Tử Sanh ở Mân Hầu 15
5. Bài ký về sự vãng sanh của thái phu nhân Uông mẹ ông Giang Dịch Viên 20
6. Bài ký về chuyện sanh Tây của thiện nữ nhân Vương Thánh Duyên nhà họ Hà 24
7. Bài ký về sự sanh Tây của ưu-bà-di Lạc Huệ Tĩnh 26

8. Bài ký về chuyện cư sĩ Dương Bội Văn được xá-lợi 28
9. Ghi chép sự thật về tháp thờ xá-lợi đức Phật tại chùa A-dục Vương 29
10. Tuyên cáo thành lập Phật giáo Cư sĩ lâm ở khu Kim Sa thuộc Nam Thông 33

IV. KỆ TỤNG, TÁN DƯƠNG, ĐỀ TỪ 37
1. Kệ viết trên bức tranh vẽ tháp tàng kinh Linh Nham của Phí Pha Long ở Ngô Giang 37
2. Kệ hồi hướng chung cho các thiện tín đã đóng góp tài lực lưu thông, xoay vần truyền bá, xem đọc bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ 39
3. Kệ hồi hướng kính vì các thiện tín đã thí tiền bạc và xoay vần truyền bá, xem đọc Quán Thế Âm Bồ-tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng 40
4. Kệ hồi hướng cho khắp những vị giúp in, đọc tụng, thọ trì, xoay vần lưu thông các bản kinh Phật 41
5. Kệ hồi hướng cho khắp những vị thiện tín bỏ tiền ấn tống, lưu truyền, thấy nghe, thọ trì, xoay vần lưu thông bản nghiên cứu "Người học Phật có nên ăn thịt hay không?" 42
6. Kệ đề trên vách quan phòng chùa Báo Quốc ở Tô Châu 42
7. Kệ hồi hướng lễ niệm Quán Âm Bồ-tát 43
8. Kệ viết về xá-lợi 43

9. Đề từ cho tác phẩm Ngọc Trụ Đại Sư Tâm Tích Tụng 44
10. Hoa Nghiêm Kinh Cảm Ứng Tụng 44
11. Tiêu Sơn Cát Đường Thượng Nhân Vãng Sanh Tụng 47
12. Bài tụng tặng cho các thiện tín thuộc Phật Quang xã 47
13. ài tụng tặng cho đại hội xã hữu của Phật Quang xã 48
14. Bài tụng nhân lễ khai mạc Cư sĩ lâm Bảo Sơn 49
15. Ca tụng đức hạnh cao đẹp của thái phu nhân Trình - mẹ ông Vương 51
16. Bài ca tụng sự quy Tây của thái phu nhân Vương - mẹ ông Trương 51
17. Bài tán chúc nguyện trong lễ đặt móng xây dựng điện Di-lặc mới của Linh Nham 52
18. Bài tán dương đề trên hình ảnh tỳ-kheo-ni Tiên Đức 52
19. Bài tán dương đề trên hình cư sĩ Cao Hạc Niên 52
20. Nêu lên những điểm chánh yếu của sách Sức Chung Tân Lương 53
21. Đề từ cho cuốn Nghi Thức Niệm Tụng Của Linh Nham Sơn Tự 54
22. Đề từ cho sách A-di-đà Kinh Bạch Thoại Giải Thích 55
23. Đề từ cho sách Quán Thế Âm Bồ-tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng 56

24. Đề từ cho An Sĩ Toàn Thư 61
25. Đề từ cho bản nghiên cứu "Người học Phật có nên ăn thịt hay chăng?" 64
26. Đề từ cho sách Ấn Quang Pháp Sư Gia Ngôn Lục (bài thứ nhất) 64
27. Đề từ cho sách Ấn Quang Pháp Sư Gia Ngôn Lục (bài thứ hai) 65
28. Đề từ cho sách Cảm Ứng Thiên Trực Giảng 66
29. Đề từ cho sách Âm Chất Văn Đồ Chứng 67
30. Đề từ cho bản in gộp chung tác phẩm Phóng Sanh Sát Sanh Hiện Báo Lục của tiên sinh Giang Thận Tu và bài văn khuyên kiêng giết phóng sanh của đại sư Liên Trì 68
31. Đề từ sách Thọ Khang Bảo Giám (bài thứ nhất) 70
32. Đề từ sách Thọ Khang Bảo Giám (bài thứ hai) 71
33. Đề từ cho sách Chánh Tín Lục của cư sĩ La Lưỡng Phong 72
34. Đề từ cho bộ Dương Phục Trai Thi Kệ Tục Tập 73
35. Đề từ cho bài tường thuật đại lược hành trạng ông Quách Tử Cố và người phối ngẫu đức hạnh là bà nhụ nhân Phùng ở huyện Định Tây, tỉnh Cam Túc 74
36. Đề từ kỷ niệm chuyện pháp sư Trần Không sáng lập liên xã 75
37. Đề từ cho tác phẩm Mạc Vương Trí Duệ Nữ Cư Sĩ Ai Văn Lục 76

38. Đề trên chiếc quạt có hình Vô Lượng Thọ Phật do cư sĩ Cao Hàng Sanh cất giữ 77
39. Thuận tay viết về niệm Phật 77

V. PHÁP NGỮ 79
1. Tịnh độ Pháp Môn Thuyết Yếu 79
2. Pháp ngữ khai thị sau cuộc chiến ở vùng Giang - Chiết 91
3. Năm đoạn khai thị 92
4. Pháp ngữ khai thị tại Tịnh nghiệp xã 95
5. Pháp ngữ khai thị tại Tố Thực Đồng Duyên Xã (hội cùng kết duyên ăn chay) ở Nam Kinh 105
6. Pháp ngữ khai thị tại Phật giáo Cư sĩ lâm Thế Giới 117
7. Pháp ngữ khai thị tại Phật giáo Cư sĩ lâm Thế Giới ngày lễ kỷ niệm đức Thích-ca thành đạo 127
8. Pháp ngữ khai thị nhân thánh đản đức Phật Thích-ca tại Phật giáo Cư sĩ lâm Thế Giới 137
9. Khai thị về niệm Phật tại chùa Pháp Tạng, Thượng Hải 140
10. Khai thị về quy củ đả thất tại Linh Nham 147

VI. SỚ 149
1. Sớ quyên mộ để chuộc cá, chuyển dời ao phóng sanh từ Tây Hồ sang nơi khác 149
2. Sớ thuật duyên khởi trùng hưng chùa Thọ Lượng ở Cám Châu 153

3. Sớ quyên mộ tu bổ đại điện thiền tự Hưng Giáo (tức Tiểu Vân Lâu) thuộc thôn Lâu Giang ngoài cửa phụ của huyện thành Thiệu Hưng 157
4. Sớ quyên mộ trai mễ suốt năm của chùa Vạn Thọ núi Đạo Tràng, Hồ Châu 159
5. Sớ quyên mộ tu bổ đại điện và liêu phòng tại các viện trong Nam Thiên Trúc Diễn Phước Tự, Hàng Châu 161
6. Sớ quyên mộ tu bổ đại điện của thiền viện Tức Lai núi Phổ Đà 162

VII. BẠT 165
1. Lời bạt cho tấm biển ngạch Hương Quang Trang Nghiêm 165
2. Lời bạt cho Tịnh Độ Ngũ Kinh 166
3. Lời bạt cho Ma-lợi-chi Thiên Đà-la-ni 168
4. Lời bạt cho Tịnh Độ Pháp Hội Khóa Nghi 169
5. Lời bạt cho sách Sức Chung Tân Lương 170
6. Lời bạt cho bài giảng giải ý nghĩa Tam Dư Đức đường 172
7. Lời bạt cho Kính Thứ Đường 173

VIII. NHỮNG BÀI VIẾT KHÁC 175
1. Những căn cứ để làm cho hết thảy mọi người niệm Phật được vãng sanh hay không vãng sanh 175
2. Biện định nhằm giải trừ mối nghi về chuyện vãng sanh Tây Phương của ông Trương Huệ Bính 178

3. Thông cáo tạ tuyệt trao đổi thư từ 182
4. Thông cáo khuyên khắp đồng bào toàn cầu cùng niệm thánh hiệu Quán Âm 183
5. Biện định sai ngoa trong lời tựa tác phẩm Bách Trượng Thanh Quy 184
6. Những nghĩa lý trọng yếu dành cho nghề thuốc và xem tướng 186
7. Những chuyện thoát nạn 187
8. Hậu thân của thi nhân Trương Vĩnh Phu 189
9. Trả lời câu hỏi giùm bạn của ông Đinh Phước Bảo 190
10. Lược truyện hòa thượng Pháp Tràng 190

IX. VẤN ĐÁP 205
1. Đáp lời hỏi của sư Thiện Huân 205
2. Đáp lời hỏi của hòa thượng Mộ Tây 209
3. Đáp lời hỏi của cư sĩ niệm Phật 212
4. Đáp lời hỏi của ông Trác Trí Lập 226
5. Đáp lời hỏi của cư sĩ Thôi Thụ Bình 235
6. Đáp lời hỏi của Huyễn Tu Học Nhân 239
7. Đáp lời hỏi của cư sĩ Chu Văn San 242
8. Đáp lời hỏi của cư sĩ Du Đại Tích 243
9. Đáp lời hỏi của cư sĩ Vương Tụng Bình 250
10. Đáp lời hỏi của cư sĩ Duyên Tịnh 253
11. Lời phê trên lá thư của cư sĩ niệm Phật 265
12. Kệ tu trì 270

X. VĂN SỚ **273**
1. Văn sớ dành cho Phật thất nhằm gieo phước cầu con 273
2. Văn sớ cầu siêu vong linh vãng sanh Tây Phương trong Phật thất 275
3. ăn sớ dùng trong Phật thất nhằm gieo phước, tăng thọ 277
4. Văn sớ dùng cho Phật thất sám hối phát nguyện 278
5. Văn sớ dùng trong buổi tụng kinh lễ Phật nhằm gieo phước, tăng thọ 279
6. Văn sớ dùng trong Phật thất nhằm gieo phước, tăng thọ 281
7. Điệp thỉnh và văn sớ cho pháp hội Phổ Lợi Thủy Lục 283
8. Văn sớ lễ bái kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm 285

XI. CÂU ĐỐI **287**
1. Câu đối ở cửa Tam Quan 287
2. Gác Di-lặc 288
3. Đại Hùng bảo điện 288
4. Địa Tạng điện 289
5. Quán Âm (hai bài) 289
6. Niệm Phật Đường (hai bài) 289
7. Tặng đại sư Pháp Không 290
8. Tặng cư sĩ Quách Giới Mai 290
9. Tặng cư sĩ Đới Địch Trần (hai bài) 291

XII. THƯỢNG HẢI HỘ QUỐC TỨC TAI PHÁP NGỮ **293**

1. Ngày thứ nhất: Giảng niệm Phật, ăn chay là căn bản để hộ quốc tức tai 293
2. Ngày thứ hai: Bàn về nhân quả báo ứng và sự giáo dục trong gia đình 300
3. Ngày thứ ba: Trần thuật nguyên lý nhân quả và nêu những sự thực để chứng minh 309
4. Ngày thứ tư: Giảng về nhân quả lớn lao để thành Phật và giải thích đại lược những nghĩa lý trọng yếu của Tứ Liệu Giản 320
5. Ngày thứ năm: Giải thích sơ lược về giáo nghĩa lục tức của tông Thiên Thai, kiêm giảng về ăn chay, phóng sanh 338
6. Ngày thứ sáu: Dùng chân đế và tục đế để phá trừ kiến chấp và trần thuật những chuyện linh cảm gần đây 348
7. Ngày thứ bảy: Giảng về tội đại vọng ngữ và những sự như đại hiếu trong nhà Phật, trí tri cách vật, thật thà niệm Phật v.v. 363
8. Ngày thứ tám: Pháp hội đã viên mãn, giảng tam quy, ngũ giới, thập thiện và các nghĩa lý trọng yếu dành cho người niệm Phật 376

XIII. PHÁP NGỮ KHAI THỊ KHI TỪ THƯỢNG HẢI VỀ ĐẾN LINH NHAM **387**

XIV. ĐỨC DỤC KHẢI MÔNG 411
1. Hiếu thảo với cha mẹ 411
2. Hòa thuận, yêu thương anh em 411
3. Kính thầy 411
4. Chọn bạn 412
5. Áo vải 412
6. Ăn chay 412
7. Tiếc chữ 412
8. Tiếc ngũ cốc 413
9. Tiếc thời gian 413
10. Trượng nghĩa 413
11. Thanh liêm 413
12. Biết thẹn 414
13. Tận trung 414
14. Thủ tín 414
15. Nhân từ 414
16. Không sát sanh 414
17. Không trộm cắp 415
18. Không tà dâm 415
19. Không nói dối 415
20. Không hút thuốc 415
21. Không uống rượu 416
22. Không cờ bạc 416
23. Đừng xa xỉ 416
24. Đừng ngạo mạn 416
25. Đừng ghen ghét 417
26. Đừng thiên kiến 417

27. Đừng nóng giận 417
28. Hỏi han đừng thẹn 417
XV. NHỮNG LỜI BẠT CỦA BỘ ẤN QUANG PHÁP SƯ VĂN SAO TAM BIÊN 419
1. Lời bạt thứ nhất 419
2. Lời bạt thứ hai 421
3. Lời bạt thứ ba 423

XVI. PHỤ LỤC 433
1. Trung Hưng Tịnh Tông Ấn Quang Đại Sư Hạnh Nghiệp ký 433
2. Thư trả lời cư sĩ Vương Tâm Trạm của pháp sư Hoằng Nhất 456
3. Pháp ngữ biệt lục 458

THAY LỜI KẾT & HỒI HƯỚNG 459

ẤN QUANG PHÁP SƯ VĂN SAO

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Địa chỉ: 65 Tràng Thi, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

*

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc Bùi Việt Bắc. Chịu trách nhiệm nội dung: Tổng biên tập Lý Bá Toàn. Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh. Thiết kế mỹ thuật: Trần Nguyên Hải - 0989100421. Sửa bản in: Minh Trí

*

Đối tác liên kết: Công ty TNHH NIP Production
Liên hệ ấn tống: 0989100421

*

In 2.000 cuốn, khổ 16cm x 24cm tại Xí nghiệp in, văn phòng phẩm, bao bì Fahasa.
Địa chỉ: Lô B26/II-B27/II Đường số 5 Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Tân, TP.HCM.
Số XNĐKXB: 2801-2025/CXBIPH/28-102/HĐ, ngày: 25/07/2025;
QĐXB: 406/QĐ-NXBHĐ, cấp ngày: 28/08/2025. In xong và nộp lưu chiểu: 2025

ISBN: 978-632-01-0064-4

9 786320 100644